|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH TUYÊN QUANG  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

***(Ban hành kèm theo Quyết định số: 946/QĐ-ĐHTTr ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chương trình:** | Kế toán (Accounting) |
| **Trình độ đào tạo:** | Đại học |
| **Ngành đào tạo:** | Kế toán |
| **Mã số:** | 7340301 |
| **Loại hình đào tạo:** | Chính quy |

**Năm 2024**

**Phần I**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH TUYÊN QUANG  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 946/QĐ-ĐHTT ngày 06 tháng 9 năm 2024*

*của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chương trình:** | Kế toán |
| **Trình độ đào tạo:** | Đại học |
| **Ngành đào tạo:** | Kế toán |
| **Mã số:** | 7340301 |
| **Loại hình đào tạo:** | Chính quy |

**1. Mục tiêu đào tạo**

- *Mục tiêu chung*: Đào tạo cử nhân ngành Kế toán theo định hướng thực hành; có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, yêu nghề, có trách nhiệm với xã hội; có kiến thức tổng quan về kinh tế và kiến thức chuyên sâu về kế toán, quản lý, kinh doanh; thực hiện thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn; thích ứng với yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong lĩnh vực kế toán – tài chính và phục vụ cộng đồng.

- *Mục tiêu cụ thể*

MT1: Có phẩm chất chính trị, có đạo đức và sức khỏe tốt, yêu nghề, năng động.

MT2: Có kiến thức nền tảng về kinh tế, kinh doanh, khoa học tự nhiên – xã hội để phục vụ lĩnh vực chuyên môn

MT3: Tích lũy kiến thức toàn diện để thực hiện công việc chuyên môn, trở thành doanh nhân, nhà quản lý trong các loại hình tổ chức, doanh nghiệp.

MT4: Có kỹ năng thực hành thành thạo các nghiệp vụ về kế toán, tài chính; có kỹ năng mềm phục vụ công việc chuyên môn và giải quyết các vấn đề thực tế trong công việc

MT5: Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và tự học tập suốt đời, nâng cao trình độ, phát triển nghề nghiệp và phục vụ cộng đồng.

**2. Chuẩn đầu ra ngành đào tạo**

Yêu cầu đạt được về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học sau khi tốt nghiệp:

| **Mã CĐR** | **Nội dung CĐR** |
| --- | --- |
| **Về kiến thức** | |
| CĐR 1 | Vận dụng những kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng – an ninh để thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước |
| CĐR 2 | Áp dụng những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội để đáp ứng yêu cầu của chuyên môn kế toán trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế. |
| CĐR 3 | Thực hiện tổ chức công tác kế toán dựa trên các nguyên tắc và quy định hiện hành. |
| CĐR 4 | Vận dụng các kiến thức về pháp luật kế toán, chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam, đạo đức và tôn chỉ nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu của công việc kế toán. |
| CĐR 5 | Phân tích tình hình tài chính, kế toán để phục vụ ra quyết định của nhà quản trị. |
| **Về kỹ năng** | |
| Kỹ năng cứng | |
| CĐR 6 | Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan đến hoạt động kế toán trong các đơn vị, tổ chức. |
| CĐR 7 | Vận dụng được kỹ năng tư duy, phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề trong việc nhận diện, phân loại, đo lường, ghi nhận, lập và phân tích báo cáo kế toán trong các đơn vị. |
| CĐR 8 | Áp dụng được các phương pháp nghiên cứu, tư duy, lập luận trong thực hiện nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực kế toán. |
| Kỹ năng mềm | |
| CĐR 9 | Vận dụng tốt kĩ năng thuyết trình, giao tiếp, làm việc độc lập, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và dẫn dắt khởi nghiệp trong lĩnh vực chuyên môn. |
| CĐR 10 | Đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (hoặc tương đương) và vận dụng được trong hoạt động chuyên môn; Đạt trình độ tin học Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (hoặc tương đương) và vận dụng được trong thực hành nghề nghiệp. |
| **Về mức độ tự chủ và trách nhiệm** | |
| CĐR 11 | Tuân thủ pháp luật, trách nhiệm công dân, vì lợi ích cộng đồng; tôn trọng nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp; có đủ sức khỏe để thực hiện và đáp ứng yêu cầu công việc trong bối cảnh toàn cầu hoá và cách mạng công nghiệp 4.0 |
| CĐR 12 | Làm việc độc lập, khoa học và hiệu quả khi tham gia các công việc trong lĩnh vực chuyên môn; có khả năng học tập suốt đời để đáp ứng sự thay đổi nhanh chóng của ngành kế toán trong bối cảnh toàn cầu hoá và cách mạng công nghiệp 4.0. |

**3. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kế toán, người học có thể đảm nhận những vị trí công việc sau:

- Vị trí nhân viên kế toán: đảm nhiệm các công việc tại các bộ phận kế toán tài chính, kế toán quản trị, kiểm toán nội bộ trong các loại hình doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức tài chính ngân hàng và phi ngân hàng….

- Nhân viên phân tích và tư vấn: Đảm nhiệm các công việc phân tích và tư vấn về kế toán, thuế, tài chính tại các công ty, doanh nghiệp và đặc biệt là các công ty cung cấp dịch vụ tư vấn kế toán, thuế, đầu tư và tài chính;

- Tự khởi nghiệp kinh doanh cho bản thân hoặc thành lập doanh nghiệp và vận hành hoạt động doanh nghiệp

**4. Khả năng phát triển và nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp trình độ đại học ngành Kế toán, người học có khả năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và có khả năng tiếp tục học liên thông ở ngành gần hoặc ở bậc học cao hơn.

**5. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

| **Các học phần trong CTĐT** | | **Chuẩn đầu ra** | | | | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Học phần** | **Kiến thức** | | | | | **Kĩ năng** | | | | | **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | |
| ***Cứng*** | | | ***Mềm*** | |
| **CĐR1** | **CĐR2** | **CĐR3** | **CĐR4** | **CĐR5** | **CĐR6** | **CĐR7** | **CĐR8** | **CĐR9** | **CĐR10** | **CĐR11** | **CĐR12** |
| **A. Kiến thức giáo dục đại cương** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **I. Lý luận chính trị** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| LL2.1.040.3 | Triết học Mác – Lênin | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| LL2.1.041.2 | Kinh tế chính trị Mác – Lênin | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| LL2.1.042.2 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| LL2.1.043.2 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| LL2.1.044.2 | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II. Ngoại ngữ** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| NN2.1.001.3 | Tiếng Anh 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |  |
| NN2.1.002.3 | Tiếng Anh 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |  |
| NN2.1.003.3 | Tiếng Anh 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |  |
| **III. Tin học** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| TN2.1.501.2 | Tin học đại cương |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |  |
| **IV. Khoa học tự nhiên, xã hội** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| TN2.1.114.3 | Toán cao cấp cho các nhà kinh tế |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| TN2.1.120.3 | Xác suất và thống kê A |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| LL2.1.007.2 | Pháp luật đại cương | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **V. Giáo dục thể chất** | | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **VI. Giáo dục Quốc phòng – An ninh** | | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **I. Kiến thức cơ sở ngành** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Bắt buộc | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| KT2.1.001.3 | Kinh tế vi mô |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |
| KT2.1.002.3 | Kinh tế vĩ mô |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |
| KT2.1.009.3 | Luật kinh tế |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| KT2.1.005.3 | Nguyên lý kế toán |  |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| KT2.1.007.3 | Nguyên lý thống kê |  |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |
| KT2.1.008.3 | Tài chính – Tiền tệ |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| KT2.1.046.3 | Phương pháp nghiên cứu kinh tế |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |  |  | 2 |
| ***Tự chọn (chọn 5 trong 16 tín chỉ)*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Tự chọn 1 (chọn 2 trong 10 tín chỉ)*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *KT2.1.003.2* | *Marketing căn bản* |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *XH2.1.055.2* | *Soạn thảo văn bản* |  | 2 |  |  |  | 1 |  |  |  |  | 1 |  |
| TN2.1.112.2 | *Mô hình toán kinh tế* |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *KT2.1.020.2* | *Kinh tế quốc tế* |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |  |
| *LL2.1.013.2* | *Lịch sử các học thuyết kinh tế* |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Tự chọn 2 (chọn 3 trong 6 tín chỉ)*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *KT2.1.011.3* | *Quản trị học* |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *KT2.1.006.3* | *Kinh tế lượng* |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |  |  |  |
| **II. Kiến thức ngành** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Bắt buộc | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| KT2.1.012.3 | Kế toán tài chính 1 |  |  |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| KT2.1.013.4 | Kế toán quản trị |  |  |  |  | 2 |  |  |  |  |  |  | 2 |
| KT2.1.014.4 | Kế toán tài chính 2 |  |  |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| KT2.1.172.3 | Tiếng Anh chuyên ngành kế toán |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |  |
| KT2.1.022.3 | Thuế Nhà nước |  |  |  | 2 |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| KT2.1.018.3 | Tài chính doanh nghiệp |  |  |  |  | 2 |  | 3 |  |  |  |  |  |
| ***Tự chọn (chọn 5 trong 13 tín chỉ)*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Tự chọn 1 (chọn 3 trong 9 tín chỉ)*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *KT2.1.004.3* | *Luật và chuẩn mực kế toán* |  |  |  | 2 |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| *KT2.1.032.3* | *Thanh toán quốc tế* |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |  |
| *KT2.1.138.3* | *Giao tiếp kinh doanh* |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |  |  |
| ***Tự chọn 2 (chọn 2 trong 4 tín chỉ)*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *KT2.1.015.2* | *Tài chính công* |  |  |  | 2 |  | 1 |  |  |  |  |  |  |
| *KT2.1.033.2* | *Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp* |  |  | 2 |  |  | 2 |  |  |  |  |  |  |
| **III. Kiến thức chuyên ngành** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Bắt buộc | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| KT2.1.024.3 | Kế toán hành chính sự nghiệp |  |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| KT2.1.040.3 | Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa |  |  | 2 |  |  | 2 |  |  |  |  |  |  |
| KT2.1.026.3 | Kế toán tài chính 3 |  |  |  | 2 |  | 2 |  |  |  |  |  |  |
| KT2.1.016.3 | Lý thuyết kiểm toán |  |  |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |
| KT2.1.148.3 | Khởi sự kinh doanh |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |  | 3 |
| KT2.1.029.3 | Phân tích hoạt động kinh doanh |  |  |  |  | 2 |  | 2 |  |  |  |  |  |
| KT2.1.030.3 | Kế toán máy (1TCLT;2TCTH) |  |  | 2 |  |  | 2 |  |  |  | 2 |  |  |
| KT2.1.036.3 | Thực hành kế toán doanh nghiệp (1 TC = 30 giờ) |  |  |  |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |
| KT2.1.037.3 | Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp (1 TC = 30 giờ) |  |  |  |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |
| ***Tự chọn (chọn 8 trong 16 tín chỉ)*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Tự chọn 1 (chọn 4 trong 8 tín chỉ)*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *TN2.1.505.2* | *Tin học ứng dụng trong kế toán* |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 3 |  |  |
| *KT2.1.034.2* | *Nghiệp vụ ngân hàng thương mại* |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *KT2.1.166.2* | *Kế toán doanh nghiệp xây dựng* |  |  | 2 |  |  | 2 |  |  |  |  |  |  |
| *KT2.1.023.2* | *Định giá tài sản* |  |  |  |  | 2 |  | 2 |  |  |  |  |  |
| ***Tự chọn 2: (chọn 4 trong 8 tín chỉ)*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *KT2.1.027.2* | *Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ* |  |  | 2 |  |  | 2 |  |  |  |  |  |  |
| *KT2.1.021.2* | *Thị trường chứng khoán* |  |  |  |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| *KT2.1.010.2* | *Hệ thống thông tin kế toán* |  |  | 2 |  |  |  | 2 |  |  |  |  |  |
| *KT2.1.159.2* | *Kỹ năng quản lý và làm việc nhóm* |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |  | 2 |
| **IV. Thực tập** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| KT2.1.119.4 | Thực tập 1 (Thực tập giáo trình) (1 TC = 50 giờ) |  |  |  |  |  | 2 |  |  | 2 |  |  | 3 |
| KT2.1.038.4 | Thực tập 2 (Thực tập tốt nghiệp) (1TC = 50 giờ) |  |  |  |  |  |  | 3 |  | 3 |  |  | 3 |
| **V. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Khóa luận tốt nghiệp:*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| KT2.1.039.6 | Khóa luận tốt nghiệp  (1TC = 50 giờ) |  |  |  |  |  |  | 3 |  | 3 |  |  | 3 |
| ***Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *KT2.1.041.2* | *Kế toán ngân hàng thương mại* |  |  | 2 |  |  | 2 |  |  |  |  |  |  |
| *KT2.1.153.2* | *Kế toán NSNN và NVKB* |  |  | 2 |  |  | 2 |  |  |  |  |  |  |
| *KT2.1.042.2* | *Kế toán quốc tế* |  |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |
| *KT2.1.043.2* | *Kế toán ngân sách và tài chính xã* |  |  | 2 |  |  | 2 |  |  |  |  |  |  |
| *KT2.1.028.2* | *Kiểm toán báo cáo tài chính* |  |  |  | 2 |  |  | 3 |  |  |  | 2 |  |
| *KT2.1.044.2* | *Quản trị tài chính doanh nghiệp* |  |  |  |  | 2 |  | 2 |  |  |  |  |  |
| *KT2.1.019.2* | *Kế toán thuế* |  |  |  | 2 |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |
| **Tổng số tín chỉ toàn khóa: tín chỉ**  (Không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh) | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***0= Không đóng góp; 1= Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

**6. Thời gian đào tạo:** 4 năm

**7. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh), trong đó

- Kiến thức giáo dục đại cương: 30 tín chỉ;

- Kiến thức cơ sở ngành: 26 tín chỉ;

- Kiến thức ngành: 25 tín chỉ;

- Kiến thức chuyên ngành: 35 tín chỉ;

- Thực tập: 8 tín chỉ;

- Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 6 tín chỉ.

**8. Chuẩn đầu vào:**

- Đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương, đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo đề án tuyển sinh hàng năm của Nhà trường.

- Phương thức tuyển sinh: theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

- Vùng tuyển sinh: cả nước.

**9. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:**

Theo chương II, chương và III chương IV, Quyết định 667/QĐ-ĐHTTr ngày 25/8/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào.

**10. Thang điểm**

Điều 14, Chương III, Quyết định 667/QĐ-ĐHTTr ngày 25/8/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào.

**11. Nội dung chương trình**

| **STT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **Số**  **tín chỉ** | **Số giờ tín chỉ** | | | | **Học phần tiên quyết** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lí thuyết** | **Bài tập, kiểm tra** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, KLTN** |
| **A. Kiến thức giáo dục đại cương** | | | **30** | **291** | **159** |  |  |  |
| **I. Lí luận Chính trị** | | | **11** | **137** | **28** |  |  |  |
| 1 | LL2.1.040.3 | Triết học Mác – Lênin | 3 | 43 | 2 |  |  |  |
| 2 | LL2.1.041.2 | Kinh tế chính trị Mác – Lênin | 2 | 25 | 5 |  |  | LL2.1.040.3 |
| 3 | LL2.1.042.2 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | 29 | 1 |  |  | LL2.1.041.2 |
| 4 | LL2.1.043.2 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | 25 | 5 |  |  | LL2.1.042.2 |
| 5 | LL2.1.044.2 | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam | 2 | 20 | 10 |  |  | LL2.1.043.2 |
| **II. Ngoại ngữ** | | | **9** | **66** | **69** |  |  |  |
| 6 | NN2.1.001.3 | Tiếng Anh 1 | 3 | 22 | 23 |  |  |  |
| 7 | NN2.1.002.3 | Tiếng Anh 2 | 3 | 22 | 23 |  |  | NN2.1.001.3 |
| 8 | NN2.1.003.3 | Tiếng Anh 3 | 3 | 22 | 23 |  |  | NN2.1.002.3 |
| **III. Tin học** | | | **2** | **15** | **15** |  |  |  |
| 9 | TN2.1.501.2 | Tin học đại cương | 2 | 15 | 15 |  |  |  |
| **IV. Khoa học tự nhiên, xã hội** | | | **8** | **73** | **47** |  |  |  |
| 10 | TN2.1.114.3 | Toán cao cấp cho các nhà kinh tế | 3 | 22 | 23 |  |  |  |
| 11 | TN2.1.120.3 | Xác suất và thống kê A | 3 | 22 | 23 |  |  | TN2.1.114.3 |
| 12 | LL2.1.007.2 | Pháp luật đại cương | 2 | 29 | 1 |  |  |  |
| **V. Giáo dục Thể chất** | | | **7** |  |  |  |  |  |
| ***Bắt buộc*** | | |  |  |  |  |  |  |
| 13 | TC2.1.001.2 | Giáo dục Thể chất 1 | 02 |  |  |  |  |  |
| ***Tự chọn 1 (chọn 1 trong 8 học phần)*** | | |  |  |  |  |  |  |
| 14 | TC2.1.002.3 | GD Thể chất 2 (Bóng đá 1) | *03* |  |  |  |  |  |
| 15 | TC2.1.003.3 | GD Thể chất 2 (Bóng bàn 1) | *03* |  |  |  |  |  |
| 16 | TC2.1.004.3 | GD Thể chất 2 (Bóng chuyền 1) | *03* |  |  |  |  |  |
| 17 | TC2.1.005.3 | GD Thể chất 2 (Cầu lông 1) | *03* |  |  |  |  |  |
| 18 | TC2.1.006.3 | GD Thể chất 2 (Võ thuật 1) | *03* |  |  |  |  |  |
| 19 | TC2.1.007.3 | GD Thể chất 2 (Điền kinh 1) | *03* |  |  |  |  |  |
| 20 | TC2.1.018.3 | GD Thể chất 2 (Bóng rổ 1) | *03* |  |  |  |  |  |
| 21 | TC2.1.020.3 | GD Thể chất 2 (Bơi lội 1) | *03* |  |  |  |  |  |
| ***Tự chọn 2 (chọn 1 trong 8 học phần)*** | | |  |  |  |  |  |  |
| 22 | TC2.1.008.2 | GD Thể chất 3 (Bóng đá 2) | *02* |  |  |  |  |  |
| 23 | TC2.1.009.2 | GD Thể chất 3 (Bóng bàn 2) | *02* |  |  |  |  |  |
| 24 | TC2.1.010.2 | GD Thể chất 3 (Bóng chuyền 2) | *02* |  |  |  |  |  |
| 25 | TC2.1.011.2 | GD Thể chất 3 (Cầu lông 2) | *02* |  |  |  |  |  |
| 26 | TC2.1.012.2 | GD Thể chất 3 (Võ thuật 2) | *02* |  |  |  |  |  |
| 27 | TC2.1.013.2 | GD Thể chất 3 (Điền kinh 2) | *02* |  |  |  |  |  |
| 28 | TC2.1.019.2 | GD Thể chất 3 (Bóng rổ 2) | *02* |  |  |  |  |  |
| 29 | TC2.1.021.2 | GD Thể chất 3 (Bơi lội 2) | *02* |  |  |  |  |  |
| **VI. Giáo dục Quốc phòng – An ninh** | | | **9** |  |  |  |  |  |
| 30 | TC2.1.014.3 | QDQP – An ninh 1 | 03 |  |  |  |  |  |
| 31 | TC2.1.015.2 | QDQP – An ninh 2 | 02 |  |  |  |  |  |
| 32 | TC2.1.016.2 | QDQP – An ninh 3 | 02 |  |  |  |  |  |
| 33 | TC2.1.017.2 | QDQP – An ninh 4 | 02 |  |  |  |  |  |
| **B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp** | | | **100** | **780** | **480** | **240** | **700** |  |
| **I. Kiến thức cơ sở của ngành** | | | **26** | **255** | **135** |  |  |  |
| ***Bắt buộc*** | | | ***21*** | ***210*** | ***105*** |  |  |  |
| 34 | KT2.1.001.3 | Kinh tế vi mô | 3 | 30 | 15 |  |  |  |
| 35 | KT2.1.002.3 | Kinh tế vĩ mô | 3 | 30 | 15 |  |  |  |
| 36 | KT2.1.009.3 | Luật kinh tế | 3 | 30 | 15 |  |  |  |
| 37 | KT2.1.005.3 | Nguyên lý kế toán | 3 | 30 | 15 |  |  |  |
| 38 | KT2.1.007.3 | Nguyên lý thống kê | 3 | 30 | 15 |  |  |  |
| 39 | KT2.1.008.3 | Tài chính – Tiền tệ | 3 | 30 | 15 |  |  |  |
| 40 | KT2.1.046.3 | Phương pháp nghiên cứu kinh tế | *3* | 30 | 15 |  |  |  |
| ***Tự chọn (chọn 5 trong 16 tín chỉ)*** | | | ***5*** | ***45*** | ***30*** |  |  |  |
| ***Tự chọn 1 (chọn 2 trong 10 tín chỉ)*** | | |  |  |  |  |  |  |
| *41* | *KT2.1.003.2* | *Marketing căn bản* | *2* | *15* | *15* |  |  |  |
| *42* | *XH2.1.055.2* | *Soạn thảo văn bản* | *2* | *15* | *15* |  |  |  |
| *43* | TN2.1.112.2 | *Mô hình toán kinh tế* | *2* | *15* | *15* |  |  |  |
| *44* | *KT2.1.020.2* | *Kinh tế quốc tế* | *2* | *15* | *15* |  |  |  |
| *45* | *LL2.1.013.2* | *Lịch sử các học thuyết kinh tế* | *2* | *15* | *15* |  |  | LL2.1.042.2 |
| ***Tự chọn 2 (chọn 3 trong 6 tín chỉ)*** | | |  |  |  |  |  |  |
| *46* | *KT2.1.011.3* | *Quản trị học* | *3* | *30* | *15* |  |  |  |
| *47* | *KT2.1.006.3* | *Kinh tế lượng* | *3* | *30* | *15* |  |  |  |
| **II. Kiến thức ngành** | | | **25** | **225** | **150** |  |  |  |
| ***Bắt buộc*** | | | ***20*** | ***180*** | ***120*** |  |  |  |
| 48 | KT2.1.012.3 | Kế toán tài chính 1 | 3 | 30 | 15 |  |  | KT2.1.005.3 |
| 49 | KT2.1.013.4 | Kế toán quản trị | 4 | 30 | 30 |  |  | KT2.1.005.3 |
| 50 | KT2.1.014.4 | Kế toán tài chính 2 | 4 | 30 | 30 |  |  | KT2.1.005.3 |
| 51 | KT2.1.172.3 | Tiếng Anh chuyên ngành kế toán | 3 | 30 | 15 |  |  |  |
| 52 | KT2.1.022.3 | Thuế Nhà nước | 3 | 30 | 15 |  |  |  |
| 53 | KT2.1.018.3 | Tài chính doanh nghiệp | 3 | 30 | 15 |  |  | KT2.1.008.3 |
| ***Tự chọn (chọn 5 trong 13 tín chỉ)*** | | | ***5*** | ***45*** | ***30*** |  |  |  |
| ***Tự chọn 1(chọn 3 trong 9 tín chỉ)*** | | |  |  |  |  |  |  |
| *54* | *KT2.1.004.3* | *Luật và chuẩn mực kế toán* | *3* | *30* | *15* |  |  |  |
| *55* | *KT2.1.032.3* | *Thanh toán quốc tế* | *3* | *30* | *15* |  |  |  |
| *56* | *KT2.1.138.3* | *Giao tiếp trong kinh doanh* | *3* | *30* | *15* |  |  |  |
| ***Tự chọn 2 (chọn 2 trong 4 tín chỉ)*** | | |  |  |  |  |  |  |
| *57* | *KT2.1.015.2* | *Tài chính công* | *2* | *15* | *15* |  |  |  |
| 58 | *KT2.1.033.2* | *Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp* | *2* | *15* | *15* |  |  | KT2.1.005.3 |
| **III. Kiến thức chuyên ngành** | | | **35** | **255** | **150** | **240** |  |  |
| ***Bắt buộc*** | | | ***27*** | ***195*** | ***90*** | **240** |  |  |
| 69 | KT2.1.024.3 | Kế toán hành chính sự nghiệp | 3 | 30 | 15 |  |  | KT2.1.005.3 |
| 60 | KT2.1.040.3 | Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa | 3 | 30 | 15 |  |  | KT2.1.005.3 |
| 61 | KT2.1.026.3 | Kế toán tài chính 3 | 3 | 30 | 15 |  |  | KT2.1.005.3 |
| 62 | KT2.1.016.3 | Lý thuyết kiểm toán | 3 | 30 | 15 |  |  | KT2.1.005.3 |
| 63 | KT2.1.148.3 | Khởi sự kinh doanh | 3 | 30 | 15 |  |  |  |
| 64 | KT2.1.029.3 | Phân tích hoạt động kinh doanh | 3 | 30 | 15 |  |  |  |
| 65 | KT2.1.030.3 | Kế toán máy (1TCLT;2TCTH) | 3 | 15 |  | 60 |  | KT2.1.005.3 |
| 66 | KT2.1.036.3 | Thực hành kế toán doanh nghiệp (1 TC = 30 giờ) | 3 |  |  | 90 |  | KT2.1.005.3 |
| 67 | KT2.1.037.3 | Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp (1 TC = 30 giờ) | 3 |  |  | 90 |  | KT2.1.024.3 |
| ***Tự chọn (chọn 8 trong 16 tín chỉ)*** | | | ***8*** | ***60*** | ***60*** |  |  |  |
| ***Tự chọn 1 (chọn 4 trong 8 tín chỉ)*** | | |  |  |  |  |  |  |
| 68 | *TN2.1.505.2* | *Tin học ứng dụng trong kế toán* | *2* | *15* | *15* |  |  |  |
| 69 | *KT2.1.034.2* | *Nghiệp vụ ngân hàng thương mại* | *2* | *15* | *15* |  |  |  |
| 70 | *KT2.1.166.2* | *Kế toán doanh nghiệp xây dựng* | *2* | *15* | *15* |  |  | KT2.1.005.3 |
| *71* | *KT2.1.023.2* | *Định giá tài sản* | *2* | *15* | *15* |  |  |  |
| ***Tự chọn 2 (chọn 4 trong 8 tín chỉ)*** | | |  |  |  |  |  |  |
| *72* | *KT2.1.027.2* | *Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ* | *2* | 15 | 15 |  |  | KT2.1.005.3 |
| 73 | *KT2.1.021.2* | *Thị trường chứng khoán* | *2* | 15 | 15 |  |  |  |
| 74 | *KT2.1.010.2* | *Hệ thống thông tin kế toán* | *2* | *15* | *15* |  |  | KT2.1.005.3 |
| 75 | *KT2.1.159.2* | *Kỹ năng quản lý và làm việc nhóm* | *2* | *15* | *15* |  |  |  |
| **IV. Thực tập** | | | **8** |  |  |  | **400** |  |
| 76 | KT2.1.119.4 | Thực tập 1 (Thực tập giáo trình) (1 TC = 50 giờ) | 4 |  |  |  | 200 | KT2.1.005.3 |
| 77 | KT2.1.038.4 | Thực tập 2 (Thực tập tốt nghiệp) (1TC = 50 giờ) | 4 |  |  |  | 200 | KT2.1.119.4 |
| **V. Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp** | | | ***6*** |  |  |  | **300** |  |
| ***Khóa luận tốt nghiệp*** | | | |  |  |  |  |  |
| 78 | KT2.1.039.6 | Khóa luận tốt nghiệp  (1TC = 50 giờ) | 6 |  |  |  | 300 | KT2.1.038.4 |
| ***Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp***  (chọn 6 trong 14 tín chỉ) | | | ***6*** | ***45*** | ***45*** |  |  |  |
| 79 | *KT2.1.041.2* | *Kế toán ngân hàng thương mại* | *2* | *15* | *15* |  |  | KT2.1.005.3 |
| 80 | *KT2.1.153.2* | *Kế toán NSNN và NVKB* | *2* | *15* | *15* |  |  | KT2.1.005.3 |
| 81 | *KT2.1.042.2* | *Kế toán quốc tế* | *2* | *15* | *15* |  |  | KT2.1.005.3 |
| 82 | *KT2.1.043.2* | *Kế toán ngân sách và tài chính xã* | *2* | *15* | *15* |  |  | KT2.1.005.3 |
| 83 | *KT2.1.028.2* | *Kiểm toán báo cáo tài chính* | *2* | *15* | *15* |  |  | KT2.1.016.3 |
| 84 | *KT2.1.044.2* | *Quản trị tài chính doanh nghiệp* | *2* | *15* | *15* |  |  |  |
| 85 | *KT2.1.019.2* | *Kế toán thuế* | *2* | *15* | *15* |  |  | KT2.1.022.3 |
| **Tổng số tín chỉ toàn khóa**  (Không tính Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh) | | | **130** | **1.071** | **639** | **240** | **700** |  |

**12. Kế hoạch giảng dạy *(dự kiến)***

| **Số TT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Điều kiện tiên quyết** | **Số TC** | **Học kỳ** | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| 1 | LL2.1.040.3 | Triết học Mác - Lênin |  | 3 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | NN2.1.001.3 | Tiếng Anh 1 |  | 3 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | TN2.1.114.3 | Toán cao cấp cho các nhà kinh tế |  | 3 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | LL2.1.007.2 | Pháp luật đại cương |  | 2 | 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | KT2.1.001.3 | Kinh tế vi mô |  | 3 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | TN2.1.501.2 | Tin học đại cương |  | 2 | 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | *TC2.1.001.2* | *Giáo dục Thể chất 1* |  | *2* | *2\** |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 | *QDQP – An ninh* | |  | *9* | *9\** |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 | LL2.1.041.2 | Kinh tế chính trị Mác – Lênin | LL2.1.040.3 | 2 |  | 2 |  |  |  |  |  |  |
| 10 | NN2.1.002.3 | Tiếng Anh 2 | NN2.1.001.3 | 3 |  | 3 |  |  |  |  |  |  |
| 11 | TN2.1.120.3 | Xác suất và thống kế A | TN2.1.114.3 | 3 |  | 3 |  |  |  |  |  |  |
| 12 | KT2.1.005.3 | Nguyên lý kế toán |  | 3 |  | 3 |  |  |  |  |  |  |
| 13 | KT2.1.008.3 | Tài chính – Tiền tệ |  | 3 |  | 3 |  |  |  |  |  |  |
| 14 | KT2.1.046.3 | Phương pháp nghiên cứu kinh tế |  | 3 |  | 3 |  |  |  |  |  |  |
| 15 | *Tự chọn kiến thức cơ sở ngành (02TC)* | |  | 2 |  | 2 |  |  |  |  |  |  |
| 16 | *GD Thể chất 2 (Tự chọn 1 trong 8 học phần)* | | TC2.1.001.2 | *3* |  | *3\** |  |  |  |  |  |  |
| 17 | LL2.1.042.2 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | LL2.1.041.2 | 2 |  |  | 2 |  |  |  |  |  |
| 19 | NN2.1.003.3 | Tiếng Anh 3 | NN2.1.002.3 | 3 |  |  | 3 |  |  |  |  |  |
| 20 | KT2.1.002.3 | Kinh tế vĩ mô |  | 3 |  |  | 3 |  |  |  |  |  |
| 21 | KT2.1.007.3 | Nguyên lý thống kê |  | 3 |  |  | 3 |  |  |  |  |  |
| 22 | KT2.1.012.3 | Kế toán tài chính 1 | KT2.1.005.3 | 3 |  |  | 3 |  |  |  |  |  |
| 23 | KT2.1.022.3 | Thuế Nhà nước |  | 3 |  |  | 3 |  |  |  |  |  |
| 24 | *Tự chọn kiến thức cơ sở ngành (03TC)* | |  | 3 |  |  | *3* |  |  |  |  |  |
| 25 | *GD Thể chất 3 (Tự chọn 1 trong 8 học phần)* | | TC2.1.002.3 | 2 |  |  | *2* |  |  |  |  |  |
| 26 | LL2.1.043.2 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | LL2.1.042.2 | 2 |  |  |  | 2 |  |  |  |  |
| 27 | KT2.1.009.3 | Luật kinh tế |  | 3 |  |  |  | 3 |  |  |  |  |
| 28 | KT2.1.014.4 | Kế toán tài chính 2 | KT2.1.005.3 | 4 |  |  |  | 4 |  |  |  |  |
| 29 | KT2.1.013.4 | Kế toán quản trị | KT2.1.005.3 | 4 |  |  |  | 4 |  |  |  |  |
| 30 | KT2.1.172.3 | Tiếng Anh chuyên ngành kế toán |  | 3 |  |  |  | 3 |  |  |  |  |
| 31 | KT2.1.018.3 | Tài chính doanh nghiệp | KT2.1.008.3 | 3 |  |  |  | 3 |  |  |  |  |
| 32 | LL2.1.044.2 | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam | LL2.1.043.2 | 2 |  |  |  |  | 2 |  |  |  |
| 33 | KT2.1.040.3 | Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa | KT2.1.005.3 | 3 |  |  |  |  | 3 |  |  |  |
| 34 | KT2.1.026.3 | Kế toán tài chính 3 | KT2.1.005.3 | 3 |  |  |  |  | 3 |  |  |  |
| 35 | KT2.1.024.3 | Kế toán hành chính sự nghiệp | KT2.1.005.3 | 3 |  |  |  |  | 3 |  |  |  |
| 36 | KT2.1.036.3 | Thực hành kế toán doanh nghiệp  (1 TC = 30 giờ) | KT2.1.005.3 | 3 |  |  |  |  | 3 |  |  |  |
| 37 | KT2.1.119.4 | Thực tập 1 (Thực tập giáo trình) (1 TC = 50 giờ) | KT2.1.005.3 | 4 |  |  |  |  |  | 4 |  |  |
| 38 | KT2.1.016.3 | Lý thuyết kiểm toán | KT2.1.005.3 | 3 |  |  |  |  |  | 3 |  |  |
| 39 | *Tự chọn kiến thức ngành (02TC)* | |  | *2* |  |  |  |  |  | *2* |  |  |
| 40 | *Tự chọn kiến thức ngành (03TC)* | |  | *3* |  |  |  |  |  | *3* |  |  |
| 41 | KT2.1.030.3 | Kế toán máy  (1TCLT; 2TCTH) | KT2.1.005.3 | 3 |  |  |  |  |  | 3 |  |  |
| 42 | KT2.1.029.3 | Phân tích hoạt động kinh doanh |  | 3 |  |  |  |  |  |  | 3 |  |
| 43 | KT2.1.148.3 | Khởi sự kinh doanh |  | 3 |  |  |  |  |  |  | 3 |  |
| 44 | *Tự chọn kiến thức chuyên ngành 1 (04TC)* | |  | 4 |  |  |  |  |  |  | 4 |  |
| 45 | *Tự chọn kiến thức chuyên ngành 2 (04TC)* | |  | 4 |  |  |  |  |  |  | 4 |  |
| 46 | KT2.1.037.3 | Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp (1 TC = 30 giờ) | KT2.1.024.3 | 3 |  |  |  |  |  |  | 3 |  |
| 47 | KT2.1.038.4 | Thực tập 2 (Thực tập tốt nghiệp) (1TC = 50 giờ) | KT2.1.119.4 | 4 |  |  |  |  |  |  |  | 4 |
| 48 | KT2.1.039.6 | Khóa luận tốt nghiệp  (1TC = 50 giờ) | KT2.1.038.4 | 6 |  |  |  |  |  |  |  | 6 |
|  | ***Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (chọn 6 trong 14 tín chỉ)*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ***6*** |
| 49 | *KT2.1.041.2* | *Kế toán ngân hàng thương mại* | KT2.1.005.3 | *2* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 50 | *KT2.1.153.2* | *Kế toán ngân sách nhà nước và nghiệp vụ kho bạc* | KT2.1.005.3 | *2* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 51 | *KT2.1.042.2* | *Kế toán quốc tế* | KT2.1.005.3 | *2* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 52 | *KT2.1.043.2* | *Kế toán ngân sách và tài chính xã* | KT2.1.005.3 | *2* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 53 | *KT2.1.028.2* | *Kiểm toán báo cáo tài chính* | KT2.1.016.3 | *2* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 54 | *KT2.1.044.2* | *Quản trị tài chính doanh nghiệp* |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 55 | *KT2.1.019.2* | *Kế toán thuế* | KT2.1.022.3 | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Cộng** *(không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh)* | | | | **130** | **16** | **19** | **20** | **19** | **14** | **15** | **17** | **10** |

**13. Bản đồ chương trình dạy học**

**Nguyên lý kế toán**

KT2.1.005.3

**Tài chính tiền tệ**

KT2.1.008.3

**KT DN nhỏ và vừa**

KT2.1.040.3

**Thực hành KTDN**

KT2.1.036.3

**KTTC 3**

KT2.1.026.3

**Tự chọn ngành**

(3tc)

**Lý thuyết kiểm toán**

KT2.1.016.3

**Kế toán máy**

KT2.1.030.3

**KT HCSN**

KT2.1.024.3

**Phân tích HĐKD**

KT2.1.029.3

**Tự chọn CN 1**

(4tc)

**Khóa luận TN/ TcHP thay thế KLTN**

**Thực tập 2**

KT2.1.038.4

**Thực hành KTHCSN**

KT2.1.037.3

**KTTC 1**

KT2.1.012.3

**Nguyên lý thống kê**

KT2.1.007.3

**Thuế Nhà nước**

KT2.1.022.3

**Tự chọn CS ngành**

(3tc)

**KTTC 2**

KT2.1.014.4

**Kế toán quản trị**

KT2.1.013.4

**Tài chính DN**

KT2.018.3

**Luật kinh tế**

KT2.1.004.3

**GDTC 1**

TC2.1.001.2

**Tự chọn 1**

**hp**

TcGDTC 3

**Tự chọn 1**

**hp**

TcGDTC 2

**GDQP-AN**

**PPNC kinh tế**

KT2.1.046.3

**Kinh tế vĩ mô**

KT2.1.002.3

**Tiếng Anh 1**

NN2.1.001.3

**Triết học**

**Mác-Lenin**

LL2.1.040.3

**Tin học đại cương**

TN2.1.501.2

**Pháp luật đại cương**

LL2.1.007.3

**Toán CC cho các nhà kinh tế**

TN2.1.114.3

**Kinh tế vi mô**

KT2.1.001.3

**Xác xuất và thống kê A**

TN2.1.120.3

**Tự chọn CS ngành**

(2tc)

**Tiếng Anh 2**

NN2.1.002.3

**KTCT Mác- Lênin**

LL2.1.041.2

**CNXH khoa học**

LL2.1.042.2

**Tiếng Anh 3**

NN2.1.003.3

**Tiếng anh CN**

KT2.1.172.3

**Tư tưởng HCM**

LL2.1.043.2

**Lịch sử ĐCSVN**

LL2.1.044.2

**Tự chọn ngành**

(2tc)

**Khởi sự kinh doanh**

KT2.1.148.3

**Thực tập 1**

KT2.1.119.4

HK I: 16tc

HK III: 20tc

HK II: 19tc

HK V: 14tc

HK IV: 19tc

HK VI: 15tc

HK VIII: 10tc

HK VII: 17tc

**Tự chọn CN 2**

(4tc)

**14. Mô tả các học phần**

**14.1. Triết học Mác – Lênin (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội; Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm những vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

**14.2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lê nin

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về Kinh tế chính trị Mác – Lê nin như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

**14.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học như: sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân, liên minh giai cấp, cách mạng xã hội chủ nghĩa, những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội để từ đó người học có lý luận, phương pháp luận đánh giá được thực tiễn chủ nghĩa xã hội trên thế giới và trong nước.

**14.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức, con người.

**14.5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành tựu, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng.

**14.6. Tiếng Anh 1 (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về thì qúa khứ đơn, hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, trạng từ tần xuất; cấu trúc Be going to, mẫu câu hỏi, động từ khuyết thiếu can/ have to/ must và các chủ đề: Kỳ nghỉ và ngày cuối tuần, thông tin cá nhân, thời gian rảnh rỗi, người bạn thân nhất; công việc; sở thích cá nhân, kế hoạch trong tương lai, hỏi và trả lời qua điện thoại, thảo luận và đưa ra lời khuyên cho người học ngôn ngữ, nói về năng khiếu và quy tắc trong trường học, mô tả về khả năng của bản thân bằng Tiếng Anh.

**14.7. Tiếng Anh 2 (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về thì hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, thói quen trong quá khứ, các mệnh đề quan hệ; Mô tả, nêu ý kiến về giao thông, du lịch, sức khỏe, thực phẩm và tiền tệ bằng Tiếng Anh.

**14.8. Tiếng Anh 3 (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2

Học phần tập trung phát triển khả năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề thường gặp như tự nhiên, xã hội, công nghệ và giải trí; nâng cao khả năng mô tả, thảo luận, và đưa ra các quan điểm cá nhân về các vấn đề thường gặp trong cuộc sống.

**14.9. Toán cao cấp cho các nhà kinh tế (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm các kiến thức về : Không gian vectơ số học n chiều, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, phép tính vi phân và tích phân của hàm số, phương trình vi phân.

**14.10. Xác suất và thống kê A (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp cho các nhà kinh tế

Học phần này bao gồm các kiến thức về : Đại số tổ hợp, phép thử và biến cố, các định nghĩa và công thức của xác suất, biến ngẫu nhiên và các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, một số phân phối xác suất thông dụng, lí thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thiết

**14.11. Tin học đại cương (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm ứng dụng Microsoft Office (biết tạo và xử lý văn bản bằng phần mềm MS Word, tạo và xử lý bảng tính MS Excel, thiết kế trang trình diễn với phần mềm PowerPoint) và mạng máy tính, Internet.

**14.12. Pháp luật đại cương (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - lênin

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về nhà nước, pháp luật, nhà nước và pháp luật nước CHXHCN Việt Nam; pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự; pháp luật lao động, pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự; pháp luật hành chính và pháp luật tố tụng hành chính; pháp luật về phòng, chống tham nhũng

**14.13. Giáo dục thể chất (7TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lí luận và phương pháp giáo dục thể chất; một số kiến thức cơ bản về Y - Sinh học Thể dục, thể thao; chạy cự li ngắn; cự li trung bình; những động tác, kỹ thuật cơ bản của môn thể thao (Bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, võ thuật, bơi lội), đặc điểm, ý nghĩa tác dụng của GDTC đối với người tập luyện; hiểu được một số điều luật cơ bản, chiến thuật đơn giản trong các môn thể thao, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài ...Nhằm phát triển con người toàn diện ( Đức – Trí – Thể - Mỹ )

**14.14. Giáo dục quốc phòng (9TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố Quốc phòng - An ninh; nghệ thuật quân sự Việt Nam; những kiến thức cơ bản về phòng chống chiến lược "*Diễn biến hòa bình*", “*Bạo loạn lật đổ*” của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam. Luyện tập cho người học những kiến thức cơ bản về đội ngũ đơn vị và 3 môn quân sự phối hợp; sử dụng bản đồ địa hình quân sự; giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; từng người trong chiến đấu tấn công và phòng ngự; kĩ thuật bắn súng tiểu liên AK.

**14.15. Kinh tế vi mô (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp các kiến thức bao gồm các nội dung: khái quát về kinh tế học, lý thuyết cầu - cung, độ co giãn, lý thuyết lợi ích, sản xuất - chi phí - lợi nhuận, cấu trúc thị trường, thị trường lao động và những thất bại của thị trường

**14.16. Kinh tế vĩ mô (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề khái quát của nền kinh tế vĩ mô, đo lường các biến số kinh tế vĩ mô quan trọng và tăng trưởng kinh tế; xây dựng và phân tích các mô hình kinh tế nhằm giải thích các biến động kinh tế trong ngắn hạn, sự vận động của nền kinh tế trong dài hạn và các vấn đề của nền kinh tế mở

**14.17. Luật kinh tế (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Luật kinh tế cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Môi trường pháp lý cho hoạt động kinh doanh, quy chế pháp lý chung về thành lập, tổ chức quản lý hoạt động, giải thể, phá sản đối với các loại hình kinh doanh. Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại bằng các hình thức chủ yếu tại Việt Nam.

**14.18. Nguyên lý kế toán (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần nghiên cứu những nội dung lý thuyết cơ bản về hạch toán kế toán như: Bản chất, chức năng, vai trò, nguyên tắc, chuẩn mực của hạch toán kế toán. Phân loại tài sản theo kết cấu vốn và nguồn hình thành tài sản; Hệ thống các phương pháp chuyên môn của kế toán; sổ kế toán và các hình thức kế toán; báo cáo kế toán; hình thức tổ chức bộ máy kế toán hiện nay đang áp dụng trong các loại hình doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp.

**14.19. Nguyên lý thống kê (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu các kiến thức cơ bản về thống kê như một số khái niệm về thống kê và các khái niệm thường dùng trong thống kê, các giai đoạn chính của quá trình nghiên cứu thống kê, các phương pháp phân tích thống kê thường dùng. Bên cạnh đó, trong quá trình học người học biết vận dụng các hình thức tiến hành điều tra, thu thập thông tin, các bước tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin bằng việc sử dụng phương pháp phân tích thống kê khác nhau như: thống kê mô tả, phân tích sự biến động của hiện tượng. Từ đó tính toán được các chỉ tiêu kinh tế cơ bản để nhận thức được chính xác hiện tượng kinh tế xã hội từ đó đưa ra những quyết định phù hợp và chính xác trong quản lý

**14.20. Tài chính – Tiền tệ (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lý thuyết tài chính – tiền tệ như nguồn gốc, bản chất, các chức năng của tài chính – tiền tệ. Giới thiệu hệ thống tài chính Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, chính sách tiền tệ trong nền kinh tế đóng và mở, các ngân hàng và tổ chức tài chính. Ngoài ra, học phần còn đề cập đến các vấn đề như lãi suất, lạm phát,...

**14.21. Phương pháp nghiên cứu kinh tế (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những nội dung cơ bản như: Tổng quan về phương pháp nghiên cứu khoa học; Thiết kế nghiên cứu và mô hình nghiên cứu; Phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng trong nghiên cứu khoa học; Ngoài ra người học cũng được trang bị các kiến thức, kỹ năng và thực hành viết và thuyết trình báo cáo nghiên cứu khoa học

**14.22. Marketing căn bản (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nghiên cứu các vấn đề cơ bản về các nguyên lý hoạt động Marketing và việc vận dụng vào thực tế kinh doanh; các khái niệm về Marketing; công tác nghiên cứu thị trường và hành vi người tiêu dùng; xây dựng chiến lược, kế hoạch, tổ chức và kiểm tra Marketing; nghiên cứu chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược phân phối và hoạt động truyền thông Marketing.

**14.23. Soạn thảo văn bản (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những kiến thức về văn bản quản lí hành chính nhà nước: kĩ thuật soạn thảo các loại văn bản quản lí hành chính nhà nước và rèn luyện kĩ năng soạn thảo, tạo lập các loại văn bản quản lí hành chính nhà nước thông thường.

**14.24. Mô hình toán kinh tế (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm các kiến thức về: Mô hình cân đối liên ngành, mô hình tối ưu tuyến tính, bài toán quy hoạch tuyến tính.

**14.25. Kinh tế quốc tế (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nghiên cứu về các vấn đề cơ bản của quan hệ kinh tế quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, đặc biệt là thương mại quốc tế và đầu tư quốc tế.

**14.26. Lịch sử các học thuyết kinh tế (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Học phần Lịch sử các học thuyết kinh tế bao gồm các nội dung cơ bản về hệ thống các quan điểm, lý luận kinh tế của các đại biểu tiêu biểu trong học thuyết kinh tế chính trị tư sản cổ điển; học thuyết kinh tế của các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng ở Tây âu thế kỷ XIX; kinh tế chính trị học Mác- Lênin; học thuyết kinh tế tư sản hiện đại.

**14.27. Quản trị học (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị học và các chức năng quản trị như: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra. Truyền đạt thông tin và ra quyết định của các nhà quản trị trong tổ chức

**14.28. Kinh tế lượng (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh hồi quy một phương trình, cách phân tích đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như về kinh tế của mô hình, cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng cơ sở dữ liệu của Việt Nam.

**14.29. Kế toán tài chính 1 (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần nghiên cứu những nội dung kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ chuyên ngành thuộc các phần hành kế toán: tổng quan về kế toán tài chính, kế toán vốn bằng tiền; kế toán vật tư, sản phẩm, hàng hóa; kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp. Trong từng phần hành kế toán, người học cần nắm được các quy định hạch toán; nội dung, kết cấu tài khoản sử dụng; phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế liên quan.

**14.30. Kế toán quản trị (4TC)**

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần Kế toán quản trị tập trung nghiên cứu các nội dung cơ bản về: Quá trình hình thành và phát triển của kế toán quản trị doanh nghiệp, Đối tượng và phương pháp của kế toán quản trị doanh nghiệp, Kế toán quản trị chi phí giá thành, định giá bản sản phẩm, kế toán quản trị doanh thu và kết quả kinh doanh, mối quan hệ chi phí khối lượng - lợi nhuận, kế toán quản trị trong việc ra quyết định ngắn hạn, dự toán sản xuất, kinh doanh và phân tích chi phi kinh doanh, Kế toán quản trị cho việc đánh giá trách nhiệm quản lý, Kế toán quản trị chiến lược, Tổ chức kế toán quản trị trong doanh nghiệp.

**14.31. Kế toán tài chính 2 (4TC)**

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần tập trung nghiên cứu nguyên tắc và phương pháp hạch toán kế toán, chứng từ và tài khoản sử dụng theo quy định của chế độ kế toán hiện hành trong kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

**14.32. Lý thuyết kiểm toán (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản về hoạt động kiểm toán: Bản chất và chức năng của kiểm toán; các tổ chức kiểm toán và hoạt động của các tổ chức kiểm toán; Phương pháp kiểm toán; Trình tự kiểm toán; Tổ chức và quản lý kiểm toán.

**14.33. Tiếng Anh chuyên ngành kế toán (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm cung cấp các kiến thức cơ bản về chuyên ngành kế toán bằng tiếng Anh, giới thiệu và tăng cường vốn từ tiếng Anh cơ bản về chuyên ngành kế toán, một số thuật ngữ cơ bản trong báo cáo tài chính, kế toán thuế, kiểm toán; kế toán quản trị; đầu tư.

**14.34. Thuế nhà nước (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản về từng sắc thuế theo quy định của Nhà nước: thuế Giá trị gia tăng; thuế Tiêu thụ đặc biệt; thuế Xuất khẩu, nhập khẩu; thuế Thu nhập doanh nghiệp; thuế thu nhập cá nhân và các loại thu khác như thuế Nhà đất; thuế Bảo vệ môi trường, phí và lệ phí...

**14.35. Tài chính doanh nghiệp (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Tài chính tiền tệ

Học phần giới thiệu một cách có hệ thống nội dung rất cơ bản về tài chính doanh nghiệp, từ chi phí sản xuất kinh doanh, giá thành sản phẩm, các loại doanh thu, quản lý và sử dụng vốn kinh doanh... đến các kiến thức hiện đại về quản lý tài chính trong nền kinh tế thị trường như: chi phí sử dụng vốn, chi phí sử dụng vốn bình quân, chi phí sử dụng vốn cận biên, giá trị thời gian của tiền, các quyết định tài chính dài hạn. Đồng thời còn trang bị kiến thức cơ bản cho người học để xem xét trên giác độ tài chính đối với một số trường hợp đặc biệt như: sáp nhập và mua lại doanh nghiệp, thanh lý và phá sản doanh nghiệp.

**14.36. Luật và chuẩn mực kế toán (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nghiên cứu các vấn đề cơ bản về hệ thống các văn bản pháp quy về kế toán (luật điều chỉnh nội dung của công tác kế toán, luật về tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán), khái quát về chuẩn mực kế toán, quản lý nhà nước về kế toán và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về kế toán.

**14.37. Thanh toán quốc tế (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức căn bản về thanh toán quốc tế trong hoạt động ngoại thương bao gồm hợp đồng ngoại thương, các điều kiện thương mại quốc tế, các thủ tục chứng từ, các phương tiện, phương thức thanh toán quốc tế cũng như các vấn đề liên quan đến tài trợ thương mại quốc tế.

**14.38. Giao tiếp trong kinh doanh (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho người học kiến thức cơ bản và cơ hội để thực hành các kỹ năng liên quan đến giao tiếp có hiệu quả trong kinh doanh như: Bản chất và các hình thức giao tiếp kinh doanh; Môi trường giao tiếp kinh doanh; Giao tiếp trong môi trường đa văn hóa; Giao tiếp bằng văn bản trong kinh doanh; Giao tiếp qua Email và tin nhắn trong kinh doanh; Giao tiếp qua thư từ trong kinh doanh; Giao tiếp bằng báo cáo trong kinh doanh; Thuyết trình trong kinh doanh.

**14.39. Tài chính công (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu các nội dung tổng quan về quản lý tài chính công, ngân sách nhà nước và quản lý chu trình ngân sách nhà nước, tổ chức cân đối ngân sách nhà nước và quản lý quỹ trong và ngoài ngân sách nhà nước

**14.40. Tổ chức công tác kế toán (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức tổng quan về tổ chức công tác kế toán: Các hình thức tổ chức công tác kế toán và tổ chức bộ máy kế toán ở doanh nghiệp, tổ chức thực hiện chế độ chứng từ kế toán, tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán và xây dựng quy trình hạch toán, tổ chức thực hiện chế độ sổ kế toán, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo tài chính và báo cáo quản trị, tổ chức thực hiện chế độ kiểm tra kế toán, tổ chức thực hiện chế độ bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán, tổ chức công tác kế toán trường hợp đơn vị kế toán bị chia, tách, sát nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản

**14.41. Kế toán hành chính sự nghiệp (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần nghiên cứu những nội dung kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ chuyên ngành thuộc lĩnh vực kế toán HCSN: Tổ chức công tác kế toán; Kế toán vốn bằng tiền, đầu tư tài chính, các khoản phải thu và ứng trước; Kế toán vật tư, sản phẩm, hàng hóa và tài sản cố định; Kế toán nợ phải trả, nguồn vốn và các quỹ; Kế toán thu, chi và xác định kết quả hoạt động; Báo cáo kế toán hành chính sự nghiệp.

**14.42. Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần tập trung nghiên cứu các kiến thức chuyên sâu và nghiệp vụ kế toán một số phần hành trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của chế độ kế toán áp dụng cho loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa: Kế toán vốn bằng tiền, kế toán nguyên liệu, vật liệu, CCDC và TSCĐ, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán tiêu thụ sản phẩm, chi phí quản lý kinh doanh, xác định kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận. Đồng thời cung cấp cho người học các kiến thức về lập báo cáo tài chính.

**14.43. Kế toán tài chính 3 (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần nghiên cứu những nội dung kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ chuyên ngành thuộc phần hành kế toán: các khoản thanh toán và nguồn vốn chủ sở hữu; các khoản dự phòng và các khoản điều chỉnh; các khoản đầu tư tài chính, bất động sản đầu tư và thuê tài sản. Nội dung, quy định và phương pháp lập báo cáo tài chính theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

**14.44. Khởi sự kinh doanh (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu và phát hiện các hành vi cần thiết để quyết đinh sẽ kinh doanh cái gì, kinh doanh như thế nào và kinh doanh ở đâu; Lập ra kế hoạch để khởi sự kinh doanh với kết quả là thành lập một doanh nghiệp cụ thể với các hành vi và nhiều quyết định cụ thể về vị trí, quy mô, công nghệ...; Thiết lập các điều kiện cần thiết, xây dựng các chiến lược để đưa doanh nghiệp phát triển.

**14.45. Phân tích hoạt động kinh doanh (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những nội dung cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm phân tích kết quả sản xuất, giá thành sản phẩm, tình hình tiêu thụ - lợi nhuận của doanh nghiệp và phân tích báo cáo tài chính

**14.46. Kế toán máy (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức cơ bản về phần mềm kế toán để xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tạo các báo cáo kế toán theo yêu cầu, tổ chức triển khai tổ chức bộ máy kế toán trong môi trường xử lý thông tin trên phần mềm kế toán. Người học được thực hành trên máy vi tính các phần hành kế toán: kế toán vốn bằng tiền; kế toán mua hàng và bán hàng; kế toán kho; kế toán công cụ dụng cụ và TSCĐ; kế toán tiền lương và giá thành; kế toán thuế và kế toán tổng hợp. Kết xuất báo cáo kế toán.

**14.47. Thực hành kế toán doanh nghiệp (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần tập trung nghiên cứu các nội dung: Thiết lập hệ thống sổ kế toán; lập các chứng từ và ghi sổ sách kế toán (sổ tổng hợp và sổ chi tiết) liên quan đến kế toán vồn bằng tiền và các khoản phải thu; kế toán nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ và cá tài sản cố định; kế toán tiền lương và các khoản phải trích theo lương ; kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh; lập báo cáo tài chính; sắp xếp, đóng, lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán.

**14.48. Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp (3TC)**

Điều kiện tiên quyết: Kế toán hành chính sự nghiệp

Học phần hướng dẫn cho người học thao tác tương đối thành thạo các công việc chuyên môn theo đúng quy trình của công việc của kế toán trên máy vi tính, theo tài liệu kế toán của đơn vị hành chính sự nghiệp, cụ thể: Thiết lập hệ thống sổ kế toán; Kế toán vốn bằng tiền; Kế toán vật tư; sản phẩm, hàng hoá và tài sản cố định; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; Kế toán thu, chi và xác định kết quả hoạt động; Lập báo cáo tài chính; Sắp xếp, lưu trữ tài liệu kế toán.

**14.49. Tin học ứng dụng trong kế toán (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Sinh viên cần nắm được hệ thống thông tin kế toán và ứng dụng của tin học trong kế toán doanh nghiệp, cùng các kỹ năng cần thiết giúp người học sử dụng được phần mềm bảng tính Microsoft Excel để thực hiện công tác kế toán theo yêu cầu riêng của từng loại hình doanh nghiệp. Biết cài đặt, cấu hình và vận hành phần mềm kế toán MISA để kết xuất một số biểu kế toán đơn giản.

**14.50. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung khái quát những nghiệp vụ chủ yếu trong hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại.

**14.51. Kế toán doanh nghiệp xây dựng (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức cơ bản về kế toán doanh nghiệp xây dựng: Khái quát về công tác kế toán của các đơn vị xây dựng; Nguyên tắc, phương pháp hạch toán từng phần hành kế toán cụ thể ở doanh nghiệp xây dựng như: Kế toán các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản trong lập báo cáo tài chính.

**14.52. Định giá tài sản (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về nguyên tắc thẩm định giá trong nền kinh tế thị trường, phương pháp định giá bất động sản, định giá máy, thiết bị, phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp, tổ chức công tác định giá tài sản.

**14.53. Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần tập trung nghiên cứu các kiến thức chuyên sâu và nghiệp vụ kế toán một số phần hành trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ theo quy định của chế độ kế toán áp dụng cho loại hình doanh nghiệp thương mại dịch vụ bao gồm: Tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ; Kế toán hoạt động kinh doanh hàng hóa trong doanh nghiệp nội thương; Kế toán hoạt động kinh doanh hàng hóa trong doanh nghiệp xuất nhập khẩu; Kế toán kinh doanh các hoạt động dịch vụ.

**14.54. Thị trường chứng khoán (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những nội dung cơ bản về thị trường chứng khoán, cơ chế vận hành và những quy định hoạt động chứng khoán tại Việt Nam, các kỹ thuật phân tích, đánh giá và đầu tư một số loại chứng khoán chủ yếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

**14.55. Hệ thống thông tin kế toán (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nghiên cứu những nội dung cơ bản về các khái niệm và các cách thức tổ chức, xử lý, đánh giá và kiểm soát hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện tin học hóa, đồng thời giới thiệu về các chu trình kinh doanh của một doanh nghiệp.Từ đó là cơ sở để có thể tiếp cận được công tác kế toán trong thực tế của doanh nghiệp

**14.56. Kỹ năng quản lý và làm việc nhóm (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nghiên cứu các vấn đề cơ bản về kỹ năng quản lý và làm việc nhóm, từ hoạt động thành lập, quản lý và đánh giá các hoạt động của nhóm đến các kỹ năng giao tiếp, phối hợp trong làm việc nhóm và các kỹ năng trong quản lý nhóm.

**14.57. Thực tập 1 (Thực tập giáo trình) (4TC)**

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần giúp người học củng cố những kiến thức lí luận đã được học; vận dụng kiến thức lý thuyết đã học vào thực tế công tác kế toán tại cơ sở đồng thời giúp người học rèn luyện kĩ năng chuyên môn, nghiệp vụ mang tính chất tổng hợp để có khả năng thực hiện tốt các công việc trong thực tế nghề nghiệp ngành kế toán.

**14.58. Thực tập 2 (Thực tập tốt nghiệp) (4TC)**

Điều kiện tiên quyết: Thực tập 1

Học phần giúp người học củng cố những kiến thức lí luận đã được học; vận dụng kiến thức lý thuyết đã học vào thực tế công tác kế toán tại cơ sở đồng thời giúp người học rèn luyện kĩ năng chuyên môn, nghiệp vụ mang tính chất tổng hợp để có khả năng thực hiện tốt các công việc trong thực tế nghề nghiệp ngành kế toán.

**14.59. Kế toán ngân hàng thương mại (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần Kế toán Ngân hàng thương mại cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về tổ chức công tác kế toán trong ngân hàng thương mại, kế toán các nghiệp vụ chủ yếu trong ngân hàng thương mại như: Kế toán huy động vốn, kế toán tài sản phục vụ kinh doanh, kế toán nghiệp vụ tín dụng, kế toán nghiệp vụ thanh toán vốn giữa các ngân hàng, kế toán thu nhập, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

**14.60.Kế toán ngân sách nhà nước và nghiệp vụ kho bạc (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Kế toán NSNN và nghiệp vụ KBNN là môn khoa học cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về kế toán quỹ NSNN và kế toán nghiệp vụ KBNN bao gồm: Kế toán vốn bằng tiền và thanh toán không dùng tiền mặt; Kế toán thu NSNN; Kế toán dự toán chi NSNN; Kế toán chi NSNN, Kế toán ghi thu, ghi chi và Cân đối thu chi NSNN; Kế toán vay nợ, viện trợ của nhà nước qua KBNN; Kế toán tiền gửi và các quỹ tài chính tại KBNN. Đồng thời, trang bị cho người học những kiến thức về báo cáo tài chính.

**14.61.Kế toán quốc tế (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những nội dung khái quát các chuẩn mực quốc tế về kế toán quốc tế; cung cấp kiến thức liên quan đến các phần hành kế toán cơ bản và báo cáo tài chính trong sự tương quan với hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.

**14.62.Kế toán ngân sách và tài chính xã (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần nghiên cứu các nội dung cơ bản về công tác kế toán ngân sách và tài chính xã, hướng dẫn phương pháp hạch toán một số phần hành kế toán ngân sách và tài chính xã: Kế toán các khoản tiền, vật tư, tài sản cố định; Kế toán thanh toán và nguồn vốn quỹ của xã; Kế toán thu, chi và kết dư ngân sách xã; Hướng dẫn quy trình vào các sổ kế toán có liên quan và lập báo cáo kế toán và quyết toán ngân sách xã.

**14.63.Kiểm toán báo cáo tài chính (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết kiểm toán

Học phần nghiên cứu các nội dung về kiểm toán Báo cáo tài chính, kiểm toán các chu kỳ và các khoản mục chủ yếu trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp như: Chu kỳ bán hàng và thu tiền; Chu kỳ mua hàng và thanh toán; Chu kỳ hàng tồn kho và chi phí.

**14.64.Quản trị Tài chính doanh nghiệp (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp, bao gồm: quản lý tài sản cố định; quản lý tài sản lưu động và vốn lưu động; quản lý vốn bằng tiền; quản lý tín dụng thương mại; quản lý nguồn vốn của doanh nghiệp; các quyết định và phân tích về chi phí đầu tư; phân tích tài chính trong quản lý doanh nghiệp.

**14.65. Kế toán thuế (2TC)**

Điều kiện tiên quyết: Thuế Nhà nước

Học phần tập trung nghiên cứu kiến thức cơ bản về kế toán các loại sắc thuế hiện hành: kế toán thuế giá trị gia tăng; kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp; kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt; kế toán thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; kế toán các loại thuế, phí và lệ phí khác; kế toán thuế thu nhập cá nhân; Kế toán thuế nhà thầu.

**15. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

***15.1. Quy định chung***

- Căn cứ thực hiện chương trình: Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 Quyết định phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành ... được thiết kế theo hướng phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của người học, tích hợp chuyên môn và nghiệp vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm tốt những công việc phù hợp với chuyên ngành được đào tạo.

- Khi thực hiện nội dung chương trình, các phòng, khoa, trung tâm, bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần đã được duyệt; nếu có những nội dung cần thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các khoa, trung tâm, bộ môn xây dựng đủ đề cương bài giảng, ngân hàng dữ liệu để tạo điều kiện cho tất cả các học phần tổ chức giảng dạy theo hướng tích cực hóa các hoạt động, đặc biệt là hướng dẫn người học tự học, tự nghiên cứu tài liệu; cần phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu về tài liệu, giáo trình, thiết bị dạy học; tăng cường hoạt động tự nghiên cứu, tăng cường hình thức giao nhiệm vụ cho người học và tổ chức học tập, hoạt động theo nhóm.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giảng viên lên lớp phải được bố trí hợp lí về chuyên môn của từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong ... năm, mỗi năm học được chia thành 2 học kì, mỗi học kì là 15 tuần (không tính thời gian ôn tập và thi); trong điều kiện cụ thể có thể tổ chức học kỳ phụ.

- Quy định thực hiện các học phần:

+ Các học phần lí thuyết học tại lớp: không quá không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày, được chia thành các phần: lí thuyết, bài tập, thảo luận, kiểm tra, thực hành môn học.

+ Học phần thực tập: thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

+ Mỗi giờ học là 50 phút.

***15.2. Hướng dẫn lựa chọn các hoạt động dạy học và phương pháp dạy học***

Giảng viên lựa chọn các hoạt động dạy học và phương pháp dạy học phải được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

***15.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần***

Theo Điều 14, 15, 16, 17, 18, 19 của Chương III, Quyết định 667/QĐ-ĐHTTr ngày 25/8/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào.

***15.4. Hướng dẫn xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp***

Theo Điều 20, 21, 22, 23 của Chương III, Quyết định 667/QĐ-ĐHTTr ngày 25/8/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào.

|  |  |
| --- | --- |
| *Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024* | |
| |  |  | | --- | --- | | **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** | |  |

**Phần II**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO  **KHOA SƯ PHẠM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Toán cao cấp cho các nhà kinh tế

Mã học phần: TN2.1.114.3

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 03

- Loại học phần: Bắt buộc

- Yêu cầu đầu vào: Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 22giờ

+ Bài tập trên lớp: 21giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 02 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 105 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Toán

+ Khoa: Sư phạm

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị,**  **họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | TS. Lê Thiếu Tráng | 0912504010 | lttrang0466@tuyenquang.edu.vn |
| 2 | Th.S Dương Thị Hồng Hải | 0862226588 | anphuong.cd@gmail.com |
| 3 | Th.S Mai Thị Hiền | 0979409679 | maihiencdtq@gmail.com |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:* Có kiến thức cơ bản để giải quyết những bài toán về đại số tuyến tính và giải tích thường gặp trong chuyên môn và nghiên cứu khoa học.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt 1: Có các kiến thức cơ bản về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính; phép tính vi phân và tích phân của hàm số; phương trình vi phân.

Mt 2: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích làm cơ sở cho việc nghiên cứu, học tập các học phần chuyên ngành cũng như vận dụng vào thực tiễn.

Mt 3: Khả năng tư duy sáng tạo, tự học, tự nghiên cứu trong lĩnh vực Toán học để giải quyết các công việc có hiệu quả.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| TN2.1.114.3 | Toán cao cấp cho các nhà kinh tế | CĐR 1 | CĐR 2 | CĐR 3 | CĐR 4 | CĐR 5 | CĐR 6 |
|  | 2 |  |  |  |  |
| CĐR 7 | CĐR 8 | CĐR 9 | CĐR 10 | CĐR 11 | CĐR 12 |
|  |  |  |  |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của học phần** | **CĐR của CTĐT** |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | **Ch1. Khái quát** các kiến thức cơ bản về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, phép tính vi phân và tích phân, phương trình vi phân. | CĐR 2 |
| **Ch2. Phân tích** các nội dung của toán cao cấp để phục vụ hoạt động chuyên môn. | CĐR 2 |
| **Kỹ năng** | | |
| ***Kĩ năng cứng*** | | |
| Mt2 | **Ch3. Vận dụng** kiến thức toán cao cấp để thực hiện nghiên cứu khoa học ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành. | CĐR 2 |
| ***Kĩ năng mềm*** | | |
| Mt2 | **Ch4. Lựa chọn** các vấn đề về toán cao cấp để giải quyết các tình huống nảy sinh trong công việc. | CĐR 2 |
|  | **Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm** |  |
| Mt3 | **Ch5. Thực hiện** làm việc độc lập, làm việc nhóm nhằm thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. | CĐR 2 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo (Theo thang đo nhận thức Bloom).***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | **Kĩ năng** | | | **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Nội dung** | ***Cứng*** | | ***Mềm*** |
| **Ch1** | **Ch2** | **Ch3** | **Ch4** | **Ch5** |  |
| **Chương 1. Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính** | 1. Các khái niệm cơ bản về hệ phương trình tuyến tính và phương pháp khử ẩn liên tiếp |  | 2 | 2 |  |  | Thuyết trình |
| 2. Vectơ n chiều và không gian vectơ | 2 | 2 |  |  |  | Thuyết trình |
| 3. Các mối liên hệ tuyến tính trong không gian vectơ |  | 2 | 2 |  |  | Thuyết trình |
| 4. Cơ sở của không gian vectơ | 2 | 2 |  |  |  | Thuyết trình |
| 5. Hạng của một hệ vectơ | 2 | 2 |  |  |  | Đàm thoại |
| 6. Ma trận và các phép toán tuyến tính đối với ma trận |  | 2 | 2 |  |  | Đàm thoại |
| 7. Định thức và các tính chất cơ bản của định thức |  | 2 | 2 |  |  | Đàm thoại |
| 8. Phương pháp tính định thức |  | 2 |  | 2 |  | Giải quyết vấn đề |
| 9. Phép nhân ma trận và ma trận nghịch đảo | 2 |  | 2 |  |  | Thuyết trình |
| 10. Hạng của ma trận | 2 | 2 |  |  |  | Thuyết trình |
| 11. Hệ phương trình Cramer |  |  | 2 | 2 |  | Thuyết trình |
| 12. Hệ phương trình tuyến tính tổng quát |  | 2 |  | 2 |  | Thuyết trình |
| 13. Hệ phương trình tuyến tính thuần nhất |  | 2 |  | 2 |  | Thuyết trình |
| 14. Một số mô hình tuyến tính trong phân tích kinh tế |  |  |  | 3 | 3 | Giải quyết vấn đề |
| **Chương 2. Phép tính vi phân và tích phân của hàm số** | 1. Hàm số nhiều biến số | 2 |  | 2 |  |  | Thuyết trình |
| 2. Giới hạn và tính liên tục của hàm số nhiều biến số | 2 |  | 2 |  |  | Thuyết trình |
| 3. Đạo hàm riêng và vi phân của hàm số nhiều biến số | 2 |  | 2 |  |  | Thuyết trình |
| 4. Cực trị của hàm số nhiều biến số | 2 |  | 2 |  |  | Thuyết trình |
| 5. Nguyên hàm và tích phân của hàm số một biến số | 2 |  | 2 |  |  | Thuyết trình |
| 6. Tích phân suy rộng |  |  | 2 |  | 2 | Thuyết trình |
| **Chương 3. Phương trình vi phân** | 1. Các khái niệm cơ bản |  | 2 |  | 2 |  | Thuyết trình |
| 2. Phương trình vi phân tuyến tính cấp 1 |  | 2 |  | 2 |  | Thuyết trình |
| 3. Phương trình phân ly biến số |  | 2 |  | 2 |  | Đàm thoại |
| 4. Phương trình Bernoulli |  | 2 | 2 |  |  | Đàm thoại |
| 5. Phương trình vi phân toàn phần và phương pháp thừa số tích phân |  | 2 | 2 |  |  | Đàm thoại |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần này bao gồm các kiến thức về : Không gian vectơ số học n chiều, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, phép tính vi phân và tích phân của hàm số, phương trình vi phân.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu**  **đối với**  **người học** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Chương 1. Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính** |  |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Các khái niệm cơ bản về hệ phương trình tuyến tính và phương pháp khử ẩn liên tiếp  1.2. Vectơ n chiều và không gian vectơ  1.3. Các mối liên hệ tuyến tính trong không gian vectơ  1.4. Cơ sở của không gian vectơ  1.5. Hạng của một hệ vectơ  1.6. Ma trận và các phép toán tuyến tính đối với ma trận  1.7. Định thức và các tính chất cơ bản của định thức  1.8. Phương pháp tính định thức  1.9. Phép nhân ma trận và ma trận nghịch đảo  1.10. Hạng của ma trận  1.11. Hệ phương trình Cramer  1.12. Hệ phương trình tuyến tính tổng quát  1.13. Hệ phương trình tuyến tính thuần nhất  1.14. Một số mô hình tuyến tính trong phân tích kinh tế | 10 | Học học liệu số 1 và tham khảo các học liệu khác. | Lớp học |  |
| Bài tập | Làm bài tập trong học liệu số 1 và tham khảo bài tập trong các học liệu khác. | 05 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập. | Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 35 | Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết.  Chuẩn bị bài tập ở nhà trước mỗi giờ học bài tập ở trên lớp, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |  |
| Bài tập | Làm bài tập trong học liệu số 1 và tham khảo bài tập trong các học liệu khác. | 04 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập. | Lớp học |  |
|  | Kiểm tra thường xuyên (Bài số 1) | 01 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài. | Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 12 | Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết.  Chuẩn bị bài tập ở nhà trước mỗi giờ học bài tập ở trên lớp, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 2. Phép tính vi phân và tích phân của hàm số** |  |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Hàm số nhiều biến số  2.2. Giới hạn và tính liên tục của hàm số nhiều biến số  2.3. Đạo hàm riêng và vi phân của hàm số nhiều biến số  2.4. Cực trị của hàm số nhiều biến số  2.5. Nguyên hàm và tích phân của hàm số một biến số  2.6. Tích phân suy rộng | 07 | Học học liệu số 2 và tham khảo các học liệu khác. | Lớp học |  |
| Bài tập | Làm bài tập trong học liệu số 2 và tham khảo bài tập trong các học liệu khác. | 03 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập. | Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 23 | Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết.  Chuẩn bị bài tập ở nhà trước mỗi giờ học bài tập ở trên lớp, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 3** |  |  |  |  |
| Bài tập | Làm bài tập trong học liệu số 2 và tham khảo bài tập trong các học liệu khác. | 04 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập. | Lớp học |  |
|  | Kiểm tra thường xuyên (Bài số 2) | 01 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài. | Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 12 | Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết.  Chuẩn bị bài tập ở nhà trước mỗi giờ học bài tập ở trên lớp, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 3. Phương trình vi phân** |  |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1. Các khái niệm cơ bản  3.2. Phương trình vi phân tuyến tính cấp 1  3.3. Phương trình phân ly biến số  3.4. Phương trình Bernoulli  3.5. Phương trình vi phân toàn phần và phương pháp thừa số tích phân | 05 | Học học liệu số 2 và tham khảo các học liệu khác. | Lớp học |  |
| Bài tập | Làm bài tập trong học liệu số 2 và tham khảo bài tập trong các học liệu khác. | 05 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập. | Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập | 23 | Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết.  Chuẩn bị bài tập ở nhà trước mỗi giờ học bài tập ở trên lớp, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Lê Đình Thúy (2015), *Giáo trình Toán cao cấp cho các nhà kinh tế, Phần I: Đại số tuyến tính*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

[2] Lê Đình Thúy (2015), *Giáo trình Toán cao cấp cho các nhà kinh tế, Phần II: Giải tích toán học*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[3] Nguyễn Huy Hoàng (2010), *Toán cao cấp – Tập một: Đại số tuyến tính*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[4] Nguyễn Huy Hoàng (2010), *Toán cao cấp – Tập hai: Giải tích toán học*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (Giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn** |
| 1 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 2 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 3 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 4 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 5 |  |  | 3 |  |  | 7 |
| 6 |  |  | 3 |  |  | 7 |
| 7 | 1 | 1 | 1 |  |  | 7 |
| 8 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 9 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 10 |  |  | 3 |  |  | 7 |
| 11 |  |  | 3 |  |  | 7 |
| 12 | 1 | 1 | 1 |  |  | 7 |
| 13 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 14 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 15 |  |  | 3 |  |  | 7 |
| **Tổng cộng** | **22** | **2** | **21** |  |  | **105** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch5 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Bài kiểm tra thường xuyên | 30% | - Theo đáp án, thang điểm của giảng viên.  - Điểm KTTX = (Điểm bài số 1 + Điểm bài số 2) : 2 |  | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Tự luận | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần |  | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi***

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấu trúc đề thi** | **Thời gian làm bài** |
| - Đề thi gồm 3 câu:  + Câu 1 (3 điểm): Cấp độ nhớ và hiểu  + Câu 2 (5 điểm): Cấp độ áp dụng và phân tích  + Câu 3 (2 điểm): Cấp độ đánh giá và sáng tạo  Đề thi đánh giá được nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc các tín chỉ của học phần.  - Cấp độ nhận thức: 30% nhớ và hiểu ; 50% áp dụng và phân tích ; 20% đánh giá và sáng tạo. | 90 phút |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KHOA SƯ PHẠM** | | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO  **KHOA SƯ PHẠM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Xác suất và thống kê A

Mã học phần: TN2.1.120.3

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 03

- Loại học phần: Bắt buộc

- Yêu cầu đầu vào: Toán cao cấp cho các nhà kinh tế.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 22giờ

+ Bài tập trên lớp: 21giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 02 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 105 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Toán

+ Khoa: Sư phạm

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | TS. Khổng Chí Nguyện | 0916732576 | nguyenkc69@gmail.com |
| 2 | Th.S Nguyễn Tuyết Nga | 0945737088 | tuyetnga.sp@gmail.com |
| 3 | Th.S Mai Thị Hiền | 0979409679 | maihiencdtq@gmail.com |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:* Có kiến thức cơ bản để giải quyết những bài toán xác suất và thống kê thường gặp trong đời sống, trong chuyên môn và nghiên cứu khoa học.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt 1: Có các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê toán.

Mt 2: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê toán làm cơ sở cho việc nghiên cứu, học tập các học phần chuyên ngành cũng như vận dụng vào thực tiễn.

Mt 3: Khả năng tư duy sáng tạo, tự học, tự nghiên cứu trong lĩnh vực Toán học để giải quyết các công việc có hiệu quả.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| TN2.1.120.3 | Xác suất và thống kê A | CĐR 1 | CĐR 2 | CĐR 3 | CĐR 4 | CĐR 5 | CĐR 6 |
|  | 2 |  |  |  |  |
| CĐR 7 | CĐR 8 | CĐR 9 | CĐR 10 | CĐR 11 | CĐR 12 |
|  |  |  |  |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của học phần** | **CĐR của CTĐT** |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | **Ch1. Khái quát** các kiến thức cơ bản về xác suất, các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên, các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, các quy luật phân phối xác suất, lí thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thiết. | CĐR 2 |
| **Ch2. Phân tích** các nội dung của lý thuyết xác suất và thống kê toán để phục vụ hoạt động chuyên môn. | CĐR 2 |
| **Kỹ năng** | | |
| ***Kĩ năng cứng*** | | |
| Mt2 | **Ch3. Vận dụng** kiến thức lý thuyết xác suất và thống kê toán để thực hiện nghiên cứu khoa học ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành. | CĐR 2 |
| ***Kĩ năng mềm*** | | |
| Mt2 | **Ch4. Lựa chọn** các vấn đề về lý thuyết xác suất và thống kê toán để đánh giá các tình huống nảy sinh trong hoạt động chuyên môn. | CĐR 2 |
|  | **Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm** |  |
| Mt3 | **Ch5. Thực hiện** làm việc độc lập, làm việc nhóm nhằm thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. | CĐR 2 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo (Theo thang đo nhận thức Bloom).***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | **Kĩ năng** | | | **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Nội dung** | ***Cứng*** | | ***Mềm*** |
| **Ch1** | **Ch2** | **Ch3** | **Ch4** | **Ch5** |
| **Chương 1. Biến cố ngẫu nhiên và xác suất** | 1. Biến cố ngẫu nhiên | 2 | 2 |  |  |  | Đàm thoại |
| 2. Các định nghĩa xác suất | 2 | 2 |  |  |  | Đàm thoại |
| 3. Các tính chất của xác suất | 2 | 2 |  |  |  | Đàm thoại |
| 4. Xác suất có điều kiện | 2 |  |  | 2 |  | Thuyết trình |
| 5. Công thức xác suất của tích các biến cố | 2 |  |  | 2 |  | Đàm thoại |
| 6. Công thức xác suất toàn phần. Công thức Bayes |  | 2 |  | 2 |  | Đàm thoại |
| 7. Công thức xác suất nhị thức |  | 2 |  | 2 |  | Đàm thoại |
| **Chương 2. Biến ngẫu nhiên và các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên** | 1. Biến ngẫu nhiên | 2 |  | 2 |  |  | Thuyết trình |
| 2. Hàm phân phối | 2 |  | 2 |  |  | Thuyết trình |
| 3. Phân phối rời rạc | 2 | 2 |  |  |  | Thuyết trình |
| 4. Phân phối liên tục tuyệt đối | 2 | 2 |  |  |  | Thuyết trình |
| 5. Các số đặc trưng của biếnngẫu nhiên |  |  | 2 |  | 2 | Giải quyết vấn đề |
| 6. Một số phân phối thông dụng |  |  | 2 |  | 2 | Đàm thoại |
| **Chương 3. Một số vấn đề về thống kê toán** | 1. Mẫu ngẫu nhiên |  |  | 3 | 2 |  | Đàm thoại |
| 2. Hàm phân phối mẫu, đa giác tần suất và tổ chức đồ tần suất |  |  | 3 | 2 |  | Đàm thoại |
| 3. Các số đặc trưng mẫu |  |  | 3 | 2 |  | Giải quyết vấn đề |
| 4. Ước lượng điểm |  |  | 3 | 2 |  | Giải quyết vấn đề |
| 5. Ước lượng khoảng |  |  | 3 | 2 |  | Giải quyết vấn đề |
| 6. Kiểm định giả thiết |  |  | 3 | 2 |  | Giải quyết vấn đề |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần này bao gồm các kiến thức về : Đại số tổ hợp, phép thử và biến cố, các định nghĩa và công thức của xác suất, biến ngẫu nhiên và các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, một số phân phối xác suất thông dụng, lí thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thiết.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu**  **đối với**  **người học** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Chương 1. Biến cố ngẫu nhiên và xác suất** | **50** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Biến cố ngẫu nhiên  1.1.1. Phép thử và biến cố  1.1.2. Các phép toán trên biến cố.  1.2. Các định nghĩa xác suất  1.2.1. Định nghĩa cổ điển của xác suất  1.2.2. Định nghĩa xác suất theo tần suất  1.2.3. Định nghĩa xác suất hình học  1.3. Các tính chất của xác suất  1.4. Xác suất có điều kiện  1.5. Công thức xác suất của tích các biến cố  1.6. Công thức xác suất toàn phần. Công thức Bayes  1.7. Công thức xác suất nhị thức | 08 | Học học liệu số 1 và tham khảo các học liệu khác. | Theo thời khóa biểu, lớp học. |  |
| Bài tập | Làm bài tập trong học liệu số 1 và tham khảo bài tập trong các học liệu khác. | 07 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập. | Theo thời khóa biểu, lớp học. |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 35 | Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết.  Chuẩn bị bài tập ở nhà trước mỗi giờ học bài tập ở trên lớp, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |  |
|  | **Chương 2. Biến ngẫu nhiên và các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên** | **50** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Biến ngẫu nhiên  2.2. Hàm phân phối  2.3. Phân phối rời rạc  2.4. Phân phối liên tục tuyệt đối  2.5. Các số đặc trưng của biếnngẫu nhiên  2.6. Một số phân phối thông dụng | 07 | Học học liệu số 1 và tham khảo các học liệu khác. | Theo thời khóa biểu, lớp học. |  |
|  | Kiểm tra thường xuyên (Bài số 1) | 01 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài. | Theo thời khóa biểu, lớp học. |  |
| Bài tập | Làm bài tập trong học liệu số 1 và tham khảo bài tập trong các học liệu khác. | 07 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập. | Theo thời khóa biểu, lớp học. |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 35 | Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết.  Chuẩn bị bài tập ở nhà trước mỗi giờ học bài tập ở trên lớp, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 3** |  |  |  |  |
|  | **Chương 3. Một số vấn đề về thống kê toán** | **50** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1. Mẫu ngẫu nhiên  3.1.1. Khái niệm về mẫu ngẫu nhiên  3.1.2. Phương pháp chọn mẫu  3.1.3. Sắp xếp số liệu thực nghiệm.  3.2. Hàm phân phối mẫu, đa giác tần suất và tổ chức đồ tần suất  3.3. Các số đặc trưng mẫu  3.3.1. Trung bình mẫu  3.3.2. Phương sai mẫu  3.3.3. Hệ số tương quan mẫu  3.3.4. Mômen mẫu  3.3.5. Trung vị mẫu  3.3.6. Mốt (mod)  3.4. Ước lượng điểm  3.5. Ước lượng khoảng  3.5.1. Khoảng ước lượng của kỳ vọng trong mẫu từ phân phối chuẩn  3.5.2. Khoảng ước lượng của phương sai trong mẫu từ phân phối chuẩn  3.5.3. Khoảng ước lượng của hiệu hai trung bình của hai mẫu độc lập từ phân phối chuẩn  3.5.4. Khoảng ước lượng của xác suất p trong phân phối nhị thức  3.5.5. Khoảng ước lượng của hiệu hai xác suất trong hai dãy phép thử Bernoulli  3.6. Kiểm định giả thiết  3.6.1. Kiểm định về xác suất p trong phân phối nhị thức (tỷ lệ phần trăm)  3.6.2. Kiểm định hai xác suất trong phân phối nhị thức  3.6.3. Kiểm định về trung bình trong mẫu ngẫu nhiên độc lập từ phân phối chuẩn  3.6.4. So sánh hai trung bình của hai mẫu độc lập từ phân phối chuẩn | 07 | Học học liệu số 1 và tham khảo các học liệu khác. | Theo thời khóa biểu, lớp học. |  |
| Bài tập, kiểm tra | Kiểm tra thường xuyên (Bài số 2) | 01 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài. | Theo thời khóa biểu, lớp học. |  |
| Làm bài tập trong học liệu số 1 và tham khảo bài tập trong các học liệu khác. | 07 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập. | Theo thời khóa biểu, lớp học. |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập | 35 | Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết.  Chuẩn bị bài tập ở nhà trước mỗi giờ học bài tập ở trên lớp, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Phạm Văn Kiều (2012), *Giáo trình xác suất và thống kê (Dùng cho sinh viên các ngành Sinh học, Nông – Lâm – Ngư nghiệp, Kinh tế và Quản lý kinh tế, Tâm lý – Giáo dục học),* Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Đinh Văn Gắng ((2010), *Lí thuyết xác suất và thống kê*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[3] Đinh Văn Gắng (2001), *Bài tập xác suất và thống kê*, Nxb Giáo dục.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn** |
| 1 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 2 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 3 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 4 |  |  | 3 |  |  | 7 |
| 5 |  |  | 3 |  |  | 7 |
| 6 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 7 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 8 | 1 | 1 | 1 |  |  | 7 |
| 9 |  |  | 3 |  |  | 7 |
| 10 |  |  | 3 |  |  | 7 |
| 11 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 12 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 13 | 1 | 1 | 1 |  |  | 7 |
| 14 |  |  | 3 |  |  | 7 |
| 15 |  |  | 3 |  |  | 7 |
| **Tổng cộng** | **22** | **2** | **21** |  |  | **105** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch5 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Tự luận | 30% | * Theo đáp án, thang điểm của giảng viên. |  | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Tự luận | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần |  | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi***

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấu trúc đề thi** | **Thời gian làm bài** |
| - Đề thi gồm 3 câu:  + Câu 1 (3 điểm): Cấp độ nhớ và hiểu  + Câu 2 (5 điểm): Cấp độ áp dụng và phân tích  + Câu 3 (2 điểm): Cấp độ đánh giá và sáng tạo  Đề thi đánh giá được nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc các tín chỉ của học phần.  - Cấp độ nhận thức: 30% nhớ và hiểu ; 50% áp dụng và phân tích ; 20% đánh giá và sáng tạo. | 90 phút |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA SƯ PHẠM** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO  **KHOA CHÍNH TRỊ VÀ TLGD** | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | |  |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Pháp luật đại cương

Mã học phần: LL2.1.007.2

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 02

- Loại học phần: Bắt buộc

- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 29 giờ

+ Bài tập trên lớp: 0 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 01 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 70 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Chính trị và Tâm lý - Giáo dục

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | ThS. Hoàng Thị Tuyết Mai | 0987.846.958 | maihoang.106@gmail.com |
| 2 | ThS. Hứa Đức Hội | 0973.571.284 | huaduchoi@gmail.com |
| 3 | ThS. Nguyễn Thị Nhung | 0912.936.410 | nguyenthinhungcdsptq@gmail.com |
| 4 | ThS. Nguyễn Mai Chinh | 0395.076.189 | maichinh1989@gmail.com |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:* Có kiến thức cơ bản về nhà nước, pháp luật và các ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay. Xây dựng ý thức tôn trọng, tuân thủ chính sách, pháp luật của nhà nước. Tích cực tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho mọi người xung quanh sống và làm việc theo pháp luật.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt1: Có kiến thức cơ bản về nhà nước, nhà nước CHXHCN Việt Nam và các chế định cơ bản của các ngành luật: pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự, pháp luật lao động, pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật hành chính và pháp luật tố tụng hành chính, pháp luật về phòng, chống tham nhũng

Mt2: Vận dụng các kiến thức đã học về các ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam để giải quyết các tình huống pháp lý trong đời sống hàng ngày.

Mt3. Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình trình về các vấn đề pháp lý trong đời sống xã hội

Mt4: Hình thành ý thức tuân thủ, chấp hành tốt các quy định của pháp luật, tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho mọi người xung quanh sống và làm việc theo pháp luật.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| LL2.1.007.2 | Pháp luật đại cương | CĐR 1 | CĐR 2 | CĐR 3 | CĐR 4 | CĐR 5 | CĐR 6 |
| 2 |  |  |  |  |  |
| CĐR 7 | CĐR 8 | CĐR 9 | CĐR 10 | CĐR 11 | CĐR 12 |
|  |  |  |  |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của học phần** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1. Liên hệ được các lý luận chung về nhà nước, nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. | CĐR 1 |
| Ch2. Vận dụng được những chế định cơ bản của các ngành luật: pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự, pháp luật lao động, pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật hành chính và pháp luật tố tụng hành chính, pháp luật về phòng, chống tham nhũng |
| **Kỹ năng** | | |
| ***Kỹ năng cứng*** | | |
| Mt2 | Ch3. Giải quyết được các tình huống pháp lý trong cuộc sống hàng ngày |  |
| ***Kỹ năng mềm*** | | |
| Mt3 | Ch4. Thực hiện thuyết trình và làm việc nhóm trong các hoạt động trên lớp |  |
| **Thái độ, năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm** | | |
| Mt4 | Ch5. Xây dựng được ý thức tuân thủ, chấp hành, tự giác học tập, nghiên cứu tìm hiểu, sống và làm việc theo pháp luật nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. |  |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | **Kỹ năng** | | **Mức độ tự chủ và TN** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cứng** | **Mềm** |
| **Chương** | **Nội dung** | **Ch**  **1** | **Ch**  **2** | **Ch**  **3** | **Ch**  **4** | **Ch**  **5** |
| Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về nhà nước và nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam | Khái niệm và đặc trưng cuả nhà nước | 2 |  | 1 |  |  | Thuyết trình, tổ chức hoạt động theo nhóm, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu |
| Chức năng của nhà nuớc | 2 |  | 1 |  |  |
| Hình thức và bộ máy nhà nước | 2 |  | 1 |  |  |
| Bộ máy nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam | 2 |  | 1 |  | 1 |
| Chương 2: Một số vấn đề cơ bản về pháp luật | Khái niệm, thuộc tính, hình thức pháp luật | 1 |  | 1 |  |  | Thuyết trình, tổ chức hoạt động theo nhóm, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu |
| Quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật | 2 |  | 2 |  | 1 |
| Quan hệ pháp luật | 2 |  | 2 |  | 1 |
| Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý | 2 |  | 1 |  | 1 |
| Chương 3: Pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự | Pháp luật dân sự |  | 2 |  | 2 | 2 | Thuyết trình, tổ chức hoạt động theo nhóm, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu |
| Pháp luật tố tụng dân sự |  | 1 |  | 1 | 1 |
| Chương 4: Pháp luật lao động | Những vấn đề chung |  | 1 |  | 1 | 1 | Thuyết trình, tổ chức hoạt động theo nhóm, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu |
| Những vấn đề cơ bản được điều chỉnh bởi pháp luật lao động |  | 1 |  | 2 | 2 |
| Chương 5: Pháp luật hình sự và tố tụng hình sự | Pháp luật hình sự |  | 2 |  | 2 | 2 | Thuyết trình, tổ chức hoạt động theo nhóm, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu |
| Luật tố tụng hình sự |  | 1 |  | 1 | 1 |
| Chương 6. Pháp luật hành chính và tố tụng hành chính | Luật hành chính |  | 2 |  | 2 | 2 | Thuyết trình, tổ chức hoạt động theo nhóm, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu |
| Pháp luật tố tụng hành chính |  | 1 |  | 1 | 1 |
| Chương 7: Pháp luật về phòng, chống tham nhũng | Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng |  | 1 |  | 1 |  | Thuyết trình, tổ chức hoạt động theo nhóm, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu |
| Nguyên nhân và tác hại của tham nhũng |  | 2 |  | 1 | 1 |
| Ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng |  | 2 |  | 1 | 2 |
| Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng |  | 2 |  | 1 | 2 |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Pháp luật đại cương gồm những kiến thức cơ bản về nhà nước, pháp luật; pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự; pháp luật lao động, pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự; pháp luật hành chính và pháp luật tố tụng hành chính; pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu**  **đối với**  **sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ 1** | | **15** |  |  |  |
|  | **Phần thứ nhất: Đại cuơng về nhà nước và pháp luật** |  |  |  |  |
|  | **Chương I. Một số vấn đề cơ bản về nhà nước và nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam** | **4** |  |  |  |
| Lý thuyết | I. Khái niệm và đặc trưng cuả nhà nước  1. Khái niệm nhà nước  2. Các dấu hiệu đặc trưng của nhà nước  II. Chức năng của nhà nuớc  1. Khái niệm chức năng của nhà nước  2. Phân loại chức năng cuả nhà nước  III. Hình thức và bộ máy nhà nước  1. Hình thức nhà nước  2. Bộ máy nhà nuớc  IV. Bộ máy nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam  1. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nuớc Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam  2. Tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam | 4 | \* Đọc đề cương học phần  Đọc học liệu số [1]  Tham khảo học liệu số [4], [5]. | Trên  lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để liên hệ thực tiễn | 10 | Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương II. Một số vấn đề cơ bản về pháp luật** | **6** |  |  |  |
| Lý thuyết | I. Khái niệm, thuộc tính, hình thức pháp luật  1. Khái niệm pháp luật  2. Thuộc tính cơ bản của pháp luật  3. Hình thức pháp luật  II. Quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật  1. Quy phạm pháp luật  2. Văn bản quy phạm pháp luật  III. Quan hệ pháp luật  1. Khái niệm, đặc điểm quan hệ pháp luật  2. Phân loại quan hệ pháp luật  3. Nội dung quan hệ pháp luật  4. Sự kiện pháp lý  IV. Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý  1. Thực hiện pháp luật  2. Vi phạm pháp luật  3. Trách nhiệm pháp lý | 6 | Đọc học liệu số [1]  Tham khảo học liệu số [4] | Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để liên hệ thực tiễn | 15 | Sau khi nghe giảng lý thuyết, liên hệ các vấn đề thực tiễn, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Phần thứ hai: Đại cương về các lĩnh vực pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam** |  |  |  |  |
|  | **Chương III. Pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự** | 5 |  |  |  |
| Lý thuyết | I. Pháp luật dân sự  1. Những quy định chung  2. Những chế định cụ thể  III. Pháp luật tố tụng dân sự  1. Các quy định chung  2. Các thủ tục tố tụng | 5 | Đọc học liệu số [1]  Tham khảo học liệu số [3], [4] | Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải quyết bài tập tình huống về luật dân sự | 10 | Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
| **Tín chỉ 2** | | **15** |  |  |  |
|  | **Chương IV.** **Pháp luật lao động** | **3** |  |  |  |
| Lý thuyết | I. Những vấn đề chung  1. Những vấn đề đuợc quy định trong pháp luật lao động  2. Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật lao động Việt Nam  II. Những vấn đề cơ bản được điều chỉnh bởi pháp luật lao động  1. Hợp đồng lao động  2. Kỷ luật lao động | 2 | Đọc học liệu số [1]  Tham khảo học liệu số [3], [4] | Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải quyết bài tập tình huống về luật lao động | 7 | Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
| Kiểm tra | Chương 2 và chương 3 | 1 | Sinh viên làm bài theo đúng quy chế | Lớp học |  |
|  | **Chương V. Pháp luật hình sự và tố tụng hình sự** | **3** |  |  |  |
| Lý thuyết | I. Pháp luật hình sự  1. Những vấn đề chung  2. Một số tội phạm trong Bộ luật Hình sự  II. Luật Tố tụng hình sự  1. Khái niệm  2. Nhiệm vụ của Luật Tố tụng hình sự  3. Thủ tục giải quyết vụ án hình sự | 3 | Đọc học liệu số [1]  Tham khảo học liệu số [3], [4] | Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để l giải quyết bài tập tình huống về luật hình sự | 10 | Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà. |  |
|  | **Chương VI. Pháp luật hành chính và tố tụng hành chính** | **4** |  |  |  |
| Lý thuyết | I. Luật hành chính  1. Các vấn đề chung của Luật Hành chính  2. Nội dung cơ bản của Luật Hành chính  II. Pháp luật tố tụng hành chính  1. Các vấn đề chung của Luật Tố tụng hành chính  2. Thủ tục giải quyết vụ án hành chính | 3 | Đọc học liệu số [1]  Tham khảo học liệu số [3], [4] | Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải quyết bài tập tình huống về luật hành chính | 8 | Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà. |  |
|  | **Chương VII. Pháp luật về phòng, chống tham nhũng** | **5** |  |  |  |
| Lý thuyết | I. Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng  1. Khái niệm tham nhũng  2. Đặc điểm của hành vi tham nhũng  3. Các hành vi tham nhũng và tội phạm về tham nhũng  II. Nguyên nhân và tác hại của tham nhũng  1. Nguyên nhân của tham nhũng  2. Tác hại của tham nhũng  III. Ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng  1. Phòng, chống tham nhũng góp phần bảo vệ chế độ, xây dựng Nhà nước pháp quyền  2. Phòng, chống tham nhũng góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước, nâng cao đời sống nhân dân  3. Phòng, chống tham nhũng góp phần duy trì các giá trị đạo đức truyền thống, làm lành mạnh các quan hệ xã hội  4. Phòng, chống tham nhũng góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào chế độ và pháp luật  IV. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng  1. Trách nhiệm của công dân trong phòng, chống tham nhũng  2. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong phòng, chống tham nhũng | 5 | Đọc học liệu số [2]  Tham khảo học liệu số [3] |  |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để liên hệ thực tiễn | 10 | Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà. |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Giáo trình bắt buộc**

[1] Bộ giáo dục và đào tạo (2017), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[2] Bộ giáo dục và đào tạo (2014), Tài liệu giảng dạy về phòng chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (phê duyệt kèm theo quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo).

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[3] Các văn bản pháp luật hiện hành.

[4] Hoàng Thị Tuyết Mai, Phạm Đình Khiết (Đồng chủ biên, 2020), *Tài liệu tham khảo Pháp luật đại cương*, Nxb Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên.

[5] Nguyễn Thị Thanh Thủy (Chủ biên, 2017), Giáo trình Pháp luật đại cương, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn** |
| 1 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 2 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 3 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 4 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 5 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 6 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 7 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 8 | 1 | 1 |  |  |  | 5 |
| 9 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 10 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 11 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 12 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 13 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 14 | 2 |  |  |  |  | 3 |
| 15 | 2 |  |  |  |  | 3 |
| **Tổng cộng** | **29** | **1** |  |  |  | **70** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* |  | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Bài kiểm tra thường xuyên | 30% | Học phần 2 tín chỉ: 01 điểm;  Học phần 3 tín chỉ: 02 điểm;  Học phần 4 hoặc 5 tín chỉ: 03 điểm |  | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Tự luận, thực hành... | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần |  | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi***

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấu trúc đề thi** | **Thời gian làm bài** |
| - Đề thi gồm 02 câu:  + Câu 1 (05 điểm): Cấp độ áp dụng và phân tích  + Câu 2 (05 điểm): Cấp độ áp dụng và phân tích  - Đề thi đánh giá được nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc các tín chỉ của học phần  - Cấp độ nhận thức: 30% nhớ và hiểu; 70% áp dụng và phân tích | 60 phút |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA CHÍNH TRỊ VÀ TLGD**  **PHÓ TRƯỞNG KHOA**  **Lê Tuấn Ngọc** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO**  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Kinh tế vi mô

Mã học phần: KT2.1.001.3

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 03

- Loại học phần: Bắt buộc

- Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp cho các nhà kinh tế.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

+ Học lý thuyết trên lớp: 30 giờ

+ Bài tập trên lớp: 13 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 02 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 105 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | TS. Đỗ Hải Yến | 0978.457.229 | dohaiyentq@gmail.com |
| 2 | ThS. Hoàng Anh Đào | 0979.477.846 | hoanganhdaok47ftu@gmail.com |
| 3 | ThS. Phạm Trung Nghĩa | 0915. 619. 689 | phamnghiatc@gmail.com |
| 4 | ThS. Trần Thảo Nguyên | 0974.864.888 | thaonguyentuyenquang@gmail.com |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:* Sau khi hoàn thành chương trình học phần, người học có kiến thức cơ bản về kinh tế học vi mô, vận dụng để giải thích được một số quy luật, hành vi của nhà sản xuất, người tiêu dùng, người lao động và các can thiệp của chính phủ để khắc phục những thất bại của thị trường.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt 1: Có kiến thức cơ bản về kinh tế học vi mô.

Mt 2: Phân tích được sự lựa chọn tối ưu của các thành viên trong nền kinh tế, các nhân tố tác động tới các biến số kinh tế và chính sách vi mô.

Mt 3: Vận dụng các kiến thức lý thuyết để giải được các dạng bài tập tình huống kinh tế.

Mt 4: Rèn luyện kỹ năng tư duy logic, phân tích, lập luận; tra cứu và khai thác tài liệu liên quan; kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình.

Mt 5: Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, tinh thần trách nhiệm, có năng lực làm việc độc lập, tự chủ trong học tập và nghiên cứu.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.001.3 | Kinh tế vi mô | CĐR 1 | CĐR 2 | CĐR 3 | CĐR 4 | CĐR 5 | CĐR 6 |
|  | 2 |  |  |  |  |
| CĐR 7 | CĐR 8 | CĐR 9 | CĐR 10 | CĐR 11 | CĐR 12 |
|  |  |  |  |  | 2 |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của HP** | **CĐR của CTĐT** |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1:Khái quát được nội dung cơ bản của kinh tế học, cung – cầu, độ co giãn, hành vi của các thành viên trong nền kinh tế. | CĐR 2 |
| Mt2 | Ch2:Giải thích được các quy luật kinh tế. | CĐR 2 |
| Ch3:Phân tích được sự lựa chọn tối ưu của các thành viên trong hoạt động kinh tế, tác động của các yếu tố ảnh hưởng tới biến số kinh tế vi mô. | CĐR 2 |
| **Kỹ năng** | | |
| Kỹ năng cứng | | |
| Mt3 | Ch4:Tính toán được các dạng bài tập tình huống kinh tế. | CĐR 12 |
| Kỹ năng mềm | | |
| Mt4 | Ch5:Phát triển tư duy logic, sáng tạo, có khả năng phân tích, lập luận, ra quyết định, làm việc nhóm, thuyết trình. | CĐR 12 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt5 | Ch6:Tổ chức làm việc độc lập; tự học và nghiên cứu và giải quyết các vấn đề liên quan. | CĐR 12 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo.***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | **Kỹ năng** | | **Mức độ TC và TN** | **Phương pháp giảng dạy** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cứng** | **Mềm** |
| **Chương** | **Nội dung** | **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch 3** | **Ch 4** | **Ch 5** | **Ch 6** |
| Chương 1: Tổng quan về kinh tế học | 1.1. Giới thiệu tổng quan về kinh tế học | 2 |  |  |  | 2 |  | Thuyết trình, vấn đáp, hướng dẫn sinh viên tự học |
| 1.2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu | 2 |  |  |  | 2 |  |
| 1.3. Lý thuyết lựa chọn kinh tế | 2 |  |  | 2 |  |  |
| Chương 2: Lý thuyết cung cầu | 2.1. Cầu | 2 |  |  | 2 |  |  | Thuyết trình, làm mẫu, hướng dẫn sinh viên tự học, làm bài tập |
| 2.2. Cung | 2 |  |  | 2 |  |  |
| 2.3. Cân bằng cung cầu | 3 |  |  | 2 | 2 |  |
| Chương 3: Độ co giãn | 3.1. Độ co giãn của cầu | 2 |  |  | 2 | 2 |  | Thuyết trình, làm mẫu, hướng dẫn sinh viên tự học, làm bài tập |
| 3.2. Độ co giãn của cung theo giá | 2 |  |  | 2 | 2 |  |
| Chương 4: Lý thuyết lợi ích | 4.1. Những vấn đề chung |  | 2 |  |  |  |  | Thuyết trình, làm mẫu, hướng dẫn sinh viên tự học, làm bài tập |
| 4.2. Lý thuyết lợi ích |  | 2 |  | 3 |  | 2 |
| 4.3. Lựa chọn sản phẩm và tiêu dùng tối ưu |  | 3 |  | 2 |  | 2 |
| 4.4. Phân tích Bàng quan - Ngân sách |  | 3 |  | 2 |  |  |
| Chương 5: Sản xuất - Chi phí - Lợi nhuận | 5.1. Lý thuyết sản xuất |  | 2 |  | 2 | 2 |  | Thuyết trình, làm mẫu, hướng dẫn sinh viên tự học, làm bài tập |
| 5.2. Lý thuyết chi phí |  | 2 |  | 2 | 2 |  |
| 5.3. Lợi nhuận |  | 3 |  | 2 |  |  |
| Chương 6: Cấu trúc thị trường | 6.1. Các loại thị trường |  | 2 |  |  |  | 2 | Thuyết trình, làm mẫu, hướng dẫn sinh viên tự học, làm bài tập |
| 6.2. Cạnh tranh hoàn hảo |  | 3 |  |  | 2 |  |
| 6.3. Độc quyền |  | 3 |  |  | 2 |  |
| 6.4. Cạnh tranh độc quyền |  | 2 |  |  | 2 |  |
| 6.5. Độc quyền tập đoàn |  | 2 |  |  | 2 |  |
| Chương 7: Thị trường lao động | 7.1. Cầu lao động |  |  | 2 |  |  | 2 | Thuyết trình, làm mẫu, hướng dẫn sinh viên tự học, |
| 7.2. Cung lao động |  |  | 2 |  |  | 2 |
| 7.3. Cân bằng trong thị trường lao động |  |  | 3 |  | 2 |  |
| Chương 8: Những thất bại của thị trường | 8.1. Hoạt động của thị trường |  |  | 3 |  |  | 2 | Thuyết trình, làm mẫu, hướng dẫn sinh viên tự học, |
| 8.2. Các thất bại của thị trường |  |  | 3 |  |  | 2 |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần cung cấp các kiến thức bao gồm các nội dung: khái quát về kinh tế học, lý thuyết cầu - cung, độ co giãn, lý thuyết lợi ích, sản xuất - chi phí - lợi nhuận, cấu trúc thị trường, thị trường lao động và những thất bại của thị trường.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu**  **đối với**  **sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Chương 1: Tổng quan về kinh tế học** | **10** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Giới thiệu tổng quan về kinh tế học  1.2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu  1.3. Lý thuyết lựa chọn kinh tế | 2 | - Đọc học liệu số 1chương 1  - Tham khảo học liệu [2] | Theo TKB;  Trên lớp |  |
| Bài tập | 1. Tổ chức học theo nhóm  2. Câu hỏi và bài tập chương 1 | 1 | Vận dụng lý thuyết để giải bài tập | Theo TKB;  Trên lớp, |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi đến lớp nghe giảng;  - Chuẩn bị các câu hỏi và bài tập tình huống;  - Vận dụng kiến thức sau bài giảng để giải quyết các câu hỏi và bài tập. | 7 | - Nghiên cứu giáo trình, TLTK  - Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 2: Lý thuyết cung cầu** | **20** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Cầu  2.2. Cung  2.3. Cân bằng cung cầu | 3 | - Đọc học liệu số 1 chương 2  - Tham khảo học liệu [2] | Theo TKB;  Trên lớp |  |
| Bài tập | 1. Tổ chức học theo nhóm, NC tình huống  2. Câu hỏi và bài tập chương 2 | 3 | Vận dụng lý thuyết để giải bài tập | Theo TKB;  Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.  - Chuẩn bị các câu hỏi và bài tập tình huống; | 14 | - Nghiên cứu giáo trình, TLTK  - Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 3: Độ co giãn** | **20** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1. Độ co giãn của cầu  3.2. Độ co giãn của cung theo giá | 3 | - Học học liệu số 1: Chương 3  - Tham khảo học liệu [2] | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | 1. Tổ chức học theo nhóm, NC tình huống  2. Câu hỏi và bài tập chương 3 | 3 | Vận dụng lý thuyết để giải bài tập | Theo TKB;  Trên lớp, |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.  - Chuẩn bị các câu hỏi và bài tập tình huống; | 14 | - Nghiên cứu giáo trình, TLTK  Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |  |
|  | **Chương 4: Lý thuyết lợi ích** | **30** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1. Những vấn đề chung  4.2. Lý thuyết lợi ích  4.3. Lựa chọn sản phẩm và tiêu dùng tối ưu  4.4. Phân tích Bàng quan; Ngân sách | 6 | - Học học liệu số 1: Chương 4  - Tham khảo học liệu [2] | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | 1. Tổ chức học theo nhóm, NC tình huống  2. Câu hỏi và bài tập chương 4 | 3 | Vận dụng lý thuyết để giải bài tập | Theo TKB;  Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi đến lớp nghe giảng;  - Chuẩn bị các câu hỏi và bài tập tình huống;  - Vận dụng kiến thức sau bài giảng để giải quyết các câu hỏi và bài tập. | 21 | - Nghiên cứu giáo trình, TLTK  Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 5: Sản xuất - Chi phí - Lợi nhuận** | **20** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1. Lý thuyết sản xuất  5.2. Lý thuyết chi phí  5.3. Lợi nhuận | 3 | - Học học liệu số 1: Chương 5  - Tham khảo học liệu [2] | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập; Kiểm tra | Bài tập chương 5  Kiểm tra thường xuyên 01 | 3 | Vận dụng lý thuyết để giải bài tập | Theo TKB;  Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi đến lớp nghe giảng;  - Chuẩn bị các câu hỏi và bài tập tình huống;  - Vận dụng kiến thức sau bài giảng để giải quyết các câu hỏi và bài tập. | 14 | - Nghiên cứu giáo trình, TLTK  - Vận dụng lý thuyết để bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 3** |  |  |  |  |
|  | **Chương 6: Cấu trúc thị trường** | **20** |  |  |  |
| Lý thuyết | 6.1. Các loại thị trường  6.2. Cạnh tranh hoàn hảo  6.3. Độc quyền  6.4. Cạnh tranh độc quyền  6.5. Độc quyền tập đoàn | 3 | - Nghiên cứu đề cương học phần  - Học học liệu số 1: Chương 6  - Tham khảo học liệu [2] | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | 1. Tổ chức học theo nhóm  2. Câu hỏi và bài tập chương 6 | 3 | Vận dụng lý thuyết để giải bài tập | Theo TKB;  Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi đến lớp nghe giảng;  - Chuẩn bị các câu hỏi và bài tập tình huống;  - Vận dụng kiến thức sau bài giảng để giải quyết các câu hỏi và bài tập. | 14 | - Nghiên cứu giáo trình, TLTK  Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 7: Thị trường lao động** | **20** |  |  |  |
| Lý thuyết | 7.1. Cầu lao động  7.2. Cung lao động  7.3. Cân bằng trong thị trường lao động | 3 | - Học học liệu số 1: Chương 7  - Tham khảo học liệu [2] | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập chương 7 | 3 | Vận dụng lý thuyết để giải bài tập | Lớp học.  Ở nhà |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi đến lớp nghe giảng;  - Chuẩn bị các câu hỏi và bài tập tình huống;  - Vận dụng kiến thức sau bài giảng để giải quyết các câu hỏi và bài tập. | 14 | Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 8. Những thất bại của thị trường** | **10** |  |  |  |
| Lý thuyết | 8.1. Hoạt động của thị trường  8.2. Các thất bại của thị trường | 1 | - Nghiên cứu đề cương học phần  - Học học liệu số 1: Chương 8  - Tham khảo học liệu [2]  - Chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của GV | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập, kiểm tra | - Bài tập chương 8.  - Kiểm tra thường xuyên 02 | 2 | Vận dụng lý thuyết để giải bài tập, làm bài kiểm tra | Theo TKB;  Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi đến lớp nghe giảng;  - Chuẩn bị các câu hỏi và bài tập tình huống;  - Vận dụng kiến thức sau bài giảng để giải quyết các câu hỏi và bài tập. | 7 | Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Giáo trình bắt buộc**

[1] Vũ Kim Dũng, Nguyễn Văn Công (2015), *Giáo trình Kinh tế học (Tập 1)*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Nguyễn Văn Dần, Nguyễn Hồng Nhung (2014), *Giáo trình Kinh tế vi mô I*, Nhà xuất bản tài chính, Hà Nội.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (Giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (Giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành,**  **thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn** |
| 1 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 2 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 3 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 4 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 5 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 6 | 2 |  | *1* |  |  | 7 |
| 7 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 8 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 9 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 10 | 1 | 1 | 1 |  |  | 7 |
| 11 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 12 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 13 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 14 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 15 | 1 | 1 | 1 |  |  | 7 |
| **Tổng cộng** | **24** | **2** | **19** |  |  | **105** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

**11.1. Thang điểm đánh giá**

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

**11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập (trọng số 10%)** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch6 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 buổi trừ 1%* | Ch6 | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thực hành, điểm tiểu luận (trọng số 30%)** | | | | | |
| 2 | Kiểm tra thường xuyên  (02 bài) | 30% | Bài 1: Bài kiểm tra trắc nghiệm.  Theo thang điểm, đáp án của giảng viên. | Ch1 đến Ch6 | 10 |
| Bài 2: Bài tập nhóm/Tiểu luận nhóm  Tiêu chí đánh giá: (i) Thời gian, nội dung và chất lượng đáp ứng yêu cầu (60%); (ii) Năng lực hợp tác, tương tác, chia sẻ (20%); (iii) Trình bày khoa học, đúng quy định (20%) | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần (trọng số 60%)** | | | | | |
| 3 | Thi trắc nghiệm | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1 đến Ch6 | 10 |

**11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ** | **Cấp độ nhận thức** | | **Tổng** | **Điểm** | **Thời gian thi** |
| **Nhớ - Hiểu (60%)** | **Vận dụng – Phân tích (40%)** |
| **Tín chỉ 1** | 12 | 8 | 20 | **4.0** | **75 phút** |
| **Tín chỉ 2** | 9 | 6 | 15 | **3.0** |
| **Tín chỉ 3** | 9 | 6 | 15 | **3.0** |
| **Tổng số câu** | **30** | **20** | **50** | **10.0** |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | **HIỆU TRƯỞNG**  **TS. Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO**  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Kinh tế vĩ mô

Mã học phần: KT2.1.002.3

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 03

- Loại học phần: Bắt buộc

-Yêu cầu đầu vào (Điều kiện tiên quyết): Không.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 30 giờ

+ Bài tập trên lớp: 13 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 02 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 105 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | ThS. Hoàng Anh Đào | 0979477846 | [hoanganhdaok47ftu@gmail.com](file:///E:\tra\Đề%20cương%20chỉnh%20sửa%20lần%202\copy\hoanganhdaok47ftu@gmail.com) |
| 2 | TS. Đỗ Hải Yến | 0978457229 | [dohaiyentq@gmail.com](mailto:dohaiyentq@gmail.com) |
| 3 | PGS.TS Nguyễn Thị Dương Nga | 0912766246 | [ngantd@gmail.com](mailto:ngantd@gmail.com) |
| 4 | ThS. Phạm Trung Nghĩa | 0943301678 | [phamnghiatc@gmail.com](mailto:phamnghiatc@gmail.com) |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*Mục tiêu chung:* Sau khi kết thúc học phần, người học có khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô vào giải các bài toán kinh tế và hiểu được tác động của các chính sách của Chính phủ đến nền kinh tế quốc dân.

*Mục tiêu cụ thể:*

Mt1: Khái quát những kiến thức tổng quan về kinh tế học vĩ mô

Mt 2: Phân tích các biến động kinh tế trên cơ sở các mô hình kinh tế và tác động của các chính sách điều tiết kinh tế vĩ mô của chính phủ.

Mt 3: Đo lường các biến số kinh tế vĩ mô quan trọng và mô hình hóa tác động của các chính sách kinh tế.

Mt 4: Có tinh thần học tập, nghiên cứu tích cực và nhận thức đúng đắn về trách nhiệm công dân trong sự phát triển chung của nền kinh tế quốc dân.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.002.3 | Kinh tế vĩ mô | CĐR 1 | CĐR 2 | CĐR 3 | CĐR 4 | CĐR 5 | CĐR 6 |
|  | **2** |  |  |  |  |
| CĐR 7 | CĐR 8 | CĐR 9 | CĐR 10 | CĐR 11 | CĐR 12 |
|  |  |  |  |  | **2** |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

| **Mục tiêu của HP** | | **CĐR của HP** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | | | |
| Mt1 | Ch1: Giải thích được các vấn đề tổng quan về nền kinh tế và các khái niệm cơ bản trong kinh tế học vĩ mô. | | CĐR 2 |
| Ch2: Vận dụng được các phương pháp đo lường các biến số kinh tế vĩ mô quan trọng. | |
| Ch3: Khái quát được các vấn đề tăng trưởng kinh tế và mối quan hệ giữa tiết kiệm và đầu tư trong hệ thống tài chính. | |
| Mt 2 | Ch4: Vận dụng mô hình tổng cung- tổng cầu của nền kinh tế để phân tích các biến động kinh tế và tác động của các chính sách điều tiết vĩ mô của chính phủ cũng như lý giải một số vấn đề kinh tế vĩ mô chủ yếu trong nền kinh tế mở. | |
| **Kỹ năng** | | | |
| Mt 3 | | ***Kỹ năng cứng*** | |
| Ch5: Tính toán các biến số kinh tế vĩ mô quan trọng của nền kinh tế. | CĐR 2 |
| Ch6: Phân tích tác động của các chính sách điều tiết kinh tế vĩ mô của chính phủ đến nền kinh tế quốc dân. |
| ***Kỹ năng mềm*** | |
| Ch7: Sử dụng linh hoạt các kỹ năng mềm để luận giải các vấn đề thực tiễn của nền kinh tế vĩ mô. | CĐR 2 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | | |
| Mt 4 | | Ch8: Có tinh thần học tập, tự nghiên cứu tích cực, phương pháp học tập khoa học và nhận thức đúng đắn về trách nhiệm công dân trong phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội. | CĐR 12 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | | **Kĩ năng** | | | **Mức độ TC và TN** | **Phương pháp**  **dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Nội dung** | **Cứng** | | **Mềm** |
| **Ch1** | **Ch2** | **Ch 3** | **Ch 4** | **Ch 5** | **Ch 6** | **Ch 7** | **Ch 8** |
| **Chương 1**  **Tổng quan về kinh tế học vĩ mô** | 1.1. Kinh tế học là gì? | 1 |  |  |  |  |  |  |  | Thuyết trình |
| 1.2. Kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô | 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.3. Một số vấn đề kinh tế vĩ mô then chốt | 2 |  |  |  |  |  | 2 | 2 |
| 1.4. Các nhà kinh tế tư duy như thế nào? | 1 |  |  |  |  |  |  | 2 | Giải quyết vấn đề, NC tình huống |
| 1.5. Mười nguyên lý của kinh tế học | 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| **Chương 2**  **Đo lường các biến số kinh tế vĩ mô** | 2.1. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) |  | 2 |  |  | 2 |  |  | 2 | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm, mô phỏng |
| 2.2. Đo lường chỉ số giá tiêu dùng (CPI) |  | 2 |  |  | 2 |  |  | 2 |
| **Chương 3**  **Tăng trưởng kinh tế** | 3.1. Tăng trưởng kinh tế trên thế giới |  |  | 1 |  |  |  |  |  | NC tình huống |
| 3.2. Nguồn gốc của tăng trưởng kinh tế |  |  | 2 |  |  |  | 2 | 2 | Thuyết trình, NC trường hợp, mô hình hoá |
| 3.3. Chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế |  |  | 2 |  |  | 2 |  | 2 |
| **Chương 4**  **Tiết kiệm, đầu tư và hệ thống tài chính** | 4.1. Hệ thống tài chính |  |  | 1 |  |  |  | 2 |  | Thuyết trình |
| 4.2. Thị trường vốn vay |  |  | 2 |  |  |  | 2 |  | Thuyết trình, NC tình huống |
| 4.3. Tác động của chính sách đối với tiết kiệm và đầu tư |  |  | 2 |  |  | 2 |  | 2 |
| **Chương 5**  **Thất nghiệp** | 5.1. Khái niệm và đo lường thất nghiệp | 1 |  |  |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình |
| 5.2. Phân loại thất nghiệp |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |
| 5.3. Tác động của thất nghiệp |  |  |  |  |  | 2 | 2 | 2 | Tổ chức học theo nhóm |
| **Chương 6**  **Tầu cầu – Tổng cung** | 6.1. Mô hình tổng cầu và tổng cung |  |  |  | 2 |  | 2 |  |  | Thuyết trình |
| 6.2. Nguyên nhân gây ra biến động kinh tế trong ngắn hạn và vai trò của các chính sách ổn định |  |  |  | 2 |  | 2 |  | 2 | Thuyết trình, mô hình hoá |
| **Chương 7**  **Tổng cầu và chính sách tài khóa** | 7.1. Cách tiếp cận thu nhập – chi tiêu |  | 1 |  |  |  |  |  |  | Thuyết trình, xây dựng khái niệm |
| 7.2. Mô hình xác định sản lượng cho nền kinh tế giản đơn |  |  |  | 2 | 2 |  |  |  | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm, mô phỏng |
| 7.3. Mô hình xác định sản lượng cho nền kinh tế đóng có sự tham gia của chính phủ |  |  |  | 2 | 2 |  |  | 2 |
| 7.4. Mô hình xác định sản lượng cho nền kinh tế mở |  |  |  | 2 | 2 |  |  | 2 |
| 7.5. Cách tiếp cận thu nhập – chi tiêu và phân tích tổng cung – tổng cầu |  | 1 |  | 2 |  |  |  | 2 |
| 7.6. Chính sách tài khóa |  |  |  | 2 |  | 2 |  | 2 |
| **Chương 8**  **Tiền tệ và chính sách tiền tệ** | 8.1. Khái niệm và đo lường tiền | 1 |  |  |  |  |  |  |  | Xây dựng khái niệm |
| 8.2. Hệ thống ngân hàng và cung tiền | 1 |  |  |  |  |  |  | 2 |
| 8.3. Lý thuyết ưa thích thanh khoản | 2 |  |  |  |  | 2 | 2 |  | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm, NC tình huống |
| 8.4. Tác động của chính sách tiền tệ |  |  |  | 2 |  | 2 |  | 2 |
| 8.5. Sự tương tác giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ |  |  |  | 2 |  |  | 2 | 2 |
| **Chương 9**  **Lạm phát** | 9.1. Khái niệm và đo lường | 1 |  |  |  |  |  |  |  | Thuyết trình |
| 9.2. Các nguyên nhân gây ra lạm phát |  |  |  | 2 |  |  | 2 | 2 | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm, NC tình huống, mô phỏng |
| 9.3. Những tổn thất xã hội của lạm phát |  |  |  | 2 |  |  | 2 | 2 |
| 9.4. Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp |  |  |  |  |  |  | 2 | 2 |
| **Chương 10**  **Kinh tế vĩ mô cho nền kinh tế mở** | 10.1. Cán cân thanh toán | 2 |  |  |  |  |  |  |  | Thuyết trình |
| 10.2. Tỷ giá hối đoái |  |  |  | 2 | 2 |  | 2 |  |
| 10.3. Quản lý TGHĐ |  |  |  | 2 |  | 2 |  | 2 | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm |
| 10.4. Tác động của sự thay đổi tỷ giá hối đoái đến nền kinh tế |  |  |  | 2 |  | 2 |  | 2 |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề khái quát của nền kinh tế vĩ mô, đo lường các biến số kinh tế vĩ mô quan trọng và tăng trưởng kinh tế; xây dựng và phân tích các mô hình kinh tế nhằm giải thích các biến động kinh tế trong ngắn hạn, sự vận động của nền kinh tế trong dài hạn và các vấn đề của nền kinh tế mở.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu đối với sinh viên** | **Thời gian, địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ 1** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 1**  **Tổng quan về kinh tế học vĩ mô** | **10** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Kinh tế học là gì?  1.2. Kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô  1.3. Một số vấn đề kinh tế vĩ mô then chốt  1.4. Các nhà kinh tế tư duy như thế nào?  1.5. Mười nguyên lý của kinh tế học | 3 | - Học liệu số 1, chương 1;  - Tham khảo học liệu số 2. | Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 7 | - Nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo.  - Làm bài tập, chỉ ra vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 2**  **Đo lường các biến số kinh tế vĩ mô** | **10** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Tổng sản phẩm trong nước  2.2. Đo lường chỉ số giá tiêu dùng  2.3 So sánh chỉ số điều chỉnh GDP và chỉ số giá tiêu dùng | 2 | - Học liệu số 1, chương 2  - Tham khảo học liệu số 2 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và Bài tập chương 2 | 1 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Tự đọc phần “Vận dụng CPI trong thực tiễn: Điều chỉnh các biến số kinh tế theo lạm phát” ;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 7 | - Nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo,  - Làm bài tập, chỉ ra vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 3**  **Tăng trưởng kinh tế** | **20** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1. Tăng trưởng kinh tế trên thế giới  3.2. Nguồn gốc của tăng trưởng kinh tế  3.3. Chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế | 3 | - Học liệu số 1, chương 3  - Tham khảo học liệu số 2 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 3 | 3 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Tự đọc mục IV và các tình huống trong chương 3.  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 14 | - Nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo  - Làm bài tập, chỉ ra vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 4**  **Tiết kiệm, đầu tư và hệ thống tài chính** | **10** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1. Hệ thống tài chính  4.2. Thị trường vốn vay  4.3. Tác động của chính sách đối với tiết kiệm và đầu tư | 2 | - Học liệu số 1, chương 4;  - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 4 | 1 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.  - Ôn tập nội dung tín chỉ 1. | 7 | - Nghiên cứu giáo trình, TLTK  - Làm bài tập, nêu vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
| **Tín chỉ 2** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 5**  **Thất nghiệp** | **10** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1. Khái niệm và đo lường thất nghiệp  5.2. Phân loại thất nghiệp  5.3. Tác động của thất nghiệp | 2 | - Học liệu số 1, chương 5;  - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 5 | 1 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 7 | - Nghiên cứu giáo trình, TLTK  - Làm bài tập, chỉ ra vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 6**  **Tổng cầu và tổng cung** | **20** |  |  |  |
| Lý thuyết | 6.1. Mô hình tổng cầu và tổng cung  6.2. Nguyên nhân gây ra biến động kinh tế ngắn hạn và vai trò của các chính sách ổn định | 4 | - Học liệu số 1, chương 6;  - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập, kiểm tra | 1. Câu hỏi và bài tập chương 6  2. Kiểm tra thường xuyên số 1 | 2 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập.  Làm bài kiểm tra | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 14 | - Nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo  - Làm bài tập, chỉ ra vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 7**  **Tổng cầu và chính sách tài khóa** | **20** |  |  |  |
| Lý thuyết | 7.1. Cách tiếp cận thu nhập – chi tiêu  7.2. Mô hình xác định sản lượng trong nền kinh tế giản đơn  7.3. Mô hình xác định sản lượng trong nền kinh tế đóng có sự tham gia của chính phủ  7.4. Mô hình xác định sản lượng trong nền kinh tế mở  7.5. Cách tiếp cận thu nhập – chi tiêu và phân tích tổng cầu – tổng cung  7.6. Chính sách tài khóa | 4 | - Học liệu số 1, chương 7;  - Tham khảo học liệu số 2 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 7 | 2 | Nắm vững kiến thức lý thuyết chương 7 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Tự đọc, tự nghiên cứu mục 7.6.4 “Ngân sách của chính phủ Việt Nam”;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.  - Ôn tập nội dung tín chỉ 2. | 14 | - Đọc tài liệu, tự nghiên cứu và làm bài tập sau khi nghe giảng, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.  - Ôn tập để làm bài kiểm tra. | Thư viện,  Ở nhà |  |
| **Tín chỉ 3** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 8**  **Tiền tệ và chính sách tiền tệ** | **20** |  |  |  |
| Lý thuyết | 8.1. Khái niệm và đo lường tiền tệ  8.2. Hệ thống ngân hàng và cung tiền  8.3. Lý thuyết ưa thích thanh khoản  8.4. Tác động của chính sách tiền tệ  8.5 Sự tương tác giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ | 4 | - Học liệu số 1, chương 8;  - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và Bài tập chương 8 | 2 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 14 | - Nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo  - Làm bài tập, chỉ ra vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 9**  **Lạm phát** | **10** |  |  |  |
| Lý thuyết | 9.1. Khái niệm và đo lường  9.2. Nguyên nhân gây ra lạm phát  9.3. Những tổn thất xã hội của lạm phát  9.4. Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp | 2 | - Học liệu số 1, chương 9;  - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 9 | 1 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Nghiên cứu tình huống  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 7 | - Nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo.  - Làm bài tập, chỉ ra vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 10**  **Kinh tế vĩ mô của nền kinh tế mở** | **20** |  |  |  |
| Lý thuyết | 10.1. Cán cân thanh toán  10.2. Tỷ giá hối đoái  10.3. Quản lý tỷ giá hối đoái  10.4. Tác động của sự thay đổi tỷ giá hối đoái đến nền kinh tế | 4 | - Học liệu số 1, chương 10;  - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập, kiểm tra | 1. Câu hỏi và bài tập chương 10  2. Kiểm tra thường xuyên 02 | 2 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập.  Kiểm tra | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.  - Ôn tập. | 14 | - Nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo.  - Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

[1]. Nguyễn Văn Công (2012), *Giáo trình Nguyên lý kinh tế học vĩ mô*, NXB giáo dục Việt Nam.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2]. Vũ Kim Dũng và Nguyễn Văn Công (2015), *Giáo trình Kinh tế học- Tập II*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

[3]. Nguyễn Văn Dân và Đỗ Thị Thục (2018), *Giáo trình Kinh tế vĩ mô I*, NXB Tài Chính.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận** |
| 1 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 2 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 3 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 4 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 5 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 6 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 7 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 8 | 1 | 1 | 1 |  |  | 7 |
| 9 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 10 |  | 1 | 2 |  |  | 7 |
| 11 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 12 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 13 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 14 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 15 | 1 | 1 | 1 |  |  | 7 |
| **Tổng cộng** | **30** | **02** | **13** |  |  | **105** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của người học**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập (trọng số 10%)** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch8 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 buổi trừ 1%* | Ch8 | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thực hành, điểm tiểu luận (trọng số 30%)** | | | | | |
| 2 | Kiểm tra thường xuyên tự luận  (02 bài) | 30% | Bài 1: Bài kiểm tra tự luận  (i) Nội dung đầy đủ; (ii) Kiến thức chính xác; (iii) Trình bày khoa học.  Theo đáp án, thang điểm của giảng viên  Bài 2: Bài tập nhóm/tiểu luận  Tiêu chí đánh giá: (i) Thời gian, nội dung và chất lượng đáp ứng yêu cầu (60%); (ii) Năng lực hợp tác, tương tác, chia sẻ (20%); (iii) Trình bày khoa học, đúng yêu cầu (20%) | Ch1 đến Ch8 | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần (trọng số 60%)** | | | | | |
| 3 | Thi tự luận | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1 đến Ch8 | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi***

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấu trúc đề thi** | **Thời gian làm bài** |
| - Đề thi gồm 03 câu:  + Câu 1(4.0 điểm): Cấp độ nhớ và hiểu  + Câu 2 (3.0 điểm): Cấp độ áp dụng và phân tích  + Câu 3 (3.0 điểm): Cấp độ áp dụng và phân tích  Đề thi đánh giá được nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc các tín chỉ của học phần  - Cấp độ nhận thức: 40% nhớ và hiểu; 60% áp dụng và phân tích. | 90 phút |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Luật Kinh tế

Mã học phần: KT2.1.009.3

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 03

- Loại học phần: Bắt buộc

- Yêu cầu đầu vào: Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 30 giờ

+ Bài tập trên lớp: 13 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 02 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 105 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa kinh tế VÀ QTKD

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | ThS. Phạm Trung Nghĩa | 0943.301.678 | phamnghiatc@gmail.com |
| 2 | ThS.Trần Hương Giang | 0825.138.500 | huonggiangtq90@gmail.com |
| 3 | ThS. Đỗ Thị Mỹ Huyền | 0975.295.459 | dothimyhuyen@gmail.com |
| 4 | TS. Phạm Duy Hưng | 0965.523.368 | Pdhung@tqu.edu.vn |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:* Học phần trang bị cho người học kiến thức pháp luật trong lĩnh vực kinh tế như: pháp luật về doanh nghiệp và các hình thức tổ chức kinh doanh khác, pháp luật về hợp đồng kinh doanh thương mại, pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại, pháp luật về giải thể và phá sản doanh nghiệp.

-  *Mục tiêu cụ thể:*

Mt1: Khái quát các kiến thức cơ bản của Luật về việc tổ chức, quản lý điều hành, giải thể và phá sản đối với các loại hình doanh nghiệp.

Mt 2: Tóm Tắt được các nội dung cơ bản về pháp luật phá sản và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh.

Mt 3: Xác định được các loại hình kinh doanh theo Luật doanh nghiệp. Soạn thảo được các hợp đồng kinh doanh cơ bản.Giải quyết một số tình huống xảy ra tranh chấp trong kinh doanh và phá sản doanh nghiệp.

Mt 4: Vận dụng được những kiến thức pháp luật vào thực tế hoạt động quản lý kinh tế, tài chính, kế toán trong đơn vị.

Mt 5:Có ý thức tôn trọng, tuân thủ các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế. Luôn chủ động cập nhật những văn bản pháp luật mới về kinh tế để áp dụng trong đơn vị.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.009.3 | Luật kinh tế | CĐR 1 | CĐR 2 | CĐR 3 | CĐR 4 | CĐR 5 | CĐR 6 |
|  | **2** |  |  |  |  |
| CĐR 7 | CĐR 8 | CĐR 9 | CĐR 10 | CĐR 11 | CĐR 12 |
|  |  |  |  | **2** |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

| **Mục tiêu**  **của HP** | **Chuẩn đầu ra của học phần** | **CĐR**  **của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Khái quát được những vấn đề chung về pháp luật kinh tế, nội dung chủ yếu của pháp luật về chủ thể kinh doanh. | CĐR 2 |
| Ch2: Diễn giải được đặc điểm cơ bản của hợp đồng, điều kiện kí kết và có hiệu lực, các biện pháp đảm bảo thực hiện cũng như trách nhiệm pháp lý của các bên. | CĐR 2 |
| Mt2 | Ch3: Phân tích được dấu hiệu của một doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản và trình tự thủ tục để giải quyết. | CĐR 2 |
| Ch4: Tóm tắt được các hình thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh như: trọng tài, tòa án. | CĐR 2 |
| **Kỹ năng** | | |
| ***Kĩ năng cứng*** | | |
|  | Ch5: Xác định được các loại hình kinh doanh, quyền và nghĩa vụ của chủ thể kinh doanh theo Luật doanh nghiệp. Soạn thảo được các hợp đồng kinh doanh cơ bản trong doanh nghiệp. | CĐR 2 |
| Mt3 | Ch6: Áp dụng các căn cứ pháp lý để giải quyết một số tình huống xảy ra tranh chấp trong kinh doanh và phá sản doanh nghiệp. | CĐR 2 |
| ***Kĩ năng mềm*** | | |
| Mt4 | Ch7: Vận dụng được những kiến thức pháp luật vào thực tế hoạt động quản lý kinh tế, tài chính, kế toán trong đơn vị. | CĐR 2 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt5 | Ch8: Tôn trọng, tuân thủ các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế. Luôn chủ động cập nhật những văn bản pháp luật mới. | CĐR 11 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | | **Kĩ năng** | | | **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Nội dung** | ***Cứng*** | | ***Mềm*** |
| **Ch1** | **Ch2** | **Ch3** | **Ch4** | **Ch5** | **Ch6** | **Ch7** | **Ch8** |
| **Chương 1: Môi trường pháp lý cho hoạt động kinh doanh** | 1.1. Khuôn khổ pháp lý cho hoạt động kinh doanh | 2 |  |  |  |  |  |  | 1 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 1.2.Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp | 2 |  |  |  |  |  | 2 | 2 |
| 1.3.Quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh | 1 |  |  |  |  |  | 2 | 2 |
| **Chương 2: Quy chế pháp lý chung về thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp** | 2.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại doanh nghiệp | 1 |  |  |  |  |  | 1 | 2 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 2.2. Điều kiện, thủ tục thành lập và hoạt động doanh nghiệp. |  |  |  |  | 2 |  | 1 | 2 |
| 2.3. Thực hiện những thay đổi của doanh nghiệp |  |  |  |  | 2 |  | 2 | 2 |
| 2.4. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp |  |  |  |  | 2 |  | 2 | 2 |
| 2.5. Pháp luật đầu tư | 2 |  |  |  |  |  | 2 | 2 |
| **Chương 3: Pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần** | 3.1. Công ty trách nhiệm hữu hạn | 2 |  |  |  | 2 |  |  | 2 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 3.2. Công ty cổ phần | 2 |  |  |  | 2 |  |  | 2 |
| 3.3. Doanh nghiệp nhà nước | 2 |  |  |  | 2 |  |  | 2 |
| **Chương 4: Pháp luật về doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh** | 4.1. Doanh nghiệp tư nhân | 2 |  |  |  | 2 |  |  | 2 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 4.2. Công ty hợp danh | 2 |  |  |  | 2 |  |  | 2 |
| **Chương 5: Pháp luật về các hình thức tổ chức kinh doanh khác** | 5.1. Nhóm công ty | 2 |  |  |  | 2 |  |  | 2 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 5.2. Hợp tác xã | 2 |  |  |  | 2 |  |  | 2 |
| 5.3. Hộ kinh doanh | 2 |  |  |  | 2 |  |  | 2 |
| 5.4. Tổ hợp tác | 2 |  |  |  | 2 |  |  | 2 |
| **Chương 6: Pháp luật hợp đồng kinh doanh, thương mại** | 6.1. Khái quát pháp luật hợp đồng và hợp đồng kinh doanh thương mại |  | 2 |  |  | 1 |  |  |  | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 6.2. Một số quy định chung của Bộ luật dân sự về hợp đồng |  | 1 |  |  | 2 |  | 2 |  |
| 6.3. Những quy định riêng về hợp đồng trong hoạt động thương mại |  | 1 |  |  | 2 |  | 2 |  |
| 6.4. Hợp đồng mua bán hàng hóa |  | 2 |  |  | 2 |  | 2 |  |
| 6.5. Hợp đồng dịch vụ |  | 2 |  |  | 2 |  | 2 |  |
| **Chương 7: Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại** | 7.1. Khái quát chung về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại |  |  |  | 2 |  | 2 |  | 2 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 7.2. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh bằng trọng tài thương mại |  |  |  | 2 |  | 2 |  | 2 |
| 7.3. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh bằng tòa án nhân dân |  |  |  | 2 |  | 2 |  | 2 |
| **Chương 8: Pháp luật về giải thể và phá sản** | 8.1. Pháp luật về giải thể |  |  | 2 |  |  | 2 |  | 2 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 8.2. Pháp luật về phá sản |  |  | 2 |  |  | 2 |  | 2 |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Luật kinh tế cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Môi trường pháp lý cho hoạt động kinh doanh, quy chế pháp lý chung về thành lập, tổ chức quản lý hoạt động, giải thể, phá sản đối với các loại hình kinh doanh. Pháp luật về hợp đồng kinh doanh, giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại bằng các hình thức chủ yếu tại Việt Nam theo quy định của luật hiện hành.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu**  **đối với**  **sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Chương 1: Môi trường pháp lý cho hoạt động kinh doanh** | **13** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Khuôn khổ pháp lý cho hoạt động kinh doanh  1.2.Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp  1.3.Quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh | 3 | Nghiên cứu học liệu số 1 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập tình huống chương 1 | 1 | Nắm vững lý thuyết, vận dụng xử lý tình huống | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học,nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi | 9 | Nghiên cứu tài liệu | Thư viện,Ở nhà |  |
|  | **Chương 2: Quy chế pháp lý chung về thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp** | **20** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại doanh nghiệp  2.2. Điều kiện, thủ tục thành lập và hoạt động doanh nghiệp.  2.3. Thực hiện những thay đổi của doanh nghiệp  2.4. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp  2.5. Pháp luật đầu tư | 4 | Nghiên cứu học liệu số 1,2 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập tình huống chương 2 | 2 | Nắm vững lý thuyết, vận dụng xử lý tình huống | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng, chuẩn bị các vấn đề cần giải đáp | 14 | Nghiên cứu lý thuyết, chỉ ra vấn đề cần giải đáp | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 3: Pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần** | **17** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1. Công ty trách nhiệm hữu hạn  3.2. Công ty cổ phần  3.3. Doanh nghiệp nhà nước | 3 | Nghiên cứu học liệu số 1 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập tình huống chương 3  Các nội dung thuộc TC1. | 2 | Nắm vững lý thuyết, vận dụng xử lý tình huống | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; đề xuất các vấn đề cần giải đáp | 12 | Nghiên cứu, chỉ ra vấn đề cần giải đáp | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |  |
|  | **Chương 4: Pháp luật về doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh** | **17** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1. Doanh nghiệp tư nhân  4.2. Công ty hợp danh | 4 | Nghiên cứu học liệu số 1 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập tình huống chương 4 | 1 | Nắm vững lý thuyết, vận dụng xử lý tình huống | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; | 12 | Nghiên cứu lý thuyết, chỉ ra vấn đề cần giải đáp | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 5: Pháp luật về các hình thức tổ chức kinh doanh khác** | **17** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1. Nhóm công ty  5.2. Hợp tác xã  5.3. Hộ kinh doanh  5.4. Tổ hợp tác | 3 | Nghiên cứu học liệu số 1 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập, kiểm tra | Bài tập tình huống chương 5  Kiểm tra | 2 | Nắm vững lý thuyết, vận dụng xử lý tình huống | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng | 12 | Nghiên cứu lý thuyết, chỉ ra vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 6: Pháp luật hợp đồng kinh doanh, thương mại** | **16** |  |  |  |
| Lý thuyết | 6.1. Khái quát pháp luật hợp đồng và hợp đồng kinh doanh thương mại  6.2. Một số quy định chung của Bộ luật dân sự về hợp đồng  6.3. Những quy định riêng về hợp đồng trong hoạt động thương mại  6.4. Hợp đồng mua bán hàng hóa  6.5. Hợp đồng dịch vụ | 4 | Nghiên cứu học liệu số 1, | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập tình huống chương 6 | 1 | Nắm vững lý thuyết, vận dụng xử lý tình huống | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng | 11 | Nghiên cứu lý thuyết, chỉ ra vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 3** |  |  |  |  |
|  | **Chương 7: Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại** | **25** |  |  |  |
| Lý thuyết | 7.1. Khái quát chung về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại  7.2. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh bằng trọng tài thương mại  7.3. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh bằng tòa án nhân dân | 4 | Nghiên cứu học liệu số 1, 2 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập tình huống chương 7 | 3 | Nắm vững lý thuyết, vận dụng xử lý tình huống | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng | 18 | Nghiên cứu lý thuyết, chỉ ra vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 8: Pháp luật về giải thể và phá sản** | **25** |  |  |  |
| Lý thuyết | 8.1. Pháp luật về giải thể  8.2. Pháp luật về phá sản | 5 | Nghiên cứu học liệu số 1 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập, Kiểm tra | Bài tập tình huống chương 8  Kiểm tra | 3 | Nắm vững lý thuyết, vận dụng xử lý tình huống | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng | 17 | Nghiên cứu lý thuyết, chỉ ra vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Nguyễn Hợp Toàn – Dương Nguyệt Nga (2015), *Giáo trình Pháp luật kinh tế,* Nxb đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Tô Thanh Mai – Đoàn Thị Hải Yến (2023), Giáo trình Pháp luật kinh tế, Nxb Tài chính, Hà Nội.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn** |
| 1 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 2 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 3 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 4 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 5 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 6 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 7 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 8 | 2 | 1 |  |  |  | 7 |
| 9 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 10 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 11 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 12 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 13 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 14 | 1 | 1 | 1 |  |  | 7 |
| 15 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| **Tổng cộng** | **30** | **02** | **13** |  |  | **105** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch8 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Bài kiểm tra thường xuyên  ( 02 bài) | 30% | Bài 1: bài tập nhóm/ tiểu luận  Tiêu chí đánh giá:  - Thời gian, nội dung và chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu (60%)  - Năng lực hợp tác, tương tác, chia sẻ,kỹ năng thao tác và năng lực trình bày báo cáo (20%)  - Trình bày khoa học, đúng quy định (20%) | Ch1 đến Ch8 | 10 |
| Bài 2: Bài kiểm tra trắc nghiệm.  Tiêu chí đánh giá: theo thang điểm, đáp án của giảng viên |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Trắc nghiệm | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1đến Ch 8 | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ** | **Cấp độ nhận thức** | | **Tổng** | **Điểm** | **Thời gian thi** |
| **Biết/ Hiểu (40%)** | **Vận dụng/ Phân tích (60%)** |
| Tín chỉ 1 | 6 | 9 | 15 | 3 | 60phút |
| Tín chỉ 2 | 6 | 9 | 15 | 3 |
| Tín chỉ 3 | 8 | 12 | 20 | 4 |
| Tổng số câu | **20** | **30** | **50** | **10** |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Nguyên lý kế toán

Mã học phần: KT2.1.005.3

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 3

- Loại học phần: Bắt buộc

- Yêu cầu đầu vào: Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

+ Học lý thuyết trên lớp: 30 giờ

+ Bài tập trên lớp: 14 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 1 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 105 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | ThS. Đinh Thị Lan | 0987.423.415 | [landtl17a.hua@gmail.com](mailto:landtl17a.hua@gmail.com) |
| 2 | TS. Trần Thị Diên | 0987578358 | [tranthidien1979@gmail.com](mailto:tranthidien1979@gmail.com) |
| 3 | ThS. Nguyễn Thị Kim Ngân | 0988.798.307 | ngankim30788@gmail.com |
| 4 | TS. Phạm Duy Hưng | 096 5522368 | [pdhung@tqu.edu.vn](mailto:pdhung@tqu.edu.vn) |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:*

Học phần giúp người học có những kiến thức và kĩ năng cơ bản về hạch toán kế toán. Người học nắm được những nguyên tắc, phương pháp, trình tự và nội dung hạch toán kế toán, làm cơ sở để học các học phần nghiệp vụ kế toán chuyên ngành.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt1: Có kiến thức cơ bản về bản chất, đối tượng và phương pháp hạch toán kế toán; các hình thức kế toán và tổ chức công tác kế toán.

Mt2: Có kỹ năng cơ bản trong việc thực hiện quy trình và phương pháp thu thập – xử lí – cung cấp thông tin tài chính kế toán của đơn vị.

Mt3: Tuân thủ nguyên tắc, phương pháp và quy trình hạch toán kế toán. Hình thành phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp kế toán.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.005.3 | Nguyên lý kế toán | **CĐR 1** | **CĐR 2** | **CĐR 3** | **CĐR 4** | **CĐR 5** | **CĐR 6** |
|  |  | **2** |  |  |  |
| **CĐR 7** | **CĐR 8** | **CĐR 9** | **CĐR 10** | **CĐR 11** | **CĐR 12** |
|  |  |  |  | **2** |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của học phần** | **CĐR của CTĐT** |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Khái quát được bản chất, đối tượng và phương pháp hạch toán kế toán. | CĐR 3 |
| Ch2: Vận dụng được các phương pháp kế toán để thu thập – xử lý – cung cấp thông tin kế toán ở mức độ cơ bản. | CĐR 3 |
| Ch3: Lựa chọn sổ kế toán, hình thức kế toán phù hợp trong tổ chức công tác kế toán. | CĐR 3 |
| **Kỹ năng** | | |
| Mt 2 | ***Kĩ năng cứng*** |  |
| Ch4: Thực hiện được việc lập chứng từ, tính giá và định khoản kế toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh ở mức độ cơ bản. | CĐR 3 |
| Ch5: Ghi sổ và tổng hợp được một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của đơn vị kế toán. | CĐR 3 |
| ***Kĩ năng mềm*** |  |
| Ch6: Có kỹ năng tính toán chính xác trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế - tài chính nhằm giải quyết vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn theo quy định hiện hành. | CĐR 3 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt 3 | Ch7: Tuân thủ các nguyên tắc kế toán. Thực hiện các công việc kế toán theo đúng trình tự và phương pháp kế toán. Từng bước hình thành phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp kế toán. | CĐR 11 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | **Kĩ năng** | | | **Mức độ tự chủ và TN** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Nội dung** | **Cứng** | | **Mềm** |
| **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch 3** | **Ch 4** | **Ch 5** | **Ch 6** | **Ch 7** |
| Chương 1  Tổng quan về kế toán | 1.1. Sự hình thành và phát triển kế toán | 1 |  |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình, tổ chức học tập theo nhóm |
| 1.2. Các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của khoa học kế toán | 1 |  |  |  |  |  | 2 |
| 1.3. Đối tượng sử dụng thông tin kế toán | 1 |  |  |  |  |  | 2 |
| 1.4. Vai trò của kế toán trong hệ thống quản lý kinh tế | 1 |  |  |  |  |  | 2 |
| 1.5. Yêu cầu đối với thông tin kế toán | 1 |  |  |  |  |  | 2 |
| Chương 2  Phương pháp chứng từ kế toán | 2.1. Phương pháp chứng từ kế toán |  | 2 |  |  |  |  | 1 | Thuyết trình, làm mẫu, nghiên cứu tình huống |
| 2.2. Chứng từ kế toán |  |  |  | 1 |  |  | 2 |
| 2.3. Phương pháp kiểm kê tài sản |  | 2 |  | 1 |  |  |  |
| Chương 3  Phương pháp tài khoản kế toán | 3.1. Phương pháp tài khoản kế toán |  | 2 |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình, làm mẫu, nghiên cứu tình huống |
| 3.2. Tài khoản kế toán |  | 2 |  |  |  |  | 1 |
| 3.3. Cách ghi chép vào tài khoản kế toán |  |  |  | 2 |  |  | 1 |
| Chương 4  Phương pháp tính giá và Kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu | 4.1. Phương pháp tính giá |  | 2 |  | 2 |  |  | 2 | Thuyết trình, làm mẫu, nghiên cứu tình huống |
| 4.2. Kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu |  | 2 |  | 2 |  |  | 2 |
| Chương 5  Phương pháp tổng hợp - cân đối kế toán | 5.1. Khái niệm và ý nghĩa phương pháp tổng hợp - Cân đối kế toán |  | 1 |  |  |  |  | 1 | Thuyết trình, đàm thoại |
| 5.2. Hệ thống bảng tổng hợp – cân đối kế toán |  | 2 |  |  |  |  | 1 |
| 5.3. Yêu cầu và những công việc chuẩn bị trước khi lập bảng tổng hợp – cân đối kế toán |  | 2 |  |  |  |  | 1 |
| 5.4. Bảng cân đối kế toán |  |  |  |  | 2 | 2 |  |
| 5.5. Báo cáo kết quả kinh doanh |  |  |  |  | 2 | 2 |  |
| Chương 6  Sổ kế toán và các hình thức kế toán | 6.1. Sổ kế toán |  |  | 2 |  |  |  | 2 | Thuyết trình, đàm thoại |
| 6.2. Hình thức kế toán |  |  | 2 |  |  |  | 2 |
| Chương 7  Tổ chức công tác kế toán | 7.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ tổ chức công tác kế toán |  |  | 2 |  |  |  | 1 | Thuyết trình, mô phỏng |
| 7.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán |  |  | 2 |  |  |  | 2 |
| Chương 8  Hệ thống pháp lý kế toán | 8.1. Sự cần thiết và cơ sở thiết lập hệ thống pháp lý kế toán |  |  |  |  |  | 2 | 2 | Thuyết trình, đàm thoại |
| 8.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hệ thống pháp lý kế toán quốc gia |  |  |  |  |  | 2 | 2 |
| 8.3. Các thành tố của hệ thống pháp lý kế toán quốc gia |  |  |  |  |  | 2 | 2 |
| 8.4. Hệ thống pháp lý kế toán Việt Nam |  |  |  |  |  | 2 | 2 |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần nghiên cứu những nội dung lý thuyết cơ bản về hạch toán kế toán như: Bản chất, chức năng, vai trò, nguyên tắc, chuẩn mực của hạch toán kế toán. Phân loại tài sản theo kết cấu vốn và nguồn hình thành tài sản; Hệ thống các phương pháp chuyên môn của kế toán; sổ kế toán và các hình thức kế toán; báo cáo kế toán; hình thức tổ chức bộ máy kế toán hiện nay đang áp dụng trong các loại hình doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức**  **dạy học** | **Nội dung chính** | **Số**  **giờ** | **Yêu cầu**  **đối với**  **sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Chương 1**  **Tổng quan về kế toán** | **14** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Sự hình thành và phát triển kế toán  1.2. Các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của khoa học kế toán  1.3. Đối tượng sử dụng thông tin kế toán  1.4. Vai trò của kế toán trong hệ thống quản lý kinh tế  1.5. Yêu cầu đối với thông tin kế toán | 3 | - Nghe giảng;  - Đọc học liệu: chương 1;  - Trả lời các các câu hỏi vấn đáp. | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi bài tập chương 1 | 1 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 1. | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Tự học,  tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng;  - Giải đáp các câu hỏi ôn tập của chương 1 | 10 | Hoàn thành các câu hỏi, bài tập về nhà. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 2**  **Phương pháp chứng từ kế toán** | **14** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Phương pháp chứng từ kế toán  2.1.1. Khái niệm phương pháp chứng từ kế toán  2.1.2. Ý nghĩa của phương pháp chứng từ kế toán  2.2. Chứng từ kế toán  2.2.1. Khái niệm chứng từ kế toán  2.2.2. Ý nghĩa của chứng từ kế toán  2.2.3. Các yếu tố cơ bản của chứng từ  2.2.4. Phân loại chứng từ kế toán  2.2.5. Trình tự luân chuyển chứng từ  2.3. Phương pháp kiểm kê tài sản  2.3.1. Khái niệm kiểm kê tài sản  2.3.2. Phân loại kiểm kê tài sản  2.3.3. Phương pháp kiểm kê tài sản | 3 | - Nghe giảng;  - Đọc học liệu: chương 3;  - Trả lời các các câu hỏi vấn đáp. | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Bài tập | - Câu hỏi bài tập chương 2 | 1 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 2. | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Tự học,  tự nghiên cứu | Câu hỏi bài tập chương 2 | 10 | Hoàn thành các câu hỏi, bài tập về nhà. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 3**  **Phương pháp tài khoản kế toán** | **22** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1. Phương pháp tài khoản kế toán  3.2. Tài khoản kế toán  3.2.1. Khái niệm về tài khoản kế toán  3.2.2. Nội dung và kết cấu chung của tài khoản kế toán  3.2.3. Nội dung và kết cấu của một số tài khoản kế toán chủ yếu  3.2.4. Phân loại tài khoản kế toán  3.2.5. Hệ thống tài khoản kế toán hiện hành  3.3. Cách ghi chép vào tài khoản kế toán  3.3.1. Ghi đơn vào tài khoản kế toán  3.3.2. Ghi kép vào tài khoản kế toán  3.3.3. Quan hệ ghi kép giữa tài khoản tổng hợp và tài khoản chi tiết  3.3.4. Kiểm tra số liệu ghi chép trên tài khoản kế toán | 5 | - Nghe giảng;  - Đọc học liệu: chương 3;  - Trả lời các các câu hỏi vấn đáp. | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Bài tập | - Câu hỏi bài tập chương 3 | 2 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 3. | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Tự học,  tự nghiên cứu | - Giao bài tập, chấm kết quả bài tập lấy điểm  - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng: Phương pháp tài khoản kế toán  - Chuẩn bị các câu hỏi ôn tập của chương 3 cần giải đáp | 15 | Hoàn thành các câu hỏi, bài tập về nhà. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |  |
|  | **Chương 4**  **Phương pháp tính giá và Kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu** | **30** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1. Phương pháp tính giá  4.1.1.Ý nghĩa của phương pháp tính giá  4.1.2. Yêu cầu của việc tính giá  4.1.3. Nguyên tắc tính giá  4.1.4. Trình tự tính giá  4.2. Kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu  4.2.1. Kế toán quá trình mua hàng  4.2.2. Kế toán quá trình sản xuất  4.2.3. Kế toán quá trình bán hàng và kết quả kinh doanh | 7 | - Nghe giảng;  - Đọc học liệu: chương 3;  - Trả lời các các câu hỏi vấn đáp. | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi bài tập chương 4 | 3 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 4. | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Tự học,  tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng: Phương pháp tài khoản kế toán  - Chuẩn bị các câu hỏi ôn tập của chương 4 cần giải đáp | 20 | Hoàn thành các câu hỏi, bài tập về nhà. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 5**  **Phương pháp tổng hợp - cân đối kế toán** | 19 |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1. Khái niệm và ý nghĩa phương pháp tổng hợp - Cân đối kế toán  5.2. Hệ thống bảng tổng hợp – cân đối kế toán  5.3. Yêu cầu và những công việc chuẩn bị trước khi lập bảng tổng hợp – cân đối kế toán  5.4. Bảng cân đối kế toán  5.5. Báo cáo kết quả kinh doanh | 3 | - Nghe giảng;  - Đọc học liệu: chương 3;  - Trả lời các các câu hỏi vấn đáp. | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi bài tập chương 5 | 1 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 5. | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Tự học,  tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng: Phương pháp tài khoản kế toán  - Chuẩn bị các câu hỏi ôn tập của chương 5 cần giải đáp | 15 | Hoàn thành các câu hỏi, bài tập về nhà. | Thư viện,  Ở nhà |  |
| Kiểm tra | **Bài kiểm tra giữa kì** | 1 | Làm bài kiểm tra | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
|  | **Tín chỉ 3** |  |  |  |  |
|  | **Chương 6**  **Sổ kế toán và các hình thức kế toán** | **22** |  |  |  |
| Lý thuyết | 6.1. Sổ kế toán  6.1.1. Khái niệm về sổ kế toán  6.1.2. Ý nghĩa của sổ kế toán  6.1.3. Các loại sổ kế toán  6.1.4. Quy tắc ghi sổ kế toán  6.1.5. Phương pháp sửa sai trong sổ kế toán  6.2. Hình thức kế toán  6.2.1. Hình thức “Nhật ký – Sổ cái”  6.2.2. Hình thức “Chứng từ ghi sổ”  6.2.3. Hình thức “Nhật ký chung”  6.2.4. Hình thức “Nhật ký – Chứng từ”  6.2.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính | 5 | - Nghe giảng;  - Đọc học liệu: chương 4;  - Trả lời các các câu hỏi vấn đáp. | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi bài tập chương 6 | 2 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 6. | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Tự học,  tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng: Phương pháp tài khoản kế toán  - Chuẩn bị các câu hỏi ôn tập của chương 6 cần giải đáp | 15 | Hoàn thành các câu hỏi, bài tập về nhà. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 7**  **Tổ chức công tác kế toán** | **15** |  |  |  |
| Lý thuyết | 7.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ tổ chức công tác kế toán  7.1.1. Ý nghĩa của tổ chức công tác kế toán  7.1.2. Nhiệm vụ tổ chức công tác kế toán  7.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán  7.2.1. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán và công tác hạch toán ban đầu  7.2.2. Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán  7.2.3. Tổ chức lựa chọn hình thức kế toán  7.2.4. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính  7.2.5. Tổ chức bộ máy kế toán  7.2.6. Tổ chức thực hiện kiểm tra kế toán nội bộ  7.2.7. Tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán  7.2.8. Tổ chức phân tích và tư vấn cho việc ra các quyết định kinh tế | 3 | - Nghe giảng;  - Đọc học liệu: chương 6;  - Trả lời các các câu hỏi vấn đáp. | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi bài tập chương 7 | 2 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 7. | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Tự học,  tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng: Phương pháp tài khoản kế toán  - Chuẩn bị các câu hỏi ôn tập của chương cần giải đáp | 10 | Hoàn thành các câu hỏi, bài tập về nhà. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 8**  **Hệ thống pháp lý kế toán** | **13** |  |  |  |
| Lý thuyết | 8.1. Sự cần thiết và cơ sở thiết lập hệ thống pháp lý kế toán  8.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hệ thống pháp lý kế toán quốc gia  8.3. Các thành tố của hệ thống pháp lý kế toán quốc gia  8.4. Hệ thống pháp lý kế toán Việt Nam | 2 | - Nghe giảng;  - Đọc học liệu: chương 5;  - Trả lời các các câu hỏi vấn đáp. | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi bài tập chương 8 | 1 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 8. | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Tự học,  tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng: Phương pháp tài khoản kế toán  - Chuẩn bị các câu hỏi ôn tập của chương cần giải đáp | 10 | Hoàn thành các câu hỏi, bài tập về nhà. | Thư viện,  Ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Đoàn Xuân Tiên, Lê Văn Liên, Nguyễn Thị Hồng Vân (2018), *Giáo trình Nguyên lý Kế toán,* Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội;

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Nguyễn Hữu Ánh, Phạm Đức Cường (2020). *Giáo trình Nguyên lý Kế toán*. NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

[3] Nguyễn Thị Bắc, Trần Thị Diên (2019). *Nguyên lý Kế toán*. Tài liệu lưu hành nội bộ, Trường Đại học Tân Trào.

*\***10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn** |
| 1 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 2 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 3 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 4 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 5 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 6 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 7 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 8 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 9 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 10 | 1 | 1 | 1 |  |  | 7 |
| 11 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 12 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 13 |  |  | 3 |  |  | 7 |
| 14 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 15 |  |  | 3 |  |  | 7 |
| **Tổng cộng** | **30** | **1** | **14** |  |  | **105** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng bài | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch6, Ch7 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thực hành, trọng số 30%** (Học phần 03 tín chỉ 2 điểm) | | | | | |
| 2 | Bài tập thực  hành | 30% | Nội dung và chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu (8 %) | Ch1 đến Ch6 | 8 |
| Bài làm trình bày logic, khoa học (2%) | 2 |
| 3 | Bài kiểm tra trắc nghiệm | Theo đáp án, thang điểm của giảng viên | Ch1 đến Ch6 | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 4 | Thi trắc nghiệm | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1 đến Ch6 | 10 |

**11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ** | **Cấp độ nhận thức** | | **Tổng** | **Điểm** | **Thời gian thi** |
| **Biết, hiểu (40%)** | **Vận dụng, phân tích (60%)** |
| Tín chỉ 1 | 8 | 12 | 20 | 4.0 | 75 phút |
| Tín chỉ 2 | 8 | 12 | 20 | 4.0 |
| Tín chỉ 3 | 4 | 6 | 10 | 2.0 |
| **Tổng số câu** | **20** | **30** | **50** | **10** |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | | | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** | |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Nguyên lý thống kê

Mã học phần: KT2.1.007.3

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 3

- Loại học phần: Bắt buộc

- Yêu cầu đầu vào: Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

+ Học lý thuyết trên lớp: 30 giờ

+ Bài tập trên lớp: 14 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 1 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 105 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | TS. Nguyễn Hữu Dũng | 0912.644.087 | [huudungkh@gmail.com](file:///E:\tra\Đề%20cương%20chỉnh%20sửa%20lần%202\copy\huudungkh@gmail.com) |
| 2 | ThS. Đinh Thị Lan | 0987.423.415 | [landtl17a.hua@gmail.com](mailto:landtl17a.hua@gmail.com) |
| 3 | ThS. Nguyễn Thị Kim Ngân | 0988.798.307 | ngankim30788@gmail.com |
| 4 | TS. Phạm Duy Hưng | 0965.522.368 | [pdhung@tqu.edu.vn](mailto:pdhung@tqu.edu.vn) |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:* Học phần nhằm mục tiêu khái quát những kiến thức căn bản về quá trình nghiên cứu thống kê, nội dung cơ bản về điều tra thống kê, tổng hợp thống kê và phân tích thống kê. Trên cơ sở đó biết vận dụng các kiến thức vào thực tế để thực hiện quá trình nghiên cứu nhằm giúp đơn vị đưa ra những quyết định phù hợp trong công tác quản lý.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt 1: Khái quát được những kiến thức chung về thống kê học và quá trình nghiên cứu thống kê trong đơn vị.

Mt 2: Khái quát được các nội dung cơ bản về phương pháp tổ chức thu thập thông tin; phân tích thống kê trong hoạt động của đơn vị.

Mt 3: Vận dụng được các giai đoạn cơ bản của quá trình nghiên cứu thống kê; thực hiện tổ chức thu thập thông tin và một số phương pháp phân tích thống kê trong hoạt động tại đơn vị.

Mt 4: Rèn luyện kỹ năng tư duy logic, tính toán, làm việc độc lập và làm việc trong các nhóm hiệu quả để giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác thống kê tại đơn vị.

Mt 5: Thể hiện động cơ học tập đúng đắn, có ý thức trách nhiệm, khả năng tự tích lũy kiến thứctrong quá trình học tập phục vụ cho công việc.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.007.3 | Nguyên lý thống kê | **CĐR 1** | **CĐR 2** | **CĐR 3** | **CĐR 4** | **CĐR 5** | **CĐR 6** |
|  |  | **2** |  |  |  |
| **CĐR 7** | **CĐR 8** | **CĐR 9** | **CĐR 10** | **CĐR 11** | **CĐR 12** |
|  |  |  |  |  | **2** |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của học phần** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Khái quát được kiến thức chung về thống kê học và các giai đoạn cơ bản của quá trình nghiên cứu thống kê tại đơn vị. | CĐR 3 |
| Ch2: Sắp xếp được trình tự các phương pháp tổ chức thu thập thông tin liên quan đến hoạt động tại đơn vị. | CĐR 3 |
| Mt2 | Ch3: Phân tích được một số chỉ tiêu thống kê mô tả nhằm nắm được thực trạng vấn đề nghiên cứu. | CĐR 3 |
| Ch4: Thực hiện được một số phương pháp phân tích như phân tích dãy số thời gian, phương pháp phân tích chỉ số vào thực tiễn hoạt động tại đơn vị. | CĐR 3 |
| **Kỹ năng** | | |
| Kỹ năng cứng | | |
| Mt3 | Ch5: Tính toán được một số chỉ tiêu thống kê làm căn cứ để phân tích, đánh giá được thực trạng các vấn đề nghiên cứu. | CĐR 3 |
| Ch6: Vận dụng được các phương pháp điều tra thống kê, phương pháp phân tích thống kê vào các lĩnh vực liên quan và trên cơ sở đó đưa ra những phân tích, đánh giá phù hợp với thực tiễn nghiên cứu. | CĐR 3 |
| Kỹ năng mềm | | |
| Mt4 | Ch7: Rèn luyện khả năng tư duy, tổng hợp và giải quyết các vấn đề kinh tế một cách độc lập; có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu | CĐR 3 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt5 | Ch8: Thể hiện động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, thực hiện nghiêm túc các chuẩn mực nghề nghiệp, trách nhiệm của công dân về lĩnh vực thống kê trong hoạt động sản xuất – kinh doanh. | CĐR 12 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | | **Kỹ năng** | | | **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cứng** | | **Mềm** |
| **Chương** | **Nội dung** | **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch 3** | **Ch 4** | **Ch 5** | **Ch 6** | **Ch 7** | **Ch 8** |
| **Chương 1**  **Tổng quan về thống kê học và các giai đoạn của quá trình nghiên cứu thống kê** | 1.1. Sơ lược sự ra đời và phát triển của thống kê học | 1 |  |  |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình, đàm thoại |
| 1.2. Đối tượng nghiên cứu của thống kê | 1 |  |  |  |  |  |  | 2 |
| 1.3. Cơ sở lý luận và cơ sở phương pháp luận của thống kê học | 1 |  |  |  |  |  |  | 2 |
| 1.4. Một số khái niệm thường dùng trong thống kê | 1 |  |  |  |  |  |  | 2 |
| 1.5. Khái quát các giai đoạn của quá trình nghiên cứu thống kê | 1 |  |  |  |  |  |  | 2 |
| **Chương 2**  **Phân tổ thống kê** | 2.1. Những vấn đề chung của phương pháp phân tổ thống kê | 1 |  |  |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, làm mẫu |
| 2.2. Các bước tiến hành phân tổ thống kê |  | 2 |  |  |  |  | 2 |  |
| 2.3. Trình bày kết quả phân tổ |  | 2 |  |  |  |  | 2 |  |
| 2.4. Phân tổ liên hệ |  | 2 |  |  |  |  | 2 |  |
| 2.5. Phân tổ lại |  | 2 |  |  |  |  | 2 |  |
| **Chương 3**  **Các mức độ của hiện tượng**  **kinh tế - xã hội** | 3.1. Số tuyệt đối trong thống kê |  |  | 2 |  | 2 |  |  |  | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, làm mẫu |
| 3.2. Số tương đối trong thống kê |  |  | 2 |  | 2 |  |  |  |
| 3.3. Số bình quân |  |  | 2 |  | 2 |  |  |  |
| **Chương 4**  **Điều tra chọn mẫu** | 4.1. Khái niệm, ưu nhược điểm và các loại điều tra chọn mẫu | 1 |  |  |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống |
| 4.2. Điều tra chọn mẫu ngẫu nhiên |  |  |  |  |  | 2 |  | 2 |
| 4.3. Điều tra chọn mẫu phi ngẫu nhiên |  |  |  |  |  | 2 |  | 2 |
| **Chương 5**  **Dãy số biến động theo thời gian** | 5.1. Khái niệm, ý nghĩa của dãy số biến động | 2 |  |  |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, làm mẫu |
| 5.2. Các chỉ tiêu phân tích dãy số biến động |  |  |  | 2 |  | 2 |  |  |
| 5.3. Các phương pháp biểu hiện xu hướng phát triển cơ bản của hiện tượng kinh tế xã hội |  |  |  |  |  | 2 | 2 |  |
| **Chương 6**  **Chỉ số** | 6.1. Khái niệm và tác dụng của chỉ số | 2 |  |  |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, làm mẫu |
| 6.2. Phương pháp tính chỉ số |  |  |  | 2 |  |  | 2 |  |
| 6.3. Hệ thống chỉ số |  |  |  | 2 |  |  | 3 |  |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần tập trung nghiên cứu các kiến thức cơ bản về thống kê như một số khái niệm về thống kê và các khái niệm thường dùng trong thống kê, các giai đoạn chính của quá trình nghiên cứu thống kê, các phương pháp phân tích thống kê thường dùng. Bên cạnh đó, trong quá trình học người học biết vận dụng các hình thức tiến hành điều tra, thu thập thông tin, các bước tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin bằng việc sử dụng phương pháp phân tích thống kê khác nhau như: thống kê mô tả, phân tích sự biến động của hiện tượng. Từ đó tính toán được các chỉ tiêu kinh tế cơ bản để nhận thức được chính xác hiện tượng kinh tế xã hội từ đó đưa ra những quyết định phù hợp và chính xác trong quản lý.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu đối với sinh viên** | **Thời gian, địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Chương 1**  **Tổng quan về thống kê học và các giai đoạn của quá trình nghiên cứu thống kê** | **20** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Sơ lược sự ra đời và phát triển của thống kê học  1.2. Đối tượng nghiên cứu của thống kê  1.3. Cơ sở lý luận và cơ sở phương pháp luận của thống kê học  1.4. Một số khái niệm thường dùng trong thống kê  1.5. Khái quát các giai đoạn của quá trình nghiên cứu thống kê | 6 | - Đọc học liệu số 1  - Chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của GV | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng làm bài tập | 14 | Đọc học liệu, chỉ ra vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 2**  **Phân tổ thống kê** | **30** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Những vấn đề chung của phương pháp phân tổ thống kê  2.2. Các bước tiến hành phân tổ thống kê  2.3. Trình bày kết quả phân tổ  2.4. Phân tổ liên hệ  2.5. Phân tổ lại  2.6. Ứng dụng phần mềm SPSS vào phân tổ thống kê | 6 | - Đọc học liệu số 1  - Chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của GV | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Bài tập | - Bài tập trong học liệu số 2  - Giải đáp các câu hỏi ôn tập. | 3 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng làm các câu hỏi bài tập | 21 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |  |
|  | **Chương 3**  **Các mức độ của hiện tượng**  **kinh tế - xã hội** | **30** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1. Số tuyệt đối trong thống kê  3.2. Số tương đối trong thống kê  3.3. Số bình quân  3.4. Sử dụng phần mềm SPSS để tính số bình quân, trung vị, mốt, phương sai | 6 | - Đọc học liệu số 1  - Chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của GV | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Bài tập | - Bài tập trong học liệu số 2.  - Giải đáp các câu hỏi ôn tập. | 3 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng làm các câu hỏi bài tập | 21 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  | **Chương 4**  **Điều tra chọn mẫu** | **19** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1. Khái niệm, ưu nhược điểm và các loại điều tra chọn mẫu  4.2. Điều tra chọn mẫu ngẫu nhiên  4.3. Điều tra chọn mẫu phi ngẫu nhiên | 3 | - Đọc học liệu số 1  - Chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của GV | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Bài tập | - Bài tập trong học liệu số 2.  - Giải đáp các câu hỏi ôn tập. | 2 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng làm các câu hỏi bài tập | 14 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
| Kiểm tra | **Kiểm tra giữa kì** | **1** | Làm bài kiểm tra | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
|  | **Tín chỉ 3** |  |  |  |  |
|  | **Chương 5**  **Dãy số biến động theo thời gian** | **20** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1. Khái niệm, ý nghĩa của dãy số biến động  5.2. Các chỉ tiêu phân tích dãy số biến động  5.3. Các phương pháp biểu hiện xu hướng phát triển cơ bản của hiện tượng kinh tế xã hội | 4 | - Đọc học liệu số 1  - Chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của GV | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Bài tập | - Bài tập trong học liệu số 2.  - Giải đáp các câu hỏi ôn tập. | 2 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Giao bài tập, chấm kết quả bài tập lấy điểm  - Đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng làm các câu hỏi bài tập | 14 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 6: Chỉ số** | **30** |  |  |  |
| Lý thuyết | 6.1. Khái niệm và tác dụng của chỉ số  6.2. Phương pháp tính chỉ số  6.3. Hệ thống chỉ số | 5 | - Đọc học liệu số 1  - Chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của GV | Theo TKB;  Trên lớp |  |
| Bài tập | - Bài tập trong học liệu số 2.  - Giải đáp các câu hỏi ôn tập. | 4 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo TKB;  Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng làm các câu hỏi bài tập | 21 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1.** **Tài liệu bắt buộc**

[1] PGS.TS.Phạm Thị Kim Vân, TS. Chu Văn Tuấn (2013), *Giáo trình lý thuyết thống kê và phân tích dự báo*, NXB Tài Chính.

[2] TS. Chu Văn Tuấn, TS. Phạm Thị Kim Vân (2008), *Bài tập lý thuyết thống kê và phân tích dự báo*, NXB Tài Chính.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[3] ThS. Kim Thị Hạnh (2013), *Đề cương bài giảng nguyên lý thống kê*, NXB Lao Động Xã Hội.

[4] ThS.Kim Thị Hạnh (2013), *Câu hỏi trắc nghiệm và bài tập nguyên lý thống kê*, NXB Lao động-Xã hội.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn** |
| 1 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 2 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 3 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 4 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 5 |  |  | 3 |  |  | 7 |
| 6 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 7 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 8 |  |  | 3 |  |  | 7 |
| 9 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 10 |  | 1 | 2 |  |  | 7 |
| 11 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 12 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 13 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 14 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 15 |  |  | 3 |  |  | 7 |
| **Tổng cộng** | **30** | **1** | **14** |  |  | **105** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

11.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng bài | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch8 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số 30%;** (Học phần 03 tín chỉ 2 điểm) | | | | | |
| 2 | Bài tập | 30% | Nội dung và chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu (5%) | Ch1 đến Ch8 | 5 |
| Thời gian làm bài đúng quy định (3%) | 3 |
| Bài làm trình bày logic, khoa học (2%) | 2 |
| 3 | Bài kiểm tra tự luận | Theo đáp án, thang điểm của giảng viên | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 4 | Thi tự luận | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1 đến Ch8 | 10 |

**11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi**

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấu trúc đề thi** | **Thời gian làm bài** |
| Đề thi gồm 3 câu:  Câu 1 (3 điểm): Cấp độ biết, hiểu  Câu 2 (3 điểm): Cấp độ biết, hiểu và áp dụng, phân tích  Câu 3 (4 điểm): Cấp độ biết, hiểu và áp dụng, phân tích  Mỗi đề thi đều có nội dung câu hỏi tương ứng tín chỉ 1, 2, 3  Cấp độ nhận thức: 40% biết, hiểu; 60% vận dụng, phân tích | 90 phút |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Tài chính – Tiền tệ

Mã học phần: KT2.1.008.3

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 03

- Loại học phần: Bắt buộc

- Yêu cầu đầu vào: Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 30 giờ

+ Bài tập trên lớp: 13 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 02 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 105 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa kinh tế VÀ QTKD

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị,**  **họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | ThS.Trần Thảo Nguyên | 0974.864.888 | [thaonguyentuyenquang@gmail.com](mailto:thaonguyentuyenquang@gmail.com) |
| 2 | TS. Phạm Thị Kiều Trang | 0938.086.789 | [tkptrangkieu@gmail.com](mailto:tkptrangkieu@gmail.com) |
| 3 | ThS.Trần Hương Giang | 0825.138.500 | huonggiangtq90@gmail.com |
| 4 | TS. Nguyễn Hữu Dũng | 0912.644.087 | [huudungkh@gmail.com](file:///E:\tra\Đề%20cương%20chỉnh%20sửa%20lần%202\copy\huudungkh@gmail.com) |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêuchung:* Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tài chính và tiền tệ.

-  *Mục tiêu cụ thể:*

Mt1: Giải thích được các kiến thức cơ bản về một số chính sách tài chính, chức năng và vai trò của tín dụng, tài sản tài chính, thị trường tài chính, chức năng và vai trò của ngân hàng trung ương, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương.

Mt2: Khái quát được các kiến thức về thu chi ngân sách nhà nước, các quyết định của tài chính doanh nghiệp, tài chính hộ gia đình và tài chính quốc tế cũng như quy trình, công cụ và cơ chế quản lý rủi ro.

Mt3: Vận dụng kiến thức để tính toán được các chỉ tiêu như cung tiền, tiền cơ sở, sản lượng hòa vốn, doanh thu hòa vốn,...

Mt4: Biết cách vận dụng sáng tạo kiến thức về tài chính tiền tệ vào công việc sau khi tốt nghiệp.

Mt5: Hình thành cho người học tính chủ động, tích cực và tự chịu trách nhiệm trong học tập và trong công việc.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.008.3 | Tài chính – Tiền tệ | CĐR 1 | CĐR 2 | CĐR 3 | CĐR 4 | CĐR 5 | CĐR 6 |
|  | 2 |  |  |  |  |
| CĐR 7 | CĐR 8 | CĐR 9 | CĐR 10 | CĐR 11 | CĐR 12 |
|  |  |  |  |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

| **Mục tiêu**  **của HP** | **Chuẩn đầu ra của học phần** | **CĐR**  **của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Khái quát được những vấn đề cơ bản về tiền tệ, tài chính và chính sách tài chính, tín dụng và lãi suất tín dụng. | CĐR 2 |
| Ch2: Nhận thức được những vấn đề cơ bản về thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian, ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ. | CĐR 2 |
| Mt2 | Ch3: Phân tích được những vấn đề cơ bản về tài chính công, tài chính doanh nghiệp, tài chính hộ gia đình và tài chính quốc tế. | CĐR 2 |
| Ch4: Đánh giá được những vấn đề cơ bản về quản lý rủi ro tài chính. | CĐR 2 |
| **Kỹ năng** | | |
| ***Kĩ năng cứng*** | | |
|  | Ch5: Tính toán được các bài tập liên quan đến lãi suất, ngân hàng trung ương, tài chính doanh nghiệp. | CĐR 2 |
| Mt3 | Ch6: Vận dụng được kiến thức và kỹ năng cho các học phần có liên quan sau này. | CĐR 2 |
| ***Kĩ năng mềm*** | | |
| Mt4 | Ch7: Phân tích được tình hình hoạt động của từng loại tổ chức tài chính trung gian và các doanh nghiệp. Vận dụng sáng tạo kiến thức về tài chính tiền tệ vào công việc cụ thể đối với các loại hình kinh doanh tiền tệ và sau khi tốt nghiệp. | CĐR 2 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt5 | Ch8: Có ý thức trách nhiệm, có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình học tập và công tác sau khi tốt nghiệp. | CĐR 2 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | | **Kĩ năng** | | | **Mức độ TC và TN** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Nội dung** | ***Cứng*** | | ***Mềm*** |
| **Ch1** | **Ch2** | **Ch3** | **Ch4** | **Ch5** | **Ch6** | **Ch7** | **Ch8** |
| **Chương 1**  **Tổng quan về tài chính và tiền tệ** | 1.1. Những vấn đề cơ bản về tiền tệ | 2 |  |  |  |  |  |  |  | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 1.2. Những vấn đề cơ bản về tài chính | 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.3. Chính sách tài chính | 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| **Chương 2**  **Tín dụng và lãi suất tín dụng** | 2.1. Sự ra đời và phát triển của tín dụng | 1 |  |  |  | 1 |  |  |  | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 2.2. Các chức năng của tín dụng | 2 |  |  |  | 2 |  | 2 |  |
| 2.3. Vai trò của tín dụng | 1 |  |  |  | 1 |  | 1 |  |
| 2.4. Các hình thức tín dụng | 2 |  |  |  | 2 |  |  |  |
| 2.5. Lãi suất tín dụng | 2 |  |  |  | 2 |  | 2 |  |
| **Chương 3**  **Thị trường tài chính** | 3.1. Những vấn đề chung về thị trường tài chính |  | 2 |  |  |  | 2 | 2 |  | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 3.2. Các thị trường tài chính |  | 2 |  |  |  | 2 | 2 |  |
| 3.3. Khủng hoảng thị trường tài chính |  | 2 |  |  |  | 2 |  |  |
| **Chương 4**  **Các tổ chức tài chính trung gian** | 4.1. Khái niệm, đặc điểm của các tổ chức tài chính trung gian |  | 1 |  |  |  | 1 |  | 2 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 4.2. Phân loại các tổ chức tài chính trung gian |  | 1 |  |  |  | 1 |  |  |
| 4.3. Chức năng của các tổ chức tài chính trung gian |  | 2 |  |  |  | 2 |  | 2 |
| 4.4. Vai trò của các tổ chức tài chính trung gian |  | 2 |  |  |  | 2 |  | 2 |
| 4.5. Các tổ chức tài chính trung gian chủ yếu |  | 2 |  |  |  | 2 |  |  |
| **Chương 5**  **Ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ** | 5.1. Ngân hàng trung ương |  | 2 |  |  | 2 |  | 2 |  | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 5.2. Chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương |  | 2 |  |  | 2 |  | 2 |  |
| **Chương 6**  **Tài chính công** | 6.1. Tổng quan về tài chính công |  |  | 1 |  |  | 1 |  |  | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 6.2. Ngân sách nhà nước |  |  | 2 |  |  | 2 |  |  |
| 6.3. Các quỹ tài chính công ngoài ngân sách nhà nước |  |  | 2 |  |  | 2 |  |  |
| **Chương 7**  **Tài chính doanh nghiệp** | 7.1. Tài chính doanh nghiệp và các quyết định tài chính doanh nghiệp |  |  | 2 |  | 2 |  |  |  | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 7.2. Nguồn vốn của doanh nghiệp |  |  | 2 |  |  | 2 |  | 2 |
| 7.3. Đầu tư và quản lý tài sản của doanh nghiệp |  |  | 2 |  |  | 2 |  | 2 |
| 7.4. Quản lý thu chi của DN |  |  | 2 |  | 2 |  |  | 2 |
| **Chương 8**  **Tài chính hộ gia đình** | 8.1. Khái niệm, đặc trưng của tài chính hộ gia đình |  |  | 1 |  |  |  |  |  | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 8.2. Các nhân tố ảnh hưởng và nguyên tắc quản lý tài chính hộ gia đình |  |  | 2 |  |  |  |  |  |
| 8.3. Các hoạt động tài chính cơ bản của hộ gia đình |  |  | 2 |  |  |  | 2 |  |
| **Chương 9**  **Tài chính quốc tế** | 9.1. Những vấn đề chung về tài chính quốc tế |  |  | 1 |  |  |  | 2 |  | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 9.2. Các hình thức của tài chính quốc tế |  |  | 2 |  |  |  | 2 |  |
| 9.3. Tỷ giá hối đoái và thanh toán quốc tế |  |  | 2 |  |  |  | 2 |  |
| 9.4. Cán cân thanh toán quốc tế |  |  | 2 |  |  |  | 2 |  |
| 9.5. Các tổ chức tài chính - tín dụng quốc tế |  |  | 1 |  |  |  |  |  |
| **Chương 10**  **Quản lý rủi ro tài chính** | 10.1. Rủi ro và quản lý rủi ro tài chính |  |  |  | 2 |  |  |  | 1 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 10.2. Quy trình, công cụ và cơ chế quản lý rủi ro |  |  |  | 2 |  |  |  | 1 |
| 10.3. Các tổ chức bảo hiểm chuyên môn hóa quản lý rủi ro |  |  |  | 2 |  |  |  | 1 |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lý thuyết tài chính – tiền tệ như nguồn gốc, bản chất, các chức năng của tài chính – tiền tệ. Giới thiệu hệ thống tài chính Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, chính sách tiền tệ trong nền kinh tế đóng và mở, các ngân hàng và tổ chức tài chính. Ngoài ra, học phần còn đề cập đến các vấn đề như lãi suất, lạm phát,...

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu đối với sinh viên** | **Thời gian, địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ 1** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 1**  **Tổng quan về tài chính và tiền tệ** | **25** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Những vấn đề cơ bản về tiền tệ  1.2. Những vấn đề cơ bản về tài chính  1.3. Chính sách tài chính | 5 | - Học liệu số 1; Chương 1  (Tr 7 - 94);  - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập, kiểm tra | - Bài tập trong học liệu số 1 (chương 1) | 3 | Nắm vững lý thuyết chương 1 để vận dụng giải bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng trong học liệu 1; tham khảo học liệu 2 và 3.  - Làm bài tập chương 1. | 17 | Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập; chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 2**  **Tín dụng và lãi suất tín dụng** | **10** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Sự ra đời và phát triển của tín dụng  2.2. Các chức năng của tín dụng  2.3. Vai trò của tín dụng  2.4. Các hình thức tín dụng  2.5. Lãi suất tín dụng | 3 | - Học liệu số 1; Chương 2  ( Tr 95 - 126);  - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng trong học liệu 1; tham khảo những nội dung có liên quan trong học liệu 2 và 3. | 7 | Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập; chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 3**  **Thị trường tài chính** | **15** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1. Những vấn đề chung về thị trường tài chính  3.2. Các thị trường tài chính  3.3. Khủng hoảng thị trường tài chính | 3 | - Đọc học liệu số 1; Chương 3,  (Tr 127 - 174); - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | - Trả lời các câu hỏi và làm bài tập cuối chương 3. | 1 | Nắm vững lý thuyết chương 3, đọc trước các nội dung liên quan đến câu hỏi và BT | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng trong học liệu 1; tham khảo học liệu 2 và 3. | 11 | Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập; chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
| **Tín chỉ 2** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 4**  **Các tổ chức tài chính trung gian** | **14** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1. Khái niệm, đặc điểm của các tổ chức tài chính trung gian  4.2. Phân loại các tổ chức tài chính trung gian  4.3. Chức năng của các tổ chức tài chính trung gian  4.4. Vai trò của các tổ chức tài chính trung gian  4.5. Các tổ chức tài chính trung gian chủ yếu | 3 | Đọc học liệu số 1 (toàn bộ Chương 4, từ trang 175 đến trang 212); tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | - Trả lời các câu hỏi và làm bài tập cuối chương 4. | 1 | Nắm vững lý thuyết chương 4, đọc trước các nội dung liên quan đến CH và BT | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng trong học liệu 1; tham khảo học liệu 2 và 3.  - Giảng viên có thể phát thêm tài liệu vào cuối buổi học trước để sinh viên chuẩn bị bài cho buổi học sau. | 10 | Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập; chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 5**  **Ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ** | **18** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1. Ngân hàng trung ương  5.2. Chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương | 3 | - Học liệu số 1; Chương 5  (Tr 213 - 242); - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập, kiểm tra | - Trả lời các câu hỏi và làm bài tập cuối chương 5. | 3 | Nắm vững lý thuyết chương 5 để vận dụng giải bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng trong học liệu 1; tham khảo học liệu 2 và 3.  - Giảng viên có thể phát thêm tài liệu vào cuối buổi học trước để sinh viên chuẩn bị bài cho buổi học sau.  - Làm bài tập chương 5. | 12 | Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập; chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 6**  **Tài chính công** | **18** |  |  |  |
| Lý thuyết | 6.1. Tổng quan về tài chính công  6.2. Ngân sách nhà nước  6.3. Các quỹ tài chính công ngoài ngân sách nhà nước | 3 | - Học liệu số 1 Chương 6,  ( Tr 243 - 277); - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập, kiểm tra | - Trả lời các câu hỏi và làm bài tập cuối chương 6.  - Kiểm tra | 2 | Nắm vững lý thuyết chương 6 để vận dụng giải bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng trong học liệu 1; tham khảo học liệu 2 và 3.  - Giảng viên có thể phát thêm tài liệu vào cuối buổi học trước để sinh viên chuẩn bị bài cho buổi học sau.. | 13 | Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập; chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
| **Tín chỉ 3** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 7**  **Tài chính doanh nghiệp** | **22** |  |  |  |
| Lý thuyết | 7.1. Tài chính doanh nghiệp và các quyết định tài chính doanh nghiệp  7.2. Nguồn vốn của doanh nghiệp  7.3. Đầu tư và quản lý tài sản của doanh nghiệp  7.4. Quản lý thu chi của doanh nghiệp | 4 | - Học liệu số 1 Chương 7,  (Tr 279 - 311); - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập, kiểm tra | - Trả lời các câu hỏi và làm bài tập cuối chương 7. | 3 | Nắm vững lý thuyết chương 7 để vận dụng giải bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng trong học liệu 1; tham khảo học liệu 2 và 3.  - Làm bài tập chương 7. | 15 | Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập; chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 8**  **Tài chính hộ gia đình** | **10** |  |  |  |
| Lý thuyết | 8.1. Khái niệm, đặc trưng của tài chính hộ gia đình  8.2. Các nhân tố ảnh hưởng và nguyên tắc quản lý tài chính hộ gia đình  8.3. Các hoạt động tài chính cơ bản của hộ gia đình | 2 | - Học liệu số 1 Chương 8,  (Tr 313 - 330); - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập, kiểm tra | - Trả lời các câu hỏi và làm bài tập cuối chương 8. | 1 | Nắm vững lý thuyết chương 8 để vận dụng giải bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng trong học liệu 1; tham khảo học liệu 2 và 3.  - Giảng viên có thể phát thêm tài liệu vào cuối buổi học trước để sinh viên chuẩn bị bài cho buổi học sau.  - Làm bài tập chương 8. | 7 | Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập; chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 9**  **Tài chính quốc tế** | **10** |  |  |  |
| Lý thuyết | 9.1. Những vấn đề chung về tài chính quốc tế  9.2. Các hình thức của tài chính quốc tế  9.3. Tỷ giá hối đoái và thanh toán quốc tế  9.4. Cán cân thanh toán quốc tế  9.5. Các tổ chức tài chính - tín dụng quốc tế | 2 | - Học liệu số 1 Chương 9,  (Tr 333 - 397); - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập, kiểm tra | - Kiểm tra | 1 | Nắm vững lý thuyết chương 9 để vận dụng giải bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng trong học liệu 1; tham khảo học liệu 2 và 3.  - Làm bài tập chương 9. | 7 | Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập; chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 10**  **Quản lý rủi ro tài chính** | **8** |  |  |  |
| Lý thuyết | 10.1. Rủi ro và quản lý rủi ro tài chính  10.2. Quy trình, công cụ và cơ chế quản lý rủi ro  10.3. Các tổ chức bảo hiểm chuyên môn hóa quản lý rủi ro | 2 | Đọc học liệu số 1 (toàn bộ Chương 10, từ trang 399 đến trang 453); tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng trong học liệu 1; tham khảo học liệu 2 và 3. | 6 | Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập; chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

***9.1. Tài liệu bắt buộc***

[1] Phạm Ngọc Dũng, Đinh Xuân Hạng (2020), *Giáo trình Tài chính - tiền tệ*, NXB Tài chính, Hà Nội.

***9.2. Tài liệu tham khảo***

[2] Nguyễn Hữu Tài (2011), *Giáo trình Lý thuyết Tài chính - tiền tệ*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn** |
| 1 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 2 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 3 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 4 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 5 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 6 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 7 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 8 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 9 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 10 | 2 | 1 |  |  |  | 7 |
| 11 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 12 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 13 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 14 | 1 | 1 | 1 |  |  | 7 |
| 15 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| **Tổng cộng** | **30** | **2** | **13** |  |  | **105** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch8 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Bài kiểm tra thường xuyên  ( 02 bài) | 30% | Bài 1: bài tập nhóm/ tiểu luận  Tiêu chí đánh giá:  - Thời gian, nội dung và chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu (60%)  - Năng lực hợp tác, tương tác, chia sẻ, kỹ năng thao tác và năng lực trình bày báo cáo (20%)  - Trình bày khoa học, đúng quy định (20%) | Ch1 đến Ch8 | 10 |
| Bài 2: Bài kiểm tra trắc nghiệm.  Tiêu chí đánh giá: theo thang điểm, đáp án của giảng viên |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Trắc nghiệm | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1đến Ch 8 | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ** | **Cấp độ nhận thức** | | **Tổng** | **Điểm** | **Thời gian thi** |
| **Biết/ Hiểu (40%)** | **Vận dụng/ Phân tích (60%)** |
| Tín chỉ 1 | 6 | 9 | 15 | 3 | 75phút |
| Tín chỉ 2 | 6 | 9 | 15 | 3 |
| Tín chỉ 3 | 8 | 12 | 20 | 4 |
| Tổng số câu | **20** | **30** | **50** | **10** |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

# Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu kinh tế

Mã học phần: KT2.1.046.3

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 03

- Loại học phần: Bắt buộc

- Yêu cầu đầu vào: Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 30 giờ

+ Bài tập trên lớp: 13 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 2 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 105 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | TS. Đỗ Hải Yến | 0978457229 | dohaiyentq@gmail.com |
| 2 | TS. Trần Thị Diên | 0987578358 | tranthidien1979@gmail.com |
| 3 | ThS.Hoàng Anh Đào | 0979477846 | hoanganhdaok47ftu@gmail.com |
| 4 | ThS. Đinh Thị Lan | 0987423415 | [landtl17a.hua@gmail.com](mailto:landtl17a.hua@gmail.com) |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:*

Học phần giúp người học có những kiến thức và kĩ năng cơ bản về khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học; phương pháp thu thập, xử lý dữ liệu và trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt1: Có kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học, các bước tiến hành trong nghiên cứu khoa học.

Mt2: Hình thành kỹ năng cơ bản trong việc thực hiện quy trình và phương pháp khảo sát, thực nghiệm, thiết kế nghiên cứu và trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học.

Mt3: Tuân thủ nguyên tắc, phương pháp và quy trình thực hiện một đề tài, dự án nghiên cứu khoa học, khoá luận tốt nghiệp. Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.046.3 | Phương pháp nghiên cứu kinh tế | CĐR 1 | CĐR 2 | CĐR 3 | CĐR 4 | CĐR 5 | CĐR 6 |
|  |  |  |  |  |  |
| CĐR 7 | CĐR 8 | CĐR 9 | CĐR 10 | CĐR 11 | CĐR 12 |
|  | 2 |  |  |  | 2 |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của học phần** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1. Khái quát được các vấn đề về nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu kinh tế; Tổng quan nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu và mô hình nghiên cứu. | CĐR 8 |
| Ch2. Lựa chọn phương pháp thu thập, xử lý và phân tích số liệu để viết báo cáo nghiên cứu kinh tế. | CĐR 8 |
| Ch3. Xác định được cấu trúc và cách viết báo cáo nghiên cứu khoa học. | CĐR 8 |
| **Kỹ năng** | | |
| Mt 2 | ***Kĩ năng cứng*** |  |
| Ch4: Thực hiện được các bước công việc trong quy trình nghiên cứu: lựa chọn vấn đề nghiên cứu; thiết kế nghiên cứu; mô hình xây dựng nghiên cứu | CĐR 8 |
| Ch5: Xác định được các loại dữ liệu định tính và định lượng trong nghiên cứu kinh tế; thực hiện được quy trình thu thập, xử lý, phân tích và tổng hợp thông tin để viết báo cáo nghiên cứu. | CĐR 8 |
| Ch6: Xây dựng cấu trúc của báo cáo nghiên cứu, viết đề cương nghiên cứu kinh tế, thuyết trình báo cáo nghiên cứu kinh tế. | CĐR 8 |
| ***Kĩ năng mềm*** |  |
| Ch7: Làm việc độc lập, chủ động, phát hiện và giải quyết các vấn đề trong nghiên cứu kinh tế. | CĐR 8 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt 3 | Ch8: Chấp hành nguyên tắc, phương pháp và trình tự các bước trong nghiên cứu kinh tế; hình thành năng lực tự chủ, tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, khoa học và hiệu quả. | CĐR 12 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | **Kĩ năng** | | | | **Mức độ TC và TN** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Kiến thức** | **Cứng** | | | **Mềm** |
| **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch 3** | **Ch 4** | **Ch 5** | **Ch 6** | **Ch 7** | **Ch 8** |
| **Chương 1. Tổng luận về phương pháp nghiên cứu khoa học** | 1.1. Nghiên cứu khoa học và các phân loại nghiên cứu khoa học | 2 |  |  |  |  |  |  | 1 | Thuyết trình; Giảng giải; Đàm thoại; Bài tập. |
| 1.2. Những thuật ngữ cơ bản trong nghiên cứu khoa học | 1 |  |  |  |  |  |  | 1 |
| 1.3. Tiến trình tư duy trong NCKH | 2 |  |  | 2 |  |  |  | 1 |
| 1.4. Các sản phẩm nghiên cứu khoa học | 1 |  |  |  |  |  |  | 1 |
| **Chương 2. Thiết kế nghiên cứu** | 2.1. Một số định nghĩa | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  | Thuyết trình; Giảng giải; Nêu vấn đề; Bài tập. |
| 2.2. Tổng quan nghiên cứu | 1 |  |  | 2 |  |  | 1 |  |
| 2.3. Nội dung thiết kế nghiên cứu | 2 |  |  | 2 |  |  | 1 |  |
| 2.4. Mô hình nghiên cứu | 2 |  |  | 2 |  |  | 1 |  |
| **Chương 3. Các phương pháp thu thập dữ liệu trong nghiên cứu kinh tế** | 3.1. Nghiên cứu tài liệu |  | 2 |  |  | 2 |  | 1 |  | Thuyết trình; Giảng giải; Đàm thoại; Bài tập. |
| 3.2. Khảo sát thực địa |  | 2 |  |  | 2 |  | 1 |  |
| 3.3. Điều tra bằng bảng hỏi |  | 2 |  |  | 2 |  | 1 |  |
| 3.4. Phỏng vấn |  | 2 |  |  | 2 |  | 1 |  |
| 3.5. Hội nghị khoa học |  | 2 |  |  | 2 |  | 1 |  |
| 3.6. Thực nghiệm |  | 2 |  |  | 2 |  | 1 |  |
| 3.7. Trắc nghiệm xã hội |  | 2 |  |  | 2 |  | 1 |  |
| **Chương 4. Thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu kinh tế** | 4.1. Dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp |  | 2 |  |  |  |  |  | 1 | Thuyết trình; Giảng giải; Đàm thoại; Thảo luận nhóm; Bài tập. |
| 4.2. Dữ liệu định tính và dữ liệu định lượng |  | 2 |  |  |  |  |  | 1 |
| 4.3. Chọn mẫu trong nghiên cứu khoa học |  | 2 |  |  | 2 |  | 1 |  |
| 4.4. Đo lường và thu thập dữ liệu |  | 2 |  |  | 2 |  | 1 |  |
| 4.5. Xử lý dữ liệu |  | 2 |  |  | 2 |  | 1 |  |
| 4.6. Phân tích dữ liệu |  | 2 |  |  | 2 |  | 1 |  |
| **Chương 5. Viết và thuyết trình báo cáo nghiên cứu khoa học** | 5.1. Cấu trúc và cách viết báo cáo nghiên cứu khoa học |  |  | 2 |  |  | 2 | 1 |  | Thuyết trình; Giảng giải; Nêu vấn đề; Thảo luận nhóm; Bài tập. |
| 5.2. Hình thức viết báo cáo nghiên cứu khoa học |  |  | 2 |  |  | 2 | 1 |  |
| 5.3. Thuyết trình báo cáo nghiên cứu khoa học |  |  | 2 |  |  | 2 | 1 |  |
| 5.4. Công bố kết quả nghiên cứu |  |  | 2 |  |  | 2 | 1 |  |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần tập trung nghiên cứu những nội dung cơ bản như: Tổng quan về phương pháp nghiên cứu khoa học; Thiết kế nghiên cứu và mô hình nghiên cứu; Phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng trong nghiên cứu khoa học; Ngoài ra người học cũng được trang bị các kiến thức, kỹ năng và thực hành viết và thuyết trình báo cáo nghiên cứu khoa học

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu đối với**  **sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Chương 1. Tổng luận về phương pháp nghiên cứu khoa học** | **20** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Nghiên cứu khoa học và các phân loại nghiên cứu khoa học  1.2. Những thuật ngữ cơ bản trong nghiên cứu khoa học  1.3. Tiến trình tư duy trong NCKH  1.4. Các sản phẩm nghiên cứu khoa học | 3 | - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết;  - Đọc học liệu số 1, chương 1  -- Tham khảo học liệu [2] [3] | Theo TKB;  Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi, bài tập chương 1 | 3 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 1; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Theo TKB;  Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi đến lớp nghe giảng;  - Chuẩn bị các câu hỏi và bài tập tình huống;  - Đọc trước các nội dung lý thuyết chương 2. | 14 | Nghiên cứu giáo trình, TLTK  Tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị các câu hỏi cần thảo luận, giải đáp | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 2. Thiết kế nghiên cứu** | **30** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Một số định nghĩa  2.2. Tổng quan nghiên cứu  2.3. Nội dung thiết kế nghiên cứu  2.4. Mô hình nghiên cứu | 6 | - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết;  - Đọc học liệu số 1: chương 2  - Tham khảo học liệu 2: chương 2, chương 3. | Theo TKB;  Trên lớp |  |
| Bài tập | Tổ chức học theo nhóm  Câu hỏi và bài tập chương 2 | 3 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 2; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Theo TKB;  Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Hoàn thành câu hỏi, bài tập chương 2.  - Đọc trước các nội dung lý thuyết chương 3. | 21 | Tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị các câu hỏi cần thảo luận, giải đáp | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |  |
|  | **Chương 3. Các phương pháp thu thập dữ liệu trong nghiên cứu kinh tế** | **20** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1. Nghiên cứu tài liệu  3.2. Khảo sát thực địa  3.3. Điều tra bằng bảng hỏi  3.4. Phỏng vấn  3.5. Hội nghị khoa học  3.6. Thực nghiệm  3.7. Trắc nghiệm xã hội | 3 | - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết;  - Đọc học liệu số 1: chương 3, chương 4  - Tham khảo học liệu số 2: Chương 4. | Theo TKB;  Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 3 | 3 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 3; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Theo TKB;  Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Hoàn thành câu hỏi, bài tập chương 3.  - Đọc trước các nội dung lý thuyết chương 4. | 14 | Tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị các câu hỏi cần thảo luận, giải đáp | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 4. Thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu kinh tế** | **30** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1. Dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp  4.2. Dữ liệu định tính và dữ liệu định lượng  4.3. Chọn mẫu trong nghiên cứu khoa học  4.4. Đo lường và thu thập dữ liệu  4.5. Xử lý dữ liệu  4.6. Phân tích dữ liệu | 6 | - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết;  - Đọc học liệu số 1: chương 3, chương 4  - Tham khảo học liệu số 2: Chương 5. | Theo TKB;  Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 4 | 2 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 4; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Theo TKB;  Trên lớp |  |
| Kiểm tra | **Bài kiểm tra số 1** | 1 | Vận dụng kiến thức đã học làm bài kiểm tra | Theo TKB;  Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Hoàn thành câu hỏi, bài tập chương 4.  - Đọc trước các nội dung lý thuyết chương 5. | 21 | Tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị các câu hỏi cần thảo luận, giải đáp | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 3** |  |  |  |  |
|  | **Chương 5. Viết và thuyết trình báo cáo nghiên cứu khoa học** | **50** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1. Cấu trúc và cách viết báo cáo nghiên cứu khoa học  5.2. Hình thức viết báo cáo nghiên cứu khoa học  5.3. Thuyết trình báo cáo nghiên cứu khoa học  5.4. Công bố kết quả nghiên cứu | 10 | - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết;  - Đọc học liệu số 1: chương 5.  - Tham khảo học liệu số 2: Chương 6 | Theo TKB;  Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 5 | 4 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 5; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Theo TKB;  Trên lớp |  |
| Kiểm tra | **Bài kiểm tra số 2** | 1 | Vận dụng kiến thức đã học làm bài kiểm tra | Theo TKB;  Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Hoàn thành câu hỏi, bài tập chương 5. | 35 | Tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị các câu hỏi cần thảo luận, giải đáp | Thư viện,  Ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Đinh Văn Sơn, Vũ Mạnh Chiến (2015). *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học,* NXB Thống kê.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Trần Thị Diên (2024), *Giáo trình phương pháp nghiên cứu kinh tế,* NXB Đại học Thái Nguyên.

[3] Vũ Cao Đàm (2019). *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. NXB Giáo dục Việt Nam.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (Giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (Giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành,**  **thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn** |
| 1 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 2 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 3 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 4 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 5 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 6 | 2 |  | *1* |  |  | 7 |
| 7 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 8 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 9 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 10 | 2 | 1 |  |  |  | 7 |
| 11 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 12 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 13 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 14 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 15 | 2 | 1 |  |  |  | 7 |
| **Tổng cộng** | **28** | **02** | **15** |  |  | **105** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch7 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Bài kiểm tra | 30% | Bài kiểm tra số 1:  - Hình thức: Tự luận  - Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc tín chỉ 1, tín chỉ 2.  - Đánh giá: Theo thang điểm, đáp án của giảng viên. | Ch1, Ch2, Ch4, Ch5, Ch7, Ch8 | 10 |
| Bài kiểm tra số 2:  - Hình thức: Tự luận  - Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc tín chỉ 3.  - Đánh giá: Theo thang điểm, đáp án của giảng viên. | Ch3, Ch6, Ch7, Ch8 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Thi tự luận | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1 đến Ch8 | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi***

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấu trúc đề thi** | **Thời gian làm bài** |
| Đề thi gồm 3 câu:  + Câu 1 (3 điểm): Cấp độ nhớ và hiểu.  + Câu 2 (3 điểm): Cấp độ áp dụng và phân tích.  + Câu 3 (4 điểm): Cấp độ áp dụng và phân tích.  Đề thi đánh giá được nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc các tín chỉ của học phần.  - Cấp độ nhận thức: 30% nhớ và hiểu ; 70% áp dụng và phân tích. | 90 phút |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO  **KHOA KINH TẾ & QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Marketing căn bản

Mã học phần: KT2.1.003.2

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 02

- Loại học phần: Tự chọn

- Yêu cầu đầu vào: Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 15 giờ

+ Bài tập trên lớp: 14 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 01 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 70 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa kinh tế & QTKD

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị,**  **họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | ThS.Trần Thảo Nguyên | 0974.864.888 | [thaonguyentuyenquang@gmail.com](mailto:thaonguyentuyenquang@gmail.com) |
| 2 | ThS. Đỗ Hải Yến | 0978.457.229 | [dohaiyentq@gmail.com](file:///C:\Users\THAO%20NGUYEN\Downloads\dohaiyentq@gmail.com) |
| 3 | TS. Vũ Thị Hằng Nga | 0984.368.612 | [vunga0304@gmail.com](mailto:vunga0304@gmail.com) |
| 4 | ThS. Trần Hương Giang | 0825.138.500 | huonggiangtq90@gmail.com |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:* Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về marketing , các hoạt động của marketing hỗn hợp được áp dụng trong đơn vị: sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến thương mại.

-  *Mục tiêu cụ thể:*

Mt1: Khái quát các kiến thức cơ bản về các nguyên lý hoạt động marketing và việc vận dụng vào thực tế kinh doanh của doanh nghiệp. Trình bày và phân tích được các hoạt động của marketing hỗn hợp được áp dụng trong đơn vị: sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến thương mại.

Mt 2: Tính toán được giá của sản phẩm theo lãi cộng vào giá thành và theo tỷ suất lợi nhuận mục tiêu. Vận dụng thành thạo từng nội dung theo các yêu cầu đặt ra đối với nhà quản trị marketing.

Mt 3: Có thái độ, động cơ học tập đúng đắn; nhận thức và thực hiện nghiêm túc các chuẩn mực nghề nghiệp và trách nhiệm của công dân trong hoạt động kinh doanh.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.003.2 | Marketing căn bản | CĐR 1 | CĐR 2 | CĐR 3 | CĐR 4 | CĐR 5 | CĐR 6 |
|  | **2** |  |  |  |  |
| CĐR 7 | CĐR 8 | CĐR 9 | CĐR 10 | CĐR 11 | CĐR 12 |
|  |  |  |  |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

| **Mục tiêu**  **của HP** | **Chuẩn đầu ra của học phần** | **CĐR**  **của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Khái quát được những kiến thức cơ bản về hoạt động marketing và việc vận dụng vào thực tế kinh doanh của doanh nghiệp. | CĐR 2 |
| Ch2: Nhận dạng được nhu cầu và hành vi khách hàng đưa ra các ứng xử của doanh nghiệp phù hợp với thị trường nhằm giành được hiệu quả cao trong kinh doanh và phát triển bền vững. | CĐR 2 |
| Ch3: Diễn giải và phân tích được các hoạt động của marketing hỗn hợp được áp dụng trong đơn vị: sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến thương mại. | CĐR 2 |
| **Kỹ năng** | | |
| ***Kĩ năng cứng*** | | |
| Mt2 | Ch4: Vận dụng thành thạo từng nội dung theo các yêu cầu đặt ra đối với nhà quản trị marketing. Thực hiện được các kế hoạch marketing trong doanh nghiệp. | CĐR 2 |
| ***Kĩ năng mềm*** | | |
| Mt2 | Ch5: Có kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề trong kinh doanh. | CĐR 2 |
|  | | |
| Mt3 | Ch6: Có thái độ, động cơ học tập đúng đắn; nhận thức và thực hiện nghiêm túc các chuẩn mực nghề nghiệp và trách nhiệm của công dân trong hoạt động kinh doanh | CĐR 2 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | **Kĩ năng** | | **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Nội dung** | ***Cứng*** | ***Mềm*** |
| **Ch1** | **Ch2** | **Ch3** | **Ch4** | **Ch5** | **Ch6** |
| **Chương 1**  **Bản chất của marketing** | 1.1 Bản chất của marketing | 1 |  |  |  |  | 1 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 1.2. Quản trị marketing | 2 |  |  |  |  | 2 |
| **Chương 2**  **Môi trường marketing** | 2.1. Tổng quan về hệ thống hoạt động marketing và môi trường marketing | 2 |  |  |  | 1 | 2 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 2.2. Tác động của môi trường vi mô tới hoạt động marketing | 2 |  |  |  | 2 | 2 |
| 2.3. Tác động của môi trường vĩ mô tới hoạt động marketing | 2 |  |  |  | 2 | 2 |
| **Chương 3**  **Hành vi khách hàng** | 3.1.Thị trường người tiêu dùng và hành vi mua của người tiêu dùng |  | 2 |  |  | 2 | 2 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 3.2.Thị trường các tổ chức và hành vi mua là tổ chức |  | 2 |  |  | 2 | 2 |
| **Chương 4**  **Thị trường mục tiêu và định vị thị trường** | 4.1 Đo lường và dự báo cầu thị trường |  | 2 |  | 1 | 2 |  | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 4.2 Lựa chọn thị trường mục tiêu |  | 2 |  | 2 | 2 |  |
| 4.3 Định vị thị trường |  | 2 |  | 2 | 2 |  |
| **Chương 5**  **Chiến lược kế hoạch tổ chức và kiểm tra marketing** | 5.1 Lập chiến lược và kế hoạch marketing của công ty | 2 |  |  | 2 |  | 2 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 5.2 Hệ thống tổ chức marketing | 2 |  |  | 2 |  | 2 |
| 5.3 Kiểm tra marketing | 2 |  |  | 2 |  | 2 |
| **Chương 6**  **Các quyết định về sản phẩm sản phẩm** | 6.1. Sản phẩm theo quan điểm Marketing |  |  | 2 |  |  |  | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 6.2 Các quyết định về nhãn hiệu sản phẩm |  |  | 2 |  |  | 2 |
| 6.3 Quyết định về bao gói và dịch vụ sản phẩm |  |  | 2 |  |  | 2 |
| 6.4 Quyết định về danh mục và chủng loại sản phẩm |  |  | 2 |  |  | 2 |
| 6.5 Thiết kế và marketing sản phẩm mới |  |  | 3 |  |  | 2 |
| 6.6 Chu kỳ sống của sản phẩm |  |  | 2 |  |  | 2 |
| **Chương 7**  **Các quyết định về giá cả** | 7.1. Những vấn đề chung về giá |  |  | 1 |  |  |  | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 7.2 Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến quyết định về giá |  |  | 2 | 2 | 2 |  |
| 7.3 Xác định mức giá cơ bản |  |  | 2 | 2 | 2 |  |
| 7.4 Các chiến lược giá |  |  | 2 | 2 | 2 |  |
| **Chương 8**  **Các quyết định về phân phối** | 8.1 Bản chất và tầm quan trọng của kênh phân phối |  |  | 2 |  |  | 1 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 8.2 Cấu trúc kênh |  |  | 2 |  | 2 |  |
| 8.3 Lựa chọn và quản lý kênh phân phối |  |  | 2 |  | 2 | 2 |
| 8.4 Quyết định phân phối hàng hóa vật chất |  |  | 2 |  | 2 | 2 |
| 8.5 Marketing của các doanh nghiệp bán buôn và bán lẻ |  |  | 2 |  | 2 | 2 |
| **Chương 9**  **Chiến lược xúc tiến hỗn hợp** | 9.1. Khái niệm về xúc tiến hỗn hợp-truyền thông marketing |  |  | 1 | 2 |  | 2 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 9.2 Bản chất của quản trị truyền thông và các bước tiến hành hoạt động truyền thông |  |  | 2 | 2 |  | 2 |
| 9.3 Xác lập hỗn hợp xúc tiến và ngân sách |  |  | 2 | 2 |  | 2 |
| 9.4. Quảng cáo |  |  | 2 | 2 | 2 |  |
| 9.5.Xúc tiến bán |  |  | 2 | 2 | 2 |  |
| 9.6.Tuyên truyền |  |  | 2 | 2 | 2 |  |
| 9.7.Bán hàng cá nhân |  |  | 2 | 2 | 2 |  |
| 9.8. Marketing trực tiếp |  |  | 2 | 2 | 2 |  |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần nghiên cứu các vấn đề cơ bản về các nguyên lý hoạt động Marketing và việc vận dụng vào thực tế kinh doanh; các khái niệm về Marketing; công tác nghiên cứu thị trường và hành vi người tiêu dùng; xây dựng chiến lược, kế hoạch, tổ chức và kiểm tra Marketing; nghiên cứu chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược phân phối và hoạt động truyền thông Marketing.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu**  **đối với**  **sinh viên** | **Thời gian, địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Chương 1: Bản chất của Marketing** | **6** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Bản chất của Marketing  1.2. Quản trị Marketing | 1 | Học liệu số 1: chương 1  - Tham khảo học liệu [2] | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành các bài tập theo yêu cầu của GV.  Chuẩn bị các câu hỏi và bài tập tình huống; | 5 | Nghiên cứu học liệu số 1; 2 và đưa ra các vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 2. Môi trường Marketing** | **14** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Tổng quan về hệ thống hoạt động marketing và môi trường marketing  2.2. Tác động của môi trường vi mô tới hoạt động marketing  2.3. Tác động của môi trường vĩ mô tới hoạt động marketing | 2 | Học liệu số 1: chương 2  - Tham khảo học liệu [2] | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Tổ chức học theo nhóm  Bài tập chương 2 | 2 | Nắm vững lý thuyết để giải quyết các bài tập của chương | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành  Chuẩn bị các câu hỏi và bài tập tình huống; | 10 | Nghiên cứu học liệu số 1;2 và đưa ra các vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 3: Hành vi khách hàng** | **7** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1. Thị trường người tiêu dùng và hành vi mua của người tiêu dùng  3.2 Thị trường các tổ chức và hành vi của người mua là tổ chức | 1 | Học liệu số 1: chương 3  - Tham khảo học liệu [2] | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Tổ chức học theo nhóm  Bài tập chương 3 | 1 | Nắm vững lý thuyết; giải các bài tập | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng.  - Chuẩn bị các câu hỏi và bài tập tình huống; | 5 | Nghiên cứu học liệu số 1;2 và đưa ra vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 4: Lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường** | **14** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1 Đo lường và dự báo cầu thị trường  4.2 Lựa chọn thị trường mục tiêu  4.3 Định vị thị trường | 2 | Học liệu số 1: chương 4  - Tham khảo học liệu [2]  - Chuẩn bị các vấn đề theo yêu cầu của GV | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Tổ chức học theo nhóm  Bài tập chương 4 | 2 | Nắm vững lý thuyết; giải các bài tập | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng.  - Chuẩn bị các câu hỏi và bài tập tình huống; | 10 | Nghiên cứu học liệu số 1;2 và đưa ra vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 5: Chiến lược, kế hoạch, tổ chức và kiểm tra marketing** | **9** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1 Lập chiến lược và kế hoạch marketing của công ty  5.2 Hệ thống tổ chức marketing  5.3 Kiểm tra marketing | 2 | Học liệu số 1: chương 5  - Tham khảo học liệu [2] | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Tổ chức học theo nhóm  Bài tập chương 5 | 2 | Nắm vững lý thuyết; giải các bài tập | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành | 5 | Nghiên cứu học liệu số 1;2 và đưa ra các vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |  |
|  | **Chương 6: Các quyết định về sản phẩm sản phẩm** | **12** |  |  |  |
| Lý thuyết | 6.1. Sản phẩm theo quan điểm Marketing  6.2 Các quyết định về nhãn hiệu sản phẩm  6.3 Quyết định về bao gói và dịch vụ sản phẩm  6.4 Quyết định về danh mục và chủng loại sản phẩm  6.5 Thiết kế và marketing sản phẩm mới  6.6 Chu kỳ sống của sản phẩm | 2 | Học liệu số 1: chương 6  - Tham khảo học liệu [2] | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Tổ chức học theo nhóm  Bài tập chương 6 | 2 | Nắm vững lý thuyết; giải các bài tập | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Kiểm tra | Kiểm tra | 1 | Ôn tập để kiểm tra | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập | 7 | Nghiên cứu học liệu số 1;2 và đưa ra các vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 7: Các quyết định về giá cả** | **14** |  |  |  |
| Lý thuyết | 7.1. Những vấn đề chung về giá  7.2 Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến quyết định về giá  7.3 Xác định mức giá cơ bản  7.4 Các chiến lược giá | 2 | Học liệu số 1: chương 7  - Tham khảo học liệu [2] | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Tổ chức học theo nhóm  Bài tập chương 7 | 2 | Nắm vững lý thuyết; giải các bài tập | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập | 10 | Làm bài tập, chỉ ra vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 8: Quyết định về phân phối** | **14** |  |  |  |
| Lý thuyết | 8.1 Bản chất và tầm quan trọng của kênh phân phối  8.2 Cấu trúc kênh  8.3 Lựa chọn và quản lý kênh phân phối  8.4 Quyết định phân phối hàng hóa vật chất  8.5 Marketing của các doanh nghiệp bán buôn và bán lẻ | 2 | Học liệu số 1: chương 8  - Tham khảo học liệu [2] | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Tổ chức học theo nhóm  Bài tập chương 8 | 2 | Nắm vững lý thuyết; giải các bài tập | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức để giải các bài tập  - Giải đáp các câu hỏi ôn tập và làm các bài tập | 10 | Nghiên cứu học liệu số 1;2 và đưa ra các vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 9: Chiến lược xúc tiến hỗn hợp** | **10** |  |  |  |
| Lý thuyết | 9.1 Khái niệm về xúc tiến hỗn hợp-truyền thông marketing  9.2 Bản chất của quản trị truyền thông và các bước tiến hành hoạt động truyền thông  9.3 Xác lập hỗn hợp xúc tiến và ngân sách  9.4 Quảng cáo  9.5 Xúc tiến bán  9.6 Tuyên truyền  9.7 Bán hàng cá nhân  9.8. Marketing trực tiếp | 1 | Học liệu số 1: chương 9  - Tham khảo học liệu [2] | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Tổ chức học theo nhóm  Bài tập chương 9 | 1 | Nắm vững lý thuyết; giải các bài tập | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập | 8 | - Nghiên cứu đề cương môn học | Thư viện, ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

1] Trần Minh Đạo (2013), *Giáo trình marketing căn bản*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội;

**9.2. Tài liệu tham khảo**

2] Trương Đình Chiến (2018), *Giáo trình quản trị Marketing*, NXB Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (Giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (Giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành,**  **thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn** |
| 1 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 2 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 3 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 4 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 5 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 6 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 7 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 8 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 9 |  |  | 2 |  |  | 4 |
| 10 |  | 1 | 1 |  |  | 5 |
| 11 | 1 |  | 1 |  |  | 2 |
| 12 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 13 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 14 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 15 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| **Tổng cộng** | **15** | **01** | **14** |  |  | **70** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch6 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Bài kiểm tra thường xuyên  (01 bài trắc nghiệm) | 30% | Tiêu chí đánh giá: theo thang điểm, đáp án của giảng viên | Ch1đến Ch 6 | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Trắc nghiệm | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1đến Ch 6 | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ** | **Cấp độ nhận thức** | | **Tổng** | **Điểm** | **Thời gian thi** |
| **Biết/ Hiểu (60%)** | **Vận dụng/ Phân tích (40%)** |
| Tín chỉ 1 | 12 | 8 | 20 | 5 | 60 phút |
| Tín chỉ 2 | 12 | 8 | 20 | 5 |
| Tổng số câu | **24** | **16** | **40** | **10** |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO  **KHOA SƯ PHẠM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Soạn thảo văn bản

Mã học phần: XH2.1.055.2

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 02

- Loại học phần: bắt buộc

- Yêu cầu đầu vào: không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp:15 giờ

+ Bài tập trên lớp: 14 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 01 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 70 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Ngữ văn, Khoa Sư phạm

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | TS. Dương Thị Ngữ | 0988 015 621 | [duongthingu@gmail.com](mailto:duongthingu@gmail.com) |
| 2 | TS. Hà Thị Chuyên | 03 56265953 | [hoahoctro8387@gmail.com](mailto:hoahoctro8387@gmail.com) |
| 3 | ThS. Nguyễn Thị Giang | 0915242669 | [Giangnguyen.tq@gmail.com](mailto:Giangnguyen.tq@gmail.com) |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*-Mục tiêu chung:*

Có kiến thức đại cương về văn bản quản lí hành chính nhà nước và lí thuyết về soạn thảo, quản lí văn bản, quản lí nhà nước.

-  *Mục tiêu cụ thể:*

Mt 1: Nắm vững kiến thức cơ bản về văn bản quản lí hành chính nhà nước: quy trình xây dựng và ban hành văn bản quản lí hành chính nhà nước; yêu cầu về nội dung và thể thức của văn bản, văn phong và ngôn ngữ văn bản, kĩ thuật soạn thảo văn bản quản lí hành chính nhà nước.

Mt 2: Thực hiện các kỹ năng nhận dạng, rà soát và soạn thảo văn bản quản lí hành chính nhà nước.

Mt 3: Có thái độ đúng đắn,có trách nhiệm công dân và thái độ phục vụ đối với công tác ban hành và quản lí văn bản quản lí nhà nước

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo mức độ sau:

***0= Không đóng góp; 1= Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| XH2.1.055.2 | Soạn thảo văn bản | CĐR 1 | CĐR 2 | CĐR 3 | CĐR 4 | CĐR 5 | CĐR 6 |
|  | 2 |  |  |  | 1 |
| CĐR 7 | CĐR 8 | CĐR 9 | CĐR 10 | CĐR 11 | CĐR 12 |
|  |  |  |  | 1 |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu**  **của HP** | **Chuẩn đầu ra của học phần** | **CĐR**  **của CTĐT** |
| **Kiến thức** | | |
| Mt 1 | Ch1. Phân tích được những kiến thức cơ bản về văn bản quản lí hành chính nhà nước như: khái niệm, vai trò của văn bản trong lãnh đạo, quản lí và đời sống xã hội; những vấn đề chung về kĩ thuật soạn thảo văn bản. | CĐR 2 |
| Ch2. Thực hiện soạn thảo các loại văn bản quản lí hành chính nhà nước. | CĐR 2 |
| **Kỹ năng** | | |
| ***Kĩ năng cứng*** | | |
| Mt 2 | Ch3. Vận dụng kiến thức về soạn thảo văn quản lí hành chính nhà nước để nắm vững phương pháp soạn thảo và quản lí khoa học các loại văn bản hành chính. | CĐR 6 |
| ***Kĩ năng mềm*** | | |
| Mt 2 | Ch4. Lựa chọn các nội dung về soạn thảo văn bản để ứng dụng trong công tác chuyên môn và trong cuộc sống.. | CĐR 6 |
| **Mức độ tự chủ, chịu trách nhiệm** | | |
| Mt 3 | Ch5. Đánh giá được việc lựa chọn kiến thức và kỹ năng về yêu cầu và quy trình xây dựng, ban hành văn bản và ứng dụng để soạn thảo các loại văn bản với tinh thần tích cực, chủ động và sáng tạo. | CĐR 11 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo.***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | **Kĩ năng** | | **Mức độ TC và TN** | **PPDH** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Nội dung** | ***Cứng*** | ***Mềm*** |
| **Ch1** | **Ch2** | **Ch3** | **Ch4** | **Ch5** |
| Chương 1:  Khái niệm, vai trò của văn bản trong lãnh đạo, quản lí và đời sống xã hội | 1.1. Khái niệm và tính chất chung của văn bản | 2 |  | 1 |  |  | Thuyết trình, thảo luận |
| 1.2. Vai trò của văn bản trong lãnh đạo, quản lí và đời sống xã hội | 2 |  | 1 |  | 1 |
| 1.3. Các loại văn bản | 2 |  | 1 |  |  |
| 1.4. Ý nghĩa của sự phân loại văn bản | 2 |  |  |  |  |
| Chương 2 :  Những vấn đề chung về kĩ thuật soạn thảo văn bản | 2.1. Yêu cầu chung của việc soạn thảo văn bản | 2 |  |  |  |  | Thuyết trinh, hoạt. động nhóm |
| 2.2. Xử lí ngôn ngữ và cách hành văn trong quá trìnhsoạn thảo văn bản | 2 |  |  |  | 1 |
| 2.3. Quy trình chung của việc soạn thảo văn bản | 2 |  |  |  | 1 |
| 2.4. Thu thập và xử lí thông tin trong soạn thảo văn bản | 2 |  |  |  | 1 |
| 2.5. Biên tập văn bản trước khi ban hành | 2 |  |  |  |  |
| Chương 3:  Thể thức và cách soạn thảo các văn bản của Đảng | 3.1. Quy định chung |  | 2 |  | 1 |  | Thuyết trình, giải quyết vấn đề1 |
| 3.2. Thể loại, thẩm quyền ban hành thể thức văn bản của Đảng. |  | 2 |  | 1 | 1 |
| 3.3. Hướng dẫn về thể thức văn bản của Đảng |  | 2 |  | 1 |  |
| Chương 4:  Thể thức và cách soạn thảo các văn bản quản lí nhà nước | 4.1. Các quy định chung về thể thức văn bản quản lí nhà nước |  | 2 |  | 1 |  | Giải quyết vấn đề, luyện tập |
| 4.2. Cách soạn thảo văn bản quản lí nhà nước thông dụng |  | 2 |  | 1 |  |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần bao gồm những kiến thức về văn bản quản lí hành chính nhà nước: kĩ thuật soạn thảo các loại văn bản quản lí hành chính nhà nước và rèn luyện kĩ năng soạn thảo, tạo lập các loại văn bản quản lí hành chính nhà nước thông thường.

**8. Nội dung chi giờ học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu**  **đối với**  **sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ 1** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 1: Khái niệm, vai trò của văn bản trong lãnh đạo, quản lí và đời sống xã hội** |  |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Khái niệm và tính chất chung của văn bản  1.2. Vai trò của văn bản trong lãnh đạo, quản lí và đời sống xã hội  1.3. Các loại văn bản  1.4. Ý nghĩa của sự phân loại văn bản | 2 | Đọc học liệu số 1: chương 1; tham khảo học liệu 2,3 | Trên lớp |  |
| Bài tập | 1/ Sưu tầm và phân loại văn bản  2/ Phân tích ý nghĩa của từng loại văn bản đối với đời sống xã hội. | 3 |  | Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập | 12 | Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 2: Những vấn đề chung về kĩ thuật soạn thảo văn bản** |  |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Yêu cầu chung của việc soạn thảo văn bản  2.2. Xử lí ngôn ngữ và cách hành văn trong quá trình soạn thảo văn bản  2.3. Quy trình chung của việc soạn thảo văn bản  2.4. Thu thập và xử lí thông tin trong soạn thảo văn bản  2.5. Biên tập văn bản trước khi ban hành | 5 | Học học liệu số 1 chương 2; tham khảo học liệu 2,3 | Trên lớp |  |
| Bài tập, kiểm tra | - Bài tập chữa lỗi ngôn ngữ trong văn bản.  - Biên tập văn bản. | 5 | Vận dụng kiến thức lí thuyết để thực hiện bài tập. | Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập | 23 | Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà | Tự học, tự nghiên cứu |
|  | Kiểm tra giữa kì | 1 | Thực hiện bài kiểm tra tự luận | Trên lớp |  |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |  |
|  | **Chương 3: Thể thức và cách soạn thảo các văn bản của Đảng** |  |  |  |  |
| Lýthuyết | 3.1. Quy định chung  3.2. Thể loại, thẩm quyền ban hành thể thức văn bản của Đảng.  3.3. Hướng dẫn về thể thức văn bản của Đảng | 3 | Học học liệu số 1 chương 3; tham khảo học liệu 2,3 | Trên lớp |  |
| Bài tập | Biên tập văn bản của Đảng theo yêu cầu của GV. | 4 |  | Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập | 17 | Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà | Tự học, tự nghiên cứu |
|  | **Chương 4: Thể thức và cách soạn thảo các văn bản quản lí nhà nước** |  |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1. Các quy định chung về thể thức văn bản quản lí nhà nước  4.2. Cách soạn thảo văn bản quản lí nhà nước thông dụng. | 2 | Học học liệu số 1 chương 4; tham khảo học liệu 2,3 | Trên lớp |  |
| Bài tập | Biên tập văn bản quản lí nhà nước. | 6 | Học học liệu số 1 chương 4; tham khảo học liệu 2,3. | Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 18 | Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà | Tự học, tự nghiên cứu |

**9. Tài liệu học tập**

***9.1. Giáo trình bắt buộc***

[1]. Nguyễn Văn Thâm (2009*), Hướng dẫn soạn thảo văn bản và công tác văn phòng,* Nxb Chính trị - Hành chính.

***9.2. Tài liệu tham khảo***

[2]. Nghị định số 30/2020/NĐ-CP thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-30-2020-ND-CP-cong-tac-van-thu-436532.aspx

[3]. Nguyễn Đăng Dung ( chủ biên, Nguyễn Hoàng Anh, Võ Trí Hảo ( 2014), Kỹ thuật soạn thảo văn bản. Đại học Quốc gia Hà Nội.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn** |
| 1 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 2 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 3 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 4 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 5 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 6 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 7 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 8 | 1 | 1 |  |  |  | 5 |
| 9 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 10 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 11 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 12 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 13 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 14 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 15 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| **Tổng cộng** | **15** | **1** | **14** |  |  | **70** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm.***

| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch5 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Bài kiểm tra thường xuyên | 30% | Theo đáp án, thang điểm của đề bài kiểm tra | Từ Ch1 đến Ch4 | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Thi tự luận | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Từ Ch1 đến Ch5 | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấu trúc đề thi** | **Thời gian làm bài** |
| - Đề thi gồm 02 câu:  Câu 1 (5,0 điểm): Cấp độ nhớ, hiểu hoặc áp dụng và phân tích  + Câu 2 (5,0 điểm): Cấp độ áp dụng, phân tích hoặc đánh giá và sáng tạo  Đề thi đánh giá được nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc các tín chỉ của học phần  - Cấp độ nhận thức: 30% nhớ và hiểu; 50% áp dụng và phân tích; 20% đánh giá và sáng tạo | 60 phút |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA SƯ PHẠM** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO  **KHOA SƯ PHẠM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Mô hình toán kinh tế

Mã học phần: TN2.1.112.2

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 02

- Loại học phần: Tự chọn

- Yêu cầu đầu vào: Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 15 giờ

+ Bài tập trên lớp: 14 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 01 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 70 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Toán

+ Khoa: Khoa Sư phạm

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | TS. Khổng Chí Nguyện | 0916732576 | nguyenkc69@gmail.com |
| 2 | Th.S Nguyễn Tuyết Nga | 0945737088 | tuyetnga.sp@gmail.com |
| 3 | Th.S Mai Thị Hiền | 0979409679 | maihiencdtq@gmail.com |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:* Người học ứng dụng được các kiến thức cơ bản để giải quyết những bài toán mô hình toán kinh tế thường gặp trong đời sống, trong chuyên môn và nghiên cứu khoa học.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt 1: Có các kiến thức cơ bản về lý thuyết mô hình toán kinh tế.

Mt 2: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về lý thuyết mô hình toán kinh tế làm cơ sở cho việc nghiên cứu, học tập các học phần chuyên ngành cũng như vận dụng vào thực tiễn.

Mt 3: Khả năng tư duy sáng tạo, tự học, tự nghiên cứu trong lĩnh vực Toán học để giải quyết các công việc có hiệu quả.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT theo mức độ sau:

***0= Không đóng góp; 1= Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| TN2.1.112.2 | Mô hình toán kinh tế | CĐR 1 | CĐR 2 | CĐR 3 | CĐR 4 | CĐR 5 | CĐR 6 |
|  | 2 |  |  |  |  |
| CĐR 7 | CĐR 8 | CĐR 9 | CĐR 10 | CĐR 11 | CĐR 12 |
|  |  |  |  |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của học phần** | **CĐR của CTĐT** |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | **Ch1. Khái quát** cáckiến thức cơ bản về mô hình cân đối liên ngành, mô hình tối ưu tuyến tính, bài toán quy hoạch tuyến tính. | CĐR 2 |
| **Ch2. Phân tích** cácnội dung của lý thuyết mô hình toán kinh tế để phục vụ hoạt động chuyên môn. | CĐR 2 |
| **Kỹ năng** | | |
| ***Kĩ năng cứng*** | | |
| Mt2 | **Ch3. Vận dụng** kiến thức lý thuyết mô hình toán kinh tế để thực hiện nghiên cứu khoa học ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành. | CĐR 2 |
| ***Kĩ năng mềm*** | | |
| Mt2 | **Ch4. Lựa chọn** các vấn đề về lý thuyết mô hình toán kinh tế để đánh giá các tình huống nảy sinh trong hoạt động chuyên môn. | CĐR 2 |
|  | **Thái độ, năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm** |  |
| Mt3 | **Ch5. Thực hiện** làm việc độc lập, làm việc nhóm nhằm thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. | CĐR 2 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0= Không đóng góp; 1= Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | **Kĩ năng** | | | **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Nội dung** | ***Cứng*** | | ***Mềm*** |
| **Ch1** | **Ch2** | **Ch3** | **Ch4** | **Ch5** |  |
| **Chương 1. Mô hình cân đối liên ngành (Input – Output tables – I/O)** | 1. Giới thiệu mô hình toán kinh tế | 2 | 2 |  |  |  | Thuyết trình |
| 2. Sơ lược về lịch sử phát triển và việc ứng dụng bảng cân đối liên ngành ở Việt Nam | 2 | 2 |  |  |  | Thuyết trình |
| 3. Một số vấn đề về phương pháp luận xây dựng bảng cân đối liên ngành |  |  | 2 | 2 |  | Thuyết trình |
| 4. Bảng cân đối liên ngành của một số nước | 2 | 2 |  |  |  | Thuyết trình |
| 5. Bảng cân đối liên ngành dạng hiện vật |  |  | 2 | 3 |  | Thuyết trình |
| 6. Bảng cân đối liên ngành dạng giá trị |  |  | 2 | 3 |  | Thuyết trình |
| 7. Hệ số chi phí toàn bộ | 3 |  | 3 |  |  | Thuyết trình |
| 8. Một số ứng dụng của bảng I/O trong phân tích và dự báo kinh tế |  |  | 2 |  | 3 | Giải quyết vấn đề |
| **Chương 2. Mô hình tối ưu tuyến tính**  **– Bài toán quy hoạch tuyến tính** | 1. Một số tình huống trong hoạt động kinh tế và mô hình bài toán quy hoạch tuyến tính tương ứng |  |  | 3 | 3 |  | Thuyết trình |
| 2. Mô hình bài toán quy hoạch tuyến tính |  |  | 3 | 3 |  | Thuyết trình |
| 3. Các tính chất chung của bài toán quy hoạch tuyến tính | 2 | 2 |  |  |  | Đàm thoại |
| 4. Phương pháp đơn hình giải bài toán quy hoạch tuyến tích |  |  | 3 | 3 |  | Đàm thoại |
| 5. Phân tích quan hệ trong cặp bài toán đối ngẫu và ứng dụng trong phân tích kinh tế | 3 |  | 3 |  |  | Đàm thoại |
| 6. Bài toán vận tải |  |  | 3 | 3 |  | Giải quyết vấn đề |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần này bao gồm các kiến thức về: Mô hình cân đối liên ngành, mô hình tối ưu tuyến tính, bài toán quy hoạch tuyến tính.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu**  **đối với**  **người học** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Chương 1. Mô hình cân đối liên ngành (Input – Output tables – I/O)** |  |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Sơ lược về lịch sử phát triển và việc ứng dụng bảng cân đối liên ngành ở Việt Nam  1.2. Một số vấn đề về phương pháp luận xây dựng bảng cân đối liên ngành  1.3. Bảng cân đối liên ngành của một số nước  1.4. Bảng cân đối liên ngành dạng hiện vật  1.5. Bảng cân đối liên ngành dạng giá trị  1.6. Hệ số chi phí toàn bộ  1.7. Một số ứng dụng của bảng I/O trong phân tích và dự báo kinh tế | 07 | Học học liệu số 1 và tham khảo các học liệu khác. | Lớp học |  |
| Bài tập | Làm bài tập trong học liệu số 1 và tham khảo bài tập trong các học liệu khác. | 07 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập. | Lớp học |  |
|  | Kiểm tra thường xuyên | 01 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài. | Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 35 | Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết.  Chuẩn bị bài tập ở nhà trước mỗi giờ học bài tập ở trên lớp, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |  |
|  | **Chương 2. Mô hình tối ưu tuyến tính – Bài toán quy hoạch tuyến tính** |  |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Một số tình huống trong hoạt động kinh tế và mô hình bài toán quy hoạch tuyến tính tương ứng  2.2. Mô hình bài toán quy hoạch tuyến tính  2.3. Các tính chất chung của bài toán quy hoạch tuyến tính  2.4. Phương pháp đơn hình giải bài toán quy hoạch tuyến tích  2.4.1. Nội dung của phương pháp  2.4.2. Cơ sở lí thuyết của phương pháp đơn hình – Các định lí cơ bản  2.4.3. Thuật toán đơn hình  2.4.4. Áp dụng thuật toán đơn hình tìm phương án cực biên  2.5. Phân tích quan hệ trong cặp bài toán đối ngẫu và ứng dụng trong phân tích kinh tế  2.5.1. Cách thành lập bài toán đối ngẫu  2.5.2. Phân tích quan hệ trong cặp bài toán đối ngẫu – Các ứng dụng trong phân tích kinh tế  2.6. Bài toán vận tải  2.6.1. Nội dung và đặc điểm của bài toán vận tải  2.6.2. Xây dựng phương án cực biên  2.6.3. Phương pháp thế vị giải bài toán vận tải | 08 | Học học liệu số 1 và tham khảo các học liệu khác. | Lớp học |  |
| Bài tập | Làm bài tập trong học liệu số 1 và tham khảo bài tập trong các học liệu khác. | 07 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập. | Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập | 35 | Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết.  Chuẩn bị bài tập ở nhà trước mỗi giờ học bài tập ở trên lớp, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Giáo trình bắt buộc**

[1] Nguyễn Quang Dong - Ngô Văn Thứ - Hoàng Đình Tuấn (2006), *Giáo trình Mô hình toán kinh tế*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Nguyễn Huy Hoàng (2012), *Giáo trình Toán cao cấp cho các nhà kinh tế, Phần II: Giải tích toán học*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

[3] Bùi Duy Phú (chủ biên) – Nguyễn Văn An (2013), *Mô hình toán kinh tế (Dành cho sinh viên các trường cao đẳng, đại học khối kinh tế)*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[4] Lê Đình Thúy (chủ biên) – Nguyễn Quỳnh Lan (2015), *Giáo trình Toán cao cấp cho các nhà kinh tế*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

[5] PGS.TS. Hoàng Đình Tuấn – Th.S. Bùi Dương Hải (2015), *Giáo trình Lý thuyết mô hình toán kinh tế*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (Giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn** |
| 1 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 2 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 3 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 4 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 5 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 6 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 7 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 8 | 1 | 1 |  |  |  | 6 |
| 9 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 10 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 11 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 12 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 13 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 14 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 15 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| **Tổng cộng** | **15** | **1** | **14** |  |  | **70** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch5 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Bài kiểm tra thường xuyên | 30% | * Theo đáp án, thang điểm của giảng viên. |  | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Tự luận | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần |  | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi***

| **Cấu trúc đề thi** | **Thời gian làm bài** |
| --- | --- |
| - Đề thi gồm 3 câu:  + Câu 1 (3 điểm): Cấp độ nhớ và hiểu  + Câu 2 (5 điểm): Cấp độ áp dụng và phân tích  + Câu 3 (2 điểm): Cấp độ đánh giá và sáng tạo  Đề thi đánh giá được nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc các tín chỉ của học phần.  - Cấp độ nhận thức: 30% nhớ và hiểu ; 50% áp dụng và phân tích ; 20% đánh giá và sáng tạo. | 60 phút |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA SƯ PHẠM** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO**  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Kinh tế quốc tế

Mã học phần: KT2.1.020.2

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 02

- Loại học phần: Tự chọn

-Yêu cầu đầu vào (Điều kiện tiên quyết): Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 15 giờ

+ Bài tập trên lớp: 14 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 01 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 70 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | TS. Nguyễn Hữu Dũng | 0912644087 | [huudungkh@gmail.com](file:///E:\tra\Đề%20cương%20chỉnh%20sửa%20lần%202\copy\huudungkh@gmail.com) |
| 2 | ThS. Hoàng Anh Đào | 0979477846 | [hoanganhdaok47ftu@gmail.com](file:///E:\tra\Đề%20cương%20chỉnh%20sửa%20lần%202\copy\hoanganhdaok47ftu@gmail.com) |
| 3 | ThS. Phạm Trung Nghĩa | 0943301678 | [phamnghiatc@gmail.com](mailto:phamnghiatc@gmail.com) |
| 4 | TS. Đỗ Hải Yến | 0978457229 | [dohaiyentq@gmail.com](file:///E:\tra\Đề%20cương%20chỉnh%20sửa%20lần%202\copy\dohaiyentq@gmail.com) |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*Mục tiêu chung:* Sau khi học xong học phần này, người học sẽ có khả năng vận dụng được kiến thức lý thuyết về các vấn đề kinh tế quốc tế trong thời đại toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế trong nhận thức và tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu.

*Mục tiêu cụ thể:*

Mt1: Khái quát các kiến thức cơ bản về kinh tế quốc tế và kinh tế thế giới.

Mt 2: Diễn giải các nội dung cơ bản về thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế và các liên kết kinh tế quốc tế hiện nay.

Mt 3: Có tinh thần học tập, nghiên cứu tích cực; nhận thức đúng đắn về trách nhiệm của công dân trong tham gia vào các hoạt động kinh tế quốc tế và hội nhập kinh tế quốc tế trong thời kỳ mới.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.020.3 | Kinh tế quốc tế | CĐR 1 | CĐR 2 | CĐR 3 | CĐR 4 | CĐR 5 | CĐR 6 |
|  | 2 |  |  |  |  |
| CĐR 7 | CĐR 8 | CĐR 9 | CĐR 10 | CĐR 11 | CĐR 12 |
|  |  |  | 1 |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của HP** | **CĐR của CTĐT** |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Tóm tắt tổng quan về ngành nghiên cứu kinh tế quốc tế và các học thuyết nổi bật có liên quan. | CĐR 2 |
| Ch2: Diễn giải những vấn đề cơ bản về kinh tế thế giới. |
| Mt 2 | Ch3: Khái quát được nội dung kiến thức về thương mại quốc tế và đầu tư quốc tế. |
| Ch4: Phân tích các mối liên kết kinh tế quốc tế và hội nhập kinh tế quốc tế giai đoạn hiện nay. |
| **Kỹ năng** | | |
| Mt 3 | ***Kỹ năng cứng*** | |
| Ch5: Vận dụng kiến thức vào phân tích các chính sách thương mại quốc tế trong từng thời kỳ và tác động của chúng đến nền kinh tế quốc dân. | CĐR 2, CĐR 10 |
| Ch6: Phân tíchmôi trường đầu tư quốc tế hiện nay. |
| ***Kỹ năng mềm*** | |
| Ch7: Vận dụng linh hoạt các kỹ năng mềm trong lý giải các vấn đề mang tính toàn cầu và hội nhập kinh tế quốc tế. | CĐR 2, CĐR 10 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt 4 | Ch8: Có tinh thần học tập, tự nghiên cứu tích cực, phương pháp học tập khoa học và nhận thức đúng đắn về trách nhiệm công dân trong các hoạt động kinh tế quốc tế và giải quyết các vấn đề mang tính toàn cầu trong thời kỳ hội nhập. | CĐR 2, CĐR 10 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | | **Kĩ năng** | | | **Mức độ TCvà TN** | **Phương pháp**  **dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Nội dung** | **Cứng** | | **Mềm** |
| **Ch1** | **Ch2** | **Ch 3** | **Ch 4** | **Ch 5** | **Ch 6** | **Ch 7** | **Ch 8** |
| **Chương 1**  **Tổng quan về môn học kinh tế quốc tế** | 1.1. Sự hình thành và phát triển các quan hệ kinh tế quốc tế | 1 |  |  |  |  |  |  |  | Thuyết trình |
| 1.2. Các học thuyết kinh tế có liên quan đến môn học | 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.3. Sự cần thiết nghiên cứu môn học kinh tế quốc tế và đối tượng, nội dung nghiên cứu môn học | 1 |  |  |  |  |  |  |  | Thuyết trình, giải quyết vấn đề |
| **Chương 2**  **Những vấn đề cơ bản về kinh tế thế giới** | 2.1. Kinh tế thế giới và các chủ thể trong nền kinh tế thế giới |  | 1 |  |  |  |  |  |  | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm giải quyết vấn đề, NC tình huống |
| 2.2. Phân loại các nền kinh tế |  | 2 |  |  |  |  |  |  |
| 2.3. Xu thế phát triển chủ yếu của kinh tế thế giới |  | 2 |  |  |  |  | 2 |  |
| **Chương 3**  **Thương mại quốc tế** | 3.1. Các vấn đề cơ bản trong thương mại quốc tế |  |  | 1 |  |  |  |  |  | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm, NC tình huống |
| 3.2. Các nguyên tắc cơ bản trong hệ thống thương mại đa phương |  |  | 2 |  | 2 |  | 2 |  |
| 3.3. Chính sách thương mại quốc tế |  |  | 2 |  | 2 |  |  | 2 |
| 3.4. Những biện pháp thực hiện chính sách thương mại quốc tế |  |  | 2 |  | 2 |  |  | 2 |
| **Chương 4**  **Đầu tư quốc tế** | 4.1. Những vấn đề cơ bản về đầu tư quốc tế |  |  | 1 |  |  | 2 |  |  | Thuyết trình, học theo nhóm, NC tình huống |
| 4.2. Môi trường đầu tư quốc tế |  |  | 2 |  |  | 2 | 2 |  |
| **Chương 5**  **Liên kết kinh tế quốc tế và hội nhập kinh tế quốc tế** | 5.1. Liên kết kinh tế quốc tế |  |  |  | 1 |  |  |  |  | Thuyết trình, Tổ chức học theo nhóm, giải quyết vấn đề |
| 5.2. Một số tổ chức kinh tế quốc tế tiêu biểu |  |  |  | 1 |  |  |  | 2 |
| 5.3. Hội nhập kinh tế quốc tế |  |  |  | 2 |  |  |  | 2 |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần nghiên cứu về các vấn đề cơ bản của quan hệ kinh tế quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, đặc biệt là thương mại quốc tế và đầu tư quốc tế.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu đối với sinh viên** | **Thời gian, địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ 1** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 1**  **Tổng quan về môn học kinh tế quốc tế** | **12** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Sự hình thành và phát triển các quan hệ kinh tế quốc tế  1.2. Các học thuyết kinh tế có liên quan đến môn học  1.3. Sự cần thiết nghiên cứu môn học kinh tế quốc tế và đối tượng, nội dung nghiên cứu môn học | 2 | - Học liệu số 1, chương 1;  - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và Bài tập chương 1 | 2 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 8 | - Nghiên cứu giáo trình, TLTK  - Làm bài tập, nêu vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 2**  **Những vấn đề cơ bản về kinh tế thế giới** | **12** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Kinh tế thế giới và các chủ thể trong nền kinh tế thế giới  2.2. Phân loại các nền kinh tế  2.3. Xu thế phát triển chủ yếu của kinh tế thế giới | 2 | - Học liệu số 1, chương 2  - Tham khảo học liệu số 2 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và Bài tập chương 2 | 2 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 8 | - Nghiên cứu giáo trình, TLTK  - Làm bài tập, nêu vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 3**  **Thương mại quốc tế** | **26** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1. Các vấn đề cơ bản trong thương mại quốc tế  3.2. Các nguyên tắc cơ bản trong hệ thống thương mại đa phương  3.3. Chính sách thương mại quốc tế  3.4. Những biện pháp thực hiện chính sách thương mại quốc tế | 4 | - Học liệu số 1, chương 3  - Tham khảo học liệu số 2 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập, kiểm tra | 1. Câu hỏi và bài tập chương 3 2. Kiểm tra thường xuyên | 3 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập.  Làm bài kiểm tra | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.  - Ôn tập tín chỉ 1. | 19 | - Nghiên cứu giáo trình, TLTK  - Làm bài tập, nêu vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
| **Tín chỉ 2** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 4**  **Đầu tư quốc tế** | **24** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1. Những vấn đề cơ bản về đầu tư quốc tế  4.2. Môi trường đầu tư quốc tế | 4 | - Học liệu số 1, chương 4;  - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 4 | 4 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 16 | - Nghiên cứu giáo trình, TLTK  - Làm bài tập, nêu vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 5**  **Liên kết kinh tế quốc tế và hội nhập kinh tế quốc tế** | **26** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1. Liên kết kinh tế quốc tế  5.2. Một số tổ chức kinh tế quốc tế tiêu biểu  5.3. Hội nhập kinh tế quốc tế | 3 | - Học liệu số 1, chương 5;  - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 5 | 4 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 19 | - Nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo  - Làm bài tập, chỉ ra vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

[1]. Nguyễn Tiến Thuận và Vũ Duy Vĩnh (2021), *Giáo trình Kinh tế quốc tế*, NXB Tài chính.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2]. Đỗ Đức Bình và Nguyễn Thường Lạng (2008), *Giáo trình Kinh tế quốc tế,* NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận** |
| 1 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 2 |  |  | 2 |  |  | 4 |
| 3 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 4 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 5 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 6 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 7 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 8 | 1 | 1 |  |  |  | 9 |
| 9 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 10 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 11 |  |  | 2 |  |  | 4 |
| 12 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 13 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 14 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 15 |  |  | 2 |  |  | 9 |
| **Tổng cộng** | **15** | **01** | **14** |  |  | **70** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập (trọng số 10%)** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch8 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 buổi trừ 1%* | Ch8 | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thực hành, điểm tiểu luận (trọng số 30%)** | | | | | |
| 2 | Bài kiểm tra trắc nghiệm (01 bài) | 30% | Theo đáp án, thang điểm của giảng viên | Ch1 đến Ch8 | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần (trọng số 60%)** | | | | | |
| 4 | Thi trắc nghiệm | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1 đến Ch8 | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ** | **Cấp độ nhận thức** | | **Tổng** | **Điểm** | **Thời gian thi** |
| **Nhớ - Hiểu (60%)** | **Vận dụng – Phân tích**  **(40%)** |
| Tín chỉ 1 | 12 | 8 | 20 | **5.0** | 60 phút |
| Tín chỉ 2 | 12 | 8 | 20 | **5.0** |
| **Tổng** | **24** | **16** | **40** | **10** |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO  **KHOA CHÍNH TRỊ VÀ TLGD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Lịch sử các học thuyết kinh tế

Mã học phần: LL2.1.013.2

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 02

- Loại học phần: Tự chọn

**-** Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

+ Học lý thuyết trên lớp: 29 giờ

+ Kiểm tra: 01 giờ

+ Bài tập trên lớp: 0 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 70 giờ

- Đơn vị phụ trách môn học: Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Chính trị và Tâm lý - Giáo dục

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | TS. Phan Thị Hồng Nhung | 096.130.6888 | phanhongnhungcdtq@gmail.com |
| 2 | Ths. Hà Thị Thu Trang | 0978.413.463 | [hathutrang.ht@gmail.com](mailto:hathutrang.ht@gmail.com) |
| 3 | ThS. Nguyễn Thị Nhung | 0912.936.410 | nguyenthinhungcdsptq@gmail.com |
| 4 | Ths. Phạm Thu Trà | 0975.569.133 | trabittq@gmail.com |

**3. Mục tiêu của học phần**

Mục tiêu chung: Có kiến thức cơ bản về hệ thống các học thuyết kinh tế. Vận dụng các học thuyết kinh tế trong quá trình phát triển của hệ thống các quan điểm kinh tế của nhân loại, qua đó xây dựng năng lực học tập và làm việc độc lập, tự chủ.

Mục tiêu cụ thể:

Mt1: Có kiến thức về sự ra đời và phát triển của học thuyết kinh tế chính trị tư sản cổ điển, học thuyết kinh tế của các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng ở Tây âu thế kỷ XIX, kinh tế chính trị học Mác- Lênin và học thuyết kinh tế tư sản hiện đại.

Mt2: Có kỹ năng so sánh, phân tích, đánh giá các vấn đề kinh tế.

Mt3: Vận dụng những vấn đề lý thuyết vào thực tiễn.

Mt4: Có năng lực làm việc độc lập, tự chủ trong học tập và nghiên cứu, có tinh thần trách nhiệm cao trong việc tìm hiểu các nội dung liên quan đến học phần.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| LL2.1.013.3 | Lịch sử các học thuyết kinh tế | **CĐR 1** | **CĐR 2** | **CĐR 3** | **CĐR 4** | **CĐR 5** | **CĐR 6** |
|  | **2** |  |  |  |  |
| **CĐR 7** | **CĐR 8** | **CĐR 9** | **CĐR 10** | **CĐR 11** |  |
|  |  |  |  |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của HP** | **Nội dung CĐR của học phần** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | | | |
| Mt1 | Ch1 | Tóm tắt hoàn cảnh ra đời các học thuyết kinh tế từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XX gồm: Kinh tế chính trị tư sản cổ điển, Học thuyết kinh tế của các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng ở Tây âu thế kỷ XIX. | CĐR 2 |
| Ch2 | Khái quát sự phát triển và phân tích vai trò của Kinh tế chính trị học Mác – Lê nin đối với sự phát triển của hệ thống các học thuyết kinh tế. | CĐR 2 |
| Ch3 | Phân tích quan điểm của các học thuyết kinh tế tư sản cổ điển để giải thích các vấn đề kinh tế vi mô, vĩ mô hiện nay. | CĐR 2 |
| **Kỹ năng** | | | |
| Kỹ năng cứng | | | |
| Mt2 | Ch4 | Phân biệt sự giống và khác nhau giữa các học thuyết kinh tế, những đóng góp của các học thuyết vào quá trình phát triển những lý thuyết kinh tế. | CĐR 2 |
| Kỹ năng mềm | | | |
| Mt3 | Ch5 | Giải thích các vấn đề liên quan đến các học thuyết kinh tế trong thực tiễn. | CĐR 2 |
| **Thái độ, năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm** | | | |
| Mt4 | Ch6 | Xây dựng năng lực làm việc độc lập, tự chủ trong học tập và nghiên cứu. | CĐR 2 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | **Kỹ năng** | | **Mức độ tự chủ và TN** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cứng** | **Mềm** |
| **Chương** | **Nội dung** | **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch 3** | **Ch4** | **Ch5** | **Ch6** |
| 1. Chương 1: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của môn lịch sử các học thuyết kinh tế | Đối tượng nghiên cứu của môn Lịch sử các học thuyết kinh tế | 1 |  |  |  |  | 1 | Thuyết trình, hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu… |
| Phương pháp nghiên cứu của môn lịch sử các học thuyết kinh tế. | 1 |  |  |  |  | 1 |
| Ý nghĩa của việc nghiên cứu lịch sử các học thuyết kinh tế. | 1 |  |  |  |  | 1 |
| 2. Chương 2: Học thuyết kinh tế của kinh tế chính trị tư sản cổ điển | Chủ nghĩa trọng thương | 1 |  |  | 1 |  |  | Thuyết trình, hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu… |
| Chủ nghĩa trọng nông | 1 |  |  | 1 |  |  |
| Kinh tế chính trị học tư sản cổ điển Anh | 1 |  |  | 1 |  |  |
| 3. Chương 3: Học thuyết kinh tế của các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng ở Tây âu thế kỷ XIX | Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm chung của chủ nghĩa xã hội không tưởng ở Tây Âu thế kỷ XIX | 1 |  |  | 1 |  |  | Thuyết trình, vấn đáp, giao bài tập, hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu… |
| Học thuyết kinh tế của Saint Simon | 1 |  |  | 1 |  |  |
| Học thuyết kinh tế của Charles Fourier | 1 |  |  | 1 |  |  |
| Học thuyết kinh tế của Robert Owen | 1 |  |  | 1 |  |  |
| 4. Chương 4: Sự phát sinh và phát triển của kinh tế chính trị học Mác- Lênin | Hoàn cảnh ra đời chủ nghĩa Mác | 1 | 1 |  | 1 |  |  | Thuyết trình, vấn đáp, giao bài tập, hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu… |
| Quá trình hình thành và phát triển kinh tế chính trị học Mác- Lênin | 1 | 2 |  | 2 |  |  |
| Những đóng góp của C.Mác và Ph.Ăngghen trong kinh tế chính trị học | 1 |  | 2 |  |  |  |
| 5. Chương 5: Học thuyết kinh tế tư sản hiện đại | Học thuyết kinh tế của trường phái “tân cổ điển” | 1 | 2 |  |  | 1 |  | Thuyết trình, vấn đáp, giao bài tập, hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu… |
| Học thuyết kinh tế của trường phái Keynes | 1 | 2 |  |  | 1 |  |
| Các lý thuyết kinh tế chủ yếu của trường phái chính hiện đại. |  |  | 2 |  | 2 |  |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Lịch sử các học thuyết kinh tế bao gồm các nội dung cơ bản về hệ thống các quan điểm, lý luận kinh tế của các đại biểu tiêu biểu trong học thuyết kinh tế chính trị tư sản cổ điển; học thuyết kinh tế của các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng ở Tây âu thế kỷ XIX; kinh tế chính trị học Mác- Lênin; học thuyết kinh tế tư sản hiện đại.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu**  **đối với**  **sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** | **15** |  |  |  |
|  | **Chương 1: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của môn lịch sử các học thuyết kinh tế** | **2** |  |  |  |
| **Lý thuyết** | I. Đối tượng nghiên cứu của môn Lịch sử các học thuyết kinh tế  1. Khái niệm  2. Đối tượng nghiên cứu  II. Phương pháp nghiên cứu của môn lịch sử các học thuyết kinh tế.  1. Phương pháp duy vật biện chứng  2. Phương pháp duy vật lịch sử  3. Các phương pháp khác  III. Ý nghĩa của việc nghiên cứu lịch sử các học thuyết kinh tế. | 2 | - Đọc đề cương học phần.  - Đọc học liệu [1]: Chương 1 | Trên  lớp |  |
| **Tự học, tự nghiên cứu** | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng trên lớp. | 5 | Đọc tài liệu và đưa ra những vấn đề phải trình bày và cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 2: Học thuyết kinh tế của kinh tế chính trị tư sản cổ điển** | **8** |  |  |  |
| **Lý thuyết** | I. Chủ nghĩa trọng thương  1. Hoàn cảnh ra đời của chủ nghĩa trọng thương  2. Những tư tưởng kinh tế chủ yếu của chủ nghĩa trọng thương  3. Đặc điểm của chủ nghĩa trọng thương ở Anh và Pháp  4. Quá trình tan rã của chủ nghĩa trọng thương  II. Chủ nghĩa trọng nông  1. Hoàn cảnh ra đời của chủ nghĩa trọng nông  2. Một số học thuyết kinh tế của chủ nghĩa trọng nông  3. Những đại biểu của chủ nghĩa trọng nông  III. Kinh tế chính trị học tư sản cổ điển Anh  1. Hoàn cảnh ra đời của kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh  2. Học thuyết kinh tế của Wiliam Petty  3. Học thuyết kinh tế của Adam Smith  4. Học thuyết kinh tế của David Ricardo | 8 | - Đọc học liệu [1]: chương 3  - Tham khảo tài liệu [3]: chương 4,5,6 | Trên  lớp |  |
| **Tự học, tự nghiên cứu** | \* Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng, thuyết trình trên lớp.  \* Tự nghiên cứu thêm nội dung:  IV. Kinh tế chính trị tư sản tầm thường (Sự suy đồi của kinh tế chính trị tư sản cổ điển)  1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm của kinh tế chính trị tầm thường.  2. Học thuyết kinh tế của Thomas Robert Malthus  3. Học thuyết kinh của Jean Baptise Say | 18 | Đọc tài liệu và đưa ra những vấn đề phải trình bày và cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 3: Học thuyết kinh tế của các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng ở Tây âu thế kỷ XIX** | **4** |  |  |  |
| **Lý Thuyết** | I. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm chung của chủ nghĩa xã hội không tưởng ở Tây Âu thế kỷ XIX  II. Học thuyết kinh tế của Saint Simon  1. Quan điểm lịch sử của Saint Simon  2. Sự phê phán chủ nghĩa tư bản của Saint Simon  3. Dự đoán về xã hội tương lai  III. Học thuyết kinh tế của Charles Fourier  1. Quan điểm về lịch sử phát triển xã hội  2. Sự phê phán chủ nghĩa tư bản của Charles Fourier  IV. Học thuyết kinh tế của Robert Owen  1. Đặc điểm của chủ nghĩa xã hội không tưởng ở Anh  2. Hoạt động thực tiễn và sự phê phán chủ nghĩa tư bản của Robert Owen | 4 | - Đọc học liệu [1]: chương 5 | Trên lớp |  |
| **Tự học, tự nghiên cứu** | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng, thuyết trình trên lớp | 10 | Đọc tài liệu và đưa ra những vấn đề phải trình bày và cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 4: Sự phát sinh và phát triển của kinh tế chính trị học Mác- Lênin** | **1** |  |  |  |
| **Lý thuyết** | I. Hoàn cảnh ra đời chủ nghĩa Mác | 1 | - Đọc học liệu [1]: chương 6 | Trên lớp |  |
| **Tự học, tự nghiên cứu** | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng, thuyết trình trên lớp | 2 | Đọc tài liệu và đưa ra những vấn đề phải trình bày và cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 2** | **15** |  |  |  |
|  | **Chương 4: Sự phát sinh và phát triển của kinh tế chính trị học Mác- Lênin** | **7** |  |  |  |
| **Lý thuyết** | I. Hoàn cảnh ra đời chủ nghĩa Mác  II. Quá trình hình thành và phát triển kinh tế chính trị học Mác- Lênin  1. Giai đoạn hình thành cơ sở triết học và phương pháp luận của Kinh tế chính trị học Mácxit  2. Giai đoạn xây dựng hệ thống các phạm trù và quy luật kinh tế của Kinh tế chính trị học Mácxit  3. Giai đoạn hoàn thành kinh tế chính trị Mácxit  III. Những đóng góp của C.Mác và Ph.Ăngghen trong kinh tế chính trị học  IV. Lênin tiếp tục phát triển kinh tế chính trị học Mácxit  1. Tư tưởng của Lênin về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.  2. Quan điểm của Lênin về xây dựng chủ nghĩa xã hội | 7 | - Đọc học liệu [1]: chương 6  - Tham khảo tài liệu [3]: chương 4,5,6 | Trên lớp |  |
| **Kiểm tra** |  | 1 | Vận dụng các nội dung đã học, làm bài kiểm tra theo yêu cầu của giảng viên. | Trên lớp |  |
| **Tự học, tự nghiên cứu** | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng, thuyết trình trên lớp | 18 | Đọc tài liệu và đưa ra những vấn đề phải trình bày và cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 5: Học thuyết kinh tế tư sản hiện đại** | **8** |  |  |  |
| **Lý thuyết** | I. Học thuyết kinh tế của trường phái “tân cổ điển”  1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm chủ yếu của trường phái “tân cổ điển”  2. Các học thuyết kinh tế chủ yếu của trường phái “giới hạn” thành Viene (Áo)  3. Trường phái “giới hạn” ở Mỹ  4. Trường phái Lausanne (Thụy sỹ)  5. Trường phái Cambridge (Anh)  II. Học thuyết kinh tế của trường phái Keynes  1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm chủ yếu của học thuyết Keynes  2. Các học thuyết kinh tế của Keynes  III. Các lý thuyết kinh tế chủ yếu của trường phái chính hiện đại.  1. Lý thuyết về “nền kinh tế hỗn hợp”  2. Lý thuyết “giới hạn khả năng sản xuất” và “sự lựa chọn”  3. Lý thuyết thất nghiệp, lý thuyết lạm phát | 8 | - Đọc học liệu [1]: chương 7  - Đọc học liệu [1]: chương 8  - Đọc học liệu [1]: chương 10 | Trên lớp |  |
| **Tự học, tự nghiên cứu** | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng, thuyết trình trên lớp | 19 | Đọc tài liệu và đưa ra những vấn đề phải trình bày và cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

***9.1. Giáo trình bắt buộc***

[1] GS.TS Mai Ngọc Cường, *Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.

***9.2. Giáo trình tham khảo***

[2] PGS.TS Trần Việt Tiến, Giáo trình *Lịch sử các học thuyết kinh tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2019;

[3] Bộ Giáo dục và đào tạo, *Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021;

[4] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc,* các khóa từ VI đến XIII, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài lớn, khóa luận tốt nghiệp** |
| 1 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 2 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 3 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 4 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 5 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 6 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 7 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 8 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 9 | 1 | 1 |  |  |  | 4 |
| 10 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 11 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 12 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 13 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 14 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 15 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| **Tổng cộng** | **29** | **1** |  |  |  | **70** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | CD4-CDR6 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Bài kiểm tra thường xuyên | 30% | Học phần 2 tín chỉ: 01 điểm;  Học phần 3 tín chỉ: 02 điểm;  Học phần 4 hoặc 5 tín chỉ: 03 điểm | CDR1-CDR6 | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Tự luận, thực hành... | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | CDR1-CDR6 | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi***

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấu trúc đề thi** | **Thời gian làm bài** |
| - Đề thi gồm 02 câu:  + Câu 1 (4 điểm): Cấp độ nhớ và hiểu  + Câu 2 (6 điểm): Cấp độ áp dụng và phân tích  Đề thi đánh giá được nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc các tín chỉ của học phần  - Cấp độ nhận thức: 40% nhớ và hiểu ; 60% áp dụng và phân tích | 60 phút |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **KHOA CHÍNH TRỊ VÀ TLGD**  **PHÓ TRƯỞNG KHOA**  **Lê Tuấn Ngọc** | | | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Quản trị học

Mã học phần: KT2.1.011.3

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 03

- Loại học phần: Tự chọn

- Yêu cầu đầu vào: Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 30 giờ

+ Bài tập trên lớp: 13 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 02 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 105 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa kinh tế VÀ QTKD

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | ThS.Trần Thảo Nguyên | 0974.864.888 | [thaonguyentuyenquang@gmail.com](mailto:thaonguyentuyenquang@gmail.com) |
| 2 | TS. Nguyễn Hữu Dũng | 0912.644.087 | huudungkh@gmail.com |
| 3 | ThS. Phạm Trung Nghĩa | 0943.301.678 | phamnghiatc@gmail.com |
| 4 | ThS. Trần Hương Giang | 0912.346.783 | [trangiangtq2019@gmail.com](mailto:trangiangtq2019@gmail.com) |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:* Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bảnvề quản trị, các nguyên tắc và chức năng của quản trị để ra quyết định quản trị, làm cơ sở cho việc nghiên cứu, học tập các học phần quản trị chuyên ngành cũng như vận dụng vào thực tiễn công tác quản trị trong tổ chức.

-  *Mục tiêu cụ thể:*

Mt1: Khái quát các khái niệm của quản trị học, quyết định và hệ thống thông tin quản trị trong tổ chức. Diễn giải được các chức năng của quản trị phân theo quá trình quản trị như: Lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra.

Mt 2: Vận dụng các nguyên tắc quản trị vào hoạt động quản lý trong đơn vị. Áp dụng các kiến thức về các chức năng quản trị để lập kế hoạch, thiết kế cơ cấu tổ chức và xây dựng được các tiêu chuẩn kiểm tra để áp dụng trong đơn vị. Lập được kế hoạch kinh doanh trong mỗi tổ chức, đơn vị. Biết vận dụng sáng tạo kiến thức quản trị học vào công việc cụ thể sau khi tốt nghiệp.

Mt 3: Có thái độ, động cơ học tập đúng đắn; nhận thức và thực hiện nghiêm túc các chuẩn mực nghề nghiệp và trách nhiệm của công dân trong hoạt động kinh doanh.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.011.3 | Quản trị học | CĐR 1 | CĐR 2 | CĐR 3 | CĐR 4 | CĐR 5 | CĐR 6 |
|  | 2 |  |  |  |  |
| CĐR 7 | CĐR 8 | CĐR 9 | CĐR 10 | CĐR 11 | CĐR 12 |
|  |  |  |  |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

| **Mục tiêu**  **của HP** | **Chuẩn đầu ra của học phần** | **CĐR**  **của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Khái quát được các khái niệm và chức năng của quản trị, quyết định và hệ thống thông tin quản trị trong tổ chức. | CĐR 2 |
| Ch2: Tóm tắt được quy trình ra quyết định và hệ thống thông tin quản trị trong tổ chức. | CĐR 2 |
| Ch3: Diễn giải được các chức năng của quản trị phân theo quá trình quản trị như: Lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra. | CĐR 2 |
| **Kỹ năng** | | |
| ***Kĩ năng cứng*** | | |
| Mt2 | Ch4: Xác định được vấn đề ra quyết định, đánh giá được các phương án trong việc ra quyết định; Vận dụng các nguyên tắc quản trị vào hoạt động quản lý trong đơn vị. | CĐR 2 |
| ***Kĩ năng mềm*** | | |
| Mt2 | Ch5: Lập được kế hoạch kinh doanh, thực hiện kỹ năng quản trị trong các tổ chức, đơn vị. Vận dụng sáng tạo kiến thức quản trị học vào công việc cụ thể sau khi tốt nghiệp. | CĐR 2 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt3 | Ch6: Thể hiện tinh thần học tập, nghiên cứu tích cực; nhận thức đúng đắn về trách nhiệm của công dân trong tham gia vào các hoạt độngquản trị tổ chức và giải quyết các vấn đề quản trị trong thời kỳ hội nhập. | CĐR 2 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | **Kĩ năng** | | **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Nội dung** | ***Cứng*** | ***Mềm*** |
| **Ch1** | **Ch2** | **Ch3** | **Ch4** | **Ch5** | **Ch6** |  |
| **Chương 1**  **Tổng quan về quản trị học** | 1.1. Hoạt động quản trị | 2 |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 1.2.Nhà quản trị | 2 |  |  |  |  | 2 |
| 1.3. Khoa học quản trị | 2 |  |  |  |  | 2 |
| **Chương 2**  **Hoạch định** | 2.1. Khái niệm, vai trò của hoạch định |  |  | 2 |  | 1 | 2 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 2.2. Các bước lập kế hoạch |  |  | 2 |  | 2 | 2 |
| 2.3. Mục tiêu |  |  | 2 |  | 2 | 2 |
| 2.4. Hoạch định chiến lược |  |  | 2 |  | 2 | 2 |
| **Chương 3**  **Công tác tổ chức** | 3.1. Khái niệm, vai trò của công tác tổ chức |  |  | 1 |  | 2 | 2 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 3.2. Cấp tổ chức và tầm quản trị |  |  | 2 |  | 2 | 2 |
| 3.3. Phân chia tổ chức thành các bộ phận |  |  | 2 |  | 2 | 2 |
| 3.4. Quyền hạn trong tổ chức |  |  | 2 |  | 2 |  |
| 3.5. Các loại hình cơ cấu tổ chức |  |  | 2 |  | 2 |  |
| 3.6. Nâng cao hiệu quả của công tác tổ chức |  |  | 2 |  | 2 |  |
| **Chương 4**  **Quản trị nhân sự** | 4.1. Các nguyên tắc của quan trị nhân sự |  |  | 2 | 2 |  | 2 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 4.2. Tuyển dụng nhân sự |  |  | 2 | 2 |  | 2 |
| 4.3. Đánh giá cán bộ |  |  | 2 |  | 2 |  |
| 4.4. Phát triển cán bộ |  |  | 2 |  | 2 |  |
| 4.5. Tạo động lực làm việc |  |  | 2 |  | 2 |  |
| **Chương 5**  **Lãnh đạo** | 5.1. Quan niệm về lãnh đạo |  |  | 2 |  | 2 | 2 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 5.2. Các lý thuyết về lãnh đạo |  |  | 2 |  | 2 | 2 |
| **Chương 6 Công tác kiểm tra** | 6.1. Khái niệm, vai trò của công tác kiểm tra |  |  | 1 |  | 2 |  | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 6.2. Các giai đoạn của quá trình kiểm tra |  |  | 2 |  | 2 |  |
| 6.3. Các hệ thống kiểm tra chính |  |  | 2 |  | 2 |  |
| 6.4. Các hình thức và phương pháp kiểm tra |  |  | 2 |  | 2 |  |
| **Chương 7 Truyền đạt thông tin** | 7.1. Quá trình truyền đạt thông tin | 2 | 2 |  |  |  | 2 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 7.2. Công nghệ thông tin và truyền đạt thông tin | 2 | 2 |  |  |  | 2 |
| 7.3. Truyền đạt thông tin trong tổ chức | 2 | 2 |  |  |  | 2 |
| 7.4. Trao đổi thông tin giữa các cá nhân | 2 | 2 |  |  |  | 2 |
| 7.5. Nâng cao hiệu quả truyền đạt thông tin | 2 | 2 |  |  |  | 2 |
| **Chương 8 Ra quyết định quản trị** | 8.1. Khái niệm và đặc điểm của ra quyết định quản trị |  | 1 |  | 1 |  | 2 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 8.2. Các bước của quá trình ra quyết định |  | 2 |  | 2 |  | 2 |
| 8.3. Kỹ thuật ra quyết định |  | 2 |  | 2 |  | 2 |
| 8.4. Ra quyết định cá nhân và ra quyết định tập thể |  | 2 |  | 2 |  | 2 |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị học và các chức năng quản trị như: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra. Truyền đạt thông tin và ra quyết định của các nhà quản trị trong tổ chức.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu**  **đối với**  **sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Chương 1: Tổng quan về quản trị học** | **11** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Hoạt động quản trị  1.2. Nhà quản trị  1.3. Khoa học quản trị | 2 | Nghiên cứu học liệu số 1 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập tình huống chương 1 | 1 | Nắm vững lý thuyết, vận dụng xử lý tình huống | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi | 8 | Nghiên cứu tài liệu | Thư viện,Ở nhà |  |
|  | **Chương 2: Hoạch định** | **18** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Khái niệm, vai trò của hoạch định  2.2. Các bước lập kế hoạch  2.3. Mục tiêu  2.4. Hoạch định chiến lược | 4 | Nghiên cứu học liệu số 1,2 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập tình huống chương 2 | 2 | Nắm vững lý thuyết, vận dụng xử lý tình huống | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng, chuẩn bị các vấn đề cần giải đáp | 12 | Nghiên cứu lý thuyết, chỉ ra vấn đề cần giải đáp | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 3: Công tác tổ chức** | **21** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1. Khái niệm, vai trò của công tác tổ chức  3.2. Cấp tổ chức và tầm quản trị  3.3. Phân chia tổ chức thành các bộ phận  3.4. Quyền hạn trong tổ chức  3.5. Các loại hình cơ cấu tổ chức  3.6. Nâng cao hiệu quả của công tác tổ chức | 4 | Nghiên cứu học liệu số 1 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập tình huống chương 3 | 2 | Nắm vững lý thuyết, vận dụng xử lý tình huống | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; đề xuất các vấn đề cần giải đáp | 15 | Nghiên cứu, chỉ ra vấn đề cần giải đáp | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |  |
|  | **Chương 4: Quản trị nhân sự** | **17** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1. Các nguyên tắc của quản trị nhân sự  4.2. Tuyển dụng nhân sự  4.3. Đánh giá cán bộ  4.4. Phát triển cán bộ  4.5. Tạo động lực làm việc | 4 | Nghiên cứu học liệu số 1 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập tình huống chương 4 | 1 | Nắm vững lý thuyết, vận dụng xử lý tình huống | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; | 12 | Nghiên cứu lý thuyết, chỉ ra vấn đề cần giải đáp | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 5: Lãnh đạo** | **18** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1. Quan niệm về lãnh đạo  5.2. Các lý thuyết về lãnh đạo | 3 | Nghiên cứu học liệu số 1 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập, kiểm tra | Bài tập tình huống chương 5  Kiểm tra | 2 | Nắm vững lý thuyết, vận dụng xử lý tình huống | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng | 13 | Nghiên cứu lý thuyết, chỉ ra vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 6: Công tác kiểm tra** | **15** |  |  |  |
| Lý thuyết | 6.1. Khái niệm, vai trò của công tác kiểm tra  6.2. Các giai đoạn của quá trình kiểm tra  6.3. Các hệ thống kiểm tra chính  6.4. Các hình thức và phương pháp kiểm tra | 4 | Nghiên cứu học liệu số 1, | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập tình huống chương 6 | 1 | Nắm vững lý thuyết, vận dụng xử lý tình huống | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng | 10 | Nghiên cứu lý thuyết, chỉ ra vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 3** |  |  |  |  |
|  | **Chương 7: Truyền đạt thông tin** | **25** |  |  |  |
| Lý thuyết | 7.1. Quá trình truyền đạt thông tin  7.2. Công nghệ thông tin và truyền đạt thông tin  7.3. Truyền đạt thông tin trong tổ chức  7.4. Trao đổi thông tin giữa các cá nhân  7.5. Nâng cao hiệu quả truyền đạt thông tin | 4 | Nghiên cứu học liệu số 1, 2 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập tình huống chương 7 | 3 | Nắm vững lý thuyết, vận dụng xử lý tình huống | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng | 18 | Nghiên cứu lý thuyết, chỉ ra vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 8: Ra quyết định quản trị** | **25** |  |  |  |
| Lý thuyết | 8.1. Khái niệm và đặc điểm của ra quyết định quản trị  8.2. Các bước của quá trình ra quyết định  8.3. Kỹ thuật ra quyết định  8.4. Ra quyết định cá nhân và ra quyết định tập thể | 5 | Nghiên cứu học liệu số 1 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập tình huống chương 8  Kiểm tra | 3 | Nắm vững lý thuyết, vận dụng xử lý tình huống | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng | 17 | Nghiên cứu lý thuyết, chỉ ra vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Trần Anh Tài (2017), *Giáo trình Quản trị học,* Nxb đại học đại học quốc gia.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Đoàn Thị Thu Hà (2011), *Giáo trình Quản trị học,* Nxb Tài chính, Hà Nội.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn** |
| 1 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 2 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 3 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 4 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 5 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 6 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 7 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 8 | 2 | 1 |  |  |  | 7 |
| 9 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 10 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 11 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 12 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 13 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 14 | 1 | 1 | 1 |  |  | 7 |
| 15 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| **Tổng cộng** | **30** | **02** | **13** |  |  | **105** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch6 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Bài kiểm tra thường xuyên  ( 02 bài) | 30% | Bài 1: bài tập nhóm/ tiểu luận  Tiêu chí đánh giá:  - Thời gian, nội dung và chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu (60%)  - Năng lực hợp tác, tương tác, chia sẻ, kỹ năng thao tác và năng lực trình bày báo cáo (20%)  Trình bày khoa học, đúng quy định (20%) | Ch1 đến Ch6 | 10 |
| Bài 2: Bài kiểm tra trắc nghiệm.  Tiêu chí đánh giá: theo thang điểm, đáp án của giảng viên |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Trắc nghiệm | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1đến Ch 6 | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ** | **Cấp độ nhận thức** | | **Tổng** | **Điểm** | **Thời gian thi** |
| **Biết/ Hiểu (40%)** | **Vận dụng/ Phân tích (60%)** |
| Tín chỉ 1 | 6 | 9 | 15 | 3 | 60 phút |
| Tín chỉ 2 | 8 | 12 | 20 | 4 |
| Tín chỉ 3 | 6 | 9 | 15 | 3 |
| Tổng số câu | **20** | **30** | **50** | **10** |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Kinh tế lượng

Mã học phần: KT2.1.006.3

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 3

- Loại học phần: Tự chọn

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập: 45 giờ

+ Học lý thuyết trên lớp: 30 giờ

+ Bài tập trên lớp: 13 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 02 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 105 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | TS. Đỗ Hải Yến | 0978.457.229 | dhyen@tqu.edu.vn |
| 2 | PGS.TS.Nguyễn Thị Dương Nga | 0912.766.246 | ngantd@gmail.com |
| 3 | TS. Trần Thị Diên | 0987.578.358 | tranthidien1979@gmail.com |
| 4 | ThS. Nguyễn Thúy Hằng | 0354.541.996 | nguyenhangktoan.tq@gmail.com |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:* Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế lượng để sử dụng trong nghiên cứu, học tập và công tác.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt1: Giải thích được các kiến thức cơ bản về hồi quy hai biến và hồi quy bội.

Mt2: Khái quát được các kiến thức về một số vấn đề như đa cộng tuyến, phương sai của sai số thay đổi, tự tương quan, chọn mô hình và kiểm định việc định dạng mô hình.

Mt3: Vận dụng kiến thức để tính toán được các chỉ tiêu liên quan của mô hình hồi quy 2 biến, 3 biến, mô hình có biến giả, v.v…

Mt4: Biết cách vận dụng sáng tạo kiến thức về kinh tế lượng vào công việc sau khi tốt nghiệp.

Mt5: Hình thành cho người học tính chủ động, tích cực và tự chịu trách nhiệm trong học tập và trong công việc.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.006.3 | Kinh tế lượng | **CĐR 1** | **CĐR 2** | **CĐR 3** | **CĐR 4** | **CĐR 5** | **CĐR 6** |
|  | 2 |  |  |  |  |
| **CĐR 7** | **CĐR 8** | **CĐR 9** | **CĐR10** | **CĐR11** | **CĐR12** |
|  | 2 |  |  |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của HP** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Nhận thức được những vấn đề cơ bản về mô hình hồi quy hai biến, ước lượng và kiểm định giả thuyết bằng phương pháp bình phương nhỏ nhất, phân tích hồi quy và dự báo. | CĐR 2 |
| Ch2: Nhận thức được những vấn đề cơ bản về hồi quy bội, hồi quy với biến giả. | CĐR 2 |
| Mt2 | Ch3: Phân tích được những vấn đề cơ bản về đa cộng tuyến, phương sai của sai số thay đổi. | CĐR 2 |
| Ch4: Đánh giá được những vấn đề cơ bản về tự tương quan, chọn mô hình và kiểm định việc định dạng mô hình, mô hình tự hồi quy, mô hình có trễ phân phối và kiểm định quan hệ nhân quả. | CĐR 2 |
| **Kỹ năng** | | |
| ***Kĩ năng cứng*** | | |
| Mt3 | Ch5: Tính toán được các bài tập liên quan đến ước lượng khoảng tin cậy và kiểm định các hệ số hồi quy, phân tích hồi quy và dự báo. Xử lý được mô hình hồi quy với biến giả, trường hợp đa cộng tuyến,… | CĐR 8 |
| Ch6: Vận dụng được kiến thức và kỹ năng cho các học phần có liên quan sau này. | CĐR 8 |
| ***Kĩ năng mềm*** | | |
| Mt4 | Ch7: Vận dụng kinh tế lượng vào phân tích và dự báo kết quả hoạt động kinh doanh của các loại hình doanh nghiệp sau khi tốt nghiệp. | CĐR 8 |
| **Thái độ, năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm** | | |
| Mt5 | Ch8: Có ý thức trách nhiệm, có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệmđể hình thành kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình học tập và hành nghề sau này. | CĐR 8 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo.***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | | **Kĩ năng** | | | **Mức độ TC và TN** | **Phương pháp giảng dạy** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cứng** | | **Mềm** |
| **Chương** | **Nội dung** | **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch 3** | **Ch 4** | **Ch 5** | **Ch 6** | **Ch 7** | **Ch 8** |
| Chương 1  Mô hình hồi quy hai biến, một vài tư tưởng cơ bản | 1.1. Phân tích hồi quy | 1 |  |  |  | 1 |  |  |  | Thuyết trình, làm mẫu, hướng dẫn sinh viên tự học, làm bài tập |
| 1.2. Bản chất và nguồn số liệu cho phân tích hồi quy | 1 |  |  |  | 1 |  | 1 |  |
| 1.3. Mô hình hồi quy tổng thể | 2 |  |  |  | 3 |  | 1 | 1 |
| 1.4. Sai số ngẫu nhiên và bản chất của nó | 1 |  |  |  | 1 |  | 1 |  |
| 1.5. Hàm hồi quy mẫu | 2 |  |  |  | 3 |  | 1 | 1 |
| Chương 2  Mô hình hồi quy hai biến, ước lượng và kiểmđịnh giả thuyết | 2.1. Phương pháp bình phương nhỏ nhất | 3 |  |  |  | 3 |  | 2 | 2 | Thuyết trình, làm mẫu, hướng dẫn sinh viên tự học, làm bài tập |
| 2.2. Các giả thiết cơ bản của phương pháp bình phương nhỏ nhất | 2 |  |  |  | 2 |  | 2 |  |
| 2.3. Độ chính xác của các ước lượng bình phương nhỏ nhất | 2 |  |  |  | 2 |  | 2 |  |
| 2.4. Hệ số R2 đo độ phù hợp của hàm hồi quy mẫu SRF | 2 |  |  |  | 2 |  | 2 |  |
| 2.5. Phân bố xác suất của U1 | 2 |  |  |  | 2 |  | 2 |  |
| 2.6. Khoảng tin cậy và kiểm định giả thuyết về các hệ số HQ | 3 |  |  |  | 3 |  |  | 2 |
| 2.7. Kiểm định sự phù hợp của hàm hồi quy. Phân tích hồi quy và phân tích phương sai | 3 |  |  |  | 3 |  |  | 2 |
| 2.8. Phân tích HQ và dự báo | 3 |  |  |  | 3 |  |  | 2 |
| 2.9. Trình bày KQ phân tích HQ | 2 |  |  |  | 2 |  |  |  |
| Chương 3  Hồi quy bội | 3.1. Mô hình hồi quy ba biến |  | 3 |  |  | 3 |  | 2 |  | Thuyết trình, làm mẫu, hướng dẫn sinh viên tự học, làm bài tập |
| 3.2. Các giả thiết của mô hình |  | 2 |  |  | 2 |  | 2 |  |
| 3.3. Ước lượng các tham số của mô hình hồi quy bội |  | 3 |  |  | 3 |  | 2 |  |
| 3.4. Phương sai nhỏ nhất và độ lệch chuẩn của các ước lượng bình phương nhỏ nhất |  | 2 |  |  | 2 |  | 2 |  |
| 3.5. Mô hình hội quy tuyến tính k biến |  | 3 |  |  | 3 |  | 2 |  |
| 3.6. Ước lượng các tham số OLS |  | 2 |  |  | 2 |  | 2 |  |
| 3.7. Ma trận hiệp phương sai của |  | 2 |  |  | 2 |  | 2 |  |
| 3.8. Các tính chất của ước lượng bình phương nhỏ nhất |  | 3 |  |  | 3 |  | 2 |  |
| 3.9. Ước lượng hợp lý tối đa |  | 2 |  |  | 2 |  | 2 |  |
| 3.10. hệ số xác định bội R và hệ số xác định bội đã điều chỉnh |  | 3 |  |  | 3 |  | 2 |  |
| 3.11. Ma trận tương quan |  | 2 |  |  | 2 |  | 2 |  |
| 3.12. Hệ số tương quan riêng phần |  | 2 |  |  | 2 |  | 2 |  |
| 3.13. Kiểm định giả thuyết và khoảng tin cậy của các hệ số hồi quy riêng |  | 2 |  |  | 2 |  | 2 |  |
| 3.14. Kiểm định giả thuyết R =0 |  | 3 |  |  | 3 |  | 2 |  |
| 3.15. Hồi quy có điều kiện ràng buộc-Kiểm định F |  | 3 |  |  | 3 |  | 2 |  |
| 3.16. Dự báo |  | 2 |  |  | 2 |  | 2 |  |
| Chương 4  Hồi quy với biến giả | 4.1. Bản chất của biến giả-mô hình trong đó biến giải thích là biến giả |  | 3 |  |  | 3 |  |  | 2 | Thuyết trình, làm mẫu, hướng dẫn sinh viên tự học, làm bài tập |
| 4.2. Hồi quy với một biến lượng và một biến chất |  | 3 |  |  | 3 |  |  | 2 |
| 4.3. Hồi quy với một biến lượng và hai biến chất |  | 3 |  |  | 3 |  |  | 2 |
| 4.4. So sánh hai hồi quy |  | 2 |  |  | 2 |  |  | 2 |
| 4.5. Ảnh hưởng của tương tác giữa hai biến giả |  | 2 |  |  | 2 |  |  | 2 |
| 4.6. Sử dụng biến giả trong phân tích mùa |  | 3 |  |  | 3 |  |  | 2 |
| 4.7. Hồi quy tuyến tính từng khúc |  | 2 |  |  | 2 |  |  | 2 |
| Chương 5  Đa cộng tuyến | 5.1. Bản chất của đa cộng tuyến |  |  | 3 |  | 3 |  | 2 |  | Thuyết trình, làm mẫu, hướng dẫn sinh viên tự học, làm bài tập |
| 5.2. Ước lượng khi có đa cộng tuyến hoàn hảo |  |  | 3 |  | 3 |  | 2 |  |
| 5.3. Ước lượng trong trường hợp đa cộng tuyến không hoàn hảo |  |  | 3 |  | 3 |  | 2 |  |
| 5.4. Hậu quả của đa cộng tuyến |  |  | 2 |  | 2 |  | 2 |  |
| 5.5. Phát hiện sự tồn tại của đa cộng tuyến |  |  | 2 |  | 2 |  | 2 |  |
| 5.6. Biện pháp khắc phục |  |  | 3 |  | 3 |  | 2 |  |
| Chương 6  Phương sai của sai số thay đổi | 6.1. Khái niệm và tác dụng của chỉ số |  |  | 2 |  |  | 2 |  | 2 | Thuyết trình, làm mẫu, hướng dẫn sinh viên tự học, làm bài tập |
| 6.2. Phương pháp tính chỉ số |  |  | 2 |  |  | 2 |  | 2 |
| 6.3. Hệ thống chỉ số |  |  | 2 |  |  | 2 |  | 2 |
| 6.4. Hậu quả của phương sai sai số thay đổi |  |  | 3 |  |  | 3 |  | 2 |
| 6.5. Phát hiện phương sai sai số thay đổi |  |  | 3 |  |  | 3 |  | 2 |
| 6.6. Biện pháp khắc phục |  |  | 3 |  |  | 3 |  | 2 |
| Chương 7  Tự tương quan | 7.1. Nguyên nhân của hiện tượng tự tương quan |  |  |  | 3 |  | 3 |  | 2 | Thuyết trình, làm mẫu, hướng dẫn sinh viên tự học, làm bài tập |
| 7.2. Ước lượng bình phương nhỏ nhất khi có tự tương quan |  |  |  | 3 |  | 3 |  | 2 |
| 7.3. Ước lượng tuyến tính không chệch tốt nhất khi có tự tương quan |  |  |  | 3 |  | 3 |  | 2 |
| 7.4. Hậu quả của việc sử dụng phương pháp bình phương nhỏ nhất thông thường khi có tự tương quan |  |  |  | 2 |  | 2 |  | 2 |
| 7.5. Phát hiện tự tương quan |  |  |  | 2 |  | 2 |  | 2 |
| 7.6. Các biện pháp khắc phục |  |  |  | 3 |  | 3 |  | 2 |
| 7.7. Thí dụ minh họa và so sánh các phương pháp |  |  |  | 2 |  | 2 |  | 2 |
| Chương 8  Chọn mô hình và kiểmđịnh việc định dạng mô hình | 8.1. Các thuộc tính của một mô hình tốt |  |  |  | 3 |  | 3 | 2 |  | Thuyết trình, làm mẫu, hướng dẫn sinh viên tự học, làm bài tập |
| 8.2. Các loại sai lầm chỉ định |  |  |  | 3 |  | 3 | 2 |  |
| 8.3. Phát hiện những sai lầm chỉ định. Các kiểm định về sai lầm chỉ định |  |  |  | 3 |  | 3 | 2 |  |
| 8.4. Kiểm định về tính phân bố chuẩn của U |  |  |  | 3 |  | 3 | 2 |  |
| Chương 9  Mô hình tự hồi quy, mô hình có trễ phân phối và kiểm định quan hệ nhân quả | 9.1. Mô hình tự hồi quy |  |  |  | 3 |  | 3 | 2 |  | Thuyết trình, làm mẫu, hướng dẫn sinh viên tự học, làm bài tập |
| 9.2. Mô hình có trễ phân phối |  |  |  | 2 |  | 2 | 2 |  |
| 9.3. Ước lượng mô hình có trễ phân phối |  |  |  | 3 |  | 3 | 2 |  |
| 9.4. Phương pháp biến đổi mô hình có trễ phân phối thành mô hình tự hồi quy |  |  |  | 2 |  | 2 | 2 |  |
| 9.5. Ước lượng mô hình tự hồi quy |  |  |  | 3 |  | 3 | 2 |  |
| 9.6. Kiểm định DURBIN để phát hiện tự tương quan trong các mô hình hồi quy |  |  |  | 2 |  | 2 | 2 |  |
| 9.7. Trễ đa thức ARMON |  |  |  | 3 |  | 3 | 2 |  |
| 9.8. Kiểm định quan hệ nhân quả |  |  |  | 3 |  | 3 | 2 |  |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh hồi quy một phương trình, cách phân tích đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như về kinh tế của mô hình, cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng cơ sở dữ liệu của Việt Nam.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu đối với sinh viên** | **Thời gian, địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Chương 1**  **Mô hình hồi quy hai biến, một vài tư tưởng cơ bản** | **12** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Phân tích hồi quy  1.2. Bản chất và nguồn số liệu cho phân tích hồi quy  1.3. Mô hình hồi quy tổng thể  1.4. Sai số ngẫu nhiên và bản chất của nó  1.5. Hàm hồi quy mẫu | 4 | Học liệu số 1(mục 1.1-1.5); | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 8 | Làm bài tập, chỉ ra vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 2**  **Mô hình hồi quy hai biến, ước lượng và kiểmđịnh giả thuyết** | **21** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Phương pháp bình phương nhỏ nhất  2.2. Các giả thiết cơ bản của phương pháp bình phương nhỏ nhất.  2.3. Độ chính xác của các ước lượng bình phương nhỏ nhất.  2.4. Hệ số R2 đo độ phù hợp của hàm hồi quy mẫu SRF  2.5. Phân bố xác suất của U1  2.6. Khoảng tin cậy và kiểm định giả thuyết về các hệ số hồi quy  2.7. Kiểm định sự phù hợp của hàm hồi quy. Phân tích hồi quy và phân tích phương sai  2.8. Phân tích hồi quy và dự báo  2.9. Trình bày kết quả phân tích hồi quy  2.10. Thí dụ  Bài tập. | 4 | Học liệu số 1, chương 2 (mục 2.1-2.10) | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập tương ứng của học liệu số 1 chương 2 | 3 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 14 | Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 3**  **Hồi quy bội** | **17** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1. Mô hình hồi quy ba biến.  3.2. Các giả thiết của mô hình  3.3. Ước lượng các tham số của mô hình hồi quy bội  3.4. Phương sai nhỏ nhất và độ lệch chuẩn của các ước lượng bình phương nhỏ nhất.  3.5. Mô hình hội quy tuyến tính k biến  3.6. Ước lượng các tham số OLS  3.7. Ma trận hiệp phương sai của  3.8. Các tính chất của ước lượng bình phương nhỏ nhất.  3.9. Ước lượng hợp lý tối đa  3.10. hệ số xác định bội R và hệ số xác định bội đã điều chỉnh  3.11. Ma trận tương quan  3.12. Hệ số tương quan riêng phần  3.13. Kiểm định giả thuyết và khoảng tin cậy của các hệ số hồi quy riêng  3.14. Kiểm định giả thuyết R =0  3.15. Hồi quy có điều kiện ràng buộc-Kiểm định F  3.16. Dự báo  3.17. Thí dụ  3.18. Một số dạng hàm hồi quy | 3 | Học liệu số 1, chương 3 (mục 3.1-3.18); | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập trong học liệu số 1 chương 3 | 1 | Nắm vững nội dung chương 3 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 13 | Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |  |
|  | **Chương 4**  **Hồi quy với biến giả** | **21** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1. Bản chất của biến giả-mô hình trong đó biến giải thích là biến giả.  4.2. Hồi quy với một biến lượng và một biến chất.  4.3. Hồi quy với một biến lượng và hai biến chất.  4.4. So sánh hai hồi quy  4.5. Ảnh hưởng của tương tác giữa hai biến giả  4.6. Sử dụng biến giả trong phân tích mùa  4.7. Hồi quy tuyến tính từng khúc  4.8. Thí dụ  Bài tập | 4 | Học liệu số 1, chương 4 (mục 4.1-4.2) | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập trong học liệu số 1 chương 4 | 3 | Nắm vững nội dung chương 4 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 15 | Làm bài tập sau khi nghe giảng, chỉ ra vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 5**  **Đa cộng tuyến** | **14** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1. Bản chất của đa cộng tuyến.  5.2. Ước lượng khi có đa cộng tuyến hoàn hảo  5.3. Ước lượng trong trường hợp đa cộng tuyến không hoàn hảo.  5.4. Hậu quả của đa cộng tuyến  5.5. Phát hiện sự tồn tại của đa cộng tuyến.  5.6. Biện pháp khắc phục.  5.7.Thí dụ  Bài tập | 3 | Học liệu số 1, chương 5(mục 5.1-5.2);  Học liệu số 3, chương 9 (mục 4-8) | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập trong học liệu số 1 chương 5 | 1 | Nắm vững nội dung chương 5 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 10 | Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 6**  **Phương sai của sai số thay đổi** | **15** |  |  |  |
| Lý thuyết | 6.1. Khái niệm và tác dụng của chỉ số  6.2. Phương pháp tính chỉ số  6.3. Hệ thống chỉ số  6.4. Hậu quả của phương sai sai số thay đổi  6.5. Phát hiện phương sai sai số thay đổi  6.6. Biện pháp khắc phục  6.7. Thí dụ  Bài tập | 2 | Học liệu số 1, chương 6(mục 6.1-6.7); | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập trong học liệu số 1 chương 6 | 1 | Nắm vững nội dung chương 6 | Thư viện, ở nhà. |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 11 | Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
| **\*** | **Kiểm tra giữa kỳ** | **1** |  | **Lớp học** |  |
|  | **Tín chỉ 3** |  |  |  |  |
|  | **Chương 7**  **Tự tương quan** | **17** |  |  |  |
| Lý thuyết | 7.1. Nguyên nhân của hiện tượng tự tương quan  7.2. Ước lượng bình phương nhỏ nhất khi có tự tương quan  7.3. Ước lượng tuyến tính không chệch tốt nhất khi có tự tương quan  7.4. Hậu quả của việc sử dụng phương pháp bình phương nhỏ nhất thông thường khi có tự tương quan  7.5. Phát hiện tự tương quan  7.6. Các biện pháp khắc phục  7.7. Thí dụ minh họa và so sánh các phương pháp.  Bài tập | 2 | Học liệu số 1, chương 7(mục 7.1-7.7); | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập;  Kiểm tra | 1. Bài tập trong học liệu số 2 chương 7  2. Kiểm tra thường xuyên 01 | 2 | Nắm vững nội dung chương 7 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 13 | Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 8**  **Chọn mô hình và kiểmđịnh việc định dạng mô hình** | **12** |  |  |  |
| Lý thuyết | 8.1. Các thuộc tính của một mô hình tốt  8.2. Các loại sai lầm chỉ định  8.3. Phát hiện những sai lầm chỉ định. Các kiểm định về sai lầm chỉ định.  8.4. Kiểm định về tính phân bố chuẩn của U  8.5. Thí dụ | 3 | Học liệu số 1, chương 8(mục 8.1-8.5); | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập trong học liệu số 1 Chương 8 | 1 | Nắm vững nội dung chương 8 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 8 | Làm bài tập, chỉ ra vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 9**  **Mô hình tự hồi quy, mô hình có trễ phân phối và kiểm định quan hệ nhân quả** | **21** |  |  |  |
| Lý thuyết | 9.1. Mô hình tự hồi quy  9.2. Mô hình có trễ phân phối  9.3. Ước lượng mô hình có trễ phân phối  9.4. Phương pháp biến đổi mô hình có trễ phân phối thành mô hình tự hồi quy  9.5. Ước lượng mô hình tự hồi quy  9.6. Kiểm định DURBIN để phát hiện tự tương quan trong các mô hình hồi quy  9.7. Trễ đa thức ARMON  9.8. Kiểm định quan hệ nhân quả  Một số bài luyện tập. | 5 | Học liệu số 1, chương 9 (mục 9.1-9.8); | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập,  Kiểm tra | 1. Bài tập trong học liệu số 1 chương 9  2. Kiểm tra thường xuyên 02 | 2 | Nắm vững nội dung chương 9 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 14 | Làm bài tập, vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

***9.1. Tài liệu bắt buộc***

[1] Nguyễn Quang Dong (2012), Nguyễn Thị Minh, *Giáo trình kinh tế lượng*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

***9.2. Tài liệu tham khảo***

[2] Nguyễn Quang Dong (2011), *Bài giảng kinh tế lượng*, NXB Giao thông vận tải

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu**  **(giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận** |
| 1 | 3 |  |  |  |  | 6 |
| 2 | 3 |  |  |  |  | 6 |
| 3 | 1 |  | 2 |  |  | 6 |
| 4 | 3 |  |  |  |  | 6 |
| 5 | 2 |  | 1 |  |  | 6 |
| 6 | 2 |  | 1 |  |  | 6 |
| 7 | 2 |  | 1 |  |  | 6 |
| 8 | 2 |  | 1 |  |  | 6 |
| 9 | 1 |  | 2 |  |  | 6 |
| 10 | 2 |  | 1 |  |  | 6 |
| 11 | 2 | 1 |  |  |  | 11 |
| 12 | 2 |  | 1 |  |  | 6 |
| 13 | 2 |  | 1 |  |  | 6 |
| 14 | 1 |  | 2 |  |  | 6 |
| 15 | 2 | 1 |  |  |  | 11 |
| **Tổng** | **30** | **2** | **13** |  |  | **105** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập,trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng bài | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch1-Ch8 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 giờ trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số giờ của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Kiểm tra tự luận  (02 bài) | 30% | Chấm điểm bài kiểm tra với các tiêu chí: (1) Nội dung đẩy đủ; (2) Kết quả chính xác; (3) Trình bày sạch đẹp | Ch1-Ch8 | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Thi tự luận | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1-Ch8 | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấu trúc đề thi** | **Thời gian làm bài** |
| Đề thi gồm: 03 câu:  + Câu 1 (4.0 điểm): Cấp độ nhớ và hiểu  + Câu 2 (3.0 điểm): Cấp độ áp dụng và phân tích  + Câu 3 (3.0 điểm): Cấp độ áp dụng và phân tích  Đề thi đánh giá được nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc các tín  chỉ của học phần  - Cấp độ nhận thức: 40% nhớ và hiểu; 60% áp dụng và phân tích. | 90 phút |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Kế toán tài chính 1

Mã học phần: KT2.1.012.3

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 3

- Loại học phần: Bắt buộc

- Yêu cầu đầu vào: Nguyên lý kế toán

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

+ Học lý thuyết trên lớp: 30 giờ

+ Bài tập trên lớp: 14 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 1 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 105 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | TS. Vương Thị Bạch Tuyết | 0979.141.352 | [tuyetvtb@utt.edu.vn](mailto:tuyetvtb@utt.edu.vn) |
| 2 | ThS. Đinh Thị Lan | 0987.423.415 | [landtl17a.hua@gmail.com](mailto:landtl17a.hua@gmail.com) |
| 3 | TS. Trần Thị Diên | 0987578358 | [tranthidien1979@gmail.com](mailto:tranthidien1979@gmail.com) |
| 4 | ThS. Đỗ Thị Mỹ Huyền | 0975.295.459 | [dothimyhuyen@gmail.com](mailto:dothimyhuyen@gmail.com) |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung*: Người học có những kiến thức tổng quan về kế toán tài chính, có kĩ năng chuyên môn hạch toán vốn bằng tiền; vật tư, sản phẩm, hàng hóa; tài sản cố định trong doanh nghiệp.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt1: Có kiến thức về tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp; các quy định hạch toán; nội dung, kết cấu tài khoản sử dụng; phương pháp kế toán các nghiệp vụ liên quan đến các phần hành kế toán liên quan đến hạch toán kế toán vốn bằng tiền; vật tư, sản phẩm, hàng hóa; tài sản cố định.

Mt2: Hạch toán được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến kế toán vốn bằng tiền, vật tư, sản phẩm, hàng hóa; tài sản cố định trong doanh nghiệp.

Mt3: Tuân thủ nguyên tắc, phương pháp và quy trình hạch toán kế toán vốn bằng tiền, vật tư, sản phẩm, hàng hóa; tài sản cố định. Hình thành phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp kế toán.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.012.3 | Kế toán tài chính 1 | **CĐR 1** | **CĐR 2** | **CĐR 3** | **CĐR 4** | **CĐR 5** | **CĐR 6** |
|  |  |  | **2** |  |  |
| **CĐR 7** | **CĐR 8** | **CĐR 9** | **CĐR 10** | **CĐR 11** | **CĐR 12** |
|  |  |  |  |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của học phần** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Khái quát được tổng quan kế toán tài chính trong doanh nghiệp; các quy định hạch toán; nội dung, kết cấu tài khoản; phương pháp kế toán vốn bằng tiền và các giao dịch kinh tế bằng ngoại tệ. | CĐR 4 |
| Ch2: Vận dụng được các quy định trong hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến vật tư, sản phẩm, hàng hóa trong doanh nghiệp. | CĐR 4 |
| Ch3: Lựa chọn phương pháp phù hợp trong hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến tài sản cố định của doanh nghiệp. | CĐR 4 |
| **Kỹ năng** | | |
| Mt2 | ***Kĩ năng cứng*** |  |
| Ch4: Thực hiện được việc lập chứng từ, tính giá, định khoản và ghi sổ kế toán vốn bằng tiền và các giao dịch kinh tế bằng ngoại tệ. | CĐR 4 |
| Ch5: Hạch toán được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến vật tư, sản phẩm, hàng hóa trong doanh nghiệp. | CĐR 4 |
| Ch6: Áp dụng đúng phương pháp lập chứng từ, tính giá, định khoản và ghi sổ kế toán tài sản cố định trong DN. | CĐR 4 |
| ***Kĩ năng mềm*** |  |
| Ch7: Làm việc độc lập, chủ động giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn kế toán. | CĐR 4 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt3 | Ch8: Chấp hành nguyên tắc, phương pháp và trình tự kế toán toán vốn bằng tiền; vật tư, sản phẩm, hàng hóa; tài sản cố định trong doanh nghiệp. Từng bước hình thành phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp kế toán. | CĐR 4 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | | **Kĩ năng** | | | | | **Mức độ TC và TN** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Nội dung** | **Cứng** | | | | **Mềm** |
| **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch 3** | **Ch 4** | | **Ch 5** | **Ch 6** | **Ch 7** | | **Ch 8** |
| Chương 1. Tổng quan về kế toán tài chính trong doanh nghiệp | 1.1. Hệ thống pháp lý về kế toán doanh nghiệp | 1 |  |  |  | |  |  |  | | 2 | Thuyết trình, đàm thoại |
| 1.2. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán tài chính | 1 |  |  |  | |  |  |  | | 2 |
| 1.3. Các nguyên tắc kế toán cơ bản | 1 |  |  |  | |  |  |  | | 2 |
| 1.4. Các yếu tố của báo cáo tài chính | 1 |  |  |  | |  |  |  | | 2 |
| 1.5. Tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp | 2 |  |  |  | |  |  | 2 | |  |
| Chương 2. Kế toán vốn bằng tiền và các giao dịch bằng ngoại tệ | 2.1. Nhiệm vụ của kế toán. | 1 |  |  |  | |  |  |  | | 2 | Thuyết trình |
| 2.2. Kế toán vốn bằng tiền. | 2 |  |  | 2 | |  |  |  | |  | Thuyết trình, làm mẫu, nghiên cứu tình huống |
| 2.3. Kế toán các giao dịch bằng ngoại tệ | 2 |  |  | 2 | |  |  |  | |  |
| 2.4. Sổ kế toán tiền và các giao dịch bằng ngoại tệ | 2 |  |  | 2 | |  |  |  | |  |
| 2.5. So sánh VAS 10 với IAS 21 | 1 |  |  |  | |  |  | 2 | |  | Thuyết trình, đàm thoại |
| Chương 3. Kế toán vật tư, sản phẩm, hàng hóa | 3.1. Nhiệm vụ kế toán vật tư, sản phẩm, hàng hóa |  | 1 |  |  | |  |  |  | | 2 | Thuyết trình |
| 3.2. Kế toán vật tư |  | 2 |  |  | | 2 |  |  | |  | Thuyết trình, làm mẫu, đóng vai |
| 3.3. Kế toán thành phẩm |  | 2 |  |  | | 2 |  |  | |  |
| 3.4. Kế toán hàng hóa |  | 2 |  |  | | 2 |  |  | |  |
| 3.5. Hệ thống sổ kế toán |  | 2 |  |  | | 2 |  |  | |  | Thuyết trình, đàm thoại, minh hoạ |
| 3.6. So sánh VAS 02 với IAS 02 |  | 1 |  |  | |  |  | 2 | |  |
| Chương 4. Kế toán tài sản cố định | 4.1. Nhiệm vụ kế toán tài sản cố định |  |  | 1 |  | |  |  |  | | 2 | Thuyết trình |
| 4.2. Phân loại, đánh giá tài sản cố định |  |  | 1 |  | |  | 1 |  | |  |
| 4.3. Kế toán chi tiết tài sản cố định |  |  | 2 |  | |  | 2 |  | |  | Thuyết trình, làm mẫu, nghiên cứu tình huống |
| 4.4. Kế toán tổng hợp TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình |  |  | 2 |  | |  | 2 |  | |  |
| 4.5. Kế toán hao mòn và khấu hao tài sản cố định |  |  | 2 |  | |  | 2 |  | |  |
| 4.6. Kế toán chi phí sau ghi nhận ban đầu của TSCĐ |  |  | 2 |  | |  | 2 |  | |  |
| 4.7. Sổ kế toán TSCĐ |  |  | 2 |  | |  | 2 |  | |  | Thuyết trình, đàm thoại, mô phỏng |
| 4.8. So sánh VAS 03 và IAS 16 |  |  | 1 |  | |  |  | 2 | |  |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần nghiên cứu những nội dung kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ chuyên ngành thuộc các phần hành kế toán: tổng quan về kế toán tài chính, kế toán vốn bằng tiền; kế toán vật tư, sản phẩm, hàng hóa; kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp. Trong từng phần hành kế toán, người học cần nắm được các quy định hạch toán; nội dung, kết cấu tài khoản sử dụng; phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế liên quan.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu**  **đối với**  **sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ 1** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 1. Tổng quan về kế toán tài chính trong doanh nghiệp** | **11** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Hệ thống pháp lý về kế toán doanh nghiệp  1.2. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán tài chính  1.3. Các nguyên tắc kế toán cơ bản  1.4. Các yếu tố của báo cáo tài chính  1.5. Tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp | 4 | - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết;  - Nghiên cứu học liệu số 1, (từ trang 13 đến trang 41). | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Câu hỏi, bài tập chương 1 | 7 | Hoàn thành các câu hỏi, bài tập chương 1 | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 2. Kế toán vốn bằng tiền và các giao dịch bằng ngoại tệ** | **39** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Nhiệm vụ của kế toán  2.2. Kế toán vốn bằng tiền  2.3. Kế toán các giao dịch bằng ngoại tệ  2.4. Sổ kế toán tiền và các giao dịch bằng ngoại tệ  2.5. So sánh VAS 10 với IAS 21 | 6 | - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết;  - Nghiên cứu học liệu số 1, từ mục 2.1 đến mục 2.6 (từ trang 42 đến trang 73). | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi, bài tập chương 2 | 5 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập. | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 28 | Làm bài tập sau khi nghe giảng, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp, thảo luận. | Thư viện,  ở nhà |  |
| **Tín chỉ 2** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 3. Kế toán vật tư, sản phẩm, hàng hóa** | **49** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1. Nhiệm vụ kế toán vật tư, sản phẩm, hàng hóa  3.2. Kế toán vật tư  3.3. Kế toán thành phẩm  3.4. Kế toán hàng hóa  3.5. Hệ thống sổ kế toán  3.6. So sánh VAS 02 với IAS 02 | 10 | - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết;  - Nghiên cứu học liệu số 1, từ mục 3.1 đến hết mục 3.7 (từ trang 79 đến trang 123) | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi, bài tập chương 3 | 4 | Vận dụng lý thuyết để giải bài tập | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập | 35 | Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp, thảo luận | Thư viện,  ở nhà |  |
| Kiểm tra | **Bài kiểm tra giữa kì** | 1 | Vận dụng kiến thức đã học làm bài kiểm tra | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| **Tín chỉ 3** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 4. Kế toán tài sản cố định** | **50** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1. Nhiệm vụ kế toán tài sản cố định  4.2. Phân loại, đánh giá tài sản cố định  4.3. Kế toán chi tiết tài sản cố định  4.4. Kế toán tổng hợp TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình  4.5. Kế toán hao mòn và khấu hao tài sản cố định  4.6. Kế toán chi phí sau ghi nhận ban đầu của TSCĐ  4.7. Sổ kế toán TSCĐ  4.8. So sánh VAS 03 và IAS 16 | 10 | - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết;  - Nghiên cứu học liệu số 1, từ mục 4.1 đến hết mục 4.9 (từ trang 128 đến trang 186). | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi, bài tập chương 4 | 5 | Vận dụng lý thuyết để giải bài tập | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập  - Giao bài tập, chấm kết quả bài tập lấy điểm | 35 | Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết | Thư viện,  ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Trương Thị Thủy, Ngô Thị Thu Hồng (2019). *Giáo trình Kế toán tài chính doanh nghiệp.* NXB Tài chính, Hà Nội.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Bộ Tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1, 2)*, NXB Lao động.

[3] Trần Thị Diên, Nguyễn Thị Bắc (2019). *Kế toán tài chính 1*. Tài liệu lưu hành nội bộ, Trường Đại học Tân Trào.

*\***10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn** |
| 1 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 2 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 3 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 4 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 5 |  |  | 3 |  |  | 7 |
| 6 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 7 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 8 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 9 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 10 |  | 1 | 2 |  |  | 7 |
| 11 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 12 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 13 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 14 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 15 |  |  | 3 |  |  | 7 |
| **Tổng cộng** | **30** | **1** | **14** |  |  | **105** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

11.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch8 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 giờ trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số giờ của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên,**  **điểm bài tập thực hành, trọng số 30%;** (Học phần 03 tín chỉ 2 điểm) | | | | | |
| 2 | Bài tập | 30% | Nội dung và chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu (8 %) | Ch1 đến Ch7 | 10 |
| Bài làm đúng thời gian,trình bày logic, khoa học (2%) |
| 3 | Kiểm tra tự luận | Theo đáp án, thang điểm của giảng viên | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 4 | Thi tự luận | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1 đến Ch8 | 10 |

**11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi**

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấu trúc đề thi** | **Thời gian làm bài** |
| Đề thi gồm 3 câu:  Câu 1 (3 điểm): Cấp độ biết, hiểu  Câu 2 (3 điểm): Cấp độ biết, hiểu và áp dụng, phân tích  Câu 3 (4 điểm): Cấp độ biết, hiểu và áp dụng, phân tích  Mỗi đề thi đều có nội dung câu hỏi tương ứng tín chỉ 1, 2, 3  Cấp độ nhận thức: 40% biết, hiểu; 60% vận dụng, phân tích | 90 phút |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO**  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

# Tên học phần: Kế toán quản trị

Mã học phần: KT2.1.013.4

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 04

- Loại học phần: Bắt buộc

- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

+ Học lý thuyết trên lớp: 30 giờ

+ Bài tập trên lớp: 28 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 2 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 140 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | TS. Nguyễn Thị Kim Ngân | 0988.798.307 | ntkngan@tqu.edu.vn |
| 2 | ThS. Phạm Thanh Trà | 0967.654.082 | phamtra88@gmail.com |
| 3 | TS. Vương Thị Bạch Tuyết | 0979.141.352 | tuyetvtb@utt.edu.vn |
| 4 | TS. Phạm Thị Kiều Trang | 0938086789 | tkptrangkieu@gmail.com |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:* Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng vận dụng những kiến thức, kỹ năng về kế toán quản trị trong doanh nghiệp vào công việc chuyên môn.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt 1: Khái quát được nội dung cơ bản của kế toán quản trị và các phương pháp tập hợp chi phí sản xuất, đánh giá được sản phẩm làm dở, tính giá thành sản phẩm. Phân tích được các nội dung ứng dụng của kế toán quản trị trong mối quan hệ giữa chi phí - khối lượng - lợi nhuận và lập dự toán sản xuất kinh doanh, dự toán linh hoạt phục vụ việc ra quyết định

Mt 2: Lập được dự toán sản xuất và báo cáo liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời, xác định được kết quả kinh doanh và đưa ra được các phương án kinh doanh phù hợp. Rèn luyện kỹ năng tư duy logic, phân tích, lập luận; tra cứu và khai thác tài liệu liên quan; kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình.

Mt 3: Luôn lắng nghe, có thể tranh luận và giải thích, từ đó bày tỏ quan điểm cá nhân về các nội dung của môn học, trên cơ sở đó, kết nối và điều chỉnh để phát triển quan điểm bản thân trong học tập và công việc sau khi tốt nghiệp.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.013.4 | Kế toán quản trị | **CĐR 1** | **CĐR 2** | **CĐR 3** | **CĐR 4** | **CĐR 5** | **CĐR 6** |
|  |  |  |  | **2** |  |
| **CĐR 7** | **CĐR 8** | **CĐR 9** | **CĐR 10** | **CĐR 11** | **CĐR 12** |
|  |  |  |  |  | **2** |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

| **Mục tiêu của HP** | **Nội dung CĐR của học phần** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Giải thích được khái niệm, bản chất, đối tượng và nội dung của kế toán quản trị; Đánh giá được các phương pháp tập hợp chi phí sản xuất, đánh giá được sản phẩm làm dở, tính giá thành sản phẩm; | CĐR 5 |
| Ch2: Lựa chọn được các phương pháp của kế toán quản trị trong việc ứng dụng phân tích mối quan hệ giữa chi phí - khối lượng - lợi nhuận; Lựa chọn được nguyên tắc, nội dung và phương pháp tiến hành lập dự toán sản xuất kinh doanh phục vụ việc ra quyết định trong ngắn hạn và dài hạn của doanh nghiệp | CĐR 5 |
| **Kỹ năng** | | |
| Kỹ năng cứng | | |
| Mt2 | Ch3: Lập được dự toán sản xuất kinh doanh, báo cáo sản xuất, báo cáo kết quả kinh doanh dạng lãi trên biến phí; Xác định được kết quả kinh doanh và đưa ra được các phương án kinh doanh phù hợp | CĐR 5 |
| Kỹ năng mềm | | |
| Mt2 | Ch4: Có kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. | CĐR 5 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt3 | Ch5: Luôn lắng nghe, có thể tranh luận, giải thích, từ đó bày tỏ quan điểm cá nhân về các nội dung của môn học, trên cơ sở đó, kết nối và điều chỉnh để phát triển quan điểm bản thân trong học tập và công việc sau khi tốt nghiệp. | CĐR 12 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo.***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | **Kiến thức** | | **Mức độ TC và TN** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Nội dung** | **Cứng** | **Mềm** |
| **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch 3** | **Ch 4** | **Ch 5** |
| Chương 1:  Quá trình hình thành và phát triển của kế toán quản trị doanh nghiệp | 1.1. Sự hình thành và các giai đoạn phát triển của kế toán quản trị | 1 |  |  |  | 2 | Diễn giảng  Đàm thoại |
| 1.2. Khái niệm, nhiệm vụ của kế toán quản trị | 1 |  |  |  | 2 |
| 1.3. Kế toán quản trị và kế toán tài chính | 1 |  |  |  | 2 |
| 1.4. Vai trò của kế toán quản trị với chức năng quản trị doanh nghiệp | 1 |  |  |  | 2 |
| 1.5. Nội dung của kế toán quản trị doanh nghiệp | 1 |  |  |  | 2 |
| Chương 2:  Đối tượng và phương pháp của kế toán quản trị doanh nghiệp | 2.1. Đối tượng của kế toán quản trị doanh nghiệp |  | 2 |  |  | 2 | Luyện tập và thực hành |
| 2.2. Phương pháp của kế toán quản trị |  |  | 2 |  | 2 |
| Chương 3:  Kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm | 3.1. Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất |  |  |  | 2 | 2 | Diễn giảng  Luyện tập và thực hành |
| 3.2. Các phương pháp cơ bản xác định giá thành sản phẩm |  |  | 2 |  | 2 |
| 3.3. Báo cáo chi phí và giá thành sản phẩm |  |  |  | 2 | 2 |
| Chương 4:  Định giá bán sản phẩm, dịch vụ và kế toán quản trị kết quả hoạt động quản kinh doanh của doanh nghiệp | 4.1. Định giá bán sản phẩm dịch vụ |  |  |  | 2 | 2 | Luyện tập và thực hành  Đàm thoại |
| 4.2. Kế toán quản trị kết quả hoạt động kinh doanh |  | 2 |  | 2 | 2 |
| 4.3. Các khái niệm cơ bản trong mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận |  |  |  | 2 | 2 |
| Chương 5:  Hệ thống dự toán dản xuất kinh doanh | 5.1. Tổng quan về hệ thống dự toán sản xuất kinh doanh | 1 |  |  |  | 2 | Diễn giảng  Luyện tập và thực hành |
| 5.2. Phương pháp xây dựng hệ thống dự toán sản xuất kinh doanh | 1 |  |  |  | 2 |
| 5.3. Ứng dụng dự toán sản xuất kinh doanh trong kiểm soát quản lý |  |  | 2 |  | 2 |
| Chương 6:  Kế toán quản trị trong việc ra quyết định ngắn hạn | 6.1. Thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn |  |  |  | 2 | 2 | Đàm thoại  Luyện tập và thực hành |
| 6.2. Phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận cho việc ra quyết định ngắn hạn |  |  | 2 |  | 2 |
| 6.3. Ứng dụng phân tích thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn |  |  |  | 2 | 2 |
| Chương 7:  Kế toán quản trị cho việc đánh giá trách nhiệm quản lý | 7.1. Mô hình quản lý doanh nghiệp và đánh giá trách nhiệm quản lý |  |  | 2 |  | 2 | Đàm thoại  Luyện tập và thực hành |
| 7.2. Kế toán trách nhiệm trong các doanh nghiệp được phân cấp quản lý |  |  | 2 |  | 2 |
| Chương 8  Kế toán quản trị chiến lược chi phí | 8.1. Tổng quan về kế toán quản trị chiến lược |  |  |  | 2 | 2 | Diễn giảng  Luyện tập và thực hành |
| 8.2. Kế toán quản trị chiến lược chi phí |  |  | 2 |  | 2 |
| Chương 9  Kế toán quản trị chiến lược: kiểm soát, đánh giá kết quả hoạt động và ra quyết định | 9.1. Kế toán quản trị kiểm soát và đo lường hiệu quả chiến lược |  |  | 2 |  | 2 | Luyện tập và thực hành |
| 9.2. Kế toán quản trị cho việc ra quyết định chiến lược |  |  |  | 2 | 2 |
| Chương 10  Tổ chức kế toán quản trị doanh nghiệp | 10.1. Khái niệm, vai trò của tổ chức công tác kế toán quản trị doanh nghiệp | 1 |  |  |  | 2 | Diễn giảng  Đàm thoại  Luyện tập và thực hành |
| 10.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán quản trị doanh nghiệp |  |  | 1 |  | 2 |
| 10.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của tổ chức công tác kế toán quản trị doanh nghiệp |  |  |  | 2 | 2 |
| 10.4. Hình thức của tổ chức công tác kế toán quản trị doanh nghiệp |  |  | 2 |  | 2 |
| 10.5. Nội dung tổ chức công tác kế toán quản trị doanh nghiệp | 1 |  |  |  | 2 |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Kế toán quản trị tập trung nghiên cứu các nội dung cơ bản về: Quá trình hình thành và phát triển của kế toán quản trị doanh nghiệp, Đối tượng và phương pháp của kế toán quản trị doanh nghiệp, Kế toán quản trị chi phí giá thành, định giá bản sản phẩm, kế toán quản trị doanh thu và kết quả kinh doanh, mối quan hệ chi phí khối lượng - lợi nhuận, kế toán quản trị trong việc ra quyết định ngắn hạn, dự toán sản xuất, kinh doanh và phân tích chi phi kinh doanh, Kế toán quản trị cho việc đánh giá trách nhiệm quản lý, Kế toán quản trị chiến lược, Tổ chức kế toán quản trị trong doanh nghiệp.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu đối với sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Chương 1:**  **Quá trình hình thành và phát triển của kế toán quản trị doanh nghiệp** | **10** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Sự hình thành và các giai đoạn phát triển của kế toán quản trị  1.2. Khái niệm, nhiệm vụ của kế toán quản trị  1.3. Kế toán quản trị và kế toán tài chính  1.4. Vai trò của kế toán quản trị với chức năng quản trị doanh nghiệp  1.5. Nội dung của kế toán quản trị doanh nghiệp | 3 | Nghiên cứu học liệu số 1; chương 1 | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi ôn tập. | 7 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 2:**  **Đối tượng và phương pháp của kế toán quản trị doanh nghiệp** | **17** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Đối tượng của kế toán quản trị doanh nghiệp  2.2. Phương pháp của kế toán quản trị | 2 | Nghiên cứu học liệu số 1; chương 2 | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập | - Bài tập trong học liệu số 1 (chương 2).  - Giải đáp các câu hỏi ôn tập chương 2. | 1 | Nắm vững kiến thức chương 2. | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 14 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 3:**  **Kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm** | **23** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1. Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất  3.2. Các phương pháp cơ bản xác định giá thành sản phẩm  3.3. Báo cáo chi phí và giá thành sản phẩm | 4 | Nghiên cứu học liệu số 1; chương 3 | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập | - Bài tập trong học liệu số 1 (chương 3).  - Giải đáp các câu hỏi ôn tập chương 3. | 5 | Nắm vững kiến thức chương 3. | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 14 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |  |
|  | **Chương 4:**  **Định giá bán sản phẩm, dịch vụ và kế toán quản trị kết quả hoạt động quản kinh doanh của doanh nghiệp** | **25** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1. Định giá bán sản phẩm dịch vụ  4.2. Kế toán quản trị kết quả hoạt động kinh doanh  4.3. Các khái niệm cơ bản trong mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận | 4 | Nghiên cứu học liệu số 1; chương 4 | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập | - Bài tập trong học liệu số 1 (chương 4).  - Giải đáp các câu hỏi ôn tập chương 4. | 4 | Nắm vững kiến thức chương 4 | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 17 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 5:**  **Hệ thống dự toán dản xuất kinh doanh** | **25** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1. Tổng quan về hệ thống dự toán sản xuất kinh doanh  5.2. Phương pháp xây dựng hệ thống dự toán sản xuất kinh doanh  5.3. Ứng dụng dự toán sản xuất kinh doanh trong kiểm soát quản lý | 3 | Nghiên cứu học liệu số 1; chương 5 | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập, kiểm tra | - Bài tập trong học liệu số 1 (chương 5).  - Giải đáp các câu hỏi ôn tập chương 5.  **- Kiểm tra giữa kỳ 1 tiết** | 4 | Nắm vững kiến thức chương 5 | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 18 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 3** |  |  |  |  |
|  | **Chương 6:**  **Kế toán quản trị trong việc ra quyết định ngắn hạn** | **24** |  |  |  |
| Lý thuyết | 6.1. Thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn  6.2. Phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận cho việc ra quyết định ngắn hạn  6.3. Ứng dụng phân tích thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn | 3 | Nghiên cứu học liệu số 1; Chương 6 | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập | - Bài tập trong học liệu số 1 (chương 6).  - Giải đáp các câu hỏi ôn tập chương 6. | 4 | Nắm vững kiến thức chương 6. | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 17 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 7:**  **Kế toán quản trị cho việc đánh giá trách nhiệm quản lý** | **26** |  |  |  |
| Lý thuyết | 7.1. Mô hình quản lý doanh nghiệp và đánh giá trách nhiệm quản lý  7.2. Kế toán trách nhiệm trong các doanh nghiệp được phân cấp quản lý | 4 | Nghiên cứu học liệu số 1; Chương 7 | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập | - Bài tập trong học liệu số 1 (chương 7).  - Giải đáp các câu hỏi ôn tập chương 7. | 4 | Nắm vững kiến thức chương 7 | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 18 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 4** |  |  |  |  |
|  | **Chương 8**  **Kế toán quản trị chiến lược chi phí** | **16** |  |  |  |
| Lý thuyết | 8.1. Tổng quan về kế toán quản trị chiến lược  8.2. Kế toán quản trị chiến lược chi phí | 2 | Nghiên cứu học liệu số 1; Chương 8 | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập | - Bài tập trong học liệu số 1 (chương 8).  - Giải đáp các câu hỏi ôn tập chương 68 | 3 | Nắm vững kiến thức chương 8. | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 11 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 9**  **Kế toán quản trị chiến lược: kiểm soát, đánh giá kết quả hoạt động và ra quyết định** | **18** |  |  |  |
| Lý thuyết | 9.1. Kế toán quản trị kiểm soát và đo lường hiệu quả chiến lược  9.2. Kế toán quản trị cho việc ra quyết định chiến lược | 3 | Nghiên cứu học liệu số 1; Chương 9 | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập | - Bài tập trong học liệu số 1 (chương 9).  - Giải đáp các câu hỏi ôn tập chương 9. | 3 | Nắm vững kiến thức chương 9. | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 12 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 10**  **Tổ chức kế toán quản trị doanh nghiệp** | **16** |  |  |  |
| Lý thuyết | 10.1. Khái niệm, vai trò của tổ chức công tác kế toán quản trị doanh nghiệp  10.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán quản trị doanh nghiệp  10.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của tổ chức công tác kế toán quản trị doanh nghiệp  10.4. Hình thức của tổ chức công tác kế toán quản trị doanh nghiệp  10.5. Nội dung tổ chức công tác kế toán quản trị doanh nghiệp | 2 | Nghiên cứu học liệu số 1; Chương 9 | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập, kiểm tra | - Bài tập trong học liệu số 1 (chương 10).  **- Kiểm tra 1 tiết.** | 2 | Nắm vững kiến thức chương 10. | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 12 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Giáo trình bắt buộc**

[1] Nguyễn Vũ Việt và Mai Ngọc Anh (2020), *Giáo trình Kế toán quản trị doanh nghiệp*, NXB Tài chính, Hà Nội.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Nguyễn Ngọc Quang (2024), *Giáo trình kế toán quản trị*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận** |
| 1 | 4 |  |  |  |  | 9 |
| 2 | 3 |  | 1 |  |  | 9 |
| 3 | 2 |  | 2 |  |  | 9 |
| 4 | 1 |  | 3 |  |  | 9 |
| 5 | 2 |  | 2 |  |  | 9 |
| 6 | 2 |  | 2 |  |  | 9 |
| 7 | 2 |  | 2 |  |  | 9 |
| 8 | 2 | 1 | 1 |  |  | 11 |
| 9 | 1 |  | 3 |  |  | 9 |
| 10 | 2 |  | 2 |  |  | 9 |
| 11 | 2 |  | 2 |  |  | 9 |
| 12 | 2 |  | 2 |  |  | 9 |
| 13 | 2 |  | 2 |  |  | 9 |
| 14 | 1 |  | 3 |  |  | 9 |
| 15 | 2 | 1 | 1 |  |  | 12 |
| **Tổng cộng** | **30** | **2** | **28** |  |  | **140** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia xây dựng bài | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch5 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Tự luận | 30% | (i) Nội dung đầy đủ; (ii) Kiến thức chính xác; (iii) Trình bày khoa học. Theo đáp án, thang điểm của giảng viên. | Từ Ch1 đến Ch5 | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Tự luận | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Từ Ch1 đến Ch5 | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi***

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấu trúc đề thi** | **Thời gian làm bài** |
| Đề thi gồm 3 câu  Câu 1 (2 điểm): cấp độ nhớ và hiểu  Câu 2 (3 điểm):cấp độ áp dụng, phân tích và đánh giá  Câu 3 (5 điểm): cấp độ áp dụng, phân tích và đánh giá  Cấp độ nhận thức: 20% nhớ và hiểu ; 80% áp dụng và phân tích. | 90 phút |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Kế toán tài chính 2

Mã học phần: KT2.1.014.4

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 4

- Loại học phần: Bắt buộc

- Yêu cầu đầu vào: Nguyên lý kế toán

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

+ Học lý thuyết trên lớp: 30 giờ

+ Bài tập trên lớp: 29 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 1 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 140 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | ThS. Đinh Thị Lan | 0987.423.415 | [landtl17a.hua@gmail.com](mailto:landtl17a.hua@gmail.com) |
| 2 | ThS. Trần Nguyễn Thu Trang | 0912.447.769 | trang.tnt.cdtq@gmail.com |
| 3 | ThS. Phạm Thanh Trà | 0967.654.082 | phamtra88@gmail.com |
| 4 | ThS. Đỗ Thị Mỹ Huyền | 0975.295.459 | [dothimyhuyen@gmail.com](mailto:dothimyhuyen@gmail.com) |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:* Học phần nhằm mục tiêu phát triển khả năng của người học trong việc vận dụng vận dụng Luật Kế toán, chuẩn mực và chế độ kế toán để hạch toán các nghiệp vụ cơ bản về kế toán tiền lương và các khoản trích theo tiền lương; kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm; kế toán xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt 1: Khái quát được những kiến thức chung để thực hiện được các nhiệm vụ của kế toán trong các phần hành kế toán.

Mt 2: Giải thích được các nội dung, nguyên tắc và phương pháp hạch toán các phần hành kế toán có liên quan đến học phần.

Mt 3: Vận dụng Luật Kế toán, chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán để thực hiện công tác kế toán liên quan đến các phần hành kế toán trong doanh nghiệp. .

Mt 4: Rèn luyện kỹ năng tư duy logic, thuyết trình, làm việc độc lập và làm việc trong các nhóm hiệu quả để giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác kế toán trong doanh nghiệp.

Mt 5: Thể hiện động cơ học tập đúng đắn, có ý thức trách nhiệm, khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình học tập và hành nghề kế toán.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.014.4 | Kế toán tài chính 2 | **CĐR 1** | **CĐR 2** | **CĐR 3** | **CĐR 4** | **CĐR 5** | **CĐR 6** |
|  |  |  | **2** |  |  |
| **CĐR 7** | **CĐR 8** | **CĐR 9** | **CĐR 10** | **CĐR 11** | **CĐR 12** |
|  |  |  |  |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của học phần** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Giải thích được khái niệm, nhiệm vụ của kế toán khi thực hiện hạch toán các phần hành kế toán trong doanh nghiệp. | CĐR 4 |
| Ch2: Phân biệt được các hình thức tiền lương, quỹ tiền lương và các khoản trích theo tiền lương; đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp. | CĐR 4 |
| Mt2 | Ch3: Phân tích được nguyên tắc, nội dung, kết cấu của tài khoản sử dụng và phương pháp hạch toán kế toán đối với các phần hành kế toán trong doanh nghiệp. | CĐR 4 |
| Ch4: Lựa chọn phù hợp các chỉ tiêu trình bày thông tin trên báo cáo tài chính đối với các phần hành kế toán trong doanh nghiệp | CĐR 4 |
| **Kỹ năng** | | |
| Kỹ năng cứng | | |
| Mt3 | Ch5: Kiểm tra việc xác định được các chứng từ, sổ kế toán liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đối với các phần hành kế toán trong doanh nghiệp thực hiện đúng nguyên tắc và phương pháp kế toán hiện hành. | CĐR 4 |
| Ch6: Đánh giá việc thực hiện định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo qui định của Luật Kế toán, chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành. | CĐR 4 |
| Kỹ năng mềm | | |
| Mt4 | Ch7: Vận dụng linh hoạt các kỹ năng phân tích và kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; làm việc độc lập và làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu trong thực hiện các nghiệp vụ kế toán tại doanh nghiệp. | CĐR 4 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt5 | Ch8: Thể hiện động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo; có ý thức cộng đồng, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình học tập và hành nghề kế toán. | CĐR 4 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | | **Kỹ năng** | | | **Mức độ TC và TN** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cứng** | | **Mềm** |
| **Chương** | **Nội dung** | **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch 3** | **Ch 4** | **Ch 5** | **Ch**  **6** | **Ch**  **7** | **Ch**  **8** |
| **Chương 5: Kế toán tiền lương và các khoản trích theo tiền lương** | 5.1. Nhiệm vụ kế toán tiền lương và các khoản trích theo tiền lương | 1 |  |  |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình, đàm thoại |
| 5.2. Hình thức tiền lương, quỹ tiền lương và các khoản trích theo tiền lương |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình, đàm thoại, mô phỏng |
| 5.3. Kế toán tổng hợp tiền lương và các khoản trích theo tiền lương |  |  | 2 |  |  | 2 |  |  | Thuyết trình, làm mẫu, nghiên cứu tình huống, mô phỏng |
| 5.4. Hệ thống sổ kế toán |  |  |  |  | 2 |  |  | 2 |
| **Chương 6: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm** | 6.1. Nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm | 1 |  |  |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình |
| 6.2. Phương pháp kế toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình, đàm thoại, mô phỏng |
| 6.3. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố |  |  | 2 |  |  | 2 |  |  | Thuyết trình, làm mẫu, nghiên cứu tình huống |
| **Chương 7: Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh** | 7.1. Nhiệm vụ kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh | 1 |  |  |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình |
| 7.2. Kế toán giá vốn hàng bán |  |  | 2 |  |  | 2 |  |  | Thuyết trình, làm mẫu, nghiên cứu tình huống |
| 7.3. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ |  |  | 2 |  |  | 2 |  |  |
| 7.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu |  |  | 2 |  |  | 2 |  |  |
| 7.5. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp |  |  | 2 |  |  | 2 |  |  |
| 7.6. Kế toán chi phí và doanh thu hoạt động tài chính |  |  | 2 |  |  | 2 |  |  |
| 7.7. Kế toán các khoán chi phí và thu nhập khác |  |  | 2 |  |  | 2 |  |  |
| 7.8. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp |  |  | 2 |  |  | 2 |  |  |
| 7.9. Kế toán xác định và phân phối kết quả hoạt động kinh doanh |  |  | 2 |  |  | 2 |  |  |
| 7.10. Hệ thống sổ kế toán |  |  |  |  | 2 |  |  | 2 | Thuyết trình, đàm thoại, mô phỏng |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần tập trung nghiên cứu nguyên tắc và phương pháp hạch toán kế toán, chứng từ và tài khoản sử dụng theo quy định của chế độ kế toán hiện hành trong kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu đối với**  **sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ 1** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 5: Kế toán tiền lương và các khoản trích theo tiền lương** | **50** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1. Nhiệm vụ kế toán tiền lương và các khoản trích theo tiền lương  5.2. Hình thức tiền lương, quỹ tiền lương và các khoản trích theo tiền lương  5.3. Kế toán tổng hợp tiền lương và các khoản trích theo tiền lương  5.4. Hệ thống sổ kế toán | 8 | - Đọc học liệu số 1  - Chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của GV | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập tương ứng của Chương 5 | 7 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng làm các câu hỏi bài tập  - Giao bài tập, chấm kết quả bài tập lấy điểm | 35 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |
| **Tín chỉ 2** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 6: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm** | **49** |  |  |  |
| Lý thuyết | 6.1. Nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm  6.2. Phương pháp kế toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm  6.3. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố | 7 | - Đọc học liệu số 1  - Chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của GV | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập tương ứng của Chương 6 | 7 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng làm các câu hỏi bài tập | 35 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |
| Kiểm tra | **Kiểm tra giữa kì** | **1** | Vận dụng kiến thức đã học làm bài kiểm tra | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| **Tín chỉ 3** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 7: Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh** | **50** |  |  |  |
| Lý thuyết | 7.1. Nhiệm vụ kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh  7.2. Kế toán giá vốn hàng bán  7.3. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ  7.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu | 7 | - Đọc học liệu số 1  - Chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của GV | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập tương ứng của Chương 7 | 8 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng làm các câu hỏi bài tập  - Giao bài tập, chấm kết quả bài tập lấy điểm | 35 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |
| **Tín chỉ 4** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 7: Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh (tiếp theo)** | **50** |  |  |  |
| Lý thuyết | 7.5. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.  7.6. Kế toán chi phí và doanh thu hoạt động tài chính  7.7. Kế toán các khoán chi phí và thu nhập khác  7.8. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp  7.9. Kế toán xác định và phân phối kết quả hoạt động kinh doanh  7.10. Hệ thống sổ kế toán | 8 | - Đọc học liệu số 1  - Chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của GV | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập tương ứng của Chương 7 | 7 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng làm các câu hỏi bài tập | 35 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Trương Thị Thủy, Ngô Thị Thu Hồng (2019) *Giáo trình Kế toán tài chính*, NXB Tài chính;

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Bộ Tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp* (quyển 1 và quyển 2), NXB Lao động xã hội;

[3] Đinh Thị Lan (2020), *Kế toán tài chính 2,* *Tài liệu lưu hành nội bộ*, Trường Đại học Tân Trào.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận** |
| 1 | 4 |  |  |  |  | 9 |
| 2 | 4 |  |  |  |  | 9 |
| 3 |  |  | 4 |  |  | 10 |
| 4 | 1 |  | 3 |  |  | 9 |
| 5 | 4 |  |  |  |  | 9 |
| 6 | 2 |  | 2 |  |  | 9 |
| 7 |  |  | 4 |  |  | 10 |
| 8 | 2 | 1 | 1 |  |  | 9 |
| 9 | 4 |  |  |  |  | 9 |
| 10 | 1 |  | 3 |  |  | 9 |
| 11 |  |  | 4 |  |  | 10 |
| 12 | 3 |  | 1 |  |  | 9 |
| 13 | 4 |  |  |  |  | 9 |
| 14 | 1 |  | 3 |  |  | 10 |
| 15 |  |  | 4 |  |  | 10 |
| **Cộng** | **30** | **1** | **29** |  |  | **140** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng bài | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch8 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số 30%;** (Học phần 04 tín chỉ 3 điểm) | | | | | |
| 2 | Bài tập  (02 điểm) | 30% | Nội dung và chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu (5%) | Ch1 đến Ch8 | 5 |
| Thời gian làm bài đúng quy định (3%) | 3 |
| Bài làm trình bày logic, khoa học (2%) | 2 |
| 3 | Bài kiểm tra tự luận (01 điểm) | Theo đáp án, thang điểm của giảng viên | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 4 | Thi tự luận | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1 đến Ch8 | 10 |

**11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi**

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấu trúc đề thi** | **Thời gian làm bài** |
| Đề thi gồm 3 câu:  Câu 1 (3 điểm): Cấp độ biết, hiểu  Câu 2 (3 điểm): Cấp độ biết, hiểu và áp dụng, phân tích  Câu 3 (4 điểm): Cấp độ biết, hiểu và áp dụng, phân tích  Mỗi đề thi đều có nội dung câu hỏi tương ứng tín chỉ 1, 2, 3  Cấp độ nhận thức: 40% biết, hiểu; 60% vận dụng, phân tích | 120 phút |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

# Tên học phần: Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán (English for accounting)

Mã học phần: KT2.1.172.3

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 03

- Loại học phần: Bắt buộc

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

+ Học lý thuyết trên lớp: 25 giờ

+ Bài tập trên lớp: 18 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 2 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 105 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | TS. Phạm Thị Kiều Trang | 0938086789 | [tkptrangkieu@gmail.com](mailto:tkptrangkieu@gmail.com) |
| 2 | TS. Đỗ Hải Yến | 0978457229 | [dohaiyentq@gmail.com](mailto:dohaiyentq@gmail.com) |
| 3 | ThS. Hoàng Anh Đào | 0979477846 | [hoanganhdaok74ftu@gmail.com](mailto:hoanganhdaok74ftu@gmail.com) |
| 4 | TS. Nguyễn Hữu Dũng | 0912644087 | [huudungkh@gmail.com](file:///E:\tra\Đề%20cương%20chỉnh%20sửa%20lần%202\copy\huudungkh@gmail.com) |

**3. Mục tiêu học phần (Kí hiệu Mt)**

*Mục tiêu chung :* Học phần trang bị cho người học vốn kiến thức cơ bản về thuật ngữ của Tiếng Anh chuyên ngành kế toán. Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ có khả năng giao tiếp và đọc hiểu các thông tin cơ bản về chuyên ngành kế toán, một số thuật ngữ cơ bản trong báo cáo tài chính, kế toán thuế, kiểm toán; kế toán quản trị và đầu tư tài chính.

*Mục tiêu cụ thể:*

Mt1: Có vốn từ ngữ Tiếng Anh cơ bản về chuyên ngành Kế Toán

Mt 2: Vận dụng kiến thức để sử dụng Tiếng Anh trong lĩnh vực kế toán.

Mt 3: Có thái độ, động cơ học tập đúng đắn; nhận thức và và thực hiện trách nhiệm của công dân trong lĩnh vực chuyên môn và hội kinh tế quốc tế.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.172.3 | Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán | CĐR 1 | CĐR 2 | CĐR 3 | CĐR 4 | CĐR 5 | CĐR 6 |
|  |  |  |  |  |  |
| CĐR 7 | CĐR 8 | CĐR 9 | CĐR 10 | CĐR 11 | CĐR 12 |
|  |  |  | 2 |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của HP** | **CĐR của CTĐT** |
| **Kiến thức** | | |
| Mt 1 | Ch1: Phân loại được những vị trí công việc cơ bản trong ngành kế toán, một số nguyên tắc và tiêu chuẩn kế toán bằng Tiếng Anh. | CĐR 10 |
| Ch2: Giải thích được các số liệu cơ bản trong các báo cáo kế toán, thông tin tài chính bằng Tiếng Anh. |
| Ch3: Diễn giải được những thuật ngữ cơ bản trong lĩnh vực kiểm toán, quản lý kế toán và đầu tư. |
| **Kỹ năng** | | |
| ***Kỹ năng cứng*** | | |
| Mt 2 | Ch4: Giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh để trao đổi thông tin trong lĩnh vực kế toán. | CĐR 10 |
| Ch5: So sánh và tính toán được các tỷ số tài chính và có thể lập một số chỉ tiêu quan trọng trongcác báo cáo kế toán bằng Tiếng Anh. | CĐR 10 |
| Ch6: Diễn dịch được một số thuật ngữ cơ bản về kiểm toán và đầu tư cũng như liên quan đến quản lý các hoạt động kế toán. |
| Ch7: Vận dụng các thuật ngữ, từ vựng Tiếng Anh để giao tiếp về kiểm toán, thuế và đầu tư. |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| ***Kỹ năng mềm*** | | |
| Mt3 | Ch8:Thể hiện động cơ học tập tích cực, khoa học; nhận thức và thực hiện đúng đắn trách nhiệm công dân trong hội nhập kinh tế quốc tế. | CĐR 10 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | **Kĩ năng** | | | | **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Kiến thức** | **Cứng** | | **Mềm** | |
| **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch3** | **Ch 4** | **C**  **h 5** | **C**  **h 6** | **C**  **h 7** | **C**  **h**  **8** |
| **Unit 1: Introduction to Accounting** | Vocabulary: Some words related to jobs in accounting. | 1 |  |  |  |  |  |  |  | Thuyết trình, cặp, nhóm |
| Speaking: Some useful phrases in the conversation in accounting; Greetings and small talk (Meeting people and offering hospitality) |  |  |  | 2 |  |  | 2 |  |
| Reading: The meaning of abbreviations in accounting.  -Accounting principles |  |  | 2 |  |  |  |  | 2 |
| Reading: four basic principles of accounting |  |  | 1 |  |  |  | 2 |  |
| Vocabulary: Word choices: liability, liabilities, debt, debts... |  |  | 1 | 2 |  |  |  |  |
| Speaking: Some expressions to repond to the agreement and disagreement |  |  |  | 2 |  |  | 2 |  |
| **Unit 2: Financial Statements and Ratios** | Vocabulary:  \* Financial Position:  + Assets  + Liabilities and equity  \* Earnings:  + Revenues  +Cost expenses |  | 2 |  |  | 2 |  |  |  | Thuyết trình, cặp, nhóm |
| Speaking: numbers, equations anf formulas |  |  |  | 2 |  |  | 2 |  |
| Vocabulary: Word forms |  | 1 |  |  | 1 |  |  |  |
| **Unit 3: Tax Accounting** | Vocabulary: Some types of tax. |  | 1 |  |  |  |  | 1 |  | Thuyết trình, cặp, nhóm |
| Reading: Methods of depreciation. |  | 2 |  |  |  | 2 |  |  |
| Vocabulary: Income taxes |  |  |  | 2 |  |  |  | 2 |
| Reading: Income taxes |  | 2 |  |  |  | 2 |  |  |
| Vocabulary: Expressions with tax |  |  |  |  |  |  | 2 | 2 |
| **Unit 4: Auditing** | Starter: Vocabulary An Auditor |  |  | 1 |  |  |  | 2 |  | Thuyết trình, cặp, nhóm |
| Speaking: Make conversations |  |  |  | 2 |  |  | 2 |  |
| Reading: Match the sentences |  |  | 2 |  |  |  |  |  |
| Speaking: Make a telephone call |  |  |  | 2 |  |  | 2 |  |
| - Reading:  **•** Read the financial descriptions to pictures.  **•** Choose the option. |  |  | 3 |  |  |  | 2 |  |
| **Unit 5: Management accounting** | - Starter: Read the statement. |  |  | 1 |  |  | 2 |  |  | Thuyết trình, cặp, nhóm |
| - Vocabulary: Word form |  |  |  | 2 |  |  |  | 2 |
| - Reading:  + Read the statements.  + Match the words with their meanings.  + Match the sentences with pictures |  |  | 2 |  |  |  | 2 |  |
| **Unit 6: Investment** | - Starter: Some questions about investment. |  |  | 2 |  |  |  | 2 |  | Thuyết trình, cặp, nhóm |
| - Vocabulary: Word forms. |  |  |  | 1 |  |  | 1 |  |
| - Reading: Read an e- mail. |  |  | 2 |  |  | 2 |  |  |
| - Vocabulary: Word phrases |  |  | 1 |  |  | 2 |  |  |
| - Speaking: plan the talk |  |  |  |  |  |  | 2 | 2 |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về chuyên ngành kế toán bằng tiếng Anh, giới thiệu và tăng cường vốn từ tiếng Anhcơ bản về chuyên ngành kế toán, một số thuật ngữ cơ bản trong báo cáo tài chính, kế toán thuế,kiểm toán; kế toán quản trị; đầu tư.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu đối với sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ 1** | |  |  |  |  |
| Lý thuyết | **Unit 1: Introduction to Accounting** | **20** |  | Theo thời khóa biểu, lớp học. |  |
| - Vocabulary: Some words related to jobs in accounting.  - Speaking: Some useful phrases in the conversation in accounting; Greetings and small talk ( Meeting people and offering hospitality)  - Reading: The meaning of abbreviations in accounting.  - Accounting principles  - Reading: four basic principles of accounting  - Vocabulary: Word choices: liability, liabilities, debt, debts...  - Speaking: Some expressions to repond to the agreement and disagreement. | 3 | - Học liệu số 1: trang 12. |  |
| Bài tập | Bài tập tương ứng trong học liệu số 1 (Textbook) phần Unit 1. | 3 | - Học liệu số 1: từ trang 5 đến 12. | Theo thời khóa biểu, lớp học. |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần tương ứng với nội dung kiến thức trước khi đến lớp; Tự tra từ mới ở nhà, ghi rõ các mục cần hỏi đối với phần chưa hiểu. | 14 | Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà. |  |
|  | **Unit 2: Financial Statements and Ratios** | **30** |  |  |  |
| Lý thuyết | - Vocabulary:  \* Financial Position:  + Assets  + Liabilities and equity  \* Earnings:  + Revenues  + Cost expenses  - Speaking: numbers, equations and formulas  - Vocabulary: Word forms | 6 | - Học liệu số 1: trang12 đến 19 | Theo thời khóa biểu, lớp học. |  |
| Bài tập | Bài tập tương ứng trong học liệu số 1 (Textbook) phần Unit 2. | 3 | - Học liệu số 1: từ trang 11 đến 19. | Theo thời khóa biểu, lớp học. |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần tương ứng với nội dung kiến thức trước khi đến lớp; Tự tra từ mới ở nhà, ghi rõ các mục cần hỏi đối với phần chưa hiểu. | 21 | Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà. |  |
| **Tín chỉ 2** | |  |  |  |  |
|  | **Unit 3: Tax Accounting** | **20** |  |  |  |
| Lý thuyết | - Vocabulary: Some types of tax.  - Reading: Methods of depreciation.  - Vocabulary: Income taxes  - Reading: Income taxes  - Vocabulary: Expressions with tax | 3 | - Học liệu số 1: trang 22 đến 23. | Theo thời khóa biểu, lớp học. |  |
| Bài tập | Bài tập tương ứng trong học liệu số 1 (Textbook) phần Unit 3. | 3 | - Học liệu số 1: từ trang 22 đến 26 | Theo thời khóa biểu, lớp học. |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần tương ứng với nội dung kiến thức trước khi đến lớp; Tự tra từ mới ở nhà, ghi rõ các mục cần hỏi đối với phần chưa hiểu. | 14 | Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà. |  |
|  | **Ôn tập giữa kì** | **14** |  |  |  |
| Ôn tập | Review Unit 1, 2, 3 | 2 | Làm các bài tập ôn luyện. | Theo thời khóa biểu, lớp học. |  |
| Bài tập, thảo luận | Bài tập tương ứng trong các phần lý thuyết đã học | 1 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời câu hỏi và thực hành | Theo thời khóa biểu, lớp học. |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần tương ứng với nội dung kiến thức trước khi đến lớp; Tự tra từ mới ở nhà, ghi rõ các mục cần hỏi đối với phần chưa hiểu. | 10 | Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà. |  |
| Kiểm tra | **Bài kiểm tra số 1**  - Làm bài kiểm tra trên giấy | 1 | Nghiêm túc, trung thực | Theo thời khóa biểu, lớp học. |  |
|  | **Unit 4: Auditing** | **16** |  |  |  |
| Lý thuyết | - Starter: Vocabulary An Auditor  - Speaking: Make conversations  - Reading: Match the sentences | 1 | - Học liệu số 1: từ trang 30 đến 34 | Theo thời khóa biểu, lớp học. |  |
| Bài tập | Bài tập tương ứng trong học liệu số 1 (Textbook), phần Unit 4. | 2 | - Học liệu số 1: từ trang 30 đến 34. | Theo thời khóa biểu, lớp học. |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần tương ứng với nội dung kiến thức trước khi đến lớp; Tự tra từ mới ở nhà, ghi rõ các mục cần hỏi đối với phần chưa hiểu. | 13 | Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà. |  |
| **Tín chỉ 3** | |  |  |  |  |
|  | **Unit 4: Auditing** | **10** |  |  |  |
| Lý thuyết | - Reading:  **•** Read the financial descriptions to pictures.  **•** Choose the option. | 1 | - Học liệu số 1: từ trang 30 đến 34 | Theo thời khóa biểu, lớp học. |  |
| Bài tập | Bài tập tương ứng trong học liệu số 1 (Textbook), phần Unit 4. | 2 | - Học liệu số 1: từ trang 30 đến 34. | Theo thời khóa biểu, lớp học. |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần tương ứng với nội dung kiến thức trước khi đến lớp; Tự tra từ mới ở nhà, ghi rõ các mục cần hỏi đối với phần chưa hiểu. | 7 | Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà. |  |
|  | **Unit 5: Management accounting** | **20** |  |  |  |
| Lý thuyết | - Starter: Read the statement.  - Vocabulary: Word form.  - Reading:  + Read the statements.  + Match the words with their meanings.  + Match the sentences with pictures  - Vocabulary: Word forms. | 3 | - Học liệu số 1: từ trang 35 đến 41. | Theo thời khóa biểu, lớp học. |  |
| Bài tập | Bài tập tương ứng trong học liệu số 1 (Textbook), phần Unit 5. | 3 | - Học liệu số 1: từ trang 35 đến 41. | Theo thời khóa biểu, lớp học. |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần tương ứng với nội dung kiến thức trước khi đến lớp; Tự tra từ mới ở nhà, ghi rõ các mục cần hỏi đối với phần chưa hiểu. | 14 | Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà. |  |
|  | **Unit 6: Investment** | **20** |  |  |  |
| Lý thuyết | - Starter: Some questions about investment.  - Vocabulary: Word forms.  - Reading: Read an e- mail.  - Vocabulary: Word phrases  - Speaking: plan the talk | 3 | - Học liệu số 1: từ trang 42 đến 48 | Theo thời khóa biểu, lớp học. |  |
| Bài tập | Bài tập tương ứng trong học liệu số 1 (Textbook) phần Unit 6. | 2 | - Học liệu số 1: từ trang 42 đến 48. | Theo thời khóa biểu, lớp học. |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần tương ứng với nội dung kiến thức trước khi đến lớp; Tự tra từ mới ở nhà, ghi rõ các mục cần hỏi đối với phần chưa hiểu. | 14 | Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà. |  |
| Kiểm tra | **Bài kiểm tra số 2**  - Làm bài kiểm tra trên giấy | 1 | Nghiêm túc, trung thực | Theo thời khóa biểu, lớp học. |  |

**9. Tài liệu học tập**

***9.1. Tài liệu bắt buộc***

[1] Evan Frendo and Sean Mahoney (2007), *English for Accounting,* Express series, Oxford University Press.

***9.2. Tài liệu tham khảo***

[2] Sara Helm (2011), *Accounting and Finance Market Leader,* Longman, Pearson Education Limited.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (Giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn** |
| 1 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 2 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 3 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 4 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 5 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 6 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 7 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 8 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 9 | 1 | 1 | 1 |  |  | 7 |
| 10 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 11 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 12 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 13 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 14 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 15 | 1 | 1 | 1 |  |  | 7 |
| **Tổng cộng** | **25** | **2** | **18** |  |  | **105** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận,**  **trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch10 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 giờ trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số giờ của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên - trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Bài kiểm tra số 1 | 30% | Theo đáp án, thang điểm của đề bài | Từ Ch1 đến Ch8 | 10 |
| Bài kiểm tra số 2 | Theo đáp án, thang điểm của đề bài | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần - trọng số 60%** | | | | | |
| 4 | Thi tự luận/ Thi trắc nghiệm | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Từ Ch 1– Ch 8 | 10 |

**11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi**

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấu trúc đề thi** | **Thời gian làm bài** |
| Đề thi gồm 4 phần  Phần 1 (2 điểm): nội dung tương ứng tín chỉ 1  Phần 2 (2 điểm): nội dung tương ứng tín chỉ tín chỉ 2 và tín chỉ 3  Phần 3 (4 điểm): nội dung tương ứng tín chỉ 1, tín chỉ 2 và tín chỉ 3  Phần 4 (2 điểm): nội dung tương ứng tín chỉ 1, tín chỉ 2 và tín chỉ 3 | 90 phút |

*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 6 năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Thuế nhà nước

Mã học phần: KT2.1.022.3

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 3

- Loại học phần: Bắt buộc

- Yêu cầu đầu vào: Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

+ Học lý thuyết trên lớp: 30 giờ

+ Bài tập trên lớp: 14 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 1 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 105 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | ThS. Đinh Thị Lan | 0987.423.415 | [landtl17a.hua@gmail.com](mailto:landtl17a.hua@gmail.com) |
| 2 | TS. Nguyễn Hữu Dũng | 0912644087 | [huudungkh@gmail.com](file:///E:\tra\Đề%20cương%20chỉnh%20sửa%20lần%202\copy\huudungkh@gmail.com) |
| 3 | TS. Phạm Duy Hưng | 096 5522368 | [pdhung@tqu.edu.vn](mailto:pdhung@tqu.edu.vn) |
| 4 | ThS. Phạm Thanh Trà | 0967654082 | [phamtra88@gmail.com](mailto:phamtra88@gmail.com) |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:* Sau khi học xong học phần người học đạt được kiến thức lý thuyết cơ bản về thuế và hệ thống thuế Việt Nam đồng thời tính toán được các chỉ tiêu liên quan đến từng sắc thuế; kê khai được từng loại thuế theo quy định đáp ứng hội nhập kinh tế quốc tế.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt 1: Giải thích được các kiến thức liên quan đến thuế, hệ thống thuế và quản lý thuế tại Việt Nam.

Mt 2: Khái quát được những nội dung cơ bản liên quan đến từng sắc thuế đáp ứng hội nhập kinh tế quốc tế.

Mt 3: Vận dụng được các kiến thức để tính toán được các chỉ tiêu liên quan của từng sắc thuế; kê khai được từng loại thuế theo quy định của Nhà nước.

Mt 4: Rèn luyện kỹ năng tư duy logic, phân tích, lập luận; tra cứu và khai thác tài liệu liên quan; kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình.

Mt 5: Thực hiện động cơ học tập đúng đắn, có ý thức trách nhiệm, khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình học tập và thực hành, thực tập.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.022.3 | Thuế Nhà nước | **CĐR 1** | **CĐR 2** | **CĐR 3** | **CĐR 4** | **CĐR 5** | **CĐR 6** |
|  |  |  | 2 |  |  |
| **CĐR 7** | **CĐR 8** | **CĐR 9** | **CĐR 10** | **CĐR 11** | **CĐR 12** |
|  |  |  |  | 2 |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của học phần** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Giải thích được khái niệm, đặc điểm, vai trò, phân loại thuế, các yếu tố cấu thành nên một sắc thuế và quy định về quản lý thuế hiện hành ở Việt Nam. | CĐR 4 |
| Mt2 | Ch2: Lựa chọn được phương pháp phù hợp và tính được các loại thuế; đăng ký, kê khai, nộp từng loại thuế theo quy định của Nhà nước. | CĐR 4 |
| **Kỹ năng** | | |
| Kỹ năng cứng | | |
| Mt3 | Ch3: Kiểm tra được việc tính toán, đăng ký, kê khai và nộp các loại thuế trong doanh nghiệp đúng theo quy định hiện hành | CĐR 4 |
| Kỹ năng mềm | | |
| Mt4 | Ch4: Rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích, phát hiện và giải quyết vấn đề về lĩnh vực thuế, kế toán. | CĐR 4 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt5 | Ch5: Chấp hành các luật thuế, các nguyên tắc thực hiện tính và kê khai thuế, có phương pháp học tập khoa học, tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình học tập và thực hành, thực tập. | CĐR 11 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | **Kỹ năng** | | **Mức độ tự chủ và TN** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cứng** | **Mềm** |
| **Chương** | **Nội dung** | **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch 3** | **Ch 4** | **Ch 5** |
| **Chương 1:**  **Tổng quan về thuế** | 1.1. Sự ra đời và phát triển của thuế | 1 |  |  |  | 1 | Thuyết trình, đàm thoại |
| 1.2. Khái niệm, đặc điểm của thuế | 1 |  |  |  | 1 |
| 1.3. Vai trò của thuế | 2 |  |  |  | 2 |
| 1.4. Hệ thống thuế và phân loại thuế | 2 |  |  |  | 2 |
| 1.5. Các yếu tố cơ bản cấu thành một sắc thuế | 2 |  |  |  | 2 |
| **Chương 2: Thuế giá trị gia tăng** | 2.1. Khái niệm, đặc điểm của thuế giá trị gia tăng | 2 |  |  |  | 2 | Thuyết trình, đàm thoại, NC tình huống |
| 2.2. Nội dung cơ bản của thuế giá trị gia tăng hiện hành ở Việt Nam |  | 2 | 2 |  |  |
| **Chương 3. Thuế Tiêu thụ đặc biệt** | 3.1. Khái niệm, đặc điểm của thuế Tiêu thụ đặc biệt | 2 |  |  |  | 2 | Thuyết trình, đàm thoại, NC tình huống |
| 3.2. Nội dung cơ bản của thuế TTĐB hiện hành ở Việt Nam |  | 2 | 2 |  |  |
| **Chương 4: Thuế Xuất khẩu, nhập khẩu** | 4.1. Khái niệm, đặc điểm của thuế Xuất khẩu, nhập khẩu | 1 |  |  |  | 2 | Thuyết trình, đàm thoại, NC tình huống |
| 4.2. Nội dung cơ bản của Luật thuế Xuất khẩu, thuế nhập khẩu hiện hành ở Việt Nam |  | 2 | 2 |  |  |
| **Chương 5: Thuế thu nhập doanh nghiệp** | 5.1. Khái niệm và đặc điểm | 1 |  |  |  | 2 | Thuyết trình, đàm thoại, NC tình huống |
| 5.2. Nội dung cơ bản của thuế thu nhập doanh nghiệp |  | 2 | 2 |  |  |
| **Chương 6: Thuế thu nhập cá nhân** | 6.1.Khái niệm, đặc điểm của thuế Thu nhập cá nhân | 1 |  |  |  | 2 | Thuyết trình, đàm thoại, NC tình huống |
| 6.2. Nội dung cơ bản của thuế Thu nhập cá nhân hiện hành ở Việt Nam |  | 2 | 2 |  |  |
| **Chương 7: Các sắc thuế khác** | 7.1. Thuế bảo vệ môi trường |  | 2 |  | 2 |  | Thuyết trình, đàm thoại, NC tình huống |
| 7.2. Thuế tài nguyên |  | 2 |  | 2 |  |
| 7.3. Thuế sử dụng đất nông nghiệp |  | 2 |  | 2 |  |
| 7.4. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp |  | 2 |  | 2 |  |
| **Chương 8: Quản lý thuế** | 8.1.Tổng quan về quản lý thuế | 1 |  |  |  | 2 | Thuyết trình, đàm thoại |
| 8.2. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của người nộp thuế theo luật quản lý thuế hiện hành ở Việt Nam | 2 |  |  | 2 |  |
| **Chương 9: Thuế trong hội nhập kinh tế quốc tế** | 9.1. Thuế trong các hình thức liên kết kinh tế quốc tế | 1 |  |  |  | 2 | Thuyết trình, đàm thoại |
| 9.2. Những nguyên tắc hội nhập quốc tế chi phối đến chính sách thuế của quốc gia | 2 |  |  |  | 2 |
| 9.3. Cam kết về thuế của Việt Nam trong các hiệp định ký kết | 2 |  |  | 2 |  |
| 9.4. Đánh thuế trùng giữa các quốc gia | 2 |  |  | 2 |  |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản về từng sắc thuế theo quy định của Nhà nước: thuế Giá trị gia tăng; thuế Tiêu thụ đặc biệt; thuế Xuất khẩu, nhập khẩu; thuế Thu nhập doanh nghiệp; thuế thu nhập cá nhân và các loại thu khác như thuế Nhà đất; thuế Bảo vệ môi trường, phí và lệ phí...

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số**  **giờ** | **Yêu cầu đối với sinh viên** | **Thời gian, địa điểm** | **GGhi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Chương 1: Tổng quan về thuế** | **7** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Sự ra đời và phát triển của thuế  1.2. Khái niệm, đặc điểm của thuế  1.3. Vai trò của thuế  1.4. Hệ thống thuế và phân loại thuế  1.5. Các yếu tố cơ bản cấu thành một sắc thuế | 2 | Đọc liệu số 1, (mục 1.1- 1.5); | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc phần lý thuyết trước khi lên lớp;  - Vận dụng những kiến thức đã học để giải đáp những câu hỏi và bài tập về nhà.. | 5 | Đọc hiểu về các khái niệm, nội dung cơ bản, trọng yếu. | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 2: Thuế giá trị gia tăng** | **20** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Khái niệm, đặc điểm của thuế giá trị gia tăng  2.2. Nội dung cơ bản của thuế giá trị gia tăng hiện hành ở Việt Nam | 3 | Học liệu số 1, chương 2  (mục 2.1- 2.2) | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Bài tập | - Bài tập ứng dụng chương 2: Các dạng bài tập xác định giá tính thuế Giá trị gia tăng và phương pháp tính thuế Giá trị gia tăng;  - Chuẩn bị nội dung thảo luận | 3 | Hiểu rõ lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo thời khoá biểu;  Lớp học và ở nhà |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc phần lý thuyết trước khi lên lớp; biết liện hệ, vận dụng để giải bài tập của chương 2 và các chương đã học có liên quan. | 14 | Đọc thêm ở học liệu số 3 và làm bài tập ở học liệu 2; yêu cầu giảng viên giải đáp thắc mắc (khi cần thiết) | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 3. Thuế Tiêu thụ đặc biệt** | **10** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1. Khái niệm, đặc điểm của thuế Tiêu thụ đặc biệt  3.2. Nội dung cơ bản của thuế TTĐB hiện hành ở Việt Nam | 1 | Học liệu số 1, chương 3, (mục 3.1- 3.2); | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập ứng dụng của chương 3: Các dạng bài tập xác định thuế Tiêu thụ đặc biệt; Chuẩn bị nội dung thảo luận. | 2 | Hiểu rõ lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo thời khoá biểu;  Lớp học và ở nhà |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc phần lý thuyết trước khi lên lớp; biết liện hệ, vận dụng được những kiến thức đã học để giải đáp những câu hỏi và bài tập của chương 3. | 7 | Đọc học liệu số 1 và làm bài tập ở học liệu 2; đặt ra những tình huống cần giải đáp. | Theo thời khoá biểu;  Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 4: Thuế Xuất khẩu, nhập khẩu** | **13** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1. Khái niệm, đặc điểm của thuế Xuất khẩu, nhập khẩu  4.2. Nội dung cơ bản của Luật thuế Xuất khẩu, thuế nhập khẩu hiện hành ở Việt Nam | 2 | Đọc học liệu số 1, chương 4, (từ mục 4.1- 4.2; | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập ứng dụng của chương 4;  Chuẩn bị nội dung thảo luận. | 2 | Hiểu rõ lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo thời khoá biểu;  Lớp học và ở nhà |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Giao bài tập, chấm kết quả bài tập lấy điểm  Đọc phần lý thuyết trước khi lên lớp; vận dụng được những kiến thức đã học để giải bài tập của chương 4. | 9 | Nghiên cứu thêm học liệu số 1 và làm bài tập ở học liệu 2; đặt ra những tình huống cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |  |
|  | **Chương 5: Thuế thu nhập doanh nghiệp** | **28** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1. Khái niệm và đặc điểm  5.2. Nội dung cơ bản của thuế thu nhập doanh nghiệp | 5 | Học liệu 1, chương 5  (mục 5.1-5.2); | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Bài tập | - Bài tập ứng dụng chương 5: Chủ yếu là các dạng bài tập xác đinh căn cứ tính thuế; thu nhập được miễn thuế,..và tính được số thuế thu nhập phải nộp;  - Chuẩn bị nội dung thảo luận. | 3 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập và giải đáp thắc mắc | Theo thời khoá biểu;  Lớp học và ở nhà |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc phần lý thuyết trước khi lên lớp; biết liện hệ, vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tế thông qua những tình huống trong các dạng bài tập của chương 5 và các chương đã học có liên quan. | 20 | Đọc học liệu số 1 và làm bài tập ở học liệu 2; đặt ra những tình huống cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 6: Thuế thu nhập cá nhân** | **21** |  |  |  |
| Lý thuyết | 6.1.Khái niệm, đặc điểm của thuế Thu nhập cá nhân  6.2. Nội dung cơ bản của thuế Thu nhập cá nhân hiện hành ở Việt Nam | 5 | Học liệu số 1, chương 6,  (mục 6.1- 6.2) | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Bài tập, thảo luận, thực hành | - Bài tập ứng dụng chương 6: Các dạng bài tập xác đinh thuế thu nhập cá nhân phải nộp;  - Chuẩn bị nội dung thảo luận. | 1 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo thời khoá biểu;  Lớp học và ở nhà |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc phần lý thuyết trước khi lên lớp; biết liện hệ, vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tế thông qua những tình huống trong các dạng bài tập chương 6. | 15 | Nghiên cứu học liệu số 1 và làm bài tập ở học liệu 2 | Thư viện,  ở nhà |  |
| Kiểm tra | **Kiểm tra giữa kì** | **1** | Làm bài kiểm tra | Lớp học |  |
|  | **Tín chỉ 3** |  |  |  |  |
|  | **Chương 7: Các sắc thuế khác** | **16** |  |  |  |
| Lý thuyết | 7.1. Thuế bảo vệ môi trường  7.2. Thuế tài nguyên  7.3. Thuế sử dụng đất nông nghiệp  7.4. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | 4 | Học liệu số 1, chương 7,  (mục 7.1- 7.4) | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Bài tập | - Bài tập ứng dụng chương 7: Các dạng bài tập xác đinh các loại thuế khác;  - Chuẩn bị nội dung thảo luận. | 1 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo thời khoá biểu;  Lớp học và ở nhà |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành các bài tập của chương 7. | 11 | Đọc học liệu số 3 và làm bài tập ở học liệu 2 đề nghị giảng viên giải đáp thắc mắc | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 8: Quản lý thuế** | **17** |  |  |  |
| Lý thuyết | 8.1.Tổng quan về quản lý thuế  8.2. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của người nộp thuế theo luật quản lý thuế hiện hành ở Việt Nam | 4 | Học liệu số 1, chương 8,  (mục 8.1- 8.2) | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Bài tập | - Bài tập ứng dụng chương 8  - Chuẩn bị nội dung thảo luận. | 1 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo thời khoá biểu;  Lớp học và ở nhà |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành các bài tập của chương 8. | 12 | Đọc học liệu số 3 và làm bài tập ở học liệu 2 đề nghị giảng viên giải đáp thắc mắc | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 9: Thuế trong hội nhập kinh tế quốc tế** | **17** |  |  |  |
| Lý thuyết | 9.1. Thuế trong các hình thức liên kết kinh tế quốc tế  9.2. Những nguyên tắc hội nhập quốc tế chi phối đến chính sách thuế của quốc gia  9.3. Cam kết về thuế của Việt Nam trong các hiệp định ký kết  9.4. Đánh thuế trùng giữa các quốc gia | 4 | Học liệu số 1, chương 9,  (mục 9.1- 9.4) | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Bài tập | - Bài tập ứng dụng chương 9  - Chuẩn bị nội dung thảo luận. | 1 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo thời khoá biểu;  Lớp học và ở nhà |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành các bài tập của chương 9. | 12 | Đọc học liệu số 3 và làm bài tập ở học liệu 2 đề nghị giảng viên giải đáp thắc mắc | Thư viện,  ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Nguyễn Thị Thanh Hoài (2019), *Giáo trình thuế,* NXB Tài chính.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Nguyễn Thị Liên; Nguyễn Văn Hiệu (2014), *Giáo trình thuế*, NXB Tài chính.

[3] Lê Xuân Trường; Vương Thị Thu Hiền (2013), Câu hỏi và bài tập môn thuế, NXB Tài chính.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn** |
| 1 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 2 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 3 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 4 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 5 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 6 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 7 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 8 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 9 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 10 | 1 | 1 | 1 |  |  | 7 |
| 11 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 12 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 13 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 14 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 15 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| **Tổng cộng** | **30** | **1** | **14** |  |  | **105** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

11.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng bài | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch8 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số 30%;** (Học phần 03 tín chỉ 2 điểm) | | | | | |
| 2 | Bài tập | 30% | Nội dung và chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu (5%) | Ch1 đến Ch8 | 5 |
| Thời gian làm bài đúng quy định (3%) | 3 |
| Bài làm trình bày logic, khoa học (2%) | 2 |
| 3 | Bài kiểm tra tự luận | Theo đáp án, thang điểm của giảng viên | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 4 | Thi tự luận | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1 đến Ch8 | 10 |

**11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi**

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấu trúc đề thi** | **Thời gian làm bài** |
| Đề thi gồm 3 câu:  Câu 1 (3 điểm): Cấp độ biết, hiểu  Câu 2 (3 điểm): Cấp độ biết, hiểu và áp dụng, phân tích  Câu 3 (4 điểm): Cấp độ biết, hiểu và áp dụng, phân tích  Mỗi đề thi đều có nội dung câu hỏi tương ứng tín chỉ 1, 2, 3  Cấp độ nhận thức: 40% biết, hiểu; 60% vận dụng, phân tích | 90 phút |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO**  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

# Tên học phần: Tài chính doanh nghiệp

Mã học phần: KT2.1.018.3

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 3

- Loại học phần: Bắt buộc

- Yêu cầu đầu vào: Tài chính tiền tệ

- Số giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 30

+ Bài tập trên lớp: 13 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 2 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 105

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | ThS.Trần Hương Giang | 0825.138.500 | [huonggiangtq90@gmail.com](mailto:huonggiangtq90@gmail.com) |
| 2 | TS. Vương Thị Bạch Tuyết | 0979.141.352 | [tuyetvtb@utt.edu.vn](mailto:tuyetvtb@utt.edu.vn) |
| 3 | ThS. Trần Thảo Nguyên | 0974.864.888 | [thaonguyentuyenquang@gmail.com](mailto:thaonguyentuyenquang@gmail.com) |
| 4 | ThS. Phạm Trung Nghĩa | 0915.619.689 | [phamnghiatc@gmail.com](mailto:phamnghiatc@gmail.com) |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung*: Người học có những kiến thức và kĩ năng về phân tích và quản trị tài chính doanh nghiệp, tính toán và đánh giá các chỉ tiêu tài chính phục vụ cho việc ra quyết định trong điều hành, quản lý doanh nghiệp.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt1: Người học có được các kiến thức về nội dung, vai trò tài chính doanh nghiệp; Vốn kinh doanh; Nguồn tài trợ; Chi phí sản xuất kinh doanh, giá thành sản phẩm; Tiêu thụ sản phẩm, doanh thu, thu nhập; Thuế và lợi nhuận; Đòn bẩy tài chính, đầu tư dài hạn; Kế hoạch, báo cáo và phân tích tài chính doanh nghiệp..

Mt2: Người học có các kỹ năng tính toán, phân tích và đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp như chi phí, giá thành, doanh thu, thu nhập, điểm hòa vốn, thuế và lợi nhuận của doanh nghiệp; Phân tích các hệ số tài chính đặc trưng của doanh nghiệp dựa trên báo cáo tài chính.

Mt3: Tuân thủ nguyên tắc, phương pháp và quy trình phân tích, quản trị tài chính doanh nghiệp. Chủ động, tích cực và tự chịu trách nhiệm trong học tập và trong công việc. Vận dụng sáng tạo kiến thức về tài chính doanh nghiệp vào công việc.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.018.3 | Tài chính doanh nghiệp | **CĐR 1** | **CĐR 2** | **CĐR 3** | **CĐR 4** | **CĐR 5** | **CĐR 6** |
|  |  |  |  | 2 |  |
| **CĐR 7** | **CĐR 8** | **CĐR 9** | **CĐR10** | **CĐR11** | **CĐR12** |
| 3 |  |  |  |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của HP** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Khái quát được những vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp, vốn kinh doanh và nguồn tài trợ của doanh nghiệp. | CĐR 5 |
| Ch2: Trình bày được nội dung, phương pháp tính các chỉ tiêu chi phí, giá thành, doanh thu, thu nhập, điểm hòa vốn, thuế và lợi nhuận của doanh nghiệp. | CĐR 5 |
| Ch3: Trình bày được khái niệm, ý nghĩa, công thức tính các đòn bẩy tài chính, phương pháp tính các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả đầu tư dài hạn và phân tích tài chính doanh nghiệp. | CĐR 5 |
| **Kỹ năng** | | |
| ***Kĩ năng cứng*** | | |
| Mt2 | Ch4: Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quản trị tài chính doanh nghiệp; Phân loại vốn kinh doanh; Tính toán, xác định được các chỉ tiêu phản ánh nguồn tài trợ của doanh nghiệp. | CĐR 7 |
| Ch5: Tính toán và phân tích các chỉ tiêu phản ánh chi phí, giá thành, doanh thu, thu nhập, điểm hòa vốn, thuế và lợi nhuận của doanh nghiệp. | CĐR 7 |
|  | Ch6: Tính toán và phân tích các chỉ tiêu về đòn bẩy tài chính; đánh giá hiệu quả đầu tư dài hạn của doanh nghiệp; Phân tích các hệ số tài chính đặc trưng của doanh nghiệp dựa trên báo cáo tài chính. | CĐR 7 |
| ***Kĩ năng mềm*** | | |
| Mt2 | Ch7: Làm việc độc lập, sáng tạo, chủ động giải quyết vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn kế toán tài chính. Có kỹ năng tư duy, phán đoán, đánh giá các vấn đề tài chính phục vụ cho việc ra quyết định trong quản lý, điều hành doanh nghiệp. | CĐR 7 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt3 | Ch8: Chấp hành nguyên tắc và phương pháp tính toán, phân tích và đánh giá tài chính doanh nghiệp; hình thành năng lực tự chủ, tự học, tự nghiên cứu. | CĐR 7 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung kiến thức** | | **Kiến thức** | | | | **Kĩ năng** | | | **Mức độ TC và TN** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cứng** | | **Mềm** |
| **Chương** | **Nội dung** | **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch 3** | **Ch 4** | **Ch 5** | **Ch 6** | **Ch 7** | **Ch 8** |
| Chương 1.Tổng quan về tài chính doanh nghiệp | 1.1. Bản chất của tài chính doanh nghiệp | 2 |  |  | 2 |  |  |  | 1 | Thuyết trình; Giảng giải; Đàm thoại; Thảo luận. |
| 1.2. Chức năng và vai trò của tài chính doanh nghiệp | 2 |  |  | 2 |  |  |  | 1 |
| 1.3. Tổ chức tài chính doanh nghiệp | 2 |  |  | 2 |  |  | 2 |  |
| 1.4. Quản trị tài chính doanh nghiệp | 2 |  |  | 2 |  |  | 2 |  |
| Chương 2. Vốn kinh doanh của doanh nghiệp | 2.1. Tổng quan về vốn kinh doanh | 2 |  |  | 2 |  |  |  | 1 | Thuyết trình; Giảng giải; Đàm thoại; Thảo luận; Bài tập. |
| 2.2. Vốn lưu động | 2 |  |  | 2 |  |  |  | 2 |
| 2.3. Vốn cố định | 2 |  |  | 2 |  |  |  | 2 |
| 2.4. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn | 2 |  |  | 2 |  |  | 2 |  |
| Chương 3. Nguồn tài trợ của doanh nghiệp | 3.1. Các khoản vay, nợ phải trả | 2 |  |  | 2 |  |  | 2 |  | Thuyết trình; Giảng giải; Đàm thoại; Nêu vấn đề; Bài tập. |
| 3.2. Nguồn vốn chủ sở hữu | 2 |  |  | 2 |  |  | 2 |  |
| 3.3. Phát hành trái phiếu | 2 |  |  | 2 |  |  | 2 |  |
| 3.4. Phát hành cổ phiếu | 2 |  |  | 2 |  |  | 2 |  |
| Chương 4. Chi phí sản xuất kinh doanh, giá thành sản phẩm của doanh nghiệp | 4.1. Chi phí sản xuất kinh doanh |  | 2 |  |  | 2 |  |  | 2 | Thuyết trình; Giảng giải; Đàm thoại; Bài tập. |
| 4.2. Giá thành sản phẩm |  | 2 |  |  | 2 |  |  | 2 |
| 4.3. Lập kế hoạch chi phí, giá thành |  | 2 |  |  | 2 |  |  | 2 |
| Chương 5. Tiêu thụ sản phẩm, doanh thu, thu nhập của doanh nghiệp | 5.1. Tiêu thụ sản phẩm |  | 2 |  |  | 2 |  |  | 2 | Thuyết trình; Giảng giải; Đàm thoại; Thảo luận nhóm; Bài tập. |
| 5.2. Doanh thu, thu nhập |  | 2 |  |  | 2 |  |  | 2 |
| 5.3. Ứng xử giá cả |  | 2 |  |  | 2 |  | 2 |  |
| 5.4. Xác định điểm hòa vốn |  | 2 |  |  | 2 |  |  | 2 |
| Chương 6. Thuế và lợi nhuận của doanh nghiệp | 6.1. Các loại thuế chủ yếu của doanh nghiệp |  | 2 |  |  | 2 |  |  | 2 | Thuyết trình; Giảng giải; Đàm thoại; Bài tập. |
| 6.2. Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận |  | 2 |  |  | 2 |  |  | 2 |
| Chương 7. Đòn bẩy tài chính, đầu tư dài hạn của doanh nghiệp | 7.1. Hệ thống đòn bẩy tài chính |  |  | 2 |  |  | 3 | 2 |  | Thuyết trình; Giảng giải; Đàm thoại;Bài tập. |
| 7.2. Đầu tư dài hạn của doanh nghiệp |  |  | 2 |  |  | 3 |  | 2 |
| Chương 8. Kế hoạch, báo cáo và phân tích tài chính doanh nghiệp | 8.1. Kế hoạch tài chính doanh nghiệp |  |  | 2 |  |  | 3 |  | 2 | Thuyết trình; Giảng giải; Bài tập. |
| 8.2. Báo cáo tài chính doanh nghiệp |  |  | 2 |  |  | 3 |  | 2 |
| 8.3. Phân tích tài chính doanh nghiệp |  |  | 2 |  |  | 3 |  | 2 |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp, giúp người học hình thành các kỹ năng trong tính toán, phân tích và đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp, đồng thời có khả năng tổ chức và quản trị hoạt động tài chính doanh nghiệp hiệu quả. Các nội dung chủ yếu được đề cập trong học phần này bao gồm: Tổng quan về tài chính doanh nghiệp; Vốn kinh doanh; Nguồn tài trợ; Chi phí sản xuất kinh doanh, giá thành sản phẩm; Tiêu thụ sản phẩm, doanh thu, thu nhập; Thuế và lợi nhuận; Đòn bẩy tài chính, đầu tư dài hạn; Kế hoạch, báo cáo và phân tích tài chính doanh nghiệp.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu**  **đối với**  **sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ 1** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 1.Tổng quan về tài chính doanh nghiệp** | **16** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Bản chất của tài chính doanh nghiệp  1.2. Chức năng và vai trò của tài chính doanh nghiệp  1.3. Tổ chức tài chính doanh nghiệp  1.4. Quản trị tài chính doanh nghiệp | 4 | Đọc học liệu số 1;  Nghe giảng, ghi chép, trả lời các câu hỏi, bài tập. | Theo TKB; Lớp học |  |
| Bài tập | Câu hỏi, bài tập Chương 1 | 1 | Vận dụng kiến thức để trả lời các câu hỏi, bài tập Chương 1 theo ĐCBG của giảng viên. | Theo TKB; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi lên lớp; Hoàn thành câu hỏi, bài tập giao nhiệm vụ về nhà sau từng buổi học. | 11 | Nghiên cứu lý thuyết; Vận dụng làm các câu hỏi, bài tập; Chuẩn bị những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 2. Vốn kinh doanh của doanh nghiệp** | **17** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Tổng quan về vốn kinh doanh  2.2. Vốn lưu động  2.3. Vốn cố định  2.4. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn | 3 | Đọc học liệu số 1;  Nghe giảng, ghi chép, trả lời các câu hỏi, bài tập. | Theo TKB; Lớp học |  |
| Bài tập | Câu hỏi, bài tập Chương 2 | 2 | Vận dụng kiến thức để trả lời các câu hỏi, bài tập Chương 2 theo ĐCBG của giảng viên. | Theo TKB; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi lên lớp; Hoàn thành câu hỏi, bài tập giao nhiệm vụ về nhà sau từng buổi học. | 12 | Nghiên cứu lý thuyết; Vận dụng làm các câu hỏi, bài tập; Chuẩn bị những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 3. Nguồn tài trợ của doanh nghiệp** | **17** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1. Các khoản vay, nợ phải trả  3.2. Nguồn vốn chủ sở hữu  3.3. Phát hành trái phiếu  3.4. Phát hành cổ phiếu | 3 | Đọc học liệu số 1;  Nghe giảng, ghi chép, trả lời các câu hỏi, bài tập. | Theo TKB; Lớp học |  |
| Bài tập | Câu hỏi, bài tập Chương 3 | 2 | Vận dụng kiến thức để trả lời các câu hỏi, bài tập Chương 3 theo ĐCBG của giảng viên. | Theo TKB; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi lên lớp; Hoàn thành câu hỏi, bài tập giao nhiệm vụ về nhà sau từng buổi học. | 12 | Nghiên cứu lý thuyết; Vận dụng làm các câu hỏi, bài tập; Chuẩn bị những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |  |
|  | **Chương 4. Chi phí sản xuất kinh doanh, giá thành sản phẩm của doanh nghiệp** | **16** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1. Chi phí sản xuất kinh doanh  4.2. Giá thành sản phẩm  4.3. Lập kế hoạch chi phí, giá thành | 4 | Đọc học liệu số 1;  Nghe giảng, ghi chép, trả lời các câu hỏi, bài tập. | Theo TKB; Lớp học |  |
| Bài tập | Câu hỏi, bài tập Chương 4 | 1 | Vận dụng kiến thức để trả lời các câu hỏi, bài tập Chương 4 theo ĐCBG của giảng viên. | Theo TKB; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi lên lớp; Hoàn thành câu hỏi, bài tập giao nhiệm vụ về nhà sau từng buổi học. | 11 | Nghiên cứu lý thuyết; Vận dụng làm các câu hỏi, bài tập; Chuẩn bị những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 5. Tiêu thụ sản phẩm, doanh thu, thu nhập của doanh nghiệp** | **17** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1. Tiêu thụ sản phẩm  5.2. Doanh thu, thu nhập  5.3. Ứng xử giá cả  5.4. Xác định điểm hòa vốn | 3 | Đọc học liệu số 1;  Nghe giảng, ghi chép, trả lời các câu hỏi, bài tập. | Theo TKB; Lớp học |  |
| Bài tập | Câu hỏi, bài tập Chương 5 | 2 | Vận dụng kiến thức để trả lời các câu hỏi, bài tập Chương 5 theo ĐCBG của giảng viên. | Theo TKB; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi lên lớp; Hoàn thành câu hỏi, bài tập giao nhiệm vụ về nhà sau từng buổi học. | 12 | Nghiên cứu lý thuyết; Vận dụng làm các câu hỏi, bài tập; Chuẩn bị những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 6. Thuế và lợi nhuận của doanh nghiệp** | **17** |  |  |  |
| Lý thuyết | 6.1. Các loại thuế chủ yếu của doanh nghiệp  6.2. Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận | 3 | Đọc học liệu số 1;  Nghe giảng, ghi chép, trả lời các câu hỏi, bài tập. | Theo TKB; Lớp học |  |
| Bài tập | Câu hỏi, bài tập Chương 6 | 1 | Vận dụng kiến thức để trả lời các câu hỏi, bài tập Chương 6 theo ĐCBG của giảng viên. | Theo TKB; Lớp học |  |
| Kiểm tra | **Bài kiểm tra số 1** | 1 | Vận dụng kiến thức đã học làm bài kiểm tra | Theo TKB; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi lên lớp; Hoàn thành câu hỏi, bài tập giao nhiệm vụ về nhà sau từng buổi học. | 12 | Nghiên cứu lý thuyết; Vận dụng làm các câu hỏi, bài tập; Chuẩn bị những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 3** |  |  |  |  |
|  | **Chương 7. Đòn bẩy tài chính, đầu tư dài hạn của doanh nghiệp** | **24** |  |  |  |
| Lý thuyết | 7.1. Hệ thống đòn bẩy tài chính  7.2. Đầu tư dài hạn của doanh nghiệp | 5 | Đọc học liệu số 1;  Nghe giảng, ghi chép, trả lời các câu hỏi, bài tập. | Theo TKB; Lớp học |  |
| Bài tập | Câu hỏi, bài tập Chương 7 | 2 | Vận dụng kiến thức để trả lời các câu hỏi, bài tập Chương 7 theo ĐCBG của giảng viên. | Theo TKB; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi lên lớp; Hoàn thành câu hỏi, bài tập giao nhiệm vụ về nhà sau từng buổi học. | 17 | Nghiên cứu lý thuyết; Vận dụng làm các câu hỏi, bài tập; Chuẩn bị những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 8. Kế hoạch, báo cáo và phân tích tài chính doanh nghiệp** | **26** |  |  |  |
| Lý thuyết | 8.1. Kế hoạch tài chính doanh nghiệp  8.2. Báo cáo tài chính doanh nghiệp  8.3. Phân tích tài chính doanh nghiệp | 5 | Đọc học liệu số 1;  Nghe giảng, ghi chép, trả lời các câu hỏi, bài tập. | Theo TKB; Lớp học |  |
| Bài tập | Câu hỏi, bài tập Chương 8 | 2 | Vận dụng kiến thức để trả lời các câu hỏi, bài tập Chương 8 theo ĐCBG của giảng viên. | Theo TKB; Lớp học |  |
| Kiểm tra | **Bài kiểm tra số 2** | 1 | Vận dụng kiến thức đã học làm bài kiểm tra | Theo TKB; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi lên lớp; Hoàn thành câu hỏi, bài tập giao nhiệm vụ về nhà sau từng buổi học. | 18 | Nghiên cứu lý thuyết; Vận dụng làm các câu hỏi, bài tập; Chuẩn bị những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

***9.1. Tài liệu bắt buộc***

[1] Nguyễn Đình Kiệm (2012), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp*, NXB Tài chính, Hà Nội.

[2] TS. Trần Thị Diên (2023), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp*, NXB Tài Chính, Hà Nội

***9.2. Tài liệu tham khảo***

[2] Bùi Văn Vần, Vũ Văn Ninh (2013), Giáo trình tài chính doanh nghiệp, NXB Tài chính, Hà Nội.

[3] Bùi Văn Vần (2009), *Hệ thống câu hỏi và bài tập Tài chính doanh nghiệp*, NXB Tài chính, Hà Nội.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn** |
| 1 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 2 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 3 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 4 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 5 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 6 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 7 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 8 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 9 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 10 | 2 | 1 |  |  |  | 7 |
| 11 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 12 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 13 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 14 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 15 | 2 | 1 |  |  |  | 7 |
| **Tổng cộng** | **30** | **2** | **13** |  |  | **105** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch8 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Bài kiểm tra | 30% | Bài kiểm tra số 1:  - Hình thức: Tự luận  - Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc tín chỉ 1, tín chỉ 2.  - Đánh giá: Theo thang điểm, đáp án của giảng viên. | Ch1, Ch2, Ch4, Ch5, Ch7, Ch8 | 10 |
| Bài kiểm tra số 2:  - Hình thức: Tự luận  - Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc tín chỉ 3.  - Đánh giá: Theo thang điểm, đáp án của giảng viên. | Ch3, Ch6, Ch7, Ch8 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Thi trắc nghiệm | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Từ Ch1 đến Ch8 | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ** | **Cấp độ nhận thức** | | | **Tổng** | **Điểm** | **Thời gian thi** |
| **Nhớ- Hiểu (60%)** | **Vận dụng – Phân tích (20%)** | **Đánh giá – Sáng tạo (20%)** |
| **Tín chỉ 1** | 10 | 3 | 2 | 15 | **3.0** | **75 phút** |
| **Tín chỉ 2** | 10 | 2 | 3 | 15 | **3.0** |
| **Tín chỉ 3** | 10 | 5 | 5 | 20 | **4.0** |
| **Tổng số câu** | **30** | **10** | **10** | **50** | **10.0** |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | | | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Luật và chuẩn mực kế toán

Mã học phần: KT2.1.004.3

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 03

- Loại học phần: Tự chọn

- Yêu cầu đầu vào: Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 30 giờ

+ Bài tập trên lớp: 13 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 02 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 105 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa kinh tế VÀ QTKD

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | ThS. Nguyễn Thị Kim Ngân | 0988.798.307 | Ngankim30788@gmail.com |
| 2 | ThS. Nguyễn Thúy Hằng | 0354.541.996 | Nguyenhangktoan.tq@gmail.com |
| 3 | TS. Phạm Duy Hưng | 0965.523.368 | Pdhung@tqu.edu.vn |
| 4 | TS. Đỗ Hải Yến | 0987.423.415 | [landtl17a.hua@gmail.com](mailto:landtl17a.hua@gmail.com) |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:*Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về Luật kế toán và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

-  *Mục tiêu cụ thể:*

Mt1: Khái quát các kiến thức cơ bản về luậtkế toán và một số chuẩn mực kế toán Việt Nam .

Mt 2: Vận dụng được các quy định của Luật kế toán và Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành vào hoạt động chuyên môn nghề nghiệp kế toán. Thực hiện tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán trong đơn vị theo Luật kế toán.

Mt 3: Áp dụng các căn cứ pháp lý hiện hành trong các tình huống xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán

Mt 4: Có năng lực tự chủ, tự học tự nghiên cứu nhằm thực hiện đúng đắn trách nhiệm của công dân với các quy định của pháp luật; làm việc khoa học và quản lý hiệu quả các hoạt động liên quan đến lĩnh vực kế toán; Từng bước rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.004.3 | Luật và chuẩn mực kế toán | CĐR 1 | CĐR 2 | CĐR 3 | CĐR 4 | CĐR 5 | CĐR 6 |
|  |  |  | 2 |  |  |
| CĐR 7 | CĐR 8 | CĐR 9 | CĐR 10 | CĐR 11 | CĐR 12 |
|  |  |  |  | 2 |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

| **Mục tiêu**  **của HP** | **Chuẩn đầu ra của học phần** | **CĐR**  **của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Tóm tắt tổng quan về kế toán và luật kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam. | CĐR 4 |
| Ch2: Diễn giải các quy định của luật điều chỉnh nội dung trong công tác kế toán, luật về tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán, địa vị pháp lý của kế toán trưởng và người làm kế toán. | CĐR 4 |
| Ch3: Khái quát kiến thức về một số chuẩn mực kế toán Việt Nam cơ bản. Quản lý nhà nước về xử lý vi phạm trong lĩnh vực kế toán. | CĐR 4 |
| **Kỹ năng** | | |
| ***Kĩ năng cứng*** | | |
| Mt2 | Ch4: Thực hiện tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán trong đơn vị theo Luật kế toán hiện hành. | CĐR 4,11 |
| Ch5: Áp dụng các căn cứ pháp lý hiện hành để hạch toán kế toán và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán. | CĐR 4,11 |
| ***Kĩ năng mềm*** | | |
| Mt3 | Ch6: Vận dụng các căn cứ pháp lý hiện hành để thực hiện các nội dung của công tác kế toán trong đơn vị. | CĐR 4,11 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt4 | Ch7: Thể hiện tinh thần học tập, nghiên cứu tích cực; Luôn chủ động cập nhật những văn bản pháp luật mới. | CĐR 11 |
| Ch8: Chấp hành các quy định của Luật và Chuẩn mực kế toán; làm việc khoa học và quản lý hiệu quả các hoạt động liên quan đến lĩnh vực kế toán; Từng bước rèn luyện đạo đức nghề nghiệp. | CĐR 11 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | **Kĩ năng** | | | **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Nội dung** | ***Cứng*** | | ***Mềm*** |
| **Ch1** | **Ch2** | **Ch3** | **Ch4** | **Ch5** | **Ch6** | **Ch7** | **Ch8** |  |
| **Chương 1**  **Khái quát về kế toán và pháp luật kế toán Việt Nam** | 1.1.Khái quát về kế toán | 1 |  |  |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 1.2.Hệ thống pháp luật về kế toán | 2 |  |  |  |  |  |  | 2 |
| **Chương 2**  **Luật điều chỉnh nội dung của công tác kế toán** | 2.1. Các quy định của luật về chứng từ kế toán |  | 2 |  |  |  | 2 | 2 |  | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 2.2. Các quy định của luật về tài khoản kế toán và sổ kế toán |  | 2 |  |  |  | 2 | 2 |  |
| 2.3. Các quy định của luật về báo cáo tài chính |  | 2 |  |  |  | 2 | 2 |  |
| 2.4. Các quy định của luật về hoạt động kiểm tra kế toán. |  | 2 |  |  |  | 2 | 2 |  |
| 2.5. Các quy định của luật về kiểm kế tài sản, bảo quản và lưu trữ tài liệu kế toán |  | 2 |  |  |  | 2 | 2 |  |
| 2.6.Công việc của kế toán trong trường hợp đơn vị kế toán chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản. |  | 2 |  |  |  | 2 | 2 |  |
| **Chương 3**  **Luật về tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán** | 3.1. Tổ chức bộ máy kế toán |  | 2 |  | 2 |  |  |  | 2 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 3.2. Địa vị pháp lý của người làm kế toán |  | 2 |  | 3 |  |  |  | 2 |
| 3.3. Địa vị pháp lý của Kế toán trưởng |  | 2 |  | 3 |  |  |  | 2 |
| 3.4. Hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán. |  | 2 |  | 3 |  |  |  | 3 |
| **Chương 4**  **Khái quát về chuẩn mực kế toán** | 4.1.Tổng quan về chuẩn mực kế toán |  |  | 2 |  | 3 |  |  | 2 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 4.2. Giới thiệu các chuẩn mực kế toán cơ bản |  |  | 2 |  | 2 | 2 |  |  |
| **Chương 5**  **Quản lý nhà nước xử lý vi phạm trong lĩnh vực kế toán** | 5.1. Quản lý nhà nước về kế toán |  |  | 2 |  | 2 |  | 1 |  | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 5.2. Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán |  |  | 2 |  | 2 |  | 3 |  |
| 5.3. Hành vi vi phạm, hình thức và mức xử phạt trong lĩnh vực kế toán |  |  | 2 |  | 2 |  | 3 |  |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần nghiên cứu các vấn đề cơ bản về hệ thống các văn bản pháp quy về kế toán (luật điều chỉnh nội dung của công tác kế toán, luật về tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán), khái quát về chuẩn mực kế toán Việt Nam, quản lý nhà nước về kế toán và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về kế toán.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu**  **đối với**  **sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Chương 1: Khái quát về kế toán và pháp luật kế toán Việt Nam** | **23** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Khái quát về kế toán  kế toán  1.2. Hệ thống pháp luật về kế toán | 5 | Nghiên cứu học liệu số 1: Luật kế toán | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập tình huống chương 1 | 1 | Nắm vững lý thuyết, vận dụng xử lý tình huống | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học,nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời các câu hỏi | 17 | Nghiên cứu tài liệu | Thư viện,Ở nhà |  |
|  | **Chương 2: Luật điều chỉnh nội dung của công tác kế toán** | **27** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Các quy định của luật về chứng từ kế toán  2.2. Các quy định của luật về tài khoản kế toán và sổ kế toán  2.3. Các quy định của luật về báo cáo tài chính  2.4. Các quy định của luật về hoạt động kiểm tra kế toán  2.5. Các quy định của luật về kiểm kế tài sản, bảo quản và lưu trữ tài liệu kế toán  2.6.Công việc của kế toán trong trường hợp đơn vị kế toán chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản. | 7 | Nghiên cứu học liệu số 1 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập tình huống nội dung chương 2 | 2 | Nắm vững lý thuyết, vận dụng xử lý tình huống | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng, chuẩn bị các vấn đề cần giải đáp | 18 | Nghiên cứu lý thuyết, chỉ ra vấn đề cần giải đáp | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |  |
|  | **Chương 3: Luật về tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán** | **25** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1. Tổ chức bộ máy kế toán  3.2. Địa vị pháp lý của người làm kế toán  3.3. Địa vị pháp lý của Kế toán trưởng  3.4. Hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán. | 4 | Nghiên cứu học liệu số 1 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập, kiểm tra | Bài tập tình huống chương 3  Kiểm tra | 3 | Nắm vững lý thuyết, vận dụng xử lý tình huống | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; đề xuất các vấn đề cần giải đáp | 18 | Nghiên cứu, chỉ ra vấn đề cần giải đáp | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 4: Khái quát về chuẩn mực kế toán** | **25** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1.Tổng quan về chuẩn mực kế toán  4.2. Giới thiệu các chuẩn mực kế toán cơ bản | 5 | Nghiên cứu học liệu số 2: Các chuẩn mực có liên quan | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập tình huống chương 4 | 3 | Nắm vững lý thuyết, vận dụng xử lý tình huống | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; | 17 | Nghiên cứu lý thuyết, chỉ ra vấn đề cần giải đáp | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 3** |  |  |  |  |
|  | **Chương 5: Quản lý Nhà nước, xử lý vi phạm trong lĩnh vực kế toán** | **50** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1. Quản lý nhà nước về kế toán  5.2. Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán  5.3. Hành vi vi phạm, hình thức và mức xử phạt trong lĩnh vực kế toán | 9 | Nghiên cứu học liệu số 1, 3 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập, kiểm tra | Bài tập tình huống chương 5  Kiểm tra | 6 | Nắm vững lý thuyết, vận dụng xử lý tình huống | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng | 35 | Nghiên cứu lý thuyết, chỉ ra vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Quốc hội XIII (2015), *Luật Kế toán số 88*, NXB Tài chính.

[2] Bộ Tài chính (2015), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam*, NXB Lao động - Xã hội.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[3] Chính phủ (2018), *Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập*, ban hành theo Nghị định 41/2018/NĐ–CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ.

[4]Chính phủ (2016), Q*uy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán số 88/2015, Ban hành theo Nghị định 174/2016/NĐ-CP.*

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn** |
| 1 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 2 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 3 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 4 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 5 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 6 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 7 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 8 | 2 | 1 |  |  |  | 7 |
| 9 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 10 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 11 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 12 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 13 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 14 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 15 |  | 1 | 2 |  |  | 7 |
| **Tổng cộng** | **30** | **2** | **13** |  |  | **105** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch8 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Bài kiểm tra thường xuyên  ( 02 bài) | 30% | Bài 1: bài tập nhóm/ tiểu luận  Tiêu chí đánh giá:   * Thời gian, nội dung và chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu (60%)   - Năng lực hợp tác, tương tác, chia sẻ,kỹ năng thao tác và năng lực trình bày báo cáo (20%)  Trình bày khoa học, đúng quy định (20%) | Ch1 đến Ch8 | 10 |
| Bài 2: Bài kiểm tra trắc nghiệm.  Tiêu chí đánh giá: theo thang điểm, đáp án của giảng viên |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Trắc nghiệm | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1đến Ch 8 | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ** | **Cấp độ nhận thức** | | **Tổng** | **Điểm** | **Thời gian thi** |
| **Biết/ Hiểu (40%)** | **Vận dụng/ Phân tích (60%)** |
| Tín chỉ 1 | 6 | 9 | 15 | 3 | 60 phút |
| Tín chỉ 2 | 6 | 9 | 15 | 3 |
| Tín chỉ 3 | 8 | 12 | 20 | 4 |
| Tổng số câu | **20** | **30** | **50** | **10** |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | | | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** | |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO**  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** | |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Thanh toán quốc tế

Mã học phần: KT2.1.032.3

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 03

- Loại học phần: Tự chọn

-Yêu cầu đầu vào (Điều kiện tiên quyết): Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 30 giờ

+ Bài tập trên lớp: 13 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 02 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 105 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | TS. Đỗ Hải Yến | 0978457229 | [dohaiyentq@gmail.com](mailto:dohaiyentq@gmail.com) |
| 2 | ThS. Hoàng Anh Đào | 0979477846 | [hoanganhdaok47ftu@gmail.com](file:///E:\tra\Đề%20cương%20chỉnh%20sửa%20lần%202\copy\hoanganhdaok47ftu@gmail.com) |
| 3 | ThS. Phạm Trung Nghĩa | 0943301678 | [phamnghiatc@gmail.com](mailto:phamnghiatc@gmail.com) |
| 4 | TS. Nguyễn Hữu Dũng | 0912644087 | [huudungkh@gmail.com](file:///E:\tra\Đề%20cương%20chỉnh%20sửa%20lần%202\copy\huudungkh@gmail.com) |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*Mục tiêu chung:* Sau khi học xong học phần này, người học sẽ có nền tảng kiến thức về thanh toán quốc tế trong ngoại thương và có khả năng vận dụng trong công việc chuyên môn có yếu tố nước ngoài.

*Mục tiêu cụ thể:*

Mt1: Có kiến thức tổng quan về thanh toán quốc tế, hợp đồng thương mại quốc tế, điều kiện trong thương mại quốc tế và tài trợ ngoại thương.

Mt 2: Khái quát các nội dung về bộ chứng từ, các phương tiện và phương thức thanh toán quốc tế phổ biến trong ngoại thương.

Mt 3: Sử dụng linh hoạt các kỹ năng mềm trong việc đọc hiểu, diễn dịch và soạn thảo một số điều khoản cơ bản trong hợp đồng ngoại thương.

Mt 4: Có thái độ, động cơ học tập tích cực; nhận thức và thực hiện đúng đắn trách nhiệm của công dân với các quy định trong thanh toán quốc tế.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.032.3 | Thanh toán quốc tế | CĐR 1 | CĐR 2 | CĐR 3 | CĐR 4 | CĐR 5 | CĐR 6 |
|  | 2 |  |  |  |  |
| CĐR 7 | CĐR 8 | CĐR 9 | CĐR 10 | CĐR 11 | CĐR 12 |
|  |  |  | 1 |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của HP** | **CĐR của CTĐT** |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Hiểu được các khái niệm cơ bản trong thanh toán quốc tế, các nội dung về hợp đồng ngoại thương, các điều kiện thương mại quốc tế (Incoterms) và tài trợ thương mại quốc tế. | CĐR 2 |
| Mt 2 | Ch2: Giải thích được các kiến thức liên quan đến bộ chứng từ trong thương mại quốc tế và các phương tiện thanh toán quốc tế chủ yếu. |
| Ch3: Khái quát được kiến thức về các phương thức thanh toán quốc tế phổ biến: Các phương thức thanh toán không có tập quán quốc tế điều chỉnh, phương thức nhờ thu và phương thức tín dụng chứng từ. |
| **Kỹ năng** | | |
| Mt 3 | ***Kỹ năng cứng*** | |
| Ch4: Vận dụng các điều kiện trong thương mại quốc tế giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tế hoạt động ngoại thương. | CĐR 2, CĐR 10 |
| Ch5: Soạn thảo và diễn giải các điều khoản thanh toán trong hợp đồng thương mại quốc tế. |
| ***Kỹ năng mềm*** | |
| Ch6: Sử dụng các kỹ năng thảo luận nhóm, thuyết trình và tiếng Anh trong đọc hiểu hợp đồng ngoại thương và chứng từ thanh toán quốc tế. | CĐR 10 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt 4 | Ch7: Có thái độ, động cơ tự học, tự nghiên cứu tích cực; nhận thức và thực hiện tốt trách nhiệm của công dân với các quy định trong thanh toán quốc tế. | CĐR 2 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | **Kĩ năng** | | | **Mức độ TC và TN** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Nội dung** | **Cứng** | | **Mềm** |
| **Ch1** | **Ch 2** | **Ch3** | **Ch 4** | **Ch 5** | **Ch 6** | **Ch 7** |
| **Chương 1**  **Tổng quan về Thanh toán quốc tế** | 1.1. Khái niệm và đặc điểm của thanh toán quốc tế | 1 |  |  |  |  |  |  | Thuyết trình |
| 1.2. Vai trò của thanh toán quốc tế | 2 |  |  |  |  |  | 2 | Giải quyết vấn đề |
| 1.3. Hệ thống văn bản pháp lý điều chỉnh thanh toán quốc tế | 2 |  |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình |
| 1.4. Điều kiện thanh toán quốc tế | 2 |  |  |  |  | 2 | 2 |
| 1.5. Các bên liên quan đến thanh toán quốc tế | 1 |  |  |  | 2 |  | 2 | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm |
| **Chương 2**  **Hợp đồng ngoại thương** | 2.1. Khái niệm và đặc điểm | 2 |  |  |  |  |  |  | Thuyết trình |
| 2.2. Kết cấu nội dung của hội đồng ngoại thương | 2 |  |  |  | 2 |  | 2 | Thuyết trình, Đóng vai, NC tình huống |
| 2.3 Mẫu hợp đồng ngoại thương | 1 |  |  |  |  | 2 | 2 |
| **Chương 3 Điều kiện thương mại quốc tế** | 3.1. Những vấn đề cơ bản về Incoterms | 1 |  |  | 1 |  |  |  | Thuyết trình |
| 3.2. Incorterms 2010 | 1 |  |  | 1 |  |  |  | Thuyết trình, NC trường hợp |
| 3.3. 11 quy tắc thương mại của Incoterms 2010 | 2 |  |  | 2 |  | 2 |  |
| **Chương 4**  **Chứng từ thương mại trong thanh toán quốc tế** | 4.1. Chứng từ vận tải |  | 2 |  |  |  | 2 |  | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm, NC tình huống |
| 4.2. Chứng từ bảo hiểm hàng hóa |  | 2 |  |  |  | 2 |  |
| 4.3. Các chứng từ về hàng hóa |  | 2 |  |  |  | 2 |  |
| **Chương 5**  **Phương tiện thanh toán quốc tế** | 5.1. Quá trình hình thành và phát triển của thương hiệu |  | 1 |  |  |  |  |  | Thuyết trình |
| 5.2. Hối phiếu nhận nợ |  | 1 |  | 2 |  |  | 2 | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm |
| 5.3. Hối phiếu đòi nợ |  | 1 |  | 2 |  |  | 2 |
| 5.4. Séc |  | 1 |  | 2 |  |  | 2 |
| **Chương 6**  **Phương thức thanh toán không có tập quán quốc tế điều chỉnh** | 6.1. Phương thức chuyển tiền |  |  | 1 | 2 | 2 |  |  | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm, NC tình huống |
| 6.2. Phương thức ghi sổ |  |  | 1 | 2 | 2 |  |  |
| 6.3. Phương thức ứng trước |  |  | 1 | 2 | 2 |  |  |
| 6.4. Phương thức thư ủy thác mua |  |  | 1 | 2 | 2 |  |  |
| 6.5. Phương thức nhận hàng trả tiền ngay |  |  | 1 | 2 | 2 |  |  |
| **Chương 7**  **Phương thức nhờ thu** | 7.1. Khái niệm và văn bản pháp lý nhờ thu | 1 |  | 1 |  |  | 2 |  | Thuyết trình |
| 7.2. Các bên tham gia và mối quan hệ |  |  | 2 |  |  | 2 | 2 | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm, NC tình huống |
| 7.3. Các loại nhờ thu và quy trình nghiệp vụ |  |  | 2 |  | 2 |  | 2 |
| 7.4. Quy trình nhờ thu của ngân hàng thương mại |  |  | 2 | 2 | 2 |  |  |
| **Chương 8**  **Phương thức tín dụng chứng từ** | 8.1. Khái niệm và giải thích thuật ngữ | 1 |  |  |  |  |  |  | Thuyết trình |
| 8.2. Đặc điểm của giao dịch L/C và phân loại L/C |  |  | 2 |  |  | 2 |  |
| 8.3. Văn bản pháp lý điều chỉnh giao dịch L/C |  |  | 2 |  |  |  | 2 | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm |
| 8.4. Quy trình nghiệp vụ L/C |  |  | 2 |  | 2 |  | 2 |
| 8.5. Những nội dung chủ yếu của L/C |  |  | 2 | 2 | 2 |  |  | Thuyết trình |
| **Chương 9**  **Tài trợ thương mại quốc tế** | 9.1. Phạm vi tài trợ thương mại quốc tế | 1 |  |  |  |  | 2 |  | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm, NC tình huống |
| 9.2. Tài trợ trên cơ sở hợp đồng XNK | 2 |  |  |  |  | 2 | 2 |
| 9.3. Tài trợ theo phương thức thanh toán nhờ thu | 2 |  |  |  |  | 2 |  |
| 9.4. Tài trợ theo phương thức tín dụng chứng từ | 2 |  |  |  |  | 2 |  |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức căn bản về thanh toán quốc tế trong hoạt động ngoại thương bao gồmhợp đồng ngoại thương, các điều kiện thương mại quốc tế, các thủ tục chứng từ, các phương tiện, phương thức thanh toán quốc tế cũng như các vấn đề liên quan đến tài trợ thương mại quốc tế.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu**  **đối với**  **sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tín chỉ 1 | |  |  |  |  |
|  | Chương 1. Tổng quan về thanh toán quốc tế | **10** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Khái niệm và đặc điểm thanh toán quốc tế  1.2. Vai trò của thanh toán quốc tế  1.3. Hệ thống văn bản pháp lý điều chỉnh thanh toán quốc tế  1.4. Điều kiện thanh toán quốc tế  1.5. Các bên liên quan đến thanh toán quốc tế | 2 | - Học liệu số 1: chương 1  - Tham khảo học liệu số 2,3. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 1 | 1 | Nắm vững lý thuyết chương 1; vận dụng giải bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Tự đọc, tự nghiên cứu mục 1.5. Ngân hàng đại lý, tài khoản Nostro và Vostro [1]  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi và giải bài tập. | 7 | Đọc lý thuyết và chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 2: Hợp đồng ngoại thương** | **20** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Khái niệm và đặc điểm  2.2. Kết cấu nội dung của hợp đồng ngoại thương  2.3 Mẫu hợp đồng ngoại thương | 3 | - Học liệu số 1: chương 2  - Tham khảo học liệu số 2,3. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 2 | 3 | Nắm lý thuyết chương 2; vận dụng giải bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi và giải bài tập. | 14 | Đọc lý thuyết và chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | Chương 3. Điều kiện thương mại quốc tế | **20** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1 Những vấn đề cơ bản về Incoterms  3.2 Incoterms 2010  3.3. 11 quy tắc thương mại của Incoterms 2010 | 3 | - Học liệu số 1: Chương 3  - Tham khảo học liệu số 2,3. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập, kiểm tra | 1. Câu hỏi và bài tập chương 3  2. Kiểm tra thường xuyên số 1 (Hình thức: Bài kiểm tra, Bài tập cá nhân, Bài tập nhóm,...) | 3 | - Nắm vững lý thuyết chương 3 và vận dụng giải bài tập.  - Kiểm tra. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi và giải bài tập.  - Ôn tập nội dung tín chỉ 1. | 14 | -Đọc lý thuyết theo yêu cầu và chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.  - Ôn tập. | Thư viện,  ở nhà |  |
| Tín chỉ 2 | |  |  |  |  |
|  | Chương 4. Chứng từ thương mại trong thương mại quốc tế | **10** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1 Chứng từ vận tải 4.2 Chứng từ bảo hiểm hàng hóa  4.3 Các chứng từ về hàng hóa | 2 | - Học liệu số 1: Chương 4  - Tham khảo học liệu số 2,3. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 4 | 1 | Nắm vững lý thuyết chương 4; vận dụng giải bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi và giải bài tập. | 7 | Đọc lý thuyết và chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 5. Phương tiện thanh toán quốc tế** | **20** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1 Quá trình hình thành và phát triển của thương hiệu  5.2 Hối phiếu đòi nợ (hối phiếu)  5.3 Hối phiếu nhận nợ (kỳ phiếu)  5.4 Séc | 3 | - Học liệu số 1 – Chương 5;  - Tham khảo học liệu số 2,3. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 5 | 3 | Nắm vững lý thuyết chương 5; vận dụng giải bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi và giải bài tập. | 14 | Đọc lý thuyết và chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 6. Phương thức thanh toán không có tập quán quốc tế điều chỉnh** | **20** |  |  |  |
| Lý thuyết | 6.1. Phương thức chuyển tiền  6.2. Phương thức ghi sổ  6.3. Phương thức ứng trước  6.4. Phương thức thư ủy thác mua (A/P)  6.5. Phương thức nhận hàng trả tiền ngay (COD) | 3 | - Học liệu số 1 – Chương 6.  - Tham khảo học liệu số 2,3. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập, kiểm tra | 1. Câu hỏi và bài tập chương 6  2. Kiểm tra thường xuyên số 2 | 3 | - Nắm vững lý thuyết chương 6; vận dụng giải bài tập.  - Làm bài kiểm tra. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi và giải bài tập.  - Ôn tập tín chỉ 2. | 14 | - Đọc lý thuyết và chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.  - Tích cực ôn tập. | Thư viện,  ở nhà |  |
| Tín chỉ 3 | |  |  |  |  |
|  | **Chương 7. Phương thức nhờ thu** | **10** |  |  |  |
| Lý thuyết | 7.1. Khái niệm và văn bản pháp lý nhờ thu  7.2. Các bên tham gia và mối quan hệ  7.3. Các loại nhờ thu và quy trình nghiệp vụ  7.4. Quy trình nhờ thu của ngân hàng thương mại | 2 | - Học liệu số 1 – Chương 7.  - Tham khảo học liệu số 2,3. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 7 | 1 | Nắm vững lý thuyết chương 7; vận dụng giải bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Tự đọc thêm mục 7.5: Đọc các bức điện nhờ thu qua Swift.  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi và giải bài tập. | 7 | Đọc lý thuyết và chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 8. Phương thức tín dụng chứng từ** | **20** |  |  |  |
| Lý thuyết | 8.1. Khái niệm và giải thích thuật ngữ  8.2. Đặc điểm của giao dịch L/C và phân loại L/C  8.3. Văn bản pháp lý điều chỉnh giao dịch L/C  8.4. Quy trình nghiệp vụ L/C  8.5. Những nội dung chủ yếu của L/C | 3 | - Học liệu số 1 – Chương 8.  - Tham khảo học liệu số 2,3. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 8 | 3 | Nắm vững lý thuyết chương 8; vận dụng giải bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Tự đọc chương 9, 10 trong học liệu 1.  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi và giải bài tập. | 14 | Đọc lý thuyết và chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 9. Tài trợ thương mại quốc tế** | **20** |  |  |  |
| Lý thuyết | 9.1. Phạm vi tài trợ thương mại quốc tế  9.2. Tài trợ trên cơ sở hợp đồng XNK  9.3. Tài trợ theo phương thức nhờ thu  9.4. Tài trợ theo phương thức tín dụng chứng từ | 3 | - Học liệu số 1 – Chương 12.  - Tham khảo học liệu số 2,3. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 9 | 3 | Nắm vững lý thuyết chương 9; vận dụng giải bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Tự đọc chương 11 và các mục 5, 6 (Chương 12) học liệu số 1.  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi và giải bài tập. | 14 | Đọc lý thuyết và chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Thị Hồng Hải (2016), *Giáo trình Thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương*, NXB Thống kê, Hà Nội.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Nguyễn Văn Tiến (2014), *Bài tập và bài giải thanh toán quốc tế,* NXB Thống kê, Hà Nội.

[3] Đoàn Thị Hồng Vân và Kim Ngọc Đạt (2021), *Giáo trìnhQuản trị xuất nhập khẩu*, Nxb Lao động – xã hội, Hà Nội.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận** |
| 1 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 2 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 3 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 4 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 5 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 6 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 7 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 8 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 9 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 10 | 1 | 1 | 1 |  |  | 7 |
| 11 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 12 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 13 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 14 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 15 | 1 | 1 | 1 |  |  | 7 |
| **Tổng cộng** | **24** | **02** | **19** |  |  | **105** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của người học**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập (trọng số 10%)** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch8 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 buổi trừ 1%* | Ch8 | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thực hành, điểm tiểu luận (trọng số 30%)** | | | | | |
| 2 | Kiểm tra thường xuyên  (02 bài) | 30% | Bài 1: Bài tập nhóm/Tiểu luận nhóm  Tiêu chí đánh giá: (i) Thời gian, nội dung và chất lượng đáp ứng yêu cầu (60%); (ii) Năng lực hợp tác, tương tác, chia sẻ (20%); (iii) Trình bày khoa học, đúng quy định (20%) | Ch1 đến Ch8 | 10 |
| Bài 2: Bài kiểm tra trắc nghiệm.  Theo thang điểm, đáp án của giảng viên. | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần (trọng số 60%)** | | | | | |
| 3 | Thi trắc nghiệm | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1 đến Ch7 | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ** | **Cấp độ nhận thức** | | **Tổng** | **Điểm** | **Thời gian thi** |
| **Nhớ - Hiểu (60%)** | **Vận dụng – Phân tích (40%)** |
| **Tín chỉ 1** | 12 | 8 | 20 | **4.0** | **75 phút** |
| **Tín chỉ 2** | 9 | 6 | 15 | **3.0** |
| **Tín chỉ 3** | 9 | 6 | 15 | **3.0** |
| **Tổng số câu** | **30** | **20** | **50** | **10.0** |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Giao tiếp trong kinh doanh

Mã học phần:KT2.1.138.3

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 03

- Loại học phần:Tự chọn

-Yêu cầu đầu vào: Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 30 giờ

+ Bài tập trên lớp: 13giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 02giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 105giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và QTKD, Trường Đại học Tân Trào.

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | TS. Vũ Thị Hằng Nga | 0984.368.612 | [vunga0304@gmail.com](mailto:vunga0304@gmail.com) |
| 2 | TS. Đỗ Hải Yến | 0978.457.229 | [dohaiyentq@gmail.com](file:///E:\tra\Đề%20cương%20chỉnh%20sửa%20lần%202\copy\dohaiyentq@gmail.com) |
| 3 | TS. Phạm Thị Kiều Trang | 0938.086.789 | [tkptrangkieu@gmail.com](mailto:tkptrangkieu@gmail.com) |
| 4 | TS. Vương Thị Bạch Tuyết | 0979.141.352 | [tuyetvtb@utt.edu.vn](mailto:tuyetvtb@utt.edu.vn) |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:*Sau khi học xong học phần này, người học nắm vững các kiến thức cơ bản và có cơ hội để thực hành các kỹ năng liên quan đến giao tiếp có hiệu quả trong kinh doanh. Từ đó, trên tư cách là một nhà quản trị, có thể phát triển và ứng dụng các lý thuyết và các kỹ năng  đã học để tăng cường hiệu quả của việc xử lý và truyền đạt thông tin đến nhân viên cũng như khách hàng của công ty một cách hiệu quả nhất.

-  *Mục tiêu cụ thể:*

Mt 1: Khái quát được những kiến thức cơ bản về giao tiếp đặc biệt là giao tiếp trong kinh doanh.

Mt 2: Giải thích được vai trò của giao tiếp đối với đời sống và trong hoạt động kinh doanh.

Mt3: Vận dụng những kiến thức lý thuyết đã học để nâng cao các kỹ năng liên quan đến giao tiếp có hiệu quả trong kinh doanh.

Mt 4: Có động cơ học tập đúng đắn, có ý thức trách nhiệm, khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình học tập.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo mức độ sau:

***0= Không đóng góp; 1= Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.138.3 | Giao tiếp trong kinh doanh | CĐR 1 | CĐR 2 | CĐR 3 | CĐR 4 | CĐR 5 | CĐR 6 |
|  |  |  |  |  |  |
| CĐR 7 | CĐR 8 | CĐR 9 | CĐR 10 | CĐR 11 | CĐR 12 |
|  |  | 2 |  |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu**  **của HP** | **Chuẩn đầu ra của học phần** | **CĐR**  **của CTĐT** |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Khái quát được những kiến thức cơ bản về giao tiếp đặc biệt là giao tiếp trong kinh doanh. | CĐR 9 |
| Mt2 | Ch2: Giải thích được những nguyên tắc và kỹ năng cơ bản trong giao tiếp phục vụ cho công việc kinh doanh. | CĐR 9 |
| Ch3: Khái quát được vai trò của giao tiếp đối với đời sống và trong hoạt động kinh doanh. | CĐR 9 |
| **Kỹ năng** | | |
| ***Kĩ năng cứng*** | | |
| Mt3 | Ch4: Vận dụng những kiến thức lý thuyết đã học để nâng cao các kỹ năng liên quan đến giao tiếp có hiệu quả trong kinh doanh. | CĐR 9 |
| ***Kĩ năng mềm*** | | |
| Mt4 | Ch5: Có kỹ năng tư duy, giải quyết được các vấn đề, tình huống trong giao tiếp; làm việc độc lập và làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu. | CĐR 9 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt4 | Ch6:Biết tự đánh giá được điểm mạnh, hạn chế trong giao tiếp của bản thân và đề ra các biện pháp để hoàn thiện. Có thái độ tích cực đổi mới trong giao tiếp để đạt hiệu quả tốt hơn. | CĐR 9 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | **Kĩ năng** | | **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | Phương pháp giảng dạy |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Nội dung** | **Cứng** | **Mềm** |
| **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch 3** | **Ch 4** | **Ch 5** | **Ch 6** |
| **Chương 1: Bản chất và các hình thức giao tiếp kinh doanh** | 1.1. Bản chất và vai trò của giao tiếp trong kinh doanh |  |  | 2 |  |  | 2 | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm, tự học, tự nghiên cứu |
| 1.2.Chức năng và hình thức giao tiếp kinh doanh | 1 |  |  |  |  | 2 |
| 1.3.Các kênh giao tiếp kinh doanh | 1 |  |  |  |  | 2 |
| 1.4.Đạo đức trong giao tiếp kinh doanh | 1 |  |  |  |  | 2 |
| 1.5.Đối tượng và phạm vi nghiên cứu môn học giao tiếp kinh doanh | 1 |  |  |  |  | 2 |
| **Chương 2: Môi trường giao tiếp kinh doanh** | 2.1.Môi trường làm việc và giao tiếp kinh doanh | 1 |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm, nghiên cứu tình huống, tự học, tự nghiên cứu |
| 2.2.Quá trình giao tiếp trong kinh doanh | 1 |  |  |  |  | 2 |
| 2.3.Các nhân tố tác động đến giao tiếp trong kinh doanh |  | 1 |  |  |  |  |
| 2.4.Giao tiếp trong sự khác biệt văn hóa |  |  |  | 2 | 2 |  |
| 2.5.Giao tiếp trong sự khác biệt giữa nam và nữ |  |  |  | 2 | 2 |  |
| 2.6.Giao tiếp trong sự đa dạng của nguồn lao động |  |  |  | 2 | 2 |  |
| **Chương 3: Giao tiếp trong môi trường đa văn hoá** | 3.1.Văn hóa và các đặc điểm của văn hóa | 1 |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình, nghiên cứu tình huống, tự học, tự nghiên cứu |
| 3.2.Giá trị văn hóa |  | 1 |  |  |  | 2 |
| 3.3.Các mô hình văn hóa | 1 |  |  |  |  | 2 |
| 3.4.Giao tiếp trong môi trường đa văn hóa |  |  |  | 2 | 2 |  |
| 3.5.Yếu tố cản trở giao tiếp trong sự đa dạng văn hóa |  | 1 |  |  |  | 2 |
| 3.6.Giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa văn hóa |  | 2 |  | 2 |  | 2 |
| **Chương 4: Giao tiếp bằng văn bản trong kinh doanh** | 4.1.Yêu cầu của giao tiếp bằng văn bản trong kinh doanh | 1 |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, tự học, tự nghiên cứu |
| 4.2. Quy trình soạn thảo văn bản |  | 1 |  |  | 2 |  |
| 4.3.Soạn thảo văn bản viết theo nhóm |  |  |  | 2 |  |  |
| 4.4.Chuẩn bị viết bản thảo |  |  |  | 2 |  |  |
| 4.5. Thu thập dữ liệu, lập dàn ý, viết bản thảo |  |  |  | 2 |  |  |
| 4.6.Biên tập văn bản |  |  |  | 2 | 2 |  |
| **Chương 5: Giao tiếp qua Email và tin nhắn trong kinh doanh** | **5.1. Cấu trúc** và quy trình viết Email và tin nhắn |  | 1 |  |  |  | 2 | Thuyết trình, nghiên cứu tình huống, tự học, tự nghiên cứu |
| 5.2.Định dạng Email và các văn bản thông báo |  | 1 |  | 2 |  | 2 |
| 5.3.Cách thức sử dụng Email an toàn và thông minh |  | 1 |  |  |  | 2 |
| 5.4.Cách viết Email và tin nhắn tiêu biểu |  |  |  | 2 |  | 2 |
| **Chương 6: Giao tiếp qua thư từ trong kinh doanh** | 6.1.Chức năng và phương pháp viết thư kinh doanh |  |  | 1 |  |  | 2 | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm, nghiên cứu tình huống, tự học, tự nghiên cứu |
| **6.2.Cấu trúc và đặc điểm của thư trong kinh doanh** |  | 1 |  |  |  | 2 |
| 6.3.Phương pháp viết thư yêu cầu, thư khiếu nại trực tiếp |  | 1 |  | 2 |  |  |
| 6.4.Viết thư trả lời trực tiếp |  |  |  | 2 |  |  |
| 6.5.Viết thư cho các đối tác quốc tế |  |  |  | 2 |  |  |
| **Chương 7: Giao tiếp bằng báo cáo trong kinh doanh** | **7.1.Những vấn đề chung về giao tiếp bằng báo cáo trong kinh doanh** | 1 |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm, nghiên cứu tình huống, tự học, tự nghiên cứu |
| 7.2.Dự thảo báo cáo kinh doanh |  |  |  | 2 | 2 |  |
| 7.3. Đề án báo cáo kinh doanh chính thức |  |  |  | 2 | 2 |  |
| **Chương 8: Thuyết trình trong kinh doanh** | **8.1.Bản chất của thuyết trình trong kinh doanh** |  |  | 1 |  |  | 2 | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm, nghiên cứu tình huống, tự học, tự nghiên cứu |
| 8.2. Chuẩn bị thuyết trình trong kinh doanh |  | 1 |  |  |  | 2 |
| 8.3.Lập dàn ý bài thuyết trình trong kinh doanh |  | 1 |  | 2 |  |  |
| 8.4.Xây dựng mối quan hệ với người nghe |  |  |  | 2 |  |  |
| 8.5.Thiết kế bài thuyết trình bằng PowerPoint |  |  |  | 2 |  |  |
| 8.6.Thể hiện nội dung và hoàn thiện bài thuyết trình |  |  |  | 2 | 2 |  |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho người học kiến thức cơ bản và cơ hội để thực hành các kỹ năng liên quan đến giao tiếp có hiệu quả trong kinh doanh như: Bản chất và các hình thức giao tiếp kinh doanh; Môi trường giao tiếp kinh doanh; Giao tiếp trong môi trường đa văn hóa; Giao tiếp bằng văn bản trong kinh doanh; Giao tiếp qua Email và tin nhắn trong kinh doanh; Giao tiếp qua thư từ trong kinh doanh; Giao tiếp bằng báo cáo trong kinh doanh; Thuyết trình trong kinh doanh.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu**  **đối với**  **sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Chương 1: Bản chất và các hình thức giao tiếp kinh doanh** | **15** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1.Bản chất và vai trò của giao tiếp trong kinh doanh  1.2.Chức năng và hình thức giao tiếp kinh doanh  1.3.Các kênh giao tiếp kinh doanh  1.4.Đạo đức trong giao tiếp kinh doanh  1.5.Đối tượng và phạm vi nghiên cứu môn học giao tiếp kinh doanh | 4 | - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết;  - Nghiên cứu học liệu số 1 từ mục 1.1 đến mục 1.5 | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập | Câu hỏi, bài tập chương 1. | 1 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời câu hỏi, bài tập. | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 10 | - Nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo.  - Làm bài tập, chỉ ra vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 2: Môi trường giao tiếp kinh doanh** | **15** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1.Môi trường làm việc và giao tiếp kinh doanh  2.2.Quá trình giao tiếp trong kinh doanh  2.3.Các nhân tố tác động đến giao tiếp trong kinh doanh  2.4.Giao tiếp trong sự khác biệt văn hóa  2.5.Giao tiếp trong sự khác biệt giữa nam và nữ  2.6.Giao tiếp trong sự đa dạng của nguồn lao động | 3 | - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết;  - Nghiên cứu học liệu số 1 từ mục 2.1 đến mục 2.6 | Theo thời khóa biểu; trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi ôn tập chương 2. | 2 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời câu hỏi, bài tập. | Theo thời khóa biểu; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 10 | - Nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo.  - Làm bài tập, chỉ ra vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 3: Giao tiếp trong môi trường đa văn hoá** | **20** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1.Văn hóa và các đặc điểm của văn hóa  3.2.Giá trị văn hóa  3.3.Các mô hình văn hóa  3.4.Giao tiếp trong môi trường đa văn hóa  3.5.Yếu tố cản trở giao tiếp trong sự đa dạng văn hóa  3.6.Giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa văn hóa | 3 | - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết;  - Nghiên cứu học liệu số 1 từ mục 3.1 đến mục 3.6 | Theo thời khóa biểu; trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi ôn tập chương 3. | 2 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời câu hỏi, bài tập. | Theo thời khóa biểu; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.  - Ôn tập nội dung tín chỉ 1. | 15 | - Nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo.  - Làm bài tập, chỉ ra vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |  |
|  | **Chương 4: Giao tiếp bằng văn bản trong kinh doanh** | **24** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1.Yêu cầu của giao tiếp bằng văn bản trong kinh doanh  4.2. Quy trình soạn thảo văn bản  4.3.Soạn thảo văn bản viết theo nhóm  4.4.Chuẩn bị viết bản thảo  4.5. Thu thập dữ liệu, lập dàn ý, viết bản thảo  4.6.Biên tập văn bản | 6 | - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết;  - Nghiên cứu học liệu số 1 từ mục 4.1 đến mục 4.6 | Theo thời khóa biểu; trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi ôn tập chương 4 | 2 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời câu hỏi, bài tập. | Theo thời khóa biểu; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 16 | - Nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo.  - Làm bài tập, chỉ ra vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 5: Giao tiếp qua Email và tin nhắn trong kinh doanh** | **26** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1. Cấu trúcvà quy trình viết Email và tin nhắn  5.2.Định dạng Email và các văn bản thông báo  5.3.Cách thức sử dụng Email an toàn và thông minh  5.4.Cách viết Email và tin nhắn tiêu biểu | 5 | - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết;  - Nghiên cứu học liệu số 1 từ mục 5.1 đến mục 5.4 | Theo thời khóa biểu; trên lớp |  |
| Bài tập | - Câu hỏi ôn tập chương 5.  - Kiểm tra 1 tiết | 2 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời câu hỏi, bài tập. | Theo thời khóa biểu; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.  - Ôn tập nội dung tín chỉ 2. | 19 | - Nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo.  - Làm bài tập, chỉ ra vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 3** |  |  |  |  |
|  | **Chương 6: Giao tiếp qua thư từ trong kinh doanh** | **15** |  |  |  |
| Lý thuyết | 6.1.Chức năng và phương pháp viết thư kinh doanh  6.2.Cấu trúc và đặc điểm của thư trong kinh doanh  6.3.Phương pháp viết thư yêu cầu, thư khiếu nại trực tiếp  6.4.Viết thư trả lời trực tiếp  6.5.Viết thư cho các đối tác quốc tế | 3 | - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết;  - Nghiên cứu học liệu số 1 từ mục 6.1 đến mục 6.5 | Theo thời khóa biểu; trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi ôn tập chương 6. | 2 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời câu hỏi, bài tập. | Theo thời khóa biểu; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 10 | - Nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo.  - Làm bài tập, chỉ ra vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 7:Giao tiếp bằng báo cáo trong kinh doanh** | **15** |  |  |  |
| Lý thuyết | 7.1.Những vấn đề chung về giao tiếp bằng báo cáo trong kinh doanh  7.2. Dự thảo báo cáo kinh doanh  7.3. Đề án báo cáo kinh doanh chính thức | 3 | - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết;  - Nghiên cứu học liệu số 1 từ mục 7.1 đến mục 7.3 | Theo thời khóa biểu; trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi ôn tập chương 7 | 2 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời câu hỏi, bài tập. | Theo thời khóa biểu; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 10 | - Nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo.  - Làm bài tập, chỉ ra vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 8: Thuyết trình trong kinh doanh** | **20** |  |  |  |
| Lý thuyết | 8.1.Bản chất của thuyết trình trong kinh doanh  8.2.Chuẩn bị thuyết trình trong kinh doanh  8.3.Lập dàn ý bài thuyết trình trong kinh doanh  8.4.Xây dựng mối quan hệ với người nghe  8.5.Thiết kế bài thuyết trình bằng PowerPoint  8.6.Thể hiện nội dung và hoàn thiện bài thuyết trình | 3 | - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết;  - Nghiên cứu học liệu số 1 từ mục 8.1 đến mục 8.6 | Theo thời khóa biểu; trên lớp |  |
| Bài tập | - Câu hỏi ôn tập chương 8  - Kiểm tra 1 tiết | 2 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng trả lời câu hỏi, bài tập. | Theo thời khóa biểu; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.  - Ôn tập nội dung tín chỉ 3. | 15 | - Nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo.  - Làm bài tập, chỉ ra vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Hoàng Văn Hoa và Trần Thị Vân Hoa (2012), *Giáo trình giao tiếp trong kinh doanh,* Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Hà Nam Khánh Giao, Phạm Thị Trúc Ly, Nguyễn Thị Quỳnh Giang (2010), *Giáo trình giao tiếp kinh doanh*, NXB Lao Động Xã Hội.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận** |
| 1 | 3 |  |  |  |  | 6 |
| 2 | 2 |  | 1 |  |  | 6 |
| 3 | 2 |  | 1 |  |  | 6 |
| 4 | 2 |  | 1 |  |  | 6 |
| 5 | 1 |  | 2 |  |  | 11 |
| 6 | 3 |  |  |  |  | 6 |
| 7 | 3 |  |  |  |  | 6 |
| 8 | 1 |  | 2 |  |  | 6 |
| 9 | 3 |  |  |  |  | 6 |
| 10 | 1 | 1 | 1 |  |  | 11 |
| 11 | 3 |  |  |  |  | 6 |
| 12 | 1 |  | 2 |  |  | 6 |
| 13 | 2 |  | 1 |  |  | 6 |
| 14 | 2 |  | 1 |  |  | 6 |
| 15 | 1 | 1 | 1 |  |  | 11 |
| **Cộng** | **30** | **2** | **13** |  |  | **105** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập,trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch6 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Kiểm tra trắc nghiệm (02 bài) | 30% | - Chấm điểm bài kiểm tra với các tiêu chí: (i) Nội dung đầy đủ; (ii) Kết quả chính xác; (iii) Trình bày sạch đẹp. | Ch1 đến Ch6 | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Thi trắc nghiệm | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1 đến Ch6 | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ** | **Cấp độ nhận thức** | | **Tổng** | **Điểm** | **Thời gian thi** |
| **Nhớ/hiểu (40%)** | **Vận dụng/ phân tích (60%)** |
| Tín chỉ 1 | 8 | 12 | 20 | 4 | 60 phút |
| Tín chỉ 2 | 8 | 12 | 20 | 4 |
| Tín chỉ 3 | 4 | 6 | 10 | 2 |
| Tổng số câu | **20** | **30** | **50** | **10** |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Tài chính công

Mã học phần: KT2.1.015.2

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 02

- Loại học phần: Tự chọn

- Yêu cầu đầu vào: Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 15 giờ

+ Bài tập trên lớp: 14 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 01 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 70 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa kinh tế VÀ QTKD

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | ThS. Trần Hương Giang | 0825.138.500 | huonggiangtq90@gmail.com |
| 2 | ThS. Phạm Trung Nghĩa | 0943.301.678 | phamnghiatc@gmail.com |
| 3 | ThS. Đỗ Thị Mỹ Huyền | 0975.295.459 | dothimyhuyen@gmail.com |
| 4 | TS. Phạm Duy Hưng | 0965.522.368 | [pdhung@tqu.edu.vn](mailto:pdhung@tqu.edu.vn) |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*Mục tiêu chung:* Sau khi học xong, người học sẽ có khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản về quản lý tài chính công trong thực tiễn công việc.

*Mục tiêu cụ thể:*

Mt1: Có nền tảng kiến thức về tài chính công và quản lý tài chính công, ngân sách nhà nước và quản lý chu trình ngân sách nhà nước

Mt 2: Khái quát các nội dung và biện pháp nhằm tổ chức cân đối ngân sách nhà nước cũng như hoạt động quản lý tài chính cơ quan nhà nước và các quỹ trong và ngoài ngân sách nhà nước.

Mt 3: Tính toán được một số chỉ số cơ bản trong quản lý tài chính công và tuân thủ các quy trình thu - chi Ngân sách Nhà nước.

Mt 4: Có thái độ, động cơ học tập tích cực; nhận thức và thực hiện đúng đắn trách nhiệm của công dân với các quy định trong quản lý tài chính công.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.015.2 | Tài chính công | CĐR 1 | CĐR 2 | CĐR 3 | CĐR 4 | CĐR 5 | CĐR 6 |
|  |  |  | **2** |  | 1 |
| CĐR 7 | CĐR 8 | CĐR 9 | CĐR 10 | CĐR 11 | CĐR 12 |
|  |  |  |  |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của HP** | **CĐR của CTĐT** |
| **Kiến thức** | | |
| Mt 1 | Ch1: Tóm tắt được những khái niệm cơ bản về tài chính công và quản lý tài chính công. | CĐR 4 |
| Ch2: Khái quát được kiến thức về ngân sách nhà nước và quản lý chu trình ngân sách nhà nước. |
| Mt 2 | Ch3: Phân tích các vấn đề liên quan đến hoạt động tổ chức cân đối ngân sách nhà nước. |
| Ch4: Diễn giải các nội dung trong quản lý tài chính ở các cơ quan nhà nước và quản lý quỹ quỹ trong và ngoài ngân sách nhà nước. |
| **Kỹ năng** | | |
|  | ***Kỹ năng cứng*** | |
| Mt 3 | Ch5: Đánh giá được kết quả hoạt động quản lý tài chính công và đánh giá quản lý chi tiêu công theo kết quả. | CĐR 6 |
| Ch6: Thực hiện đúng các quy trình quản lý ngân sách Nhà nước trong công việc chuyên môn. |
| ***Kỹ năng mềm*** | |
| Ch7: Sử dụng linh hoạt kỹ năng thảo luận nhóm, thuyết trình và giải quyết vấn đề đặt ra trong môn học. | CĐR 6 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt 4 | Ch8: Có thái độ, động cơ học tập tích cực, phương pháp làm việc khoa học; nhận thức và thực hiện đúng đắn trách nhiệm của công dân với các quy định trong quản lý tài chính công. | CĐR 4,6 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | | **Kĩ năng** | | | **Mức độ TC và TN** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Nội dung** | **Cứng** | | **Mềm** |
| **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch 3** | **Ch 4** | **Ch5** | **Ch 6** | **Ch7** | **Ch8** |  |
| **Chương 1**  **Tổng quan về tài chính công và quản lý tài chính công** | 1.1. Quan niệm về tài chính công | 1 |  |  |  |  |  |  | 1 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 1.2. Quản lý tài chính công | 2 |  |  |  |  |  |  | 1 |
| **Chương 2**  **Quản lý ngân sách nhà nước** | 2.1. Khái niệm, phân loại ngân sách nhà nước |  | 2 |  |  |  |  | 2 | 2 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 2.2. Nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước |  | 2 |  |  |  |  | 2 | 2 |
| 2.3. Phân cấp quản lý ngân sách nhà nước |  | 2 |  |  |  |  | 2 | 2 |
| 2.4. Kế hoạch tài chính – ngân sách ba năm |  | 2 |  |  |  |  | 2 | 2 |
| 2.5. Quy trình quản lý ngân sách nhà nước |  | 2 |  |  |  |  | 2 | 2 |
| **Chương 3**  **Tổ chức cân đối ngân sách Nhà nước** | 3.1. Khái niệm cân đối NSNN |  |  | 2 |  |  | 2 |  |  | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 3.2. Khái niệm và cách tính bội chi NSNN |  |  | 2 |  |  | 2 |  | 2 |
| 3.3 Nguyên nhân bội chi NSNN |  |  | 2 |  |  | 2 |  | 2 |
| 3.4. Bù đắp bội chi NSNN và sử dụng thặng dư NSNN |  |  | 2 |  |  | 2 |  | 2 |
| 3.5. Giải pháp để tổ chức cân đối NSNN ở Việt Nam |  |  | 2 |  |  | 2 |  | 2 |
| **Chương 4**  **Quản lý các quỹ ngoài ngân sách nhà nước** | 4.1. Khái niệm, đặc điểm phân loại các quỹ ngoài NSNN |  |  |  | 1 |  |  |  | 2 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 4.2. Quản lý một số quỹ ngoài NSNN ở Việt Nam |  |  |  | 2 |  | 2 |  | 2 |
| **Chương 5. Đánh giá quản lý tài chính công** | 5.1. Lý luận chung đánh giá quản lý tài chính công |  |  |  | 1 | 1 |  |  |  | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 5.2. Đánh giá kết quả hoạt động quản lý tài chính công |  |  |  | 2 | 2 |  | 2 |  |
| 5.3. Đánh giá quản lý chi tiêu công theo kết quả |  |  |  | 2 | 2 |  | 2 |  |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần tập trung nghiên cứu các nội dung tổng quan về quản lý tài chính công, ngân sách nhà nước và quản lý chu trình ngân sách nhà nước, tổ chức cân đối ngân sách nhà nước và quản lý quỹ trong và ngoài ngân sách nhà nước.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu**  **đối với**  **sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ 1** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 1**  **Tổng quan về tài chính công và quản lý tài chính công** | **14** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Quan niệm về tài chính công  1.2. Quản lý tài chính công  chính công | 3 | Học liệu số 1- Chương 1.  Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 1 | 1 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 10 | Đọc trước lý thuyết, làm bài tập, chỉ ra vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 2**  **Quản lý ngân sách nhà nước** | **17** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Khái niệm, phân loại ngân sách nhà nước  2.2. Nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước  2.3. Phân cấp quản lý ngân sách nhà nước  2.4. Kế hoạch tài chính – ngân sách ba năm  2.5. Quy trình quản lý ngân sách nhà nước | 2 | Học học liệu số 1: chương 2.  Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 2 | 3 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 12 | Nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 3**  **Tổ chức cân đối ngân sách Nhà nước** | **19** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1. Khái niệm cân đối NSNN  3.2. Khái niệm và cách tính bội chi NSNN  3.3 Nguyên nhân bội chi NSNN  3.4. Bù đắp bội chi NSNN và sử dụng thặng dư NSNN  3.5. Giải pháp để tổ chức cân đối NSNN ở Việt Nam | 3 | Học học liệu số 1: Chương 3.  Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 3 | 3 | Nắm vững kiến thức lý thuyết chương 3 để trả lời câu hỏi. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 13 | Đọc tài liệu, tự nghiên cứu phục trả lời các câu hỏi và làm bài tập sau khi nghe giảng, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
| **Tín chỉ 2** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 4**  **Quản lý các quỹ ngoài ngân sách nhà nước** | **24** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1. Khái niệm, đặc điểm phân loại các quỹ ngoài NSNN  4.2. Quản lý một số quỹ ngoài NSNN ở Việt Nam | 3 | Học học liệu số 1: Chương 4.  Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 4 | 4 | Nắm vững kiến thức lý thuyết chương 4 để trả lời câu hỏi. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập; | 17 | Đọc tài liệu, tự nghiên cứu phục trả lời các câu hỏi và làm bài tập sau khi nghe giảng, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 5. Đánh giá quản lý tài chính công** | **26** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1. Lý luận chung đánh giá quản lý tài chính công  5.2. Đánh giá kết quả hoạt động quản lý tài chính công  5.3. Đánh giá quản lý chi tiêu công theo kết quả | 4 | Học học liệu số 1: Chương 5.  Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 5 | 4 | Nắm vững kiến thức lý thuyết chương 5 để trả lời câu hỏi. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 18 | Đọc tài liệu, tự nghiên cứu phục trả lời các câu hỏi và làm bài tập sau khi nghe giảng, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Giáo trình bắt buộc**

[1] Bùi Tiến Hanh – Phạm Thị Hoàng Phương (2016), *Giáo trình Quản lý tài chính công*, Nxb Tài chính, Hà Nội;

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Dương Đăng Chinh - Phạm Văn Khoan (2009), *Giáo trình Quản lý tài chính công*, Nxb Tài chính, Hà Nội.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận** |
| 1 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 2 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 3 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 4 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 5 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 6 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 7 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 8 | 1 | 1 |  |  |  | 5 |
| 9 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 10 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 11 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 12 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 13 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 14 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 15 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| **Cộng** | **15** | **01** | **14** |  |  | **70** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

11.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập (trọng số 10%)** | | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | | Ch8 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 buổi trừ 1%* | | Ch8 | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thực hành, điểm tiểu luận (trọng số 30%)** | | | | | | |
| 2 | Bài kiểm tra thường xuyên  (01 bài tự luận) | 30% | | Chấm bài kiểm tra với các tiêu chí:  - Nội dung đầy đủ (40%)   * Kết quả chính xác (40%) * Trình bày sạch đẹp (20%) | Ch1đến Ch 8 | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần (trọng số 60%)** | | | | | | |
| 3 | Thi tự luận | 60% | | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1 đến Ch8 | 10 |

**11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi**

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấu trúc đề thi** | **Thời gian làm bài** |
| - Đề thi gồm 3 câu:  + Câu 1 (3 điểm): Cấp độ nhớ và hiểu  + Câu 2 (3 điểm): Cấp độ áp dụng và phân tích  + Câu 3 (4 điểm): Cấp độ áp dụng và phân tích  Đề thi đánh giá được nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc các tín chỉ của học phần  - Cấp độ nhận thức: 30% nhớ và hiểu ; 70% áp dụng và phân tích | 60 phút |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO**  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

# Tên học phần: Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp

Mã học phần: KT2.1.033.2

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 02

- Loại học phần: Tự chọn

- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 15 giờ

+ Bài tập trên lớp: 14 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 1 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 70 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | TS. Nguyễn Thị Kim Ngân | 0988798307 | ntkngan@tqu.edu.vn |
| 2 | ThS. Đỗ Thị Mỹ Huyền | 0975.295.459 | [dothimyhuyen@gmail.com](mailto:dothimyhuyen@gmail.com) |
| 3 | TS. Trần Thị Diên | 0987.578.358 | tranthidien1979@gmail.com |
| 4 | ThS. Phạm Thanh Trà | 0967.654.082 | phamtra88@gmail.com |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:*Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ giải thích được những kiến thức cơ bản về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp, có thể tự tổ chức các quy trình kế toán một cách độc lập, vận dụng để tổ chức hệ thống chứng từ, hệ thống tài khoản và hệ thống sổ sách của doanh nghiệp đảm bảo đúng quy định. Bên cạnh đó, xác định được những tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp để tiếp tục học tập và phấn đấu.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt 1: Giải thích được các kiến thức cơ bản về tổ chức công tác kế toán. Khái quát được công tác tổ chức nhân sự trong bộ máy kế toán của doanh nghiệp

Mt 2: Thực hiện được tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp.Rèn luyện kỹ năng tư duy logic, phân tích, lập luận; tra cứu và khai thác tài liệu liên quan; kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình.

Mt 3: Luôn lắng nghe, có thể tranh luận, giải thích, từ đó bày tỏ quan điểm cá nhân về các nội dung của môn học, trên cơ sở đó, kết nối và điều chỉnh để phát triển quan điểm bản thân trong học tập và công việc sau khi tốt nghiệp.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.033.2 | Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp | **CĐR 1** | **CĐR 2** | **CĐR 3** | **CĐR 4** | **CĐR 5** | **CĐR 6** |
|  |  | **2** |  |  | **2** |
| **CĐR 7** | **CĐR 8** | **CĐR 9** | **CĐR 10** | **CĐR 11** | **CĐR 12** |
|  |  |  |  |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của học phần** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Khái quát được nội dung tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp. | CĐR 3 |
| Ch2: Giải thích được quy trình hạch toán ban đầu, ghi sổ kế toán và lên báo cáo tài chính. | CĐR 3 |
| Mt2 | Ch3: Tóm tắt được tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và hiểu rõ những việc mà kế toán không được làm. | CĐR 3 |
| Ch4: Xác định được công tác tổ chức bộ máy kế toán trong doanh nghiệp. | CĐR 3 |
| **Kỹ năng** | | |
| Kỹ năng cứng | | |
| Mt3 | Ch5: Vận dụng để tổ chức hệ thống chứng từ, hệ thống tài khoản và hệ thống sổ sách của doanh nghiệp đảm bảo đúng quy định. | CĐR 6 |
| Ch6: Xây dựng quy trình lập báo cáo tài chính và lập báo cáo tài chính. | CĐR 6 |
| Kỹ năng mềm | | |
| Mt4 | Ch7: Kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề. | CĐR 6 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt5 | Ch8: Luôn lắng nghe, có thể tranh luận, giải thích, từ đó bày tỏ quan điểm cá nhân về các nội dung của môn học, trên cơ sở đó, kết nối và điều chỉnh để phát triển quan điểm bản thân trong học tập và công việc sau khi tốt nghiệp. | CĐR 3,6 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | **Kỹ năng** | | **Mức độ TC và TN** | **Phương pháp dạy học** |
| **Cứng** | **Mềm** |
| **Chương** | **Nội dung** | **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch 3** | **Ch 4** | **Ch 5** |
| **Chương 1: Khái quát về tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp** | 1.1. Khái niệm, nhiệm vụ và nguyên tắc tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp. | 1 |  |  |  | 2 | Diễn giảng  Đàm thoại |
| 1.2. Nội dung chủ yếu của tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp | 1 |  |  |  | 2 |
| **Chương 2:**  **Tổ chức thu nhận thông tin kế toán** | 2.1. Khái niệm, yêu cầu của việc thu nhận thông tin kế toán. | 1 |  |  |  | 2 | Diễn giảng  Luyện tập và thực hành |
| 2.2. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán. |  | 2 | 2 | 2 | 2 |
| 2.3. Vận dụng tổ chức thu nhận thông tin kế toán của một số nghiệp vụ chủ yếu |  | 2 | 2 | 2 | 2 |
| **Chương 3:**  **Tổ chức hệ thống hóa, xử lý thông tin kế toán** | 3.1. Yêu cầu, nội dung hệ thống hóa, xử lý thông tin kế toán. | 1 |  |  |  | 2 | Diễn giảng  Luyện tập và thực hành |
| 3.2. Vận dụng phương pháp tính giá |  | 2 | 2 | 2 | 2 |
| 3.3. Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán |  | 2 | 2 | 2 | 2 |
| 3.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán |  | 2 | 2 | 2 | 2 |
| **Chương 4: Tổ chức cung cấp thông tin kế toán** | 4.1. Tổng quan về tổ chức cung cấp thông tin kế toán. | 1 |  |  |  | 2 | Diễn giảng  Luyện tập và thực hành |
| 4.2. Tổ chức lập báo cáo kế toán để cung cấp thông tin. |  | 2 | 2 | 2 | 2 |
| 4.3. Tổ chức phân tích thông tin kế toán. |  |  | 2 | 2 | 2 |
| 4.4. Tổ chức cung cấp thông tin kế toán. |  |  | 2 | 2 | 2 |
| **Chương 5: Tổ chức bộ máy kế toán** | 5.1. Căn cứ xây dựng mô hình bộ máy kế toán | 1 |  |  |  | 2 | Diễn giảng  Đàm thoại |
| 5.2. Các hình thức tổ chức bộ máy kế toán |  |  | 2 | 2 | 2 |
| 5.3. Tổ chức đội ngũ nhân sự cho bộ máy kế toán |  | 2 |  | 2 | 2 |
| 5.4. Tổ chức kiểm tra kế toán |  |  | 2 | 2 | 2 |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức tổng quan về tổ chức công tác kế toán: Các hình thức tổ chức công tác kế toán và tổ chức bộ máy kế toán ở doanh nghiệp, tổ chức thực hiện chế độ chứng từ kế toán, tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán và xây dựng quy trình hạch toán, tổ chức thực hiện chế độ sổ kế toán, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo tài chính và báo cáo quản trị, tổ chức thực hiện chế độ kiểm tra kế toán, tổ chức thực hiện chế độ bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán, tổ chức công tác kế toán trường hợp đơn vị kế toán bị chia, tách, sát nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu**  **đối với**  **sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Chương 1: Khái quát về tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp** | **13** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Khái niệm, nhiệm vụ và nguyên tắc tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp.  1.2. Nội dung chủ yếu của tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp. | 3 | -Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết;  - Đọc học liệu số 1 | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập | - Giải đáp các câu hỏi chương 1 | 2 | Trả lời các câu hỏichương 1; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Câu hỏi, bài tập chương 1.  - Đọc trước các nội dung lý thuyết chương 2. | 10 | Nắm vững kiến thức lý thuyết cơ bản; nêu các vấn đề cần giải đáp | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 2: Tổ chức thu nhận thông tin kế toán** | **35** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Khái niệm, yêu cầu của việc thu nhận thông tin kế toán.  2.2. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán.  2.3. Vận dụng tổ chức thu nhận thông tin kế toán của một số nghiệp vụ chủ yếu. | 4 | -Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết;  - Đọc học liệu số 1 | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập, kiểm tra | - Giải đáp các câu hỏi chương 2  - Làm bài tập chương 2  **- Làm bài kiểm tra giữa kỳ 1 tiết** | 6 | Làm các câu hỏichương 2; nêu các vấn đề cần giải đáp; làm bài kiểm tra 1 tiết. | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Câu hỏi chương 2.  - Đọc trước các nội dung lý thuyết chương 3. | 25 | Nắm vững kiến thức lý thuyết cơ bản; nêu các vấn đề cần giải đáp | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |  |
|  | **Chương 3: Tổ chức hệ thống hóa, xử lý thông tin kế toán** | **19** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1. Yêu cầu, nội dung hệ thống hóa, xử lý thông tin kế toán  3.2. Vận dụng phương pháp tính giá  3.3. Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán  3.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán | 4 | -Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết;  - Đọc học liệu số 1 | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập | - Giải đáp các câu hỏi chương 3 | 3 | Làm các câu hỏi; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Câu hỏi, bài tập chương 3.  - Đọc trước các nội dung lý thuyết chương 4. | 12 | Nắm vững kiến thức lý thuyết cơ bản; nêu các vấn đề cần giải đáp | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 4: Tổ chức cung cấp thông tin kế toán** | **3** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1. Tổng quan về tổ chức cung cấp thông tin kế toán.  4.2. Tổ chức lập báo cáo kế toán để cung cấp thông tin.  4.3. Tổ chức phân tích thông tin kế toán.  4.4. Tổ chức cung cấp thông tin kế toán. | 2 | -Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết;  - Đọc học liệu số 1 | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập | - Giải đáp các câu hỏi chương 4. | 1 | Làm câu hỏi chương 4; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Theo TKB; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Câu hỏi chương 4.  - Đọc trước các nội dung lý thuyết chương 5. | 12 | Nắm vững kiến thức lý thuyết cơ bản; nêu các vấn đề cần giải đáp | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 5: Tổ chức bộ máy kế toán** | **3** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1. Căn cứ xây dựng mô hình bộ máy kế toán  5.2. Các hình thức tổ chức bộ máy kế toán  5.3. Tổ chức đội ngũ nhân sự cho bộ máy kế toán  5.4. Tổ chức kiểm tra kế toán | 2 | - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết;  - Đọc học liệu số 1 | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập | - Giải đáp các câu hỏi chương 5 | 3 | Làm các câu hỏi chương 5 | Theo TKB; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Câu hỏi chương 5.  - Hệ thống kiến thức cơ bản | 11 | - Hoàn thành các câu hỏi chương 5.  - Ôn tập. | Thư viện,  Ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Giáo trình bắt buộc**

[1] Lưu Đức Tuyên và Ngô Thị Thu Hồng (2011), *Giáo trình tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Bộ Tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp - Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản lao động, Hà Nội.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận** |
| 1 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 2 | 1 |  | 1 |  |  | 3 |
| 3 | 1 |  | 1 |  |  | 3 |
| 4 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 5 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 6 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 7 |  | 1 | 1 |  |  | 5 |
| 8 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 9 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 10 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 11 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 12 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 13 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 14 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 15 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| **Cộng** | **15** | **1** | **14** |  |  | **70** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia xây dựng bài | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch5 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Tự luận | 30% | (i) Nội dung đầy đủ; (ii) Kiến thức chính xác; (iii) Trình bày khoa học. Theo đáp án, thang điểm của giảng viên. | Từ Ch1 đến Ch5 | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Trắc nghiệm | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Từ Ch1 đến Ch5 | 10 |

**13.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ** | **Cấp độ nhận thức** | | **Tổng** | **Điểm** | **Thời gian thi** |
| **Nhớ và hiểu (50%)** | **Áp dụng và phân tích (50%)** |
| Tín chỉ 1 | 12 | 12 | 24 | 5 | 60 phút |
| Tín chỉ 2 | 13 | 13 | 26 | 5 |
| **Tổng số câu** | **25** | **25** | **50** | **10** |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO**  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

# Tên học phần: Kế toán hành chính sự nghiệp

Mã học phần: KT2.1.024.3

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 03

- Loại học phần: Bắt buộc

- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 30 giờ

+ Bài tập trên lớp: 13 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 2 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 105 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | TS. Trần Thị Diên | 0987.578.358 | [tranthidien1979@gmail.com](mailto:tranthidien1979@gmail.com) |
| 2 | TS. Nguyễn Thị Kim Ngân | 0988.798.307 | [ngankim30788@gmail.com](mailto:ngankim30788@gmail.com) |
| 3 | ThS. Đỗ Thị Mỹ Huyền | 0975295459 | [dothimyhuyen@gmail.com](mailto:dothimyhuyen@gmail.com) |
| 4 | TS. Phạm Thị Kiều Trang | 0938086789 | tkptrangkieu@gmail.com |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung*: Người học có những kiến thức chuyên môn và kĩ năng nghiệp vụ chuyên ngành trong công tác kế toán tại đơn vị hành chính sự nghiệp.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt1: Có kiến thức về tổ chức công tác kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp; nắm được các quy định hạch toán; nội dung, kết cấu tài khoản sử dụng; phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế trong đơn vị HCSN.

Mt2: Hạch toán được các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến hoạt động kinh tế - tài chính của đơn vị kế toán HCSN. Thực hiện đúng quy trình thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế - tài chính của đơn vị HCSN.

Mt3: Luôn lắng nghe, có thể tranh luận và giải thích, từ đó bày tỏ quan điểm cá nhân về các nội dung của môn học, trên cơ sở đó, kết nối và điều chỉnh để phát triển quan điểm bản thân trong học tập và công việc sau khi tốt nghiệp.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.024.3 | Kế toán hành chính sự nghiệp | **CĐR 1** | **CĐR 2** | **CĐR 3** | **CĐR 4** | **CĐR 5** | **CĐR 6** |
|  |  | **2** |  |  |  |
| **CĐR 7** | **CĐR 8** | **CĐR 9** | **CĐR 10** | **CĐR 11** | **CĐR 12** |
|  |  |  |  |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của học phần** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Khái quát được nội dung tổ chức công tác kế toán trong đơn vị HCSN; quy định hạch toán vốn bằng tiền, đầu tư tài chính, các khoản phải thu và ứng trước. | CĐR 3 |
| Ch2: Thực hiện được các quy trình, phương pháp kế toán vật tư, sản phẩm, hàng hóa và tài sản cố định; nợ phải trả, nguồn vốn và các quỹ trong đơn vị HCSN. Vận dụng được các nguyên tắc và phương pháp trong kế toán thu, chi và xác định kết quả hoạt động và lập BCTC trong đơn vị HCSN. | CĐR 3 |
| **Kỹ năng** | | |
| Mt2 | ***Kĩ năng cứng*** |  |
| Ch3: Xác định chứng từ, tính giá, định khoản và ghi sổ kế toán toán vốn bằng tiền, đầu tư tài chính, các khoản phải thu và ứng trước. Hạch toán được các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến vật tư, sản phẩm, hàng hóa và tài sản cố định; nợ phải trả, nguồn vốn và các quỹ trong đơn vị HCSN. Tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động; lập được các chỉ tiêu tài chính chủ yếu trên báo cáo kế toán của đơn vị HCSN. | CĐR 3 |
| ***Kĩ năng mềm*** |  |
| Ch4: Làm việc độc lập, chủ động giải quyết vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn kế toán trong đơn vị HCSN. | CĐR 3 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt3 | Ch5: Chấp hành nguyên tắc, phương pháp và trình tự kế toán các phần hành kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp. Từng bước hình thành phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp kế toán. | CĐR 3 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo.***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | **Kĩ năng** | | **Mức độ TC và TN** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Nội dung** | **Cứng** | **Mềm** |
| **Ch1** | **Ch2** | **Ch3** | **Ch4** | **Ch5** |
| Chương 1. Những vấn đề chung về kế toán hành chính sự nghiệp | 1.1. Đối tượng áp dụng kế toán hành chính sự nghiệp | 1 |  |  |  | 2 | Diễn giảng  Đàm thoại |
| 1.2. Nghiệm vụ kế toán hành chính sự nghiệp | 1 |  |  |  | 2 |
| 1.3. Tổ chức công tác kế toán hành chính sự nghiệp | 1 |  |  |  | 2 |
| 1.4. Tổ chức bộ máy kế toán | 1 |  |  |  | 2 |
| Chương 2. Kế toán tài sản | 2.1. Kế toán vốn bằng tiền |  | 2 |  | 2 | 2 | Diễn giảng  Luyện tập và thực hành |
| 2.2. Kế toán hàng tồn kho |  |  | 2 |  | 2 |
| 2.3. Kế toán tài sản cố định. |  |  | 2 |  | 2 |
| 2.4. Trình bày thuyết minh báo cáo tài chính các chỉ tiêu về tài sản cố định |  | 2 |  | 2 | 2 |
| Chương 3. Kế toán thanh toán | 3.1. Kế toán các khoản phải thu |  | 2 |  |  | 2 | Diễn giảng  Luyện tập và thực hành |
| 3.2. Kế toán các khoản phải trả |  |  | 2 |  | 2 |
| 3.3. Kế toán thanh toán nội bộ |  | 2 |  |  | 2 |
| Chương 4. Kế toán hoạt động hành chính sự nghiệp | 4.1. Kế toán thu hoạt động hành chính sự nghiệp |  | 2 |  | 2 | 2 | Diễn giảng  Luyện tập và thực hành |
| 4.2. Kế toán chi phí hoạt động hành chính sự nghiệp |  |  | 2 | 2 | 3 |
| 4.3. Trình bày và thuyết minh báo cáo quyết toán về hoạt động hành chính sự nghiệp |  | 2 |  | 2 | 2 |
| 4.4. Báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị kế toán nhà nước |  |  |  |  | 2 |
| Chương 5. Kế toán hoạt động xây dựng cơ bản | 5.1. Nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản |  | 2 |  | 2 | 2 | Diễn giảng  Luyện tập và thực hành |
| 5.2. Kế toán chi phí xây dựng |  |  | 2 |  | 2 |
| Chương 6. Kế toán hoạt động sản xuất kinh doanh và cung ứng dịch vụ | 6.1. Tổng quan về hoạt động sản xuất kinh doanh và cung ứng dịch vụ tại đơn vị hành chính sự nghiệp | 1 | 2 |  | 2 | 2 | Diễn giảng  Luyện tập và thực hành |
| 6.2. Kế toán nguồn vốn kinh doanh |  | 2 |  | 2 | 2 |
| 6.3. Kế toán chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và cung ứng dịch vụ |  |  | 2 |  | 2 |
| 6.4. Kế toán doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh và cung ứng dịch vụ |  | 2 |  | 2 | 2 |
| 6.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp |  | 2 |  | 2 | 2 |
| 6.6. Kế toán xác định kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh và cung ứng dịch vụ |  |  | 2 |  | 2 |
| 6.7. Kế toán hoạt động liên doanh, liên kết |  | 2 |  | 2 | 2 |
| 6.8. Kế toán hoạt động đầu tư tài chính |  | 2 |  | 2 | 2 |
| 6.9. Trình bày và thuyết minh báo cáo tài chính về hoạt động sản xuất kinh doanh và cung ứn dịch vụ và hoạt động tài chính |  |  | 2 |  | 2 |
| Chương 7 : Kế toán các hoạt động khác | 7.1. Kế toán hoạt động phân phối và sử dụng các quỹ |  | 2 |  | 2 | 2 | Diễn giảng  Luyện tập và thực hành |
| 7.2. Kế toán hoạt động khác |  |  | 2 |  | 2 |
| 7.3. Kế toán hoạt động đặt cọc, ký cược, ký quỹ |  | 2 |  | 2 | 2 |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần nghiên cứu những nội dung kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ chuyên ngành thuộc lĩnh vực kế toán HCSN: Tổ chức công tác kế toán; Kế toán vốn bằng tiền, đầu tư tài chính, các khoản phải thu và ứng trước; Kế toán vật tư, sản phẩm, hàng hóa và tài sản cố định; Kế toán nợ phải trả, nguồn vốn và các quỹ; Kế toán thu, chi và xác định kết quả hoạt động; Báo cáo kế toán hành chính sự nghiệp.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu**  **đối với**  **sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ 1** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 1. Những vấn đề chung về kế toán hành chính sự nghiệp** | **14** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Đối tượng áp dụng kế toán hành chính sự nghiệp  1.2. Nghiệm vụ kế toán hành chính sự nghiệp  1.3. Tổ chức công tác kế toán hành chính sự nghiệp  1.4. Tổ chức bộ máy kế toán | 3 | - Nghe giảng;  - Đọc học liệu: chương 1;  - Trả lời các các câu hỏi vấn đáp trên lớp. | Theo TKB; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc giáo trình các nội dung liên quan;  - Các câu hỏi ôn tập chương 1 | 11 | Hoàn thành các câu hỏi, bài tập về nhà | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 2. Kế toán tài sản** | **18** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Kế toán vốn bằng tiền  2.2. Kế toán hàng tồn kho  2.3. Kế toán tài sản cố định.  2.4. Trình bày thuyết minh báo cáo tài chính các chỉ tiêu về tài sản cố định | 3 | - Nghe giảng;  - Đọc học liệu: chương 2;  - Trả lời các các câu hỏi vấn đáp. | Theo TKB; Lớp học |  |
| Bài tập | Câu hỏi, bài tập chương 2 | 3 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 2. | Theo TKB; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết có liên quan bài cũ; bài mới;  - Làm bài tập chương 2. | 12 | Hoàn thành các câu hỏi, bài tập về nhà. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 3. Kế toán thanh toán** | **18** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1. Kế toán các khoản phải thu  3.2. Kế toán các khoản phải trả  3.3. Kế toán thanh toán nội bộ | 4 | - Nghe giảng;  - Đọc học liệu: chương 3;  - Trả lời các các câu hỏi vấn đáp. | Theo TKB; Lớp học |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 3 | 2 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 3. | Theo TKB; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết có liên quan;  - Câu hỏi và bài tập chương 3 | 12 | Hoàn thành các câu hỏi, bài tập về nhà. | Thư viện,  Ở nhà |  |
| **Tín chỉ 2** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 4. Kế toán hoạt động hành chính sự nghiệp** | **25** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1. Kế toán thu hoạt động hành chính sự nghiệp  4.2. Kế toán chi phí hoạt động hành chính sự nghiệp  4.3. Trình bày và thuyết minh báo cáo quyết toán về hoạt động hành chính sự nghiệp  4.4. Báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị kế toán nhà nước | 5 | - Nghe giảng;  - Đọc học liệu: chương 4;  - Trả lời các các câu hỏi vấn đáp. | Theo TKB; Lớp học |  |
| Bài tập, kiểm tra | - Câu hỏi và bài tập chương 4  - Bài kiểm tra giữa kì 1 tiết | 3 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 4 | Theo TKB; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết có liên quan;  - Câu hỏi và bài tập chương 4 | 17 | Hoàn thành các câu hỏi, bài tập về nhà. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 5. Kế toán hoạt động xây dựng cơ bản** | **25** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1. Nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản  5.2. Kế toán chi phí xây dựng | 5 | - Nghe giảng;  - Đọc học liệu: chương 5;  - Trả lời các các câu hỏi vấn đáp. | Theo TKB; Lớp học |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 5 | 2 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 5 | Theo TKB; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 18 | Hoàn thành các câu hỏi, bài tập về nhà. | Thư viện,  Ở nhà |  |
| **Tín chỉ 3** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 6. Kế toán hoạt động sản xuất kinh doanh và cung ứng dịch vụ** | **25** |  |  |  |
| Lý thuyết | 6.1. Tổng quan về hoạt động sản xuất kinh doanh và cung ứng dịch vụ tại đơn vị hành chính sự nghiệp  6.2. Kế toán nguồn vốn kinh doanh  6.3. Kế toán chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và cung ứng dịch vụ  6.4. Kế toán doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh và cung ứng dịch vụ  6.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp  6.6. Kế toán xác định kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh và cung ứng dịch vụ  6.7. Kế toán hoạt động liên doanh, liên kết  6.8. Kế toán hoạt động đầu tư tài chính  6.9. Trình bày và thuyết minh báo cáo tài chính về hoạt động sản xuất kinh doanh và cung ứn dịch vụ và hoạt động tài chính | 5 | - Nghe giảng;  - Đọc học liệu: chương 6;  - Trả lời các các câu hỏi vấn đáp. | Theo TKB; Lớp học |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 6 | 3 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 6. | Theo TKB; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 17 | Hoàn thành các câu hỏi, bài tập về nhà. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 7 : Kế toán các hoạt động khác** | **25** |  |  |  |
| Lý thuyết | 7.1. Kế toán hoạt động phân phối và sử dụng các quỹ  7.2. Kế toán hoạt động khác  7.3. Kế toán hoạt động đặt cọc, ký cược, ký quỹ | 5 | - Nghe giảng;  - Đọc học liệu: chương 7;  - Trả lời các các câu hỏi vấn đáp. | Theo TKB; Lớp học |  |
| Bài tập | - Câu hỏi và bài tập chương 7  **- Bài kiểm tra 1 tiết** | 2 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 7 | Theo TKB; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 18 | Hoàn thành các câu hỏi, bài tập về nhà. | Thư viện,  Ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Giáo trình bắt buộc**

[1] Phạm Văn Liên, Ngô Thanh Hoàng (2019), Giáo trình Kế toán hành chính sự nghiệp, NXB Tài Chính, Hà Nội.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Bộ Tài chính (2024), *Chế độ Kế toán hành chính sự nghiệp Theo Thông Tư Số: 24/2024/TT-BTC Ngày 17/04/2024 Của Bộ Tài Chính*, NXB Tài Chính, Hà Nội.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn** |
| 1 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 2 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 3 |  |  | 3 |  |  | 7 |
| 4 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 5 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 6 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 7 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 8 | 1 | 1 | 1 |  |  | 7 |
| 9 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 10 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 11 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 12 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 13 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 14 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 15 | 1 | 1 | 1 |  |  | 7 |
| **Tổng cộng** | **30** | **2** | **13** |  |  | **105** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia xây dựng bài | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch5 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Tự luận | 30% | (i) Nội dung đầy đủ; (ii) Kiến thức chính xác; (iii) Trình bày khoa học. Theo đáp án, thang điểm của giảng viên. | Từ Ch1 đến Ch5 | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Tự luận | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Từ Ch1 đến Ch5 | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi***

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấu trúc đề thi** | **Thời gian làm bài** |
| Đề thi gồm 3 câu:  Câu 1 (3 điểm): cấp độ nhớ và hiểu  Câu 2 (3 điểm): cấp độ áp dụng và phân tích  Câu 2 (4 điểm): cấp độ áp dụng và phân tích  Cấp độ nhận thức: 30% nhớ và hiểu ; 70% áp dụng và phân tích | 90 phút |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa

Mã học phần: KT2.1.040.3

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 03

- Loại học phần: Bắt buộc

- Yêu cầu đầu vào: Nguyên lý kế toán

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

+ Học lý thuyết trên lớp: 30 giờ

+ Bài tập trên lớp: 13 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 2 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 105 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | Th.S Phạm Thanh Trà | 0967.654.082 | [phamtra88@gmail.com](mailto:Phamtra88@gmail.com) |
| 2 | TS Nguyễn Thị Kim Ngân | 0988.798.307 | [ngankim30788@gmail.com](mailto:ngankim30788@gmail.com) |
| 3 | Th.S. Đinh Thị Lan | 0987.423.415 | [landtl17a.hua@gmail.com](mailto:landtl17a.hua@gmail.com) |
| 4 | TS. Vũ Thị Hằng Nga | 0984.368.612 | [vunga0304@gmail.com](mailto:vunga0304@gmail.com) |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:*Phát triển khả năng của người học trong việc vận dụng các nguyên lý kế toán để hạch toán các nghiệp vụ cơ bản tại doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đồng thời, có khả năng tổ chức công tác kế toán theo đúng chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh cơ bản của một doanh nghiệp nhỏ và vừa.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt1: Xác định được từng loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa theo các tiêu chí đánh giá do Nhà nước ban hành.

Mt 2: Giải thích được nguyên tắc, nội dung và phương pháp kế toán đối với các phần hành kế toán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Mt 3: Thực hiện được tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Mt 4: Rèn luyện kỹ năng tư duy logic, phân tích, lập luận; tra cứu và khai thác tài liệu liên quan; kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình.

Mt 5: Có động cơ học tập đúng đắn, có ý thức trách nhiệm, khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình học tập và hành nghề kế toán.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.040.3 | Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa | **CĐR 1** | **CĐR 2** | **CĐR 3** | **CĐR 4** | **CĐR 5** | **CĐR 6** |
|  |  | 2 |  |  | 2 |
| **CĐR 7** | **CĐR 8** | **CĐR 9** | **CĐR 10** | **CĐR 11** | **CĐR 12** |
|  |  |  |  |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

| **Mục tiêu**  **của HP** | **Chuẩn đầu ra của học phần** | **CĐR**  **của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Khái quát được khái niệm, bản chất và nội dung của việc tổ chức công tác kế toán đối với loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa. | CĐR 3 |
| Ch2: Phân biệt được tiêu chí đánh giá các loại hình doanh nghiệp thuộc doanh nghiệp nhỏ và vừa. | CĐR 3 |
| Mt2 | Ch3: Giải thích được nguyên tắc, nội dung và phương pháp kế toán đối với các phần hành kế toán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa. | CĐR 3 |
| Ch4: Vận dụng lý thuyết để giải thích kết cấu, nội dung và phương pháp tiến hành lập một số loại báo cáo kế toán chủ yếu thuộc loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa. | CĐR 3 |
| **Kỹ năng** | | |
| ***Kỹ năng cứng*** | | |
| Mt3 | Ch5: Vận dụng các nguyên tắc và phương pháp kế toán để định khoản được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, xác đinh được các chứng từ, sổ sách kế toán có liên quan đến các phần hành kế toán. | CĐR 6 |
| Ch6: Thực hiện lập các báo cáo tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa. | CĐR 6 |
| ***Kỹ năng mềm*** | | |
| Mt4 | Ch7: Có kỹ năng tư duy, phân tích và kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; làm việc độc lập và làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu. | CĐR 6 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt5 | Ch8: Có ý thức trách nhiệm, có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình học tập và hành nghề kế toán (đặc biệt đối với loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa); chấp hành nghiêm các quy tắc, chuẩn mực và chế độ tài chính - kế toán hiện hành. | CĐR 6 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | | **Kĩ năng** | | | **Mức độ tự chủ và TN** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Nội dung** | **Cứng** | | **Mềm** |
| **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch 3** | **Ch4** | **Ch 5** | **Ch6** | **Ch 7** | **Ch 8** |
| **Chương 1: Khái quát về kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa** | 1.1. Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa | 1 |  |  |  |  |  | 2 |  | Thuyết trình, đàm thoại, tổ chức học tập theo nhóm, hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu |
| 1.2. Vận dụng chế độ kế toán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa |  | 2 |  |  |  |  | 2 |  |
| **Chương 2: Kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ** | 2.1. Những vấn đề chung về kế toán nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp nhỏ và vừa. |  |  | 1 |  |  |  | 2 |  | Thuyết trình,đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu |
| 2.2. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ. |  |  | 1 |  |  |  |  | 2 |
| 2.3.Kế toán chi tiết nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ. |  |  | 2 |  | 2 |  |  | 2 |
| 2.4.Kế toán tổng hợp nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ. |  |  | 2 |  | 2 |  |  | 2 |
| **Chương 3: Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương** | 3.1.Những vấn đề chung về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương |  |  | 1 |  |  |  | 2 |  | Thuyết trình,đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu |
| 3.2. Phân loại lao động, tiền lương và các hình thức trả lương |  |  | 1 |  |  |  |  | 2 |
| 3.3.Hạch toán chi tiết tiền lương và các khoản trích theo lương |  |  | 2 |  | 2 |  |  | 2 |
| 3.4.Kế toán tổng hợp tiền lương |  |  | 2 |  | 2 |  |  | 2 |
| 3.5.Kế toán các khoản trích theo lương |  |  | 2 |  | 2 |  |  | 2 |
| **Chương 4: Kế toán tài sản cố định** | 4.1. Khái quát về kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp nhỏ và vừa |  |  | 1 |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình,đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu |
| 4.2. Phân loại và đánh giá TSCĐ |  |  | 1 |  |  |  |  | 2 |
| 4.3. Chứng từ kế toán sử dụng |  |  | 2 |  | 2 |  |  |  |
| 4.4.Kế toán chi tiết TSCĐ |  |  | 2 |  | 2 |  |  |  |
| 4.5.Kế toán tổng hợp TSCĐ |  |  | 2 |  | 2 |  |  |  |
| 4.6.Kế toán khấu hao TSCĐ |  |  | 2 |  | 2 |  |  |  |
| 4.7.Kế toán TSCĐ thuê ngoài |  |  | 2 |  | 2 |  |  |  |
| 4.8.Kế toán sửa chữa TSCĐ |  |  | 2 |  | 2 |  |  |  |
| **Chương 5: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm** | 5.1. Những vấn đề chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp nhỏ và vừa |  |  | 1 |  |  |  | 2 |  | Thuyết trình,đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu |
| 5.2. Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng kế toán tính giá thành sản phẩm |  |  | 2 |  |  |  | 2 |  |
| 5.3. Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm |  |  | 2 |  |  |  |  |  |
| 5.4.Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm |  |  | 2 |  | 2 |  |  |  |
| **Chương 6: Kế toán tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa và xác định kết quả hoạt động kinh doanh** | 6.1. Khái quát về kế toán tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa |  |  | 1 |  |  |  |  |  | Thuyết trình,đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu |
| 6.2.Kế toán tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa |  |  | 2 |  | 2 |  |  |  |
| 6.3.Kế toán xác định kết quả kinh doanh |  |  | 2 |  | 2 |  |  |  |
| **Chương 7: Báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa** | 7.1. Khái quát về báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa |  |  |  | 1 |  |  | 2 |  | Thuyết trình,đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu |
| 7.2. Báo cáo tình hình tài chính |  |  |  | 2 |  | 2 |  | 2 |
| 7.3.Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh |  |  |  | 2 |  | 2 |  | 2 |
| 7.4.Báo cáo lưu chuyển tiền tệ |  |  |  | 2 |  | 2 |  | 2 |
| 7.5.Bản thuyết minh báo cáo tài chính |  |  |  | 2 |  | 2 |  | 2 |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần tập trung nghiên cứu các kiến thức chuyên sâu và nghiệp vụ kế toán một số phần hành trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của chế độ kế toán áp dụng cho loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa: Kế toán nguyên liệu, vật liệu, CCDC; Kế toán TSCĐ; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; Kế toán tiêu thụ sản phẩm, chi phí quản lý kinh doanh, xác định kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận. Đồng thời cung cấp cho người học các kiến thức về lập báo cáo tài chính.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu**  **đối với**  **sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Chương 1: Khái quát về kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa** | **9** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa  1.2. Vận dụng chế độ kế toán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa | 2 | - Đọc học liệu số 1  - Chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của GV | Theo TKB; trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi ôn tập Chương 1 | 1 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi ôn tập | Theo TKB; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Ôn tập lại kiến thức học phần Nguyên lý kế toán  - Đọc trước tài liệu liên quan về kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu | 6 | Học thuộc hệ thống tài khoản kế toán (TT số 133/2016/BTC) | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 2: Kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ** | **18** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1.Những vấn đề chung về kế toán nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp nhỏ và vừa  2.2.Phân loại và tính giá nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ  2.3.Kế toán chi tiết nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ  2.4.Kế toán tổng hợp nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ | 4 | - Đọc học liệu số 1  - Chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của GV | Theo TKB; trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập tương ứng của Chương 2 | 2 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo TKB; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Người học đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng làm các câu hỏi, bài tập.  - GV giao bài tập, chấm kết quả bài tập của người học. | 12 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp; Làm đầy đủ các bài tập GV giao về nhà theo yêu cầu | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 3: Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương** | **23** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1.Những vấn đề chung về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương  3.2.Phân loại lao động, tiền lương và các hình thức trả lương  3.3.Hạch toán chi tiết tiền lương và các khoản trích theo lương  3.4.Kế toán tổng hợp tiền lương  3.5.Kế toán các khoản trích theo lương | 4 | - Đọc học liệu số 1  - Chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của GV | Theo TKB; trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập tương ứng của Chương 3 | 2 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo TKB; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Người học đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng làm các câu hỏi, bài tập.  - GV giao bài tập, chấm kết quả bài tập của người học. | 17 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp; Làm đầy đủ các bài tập GV giao về nhà theo yêu cầu | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |  |
|  | **Chương 4: Kế toán tài sản cố định** | **18** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1.Khái quát về kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp nhỏ và vừa  4.2.Phân loại và đánh giá TSCĐ  4.3.Chứng từ kế toán sử dụng  4.4.Kế toán chi tiết TSCĐ  4.5.Kế toán tổng hợp TSCĐ  4.6.Kế toán khấu hao TSCĐ | 4 | - Đọc học liệu số 1  - Chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của GV | Theo TKB; trên lớp |  |
| Bài tập | - Bài tập tương ứng của Chương 4 | 2 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo TKB; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Người học đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng làm các câu hỏi, bài tập.  - GV giao bài tập, chấm kết quả bài tập của người học. | 12 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp; Làm đầy đủ các bài tập GV giao về nhà theo yêu cầu | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 5: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm** | **32** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1.Những vấn đề chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp nhỏ và vừa  5.2.Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng kế toán tính giá thành sản phẩm  5.3.Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm  5.4.Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm | 7 | - Đọc học liệu số 1  - Chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của GV | Theo TKB; trên lớp |  |
| Bài tập | - Bài tập tương ứng của Chương 5 | 1 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo TKB; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Người học đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng làm các câu hỏi, bài tập.  - GV giao bài tập, chấm kết quả bài tập của người học. | 23 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp; Làm đầy đủ các bài tập GV giao về nhà theo yêu cầu | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Kiểm tra giữa kì** | **1** |  |  |  |
|  | **Tín chỉ 3** |  |  |  |  |
|  | **Chương 6: Kế toán tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa và xác định kết quả hoạt động kinh doanh** | **21** |  |  |  |
| Lý thuyết | 6.1.Khái quát về kế toán tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa  6.2.Kế toán tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa  6.3.Kế toán xác định kết quả kinh doanh | 5 | - Đọc học liệu số 1  - Chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của GV | Theo TKB; trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập tương ứng của Chương 6 | 2 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo TKB; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Người học đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng làm các câu hỏi, bài tập.  - GV giao bài tập, chấm kết quả bài tập của người học. | 14 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp; Làm đầy đủ các bài tập GV giao về nhà theo yêu cầu | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 7: Báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa** | **29** |  |  |  |
| Lý thuyết | 7.1.Khái quát về báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa  7.2. Báo cáo tình hình tài chính  7.3.Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  7.4.Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  7.5.Bản thuyết minh báo cáo tài chính | 4 | - Đọc học liệu số 1  - Chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của GV | Theo TKB; trên lớp |  |
| Bài tập, kiểm tra | - Bài tập tương ứng của Chương 7  - Kiểm tra 1 tiết | 4 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo TKB; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Vận dụng các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 21 | Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Trương Thị Thủy, Nguyễn Thị Tuân, Vũ Quỳnh Nam (2019), Giáo trình kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa, NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ.

[2] Bộ Tài chính (2016), Hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa, NXB Tài chính.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[3] Võ Văn Nhị (2016), Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa, NXB Kinh tế, TP.Hồ Chí Minh.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn** |
| 1 | 2 |  | 1 |  |  | 6 |
| 2 | 2 |  | 1 |  |  | 6 |
| 3 | 2 |  | 1 |  |  | 6 |
| 4 | 2 |  | 1 |  |  | 6 |
| 5 | 2 |  | 1 |  |  | 11 |
| 6 | 2 |  | 1 |  |  | 6 |
| 7 | 2 |  | 1 |  |  | 6 |
| 8 | 3 |  |  |  |  | 6 |
| 9 | 3 |  |  |  |  | 6 |
| 10 | 1 | 1 | 1 |  |  | 11 |
| 11 | 2 |  | 1 |  |  | 6 |
| 12 | 2 |  | 1 |  |  | 6 |
| 13 | 2 |  | 1 |  |  | 6 |
| 14 | 2 |  | 1 |  |  | 6 |
| 15 | 1 | 1 | 1 |  |  | 11 |
| **Tổng** | **30** | **2** | **13** |  |  | **105** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng bài | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch7, Ch 8 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Bài kiểm tra trắc nghiệm (02 bài) | 30% | Theo đáp án, thang điểm của giảng viên. | Ch1 đến Ch6 | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 4 | Thi trắc nghiệm | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1 đến Ch 6 | 10 |

**11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ** | **Cấp độ nhận thức** | | **Tổng** | **Điểm** | **Thời gian thi** |
| **Biết/hiểu (40%)** | **Vận dụng/ phân tích (60%)** |
| Tín chỉ 1 | 8 | 12 | 20 | 4 | 75 phút |
| Tín chỉ 2 | 8 | 12 | 20 | 4 |
| Tín chỉ 3 | 4 | 6 | 10 | 2 |
| **Tổng số câu** | **20** | **30** | **50** | **10** |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO**  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

# Tên học phần: Kế toán tài chính 3

Mã học phần: KT2.1.026.3

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 03

- Loại học phần: Bắt buộc

- Yêu cầu đầu vào: Nguyên lý kế toán

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 30 giờ

+ Bài tập trên lớp: 13 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 2 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 105 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | TS. Trần Thị Diên | 0987578358 | [tranthidien1979@gmail.com](mailto:tranthidien1979@gmail.com) |
| 2 | TS. Đỗ Hải Yến | 0987423415 | [landtl17a.hua@gmail.com](mailto:landtl17a.hua@gmail.com) |
| 3 | TS. Vương Thị Bạch Tuyết | 0979.141.352 | [tuyetvtb@utt.edu.vn](mailto:tuyetvtb@utt.edu.vn) |
| 4 | ThS. Bùi Mạnh Dũng | 0912207369 | dungtctq@gmail.com |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung*: Người học có những kiến thức và kĩ năng về hạch toán kế toán các khoản thanh toán và nguồn vốn chủ sở hữu; các khoản dự phòng và các khoản điều chỉnh; các khoản đầu tư tài chính, bất động sản đầu tư và thuê tài sản; quy định và phương pháp lập báo cáo tài chính theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt1: Người học vận dụng được các quy định hạch toán; nội dung, kết cấu tài khoản sử dụng; phương pháp kế toán để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến các khoản thanh toán và nguồn vốn chủ sở hữu; các khoản dự phòng và các khoản điều chỉnh; các khoản đầu tư tài chính, bất động sản đầu tư và thuê tài sản.

Mt2: Hạch toán được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến liên quan đến các phần hành kế toán trên. Lập được các báo cáo tài chính theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Mt3: Tuân thủ nguyên tắc, phương pháp và quy trình kế toán; chấp hành quy định về lập báo cáo tài chính.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.026.3 | Kế toán  tài chính 3 | **CĐR 1** | **CĐR 2** | **CĐR 3** | **CĐR 4** | **CĐR 5** | **CĐR 6** |
|  |  |  | **2** |  | **2** |
| **CĐR 7** | **CĐR 8** | **CĐR 9** | **CĐR 10** | **CĐR 11** | **CĐR 12** |
|  |  |  |  |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của học phần** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Khái quát được các quy định hạch toán; nội dung, kết cấu tài khoản sử dụng; phương pháp hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến các khoản thanh toán và nguồn vốn chủ sở hữu trong doanh nghiệp. | CĐR 4 |
| Ch2: Vận dụng các quy định và phương pháp hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến các khoản dự phòng và các khoản điều chỉnh; các khoản đầu tư tài chính, bất động sản đầu tư và thuê tài sản. | CĐR 4 |
| Ch3: Áp dụng các quy định và phương pháp lập các báo cáo tài chính trong doanh nghiệp. | CĐR 4 |
| **Kỹ năng** | | |
| Mt2 | ***Kĩ năng cứng*** |  |
| Ch4: Thực hiện định khoản và ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế - tài chính phát sinh liên quan đến các khoản thanh toán và nguồn vốn chủ sở hữu trong doanh nghiệp. | CĐR 6 |
| Ch5: Hạch toán các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến các khoản dự phòng và các khoản điều chỉnh; các khoản đầu tư tài chính, bất động sản đầu tư và thuê tài sản. | CĐR 6 |
| Ch6: Lập được các chỉ tiêu tài chính trên bảng Cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Thuyết minh báo cáo tài chính. | CĐR 6 |
| ***Kĩ năng mềm*** |  |
| Ch7: Làm việc độc lập, chủ động giải quyết vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn kế toán tài chính. | CĐR 6 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt3 | Ch8: Chấp hành nguyên tắc, phương pháp và trình tự kế toán các khoản thanh toán và nguồn vốn chủ sở hữu; các khoản dự phòng và các khoản điều chỉnh; các khoản đầu tư tài chính, bất động sản đầu tư và thuê tài sản. Tôn trọng chuẩn mực kế toán trong việc lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp. | CĐR 6 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | **Kĩ năng** | | | | **Mức độ TC và TN** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Nội dung** | **Cứng** | | | **Mềm** |
| **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch 3** | **Ch 4** | **Ch 5** | **Ch 6** | **Ch 7** | **Ch 8** |
| Chương 8. Kế toán thanh toán và nguồn vốn chủ sở hữu | 8.1. Nhiệm vụ của kế toán | 2 |  |  |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình |
| 8.2. Kế toán các khoản thanh toán | 2 |  |  | 2 |  |  |  |  | Giảng giải; Bài tập |
| 8.3. Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu | 2 |  |  | 2 |  |  |  |  | Giảng giải; Bài tập |
| 8.4. Hệ thống sổ kế toán | 2 |  |  | 2 |  |  |  |  | Thuyết trình |
| 8.5. Thông tin trình bày trên báo cáo tài chính | 2 |  |  | 2 |  |  |  |  | Thuyết trình |
| Chương 9. Kế toán các khoản dự phòng và các khoản điều chỉnh | 9.1. Nhiệm vụ của kế toán |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình |
| 9.2. Kế toán các khoản dự phòng |  | 2 |  |  | 2 |  |  |  | Giảng giải; Bài tập |
| 9.3. Kế toán các khoản điều chỉnh |  | 2 |  |  | 2 |  |  |  | Giảng giải; Bài tập |
| 9.4. Hệ thống sổ kế toán |  | 2 |  |  | 2 |  |  |  | Thuyết trình |
| 9.5. So sánh với chuẩn mực kế toán quốc tế |  | 2 |  |  | 2 |  | 2 |  | Thuyết trình; Thảo luận nhóm |
| Chương 10. Kế toán các khoản đầu tư tài chính, bất động sản đầu tư và thuê tài sản | 10.1. Nhiệm vụ của kế toán |  | 2 |  |  | 2 |  |  | 2 | Thuyết trình |
| 10.2. Kế toán các khoản đầu tư tài chính |  | 2 |  |  | 2 |  |  |  | Giảng giải; Bài tập |
| 10.3. Kế toán thuê TSCĐ |  | 2 |  |  | 2 |  |  |  | Giảng giải; Bài tập |
| 10.4. Kế toán bất động sản đầu tư |  | 2 |  |  | 2 |  |  |  | Giảng giải; Bài tập |
| 10.5. Hệ thống sổ kế toán |  | 2 |  |  | 2 |  |  |  | Thuyết trình |
| 10.6. Trình bày thông tin trên BCTC |  | 2 |  |  | 2 |  |  |  | Thuyết trình |
| 10.7. So sánh với chuẩn mực kế toán quốc tế |  | 2 |  |  |  |  | 2 |  | Thuyết trình; Thảo luận nhóm |
| Chương 11. Báo cáo tài chính | 11.1. Khái niệm, ý nghĩa, tác dụng và yêu cầu của báo cáo tài chính |  |  | 2 |  |  |  | 2 |  | Thuyết trình ; Đàm thoại. |
| 11.2. Hệ thống báo cáo tài chính, trách nhiệm, thời hạn lập và gửi báo cáo tài chính |  |  | 2 |  |  |  | 2 |  | Thuyết trình ; Đàm thoại. |
| 11.3. Bảng cân đối kế toán |  |  | 2 |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình |
| 11.4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh |  |  | 2 |  |  |  | 2 |  | Thuyết trình; Thảo luận nhóm |
| 11.5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ |  |  | 2 |  |  | 2 |  |  | Giảng giải; Bài tập |
| 11.6. Thuyết minh báo cáo tài chính |  |  | 2 |  |  |  | 2 |  | Thuyết trình; Thảo luận nhóm |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần nghiên cứu những nội dung kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ chuyên ngành thuộc phần hành kế toán: các khoản thanh toán và nguồn vốn chủ sở hữu; các khoản dự phòng và các khoản điều chỉnh; các khoản đầu tư tài chính, bất động sản đầu tư và thuê tài sản. Nội dung, quy định và phương pháp lập báo cáo tài chính theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu**  **đối với**  **sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Chương 8. Kế toán thanh toán và nguồn vốn chủ sở hữu** | **50** |  |  |  |
| Lý thuyết | 8.1. Nhiệm vụ của kế toán  8.2. Kế toán các khoản thanh toán  8.3. Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu | 10 | Học liệu số 1, từ mục 8.1 đến hết mục 8.3  (Tr 333 - 422) | Theo TKB; Lớp học |  |
| Bài tập | Câu hỏi, bài tập chương 8 | 5 | Vận dụng lý thuyết để giải bài tập | Theo TKB; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi lên lớp; Hoàn thành câu hỏi, bài tập giao nhiệm vụ về nhà sau từng buổi học. | 35 | Nghiên cứu lý thuyết; Vận dụng làm các câu hỏi, bài tập; Chuẩn bị những vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |  |
|  | **Chương 9. Kế toán các khoản dự phòng và các khoản điều chỉnh** | **23** |  |  |  |
| Lý thuyết | 9.1. Nhiệm vụ của kế toán  9.2. Kế toán các khoản dự phòng  9.3. Kế toán các khoản điều chỉnh | 5 | Học liệu số 1, từ mục 9.1 đến hết mục 9.3  (Tr 423 - 503) | Theo TKB; Lớp học |  |
| Bài tập | Câu hỏi, bài tập chương 9 | 2 | Vận dụng lý thuyết để giải bài tập | Theo TKB; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi lên lớp; Hoàn thành câu hỏi, bài tập giao nhiệm vụ về nhà sau từng buổi học. | 16 | Nghiên cứu lý thuyết; Vận dụng làm các câu hỏi, bài tập; Chuẩn bị những vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 10. Kế toán các khoản đầu tư tài chính, bất động sản đầu tư và thuê tài sản** | **27** |  |  |  |
| Lý thuyết | 10.1. Nhiệm vụ của kế toán  10.2. Kế toán các khoản đầu tư tài chính  10.3. Kế toán thuê TSCĐ  10.4. Kế toán bất động sản đầu tư | 5 | Học liệu số 1, từ mục 10.1 đến hết mục 10.4  (Tr 504 - 585) | Theo TKB; Lớp học |  |
| Bài tập | Câu hỏi, bài tập chương 10 | 2 | Vận dụng lý thuyết để giải bài tập | Theo TKB; Lớp học |  |
| Kiểm tra | **Bài kiểm tra số 1** | 1 | Vận dụng kiến thức đã học làm bài kiểm tra | Theo TKB; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi lên lớp; Hoàn thành câu hỏi, bài tập giao nhiệm vụ về nhà sau từng buổi học. | 19 | Nghiên cứu lý thuyết; Vận dụng làm các câu hỏi, bài tập; Chuẩn bị những vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 3** |  |  |  |  |
|  | **Chương 11. Báo cáo tài chính** | **50** |  |  |  |
| Lý thuyết | 11.1. Khái niệm, ý nghĩa, tác dụng và yêu cầu của báo cáo tài chính  11.2. Hệ thống báo cáo tài chính, trách nhiệm, thời hạn lập và gửi báo cáo tài chính  11.3. Bảng cân đối kế toán  11.4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  11.5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  11.6. Thuyết minh báo cáo tài chính | 10 | Học liệu số 1, từ mục 11.1 đến hết mục 11.6 (Tr 586 - 727) | Theo TKB; Lớp học |  |
| Bài tập | Câu hỏi, bài tập chương 11 | 4 | Vận dụng lý thuyết để giải bài tập | Theo TKB; Lớp học |  |
| Kiểm tra | **Bài kiểm tra số 2** | 1 | Vận dụng kiến thức đã học làm bài kiểm tra | Theo TKB; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi lên lớp; Hoàn thành câu hỏi, bài tập giao nhiệm vụ về nhà sau từng buổi học. | 35 | Nghiên cứu lý thuyết; Vận dụng làm các câu hỏi, bài tập; Chuẩn bị những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Trương Thị Thủy, Ngô Thị Thu Hồng (2019), *Giáo trình Kế toán tài chính doanh nghiệp,* NXB Tài chính.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Bộ Tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1, 2)*, NXB Lao động.

[3] Trần Thị Diên (2020), *Kế toán tài chính 3*, Tài liệu lưu hành nội bộ, Trường Đại học Tân Trào.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn** |
| 1 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 2 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 3 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 4 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 5 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 6 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 7 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 8 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 9 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 10 | 2 | 1 |  |  |  | 7 |
| 11 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 12 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 13 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 14 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 15 | 2 | 1 |  |  |  | 7 |
| **Tổng cộng** | **30** | **2** | **13** |  |  | **105** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch8 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Bài kiểm tra | 30% | Bài kiểm tra số 1:  - Hình thức: Tự luận  - Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc tín chỉ 1, tín chỉ 2.  - Đánh giá: Theo thang điểm, đáp án của giảng viên. | Ch1, Ch2, Ch4, Ch5, Ch7, Ch8 | 10 |
| Bài kiểm tra số 2:  - Hình thức: Tự luận  - Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc tín chỉ 3.  - Đánh giá: Theo thang điểm, đáp án của giảng viên. | Ch3, Ch6, Ch7, Ch8 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Thi tự luận | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1 đến Ch8 | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi***

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấu trúc đề thi** | **Thời gian làm bài** |
| Đề thi gồm 3 câu:  + Câu 1 (3 điểm): Cấp độ nhớ và hiểu.  + Câu 2 (3 điểm): Cấp độ áp dụng và phân tích.  + Câu 3 (4 điểm): Cấp độ áp dụng và phân tích.  Đề thi đánh giá được nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc các tín chỉ của học phần.  - Cấp độ nhận thức: 30% nhớ và hiểu ; 70% áp dụng và phân tích. | 90 phút |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

# Tên học phần: Lý thuyết kiểm toán

Mã học phần: KT2.1.016.3

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 03

- Loại học phần: Bắt buộc

- Yêu cầu đầu vào: Nguyên lý kế toán

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 30

+ Bài tập trên lớp: 13 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 2 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 105

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | TS. Lê Minh Thu | 0913.058.196 | leminhthutc07@gmail.com |
| 2 | ThS. Nguyễn Thị Kim Ngân | 0988.798.307 | ngankim30788@gmail.com |
| 3 | TS. Trần Thị Diên | 0987578358 | tranthidien1979@gmail.com |
| 4 | ThS. Phạm Thanh Trà | 0967654082 | Phamtra88@gmail.com |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:*Sau khi học xong học phần, người học có thể khái quát được những nội dung cơ bản về kiểm toán, xác định được đối tượng kiểm toán, quy trình kiểm toán và vận dụng các kiến thức để thực hiện được các công đoạn cơ bản của một cuộc kiểm toán.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt1: Khái quát được nội dung cơ bản của kiểm toán, hoạt động của các tổ chức kiểm toán, báo cáo kiểm toán và toán về báo cáo tài chính. Nghiên cứu phát hiện gian lận, sai sót, bằng chứng kiểm toán trong hoạt động kiểm toán.

Mt2: Sử dụng được một số phương pháp kiểm toán cơ bản, chọn mẫu trong kiểm toán và các khâu của quá trình kiểm toán. Vận dụng linh hoạt các kiến thức vềkiểm toán và các kỹ năng mềm trong tổ chức và quản lý kiểm toán.

Mt3: Có động cơ học tập đúng đắn, tôn trọng nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp; làm việc khoa học và quản lý hiệu quả các hoạt động trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.016.3 | Lý thuyết kiểm toán | **CĐR 1** | **CĐR 2** | **CĐR 3** | **CĐR 4** | **CĐR 5** | **CĐR 6** |
|  |  |  | **2** |  |  |
| **CĐR 7** | **CĐR 8** | **CĐR 9** | **CĐR 10** | **CĐR 11** | **CĐR 12** |
|  |  |  |  |  | **2** |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của HP** | **CĐR của CTĐT** |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Khái quát đượcnhững vấn đề cơ bản của kiểm toán và các tổ chức kiểm toán. | CĐR 4 |
| Ch2: Nghiên cứu được những nội dung cơ bản của báo cáo kiểm toán, hoạt động của các tổ chức kiểm toán và phân biệt được kiểm toán báo cáo tài chính với kiểm tra kế toán, thanh tra tài chính và thanh tra nhà nước. |
| Ch3: Kiểm tra các gian lận – sai sót trên cơ sở dẫn liệu và bằng chứng kiểm toán. |
| Ch4: Đánh giá đượccác phương pháp kiểm toán cơ bản, chọn mẫu trong kiểm toán và các khâu của quá trình kiểm toán. |
| **Kỹ năng** | | |
| Kỹ năng cứng | | |
| Mt2 | Ch5: Phát hiện được gian lận, sai sót, đánh giá được mức trọng yếu và tính toán được rủi ro kiểm toán. | CĐR 4 |
| Ch6: Lập kế hoạch thực hiện một cuộc kiểm toán cơ bản. |
| Kỹ năng mềm |
| Ch7: Phát triểnkỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề. |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt3 | Ch8: Có động cơ học tập đúng đắn, tôn trọng nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp; làm việc khoa học và quản lý hiệu quả các hoạt động trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. | CĐR 12 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | | **Kĩ năng** | | | **Mức độ TC và TN** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Kiến thức** | **Cứng** | | **Mềm** |
| **Ch1** | **Ch2** | **Ch3** | **Ch4** | **Ch5** | **Ch6** | **Ch7** | **Ch8** |
| **Chương 1: Những vấn đề cơ bản của kiểm toán** | 1.1. Khái niệm kiểm toán | 1 |  |  |  |  |  |  | 1 | Thuyết trình ; Giảng giải ;  Nêu vấn đề ; Đàm thoại. |
| 1.2. Quá trình ra đời, phát triển và sự cần thiết khách quan của kiểm toán trong nền kinh tế thị trường | 1 |  |  |  |  |  |  | 1 |
| 1.3. Chức năng của kiểm toán | 2 |  |  |  |  |  |  | 2 |
| 1.4. Đối tượng và khách thể của kiểm toán | 2 |  |  |  |  |  |  | 2 |
| 1.5. Các loại kiểm toán | 2 |  |  |  |  |  |  | 2 |
| 1.6. Quy trình kiểm toán | 2 |  |  |  |  |  |  | 2 |
| 1.7. Chuẩn mực kiểm toán | 2 |  |  |  |  |  |  | 2 |
| **Chương 2: Các tổ chức kiểm toán và hoạt động của các tổ chức kiểm toán** | 2.1. Tổ chức kiểm toán độc lập | 2 |  |  |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình ; Giảng giải;  Nghiên cứu tình huống; Đàm thoại. |
| 2.2. Tổ chức kiểm toán nhà nước | 2 |  |  |  |  |  |  | 2 |
| 2.3. Tổ chức kiểm toán nội bộ | 2 |  |  |  |  |  |  | 2 |
| 2.4. Phân biệt kiểm toán báo cáo tài chính với kiểm tra kế toán, thanh tra tài chính và thanh tra Nhà nước | 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| **Chương 3: Báo cáo kiểm toán** | 3.1. Báo cáo kiểm toán và ý nghĩa của báo cáo kiểm toán |  | 2 |  |  |  |  | 2 | 2 | Thuyết trình ; Giảng giải;  Nghiên cứu tình huống; Đàm thoại. |
| 3.2. Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính |  | 2 |  |  |  |  | 2 | 2 |
| **Chương 4: Gian lận và sai sót - Trọng yếu và rủi ro** | 4.1. Gian lận và sai sót |  |  | 2 |  | 2 |  |  | 2 | Thuyết trình ; Giảng giải ;  Đàm thoại. |
| 4.2. Trọng yếu |  |  | 2 |  | 2 |  |  | 2 |
| 4.3. Rủi ro kiểm toán |  |  | 2 |  | 2 |  |  | 2 |
| **Chương 5: Cơ sở dẫn liệu và bằng chứng kiểm toán** | 5.1. Cơ sở dẫn liệu |  |  | 2 |  | 2 |  |  | 2 | Thuyết trình ; Giảng giải ;  Nghiên cứu tình huống ; Đàm thoại. |
| 5.2. Bằng chứng kiểm toán |  |  | 2 |  | 2 |  |  | 2 |
| **Chương 6: Hệ thống kiểm soát nội bộ và rủi ro kiểm soát** | 6.1. Khái quát về hệ thống kiểm soát nội bộ | 2 |  |  |  |  |  | 1 |  | Thuyết trình ; Giảng giải ;  Đàm thoại. |
| 6.2. Các mục tiêu chi tiết của kiểm soát nội bộ đối với báo cáo tài chính | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| 6.3. Cơ cấu của hệ thống kiểm soát nội bộ | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| 6.4. Tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ và đánh giá rủi ro kiểm soát | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Chương 7: Phương pháp kiểm toán và kỹ thuật chọn mẫu trong công tác kiểm toán** | 7.1. Phương pháp kiểm toán |  |  |  | 2 |  | 2 |  |  | Thuyết trình ; Giảng giải ;  Đàm thoại. |
| 7.2. Kỹ thuật chọn mẫu |  |  |  | 2 |  | 2 |  |  |
| 7.3. Kiểm toán trong môi trường tin học |  |  |  | 2 |  | 2 |  |  |
| **Chương 8: Tổ chức và quản lý kiểm toán** | 8.1. Chuẩn bị kiểm toán |  |  |  | 2 |  | 1 |  | 1 | Thuyết trình ; Giảng giải ;  Đàm thoại ; Thảo luận nhóm. |
| 8.2. Tổ chức quá trình kiểm toán |  |  |  | 2 |  | 2 |  | 2 |
| 8.3. Tổ chức giấy tờ và hồ sơ kiểm toán |  |  |  | 2 |  | 2 |  | 1 |
| 8.4. Kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán |  |  |  | 2 |  | 2 |  | 1 |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản về hoạt động kiểm toán: Bản chất và chức năng của kiểm toán; các tổ chức kiểm toán và hoạt động của các tổ chức kiểm toán; Phương pháp kiểm toán; Trình tự kiểm toán; Tổ chức và quản lý kiểm toán.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu đối với sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Chương 1: Những vấn đề cơ bản của kiểm toán** | **16** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Khái niệm kiểm toán  1.2. Quá trình ra đời, phát triển và sự cần thiết khách quan của kiểm toán trong nền kinh tế thị trường  1.3. Chức năng của kiểm toán  1.4. Đối tượng và khách thể của kiểm toán  1.5. Các loại kiểm toán  1.6. Quy trình kiểm toán  1.7. Chuẩn mực kiểm toán | 4 | - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết;  - Đọc học liệu số 1, chương 1 | Theo TKB; Trên lớp |  |
| Bài tập, kiểm tra, thảo luận | - Giải đáp các câu hỏi và làm bài tập chương 1. | 1 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 1; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Theo TKB; Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Câu hỏi, bài tập chương 1.  - Đọc trước các nội dung lý thuyết chương 2. | 11 | - Hoàn thành các câu hỏi, bài tập của chương. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 2: Các tổ chức kiểm toán và hoạt động của các tổ chức kiểm toán** | **17** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Tổ chức kiểm toán độc lập  2.2. Tổ chức kiểm toán nhà nước  2.3. Tổ chức kiểm toán nội bộ  2.4. Phân biệt kiểm toán báo cáo tài chính với kiểm tra kế toán, thanh tra tài chính và thanh tra Nhà nước | 3 | - Đọc học liệu số 1, chương 2 | Theo TKB; Trên lớp |  |
| Bài tập, kiểm tra, thảo luận | - Giải đáp các câu hỏi và làm bài tập chương 2.  - Chuẩn bị nội dung thảo luận. | 2 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 2; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Theo TKB; Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Câu hỏi, bài tập chương 2.  - Đọc trước các nội dung lý thuyết chương 3. | 12 | - Hoàn thành các câu hỏi, bài tập chương 2.  - Nắm vững kiến thức lý thuyết cơ bản của chương 3; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 3: Báo cáo kiểm toán** | 17 |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1. Báo cáo kiểm toán và ý nghĩa của báo cáo kiểm toán  3.2. Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính | 3 |  | Theo TKB; Trên lớp |  |
| Bài tập, kiểm tra, thảo luận | - Giải đáp các câu hỏi và làm bài tập chương 3.  - Thảo luận nhóm. | 2 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 3; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Theo TKB; Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Câu hỏi, bài tập chương 3.  - Đọc trước các nội dung lý thuyết chương 4. | 12 | - Hoàn thành các câu hỏi, bài tập chương 3.  - Nắm vững kiến thức lý thuyết cơ bản của chương 3; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |  |
|  | **Chương 4: Gian lận và sai sót - Trọng yếu và rủi ro** | **24** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1. Gian lận và sai sót  4.2. Trọng yếu  4.3. Rủi ro kiểm toán | 5 | - Đọc học liệu số 1, chương 4 | Theo TKB; Trên lớp |  |
| Bài tập, kiểm tra | Giải đáp các câu hỏi và làm bài tập chương 4 | 2 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 4; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Theo TKB; Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Câu hỏi, bài tập chương 4.  - Đọc trước các nội dung lý thuyết chương 5. | 17 | - Hoàn thành các câu hỏi, bài tập chương 4. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 5: Cơ sở dẫn liệu và bằng chứng kiểm toán** | **26** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1. Cơ sở dẫn liệu  5.2. Bằng chứng kiểm toán | 5 | - Đọc học liệu số 1, chương 5 | Theo TKB; Trên lớp |  |
| Bài tập, kiểm tra | - Giải đáp các câu hỏi và làm bài tập chương 5.  - Kiểm tra giữa học phần. | 2 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 5; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Theo TKB; Trên lớp |  |
| Kiểm tra | **Bài kiểm tra số 1** | 1 | Vận dụng kiến thức đã học làm bài kiểm tra | Theo TKB; Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Câu hỏi, bài tập chương 5.  - Đọc trước các nội dung lý thuyết chương 6. | 18 | - Hoàn thành các câu hỏi, bài tập chương 5. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 3** |  |  |  |  |
|  | **Chương 6: Hệ thống kiểm soát nội bộ và rủi ro kiểm soát** | **16** |  |  |  |
| Lý thuyết | 6.1. Khái quát về hệ thống kiểm soát nội bộ  6.2. Các mục tiêu chi giờ của kiểm soát nội bộ đối với báo cáo tài chính  6.3. Cơ cấu của hệ thống kiểm soát nội bộ  6.4. Tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ và đánh giá rủi ro kiểm soát | 4 | Đọc học liệu số 1, chương 6 | Theo TKB; Trên lớp |  |
| Bài tập, kiểm tra, thảo luận | Giải đáp các câu hỏi và làm bài tập chương 6. | 1 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 6; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Theo TKB; Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Câu hỏi, bài tập chương 6.  - Đọc trước các nội dung lý thuyết chương 7. | 11 | Hoàn thành các câu hỏi, bài tập chương 6. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 7: Phương pháp kiểm toán và kỹ thuật chọn mẫu trong công tác kiểm toán** | **17** |  |  |  |
| Lý thuyết | 7.1. Phương pháp kiểm toán  7.2. Kỹ thuật chọn mẫu  7.3. Kiểm toán trong môi trường tin học | 3 | Đọc học liệu số 1, chương 7 | Theo TKB; Trên lớp |  |
| Bài tập, kiểm tra, thảo luận | Giải đáp các câu hỏi và làm bài tập chương 7. | 2 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 7; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Theo TKB; Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Câu hỏi, bài tập chương 7.  - Đọc trước các nội dung lý thuyết chương 8. | 12 | Hoàn thành các câu hỏi, bài tập chương 7. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 8. Tổ chức và quản lý kiểm toán** | **17** |  |  |  |
| Lý thuyết | 8.1. Chuẩn bị kiểm toán  8.2. Tổ chức quá trình kiểm toán  8.3. Tổ chức giấy tờ và hồ sơ kiểm toán  8.4. Kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán | 3 | Đọc học liệu số 1, chương 8 | Theo TKB; Trên lớp |  |
| Bài tập, thảo luận | - Giải đáp các câu hỏi và làm bài tập chương 8. | 1 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 8; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Theo TKB; Trên lớp |  |
| Kiểm tra | **Bài kiểm tra số 2** | 1 | Vận dụng kiến thức đã học làm bài kiểm tra | Theo TKB; Trên lớp |  |
| Tự học, tự NC | Câu hỏi, bài tập chương 8. | 12 | Hoàn thành các câu hỏi, bài tập chương 8. | Thư viện,  Ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Nguyễn Viết Lợi và Đậu Ngọc Châu (2013), *Giáo trình Lý thuyết kiểm toán*, NXB Tài chính.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Nguyễn Thanh Khiết (2012), *Đề cương bài giảng Kiểm toán*, NXB Lao động – Xã hội.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn** |
| 1 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 2 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 3 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 4 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 5 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 6 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 7 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 8 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 9 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 10 | 2 | 1 |  |  |  | 7 |
| 11 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 12 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 13 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 14 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 15 | 1 | 1 | 1 |  |  | 7 |
| **Tổng cộng** | **30** | **2** | **13** |  |  | **105** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch7 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Bài kiểm tra | 30% | Bài kiểm tra số 1:  - Hình thức: Trắc nghiệm  - Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc tín chỉ 1, tín chỉ 2.  - Đánh giá: Theo thang điểm, đáp án của giảng viên. | Từ Ch1 đến Ch8 | 10 |
| Bài kiểm tra số 2:  - Hình thức: Trắc nghiệm  - Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc tín chỉ 3.  - Đánh giá: Theo thang điểm, đáp án của giảng viên. | Từ Ch1 đến Ch8 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Thi trắc nghiệm | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Từ Ch1 đến Ch 8 | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ** | **Cấp độ nhận thức** | | | **Tổng** | **Điểm** | **Thời gian thi** |
| **Nhớ- Hiểu (60%)** | **Vận dụng – Phân tích (20%)** | **Đánh giá – Sáng tạo (20%)** |
| **Tín chỉ 1** | 10 | 3 | 2 | 15 | **3.0** | **75 phút** |
| **Tín chỉ 2** | 10 | 2 | 3 | 15 | **3.0** |
| **Tín chỉ 3** | 10 | 5 | 5 | 20 | **4.0** |
| **Tổng số câu** | **30** | **10** | **10** | **50** | **10.0** |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Khởi sự kinh doanh

Mã học phần: KT2.1.148.3

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 03

- Loại học phần: Bắt buộc

- Yêu cầu đầu vào (Điều kiện tiên quyết): Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

+ Học lý thuyết trên lớp: 20 giờ

+ Bài tập trên lớp: 13 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 02 giờ

+ Thực tế cơ sở: 30 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 105 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị,**  **họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | ThS. Hoàng Anh Đào | 0979477846 | [hoanganhdaok74ftu@gmail.com](mailto:hoanganhdaok74ftu@gmail.com) |
| 2 | TS. Đỗ Hải Yến | 0972616752 | [lethituyen1940@gmail.com](mailto:lethituyen1940@gmail.com) |
| 3 | ThS. Trần Thảo Nguyên | 0974864888 | [thaonguyentuyenquang@gmail.com](mailto:thaonguyentuyenquang@gmail.com) |
| 4 | ThS. Trần Hương Giang | 0912346783 | [huonggiangtq90@gmail.com](file:///D:\Cherry\DAO\2023-2024\Chỉnh%20sửa%20CTĐT\Ngoại%20ngành.Đào\huonggiangtq90@gmail.com) |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*Mục tiêu chung:* Sau khi học xong học phần này, người học sẽ có khả năng vận dụng những kiến thức cơ bản và các kỹ năng cần thiết vào khởi sự kinh doanh và dẫn dắt khởi nghiệp.

*Mục tiêu cụ thể:*

Mt1: Có nền tảng kiến thức quan trọng chuẩn bị cho khởi sự kinh doanh.

Mt 2: Khái quát được những nội dung chủ yếu trong hoạt động khởi sự kinh doanh và phát triển sự nghiệp kinh doanh.

Mt 3:Có tư duy khởi nghiệp, kỹ năng lập kế hoạch và ra các quyết định liên quan đến khởi sự kinh doanh.

Mt 4: Vận dụng linh hoạt các kỹ năng mềm phục vụ khởi sự kinh doanh.

Mt 5: Có thái độ, động cơ học tập đúng đắn; nhận thức và thực hiện trách nhiệm của công dân trong phát triển sản xuất – kinh doanh của địa phương, đất nước.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.148.3 | Khởi sự kinh doanh | CĐR 1 | CĐR 2 | CĐR 3 | CĐR 4 | CĐR 5 | CĐR 6 |
|  |  |  |  |  |  |
| CĐR 7 | CĐR 8 | CĐR 9 | CĐR 10 | CĐR 11 | CĐR 12 |
|  |  | **2** |  |  | **3** |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của HP** | **CĐR của CTĐT** |
| **Kiến thức** | | |
| Mt 1 | Ch1: Khái quát những kiến thức cơ bản về tư duy khởi sự kinh doanh, phương thức, quy trình, chiến lược khởi sự kinh doanh và các điều kiện cần thiết để tiến hành khởi sự kinh doanh và trở thành nghiệp chủ. | CĐR 9 |
| Mt 2 | Ch2: Vận dụng các kiến thức về cơ hội kinh doanh, lập kế hoạch và triển khai thực hiện các hoạt động liên quan đến việc tạo lập doanh nghiệp mới. |
| Ch3: Phân tích các mối quan hệ trong quá trình kinh doanh và chiến lược phát triển doanh nghiệp. |
| **Kỹ năng** | | |
| ***Kỹ năng cứng*** | | |
| Mt 3 | Ch4: Hình thành tư duy khởi nghiệp và chuẩn bị các điều kiện, kỹ năng cần thiết để trở thành nghiệp chủ và dẫn dắt khởi sự kinh doanh. | CĐR 9 |
| Ch5: Lập kế hoạch cho ý tưởng kinh doanh được lựa chọn phục vụ quá trình triển khai việc tạo lập doanh nghiệp. |
| ***Kỹ năng mềm*** | | |
| Mt4 | Ch6: Lựa chọn ý tưởng kinh doanh trên cơ sở nhận diện cơ hội. | CĐR 9, CĐR 12 |
| Ch7: Vận dụng linh hoạt các kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp, thuyết trình và tư duy lập luận trong việc thiết lập các mối quan hệ kinh doanh và thực hiện các hoạt động khởi sự kinh doanh. |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt5 | Ch8: Có động cơ học tập tích cực, phương pháp học tập khoa học; nhận thức và thực hiện đúng đắn trách nhiệm công dân trong phát triển sản xuất – kinh doanh. | CĐR 9, CĐR 12 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | **Kĩ năng** | | | | **Mức độ TC và TN** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Nội dung** | **Cứng** | | **Mềm** | |
| **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch3** | **Ch 4** | **Ch 5** | **Ch 6** | **Ch 7** | **Ch 8** |
| **Chương 1**  **Tư duy khởi sự kinh doanh** | 1.1 Kinh doanh | 1 |  |  |  |  |  |  |  | Xây dựng khái niệm |
| 1.2 Khởi sự kinh doanh | 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.3 Nhận thức về tác động của môi trường đến khởi sự và kinh doanh | 2 |  |  | 2 |  |  |  |  | Thuyết trình, NC trường hợp |
| 1.4 Tư duy khởi sự kinh doanh | 2 |  |  | 2 |  |  |  | 3 | NC tình huống |
| **Chương 2**  **Phương thức, quy trình và chiến lược kinh doanh** | 2.1 Các phương thức khởi sự kinh doanh | 2 |  |  |  |  |  |  |  | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm, Giải quyết vấn đề |
| 2.2 Quy trình khởi sự kinh doanh | 2 |  | 2 |  |  |  |  |  |
| 2.3 Chiến lược khởi sự kinh doanh | 2 |  | 2 |  |  |  |  | 3 |
| **Chương 3**  **Hình thành, đánh giá và lựa chọn ý tưởng kinh doanh** | 3.1 Nhận diện cơ hội kinh doanh |  | 2 |  |  |  | 3 | 3 |  | Tổ chức học theo nhóm, NC tình huống, mô phỏng |
| 3.2 Ý tưởng kinh doanh và đánh giá ý tưởng kinh doanh |  | 2 |  |  |  | 3 | 3 |  |
| **Chương 4**  **Lập kế hoạch kinh doanh** | 4.1 Khái lược về kế hoạch kinh doanh |  | 1 |  |  |  |  |  |  | Thuyết trình |
| 4.2 Kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh |  | 2 |  |  | 3 |  |  | 3 | Tổ chức học theo nhóm, NC tình huống |
| 4.3 Các bộ phận chủ yếu cấu thành bản kế hoạch kinh doanh |  | 2 |  |  | 2 |  |  |  |
| **Chương 5**  **Triển khai việc tạo lập doanh nghiệp** | 5.1 Lập kế hoạch tạo lập doanh nghiệp |  | 2 |  |  | 2 |  |  |  | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm (phân công công việc), NC tình huống |
| 5.2 Lựa chọn hình thức pháp lý doanh nghiệp |  |  |  |  | 2 |  |  | 3 |
| 5.3 Xây dựng triết lý kinh doanh |  | 2 |  |  | 3 |  |  | 3 |
| 5.4 Tiến hành các thủ tục pháp lý tạo lập doanh nghiệp |  | 2 |  |  | 2 |  |  | 3 |
| 5.5 Các lựa chọn chủ yếu tạo cơ sở vật chất – kỹ thuật cho doanh nghiệp |  | 2 |  |  | 2 |  |  |  |
| 5.5 Thiết kế cấu trúc tổ chức doanh nghiệp |  | 2 |  |  | 2 |  | 3 |  |
| 5.7 Tổ chức công tác kế toán |  | 2 |  |  | 2 |  |  | 3 |
| **Chương 6**  **Đảm bảo các nguồn lực cần thiết cho doanh nghiệp mới** | 6.1 Xây dựng nhóm các nhà quản trị |  | 2 |  |  | 2 |  |  | 2 | Thuyết trình |
| 6.2 Tuyển dụng nhân sự |  | 2 |  |  | 2 |  |  |  |
| 6.3 Thiết kế và mua sắm trang thiết bị văn phòng |  | 2 |  | 2 |  |  | 2 |  | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm |
| 7.4 Đảm bảo tài sản, thiết bị |  | 2 |  | 2 |  |  | 2 |  |
| **Chương 7**  **Tài chính cho việc tạo lập doanh nghiệp mới** | 7.1 Mục tiêu tài chính khi tạo lập doanh nghiệp |  | 1 |  |  |  |  |  |  | Thuyết trình |
| 7.2 Nhu cầu ngân quỹ cho khởi nghiệp và triển khai các hoạt động kinh doanh |  | 1 |  |  | 2 |  | 2 |  |
| 7.3 Các nguồn vốn có thể huy động khi khởi nghiệp và triển khai họa động kinh doanh |  | 2 |  |  | 2 |  | 3 |  | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm, NC tình huống |
| 7.4 Báo cáo và phân tích tài chính |  | 2 |  |  |  |  | 3 | 3 |
| **Chương 8**  **Marketing ở doanh nghiệp mới** | 8.1 Chọn thị trường mục tiêu và xác định vị thế của doanh nghiệp |  | 2 |  |  | 3 |  | 3 |  | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm, NC tình huống |
| 8.2 Xác định đối tượng khách hàng |  |  |  | 2 | 3 |  |  |  |
| 8.3 Xây dựng nhãn hiệu |  |  |  |  | 3 |  |  | 3 |
| 8.4 Marketing hỗn hợp cho doanh nghiệp mới |  | 2 |  |  | 3 |  |  |  |
| 8.5 Quá trình bán hàng |  | 2 |  |  | 2 |  |  |  |
| **Chương 9**  **Thiết lập các mối quan hệ trong quá trình kinh doanh** | 9.1 Khái lược về mối quan hệ kinh doanh |  |  | 1 |  |  |  | 2 |  | Thuyết trình |
| 9.2 Thiết lập các mối quan hệ nội bộ doanh nghiệp |  |  | 2 |  |  |  | 2 | 2 | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm, NC tình huống |
| 9.3 Thiết lập quan hệ với các đối tác bên ngoài và cơ quan quản lí vĩ mô |  |  | 2 |  |  |  | 3 | 3 |
| **Chương 10**  **Chiến lược phát triển doanh nghiệp** | 10.1 Quản trị sự phát triển với chu kỳ tăng trưởng của doanh nghiệp |  |  | 2 |  |  |  |  |  | Thuyết trình |
| 10.2 Các chiến lược phát triển dựa vào nguồn nội lực |  |  | 2 |  |  |  | 3 | 3 | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm, NC tình huống |
| 10.3 Chiến lược tăng trưởng sử dụng nguồn lực từ bên ngoài |  |  | 2 |  |  |  | 3 | 3 |
| 10.4 Chiến lược thu hoạch và rút lui |  |  | 2 |  |  |  | 2 | 3 |
| **Chương 11 Nghiên cứu thực tế tại doanh nghiệp** | 11.1. Khảo sát về cơ sở thực tế |  |  |  |  |  |  | 3 | 3 | Thực hành, thực tế; tổ chức học theo nhóm, NC tình huống |
| 11.2. Tìm hiểu quá trình hình thành của doanh nghiệp |  |  |  |  |  |  | 3 | 3 |
| 11.3. Các vấn đề chủ yếu trong khởi sự kinh doanh, vận hành và phát triển thực tế của doanh nghiệp |  |  |  |  |  |  | 3 | 3 |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần tập trung nghiên cứu và phát hiện các hành vi cần thiết để quyết đinh sẽ kinh doanh cái gì, kinh doanh như thế nào và kinh doanh ở đâu; Lập ra kế hoạch để khởi sự kinh doanh với kết quả là thành lập một doanh nghiệp cụ thể với các hành vi và nhiều quyết định cụ thể về vị trí, quy mô, công nghệ...; Thiết lập các điều kiện cần thiết, xây dựng các chiến lược để đưa doanh nghiệp phát triển. Đồng thời, học phần tổ chức cho người học tiếp cận thực tế vấn đề khởi sự và vận hành doanh nghiệp.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu đối với sinh viên** | **Thời gian, địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ 1** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 1**  **Tư duy khởi sự kinh doanh** | **10** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1 Kinh doanh  1.2 Khởi sự kinh doanh  1.3 Nhận thức về tác động của môi trường đến khởi sự và kinh doanh  1.4 Tư duy khởi sự kinh doanh | 2 | - Học liệu [1] Chương 1;  - Tham khảo học liệu [2] | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | 1. Tổ chức học theo nhóm  2. Câu hỏi và bài tập chương 1 | 1 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi đến lớp nghe giảng;  - Chuẩn bị các câu hỏi và bài tập tình huống;  - Vận dụng kiến thức sau bài giảng để giải quyết các câu hỏi và bài tập. | 7 | - Nghiên cứu giáo trình, TLTK  - Làm bài tập, nêu vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 2**  **Phương thức, quy trình và chiến lược kinh doanh** | **10** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1 Các phương thức khởi sự kinh doanh  2.2 Quy trình khởi sự kinh doanh  2.3 Chiến lược khởi sự kinh doanh | 2 | - Học liệu [1] Chương 2;  - Tham khảo học liệu [2] | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | 1. Tổ chức học theo nhóm, NC tình huống  2. Câu hỏi và bài tập chương 2 | 1 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi đến lớp nghe giảng;  - Chuẩn bị câu hỏi, bài tập tình huống;  - Vận dụng kiến thức sau bài giảng để giải quyết các câu hỏi và bài tập.  - Đọc thêm Chương 3. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để trở thành nghiệp chủ | 7 | - Nghiên cứu giáo trình, TLTK  - Làm bài tập, nêu vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 3**  **Hình thành, đánh giá và lựa chọn ý tưởng kinh doanh** | **10** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1 Nhận diện cơ hội kinh doanh  3.2 Ý tưởng kinh doanh và đánh giá ý tưởng kinh doanh | 2 | - Học liệu [1] chương 4;  - Tham khảo học liệu [2] | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | 1. Tổ chức học theo nhóm  2. Câu hỏi và bài tập chương 3 | 1 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi đến lớp nghe giảng;  - Chuẩn bị các câu hỏi và bài tập tình huống;  - Vận dụng kiến thức sau bài giảng để giải quyết các câu hỏi và bài tập. | 7 | - Nghiên cứu giáo trình, TLTK  - Làm bài tập, nêu vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 4**  **Lập kế hoạch kinh doanh** | **10** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1 Khái lược về kế hoạch kinh doanh  4.2 Kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh  4.3 Các bộ phận chủ yếu cấu thành bản kế hoạch kinh doanh | 2 | - Học liệu [1]- Chương 5;  - Tham khảo học liệu [2] | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | 1. Tổ chức học theo nhóm, NC tình huống  2. Câu hỏi và bài tập chương 4 | 1 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi đến lớp nghe giảng;  - Chuẩn bị các câu hỏi và bài tập tình huống;  - Vận dụng kiến thức sau bài giảng để giải quyết các câu hỏi và bài tập. | 7 | - Nghiên cứu giáo trình, TLTK  - Làm bài tập, nêu vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 5**  **Triển khai việc tạo lập doanh nghiệp** | **10** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1 Lập kế hoạch tạo lập doanh nghiệp  5.2 Lựa chọn hình thức pháp lý DN  5.3 Xây dựng triết lý kinh doanh  5.4 Tiến hành các thủ tục pháp lý tạo lập doanh nghiệp  5.5 Các lựa chọn chủ yếu tạo cơ sở vật chất – kỹ thuật cho doanh nghiệp  5.6 Thiết kế cấu trúc tổ chức doanh nghiệp  5.7 Tổ chức công tác kế toán | 2 | - Học liệu [1] chương 6;  - Tham khảo học liệu [2] | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | 1. Tổ chức học theo nhóm, NC tình huống  2. Câu hỏi và bài tập chương 5 | 1 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi đến lớp nghe giảng;  - Chuẩn bị các câu hỏi và bài tập tình huống;  - Vận dụng kiến thức sau bài giảng để giải quyết các câu hỏi và bài tập.  - Ôn tập nội dung tín chỉ 1. | 7 | - Nghiên cứu giáo trình, TLTK  - Làm bài tập, nêu vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
| **Tín chỉ 2** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 6**  **Đảm bảo các nguồn lực cần thiết cho doanh nghiệp mới** | **10** |  |  |  |
| Lý thuyết | 6.1 Xây dựng nhóm các nhà quản trị  6.2 Tuyển dụng nhân sự  6.3 Thiết kế và mua sắm trang thiết bị văn phòng  6.4 Đảm bảo tài sản, thiết bị | 2 | - Học liệu [1]- Chương 7;  - Tham khảo học liệu [2] | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Kiểm tra | Kiểm tra giữa học phần số 1 | 1 | Nắm vững lý thuyết để làm bài kiểm tra. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi đến lớp nghe giảng;  - Chuẩn bị các câu hỏi và bài tập tình huống;  - Vận dụng kiến thức sau bài giảng để giải quyết các câu hỏi và bài tập. | 7 | - Nghiên cứu giáo trình, TLTK  - Làm bài tập, nêu vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 7**  **Tài chính cho việc tạo lập doanh nghiệp mới** | **10** |  |  |  |
| Lý thuyết | 7.1 Mục tiêu tài chính khi tạo lập doanh nghiệp  7.2 Nhu cầu ngân quỹ cho khởi nghiệp và triển khai các hoạt động kinh doanh  7.3 Các nguồn vốn có thể huy động khi khởi nghiệp và triển khai họat động kinh doanh  7.4 Báo cáo và phân tích tài chính | 2 | - Học liệu [1]- Chương 8;  - Tham khảo học liệu [2] | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | 1. Tổ chức học theo nhóm, NC tình huống  2. Câu hỏi và bài tập chương 7 | 1 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi đến lớp nghe giảng;  - Chuẩn bị các câu hỏi và bài tập tình huống;  - Vận dụng kiến thức sau bài giảng để giải quyết các câu hỏi và bài tập. | 7 | - Nghiên cứu giáo trình, TLTK  - Làm bài tập, nêu vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 8**  **Marketing ở doanh nghiệp mới** | **10** |  |  |  |
| Lý thuyết | 8.1 Chọn thị trường mục tiêu và xác định vị thế của doanh nghiệp  8.2 Xác định đối tượng khách hàng  8.3 Xây dựng nhãn hiệu  8.4 Marketing hỗn hợp cho doanh nghiệp mới  8.5 Quá trình bán hàng | 2 | - Học liệu [1]- Chương 9;  - Tham khảo học liệu [2] | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | 1. Tổ chức học theo nhóm, NC tình huống  2. Câu hỏi và bài tập chương 8 | 1 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi đến lớp nghe giảng;  - Chuẩn bị các câu hỏi và bài tập tình huống;  - Vận dụng kiến thức sau bài giảng để giải quyết các câu hỏi và bài tập. | 7 | - Nghiên cứu giáo trình, TLTK  - Làm bài tập, nêu vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 9**  **Thiết lập các mối quan hệ trong quá trình kinh doanh** | **10** |  |  |  |
| Lý thuyết | 9.1 Khái lược về mối quan hệ kinh doanh  9.2 Thiết lập các mối quan hệ nội bộ doanh nghiệp  9.3 Thiết lập quan hệ với các đối tác bên ngoài và cơ quan quản lí vĩ mô | 2 | - Học liệu [1]- Chương 10;  - Tham khảo học liệu [2] | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | 1. Tổ chức học theo nhóm, NC tình huống  2. Câu hỏi và bài tập chương 9 | 1 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi đến lớp nghe giảng;  - Chuẩn bị các câu hỏi và bài tập tình huống;  - Vận dụng kiến thức sau bài giảng để giải quyết các câu hỏi và bài tập. | 7 | - Nghiên cứu giáo trình, TLTK  - Làm bài tập, nêu vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 10**  **Chiến lược phát triển doanh nghiệp** | **10** |  |  |  |
| Lý thuyết | 10.1 Quản trị sự phát triển với chu kỳ tăng trưởng của doanh nghiệp  10.2 Các chiến lược phát triển dựa vào nguồn lực  10.3 Chiến lược tăng trưởng sử dụng nguồn lực từ bên ngoài  10.4 Chiến lược thu hoạch và rút lui | 2 | - Học liệu [1]- Chương 11;  - Tham khảo học liệu [2] | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | 1. Tổ chức học theo nhóm, NC tình huống  2. Câu hỏi và bài tập chương 10 | 1 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi đến lớp nghe giảng;  - Chuẩn bị các câu hỏi và bài tập tình huống;  - Vận dụng kiến thức sau bài giảng để giải quyết các câu hỏi và bài tập. | 7 | - Nghiên cứu giáo trình, TLTK  - Làm bài tập, nêu vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
| **Tín chỉ 3** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 11**  **Nghiên cứu thực tế tại doanh nghiệp** | **50** |  |  |  |
| Lí thuyết |  | 0 |  | Lớp học |  |
| Nghiên cứu thực tế | 11.1. Khảo sát về cơ sở thực tế  11.2. Tìm hiểu quá trình hình thành của doanh nghiệp  11.3. Các vấn đề chủ yếu trong khởi sự kinh doanh, vận hành và phát triển thực tế của doanh nghiệp | 30 | - Tham gia đầy đủ đợt thực tế;  - Chuẩn bị Báo cáo thu hoạch (theo nhóm);  - Thực hiện các nhiệm vụ khác theo kế hoạch thực tế. | Địa điểm thực tế |  |
| Thảo luận, Bài tập, kiểm tra | 1. Nghiên cứu tình huống, thảo luận  2. Hoàn thành báo cáo thu hoạch  3. Trình bày báo cáo thu hoạch (Bài kiểm tra số 2) | 5 | Thảo luận nhóm, thuyết trình bài báo cáo của nhóm | Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lí thuyết trước khi đi thực tế;  - Vận dụng được kiến thức sau bài giảng vào đợt thực tế.  - Nghiên cứu học liệu liên quan để làm Báo cáo thu hoạch kết quả đợt thực tế. | 15 | - Hiểu rõ lí thuyết để thực hiện tốt các nhiệm vụ của đợt thực tế.  - Hoàn thành Báo cáo thu hoạch. | Thư viện, ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Giáo trình bắt buộc**

[1] Nguyễn Ngọc Huyền và Ngô Thị Việt Nga (2020), *Giáo trình Khởi sự kinh doanh*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Nguyễn Ngọc Huyền (2017), *Giáo trình Quản trị kinh doanh- Tập I, II*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận** |
| 1 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 2 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 3 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 4 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 5 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 6 | 2 | 1 |  |  |  | 7 |
| 7 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 8 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 9 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 10 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 11 |  |  |  |  | 30 |  |
| 12 |  |  | 3 |  |  | 8 |
| 13 |  | 1 | 1 |  |  | 7 |
| **Tổng cộng** | **20** | **02** | **13** |  | **30** | **85** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của người học**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập (trọng số 10%)** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch8 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 buổi trừ 1%* | Ch8 | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thực hành, điểm tiểu luận (trọng số 30%)** | | | | | |
| 2 | Kiểm tra thường xuyên  (02 bài) | 30% | Bài 1: Bài kiểm tra trắc nghiệm.  Theo thang điểm, đáp án của giảng viên. | Ch1 đến Ch8 | 10 |
| Bài 2: Bài tập nhóm/Tiểu luận nhóm  Tiêu chí đánh giá: (i) Thời gian, nội dung và chất lượng đáp ứng yêu cầu (60%); (ii) Năng lực hợp tác, tương tác, chia sẻ (20%); (iii) Trình bày khoa học, đúng quy định (20%) | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần (trọng số 60%)** | | | | | |
| 3 | Thi trắc nghiệm | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1 đến Ch8 | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ** | **Cấp độ nhận thức** | | | **Tổng** | **Điểm** | **Thời gian thi** |
| **Nhớ- hiểu (40%)** | **Vận dụng – Phân tích (40%)** | **Đánh giá – Sáng tạo (20%)** |
| **Tín chỉ 1** | 7 | 7 | 3 | 17 | **3.4** | **75 phút** |
| **Tín chỉ 2** | 7 | 7 | 3 | 17 | **3.4** |
| **Tín chỉ 3** | 6 | 6 | 4 | 16 | **3.2** |
| **Tổng số câu** | **20** | **20** | **10** | **50** | **10.0** |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Phân tích hoạt động kinh doanh

Mã học phần: KT2.1.029.3

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 03

- Loại học phần: Bắt buộc

- Yêu cầu đầu vào (Điều kiện tiên quyết): Không.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 30 giờ

+ Bài tập trên lớp: 13 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 02 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 105 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | ThS. Hoàng Anh Đào | 0979477846 | [hoanganhdaok74ftu@gmail.com](mailto:hoanganhdaok74ftu@gmail.com) |
| 2 | TS. Vũ Thị Hằng Nga | 0984.368.612 | [vunga0304@gmail.com](mailto:vunga0304@gmail.com) |
| 3 | TS. Nguyễn Hữu Dũng | 0912644087 | [huudungkh@gmail.com](file:///D:\Cherry\DAO\2023-2024\Chỉnh%20sửa%20CTĐT\Kế%20toán%202024\huudungkh@gmail.com) |
| 4 | TS. Đỗ Hải Yến | 0972616752 | [lethituyen1940@gmail.com](mailto:lethituyen1940@gmail.com) |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*Mục tiêu chung:* Sau khi học xong học phần này, người học sẽ có khả năng vận dụng các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong thực hiện phân tích, đánh giá các chỉ tiêu hoạt động sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp.

*Mục tiêu cụ thể:*

Mt1: Có kiến thức tổng quan về phân tích hoạt động kinh doanh, phân tích kết quả sản xuất, giá thành sản phẩm và tình hình tiêu thụ, lợi nhuận của doanh nghiệp.

Mt 2: Khái quát các nội dung phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

Mt 3: Vận dụng linh hoạt các kỹ năng vào đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp dựa trên phân tích các chỉ tiêu liên quan.

Mt 4: Có thái độ, động cơ học tập đúng đắn; nhận thức và thực hiện nghiêm túc các chuẩn mực nghề nghiệp và trách nhiệm của công dân trong hoạt động sản xuất – kinh doanh.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.029.3 | Phân tích hoạt động kinh doanh | CĐR 1 | CĐR 2 | CĐR 3 | CĐR 4 | CĐR 5 | CĐR 6 |
|  |  |  |  | 2 |  |
| CĐR 7 | CĐR 8 | CĐR 9 | CĐR 10 | CĐR 11 | CĐR 12 |
| 2 |  |  |  |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của HP** | **CĐR của CTĐT** |
| **Kiến thức** | | |
| Mt 1 | Ch1: Khái quát được những vấn đề lý luận chung của phân tích hoạt động kinh doanh. | CĐR 5 |
| Ch2: Phân tích các tài liệu về kết quả sản xuất, giá thành sản phẩm, tình hình tiêu thụ và lợi nhuận của doanh nghiệp. |
| Mt 2 | Ch3: Lý giải được ý nghĩa, mục tiêu, các tiêu chuẩn và phương pháp phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp. |
| Ch4: Phân biệt các chỉ số tài chính trong phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp. |
| **Kỹ năng** | | |
| Mt 3 | ***Kỹ năng cứng*** | |
| Ch5: Thực hiện tính toán các chỉ tiêu phân tích hoạt động kinh doanh gắn với từng mục tiêu phân tích. | CĐR 7 |
| Ch6: Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp dựa trên phân tích các chỉ tiêu phù hợp theo yêu cầu của nhà quản trị. |
| ***Kỹ năng mềm*** |
| Ch7: Rèn luyện các kỹ năng, phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh đáp ứng yêu cầu công việc kế toán. |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt 4 | Ch8: Có thái độ, tinh thần tự học tự nghiên cứu, phương pháp học tập khoa học; nhận thức và thực hiện nghiêm túc các chuẩn mực nghề nghiệp, trách nhiệm của công dân trong hoạt động sản xuất – kinh doanh. | CĐR 5,  CĐR 7 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | | **Kĩ năng** | | | **Mức độ TC và TN** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Nội dung** | **Cứng** | | **Mềm** |
| **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch3** | **Ch4** | **Ch 5** | **Ch 6** | **Ch 7** | **Ch 8** |
| **Chương 1**  **Những vấn đề chung về phân tích hoạt động kinh doanh** | 1.1. Ý nghĩa, mục tiêu phân tích hoạt động kinh doanh | 1 |  |  |  |  |  | 2 | 2 | Thuyết trình |
| 1.2. Đối tượng của phân tích hoạt động kinh doanh | 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.3. Phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh | 2 |  |  |  |  | 2 | 2 |  | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm, mô phỏng |
| 1.4. Phân loại và tổ chức công tác phân tích | 1 |  |  |  |  |  |  | 2 |
| **Chương 2**  **Phân tích kết quả sản xuất** | 2.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ của phân tích kết quả sản xuất |  | 1 |  |  |  |  | 2 | 2 | Thuyết trình |
| 2.2. Phân tích kết quả sản xuất về khối lượng |  | 2 |  |  | 2 | 2 |  |  | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm, giải quyết vấn đề, mô phỏng |
| 2.3. Phân tích kết quả sản xuất về chất lượng sản phẩm |  | 2 |  |  | 2 | 2 |  |  |
| **Chương 3**  **Phân tích giá thành sản phẩm** | 3.1. Ý nghĩa, nhiệm vụ phân tích giá thành sản phẩm |  | 1 |  |  |  |  | 2 | 2 | Thuyết trình |
| 3.2. Phân tích chung tình hình thực hiện giá thành |  | 2 |  |  | 2 | 2 |  |  | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm, giải quyết vấn đề, mô phỏng, NC tình huống |
| 3.3. Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch hạ giá thành sản phẩm so sánh được |  | 2 |  |  | 2 | 2 |  |  |
| 3.4. Phân tích chỉ tiêu chi phia trên 1.000 đồng giá trị sản phẩm |  | 2 |  |  | 2 | 2 |  |  |
| 3.5. Phân tích các khoản mục giá thành |  | 2 |  |  | 2 | 2 |  |  |
| **Chương 4**  **Phân tích tình hình tiêu thụ và lợi nhuận** | 4.1. Phân tích tình hình tiêu thụ |  | 2 |  |  | 2 | 2 |  |  | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm, giải quyết vấn đề, mô phỏng |
| 4.2. Phân tích tình hình lợi nhận |  | 2 |  |  | 2 | 2 |  |  |
| **Chương 5**  **Phân tích báo cáo tài chính** | 5.1. Ý nghĩa, mục tiêu phân tích báo cáo tài chính |  |  | 2 |  |  |  | 2 | 2 | Thuyết trình |
| 5.2. Các tiêu chuẩn để phân tích báo cáo tài chính |  |  | 2 |  |  | 2 |  | 2 | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm, giải quyết vấn đề, mô phỏng |
| 5.3. Nguồn tài liệu phân tích báo cáo tài chính |  |  | 2 |  |  |  | 2 | 2 |
| 5.4. Phân tích ảnh hưởng của kế toán đến tính xác thực của thông tin trên báo cáo tài chính |  |  | 2 |  |  | 2 | 2 |  |
| 5.5. Phương pháp phân tích báo cáo tài chính |  |  | 2 |  |  | 2 | 2 |  |
| 5.6. Vận dụng các phương pháp phân tích báo cáo |  |  | 2 |  | 2 | 2 |  |  |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần tập trung nghiên cứu những nội dung cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm phân tích kết quả sản xuất, giá thành sản phẩm, tình hình tiêu thụ - lợi nhuận của doanh nghiệp và phân tích báo cáo tài chính.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu đối với sinh viên** | **Thời gian, địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ 1** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 1: Những vấn đề chung về phân tích hoạt động kinh doanh** | **20** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Ý nghĩa, mục tiêu phân tích hoạt động kinh doanh  1.2. Đối tượng của phân tích hoạt động kinh doanh  1.3. Phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh  1.4. Phân loại và tổ chức công tác phân tích | 4 | - Học liệu số 1; Chương 1.  - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | 1. Các câu hỏi lý thuyết, câu hỏi trắc nghiệm  2. Giải các bài tập cuối chương 1 | 2 | Nắm vững kiến thức lý thuyết chương 1 để trả lời các câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi và giải các bài tập. | 14 | Đọc tài liệu, tự nghiên cứu phục vụ làm bài tập sau khi nghe giảng, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 2: Phân tích kết quả sản xuất** | **30** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Ý nghĩa, nhiệm vụ của phân tích kết quả sản xuất  2.2. Phân tích kết quả sản xuất về khối lượng  2.3. Phân tích kết quả sản xuất về chất lượng sản phẩm | 6 | - Học liệu số 1 Chương 2;  - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập, kiểm tra | 1. Câu hỏi lý thuyết, câu hỏi trắc nghiệm  2. Bài tập cuối chương 2  3. Kiểm tra thường xuyên số 1 | 3 | - Nắm vững kiến thức lý thuyết chương 2 để trả lời các câu hỏi và bài tập;  - Kiểm tra. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi và giải các bài tập.  - Ôn tập nội dung tín chỉ 1. | 21 | Đọc tài liệu, tự nghiên cứu phục vụ làm bài tập sau khi nghe giảng, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp.  - Ôn tập. | Thư viện,  ở nhà |  |
| **Tín chỉ 2** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 3: Phân tích giá thành sản phẩm** | **30** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1. Ý nghĩa, nhiệm vụ phân tích giá thành sản phẩm  3.2. Phân tích chung tình hình thực hiện giá thành  3.3. Phân tích kết quả tình hình thực hiện kế hoạch hạ giá thành sản phẩm so sánh được  3.4. Phân tích chỉ tiêu chi phí trên 1.000 đồng giá trị sản phẩm  3.5. Phân tích các khoản mục giá thành | 6 | - Học liệu số 1, Chương 3;  - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | 1. Câu hỏi lý thuyết, câu hỏi trắc nghiệm  2. Bài tập cuối chương 3 | 3 | Nắm vững kiến thức lý thuyết chương 3 để trả lời các câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi và giải các bài tập. | 21 | Đọc tài liệu, tự nghiên cứu phục vụ làm bài tập sau khi nghe giảng, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 4: Phân tích tình hình tiêu thụ và lợi nhuận** | **20** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1. Phân tích tình hình tiêu thụ  4.2. Phân tích tình hình lợi nhuận | 4 | - Học liệu số 1 – Chương 4;  - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | 1. Câu hỏi lý thuyết, câu hỏi trắc nghiệm  2. Bài tập cuối chương 4 | 2 | Nắm vững kiến thức lý thuyết chương 4 để trả lời các câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi và giải các bài tập.  - Ôn tập tín chỉ 2. | 14 | Đọc tài liệu, tự nghiên cứu phục vụ làm bài tập sau khi nghe giảng, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp; Ôn tập. | Thư viện, ở nhà |  |
| **Tín chỉ 3** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 5: Phân tích báo cáo tài chính** | **50** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1. Ý nghĩa, mục tiêu phân tích báo cáo tài chính  5.2. Các tiêu chuẩn để phân tích báo cáo tài chính  5.3. Nguồn tài liệu phân tích báo cáo tài chính  5.4. Phân tích ảnh hưởng của kế toán đến tính xác thực của thông tin trên báo cáo tài chính  5.5. Phương pháp phân tích báo cáo tài chính  5.6. Vận dụng các phương pháp phân tích báo cáo | 10 | - Học liệu số 1, Chương 5;  - Tham khảo học liệu số 2, 3. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập, kiểm tra | 1. Câu hỏi lý thuyết, câu hỏi trắc nghiệm  2. Bài tập cuối chương 5  3. Kiểm tra thường xuyên số 2 | 5 | Nắm vững kiến thức lý thuyết chương 5 để trả lời các câu hỏi và bài tập.  Làm bài kiểm tra. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời câu hỏi và giải các bài tập.  - Ôn tập. | 35 | Đọc tài liệu, tự nghiên cứu phục vụ làm bài tập sau khi nghe giảng, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Phạm Văn Dược, Huỳnh Đức Lộng, Lê Thị Minh Tuyết (2015), *Phân tích hoạt động kinh doanh*, NXB Lao Động, Hà Nội.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Bùi Văn Vần, Vũ Văn Ninh (2013), *Giáo trình Tài chính Doanh nghiệp,* Nxb Tài chính, Hà Nội.

[3] Hoàng Anh Đào, Phạm Thanh Trà (2024), *Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất xi măng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,* Báo cáo đề tài khoa học cấp cơ sở, Trường Đại học Tân Trào.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận** |
| 1 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 2 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 3 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 4 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 5 |  | 1 | 2 |  |  | 7 |
| 6 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 7 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 8 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 9 | 3 |  |  |  |  | 7 |
| 10 | 1 |  | 2 |  |  | 7 |
| 11 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 12 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 13 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| 14 | 2 | 1 |  |  |  | 7 |
| 15 | 2 |  | 1 |  |  | 7 |
| **Tổng cộng** | **30** | **02** | **13** |  |  | **105** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của người học**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập (trọng số 10%)** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch8 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 buổi trừ 1%* | Ch8 | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thực hành, điểm tiểu luận (trọng số 30%)** | | | | | |
| 2 | Kiểm tra thường xuyên tự luận  (02 bài) | 30% | Bài 1: Bài kiểm tra tự luận  (i) Nội dung đầy đủ; (ii) Kiến thức chính xác; (iii) Trình bày khoa học.  Theo đáp án, thang điểm của GV.  Bài 2: Bài tập nhóm/tiểu luận nhóm  Tiêu chí đánh giá: (i) Thời gian, nội dung và chất lượng đáp ứng yêu cầu (60%); (ii) Năng lực hợp tác, tương tác, chia sẻ (20%); (iii) Trình bày khoa học, đúng yêu cầu (20%) | Ch1 đến Ch8 | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần (trọng số 60%)** | | | | | |
| 3 | Thi tự luận | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1 đến Ch8 | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi***

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấu trúc đề thi** | **Thời gian làm bài** |
| - Đề thi gồm 03 câu:  + Câu 1 (4.0 điểm): Cấp độ nhớ hiểu và vận dụng  + Câu 2 (3.0 điểm): Cấp độ vận dụng và phân tích  + Câu 3 (3.0 điểm): Cấp độ vận dụng và phân tích  Đề thi đánh giá được nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc các tín chỉ của học phần  - Cấp độ nhận thức: 30% nhớ hiểu; 70% vận dụng và phân tích. | 90 phút |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Kế toán máy

Mã học phần: KT2.1.030.3

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 3(1 TC lý thuyết = 15 giờ; 1 TC thực hành = 30 giờ).

- Loại học phần: Bắt buộc

- Yêu cầu đầu vào: Nguyên lý kế toán

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

+ Học lý thuyết trên lớp: 15 giờ

+ Thực hành trên lớp: 58 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 2 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 75 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | ThS. Phạm Thanh Trà | 0967.654.082 | [phamtra88@gmail.com](mailto:Phamtra88@gmail.com) |
| 2 | TS. Trần Thế Tuân | 0916655268 | [Tuantt83@utt.edu.vn](mailto:Tuantt83@utt.edu.vn) |
| 3 | ThS. Đỗ Thị Mỹ Huyền | 0975.295.459 | [dothimyhuyen@gmail.com](mailto:dothimyhuyen@gmail.com) |
| 4 | ThS. Phạm Trung Nghĩa | 0943.301.678 | phamnghiatc@gmail.com |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:*Mục tiêu của học phần này nhằm phát triển khả năng của người học trong việc vận dụng các kiến thức chuyên ngành đã học để thực hành được trên phần mềm kế toán nói chung và trên phần mềm MISA nói riêng.

*- Mục tiêu cụ thể:.*

Mt1: Khái quát được các kiến thức cốt lõi về tổ chức công tác kế toán của doanh nghiệp trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin.

Mt2: Phân tích được những nội dung cơ bản để thực hiện được các phần hành trên phần mềm kế toán.

Mt3: Vận dụng được kiến thức đã học để thao tác được các phần hành trên phần mềm kế toán.

Mt4: Rèn luyện kỹ năng tư duy logic, phân tích, lập luận; tra cứu và khai thác tài liệu liên quan; kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình.

Mt5: Xây dựng cho sinh viên ý thức tích cực trong ứng dụng công nghệ, phần mềm máy tính trong quá trình hành nghề kế toán.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.030.3 | Kế toán máy | **CĐR 1** | **CĐR 2** | **CĐR 3** | **CĐR 4** | **CĐR 5** | **CĐR 6** |
|  |  | 2 |  |  | 2 |
| **CĐR 7** | **CĐR 8** | **CĐR 9** | **CĐR 10** | **CĐR 11** | **CĐR 12** |
|  |  |  | 2 |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của học phần** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Khái quát được nội dung tổ chức công tác kế toán trong điều kiện doanh nghiệp áp ứng dụng công nghệ thông tin. | CĐR 3 |
| Mt2 | Ch2: Phân tích được quy trình thực hiện các phần hành kế toán trên phần mềm kế toán. | CĐR 3 |
| Ch3: Vận dụng lý thuyết xác định được quy trình thực hiện các bút toán cuối kỳ; kiết xuất các báo cáo cuối kỳ. | CĐR 3 |
| **Kỹ năng** | | |
| ***Kỹ năng cứng*** | | |
| Mt3 | Ch4: Vận dụng được kiến thức đã học thao tác được các phần hành kế toán trên phần mềm kế toán. | CĐR 6, CĐR 10 |
| Ch5: Thực hiện được kỹ năng kiểm tra, đối chiếu số liệu và in các tài liệu kế toán trên phần mềm kế toán phục vụ công tác kế toán theo đúng quy định. | CĐR 6, CĐR 10 |
| ***Kỹ năng mềm*** | | |
| Mt4 | Ch6: Có kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề. | CĐR 6, CĐR 10 |
| Ch7: Kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và sử dụng công nghệ thông tin. | CĐR 6, CĐR 10 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt5 | Ch8: Có phương pháp học tập khoa học, xây dựng được kế hoạch học tập phù hợp với học phần để tích lũy được kiến thức, kinh nghiệm nhằm ứng dụng phần mềm kế toán phục vụ công tác kế toán trong doanh nghiệp. | CĐR 6, CĐR 10 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | | **Kỹ năng** | | | **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cứng** | | **Mềm** |
| **Chương** | **Nội dung** | **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch 3** | **Ch 4** | **Ch 5** | **Ch 6** | **Ch 7** | **Ch 8** |
| **Chương 1: Tổ chức công tác kế toán trong điều kiện kế toán trên máy** | 1.1. Kế toán và thông tin kế toán trong điều kiện tổ chức kế toán máy | 1 |  |  |  |  |  | 2 | 2 | Thuyết trình, đàm thoại, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu |
| 1.2. Hệ thống thông tin kế toán và công nghệ thông tin |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |
| 1.3. Nội dung tổ chức công tác kế toán trong điều kiện kế toán máy | 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.4. Giới thiệu về phần mềm kế toán | 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| **Chương 2: Ứng dụng phần mềm kế toán trong doanh nghiệp** | 2.1. Mở sổ kế toán |  |  | 1 |  |  |  | 1 | 2 | Thuyết trình, làm mẫu, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu.. |
| 2.2. Hạch toán các phần hành kế toán |  |  |  | 2 |  | 2 |  | 1 |
| 2.3.Thực hiện các bút toán cuối kỳ |  |  |  | 2 | 2 |  |  | 2 |
| 2.4.Kết xuất thông tin kế toán và in các báo cáo |  |  | 2 |  | 2 |  |  | 2 |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức cơ bản về phần mềm kế toán để xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tạo các báo cáo kế toán theo yêu cầu, tổ chức triển khai tổ chức bộ máy kế toán trong môi trường xử lý thông tin trên phần mềm kế toán. Người học được thực hành trên máy vi tính liên quan đến các phân hệ trên phần mềm kế toán: phân hệ quỹ; phân hệ ngân hàng, phân hệ mua hàng và bán hàng; phân hệ kho; phân hệ công cụ dụng cụ và TSCĐ; phân hệ tiền lương và giá thành; phân hệ thuế, phân hệ tổng hợp và kết xuất báo cáo kế toán.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu đối với sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Chương 1: Tổ chức công tác kế toán trong điều kiện kế toán trên máy** | **9** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Kế toán và thông tin kế toán trong điều kiện tổ chức kế toán máy  1.2. Hệ thống thông tin kế toán và công nghệ thông tin  1.3. Nội dung tổ chức công tác kế toán trong điều kiện kế toán máy  1.4. Giới thiệu về phần mềm kế toán | 3 | - Đọc học liệu số 1  - Chuẩn bị các vấn đề theo nội dung của tuần 1. | Theo TKB; Lớp học trên phòng máy |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng | 6 | Đọc học liệu, chỉ ra vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 2: Ứng dụng phần mềm kế toán trong doanh nghiệp** | **41** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Mở sổ kế toán  2.2. Hạch toán các phần hành kế toán  2.3.Thực hiện các bút toán cuối kỳ  2.4.Kết xuất thông tin kế toán và in các báo cáo | 12 | - Đọc học liệu số 1  - Chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của GV | Theo TKB; Lớp học trên phòng máy |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 29 | Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |  |
|  | **Chương 2: Ứng dụng phần mềm kế toán trong doanh nghiệp (tiếp)** | **50** |  |  |  |
| Thực hành, kiểm tra | - Thực hành mở sổ kế toán cho doanh nghiệp.  - Thực hành khai báo các danh mục  - Thực hành nhập số dư đầu kỳ | 10 | Đọc học liệu số 2, xem bài tập thực hành tổng hợp, giải quyết các tình huống | Theo TKB; Lớp học trên phòng máy |  |
| - Cập nhật phân hệ quỹ.  - Cập nhật phân hệ ngân hàng. | 5 | Đọc học liệu số 2, xem bài tập thực hành tổng hợp, giải quyết các tình huống | Theo TKB; Lớp học trên phòng máy |  |
| - Cập nhật phân hệ mua hàng | 5 | Đọc học liệu số 2. Thực hành trên phần mềm kế toán theo hướng dẫn của giảng viên. | Theo TKB; Lớp học trên phòng máy |  |
| - Cập nhật phân hệ bán hàng | 5 | Đọc học liệu số 2. Thực hành trên phần mềm kế toán theo hướng dẫn của giảng viên. | Theo TKB; Lớp học trên phòng máy |  |
| - Cập nhật phân hệ kho  - Kiểm tra 1 tiết | 5 | - Đọc học liệu số 2.  - Thực hành trên phần mềm kế toán theo hướng dẫn của giảng viên.  - Làm bài kiểm tra | Theo TKB; Lớp học trên phòng máy |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 20 | Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 3** |  |  |  |  |
| Thực hành | **Chương 2: Ứng dụng phần mềm kế toán trong doanh nghiệp (tiếp)** | **50** |  |  |  |
| - Cập nhật phân hệ công cụ dụng cụ | 5 | Đọc bài giảng kế toán máy, xem bài tập thực hành tổng hợp, giải quyết các tình huống | Theo TKB; Lớp học trên phòng máy |  |
| - Cập nhật phân hệ tài sản cố định | 5 | Đọc học liệu số 2, xem bài tập thực hành tổng hợp, giải quyết các tình huống | Theo TKB; Lớp học trên phòng máy |  |
| - Cập nhật phân hệ Tiền lương  - Cập nhật phân hệ Giá thành | 5 | Đọc học liệu số 2, xem bài tập thực hành tổng hợp, giải quyết các tình huống | Theo TKB; Lớp học trên phòng máy |  |
| - Cập nhật phân hệ Thuế  - Cập nhật phân hệ Tổng hợp | 5 | Đọc học liệu số 2, xem bài tập thực hành tổng hợp, giải quyết các tình huống | Theo TKB; Lớp học trên phòng máy |  |
| - Thực hiện các bút toán cuối kỳ.  - Kết xuất thông tin kế toán và in các báo cáo  - Kiểm tra 1 tiết | 10 | Đọc học liệu số 2, xem bài tập thực hành tổng hợp, giải quyết các tình huống | Theo TKB; Lớp học trên phòng máy |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 20 | Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Đoàn Xuân Tiên, Nguyễn Vũ Việt (2014), *Giáo trình kế toán máy,* NXB Tài chính.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Công ty cổ phần MISA (2009), Giáo trình kế toán máy, NXB Văn hóa - Thông tin

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn** |
| 1 | 5 |  |  |  |  | 10 |
| 2 | 5 |  |  |  |  | 10 |
| 3 | 5 |  |  |  |  | 15 |
| 4 |  |  |  | 5 |  | 4 |
| 5 |  |  |  | 5 |  | 4 |
| 6 |  |  |  | 5 |  | 3 |
| 7 |  |  |  | 5 |  | 3 |
| 8 |  |  |  | 5 |  | 3 |
| 9 |  | 1 |  | 4 |  | 3 |
| 10 |  |  |  | 5 |  | 4 |
| 11 |  |  |  | 5 |  | 4 |
| 12 |  |  |  | 5 |  | 3 |
| 13 |  |  |  | 5 |  | 3 |
| 14 |  |  |  | 5 |  | 3 |
| 15 |  | 1 |  | 4 |  | 3 |
| **Tổng cộng** | **15** | **2** |  | **58** |  | **75** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng bài | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch7, Ch8 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thực hành, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Bài kiểm tra thực hành (02 bài) | 20% | Theo đáp án, thang điểm của giảng viên (20%) | Ch1 đến Ch8 | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Thi thực hành | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1 đến Ch8 | 10 |

**11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức thi** | **Cấu trúc đề thi** | **Thời gian làm bài (phút)** | **Số lượng đề (Mã đề)** |
| Thực hành trên máy vi tính | - Nội dung của mỗi đề: Số dư đầu kỳ của một số tài khoản kế toán; Có từ 4-5 nghiệp vụ kinh tế phát sinh;  - Yêu cầu: Tạo cơ sở dữ liệu; Nhập số dư đầu kỳ; Nhập các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; Kết chuyển các bút toán tự động; | 60 | 3 |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | **HIỆU TRƯỞNG**    **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Thực hành kế toán doanh nghiệp

Mã học phần: KT2.1.036.3

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 3

- Loại học phần: Bắt buộc

- Yêu cầu đầu vào: Nguyên lý kế toán

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

+ Học thực hành trên lớp: 88 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 2 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | TS. Lê Minh Thu | 0913.058.196 | [leminhthutc07@gmail.com](mailto:leminhthutc07@gmail.com) |
| 2 | ThS. Đinh Thị Lan | 0987.423.415 | [landtl17a.hua@gmail.com](mailto:landtl17a.hua@gmail.com) |
| 3 | ThS. Đỗ Thị Mỹ Huyền | 0975.295.459 | [dothimyhuyen@gmail.com](mailto:dothimyhuyen@gmail.com) |
| 4 | TS. Nguyễn Thị Kim Ngân | 0988798307 | [ngankim30788@gmail.com](mailto:ngankim30788@gmail.com) |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:* Mục tiêu của học phần này nhằm phát triển khả năng của người học trong việc vận dụng các kiến thức chuyên ngành đã học để thực hiện được được quy trình cơ bản của công việc kế toán gồm: Phương pháp lập các chứng từ kế toán; Ghi sổ kế toán tổng hợp và ghi sổ kế toán chi tiết; Lập các báo cáo theo chế độ kế toán hiện hành tại doanh nghiệp.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt 1: Khái quát được các kiến thức cốt lõi về tổ chức công tác kế toán của doanh nghiệp theo chế độ kế toán hiện hành.

Mt 2: Trình bày được những nội dung cơ bản về trình tự các lập chứng từ, ghi sổ các phần hành kế toán tại doanh nghiệp.

Mt 3: Vận dụng được kiến thức đã học để thao tác lập chứng từ, ghi sổ kế toán và lập các báo cáo tài chính tại doanh nghiệp.

Mt 4: Rèn luyện kỹ năng làm việc trong các nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp.

Mt 5: Có động cơ học tập đúng đắn, có ý thức trách nhiệm, tôn trọng các nguyên tắc, phương pháp và quy trình hạch toán kế toán các phần hành kế toán trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.036.3 | Thực hành kế toán doanh nghiệp | **CĐR 1** | **CĐR 2** | **CĐR 3** | **CĐR 4** | **CĐR 5** | **CĐR 6** |
|  |  |  |  |  | **2** |
| **CĐR 7** | **CĐR 8** | **CĐR 9** | **CĐR 10** | **CĐR 11** | **CĐR 12** |
|  |  |  |  |  | **2** |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của học phần** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Khái quát được nội dung tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp. | CĐR 6 |
| Ch2: Xác lập được hệ thống sổ sách kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ. | CĐR 6 |
| Mt2 | Ch3: Giải thích được phương pháp lập chứng từ, ghi sổ kế toán các phần hành kế toán tại đơn vị. | CĐR 6 |
| Ch4: Mô tả được hệ thống báo cáo tài chính sử dụng trong doanh nghiệp. | CĐR 6 |
| **Kỹ năng** | | |
| Kỹ năng cứng | | |
| Mt4 | Ch5: Vận dụng được kiến thức đã học thao tác lập được các chứng từ kế toán, ghi sổ kế toán các phần hành kế toán tại doanh nghiệp. | CĐR 6 |
| Ch6: Thực hiện được kỹ năng kiểm tra, đối chiếu số liệu và lập các báo cáo tài chính; lưu trữ hồ sơ kế toán theo đúng quy định hiện hành. | CĐR 6 |
| Kỹ năng mềm | | |
| Mt4 | Ch7: Rèn luyện kỹ năng làm việc trong các nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp; khai thác các nguồn thông tin, hệ thống các văn bản hiện hành phục vụ cho thực hiện hạch toán kế toán tại đơn vị | CĐR 6 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt5 | Ch8: Chấp hành nguyên tắc, phương pháp và trình tự kế toán các phần hành kế toán doanh nghiệp. Rèn luyện phẩm chất, đạo đức nghề kế toán, có ý thức tổ chức kỷ luật, tính trung thực, thận trọng trong công tác kế toán. | CĐR 12 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | | **Kỹ năng** | | | **Mức độ tự chủ và TN** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cứng** | | **Mềm** |
| **Chương** | **Nội dung** | **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch 3** | **Ch 4** | **Ch 5** | **Ch 6** | **Ch 7** | **Ch 8** |
| **Bài 1**  **Thiết lập hệ thống sổ kế toán** | Xác định hệ thống sổ sách, chứng từ và ghi đầy đủ các thông tin vào trang bìa và trang thứ nhất của từng loại sổ kế toán. | 2 | 2 |  |  |  |  |  |  | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, làm mẫu |
| Ghi số dư đầu kỳ vào sổ cái của từng tài khoản và sổ chi tiết có liên quan |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |
| **Bài 2: Kế toán vốn bằng tiền; Các khoản tạm ứng; phải thu** | Phương pháp lập các chứng từ kế toán liên quan đến kế toán vốn bằng tiền; Các khoản tạm ứng; phải thu |  |  | 2 |  | 2 |  |  |  | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, làm mẫu |
| Phương pháp ghi sổ kế toán liên quan đến kế toán vốn bằng tiền; Các khoản tạm ứng; phải thu |  |  | 2 |  | 2 |  |  |  |
| **Bài 3: Kế toán nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ và tài sản cố định** | Phương pháp lập các chứng từ kế toán liên quan đến kế toán nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ và tài sản cố định |  |  |  |  | 2 |  | 2 |  | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, làm mẫu |
| Phương pháp ghi sổ kế toán liên quan đến kế toán nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ và tài sản cố định |  |  |  |  | 2 |  | 2 |  |
| **Bài 4: Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương** | Phương pháp lập các chứng từ kế toán liên quan đến kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương |  |  |  |  | 2 |  | 2 |  | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, làm mẫu |
| Phương pháp ghi sổ kế toán liên quan đến kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương |  |  |  |  | 2 |  | 2 |  |
| **Bài 5: Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm** | Phương pháp lập các chứng từ kế toán liên quan đến kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm |  |  |  |  | 2 |  | 2 |  | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, làm mẫu |
| Phương pháp ghi sổ kế toán liên quan đến kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm |  |  |  |  | 2 |  | 2 |  |
| **Bài 6. Kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh** | Phương pháp lập các chứng từ kế toán liên quan đến kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh |  |  |  |  | 2 |  | 2 |  | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, làm mẫu |
| Phương pháp ghi sổ kế toán liên quan đến kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh |  |  |  |  | 2 |  | 2 |  |
| **Bài 7: Lập báo cáo tài chính** | Nội dung, kết cấu của mỗi loại báo cáo: B01/DN; B02/DN; B03/DN; B09/DN; |  |  |  | 2 |  | 2 |  | 3 | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, làm mẫu |
| Phương pháp lập các báo cáo tài chính. |  |  |  |  |  | 2 |  | 3 |
| **Bài 8: Xắp xếp, đóng lưu giữ chứng từ sổ sách kế toán** | Phương pháp phân loại chứng từ kế toán |  |  |  |  |  |  | 2 | 2 | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, làm mẫu |
| Cách tiến hành đóng tài liệu kế toán |  |  |  |  |  |  | 2 | 2 |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần tập trung nghiên cứu các nội dung: Thiết lập hệ thống sổ kế toán; lập các chứng từ và ghi sổ sách kế toán (sổ tổng hợp và sổ chi tiết) liên quan đến kế toán vồn bằng tiền và các khoản phải thu; kế toán nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ và cá tài sản cố định; kế toán tiền lương và các khoản phải trích theo lương ; kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh; lập báo cáo tài chính; sắp xếp, đóng, lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu đối với sinh viên** | **Thời gian, địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Bài 1: Thiết lập hệ thống sổ kế toán** | **8** |  |  |  |
| Thực hành | ***\* Hướng dẫn ban đầu:***  - Cách mở sổ kế toán theo hình thức *“Chứng từ ghi sổ”*  *-* Cách ghi số dư đầu kỳ và cá thông tin ban đầu. | 2 | Đọc học liệu nghiên cứu phương pháp mở sổ kế toán | Theo TKB; Trên lớp (Phòng thực hành) |  |
| Thực hành | ***\* Hướng dẫn thường xuyên:***  - Thông tin về doanh nghiệp;  - Mở sổ kế toán mới (*Đầu niên độ*)  - Ghi đầy đủ các thông tin vào trang bìa và trang thứ nhất của từng loại sổ kế toán.  - Ghi số dư đầu kỳ vào sổ cái của từng tài khoản và sổ chi tiết có liên quan (*Nếu có*)  ***\* Hướng dẫn kết thúc:***  - Nghiệm thu sản phẩm thực hành  - Nhận xét, rút kinh nghiệm | 3 | Đọc học liệu. Thực hành dựa trên nội dung bài tập thực hành theo hướng dẫn của giảng viên. | Theo TKB; Trên lớp (Phòng thực hành) |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Ôn tập lại kiến thức lý thuyết  Hoàn thiện sản phẩm thực hành theo yêu cầu của giảng viên | 3 | Ôn tâp và hoàn thiện nội dung thực hành, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Bài 2: Kế toán vốn bằng tiền; Các khoản tạm ứng; phải thu** | **27** |  |  |  |
| Thực hành | ***\* Hướng dẫn ban đầu:***  - Phương pháp lập các chứng từ kế toán liên quan đến kế toán vốn bằng tiền; Các khoản tạm ứng; phải thu  - Phương pháp ghi sổ kế toán liên quan đến kế toán vốn bằng tiền; Các khoản tạm ứng; phải thu | 3 | Đọc học liệu, nghiên cứu phương pháp lập chứng từ và ghi sổ kế toán | Theo TKB; Trên lớp (Phòng thực hành) |  |
| Thực hành | ***\* Hướng dẫn thường xuyên:***  - Nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh  - Lập chứng từ kế toán có liên quan: phiếu thu, phiếu chi và các chứng từ ngân hàng, kho bạc v.v...  - Ghi sổ kế toán tổng hợp (Sổ tài khoản kế toán) có liên quan;  - Ghi sổ kế toán chi tiết có liên quan: Sổ quỹ; Sổ chi tiết quỹ tiền mặt; Sổ TGNH; Sổ theo dõi tạm ứng; Các khoản phải thu;  ***\* Hướng dẫn kết thúc:***  - Nghiệm thu sản phẩm thực hành;  - Nhận xét, rút kinh nghiệm; | 12 | Đọc học liệu. Thực hành dựa trên nội dung bài tập thực hành theo hướng dẫn của giảng viên. | Theo TKB; Trên lớp (Phòng thực hành) |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Ôn tập lại kiến thức lý thuyết  Hoàn thiện sản phẩm thực hành theo yêu cầu của giảng viên | 12 | Ôn tâp và hoàn thiện nội dung thực hành, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Bài 3: Kế toán nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ và tài sản cố định** | **15** |  |  |  |
| Thực hành | ***\* Hướng dẫn ban đầu:***  - Phương pháp lập các chứng từ kế toán liên quan đến kế toán nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ và tài sản cố định  - Phương pháp ghi sổ kế toán liên quan đến kế toán nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ và tài sản cố định | 3 | Đọc học liệu, nghiên cứu phương pháp lập chứng từ và ghi sổ kế toán | Theo TKB; Trên lớp (Phòng thực hành) |  |
| Thực hành | ***\* Hương dẫn thường xuyên:***  - Nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh;  - Lập chứng từ kế toán có liên quan: phiếu nhập kho, phiếu xuất kho và các biên bản tăng; giảm TSCĐ và các chứng từ liên quan khác v. v ...  - Ghi sổ kế toán chi tiết có liên quan;  ***\* Hướng dẫn kết thúc:***  - Nghiệm thu sản phẩm thực hành  - Nhận xét, rút kinh nghiệm | 7 | Đọc học liệu . Thực hành dựa trên nội dung bài tập thực hành theo hướng dẫn của giảng viên. | Theo TKB; Trên lớp (Phòng thực hành) |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Ôn tập lại kiến thức lý thuyết  Hoàn thiện sản phẩm thực hành theo yêu cầu của giảng viên | 5 | Ôn tâp và hoàn thiện nội dung thực hành, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |  |
|  | **Bài 4: Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương** | **25** |  |  |  |
| Thực hành | ***\* Hướng dẫn ban đầu:***  - Phương pháp lập các chứng từ kế toán liên quan đến kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương  - Phương pháp ghi sổ kế toán liên quan đến kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương | 5 | Đọc học liệu, nghiên cứu phương pháp lập chứng từ và ghi sổ kế toán | Theo TKB; Trên lớp (Phòng thực hành) |  |
| Thực hành | *\** ***Hướng dẫn thường xuyên:***  - Nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh;  - Lập chứng từ kế toán có liên quan: Bảng chấm công; phiếu nghiệm thu sản phẩm, công việc hoàn thành; bảng thanh toán tiền lương và các chứng từ liên quan khác …  - Ghi sổ kế toán tổng hợp (*Sổ cái tài khoản kế toán*);  - Ghi sổ kế toán chi tiết có liên quan  ***\* Hương dẫn kết thúc:***  - Nghiệm thu sản phẩm thực hành  - Nhận xét, rút kinh nghiệm | 10 | Đọc học liệu. Thực hành dựa trên nội dung bài tập thực hành theo hướng dẫn của giảng viên. | Theo TKB; Trên lớp (Phòng thực hành) |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Giao nội dung bài tập thực hành, chấm lấy điểm  - Ôn tập lại kiến thức lý thuyết  Hoàn thiện sản phẩm thực hành theo yêu cầu của giảng viên | 10 | Ôn tâp và hoàn thiện nội dung thực hành, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Bài 5: Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm** | **23** |  |  |  |
| Thực hành | **\*Hướng dẫn ban đầu:**  - Phương pháp lập các chứng từ kế toán liên quan đến kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm  - Phương pháp ghi sổ kế toán liên quan đến kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm | 4 | Đọc học liệu, nghiên cứu phương pháp lập chứng từ và ghi sổ kế toán | Theo TKB; Trên lớp (Phòng thực hành) |  |
| Thực hành | **\*Hướng dẫn thường xuyên:**  - Nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh  - Xử lý chứng từ kế toán có liên quan đến từng khoản mục chi phí  - Ghi sổ, tổng hợp - cân đối; khóa sổ xác định chi phí theo từng khoản mục chi phí cấu thành nên giá của từng loại sản phẩm hoàn thành trong kì trên sổ cái tài khoản và các sổ chi tiết có liên quan;  - Đánh giá sản phẩm làm dở (nếu có) theo các phương pháp cụ thể  - Tính giá tổng giá thành thực tế và đơn giá cả từng loại sản phẩm hoàn thành.  - Lập thẻ tính giá thành của từng loại sản phẩm hoàn thành trong kì.  **\* Hướng dẫn kết thúc**  - Nghiệm thu sản phẩm thực hành  - Nhận xét rút kinh nghiệm | 9 | Đọc học liệu. Thực hành dựa trên nội dung bài tập thực hành theo hướng dẫn của giảng viên. | Theo TKB; Trên lớp (Phòng thực hành) |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Ôn tập lại kiến thức lý thuyết  Hoàn thiện sản phẩm thực hành theo yêu cầu của giảng viên | 10 | Ôn tâp và hoàn thiện nội dung thực hành, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Kiểm tra giữa kì** | **2** |  | Theo TKB; Trên lớp |  |
|  | **Tín chỉ 3** |  |  |  |  |
|  | **Bài 6. Kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh** | **22** |  |  |  |
| Thực hành | **\*Hướng dẫn ban đầu**  - Phương pháp lập các chứng từ kế toán liên quan đến kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh  - Phương pháp ghi sổ kế toán liên quan đến kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh | 2 | Đọc học liệu, nghiên cứu phương pháp lập chứng từ và ghi sổ kế toán | Theo TKB; Trên lớp (Phòng thực hành) |  |
| Thực hành | **\* Hướng dẫn thường xuyên:**  - Nội dung các nghiệp vụ kinh tế phát sinh  - Lập chứng từ kế toán liên quan: Hóa đơn bán hàng (GTGT); phiếu xuất kho; hợp đồng mua bán; các chứng từ liên quan khác…  - Ghi sổ kế toán tổng hợp(sổ cái tài khoản kế toán) có liên quan  - Ghi số chi tiết có liên quan  - Kết chuyển sổ kế toán theo chế độ kế toán hiện hành; tổng hợp – cân đối và khóa sổ tài khoản( sổ cái tài khoản và các sổ chi tiết có liên quan)  **\* Hướng dẫn kết thúc**  - Nghiệm thu sản phẩm thực hành  - Nhận xét rút kinh nghiệm | 12 | Đọc học liệu. Thực hành dựa trên nội dung bài tập thực hành theo hướng dẫn của giảng viên. | Theo TKB; Trên lớp (Phòng thực hành) |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Ôn tập lại kiến thức lý thuyết  Hoàn thiện sản phẩm thực hành theo yêu cầu của giảng viên | 8 | Ôn tâp và hoàn thiện nội dung thực hành, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Bài 7: Lập báo cáo tài chính** | **20** |  |  |  |
| Thực hành | **\*Hướng dẫn ban đầu**  - Nội dung, kết cấu của mỗi loại báo cáo: B01/DN; B02/DN; B03/DN; B09/DN;  Phương pháp lập các báo cáo tài chính. | 2 | Đọc học liệu, nghiên cứu phương pháp lập báo cáo tài chính | Theo TKB; Trên lớp (Phòng thực hành) |  |
| Thực hành | **\*Hướng dẫn thường xuyên**  - Sử dụng các mẫu báo cáo theo quy định hiện hành  - Xác định các chỉ tiêu liên quan, tính toán số liệu cụ thể để ghi vào từng chỉ tiêu trên báo cáo tài chính;  - Hoàn thiện từng loại báo cáo tài chính  **\*Hướng dẫn kết thúc**  - Nghiệm thu sản phẩm thực hành  - Nhận xét rút kinh nghiệm | 10 | Đọc học liệu. Thực hành dựa trên nội dung bài tập thực hành theo hướng dẫn của giảng viên. | Theo TKB; Trên lớp (Phòng thực hành) |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Ôn tập lại kiến thức lý thuyết  Hoàn thiện sản phẩm thực hành theo yêu cầu của giảng viên | 8 | Ôn tâp và hoàn thiện nội dung thực hành, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Bài 8: Xắp xếp, đóng lưu giữ chứng từ sổ sách kế toán** | **8** |  |  |  |
| Thực hành | **\*Hướng dẫn ban đầu**  - Phương pháp phân loại chứng từ kế toán  - Cách tiến hành đóng tài liệu kế toán | 2 | Đọc học liệu , nghiên cứu phương pháp phân loại và đóng chứng từ, sổ kế toán | Theo TKB; Trên lớp (Phòng thực hành) |  |
| Thực hành | **\*Hướng dẫn thường xuyên:**  - Phân loại chứng từ kế toán  - Đóng chứng từ theo từng loại chứng từ và thời gian phát sinh nghiệp vụ  - Xắp xếp hệ thống hóa tài liệu kế toán lưu trữ: chứng từ; sổ kế toán; báo cáo kế toán đảm bảo tình khoa học;  **\*Hướng dẫn kết thúc**  - Nghiệm thu sản phẩm thực hành  - Nhận xét rút kinh nghiệm | 2 | Đọc học liệu. Thực hành dựa trên nội dung bài tập thực hành theo hướng dẫn của giảng viên. | Theo TKB; Trên lớp (Phòng thực hành) |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Ôn tập lại kiến thức lý thuyết  Hoàn thiện sản phẩm thực hành theo yêu cầu của giảng viên  - Chứng từ kế toán  - Sổ kế toán tổng hợp  - Sổ kế toán chi tiết  - Báo cáo tài chính | 4 | Ôn tâp và hoàn thiện nội dung thực hành, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Bộ Tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp* (quyển 1 và quyển 2), NXB Lao động xã hội.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Công ty cổ phần MISA (2017), *Giáo trình kế toán máy,* Nxb Văn hóa - Thông tin.

[3] Lưu Đức Tuyên và Ngô Thị Thu Hồng (2011), *Giáo trình tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Tài chính.

[4] Đinh Thị Lan (2015), *Hướng dẫn thực hành lập báo cáo tài chính doanh nghiệp*, *Tài liệu lưu hành nội bộ* , Trường Đại học Tân Trào.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận** |
| 1 |  |  |  | 12 |  | 8 |
| 2 |  |  |  | 12 |  | 8 |
| 3 |  | 2 |  | 10 |  | 8 |
| 4 |  |  |  | 12 |  | 8 |
| 5 |  |  |  | 12 |  | 8 |
| 6 |  |  |  | 12 |  | 8 |
| 7 |  |  |  | 12 |  | 8 |
| 8 |  |  |  | 4 |  | 4 |
| **Cộng** |  | **2** |  | **88** |  | **60** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

11.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch8 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số 30%;** (Học phần 03 tín chỉ 2 điểm) | | | | | |
| 2 | Kiểm tra (chấm bài thực hành sinh viên thực hiện) | 30% | Thời gian, nội dung và chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu (4%) | Ch1 đến Ch8 | 4 |
| Kỹ năng và năng lực trình bày báo cáo (3%) | 3 |
| Năng lực hợp tác, tương tác, chia sẻ (2%) | 2 |
| Có sáng tạo (1%) | 1 |
| 3 | Bài tập (chấm bài thực hành sinh viên thực hiện) | Theo đáp án, thang điểm của giảng viên | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 4 | Chấm kết quả hồ sư thực hành | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1 đến Ch8 | 10 |

**11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Cấu trúc hồ sơ thực hành** | **Thời gian thực hiện** | **Số lượng hồ sơ thực hành** |
| Hoàn thiện hồ sơ sản phẩm thực hành | Nội dung, yêu cầu, thang điểm trong mỗi hồ sơ thực hành:  - Nội dung chấm điểm: Chứng từ; Sổ kế toán; Báo cáo tài chính  - Yêu cầu: Mỗi hồ sơ thực hành 02 GV chấm (*Độc lập; sau đó khớp điểm thống nhất);*  - Thang điểm: 10; theo cấu trúc sau:  + Điểm chứng từ (40%); 4 điểm  + Điểm sổ kế toán: (40%); 4 điểm  + Điểm báo cáo tài chính: (20%);  2 điểm  Kết quả bộ hồ sơ thực hành bao gồm Chứng từ; Sổ kế toán; Báo cáo tài chính đáp ứng từ chuẩn 1 đến chuẩn 8. | 90 giờ | 01 bộ/1SV |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHO**  **Đỗ Hải Yến** | | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO**  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

# Tên học phần: Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp

Mã học phần: KT2.1.037.3

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 03

- Loại học phần: Bắt buộc

- Yêu cầu đầu vào: Kế toán hành chính sự nghiệp

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp:

+ Bài tập thực hành trên lớp: 90 giờ (30 giờ = 1 TC)

+ Tự học, tự nghiên cứu: 90 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | Trần Thị Diên | 0987.578.358 | Tranthidien1979@gmail.com |
| 2 | Nguyễn Thị Kim Ngân | 0988.798.307 | Ngankim30788@gmail.com |
| 3 | Phạm Thanh Trà | 0967.654.082 | Phamtra88@gmail.com |
| 4 | Đỗ Thị Mỹ Huyền | 0975295459 | dothimyhuyen@gmail.com |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung*: Người học vận dụng kiến thức chuyên môn để thực hiện các kĩ năng nghiệp vụ chuyên ngành trong công tác kế toán tại đơn vị hành chính sự nghiệp.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt1: Vận dụng kiến thức về tổ chức công tác kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp; áp đụng các quy định và phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế trong đơn vị HCSN.

Mt2: Hạch toán các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến hoạt động kinh tế - tài chính của đơn vị kế toán HCSN. Thực hiện đúng quy trình thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế - tài chính của đơn vị HCSN.

Mt3: Tôn trọng các nguyên tắc, phương pháp và quy trình hạch toán kế toán các phần hành kế toán trong đơn vị HCSN.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.037.3 | Thực hành  Kế toán hành chính sự nghiệp | **CĐR 1** | **CĐR 2** | **CĐR 3** | **CĐR 4** | **CĐR 5** | **CĐR 6** |
|  |  |  |  |  | **2** |
| **CĐR 7** | **CĐR 8** | **CĐR 9** | **CĐR 10** | **CĐR 11** | **CĐR 12** |
|  |  |  |  |  | **2** |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của học phần** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Lựa chọn được hệ thống chứng từ, sổ sách, báo cáo kế toán áp dụng đối với đơn vị HCSN để hạch toán các phần hành kế toán theo nội dung bài tập thực hành. | CĐR 6 |
| Ch2: Áp dụng đúng phương pháp, quy trình kế toán để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong đơn vị HCSN. | CĐR 6 |
| Ch3: Khái quát được nội dung, kết cấu của mỗi loại báo cáo: B01/BCTC; B02/BCTC; B01/BCQT; phương pháp lập từng loại báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán; phương pháp sắp xếp, lưu trữ tài liệu kế toán. | CĐR 6 |
| **Kỹ năng** | | |
| Mt2 | ***Kĩ năng cứng*** |  |
| Ch4: Thực hiện việc lập và kiểm tra được các chứng kế toán theo nội dung các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đảm bảo hợp lệ và hợp pháp. | CĐR 6 |
| Ch5: Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào hệ thống sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp theo chế độ kế toán HCSN hiện hành. | CĐR 6 |
| Ch6: Tổng hợp số liệu lập báo cáo kế toán: Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán. Sắp xếp, lưu trữ tài liệu kế toán. | CĐR 6 |
| ***Kĩ năng mềm*** |  |
| Ch7: Có kỹ năng làm việc độc lập, giải quyết vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn kế toán trong đơn vị HCSN. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán | CĐR 6 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt3 | Ch8: Chấp hành nguyên tắc, phương pháp và trình tự kế toán các phần hành kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp. Rèn luyện phẩm chất, đạo đức nghề kế toán, có ý thức tổ chức kỷ luật, tính trung thực, thận trọng trong công tác kế toán. | CĐR 12 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | **Kĩ năng** | | | | **Mức độ TC và TN** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài** | **Nội dung** | **Cứng** | | | **Mềm** |
| **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch 3** | **Ch 4** | **Ch 5** | **Ch 6** | **Ch 7** | **Ch 8** |
| Bài 1. Thiết lập hệ thống sổ kế toán | Hệ thống chứng từ, sổ sách, báo cáo kế toán áp dụng đối với đơn vị HCSN theo chế độ kế toán hiện hành | 2 |  |  |  |  |  |  | 2 | Trình chiếu, giải thích và phân tích các nội dung kiến thức theo từng bài học |
| Thiết lập được hệ thống biểu mẫu chứng từ, sổ sách, báo cáo kế toán. |  |  |  | 2 |  |  | 2 |  | Làm mẫu, các thao tác, quy trình, phương pháp thực hiện các kỹ năng lập chứng từ, tính giá, định khoản, ghi sổ kế toán |
| Bài 2. Kế toán vốn bằng tiền | Nội dung, phương pháp, quy trình kế toán Tiền mặt; TGNH KB; Tạm ứng trong đơn vị HCSN; |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 | Trình chiếu, giải thích và phân tích các nội dung |
| Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bài thực hành số 02; |  |  |  | 3 | 3 |  |  |  | Làm mẫu, kỹ năng lập chứng từ, tính giá, định khoản, ghi sổ kế toán |
| Bài 3. Kế toán vật tư, sản phẩm, hàng hóa và tài sản cố định | Nội dung, phương pháp, quy trình kế toán vật tư, sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ trong đơn vị HCSN |  | 2 |  |  |  |  | 2 |  | Trình chiếu, giải thích và phân tích các nội dung |
| Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bài thực hành số 03 |  |  |  | 3 | 3 |  |  |  | Làm mẫu, kỹ năng lập chứng từ, tính giá, định khoản, ghi sổ kế toán |
| Bài 4. Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương | Nội dung, phương pháp, quy trình kế toán tiền lương và các khoản trích nộp theo lương trong đơn vị HCSN. |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 | Trình chiếu, giải thích và phân tích các nội dung |
| Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bài thực hành số 04. |  |  |  | 3 | 3 |  |  |  | Làm mẫu, kỹ năng lập chứng từ, tính giá, định khoản, ghi sổ kế toán |
| Bài 5. Kế toán thu, chi và xác định kết quả hoạt động sự nghiệp | Nội dung, phương pháp, quy trình kế toán các khoản thu, chi và xác định kết quả hoạt động sự nghiệp. |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 | Trình chiếu, giải thích và phân tích các nội dung |
| Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bài thực hành số 05; |  |  |  | 3 | 3 |  |  |  | Làm mẫu, kỹ năng lập chứng từ, tính giá, định khoản, ghi sổ kế toán |
| Bài 6. Lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán | - Nội dung, kết cấu,phương pháp lập của mỗi loại báo cáo: B01/BCTC; B02/BCTC; B01/BCQT.  - Phương pháp sắp xếp, lưu trữ tài liệu kế toán. |  |  | 2 |  |  | 3 |  |  | Trình chiếu, giải thích và phân tích các nội dung |
| Lập báo cáo tài chính, sắp xếp, lưu trữ tài liệu kế toán theo bài thực hành số 06. |  |  |  |  |  | 3 | 2 |  | Làm mẫu, kỹ năng lập chứng từ, tính giá, định khoản, ghi sổ kế toán |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần hướng dẫn cho người học thao tác tương đối thành thạo các công việc chuyên môn theo đúng quy trình của công việc của kế toán trên máy vi tính, theo tài liệu kế toán của đơn vị hành chính sự nghiệp, cụ thể: Thiết lập hệ thống sổ kế toán; Kế toán vốn bằng tiền; Kế toán vật tư; sản phẩm, hàng hoá và tài sản cố định; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; Kế toán thu, chi và xác định kết quả hoạt động; Lập báo cáo tài chính; Sắp xếp, lưu trữ tài liệu kế toán.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức**  **dạy học** | **Nội dung chính** | **Số**  **giờ** | **Yêu cầu**  **đối với**  **sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** | **30** |  |  |  |
| Thực hành | **Bài 1. Thiết lập hệ thống sổ kế toán:**  ***\* Hướng dẫn ban đầu:***  - Quy trình ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.  - Hệ thống chứng từ, sổ sách, báo cáo kế toán áp dụng đối với đơn vị HCSN theo chế độ kế toán hiện hành | 5 | - Học liệu [1]  - Học liệu [4] Bài TH số 01 | - Theo TKB  - Phòng thực hành kế toán |  |
| Thực hành | ***\* Hướng dẫn thường xuyên:***  - Thiết lập được hệ thống biểu mẫu chứng từ trên Microsoft Word;  - Thiết lập được hệ thống biểu mẫu sổ sách kế toán trên Microsoft Excel: Sổ tổng hợp; Sổ chi tiết của hình thức Nhật ký chung;  - Thiết lập được hệ thống mẫu biểu báo cáo kế toán HCSN trên Microsoft Excel.  ***\* Hướng dẫn kết thúc:***  - Nghiệm thu sản phẩm thực hành  - Nhận xét, rút kinh nghiệm | 10 | - Học liệu [1]  - Học liệu [4] Bài TH số 01 | - Theo TKB  - Phòng thực hành kế toán |  |
| Tự học,  tự nghiên cứu | - Ôn tập lại kiến thức lý thuyết;  - Hoàn thiện sản phẩm thực hành theo yêu cầu của giảng viên; | 15 | Học liệu [2], [3] phần kiến thức liên quan | Thư viện;  ở nhà |  |
| Thực hành | **Bài 2. Kế toán vốn bằng tiền**  ***\* Hướng dẫn ban đầu:***  - Nội dung, phương pháp, quy trình kế toán Tiền mặt; TGNH KB; Tạm ứng trong đơn vị HCSN;  - Nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bài thực hành số 02; | 5 | - Học liệu [1] TK 111, 112, 141  - Học liệu [4] Bài TH số 02 | - Theo TKB  - Phòng thực hành kế toán |  |
| Thực hành | ***\* Hướng dẫn thường xuyên:***  - Lập các chứng từ kế toán liên quan đến Vốn bằng tiền: Phiếu thu; Phiếu chi; Giấy đề nghị tạm ứng; Giấy thanh toán tạm ứng.  - Ghi Sổ kế toán tổng hợp: Sổ Nhật ký chung; Sổ Cái các TK 111; 112; 141.  - Ghi sổ kế toán chi tiết: Sổ quỹ tiền mặt; Sổ chi tiết TGNH KB; Sổ kế toán chi tiết Tạm ứng.  - Khóa sổ kế toán; Lập Bảng tổng hợp chi tiết TK 112; 141;Thực hiện kiểm tra, đối chiếu số liệu.  ***\* Hướng dẫn kết thúc:***  - Nghiệm thu sản phẩm thực hành  - Nhận xét, rút kinh nghiệm | 10 | - Học liệu [1] TK 111, 112, 141  - Học liệu [4] Bài TH số 02 | - Theo TKB  - Phòng thực hành kế toán |  |
| Tự học,  tự nghiên cứu | - Ôn tập lại kiến thức lý thuyết;  - Hoàn thiện sản phẩm thực hành theo yêu cầu của giảng viên; | 15 | Học liệu [2], [3] phần kiến thức liên quan | Thư viện;  ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 2** | **30** |  |  |  |
| Thực hành | **Bài 3. Kế toán vật tư, sản phẩm, hàng hóa và tài sản cố định**  ***\* Hướng dẫn ban đầu***:  - Nội dung, phương pháp, quy trình kế toán vật tư, sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ trong đơn vị HCSN  - Nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bài thực hành số 03; | 5 | - Học liệu [1]TK 152, 153, 155, 211, 214  - Học liệu [4] Bài TH số 03 | - Theo TKB  - Phòng thực hành kế toán |  |
| Thực hành | ***\* Hướng dẫn thường xuyên:***  - Lập các chứng từ kế toán liên quan đến vật tư, sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ : Phiếu nhập kho; Phiếu xuất kho; Biên bản giao nhận TSCĐ; Hóa đơn GTGT; Biên bản kiểm kê vật tư, sản phẩm, hàng hóa.  - Ghi Sổ kế toán tổng hợp: Sổ Nhật ký chung; Sổ Cái các TK 152, 153, 155, 211, 214.  - Ghi sổ kế toán chi tiết: Sổ chi tiết NVL; Sổ chi tiết CCDC; Sổ chi tiết TP,HH;  - Lập bảng tổng hợp chi tiết NVL, CCDC, SP, HH; Kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các sổ tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.  ***\* Hướng dẫn kết thúc:***  - Nghiệm thu sản phẩm thực hành  - Nhận xét, rút kinh nghiệm | 10 | - Học liệu [1]TK 152, 153, 155, 211, 214  - Học liệu [4] Bài TH số 03 - Học liệu [2]; [3] tham khảo | - Theo TKB  - Phòng thực hành kế toán |  |
| Tự học,  tự nghiên cứu | - Ôn tập lại kiến thức lý thuyết;  - Hoàn thiện sản phẩm thực hành theo yêu cầu của giảng viên; | 15 | Học liệu [3] kiến thức liên quan | Thư viện;  ở nhà |  |
| Thực hành | **Bài 4. Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương:**  ***\* Hướng dẫn ban đầu:***  - Nội dung, phương pháp, quy trình kế toán tiền lương và các khoản trích nộp theo lương trong đơn vị HCSN;  - Nội dung, phương pháp lập Bảng chấm công; Bảng thanh toán tiền lương;  - Nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bài thực hành số 04. | 5 | - Học liệu [1] TK 332, 334  - Học liệu [4] Bài TH số 04 | - Theo TKB  - Phòng thực hành kế toán |  |
| Thực hành | ***\* Hướng dẫn thường xuyên:***  - Lập các Bảng chấm công tháng;  - Lập các Bảng thanh toán tiền lương;  - Thực hiện hạch toán các nghiệp vụ tiền lương và các khoản trích nộp theo lương;  - Lập bảng tính các khoản trích nộp theo lương.  - Ghi Sổ kế toán tổng hợp: Sổ Nhật ký chung; Sổ Cái các TK 332, 334;  - Ghi sổ kế toán chi tiết có liên quan.  ***\* Hướng dẫn kết thúc:***  - Nghiệm thu sản phẩm thực hành  - Nhận xét, rút kinh nghiệm | 9 | - Học liệu [1] TK 332, 334  - Học liệu [4] Bài TH số 04 | - Theo TKB  - Phòng thực hành kế toán |  |
| Tự học,  tự nghiên cứu | - Ôn tập lại kiến thức lý thuyết;  - Hoàn thiện sản phẩm thực hành theo yêu cầu của giảng viên; | 15 | Học liệu [2], [3] phần kiến thức liên quan | Thư viện;  ở nhà |  |
| Kiểm tra | Bài kiểm tra giữa kỳ | 1 | Nội dung thuộc TC1 | Phòng thực hành kế toán |  |
|  | **Tín chỉ 3** |  |  |  |  |
|  | **Bài 5. Kế toán thu, chi và xác định kết quả hoạt động sự nghiệp** | **25** |  |  |  |
| Thực hành | ***\* Hướng dẫn ban đầu:***  - Nội dung, phương pháp, quy trình kế toán các khoản thu, chi và xác định kết quả hoạt động sự nghiệp.  - Phương pháp kế toán trên các tài khoản 511; 611; 911 (9111).  - Nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bài thực hành số 05; | 5 | - Học liệu [1]TK 511, 611, 911. | - Theo TKB  - Phòng thực hành kế toán |  |
| Thực hành | ***\* Hướng dẫn thường xuyên:***  - Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh;  - Ghi sổ kế toán có liên quan các TK 511, 611, 911.  - Khóa sổ kế toán;  - Kiểm tra, đối chiếu số liệu;  - Chuẩn bị số liệu lập báo cáo kế toán.  ***\* Hướng dẫn kết thúc:***  - Nghiệm thu sản phẩm thực hành  - Nhận xét, rút kinh nghiệm | 10 | - Học liệu [4] Bài TH số 05 | - Theo TKB  - Phòng thực hành kế toán |  |
| Tự học,  tự nghiên cứu | - Ôn tập lại kiến thức lý thuyết;  - Hoàn thiện sản phẩm thực hành theo yêu cầu của giảng viên; | 10 | Học liệu [2], [3] phần kiến thức liên quan | Thư viện;  ở nhà |  |
|  | **Bài 6. Lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán** | **25** |  |  |  |
| Thực hành | Báo cáo tình hình tài chính (B01/BCTC); Báo cáo kết quả hoạt động (B02/BCTC); Báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động (B01/BCQT) trong đơn vị HCSN.  ***\* Hướng dẫn ban đầu:***  - Nội dung, kết cấu của mỗi loại báo cáo: B01/BCTC; B02/BCTC; B01/BCQT.  - Phương pháp lập từng loại báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán;  - Phương pháp sắp xếp, lưu trữ tài liệu kế toán. | 5 | - Học liệu [1] Phương pháp lập báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán  - Học liệu [4] Bài TH số 06 | - Theo TKB  - Phòng thực hành kế toán |  |
| Thực hành | Tổng hợp số liệu trên sổ kế toán tổng hợp và chi tiết để lập từng chỉ tiêu trên:  - Bảng cân đối số phát sinh;  - Báo cáo tình hình tài chính (B01/BCTC);  - Báo cáo kết quả hoạt động (B02/BCTC);  -Báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động (B01/BCQT) trong đơn vị HCSN.  - Sắp xếp, lưu trữ tài liệu kế toán. | 9 | - Học liệu [1] - Học liệu [4] Bài TH số 06 | - Theo TKB  - Phòng thực hành kế toán |  |
| Kiểm tra | Bài kiểm tra | 1 | Nội dung thuộc TC 2,3 | Phòng thực hành kế toán |  |
| Tự học,  tự nghiên cứu | - Ôn tập lại kiến thức lý thuyết;  - Hoàn thiện sản phẩm thực hành theo yêu cầu của giảng viên; | 10 | Học liệu [2], [3] Phần kiến thức liên quan | Thư viện;  ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Giáo trình bắt buộc**

[1] Võ Văn Nhị, Phạm Ngọc Toàn, Lê Quang Mẫn, Nguyễn Thị Huyền Trâm, Hồ Xuân Hữu (2018), *Hướng dẫn thực hành kế toán hành chính sự nghiệp,* NXB Tài chính.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Bộ Tài chính (2024), *Chế độ Kế toán hành chính sự nghiệp Theo Thông Tư Số: 24/2024/TT-BTC Ngày 17/04/2024 Của Bộ Tài Chính*, NXB Tài Chính, Hà Nội.

[3] Phạm Văn Liên, Ngô Thanh Hoàng (2019), Giáo trình Kế toán hành chính sự nghiệp, NXB Tài Chính, Hà Nội.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn** |
| 1 |  |  |  | 20 |  | 15 |
| 2 |  |  |  | 20 |  | 15 |
| 3 |  | 1 |  | 19 |  | 20 |
| 4 |  |  |  | 20 |  | 20 |
| 5 |  | 1 |  | 9 |  | 20 |
| **Tổng cộng** |  | **2** |  | **88** |  | **90** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

11.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia 1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch8 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 giờ trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số giờ của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên,**  **điểm bài tập thực hành, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Bài kiểm tra  (02 bài) | 30% | Bài số 1: Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc tín chỉ 1  Tiêu chí đánh giá:   * Thời gian, nội dung và chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu (60%)   - Năng lực hợp tác, tương tác, chia sẻ,kỹ năng thao tác và năng lực trình bày (20%)  - Trình bày khoa học, đúng quy định (20%) | Ch1 đến Ch8 | 10 |
| Bài số 2: Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc tín chỉ2,3  Tiêu chí đánh giá:   * Thời gian, nội dung và chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu (60%)   - Năng lực hợp tác, tương tác, chia sẻ,kỹ năng thao tác và năng lực trình bày (20%)  - Trình bày khoa học, đúng quy định (20%) |
| **Điểm thành phần 3: Điểm chấm hồ sơ thực hành, trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Hồ sơ thực hành | 60% | Theo đáp án và thang điểm do GV xây dựng | Ch1 đến Ch8 | 10 |

**11.3. Cấu trúc hồ sơ thực hành**

| **Hình thức đánh giá** | **Cấu trúc hồ sơ thực hành** | **Thời gian thực hiện** | **Số lượng hồ sơ thực hành** |
| --- | --- | --- | --- |
| Hoàn thiện hồ sơ sản phẩm thực hành | Nội dung, yêu cầu, thang điểm trong mỗi hồ sơ thực hành:  - Nội dung chấm điểm: Chứng từ; Sổ kế toán; Báo cáo kế toán;  - Yêu cầu: Mỗi hồ sơ thực hành 02 GV chấm (*sau đó khớp điểm thống nhất);*  - Thang điểm: 10; theo cấu trúc sau:  + Điểm chứng từ (40%); 4 điểm  + Điểm sổ kế toán: (40%); 4 điểm  + Điểm báo cáo kế toán: (20%); 2 điểm.  Cấp độ nhận thức: 20% nhận biết, 60% thông hiểu, 15% vận dụng, 5% vận dụng cao. | Thực hiện trên lớp, kết hợp tự hoàn thiện ở nhà theo yêu cầu của GV | 01 bộ hồ sơ/01SV |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO**  **KHOA SƯ PHẠM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Tin học ứng dụng trong Kế toán

Mã học phần: TN2.1.505.2

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 02.

- Loại học phần: Bắt buộc.

- Điều kiện tiên quyết:

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

+ Học lý thuyết trên lớp: 15

+ Bài tập và kiểm tra: 15

+ Tự học, tự nghiên cứu: 70

- Đơn vị phụ trách học phần:

+ Bộ môn: Tin học.

+ Khoa: Sư phạm.

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | TS. Lê Văn Hùng | 0973512275 | Lehung231187@gmail.com |
| 2 | Ths. Ma Thị Hồng Thu | 0978.066.984 | Thutq7@gmail.com |
| 3 | ThS. Trần Thị Hồng Dung | 0949.198.118 | tranhongdungcdtq@gmail.com |
| 4 | ThS. Bùi Trung Minh | 0983.789.102 | trungminhtq@gmail.com |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:*

Học xong học phần này giúp sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về máy tính, mạng máy tính và internet; giải thích được nhu cầu tin học hóa hệ thống thông tin kế toán và việc ứng dụng tin học trong kế toán doanh nghiệp; vận dụng, khai thác được một số phần mềm công cụ và phần mềm kế toán để xây dựng được qui trình thực hiện kế toán doanh nghiệp và cách hạch toán kế toán.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt1: Sinh viên có hiểu biết cơ bản về tin học, hệ thống máy tính, phần mềm, hệ điều hành, mạng máy tính và internet; nhu cầu tin học hoá hệ thống thông tin kế toán và việc ứng dụng tin học trong kế toán doanh nghiêp; Phân biệt được các chức năng chính của phần mềm công cụ, phần mềm kế toán.

Mt 2: Có kỹ năng vận dụng, khai thác được một số phần mềm công cụ, phần mềm kế toán để xây dựng được quy trình thực hiện kế toán doanh nghiệp và hạch toán kế toán.

Mt 3: Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, có năng lực làm việc độc lập, làm việc nhóm; có ý tưởng sáng tạo, tự chủ và tinh thần trách nhiệm cao trong học tập và thực hành. Biết phát huy sở trường của cá nhân để tích luỹ kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| TN2.1.505.2 | Tin học và ứng dụng CNTT trong Kế toán | **CĐR 1** | **CĐR 2** | **CĐR 3** | **CĐR 4** | **CĐR 5** | **CĐR 6** |
|  | **2** |  |  |  |  |
| **CĐR 7** | **CĐR 8** | **CĐR 9** | **CĐR 10** | **CĐR 11** | **CĐR 12** |
|  |  |  | **3** |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

| **Mục tiêu của HP** | **Nội dung CĐR của học phần** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1 Trình bày được khái niệm tin học, hệ thống máy tính, phần mềm, hệ điều hành, mạng máy tính và internet. | CĐR 2 |
| Ch2 Giải thích được Nhu cầu tin học hoá hệ thống thông tin kế toán và việc ứng dụng tin học trong kế toán doanh nghiệp. | CĐR 2 |
| Ch3 Phân biệt được các chức năng chính của phần mềm công cụ, phần mềm kế toán phục vụ cho chuyên ngành. | CĐR 2 |
| **Kỹ năng** | | |
| ***Kĩ năng cứng*** | | |
| Mt 2 | Ch4 Xây dựng được quy trình thực hiện kế toán doanh nghiệp. | CĐR 10 |
| Ch5 Vận dụng các chức năng chính của phần mềm công cụ và phần mềm kế toán để hạch toán kế toán. | CĐR 2, CĐR 10 |
| ***Kĩ năng mềm*** | | |
|  | Ch6 Vận dụng tốt kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm để thực hiện tốt công tác kế toán. | CĐR 10 |
| **Thái độ, năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm** | | |
| Mt 3 | Ch7 Có động cơ học tập đúng đắn, tích cực, trung thực; khả năng tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp. | CĐR 2, CĐR 10 |
| Ch8 Có phương pháp học tập khoa học. Chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo. | CĐR 10 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | **Kĩ năng** | | | **Mức độ TC và TN** | | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Kiến thức** | **Cứng** | | **Mềm** |
| **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch**  **3** | **Ch 4** | **Ch**  **5** | **Ch**  **6** | **Ch**  **7** | **Ch**  **8** |
| **Chương 1: Những vấn đề chung về ứng dụng CNTT trong kế toán** | 1. Khái niệm “ Hệ thống thông tin kế toán”. | 1 | 1 |  |  |  |  | 1 |  | Thuyết trình |
| 2. Vai trò của các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin. | 2 | 1 |  |  |  |  |  | 1 | Thuyết trình |
| 3. Tổng quan chung về xử lý nghiệp vụ kế toán. | 2 | 1 |  |  |  |  | 1 |  | Thuyết trình, mô phỏng |
| 4. Công nghệ thông tin với kế toán doanh nghiệp |  | 2 |  |  |  |  | 1 | 1 | Thuyết trình, mô phỏng |
| **Chương 2: Kỹ thuật nâng cao với MS Excel** | 1. Kỹ thuật lập bảng tính nâng cao | 2 | 2 |  |  | 3 |  |  |  | Thuyết trình, mô phỏng |
| 2. Các hàm kế toán trong Excel | 2 | 2 |  |  | 3 |  |  |  | Thuyết trình, mô phỏng |
| 3. Quản lý dữ liệu | 2 | 2 |  |  | 3 |  |  |  | Thuyết trình, mô phỏng |
| **Chương 3: Tổ chức số liệu kế toán trên Excel** | 1. Qui trình thực hiện kế toán doanh nghiệp trên Excels. | 2 | 2 |  |  | 3 |  |  |  | Thuyết trình, mô phỏng |
| 2. Kế toán vốn bằng tiền. | 2 | 2 |  |  | 3 |  |  |  | Thuyết trình, mô phỏng |
| 3. Kế toán Tài sản cố định. | 2 | 2 |  |  | 3 |  |  |  | Thuyết trình, mô phỏng |
| 4. Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương. | 2 |  |  |  | 3 |  |  |  | Thuyết trình, mô phỏng |
| 5. Kế toán chi phí, giá thành. | 2 |  |  |  | 3 |  |  |  | Thuyết trình, mô phỏng |
| 6. Kế toán doanh thu, thu nhập. | 2 |  |  |  | 3 |  |  |  | Thuyết trình, mô phỏng |
| 7. Lập báo cáo kế toán. | 2 |  |  |  | 3 |  |  |  | Thuyết trình, mô phỏng |
| **Chương 4 : Tìm hiểu phần mềm kế toán MISA** | 1. Giới thiệu phần mềm kế toán MISA | 2 |  |  |  | 3 |  |  |  | Thuyết trình |
| 2. Cài đặt và cấu hình phần mềm kế toán MISA | 2 |  |  |  | 3 |  |  |  | Thuyết trình, mô phỏng |
| 3. Kết xuất một số biểu kế toán đơn giản | 2 |  |  |  | 3 |  |  |  | Thuyết trình, mô phỏng |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Sinh viên cần nắm được hệ thống thông tin kế toán và ứng dụng của tin học trong kế toán doanh nghiệp, cùng các kỹ năng cần thiết giúp người học sử dụng được phần mềm bảng tính Microsoft Excel để thực hiện công tác kế toán theo yêu cầu riêng của từng loại hình doanh nghiệp. Biết cài đặt, cấu hình và vận hành phần mềm kế toán MISA để kết xuất một số biểu kế toán đơn giản.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu**  **đối với**  **sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Chương 1: Những vấn đề chung về ứng dụng CNTT trong kế toán** | **12** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1. Khái niệm “ Hệ thống thông tin kế toán”.  2. Vai trò của các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin.  3. Tổng quan chung về xử lý nghiệp vụ kế toán.  4. Công nghệ thông tin với kế toán doang nghiệp  5. Nhu cầu tin học hóa hệ thống thông tin kế toán và thực trạng các doanh nghiệp hiện tại.  6. Ứng dụng tin học trong kế toán doanh nghiệp và giới thiệu một số phần mềm kế toán thông dụng. | 4 | Học liệu số 1 | Lớp học, phòng máy tính. |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Tìm hiểu nội dung lý thuyết trước khi nghe giảng. Hiểu, vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 8 | Học liệu số 1 | Thư viện, ở nhà. |  |
|  | **Chương 2: Kỹ thuật nâng cao với MS Excel** | **32** |  |  |  |
| Lý thuyết | **1.Kỹ thuật lập bảng tính nâng cao**  1.1. Định dạng dữ liệu có điều kiện (Conditional formatting)  1.2. Điền dữ liệu tự động  1.3. Sử dụng công thức mảng  **2. Các hàm kế toán trong Excel**  **3. Quản lý dữ liệu**  3.1. Sử dụng lệnh Subtotal  3.2. Thống kê dữ liệu bằng PivotTable và PivotChart | 5 | Học liệu số 2 | Lớp học, phòng máy tính. |  |
| Bài tập | Sinh viên lập bảng tính, sử dụng các hàm, quản lý dữ liệu trong Excel theo yêu cầu. | 5 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập | Phòng máy tính. |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng. Vận dụng được các phần kiến thức sau khi nghe giảng vào giải các bài tập. | 22 | Sinh viên thành thạo khi sử dụng các tính năng nâng cao của Excel để làm bài tập. | Thư viện, ở nhà. |  |
|  | **Kiểm tra giữa kỳ** | **1** |  |  |  |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |  |
|  | **Chương 3: Tổ chức số liệu kế toán trên Excel** | **21** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1. Qui trình thực hiện kế toán doanh nghiệp trên Excels.  2. Kế toán vốn bằng tiền.  3. Kế toán Tài sản cố định.  4. Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.  5. Kế toán chi phí, giá thành.  6. Kế toán doanh thu, thu nhập.  7. Lập báo cáo kế toán. | 3 | Học liệu số 2, 3 | Lớp học, Phòng máy tính |  |
| Bài tập | Sinh viên vận dụng được qui trình thực hiện kế toán doanh nghiệp trên Excel và thành thạo việc lập các sổ kế toán theo yêu cầu. | 3 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập | Phòng máy tính |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để tổ chức được số liệu kế toán trên Excel. | 15 | Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra các vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà. |  |
|  | **Chương 4 : Tìm hiểu phần mềm kế toán MISA** | **28** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.Giới thiệu phần mềm kế toán MISA  2.Cài đặt và cấu hình phần mềm kế toán MISA  3.Kết xuất một số biểu kế toán cơ bản. | 3 | Học liệu số 4 | Lớp học, phòng máy tính. |  |
| Bài tập | Sinh viên thực hành cài đặt, câu hình phần mềm MISA. Kết xuất một số biểu kế toán đơn giản | 5 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập | Phòng máy tính |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Sinh viên nghiên cứu giáo trình và video hướng dẫn cài đặt , cấu hình và kết xuất biểu kế toán từ phần mềm MISA | 15 | Tự tìm kiếm video hướng dẫn và giáo trình liên quan đến kế toán máy | Thư viện, ở nhà. |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Giáo trình bắt buộc**

[1] Bộ tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp*, Nxb Lao Động, Hà Nội.

[2] Trần Thị Song Minh (2018), *Giáo trình Tin học ứng dụng*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

[3] Slide hướng dẫn đào tạo phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015, PGS.TS Đặng Văn Thanh, Chủ tịch hiệp hội kế toán và kiểm toán Việt Nam.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[4] Nguyễn Trung Tín, Phạm Quang Huy, Lâm Hoàng Khâm (2024), *Giáo trình MS Office Word – Excel*, NXB Thanh Niên.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn** |
| 1 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 2 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 3 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 4 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 5 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 6 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 7 | 0 |  | 2 |  |  | 5 |
| 8 | 1 | 1 |  |  |  | 5 |
| 9 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 10 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 11 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 12 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 13 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 14 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 15 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| **Tổng cộng** | **15** | **1** | **14** |  |  | **70** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch7, Ch8 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Bài kiểm tra | 30% | Theo đáp án, thang điểm của giảng viên | Ch5 | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Bài thi thực hành | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch5 | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi***

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấu trúc đề thi** | **Thời gian làm bài** |
| Đề thi thực hành gồm 2 câu:  Câu 1 (4 điểm): Nội dung tương ứng tín chỉ 1.  Câu 2 (3 điểm): Nội dung tương ứng tín chỉ 2.  Câu 3 (3 điểm): Nội dung tương ứng tín chỉ 2.  Cấp độ nhận thức: 20% nhận biết, 60% thông hiểu, 15% vận dụng thấp, 5% vận dụng cao. | 60 phút |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA SƯ PHẠM** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO**  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Nghiệp vụ ngân hàng thương mại

Mã học phần: KT2.1.034.2

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 02

- Loại học phần: Tự chọn

-Yêu cầu đầu vào (Điều kiện tiên quyết): Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 15 giờ

+ Bài tập trên lớp: 14 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 01 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 70 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | ThS. Nguyễn Thuý Hằng | 0354.541.996 | nguyenhangktoan.tq@gmail.com |
| 2 | ThS. Hoàng Anh Đào | 0979.477.846 | [hoanganhdaok74ftu@gmail.com](mailto:hoanganhdaok74ftu@gmail.com) |
| 3 | TS. Nguyễn Hữu Dũng | 0912.644.087 | [huudungkh@gmail.com](file:///E:\tra\Đề%20cương%20chỉnh%20sửa%20lần%202\copy\huudungkh@gmail.com) |
| 4 | ThS. Phạm Trung Nghĩa | 0915.619.689 | [phamnghiatc@gmail.com](mailto:phamnghiatc@gmail.com) |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*Mục tiêu chung:* Sau khi kết thúc học phần, người học có khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản về ngân hàng thương mại và nghiệp vụ cơ bản của một ngân hàng thương mại điển hình.

*Mục tiêu cụ thể:*

Mt1: Khái quát những kiến thức tổng quan về ngân hàng thương mại (NHTM) và hoạt động chủ yếu của NHTM.

Mt 2: Vận dụng được các kiến thức về các nghiệp vụ chủ yếu của NHTM.

Mt 3: Có tinh thần học tập, nghiên cứu tích cực về các nghiệp vụ của hệ thống NHTM trong sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.034.2 | Nghiệp vụ ngân hàng thương mại | CĐR 1 | CĐR 2 | CĐR 3 | CĐR 4 | CĐR 5 | CĐR 6 |
|  | 2 |  |  |  |  |
| CĐR 7 | CĐR 8 | CĐR 9 | CĐR 10 | CĐR 11 | CĐR 12 |
|  |  |  |  |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của HP** | **CĐR của CTĐT** |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Khái quát được tổng quan về NHTM và hoạt động của NHTM. | CĐR 2 |
| Mt 2 | Ch2: Hiểu được các nội dung về nghiệp vụ nguồn vốn trong NHTM. |
| Ch3: Phân tích được các nghiệp vụ tín dụng ngắn hạn, trung và dài hạn của NHTM nhằm tài trợ kinh doanh và các dự án đầu tư. |
| **Kỹ năng** | | |
| Mt2 | ***Kỹ năng cứng*** | |
| Ch4: Vận dụng được các kiến thức về các nghiệp vụ chiết khấu và bao thanh toán; cho thuê tài chính; bảo lãnh ngân hàng; thanh toán qua ngân hàng và cung ứng các dịch vụ khác; ngân hàng quốc tế; và ngân hàng bán lẻ. | CĐR 2 |
| ***Kỹ năng mềm*** | |
| Ch5: Sử dụng linh hoạt các kỹ năng mềm để luận giải các vấn đề thực tiễn của hoạt động ngân hàng thương mại. | CĐR 2 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt3 | Ch6: Có tinh thần học tập, tự nghiên cứu tích cực, phương pháp học tập khoa học để giải quyết các vấn đề có liên quan đến nghiệp vụ ngân hàng. | CĐR 2 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | **Kĩ năng** | | **Mức độ TC và TN** | **Phương pháp**  **dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Nội dung** | **Cứng** | **Mềm** |
| **Ch1** | **Ch2** | **Ch 3** | **Ch 4** | **Ch 5** | **Ch 6** |
| **Chương 1**  **Tổng quan về ngân hàng thương mại và hoạt động ngân hàng** | 1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của ngân hàng | 1 |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình, mô hình hoá |
| 1.2. Chức năng của ngân hàng | 1 |  |  |  |  | 2 |
| 1.3. Các dịch vụ ngân hàng | 1 |  |  |  |  |  |
| 1.4. Vai trò của ngân hàng | 1 |  |  |  | 2 | 2 | Phát vấn, Tổ chức học theo nhóm, giải quyết vấn đề, NC tình huống |
| 1.5. Các loại hình ngân hàng thương mại | 1 |  |  |  |  |  |
| 1.6. Hệ thống ngân hàng Việt Nam | 1 |  |  |  |  | 2 |
| **Chương 2**  **Nguồn vốn và quản lý nguồn vốn** | 2.1. Nguồn vốn và nghiệp vụ huy động vốn của ngân hàng thương mại |  | 2 |  |  | 2 | 2 | Giải quyết vấn đề, tranh luận |
| 2.2. Đặc điểm nguồn vốn và các nhân tố ảnh hưởng tới quy mô và cơ cấu vốn |  | 2 |  |  | 2 | 2 |
| 2.3. Quản lý vốn nợ |  | 2 |  |  | 2 | 2 |
| **Chương 3**  **Tài sản và quản lý tài sản của ngân hàng thương mại** | 3.1. Các khoản mục tài sản và đặc điểm các khoản mục tài sản | 1 |  | 1 |  |  |  | Thuyết trình |
| 3.2. Quản lý tài sản |  |  | 1 | 2 |  | 2 | Giải quyết vấn đề, NC tình huống |
| 3.3. Mối liên hệ giữa nguồn vốn và tài sản |  |  | 2 | 2 |  | 2 |
| **Chương 4**  **Các nghiệp vụ tín dụng** | 4.1. Phân loại các nghiệp vụ tín dụng của ngân hàng thương mại | 1 |  | 2 |  |  |  | Thuyết trình, Phát vấn, giải quyết vấn đề, NC tình huống |
| 4.2. Xác định quy mô cho vay |  |  | 2 |  |  | 2 |
| 4.3. Các nghiệp vụ tín dụng theo cách thức cấp tín dụng |  |  | 2 | 1 |  | 2 |
| 4.4. Các nghiệp vụ tín dụng theo hình thức đảm bảo |  |  | 2 | 1 |  | 2 |
| 4.5. Một số nghiệp vụ tín dụng khác |  |  |  | 2 | 2 |  | Thảo luận, tổ chức học tập theo nhóm |
| **Chương 5**  **Quy trình tín dụng và phân tích tín dụng** | 5.1. Quy trình tín dụng | 1 |  | 1 |  |  |  | Thuyết trình |
| 5.2. Phân tích tín dụng |  |  | 2 | 2 |  | 2 | Mô phỏng, Tổ chức học theo nhóm, giải quyết vấn đề, NC tình huống |
| **Chương 6**  **Dịch vụ thanh toán của ngân hàng** | 6.1. Tổng quan về dịch vụ thanh toán của ngân hàng thương mại | 1 |  |  |  |  |  | Thuyết trình, NC tình huống, thảo luận nhóm |
| 6.2. Dịch vụ thanh toán trong nước của ngân hàng thương mại |  |  |  | 2 | 2 | 2 |
| 6.3. Thanh toán vốn giữa các ngân hàng thương mại |  |  |  | 1 |  |  |
| 6.4. Dịch vụ thanh toán quốc tế của ngân hàng thương mại |  |  |  | 1 | 2 | 2 |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần tập trung khái quát những nghiệp vụ chủ yếu trong hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu đối với sinh viên** | **Thời gian, địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ 1** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 1**  **Tổng quan về ngân hàng và hoạt động ngân hàng** | **12** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của ngân hàng  1.2. Chức năng của ngân hàng  1.3. Các dịch vụ ngân hàng  1.4. Vai trò của ngân hàng  1.5. Các loại hình ngân hàng thương mại  1.6. Hệ thống ngân hàng Việt Nam | 3 | - Học liệu số 1, chương 1;  - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và Bài tập chương 1 | 1 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 8 | - Nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo.  - Làm bài tập, chỉ ra vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 2**  **Nguồn vốn và quản lý nguồn vốn** | **18** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Nguồn vốn và nghiệp vụ huy động vốn của ngân hàng thương mại  2.2. Đặc điểm nguồn vốn và các nhân tố ảnh hưởng tới quy mô và cơ cấu nguồn vốn  2.3. Quản lý vốn nợ | 4 | - Học liệu số 1, chương 2  - Tham khảo học liệu số 2 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và Bài tập chương 2 | 2 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 12 | - Nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo,  - Làm bài tập, chỉ ra vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 3**  **Tài sản và quản lý tài sản của ngân hàng thương mại** | **15** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1. Các khoản mục tài sản và đặc điểm các khoản mục tài sản  3.2. Quản lý tài sản  3.3. Mối liên hệ giữa nguồn vốn và tài sản | 4 | - Học liệu số 1, chương 3  - Tham khảo học liệu số 2 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 3 | 1 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 10 | - Nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo  - Làm bài tập, chỉ ra vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
| **Tín chỉ 2** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 4**  **Các nghiệp vụ tín dụng** | **15** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1. Phân loại các nghiệp vụ tín dụng của ngân hàng thương mại  4.2. Xác định quy mô cho vay  4.3. Các nghiệp vụ tín dụng theo các thức cấp tín dụng  4.4. Các nghiệp vụ tín dụng theo hình thức đảm bảo  4.5. Một số nghiệp vụ tín dụng khác | 4 | - Học liệu số 1, chương 4;  - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 4 | 1 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 10 | - Nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo  - Làm bài tập, chỉ ra vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 5**  **Quy trình tín dụng và phân tích tín dụng** | **23** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1. Quy trình tín dụng  5.2. Phân tích tín dụng | 4 | - Học liệu số 1, chương 5;  - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 7 | 2 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập.  Kiểm tra giữa kì | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 17 | - Nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo  - Làm bài tập, chỉ ra vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 6**  **Dịch vụ thanh toán của ngân hàng** | **17** |  |  |  |
| Lý thuyết | 6.1. Tổng quan về dịch vụ thanh toán của ngân hàng thương mại  6.2. Dịch vụ thanh toán trong nước của ngân hàng thương mại  6.3. Thanh toán vốn giữa các ngân hàng thương mại  6.4. Dịch vụ thanh toán quốc tế của các ngân hàng thương mại | 3 | - Học liệu số 1, chương 6;  - Tham khảo học liệu số 2 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 6 | 1 | - Nắm vững kiến thức lý thuyết chương 6 để trả lời câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 13 | - Đọc tài liệu, tự nghiên cứu và làm bài tập sau khi nghe giảng, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Phan Thị Thu Hà (2013), *Giáo trình Ngân hàng thương mại*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2]. Nguyễn Đăng Dờn (2014), *Nghiệp vụ ngân hàng thương mại*, NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận** |
| 1 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 2 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 3 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 4 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 5 |  |  | 2 |  |  | 4 |
| 6 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 7 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 8 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 9 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 10 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 11 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 12 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 13 |  | 1 | 1 |  |  | 9 |
| 14 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 15 | 1 |  | 1 |  |  | 9 |
| **Tổng** | **22** | **01** | **07** |  |  | **70** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập (trọng số 10%)** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch6 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 buổi trừ 1%* | Ch6 | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thực hành, điểm tiểu luận (trọng số 30%)** | | | | | |
| 2 | Kiểm tra thường xuyên tự luận  (01 bài) | 30% | (i) Nội dung đầy đủ; (ii) Kiến thức chính xác; (iii) Trình bày khoa học. Theo đáp án, thang điểm của giảng viên. | Ch1 đến Ch6 | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần (trọng số 60%)** | | | | | |
| 3 | Thi tự luận | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1 đến Ch6 | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi***

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấu trúc đề thi** | **Thời gian làm bài** |
| - Đề thi gồm 03 câu:  + Câu 1 (3.0 điểm):Cấp độ nhớ và hiểu  + Câu 2 (3.0 điểm): Cấp độ nhớ và hiểu  + Câu 2 (4.0 điểm): Cấp độ áp dụng và phân tích  Đề thi đánh giá được nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc các tín chỉ của học phần  - Cấp độ nhận thức: 60% nhớ và hiểu; 40 % áp dụng và phân tích. | 60 phút |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Kế toán doanh nghiệp xây dựng

Mã học phần: KT2.1.166.2

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 02

- Loại học phần: Tự chọn

- Yêu cầu đầu vào: Nguyên lý kế toán

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

+ Học lý thuyết trên lớp: 15 giờ

+ Bài tập trên lớp: 14 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 1 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 70 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | Th.S Phạm Thanh Trà | 0967.654.082 | [phamtra88@gmail.com](mailto:Phamtra88@gmail.com) |
| 2 | TS. Nguyễn Thị Kim Ngân | 0988.798.307 | [ngankim30788@gmail.com](mailto:ngankim30788@gmail.com) |
| 3 | TS. Trần Thế Tuân | 0916655268 | [Tuantt83@utt.edu.vn](mailto:Tuantt83@utt.edu.vn) |
| 4 | TS. Phạm Thị Kiều Trang | 0938.086.789 | [tkptrangkieu@gmail.com](mailto:tkptrangkieu@gmail.com) |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:*Sau khi học xong học phần này, người học có kiến thức lý thuyết cơ bản về công tác kế toán trong doanh nghiệp xây dựng đồng thời có khả năng thực hiện được tổ chức công tác kế toán với loại hình doanh nghiệp xây dựng.

*- Mục tiêu cụ thể:.*

Mt 1: Khái quát được đặc thù của loại hình doanh nghiệp xây dựng có ảnh hưởng lớn đến công tác hạch toán kế toán.

Mt 2: Giải thích được trình tự, nội dung, phương pháp hạch toán kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu phát sinh liên quan đến các phần hành kế toán của doanh nghiệp xây dựng.

Mt 3: Thực hiện được tổ chức công tác kế toán đối với loại hình doanh nghiệp xây dựng.

Mt 4: Rèn luyện kỹ năng tư duy logic, phân tích, lập luận; tra cứu và khai thác tài liệu liên quan; kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình.

Mt 5: Có động cơ học tập đúng đắn, có ý thức trách nhiệm, khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình học tập và hành nghề kế toán.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.166.2 | Kế toán doanh nghiệp xây dựng | **CĐR 1** | **CĐR 2** | **CĐR 3** | **CĐR 4** | **CĐR 5** | **CĐR 6** |
|  |  | 2 |  |  | 2 |
| **CĐR 7** | **CĐR 8** | **CĐR 9** | **CĐR 10** | **CĐR 11** | **CĐR 12** |
|  |  |  |  |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của học phần** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Khái quát được đặc thù của loại hình doanh nghiệp xây dựng có ảnh hưởng lớn đến công tác hạch toán kế toán. | CĐR 3 |
| Ch2: Xác định được nội dung của việc tổ chức công tác kế toán đối với loại hình doanh nghiệp xây dựng. | CĐR 3 |
| Mt2 | Ch3: Giải thích được nguyên tắc, nội dung và phương pháp hạch toán kế toán đối với các phần hành kế toán. | CĐR 3 |
| Ch4: Diễn giải được nội dung của hệ thống báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính tổng hợp cũng như nguyên tắc và phương pháp chung để lập các báo cáo tài chính này. | CĐR 3 |
| **Kỹ năng** | | |
| ***Kỹ năng cứng*** | | |
| Mt3 | Ch5: Thực hiện được định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các phần hành kế toán trong doanh nghiệp xây dựng. | CĐR 6 |
| Ch6: Vận dụng được lý thuyết có liên quan để xác định chứng từ và sổ kế toán có liên quan theo nội dung các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong các phần hành kế toán trong doanh nghiệp xây dựng. | CĐR 6 |
| ***Kỹ năng mềm*** | | |
| Mt4 | Ch7: Có kỹ năng tư duy, phân tích và kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; làm việc độc lập và làm việc nhóm. | CĐR 6 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt5 | Ch8: Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp phục vụ công tác kế toán trong doanh nghiệp xây dựng.Chấp hành nghiêm các quy tắc, chuẩn mực và chế độ tài chính - kế toán hiện hành. | CĐR 6 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | | **Kỹ năng** | | | **Mức độ TC và TN** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cứng** | | **Mềm** |
| **Chương** | **Nội dung** | **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch 3** | **Ch 4** | **Ch 5** | **Ch 6** | **Ch 7** | **Ch 8** |
| **Chương 1: Tổng quan kế toán doanh nghiệp xây dựng** | 1.1.Vai trò và nhiệm vụ của kế toán doanh nghiệp xây dựng | 1 |  |  |  |  |  | 2 |  | Thuyết trình, tổ chức học tập theo nhóm, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu |
| 1.2.Hệ thống pháp luật và những nguyên tắc kế toán cơ bản | 1 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| 1.3.Nội dung công tác kế toán trong doanh nghiệp xây dựng |  | 2 |  |  |  |  | 2 |  |
| **Chương 2: Kế toán các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp xây dựng** | 2.1.Kế toán vật tư |  |  | 1 |  | 2 |  |  | 2 | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu |
| 2.2.Kế toán tài sản cố định |  |  | 1 |  | 2 |  |  | 2 |
| 2.3.Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương |  |  | 1 |  | 2 |  |  | 2 |
| **Chương 3: Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây dựng** | 3.1.Nhiệm vụ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây dựng |  |  | 1 |  |  |  | 2 |  | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu |
| 3.2.Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh và giá thành sản phẩm |  |  | 1 |  |  |  | 2 |  |
| 3.3.Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm |  |  | 1 |  | 2 |  |  |  |
| **Chương 4: Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động trong doanh nghiệp xây dựng** | 4.1.Kế toán doanh thu và chi phí của hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ |  |  | 1 |  | 2 |  |  | 2 | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu |
| 4.2.Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính |  |  | 1 |  | 2 |  |  | 2 |
| 4.3.Kế toán thu nhập và chi phí khác |  |  | 1 |  | 2 |  |  | 2 |
| 4.4.Kế toán xác định và phân phối kết quả hoạt động kinh doanh |  |  | 1 |  | 2 |  |  | 2 |
| 4.5.Kế toán quản trị doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động trong doanh nghiệp xây dựng |  |  | 1 |  | 2 |  |  | 2 |
| **Chương 5: Kế toán đầu tư tài chính, công nợ và vốn chủ sở hữu trong doanh nghiệp xây dựng** | 5.1.Kế toán các khoản đầu tư tài chính |  |  | 1 |  | 2 |  |  | 2 | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu |
| 5.2.Kế toán nợ phải thu |  |  | 1 |  | 2 |  |  | 2 |
| 5.3. Kế toán nợ phải trả |  |  | 1 |  | 2 |  |  | 2 |
| 5.4.Kế toán vốn chủ sở hữu |  |  | 1 |  | 2 |  |  | 2 |
| **Chương 6: Báo cáo tài chính** | 6.1.Khái quát về hệ thống báo cáo tài chính |  |  |  | 1 |  |  | 2 |  | Thuyết trình, đàm thoại, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu |
| 6.2.Báo cáo tài chính riêng |  |  |  | 1 |  | 2 |  |  |
| 6.3.Báo cáo tài chính hợp nhất |  |  |  | 1 |  | 2 |  |  |
| 6.4. Báo cáo tài chính tổng hợp |  |  |  | 1 |  | 2 |  |  |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức cơ bản về kế toán doanh nghiệp xây dựng: Khái quát về công tác kế toán của các đơn vị xây dựng; Nguyên tắc, phương pháp hạch toán từng phần hành kế toán cụ thể ở doanh nghiệp xây dựng như: Kế toán các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản trong lập báo cáo tài chính.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu đối với**  **sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ 1** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 1: Tổng quan kế toán doanh nghiệp xây dựng** | **12** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1.Vai trò và nhiệm vụ của kế toán doanh nghiệp xây dựng  1.2.Hệ thống pháp luật và những nguyên tắc kế toán cơ bản  1.3.Nội dung công tác kế toán trong doanh nghiệp xây dựng | 3 | - Đọc học liệu chính số 1;  - Đọc học liệu tham khảo  - Nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Theo thời khóa biểu; trên lớp |  |
| Bài tập | - Câu hỏi ôn tập chương 1 | 1 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi ôn tập | Theo TKB; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Vận dụng được kiến thức sau bài giảng làm bài tập  - Đọc trước các phần lý thuyết chương 2. | 8 | - Hoàn thành các câu hỏi ôn tập chương 1  - Chỉ ra các vấn đề cần giải đáp, thảo luận | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 2: Kế toán các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp xây dựng** | **12** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1.Kế toán vật tư  2.2.Kế toán tài sản cố định  2.3.Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương | 2 | - Đọc học liệu chính số 1;  - Đọc học liệu tham khảo  - Nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Theo TKB; trên lớp |  |
| Bài tập | - Câu hỏi, bài tập chương 2. | 2 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập. | Theo TKB; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Người học đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng làm các câu hỏi, bài tập.  - GV giao bài tập, chấm kết quả bài tập của người học. | 8 | - Hoàn thành câu hỏi, bài tập chương 2.  - Làm bài tập, chỉ ra các vấn đề cần giải đáp, thảo luận | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 3: Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây dựng** | **26** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1.Nhiệm vụ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây dựng  3.2.Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh và giá thành sản phẩm  3.3.Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm | 4 | - Đọc học liệu chính số 1;  - Đọc học liệu tham khảo  - Nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Theo TKB; trên lớp |  |
| Bài tập | - Câu hỏi, bài tập chương 3.  - Kiểm tra 1 tiết | 3 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo TKB; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Người học đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng làm các câu hỏi, bài tập.  - GV giao bài tập, chấm kết quả bài tập của người học. | 19 | - Hoàn thành câu hỏi, bài tập chương 3.  - Làm bài tập, chỉ ra các vấn đề cần giải đáp, thảo luận | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |  |
|  | **Chương 4: Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động trong doanh nghiệp xây dựng** | **18** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1.Kế toán doanh thu và chi phí của hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ  4.2.Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính  4.3.Kế toán thu nhập và chi phí khác  4.4.Kế toán xác định và phân phối kết quả hoạt động kinh doanh  4.5.Kế toán quản trị doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động trong doanh nghiệp xây dựng | 2 | - Đọc học liệu chính số 1;  - Đọc học liệu tham khảo  - Nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Theo TKB; trên lớp |  |
| Bài tập, kiểm tra | - Câu hỏi, bài tập chương 4. | 4 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo TKB; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Người học đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng làm các câu hỏi, bài tập.  - GV giao bài tập, chấm kết quả bài tập của người học. | 12 | - Hoàn thành câu hỏi, bài tập chương 4.  - Làm bài tập, chỉ ra các vấn đề cần giải đáp, thảo luận | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 5: Kế toán đầu tư tài chính, công nợ và vốn chủ sở hữu trong doanh nghiệp xây dựng** | **12** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1.Kế toán các khoản đầu tư tài chính  5.2.Kế toán nợ phải thu  5.3. Kế toán nợ phải trả  5.4.Kế toán vốn chủ sở hữu | 2 | - Đọc học liệu chính số 1;  - Đọc học liệu tham khảo  - Nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Theo TKB; trên lớp |  |
| Bài tập, kiểm tra | - Câu hỏi, bài tập chương 5. | 2 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo TKB; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Vận dụng được kiến thức sau bài giảng làm bài tập  - Đọc trước các phần lý thuyết chương 6. | 8 | - Hoàn thành câu hỏi, bài tập chương 5.  - Làm bài tập, chỉ ra các vấn đề cần giải đáp, thảo luận | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 6: Báo cáo tài chính** | **20** |  |  |  |
| Lý thuyết | 6.1.Khái quát về hệ thống báo cáo tài chính  6.2.Báo cáo tài chính riêng  6.3.Báo cáo tài chính hợp nhất  6.4. Báo cáo tài chính tổng hợp | 2 | - Đọc học liệu chính số 1;  - Đọc học liệu tham khảo  - Nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Theo TKB; trên lớp |  |
| Bài tập | - Câu hỏi, bài tập chương 6 | 3 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo TKB; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Vận dụng được kiến thức sau bài giảng làm bài tập | 15 | - Hoàn thành câu hỏi, bài tập chương 5.  - Làm bài tập, chỉ ra các vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Nguyễn Vũ Việt và Nguyễn Tuấn Anh (2021), *Giáo Trình Kế toán doanh nghiệp xây dựng*, NXB Tài chính, Hà Nội.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Nguyễn Vũ Việt và Nguyễn Thị Hòa (2010), *Giáo Trình Kế toán doanh nghiệp xây lắp*, NXB Tài chính, Hà Nội.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn** |
| 1 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 2 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 3 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 4 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 5 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 6 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 7 | 1 |  | 1 |  |  | 9 |
| 8 | 1 | 1 |  |  |  | 4 |
| 9 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 10 |  |  | 2 |  |  | 4 |
| 11 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 12 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 13 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 14 |  |  | 2 |  |  | 4 |
| 15 | 1 |  | 1 |  |  | 9 |
| **Tổng cộng** | **15** | **1** | **14** |  |  | **70** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

11.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng bài | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch7, Ch8 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thực hành, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Kiểm tra tự luận (01 bài) | 30% | - Chấm điểm bài kiểm tra với các tiêu chí: (i) Nội dung đầy đủ; (ii) Kết quả chính xác; (iii) Trình bày sạch đẹp. | Ch1 đến Ch8 | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Thi tự luận | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1 đến Ch8 | 10 |

**11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi**

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấu trúc đề thi** | **Thời gian làm bài** |
| - Đề thi gồm 2 câu:  + Câu 1 (3 điểm): Cấp độ nhớ và hiểu  + Câu 2 (7 điểm): Cấp độ áp dụng và phân tích  Mỗi đề thi đều có nội dung câu hỏi tương ứng tín chỉ 1,2.  - Cấp độ nhận thức: 30% nhớ và hiểu ; 70% áp dụng và phân tích | 60 phút |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO**  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

# Tên học phần: Định giá tài sản

Mã học phần: KT2.1.023.2

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 02

- Loại học phần: Tự chọn

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

+ Học lý thuyết trên lớp: 15 giờ

+ Bài tập trên lớp: 14 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 1 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 70 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị,**  **họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | Th.S Trần Hương Giang | 0825.138.500 | Huonggiangtq90@gmail.com |
| 2 | ThS. Nguyễn Thuý Hằng | 0354.541.996 | nguyenhangktoan.tq@gmail.com |
| 3 | TS. Đỗ Hải Yến | 0978457229 | dohaiyentq@gmail.com |
| 4 | Th.S Phạm Trung Nghĩa | 0943.301.678 | phamnghiatc@gmail.com |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:*Sau khi hoàn thành chương trình học phần, người học có kiến thức cơ bản về phương pháp định giá tài sản và công tác tổ chức định giá tài sản. Từ đó người học có được cơ sở lý luận, phương pháp và cách thức thực hiện việc xác định giá trị tài sản cho các mục đích khác nhau trong thực tiễn.

*- Về kiến thức:*

Mt 1: Giải thích được các khái niệm và nội dung cơ bản, phương pháp về định giá tài sản và tổ chức công tác định giá tài sản.Phân tích được các nguyên tắc thẩm định giá trong nền kinh tế thị trường, các phương pháp, quy trình định giá; các yếu tố tác động tới giá trị doanh nghiệp; báo cáo định giá và hợp đồng định giá tài sản;

Mt 2: Tính toán được các dạng bài tập liên quan đến nội dung học phần.Rèn luyện kỹ năng tư duy logic, phân tích, lập luận; tra cứu và khai thác tài liệu liên quan; kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình.

Mt 3: Luôn lắng nghe, có thể tranh luận và giải thích, từ đó bày tỏ quan điểm cá nhân về các nội dung của môn học, trên cơ sở đó, kết nối và điều chỉnh để phát triển quan điểm bản thân trong học tập và công việc sau khi tốt nghiệp.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.023.2 | Định giá tài sản | **CĐR 1** | **CĐR 2** | **CĐR 3** | **CĐR 4** | **CĐR 5** | **CĐR 6** |
|  |  |  |  | **2** |  |
| **CĐR 7** | **CĐR 8** | **CĐR 9** | **CĐR 10** | **CĐR 11** | **CĐR 12** |
| **2** |  |  |  |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của HP** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1. Trình bày được khái niệm và nội dung cơ bản, phương pháp về định giá tài sả và tổ chức công tác định giá tài sản | CĐR 5 |
| Ch2. Phân tích được các nguyên tắc, phương pháp thẩm định giá, các yếu tố tác động tới giá trị doanh nghiệp, báo cáo định giá và hợp đồng định giá tài sản. | CĐR 5 |
| **Kỹ năng** | | |
| Kỹ năng cứng | | |
| Mt2 | Ch3. Tính toánđược các chỉ tiêu để định giá bất động sản, xác định giá trị doanh nghiệp; giá trị máy, thiết bị định giá, giá trị tài sản cần định giá. | CĐR 7 |
| Kỹ năng mềm | | |
| Mt2 | Ch4. Rèn luyện kỹ năng tư duy logic, phân tích, lập luận; tra cứu và khai thác tài liệu liên quan; kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình. | CĐR 7 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt3 | Ch5. Luôn lắng nghe, có thể tranh luận và giải thích, từ đó bày tỏ quan điểm cá nhân về các nội dung của môn học, trên cơ sở đó, kết nối và điều chỉnh để phát triển quan điểm bản thân trong học tập và công việc sau khi tốt nghiệp. | CĐR 5,7 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo.***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | **Kỹ năng** | | **Mức độ TC và TN** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cứng** | **Mềm** |
| **Chương** | **Nội dung** | **Ch1** | **Ch2** | **Ch3** | **Ch4** | **Ch5** |
| Chương 1: Nguyên tắc định giá trong nền kinh tế thị trường | 1.1.Các khái niệm cơ bản | 1 | 2 |  |  | 2 | Diễn giải |
| 1.2. Mục đích của định giá tài sản | 1 |  |  |  | 2 | Diễn giải |
| 1.3.Các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị tài sản | 1 |  |  |  | 2 | Đàm thoại |
| 1.4. Các nguyên tắc thẩm định giá trong nền kinh tế thị trường |  | 1 | 1 |  | 2 | Diễn giải |
| Chương 2: Định giá bất động sản | 2.1. Tổng quan về thị trường bất động sản | 1 |  |  |  | 2 | Diễn giải |
| 2.2. Các phương pháp định giá bất động sản | 1 |  |  |  | 2 | Luyện tập và thực hành |
| 2.3. Quy trình định giá bất động sản |  | 2 |  |  | 2 | Luyện tập và thực hành |
| Chương 3: Định giá máy, thiết bị | 3.1. Tổng quan về máy, thiết bị | 1 |  |  |  | 2 | Diễn giải |
| 3.2. Định giá máy, thiết bị | 1 |  |  | 2 | 2 | Diễn giải |
| 3.3. Các phương pháp định giá máy, thiết bị |  | 1 | 2 |  | 2 | Luyện tập và thực hành |
| 3.4. Quy trình định giá máy, thiết bị |  | 1 |  |  | 2 | Luyện tập và thực hành |
| Chương 4: Phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp | 4.1. Giá trị doanh nghiệp và nhu cầu xác định giá trị doanh nghiệp |  |  |  | 2 | 2 | Diễn giải |
| 4.2. Các yếu tố tác động tới giá trị doanh nghiệp |  |  | 2 |  | 2 | Đàm thoại |
| 4.3. Các phương pháp chủ yếu xác định giá trị doanh nghiệp |  | 2 | 2 |  | 2 | Luyện tập và thực hành |
| 4.4. Quy trình đánh giá giá trị doanh nghiệp |  | 2 |  | 2 | 2 | Luyện tập và thực hành |
| Chương 5  Định giá tài sản vô hình | 5.1. Khái niệm và đặc điểm của tài sản vô hình |  | 2 | 2 |  | 2 | Diễn giải |
| 5.2. Phân loại tài sản vô hình |  | 2 | 2 | 2 | 2 | Luyện tập và thực hành |
| 5.3. Phân biệt thương hiệu, nhãn hiệu và lợi thế thương mại |  | 2 | 2 | 2 | 2 | Luyện tập và thực hành |
| 5.4. Phương pháp định giá tài sản vô hình |  | 2 |  |  | 2 | Luyện tập và thực hành |
| Chương 6: Tổ chức công tác định giá tài sản | 6.1. Quy trình định giá tài sản | 1 | 2 |  |  | 2 | Diễn giải |
| 6.2. Hồ sơ định giá tài sản | 1 |  |  |  | 2 | Diễn giải |
| 6.3. Báo cáo định giá tài sản | 1 | 2 |  |  | 2 | Đàm thoại |
| 6.4. Chứng thư định giá tài sản | 1 | 2 |  |  | 2 | Đàm thoại |
| 6.5. Hợp đồng định giá tài sản | 1 |  |  |  | 2 | Đàm thoại |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về nguyên tắc thẩm định giá trong nền kinh tế thị trường, phương pháp định giá bất động sản, định giá máy, thiết bị, phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp, tổ chức công tác định giá tài sản.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu**  **đối với**  **sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Chương 1: Nguyên tắc định giá trong nền kinh tế thị trường** | **14** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1.Các khái niệm cơ bản  1.2. Mục đích của định giá tài sản  1.3.Các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị tài sản  1.4. Các nguyên tắc thẩm định giá trong nền kinh tế thị trường | 2 | - Đọc học học liệu số 1: chương 1  - Chuẩn bị các nội dung theo yêu cầu của GV | Theo TKB; Lớp học |  |
| Bài tập | Bài tập chương 1 | 1 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng làm bài tập | Lớp học.  Ở nhà |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để trả lời được các câu hỏi. | 11 | Trả lời các câu hỏi lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 2: Định giá bất động sản** | **18** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Tổng quan về thị trường bất động sản  2.2. Các phương pháp định giá bất động sản  2.3. Quy trình định giá bất động sản | 3 | - Đọc học học liệu số 1: chương 2;  - Chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của GV | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập | Bài tập chương 2 | 3 | Vận dụng lý thuyết để giải bài tập | Theo TKB; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 12 | Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 3: Định giá máy, thiết bị** | **18** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1. Tổng quan về máy, thiết bị  3.2. Định giá máy, thiết bị  3.3. Các phương pháp định giá máy, thiết bị  3.4. Quy trình định giá máy, thiết bị | 3 | - Học học liệu số 1: Chương 3  - Chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của GV | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập | Bài tập chương 3  Kiểm tra giữa học kỳ 1 tiết | 3 | Vận dụng lý thuyết để giải bài tập | Theo TKB; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập | 12 | Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |  |
|  | **Chương 4: Phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp** | **15** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1. Giá trị doanh nghiệp và nhu cầu xác định giá trị doanh nghiệp  4.2. Các yếu tố tác động tới giá trị doanh nghiệp  4.3. Các phương pháp chủ yếu xác định giá trị doanh nghiệp  4.4. Quy trình đánh giá giá trị doanh nghiệp | 2 | - Học học liệu số 1: Chương 4  - Chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của GV | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập | Bài tập chương 4 | 2 | Vận dụng lý thuyết để giải bài tập | Theo TKB; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 11 | Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 5: Định giá tài sản vô hình** | **18** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1. Khái niệm và đặc điểm của tài sản vô hình  5.2. Phân loại tài sản vô hình  5.3. Phân biệt thương hiệu, nhãn hiệu và lợi thế thương mại  5.4. Phương pháp định giá tài sản vô hình | 3 | - Học học liệu số 1: Chương 5  - Chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của GV | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập | Bài tập chương 5 | 3 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo TKB; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 12 | Làm bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 6: Tổ chức công tác định giá tài sản** | **16** |  |  |  |
| Lý thuyết | 6.1. Quy trình định giá tài sản  6.2. Hồ sơ định giá tài sản  6.3. Báo cáo định giá tài sản  6.4. Chứng thư định giá tài sản  6.5. Hợp đồng định giá tài sản | 2 | - Học học liệu số 1: Chương 6  - Chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của GV | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập, kiểm tra | Bài tập chương 6  Kiểm tra | 2 | Vận dụng lý thuyết để giải bài tập | Theo TKB; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 12 | Vận dụng lý thuyết để bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Giáo trình bắt buộc**

[1] Nguyễn Minh Hoàng, Phạm Văn Bình (2018), *Giáo trình Định giá tài sản*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Nguyễn Minh Hoàng (2008), *Nguyên lý chung định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp*, Nhà xuất bản lao động xã hội.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế thực tập, tiểu luận** |
| 1 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 2 | 1 |  | 1 |  |  | 3 |
| 3 | 2 |  |  |  |  | 3 |
| 4 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 5 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 6 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 7 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 8 | 1 | 1 |  |  |  | 5 |
| 9 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 10 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 11 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 12 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 13 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 14 | 1 |  |  |  |  | 5 |
| 15 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| **Tổng cộng** | **15** | **1** | **14** |  |  | **70** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng bài | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch5 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Tự luận | 30% | (i) Nội dung đầy đủ; (ii) Kiến thức chính xác; (iii) Trình bày khoa học. Theo đáp án, thang điểm của giảng viên. | Từ Ch1 đến Ch5 | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Tự luận | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Từ Ch1 đến Ch5 | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi***

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấu trúc đề thi** | **Thời gian làm bài** |
| Đề thi gồm 2 câu  Câu 1 (4 điểm): cấp độ nhớ và hiểu  Câu 2 (6 điểm):cấp độ áp dụng và phân tích  Cấp độ nhận thức: Cấp độ nhận thức: 40% nhớ và hiểu ; 60% áp dụng và phân tích. | 60 phút |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ

Mã học phần: KT2.1.027.2

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 2

- Loại học phần: Tự chọn

- Yêu cầu đầu vào: Nguyên lý kế toán

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

+ Học lý thuyết trên lớp: 15 giờ

+ Bài tập trên lớp: 14 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 1 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 70 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | TS. Nguyễn Thị Kim Ngân | 0988.798.307 | [ngankim30788@gmail.com](mailto:ngankim30788@gmail.com) |
| 2 | Th.S. Phạm Thanh Trà | 0967.654.082 | phamtra88@gmail.com |
| 3 | TS. Phạm Thị Kiều Trang | 0938.086.789 | [tkptrangkieu@gmail.com](mailto:tkptrangkieu@gmail.com) |
| 4 | TS. Phạm Duy Hưng | 0965.522.368 | [pdhung@tqu.edu.vn](mailto:pdhung@tqu.edu.vn) |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:*Mục tiêu của học phần này nhằm phát triển khả năng của người học trong việc vận dụng các nguyên lý kế toán để hạch toán các nghiệp vụ cơ bản tại doanh nghiệp thương mại dịch vụ. Đồng thời, có khả năng tổ chức công tác kế toán theo đúng chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh cơ bản của một doanh nghiệp thương mại, dịch vụ.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt1: Khái quát được những đặc điểm, vai trò, nhiệm vụ, nguyên tắc kế toán, nội dung cơ bản liên quan đến tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ.

Mt2: Giải thích được các nguyên tắc, nội dung và phương pháp kế toán đối với các phần hành kế toán trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ.

Mt3: Thực hiện được tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ.

Mt 4: Rèn luyện kỹ năng tư duy logic, phân tích, lập luận; tra cứu và khai thác tài liệu liên quan; kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình.

Mt 5: Có động cơ học tập đúng đắn, có ý thức trách nhiệm, khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình học tập và hành nghề kế toán.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.027.2 | Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ | **CĐR 1** | **CĐR 2** | **CĐR 3** | **CĐR 4** | **CĐR 5** | **CĐR 6** |
|  |  | 2 |  |  | 2 |
| **CĐR 7** | **CĐR 8** | **CĐR 9** | **CĐR 10** | **CĐR 11** | **CĐR 12** |
|  |  |  |  |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của học phần** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Khái quát được vai trò, nhiệm vụ, nguyên tắc kế toán trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ. | CĐR 3 |
| Ch2: Vận dụng lý thuyết để khái quát nội dung tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ. | CĐR 3 |
| Mt2 | Ch3: Giải thích được nguyên tắc, nội dung và phương pháp kế toán đối với từng phần hành kế toán trong doanh nghiệp thương mại, dịch vụ. | CĐR 3 |
| **Kỹ năng** | | |
| ***Kỹ năng cứng*** | | |
| Mt3 | Ch4: Vận dụng các nguyên tắc và phương pháp kế toán để định khoản, lập chứng từ, ghi sổ sách kế toán có liên quan đến các phần hành kế toán trong doanh nghiệp thương mại, dịch vụ | CĐR 6 |
| ***Kỹ năng mềm*** | | |
| Mt4 | Ch5: Có kỹ năng tư duy, phân tích và kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; làm việc độc lập và làm việc nhóm. | CĐR 6 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt5 | Ch6: Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân; đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình học tập và hành nghề kế toán tại các doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại dịch vụ. | CĐR 6 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | **Kỹ năng** | | **Mức độ TC và TN** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cứng** | **Mềm** |
| **Chương** | **Nội dung** | **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch 3** | **Ch 4** | **Ch 5** | **Ch 6** |
| **Chương 1:**  **Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp thương mại, dịch vụ** | 1.1.Đặc điểm hoạt động kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý trong doanh nghiệp thương mại | 1 |  |  |  | 2 | 2 | Thuyết trình, đàm thoại, tổ chức học tập theo nhóm, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu |
| 1.2.Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ |  | 2 |  |  |  | 2 |
| **Chương 2:**  **Kế toán hoạt động kinh doanh hàng hóa trong doanh nghiệp nội thương** | 2.1.Đặc điểm kinh doanh hàng hóa trong doanh nghiệp nội thương |  |  | 1 |  | 1 |  | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu |
| 2.2.Nhiệm vụ kinh doanh hàng hóa |  |  | 1 |  | 2 |  |
| 2.3.Kế toán nghiệp vụ mua hàng |  |  | 2 | 2 |  |  |
| 2.4.Kế toán nghiệp vụ bán hàng |  |  | 2 | 2 |  |  |
| 2.5.Kế toán giá vốn hàng bán |  |  | 2 | 2 |  |  |
| 2.6.Kế toán xác định kết quả kinh doanh |  |  | 2 | 2 |  |  |
| **Chương 3:**  **Kế toán hoạt động kinh doanh hàng hóa trong doanh nghiệp xuất nhập khẩu** | 3.1.Đặc điểm hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu |  |  | 2 |  | 2 |  | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu |
| 3.2.Các phương thức xuất nhập khẩu |  |  | 2 | 2 |  |  |
| 3.3.Nhiệm vụ kế toán kinh doanh xuất nhập khẩu |  |  | 2 | 2 |  |  |
| 3.4.Nguyên tắc đánh giá hàng hóa và các cách đánh giá hàng hóa |  |  | 2 | 2 |  |  |
| 3.5.Kế toán nghiệp vụ nhập khẩu hàng hóa |  |  | 2 | 2 |  |  |
| 3.6.Kế toán nghiệp vụ xuất khẩu hàng hóa |  |  | 2 | 2 |  |  |
| 3.7.Kế toán chi phí và xác định kết quả kinh doanh |  |  | 2 | 2 |  |  |
| **Chương 4:**  **Kế toán kinh doanh các hoạt động dịch vụ** | 4.1.Đặc điểm hoạt động dịch vụ và nhiệm vụ kế toán |  |  | 1 |  |  | 2 | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu |
| 4.2.Kế toán doanh thu, chi phí, giá thành và kết quả kinh doanh dịch vụ vận tải |  |  | 2 | 2 |  |  |
| 4.3.Kế toán doanh thu, chi phí, giá thành và kết quả kinh doanh dịch vụ Bưu chính viễn thông |  |  | 2 | 2 |  |  |
| 4.4.Kế toán doanh thu, chi phí, giá thành và kết quả kinh doanh du lịch |  |  | 2 | 2 |  |  |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần tập trung nghiên cứu các kiến thức chuyên sâu và nghiệp vụ kế toán một số phần hành trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ theo quy định của chế độ kế toán áp dụng cho loại hình doanh nghiệp thương mại dịch vụ bao gồm: Tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ; Kế toán hoạt động kinh doanh hàng hóa trong doanh nghiệp nội thương; Kế toán hoạt động kinh doanh hàng hóa trong doanh nghiệp xuất nhập khẩu; Kế toán kinh doanh các hoạt động dịch vụ.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu đối với sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Chương 1**  **Tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ** | **9** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1.Đặc điểm hoạt động kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý trong doanh nghiệp thương mại  1.2.Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ | 3 | Đọc học liệu số 1, chương 1 (mục 1.1-1.2) | Theo thời khóa biểu; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng | 6 | Đọc học liệu, chỉ ra vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 2**  **Kế toán hoạt động kinh doanh hàng hóa trong doanh nghiệp nội thương** | **41** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1.Đặc điểm kinh doanh hàng hóa trong doanh nghiệp nội thương  2.2.Nhiệm vụ kinh doanh hàng hóa  2.3.Kế toán nghiệp vụ mua hàng  2.4.Kế toán nghiệp vụ bán hàng  2.5.Kế toán giá vốn hàng bán  2.6.Kế toán xác định kết quả kinh doanh | 5 | Đọc học liệu số 1, chương 2 (mục 2.1-2.6) | Theo thời khóa biểu; trên lớp |  |
| Bài tập | - Câu hỏi, bài tập chương 2  - Kiểm tra 1 tiết | 7 | Nắm vững kiến thức chương 2 | Theo thời khóa biểu; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Người học đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng làm các câu hỏi, bài tập.  - GV giao bài tập, chấm kết quả bài tập của người học. | 29 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp; Làm đầy đủ các bài tập GV giao về nhà theo yêu cầu | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |  |
|  | **Chương 3**  **Kế toán hoạt động kinh doanh hàng hóa trong doanh nghiệp xuất nhập khẩu** | **21** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1.Đặc điểm hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu  3.2.Các phương thức xuất nhập khẩu  3.3.Nhiệm vụ kế toán kinh doanh xuất nhập khẩu  3.4.Nguyên tắc đánh giá hàng hóa và các cách đánh giá hàng hóa  3.5.Kế toán nghiệp vụ nhập khẩu hàng hóa  3.6.Kế toán nghiệp vụ xuất khẩu hàng hóa  3.7.Kế toán chi phí và xác định kết quả kinh doanh | 3 | Đọc học liệu số 1, chương 3 (mục 3.1-3.7). | Theo thời khóa biểu; trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi, bài tập chương 3 | 4 | Nắm vững kiến thức chương 3 | Theo thời khóa biểu; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Người học đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng làm các câu hỏi, bài tập.  - GV giao bài tập, chấm kết quả bài tập của người học. | 14 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp; Làm đầy đủ các bài tập GV giao về nhà theo yêu cầu | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 4**  **Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp dịch vụ** | **29** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1.Đặc điểm hoạt động dịch vụ và nhiệm vụ kế toán  4.2.Kế toán doanh thu, chi phí, giá thành và kết quả kinh doanh dịch vụ vận tải  4.3.Kế toán doanh thu, chi phí, giá thành và kết quả kinh doanh dịch vụ Bưu chính viễn thông  4.4.Kế toán doanh thu, chi phí, giá thành và kết quả kinh doanh du lịch | 4 | Đọc học liệu số 1, chương 4 (mục 4.1-4.4) | Theo thời khóa biểu; trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi, bài tập chương 4 | 4 | Nắm vững kiến thức chương 4 | Theo thời khóa biểu; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.  - Ôn tập nội dung tín chỉ 2. | 21 | - Nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo.  - Làm bài tập, chỉ ra vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Ngô Thế Chi và Trương Thị Thủy (2019), Giáo trình Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ, NXB Tài Chính, Hà Nội.

[2] Bộ Tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp* (quyển 1 và quyển 2), NXB Lao động xã hội;

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[3] Ngô Thế Chi và Trương Thị Thủy (2013), Giáo trình kế toán tài chính, NXB Tài chính, Hà Nội.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn** |
| 1 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 2 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 3 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 4 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 5 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 6 |  |  | 2 |  |  | 4 |
| 7 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 8 | 1 | 1 |  |  |  | 9 |
| 9 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 10 |  |  | 2 |  |  | 4 |
| 11 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 12 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 13 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 14 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 15 | 1 |  | 1 |  |  | 9 |
| **Tổng cộng** | **15** | **1** | **14** |  |  | **70** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

11.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng bài | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch7, Ch8 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thực hành, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Kiểm tra trắc nghiệm (01 bài) | 30% | Theo đáp án và thang điểm của giảng viên | Ch1 đến Ch6 | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Thi trắc nghiệm | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1 đến Ch6 | 10 |

**11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ** | **Cấp độ nhận thức** | | **Tổng** | **Điểm** | **Thời gian thi** |
| **Biết/hiểu (40%)** | **Vận dụng/ phân tích (60%)** |
| Tín chỉ 1 | 8 | 12 | 20 | 5 | 60 phút |
| Tín chỉ 2 | 8 | 12 | 20 | 5 |
| Tổng số câu | **16** | **24** | **40** | **10** |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

# Tên học phần: Thị trường chứng khoán

Mã học phần: KT2.1.021.2

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 02

- Loại học phần: Tự chọn

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 15 giờ

+ Bài tập trên lớp: 14 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 1 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 70 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | ThS. Phạm Trung Nghĩa | 0915.619.689 | [phamnghiatc@gmail.com](mailto:phamnghiatc@gmail.com) |
| 2 | ThS. Nguyễn Thị Kim Ngân | 0988.798.307 | ngankim30788@gmail.com |
| 3 | ThS. Trần Hương Giang | 0825.138.500 | [huonggiangtq90@gmail.com](file:///E:\tra\Đề%20cương%20chỉnh%20sửa%20lần%202\copy\huonggiangtq90@gmail.com) |
| 4 | TS. Nguyễn Hữu Dũng | 0912.644.087 | [huudungkh@gmail.com](file:///E:\tra\Đề%20cương%20chỉnh%20sửa%20lần%202\copy\huudungkh@gmail.com) |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:*Sau khi học xong học phần này, người học sẽ trình bày và giải thích được những kiến thức cơ bản về thị trường tài chính, cơ chế vận hành và những quy định hoạt động chứng khoán tại Việt Nam, các kỹ thuật đánh giá và đầu tư cơ bản về một số loại chứng khoán chủ yếu. Vận dụng những kiến thức cơ bản để tính toán được một số chỉ tiêu kinh tế cơ bản của hoạt động kinh doanh chứng khoán, lập được bảng khớp lệnh, xác định được giá đóng cửa và mở cửa, đánh giá hiệu quả của hoạt động kinh doanh chứng khoán.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt1: Giải thích được các kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán, chứng khoán và những vấn đề cơ bản về phát hành chứng khoán và hoạt động lưu ký, bút trừ và thanh toán chứng từ.Khái quát được phương pháp phân tích chứng khoán, hoạt động của sở giao dịch chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Mt 2: Vận dụng được kiến thức đã học trong thực tế phân tích chứng khoán và đầu tư chứng khoán. Biết cách vận dụng sáng tạo kiến thức về thị trường chứng khoán vào công việc sau khi tốt nghiệp

Mt3: Luôn lắng nghe, có thể tranh luận, giải thích, từ đó bày tỏ quan điểm cá nhân về các nội dung của môn học, trên cơ sở đó, kết nối và điều chỉnh để phát triển quan điểm bản thân trong học tập và công việc sau khi tốt nghiệp.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.021.2 | Thị trường chứng khoán | **CĐR 1** | **CĐR 2** | **CĐR 3** | **CĐR 4** | **CĐR 5** | **CĐR 6** |
|  |  |  |  | **2** |  |
| **CĐR 7** | **CĐR 8** | **CĐR 9** | **CĐR 10** | **CĐR 11** | **CĐR 12** |
|  |  |  |  |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của HP** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Giải thích được một số vấn đề tổng quan về thị trường chứng khoán và hàng hoá của thị trường chứng khoán. Giải thích được những vấn đề cơ bản về phát hành chứng khoán và hoạt động lưu ký, bút trừ và thanh toán chứng từ | CĐR 5 |
| Ch2: Lựa chọn được các phương pháp phân tích chứng khoán và đầu tư chứng khoán (lãi suất và các vấn đề liên quan đến lãi suất; phân tích trái phiếu và cổ phiếu; mục tiêu và các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quyết định đầu tư). Phân tích được hoạt động của sở giao dịch chứng khoán và thị trường chứng khoán | CĐR 5 |
| **Kỹ năng** | | |
| ***Kỹ năng cứng*** | | |
| Mt2 | Ch3: Tính toán được các bài tập liên quan đến thị trường chứng khoán (lập được các bảng khớp lệnh; xác định được giá đóng cửa và mở cửa; vận dụng được các phương thức phát hành và chào bán chứng khoán ra công chúng trong thực tế giao dịch chứng khoán). Tính toán và phân tích được một số chỉ tiêu kinh tế cơ bản của hoạt động kinh doanh chứng khoán và đánh giá hiệu quả của hoạt động kinh doanh chứng khoán | CĐR 5 |
| ***Kỹ năng mềm*** | | |
| Mt2 | Ch4: Xây dựng kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; Phát triển năng lực tư duy, kỹ năng phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề. | CĐR 5 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt3 | Ch5: Có ý thức trách nhiệm, có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình học tập và công tác sau khi tốt nghiệp. | CĐR 5 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | **Kĩ năng** | | **Mức độ TC và TN** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Nội dung** | **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch 3** | **Ch 4** | **Ch 5** |
| **Chương 1: Tổng quan về thị trường chứng khoán** | 1.1. Bản chất và chức năng của thị trường chứng khoán | 1 |  |  |  | 2 | Diễn giải  Đàm thoại |
| 1.2. Cơ cấu của thị trường chứng khoán | 1 |  |  |  | 2 |
| 1.3. Hàng hóa của thị trường chứng khoán | 1 |  |  |  | 2 |
| 1.4. Các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán | 1 |  |  |  | 2 |
| **Chương 2: Thị trường sơ cấp** | 2.1. Khái niệm, đặc điểm, chức năng thị trường sơ cấp |  | 1 | 2 | 2 | 2 | Diễn giảng  Luyện tập và thực hành |
| 2.2. Phân loại phương thức phát hành chứng khoán |  | 1 | 2 | 2 | 2 |
| 2.3. Các phương thức phát hành chứng khoán |  | 2 | 2 | 2 | 2 |
| 2.4. Nghiệp vụ phát hành chứng khoán |  | 2 | 2 | 2 | 2 |
| **Chương 3: Sở giao dịch chứng khoán** | 3.1. Khái quát về sở giao dịch chứng khoán |  | 1 |  | 2 | 2 | Diễn giảng  Luyện tập và thực hành |
| 3.2. Thành viên của sở giao dịch chứng khoán |  | 1 |  | 2 | 2 |
| 3.3. Niêm yết chứng khoán |  | 2 |  | 2 | 2 |
| 3.4. Hệ thống giao dịch chứng khoán tại sở giao dịch chứng khoán |  | 2 | 2 | 2 | 2 |
| **Chương 4: Thị trường OTC** | 4.1. Những vấn đề chung về thị trường chứng khoán phi tập trung |  | 1 | 2 | 2 | 2 | Diễn giảng  Luyện tập và thực hành |
| 4.2. Tổ chức và hoạt động trên thị trường chứng khoán phi tập trung |  | 2 | 2 | 2 | 2 |
| 4.3. Thị trường chứng khoán phi tập trung ở một số nước trên thế giới |  | 1 |  | 1 | 2 |
| **Chương 5: Phân tích chứng khoán** | 5.1. Phân tích cơ bản |  | 2 |  | 2 | 2 | Diễn giảng  Luyện tập và thực hành |
| 5.2. Phân tích kỹ thuật |  | 2 |  | 2 | 2 |
| 5.6. Định giá chứng khoán |  | 2 |  | 2 | 2 |
| **Chương 6: Công ty chứng khoán** | 6.1. Khái niệm và đặc điểm của công ty chứng khoán |  | 1 | 1 |  | 2 | Diễn giải  Đàm thoại |
| 6.2. Vai trò và nguyên tắc hoạt động của công ty chứng khoán |  | 1 | 1 |  | 2 |
| 6.3. Cơ cấu tổ chức của công ty chứng khoán |  | 1 | 1 |  | 2 |
| 6.4. Hoạt động của công ty chứng khoán |  | 1 | 1 |  | 2 |

**7.Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần tập trung nghiên cứu những nội dung cơ bản về thị trường chứng khoán, cơ chế vận hành và những quy định hoạt động chứng khoán tại Việt Nam, các kỹ thuật phân tích, đánh giá và đầu tư một số loại chứng khoán chủ yếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu đối với sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Chương 1: Tổng quan về thị trường chứng khoán** | **14** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Bản chất và chức năng của thị trường chứng khoán  1.2. Cơ cấu của thị trường chứng khoán  1.3. Hàng hóa của thị trường chứng khoán  1.4. Các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán | 2 | - Đọc học liệu số 1, chương 1  - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết; | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập, kiểm tra | - Giải đáp các câu hỏi chương 1 | 1 | Trả lời các câu hỏi, bài tập chương 1; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Câu hỏi chương 1.  - Đọc trước các nội dung lý thuyết chương 2. | 11 | - Hoàn thành các câu hỏi của chương. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 2: Thị trường sơ cấp** | **18** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Khái niệm, đặc điểm, chức năng thị trường sơ cấp  2.2. Phân loại phương thức phát hành chứng khoán  2.3. Các phương thức phát hành chứng khoán  2.4. Nghiệp vụ phát hành chứng khoán | 3 | - Đọc học liệu số 1, chương 2  - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết; | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập, kiểm tra | - Giải đáp các câu hỏi chương 2.  - Làm bài tập chương 2 | 3 | Trả lời các câu hỏi, bài tập chương 2; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Câu hỏi chương 2.  - Đọc trước các nội dung lý thuyết chương 3. | 12 | - Hoàn thành các câu hỏi chương 2.  - Nắm vững kiến thức lý thuyết cơ bản của chương 3; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 3: Sở giao dịch chứng khoán** | **18** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1. Khái quát về sở giao dịch chứng khoán  3.2. Thành viên của sở giao dịch chứng khoán  3.3. Niêm yết chứng khoán  3.4. Hệ thống giao dịch chứng khoán tại sở giao dịch chứng khoán | 3 | - Đọc học liệu số 1, chương 3  - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết; | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập, kiểm tra | - Giải đáp các câu hỏi và làm bài tập chương 3.  - Kiểm tra giữa kỳ 1 tiết | 3 | Trả lời các câu hỏi, làm bài tập chương 3; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Câu hỏi, bài tập chương 3.  - Đọc trước các nội dung lý thuyết chương 4. | 12 | - Hoàn thành các câu hỏi, bài tập chương 3.  - Nắm vững kiến thức lý thuyết cơ bản của chương 3; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |  |
|  | **Chương 4: Thị trường OTC** | **15** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1. Những vấn đề chung về thị trường chứng khoán phi tập trung  4.2. Tổ chức và hoạt động trên thị trường chứng khoán phi tập trung  4.3. Thị trường chứng khoán phi tập trung ở một số nước trên thế giới | 2 | - Đọc học liệu số 1, chương 4  - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết; | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập, kiểm tra | - Giải đáp các câu hỏi và làm bài tập chương 4 | 2 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 4; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Câu hỏi, bài tập chương 4.  - Đọc trước các nội dung lý thuyết chương 5. | 11 | - Hoàn thành các câu hỏi, bài tập chương 4. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 5: Phân tích chứng khoán** | **18** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1. Phân tích cơ bản  5.2. Phân tích kỹ thuật  5.6. Định giá chứng khoán | 3 | - Đọc học liệu số 1, chương 5  - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết; | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập, kiểm tra | Giải đáp các câu hỏi và làm bài tập chương 5. | 3 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 5; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Câu hỏi, bài tập chương 5.  - Đọc trước các nội dung lý thuyết chương 6. | 12 | - Hoàn thành các câu hỏi, bài tập chương 5. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 6: Công ty chứng khoán** | **16** |  |  |  |
| Lý thuyết | 6.1. Khái niệm và đặc điểm của công ty chứng khoán  6.2. Vai trò và nguyên tắc hoạt động của công ty chứng khoán  6.3. Cơ cấu tổ chức của công ty chứng khoán  6.4. Hoạt động của công ty chứng khoán | 2 | - Đọc học liệu số 1, chương 6  - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết; | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập, kiểm tra | Giải đáp các câu hỏi và làm bài tập chương 6. | 2 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 6; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Câu hỏi, bài tập chương 6. | 12 | Hoàn thành các câu hỏi, bài tập chương 6. | Thư viện,  Ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Nguyễn Thanh Phương (2020), *Giáo trình thị trường chứng khoán,* NXB Lao động-xã hội, Hà Nội.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Lê Hoàng Nga (2015), *Thị trường chứng khoán*, NXB Tài chính, Hà Nội.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế thực tập, tiểu luận** |
| 1 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 2 | 1 |  | 1 |  |  | 3 |
| 3 | 2 |  |  |  |  | 3 |
| 4 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 5 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 6 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 7 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 8 | 1 | 1 |  |  |  | 5 |
| 9 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 10 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 11 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 12 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 13 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 14 | 1 |  |  |  |  | 5 |
| 15 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| **Tổng cộng** | **15** | **1** | **14** |  |  | **70** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia xây dựng bài | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch5 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Tự luận | 30% | (i) Nội dung đầy đủ; (ii) Kiến thức chính xác; (iii) Trình bày khoa học. Theo đáp án, thang điểm của giảng viên. | Từ Ch1 đến Ch5 | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Tự luận | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Từ Ch1 đến Ch5 | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi***

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấu trúc đề thi** | **Thời gian làm bài** |
| Đề thi gồm 3 câu  Câu 1 (3 điểm): cấp độ nhớ và hiểu  Câu 2 (3 điểm): cấp độ nhớ và hiểu  Câu 3 (4 điểm):cấp độ áp dụng và phân tích  Cấp độ nhận thức: Cấp độ nhận thức: 60 % nhớ và hiểu ; 40 % áp dụng và phân tích. | 60 phút |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Hệ thống thông tin kế toán

Mã học phần: KT2.1.010.2

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 2

- Loại học phần: Tự chọn

- Yêu cầu đầu vào: Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

+ Học lý thuyết trên lớp: 15 giờ

+ Bài tập trên lớp: 14 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 1 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 70 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | ThS. Phạm Trung Nghĩa | 0943.301.678 | phamnghiatc@gmail.com |
| 2 | ThS. Phạm Thanh Trà | 0967.654.082 | Phamtra88@gmail.com |
| 3 | TS. Đỗ Hải Yến | 0987.423.415 | [landtl17a.hua@gmail.com](mailto:landtl17a.hua@gmail.com) |
| 4 | TS. Trần Thị Diên | 0987578358 | [tranthidien1979@gmail.com](mailto:tranthidien1979@gmail.com) |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*-Mục tiêu chung*: Người học có những kiến thức chuyên môn và kĩ năng nghiệp vụ chuyên ngành trong tổ chức hệ thống thông tin kế toán.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt1: Có kiến thức về tổ chức hệ thống thông tin kế toán; tổ chức dữ liệu và kiểm soát hệ thống thông tin kế toán.

Mt2:Thực hiện được các bước trong chu trình thu thập - xử lý – cung cấp dữ liệu kế toán.

Mt3:Tôn trọng các nguyên tắc, trình tự và phương pháp tổ chức hệ thống thông tin kế toán.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.010.2 | Hệ thống thông tin  kế toán | **CĐR 1** | **CĐR 2** | **CĐR 3** | **CĐR 4** | **CĐR 5** | **CĐR 6** |
|  |  | 2 |  |  |  |
| **CĐR 7** | **CĐR 8** | **CĐR 9** | **CĐR 10** | **CĐR 11** | **CĐR 12** |
| 2 |  |  |  |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của học phần** | **CĐR của CTĐT** |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Khái quát được tổng quan về hệ thống thông tin kế toán và quy trình tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện thủ công | CĐR 3 |
| Ch2: Giải thích được nội dung, quy trình tổ chức kiểm soát thông tin kế toán tại doanh nghiệp. | CĐR 3 |
| Ch3: Phân tích được các công cụ mô tả hệ thống thông tin kế toán và quy trình tổ chức dữ liệu trong hệ thống thông tin kế toán. | CĐR 3 |
| **Kỹ năng** | | |
| ***Kỹ năng cứng*** | | |
| Mt2 | Ch4: Thực hiện được các bước trong quy trình tổ chức hệ thống thông tin kế toán theo cách tiếp cận các chu trình kinh doanh của doanh nghiệp | CĐR 7 |
| ***Kỹ năng mềm*** | | |
| Mt2 | Ch5: Có kỹ năng tư duy, phân tích và kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; làm việc độc lập và làm việc nhóm. | CĐR 7 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt3 | Ch6: Chấp hành các nguyên tắc, trình tự và phương pháp tổ chức hệ thống thông tin kế toán. Có tác phong làm việc nhanh nhẹn, khoa học, chính xác trong điều kiện tin học hóa tổ chức công tác kế toán. | CĐR 7 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | **Kỹ năng** | | **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cứng** | **Mềm** |
| **Chương** | **Nội dung** | **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch 3** | **Ch 4** | **Ch 5** | **Ch 6** |
| Chương 1. Tổng quan về hệ thống thông tin kế toán | 1.1.Đặc điểm hoạt động kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý trong doanh nghiệp thương mại | 1 |  |  |  | 2 |  | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 1.2.Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ | 1 |  |  |  |  | 2 |
| 1.3. Các mô hình tổ chức xử lý dữ liệu và quản lý dữ liệu của hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghệp | 1 |  |  |  | 2 |  |
| 1.5. Chu kỳ phát triển hệ thống thông tin kế toán | 1 |  |  |  |  | 2 |
| 1.6. Hệ thống thông tin kế toán trong nền kinh tế số | 1 |  |  |  |  | 2 |
| Chương 2:  Hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện thủ công | 2.1.Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán | 1 |  |  |  | 2 |  | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 2.2.Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán | 1 |  |  |  | 2 |  |
| 2.3.Tổ chức hệ thống sổ kế toán | 1 |  |  |  | 2 |  |
| 2.4.Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán | 1 |  |  |  | 2 |  |
| Chương 3:  Sai sót và gian lận đối với hệ thống thông tin kế toán | 3.1.Khái quát về sai sót và gian lận với hệ thống thông tin kế toán |  | 1 |  |  |  | 2 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 3.2.Phát hiện ngăn chặn sai sót và gian lận với hệ thống thông tin kế toán |  | 1 |  |  |  | 2 |
| 3.3. Tấn công mạng và ngăn chặn tấn công mạng |  | 1 |  |  |  | 2 |
| 3.4.Phần mềm độc hại và ngăn chặn phần mềm độc hại |  | 1 |  |  |  | 2 |
| Chương 4:  Kiểm soát nội bộ và hệ thống thông tin kế toán | 4.1.Khái quát chung về kiểm soát và kiểm soát nội bộ |  | 1 |  |  | 2 |  | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 4.2.Giới thiệu kiểm soát nội bộ theo quan điểm COSO |  | 1 |  |  | 2 |  |
| 4.3.Giới thiệu kiểm soát nội bộ theo quan điểm COBIT |  | 1 |  |  | 2 |  |
| 4.4.Xây dựng kiểm soát nội bộ của hệ thống thông tin kế toán |  | 2 |  |  |  | 3 |
| 4.5. An toàn dữ liệu mạng |  | 2 |  |  | 2 |  |
| Chương 5: Các công cụ mô tả hệ thống thông tin kế toán | 5.1. Khái quát về các công cụ mô tả hệ thống thông tin kế toán |  |  | 1 |  |  | 2 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 5.2. Sơ đồ dòng dữ liệu |  |  | 2 |  | 2 |  |
| 5.3. Lưu đồ tài liệu |  |  | 2 |  | 2 |  |
| 5.4. Lưu đồ hệ thống và lưu đồ chương trình |  |  | 2 |  | 2 |  |
| 5.5. So sánh sơ đồ dòng dữ liệu và lưu đồ |  |  | 2 |  | 2 | 2 |
| Chương 6: Cơ sở dữ liệu và tổ chức cơ sở dữ liệu theo mô hình REA trong doanh nghiệp | 6.1. Khái quát về cơ sở dữ liệu |  |  | 1 |  |  | 2 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 6.2. Tổ chức dữ liệu trong cơ sở dữ liệu |  |  | 1 |  |  | 2 |
| 6.3.Phần mềm kế toán và hệ thống hoạch địch nguồn lực doanh nghiệp |  |  | 2 |  |  | 2 |
| 6.4. Cơ sở dữ liệu quan hệ |  |  | 2 |  |  | 2 |
| 6.5. Quá trình thiết kế cơ sở dữ liệu quan hệ và sơ đồ REA |  |  | 2 |  |  | 2 |
| Chương 7: Hệ thống thông tin kế toán – chu trình doanh thu | 7.1. Khái quát chung về chu trình doanh thu |  |  |  | 1 |  | 2 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 7.2. Quy trình thông tin kế toán trong chu trình doanh thu |  |  |  | 2 | 2 |  |
| 7.3. Các nguy cơ đối với thông tin của chu trình doanh thu và các biện pháp kiểm soát |  |  |  | 2 | 2 |  |
| Chương 8: Hệ thống thông tin kế toán – chu trình mua hàng | 8.1. Khái quát chung về chu trình mua hàng |  |  |  | 1 | 2 |  | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 8.2. Quy trình thông tin kế toán trong chu trình mua hàng |  |  |  | 2 | 2 | 2 |
| 8.3. Các nguy cơ đối với thông tin của chu trình mua hàng và các biện pháp kiểm soát |  |  |  | 2 | 2 |  |
| Chương 9: Hệ thống thông tin kế toán – chu trình nhân sự và tiền lương | 9.1. Khái quát chung về chu trình nhân sự và tiền lương |  |  |  | 1 | 2 |  | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 9.2. Quy trình thông tin kế toán trong chu trình nhân sự và tiền lương |  |  |  | 2 | 2 | 2 |
| 9.3. Các nguy cơ đối với thông tin của chu trình nhân sự - tiền lương và các biện pháp kiểm soát |  |  |  | 2 | 2 |  |
| Chương 10: Hệ thống thông tin kế toán – chu trình sản xuất | 10.1. Khái quát chung về chu trình sản xuất và tiền lương |  |  |  | 1 | 2 |  | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 10.2. Quy trình thông tin kế toán trong chu trình sản xuất |  |  |  | 2 | 2 | 2 |
| 10.3. Các nguy cơ đối với thông tin của chu trình sản xuất và các biện pháp kiểm soát |  |  |  | 1 | 2 |  |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần nghiên cứu những nội dung cơ bản về các khái niệm và các cách thức tổ chức, xử lý, đánh giá và kiểm soát hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện tin học hóa, đồng thời giới thiệu về các chu trình kinh doanh của một doanh nghiệp.Từ đó là cơ sở để có thể tiếp cận được công tác kế toán trong thực tế của doanh nghiệp

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu đối với sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Chương 1. Tổng quan về hệ thống thông tin kế toán** | **6** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1.Đặc điểm hoạt động kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý trong doanh nghiệp thương mại  1.2.Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ  1.3. Các mô hình tổ chức xử lý dữ liệu và quản lý dữ liệu của hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghệp  1.5. Chu kỳ phát triển hệ thống thông tin kế toán  1.6. Hệ thống thông tin kế toán trong nền kinh tế số | 2 | Đọc học liệu số 1, chương 1 (mục 1.1-1.6) | Theo thời khóa biểu; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng | 4 | Đọc học liệu, chỉ ra vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 2:**  **Hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện thủ công** | **9** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1.Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán  2.2.Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán  2.3.Tổ chức hệ thống sổ kế toán  2.4.Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán | 2 | Đọc học liệu số 1, chương 2 (mục 2.1-2.4) | Theo TKB; trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập trong học liệu số 1 (chương 2) | 1 | Nắm vững kiến thức chương 2 | Theo TKB; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng | 6 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 3:**  **Sai sót và gian lận đối với hệ thống thông tin kế toán** | **9** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1.Khái quát về sai sót và gian lận với hệ thống thông tin kế toán  3.2.Phát hiện ngăn chặn sai sót và gian lận với hệ thống thông tin kế toán  3.3. Tấn công mạng và ngăn chặn tấn công mạng  3.4.Phần mềm độc hại và ngăn chặn phần mềm độc hại | 2 | Đọc học liệu số 1, chương 3 (mục 3.1-3.4). | Theo TKB; trên lớp |  |
| Bài tập | - Bài tập trong học liệu số 1 (chương 3). | 1 | Nắm vững kiến thức chương 3 | Theo TKB; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng | 6 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 4:**  **Kiểm soát nội bộ và hệ thống thông tin kế toán** | **9** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1.Khái quát chung về kiểm soát và kiểm soát nội bộ  4.2.Giới thiệu kiểm soát nội bộ theo quan điểm COSO  4.3.Giới thiệu kiểm soát nội bộ theo quan điểm COBIT  4.4.Xây dựng kiểm soát nội bộ của hệ thống thông tin kế toán  4.5. An toàn dữ liệu mạng | 2 | Đọc học liệu số 1, chương 4 (mục 4.1-4.5) | Theo TKB; trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập trong học liệu số 1 (chương 4) | 1 | Nắm vững kiến thức chương 4 | Theo TKB; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng. | 6 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 5: Các công cụ mô tả hệ thống thông tin kế toán** | **17** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1. Khái quát về các công cụ mô tả hệ thống thông tin kế toán  5.2. Sơ đồ dòng dữ liệu  5.3. Lưu đồ tài liệu  5.4. Lưu đồ hệ thống và lưu đồ chương trình  5.5. So sánh sơ đồ dòng dữ liệu và lưu đồ | 2 | Đọc học liệu số 1, chương 1 (mục 5.1- 5.5) | Theo TKB; trên lớp |  |
| Bài tập | - Bài tập trong học liệu số 1 (chương 5)  - Kiểm tra 1 tiết | 2 | Nắm vững kiến thức chương 5 | Theo TKB; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng | 13 | Đọc học liệu, chỉ ra vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | Tín chỉ 2 |  |  |  |  |
|  | **Chương 6: Cơ sở dữ liệu và tổ chức cơ sở dữ liệu theo mô hình REA trong doanh nghiệp** | **9** |  |  |  |
| Lý thuyết | 6.1. Khái quát về cơ sở dữ liệu  6.2. Tổ chức dữ liệu trong cơ sở dữ liệu  6.3.Phần mềm kế toán và hệ thống hoạch địch nguồn lực doanh nghiệp  6.4. Cơ sở dữ liệu quan hệ  6.5. Quá trình thiết kế cơ sở dữ liệu quan hệ và sơ đồ REA | 1 | Đọc học liệu số 1, chương 2 (mục 6.1- 6.5) | Theo TKB; trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập trong học liệu số 1 (chương 6) | 2 | Nắm vững kiến thức chương 6 | Theo TKB; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng | 6 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 7: Hệ thống thông tin kế toán – chu trình doanh thu** | **9** |  |  |  |
| Lý thuyết | 7.1. Khái quát chung về chu trình doanh thu  7.2. Quy trình thông tin kế toán trong chu trình doanh thu  7.3. Các nguy cơ đối với thông tin của chu trình doanh thu và các biện pháp kiểm soát | 1 | Đọc học liệu số 1, chương 3 (mục 7.1-7.3). | Theo TKB; trên lớp |  |
| Bài tập | - Bài tập trong học liệu số 1 (chương 7) | 2 | Nắm vững kiến thức chương 7 | Theo TKB; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng | 6 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 8: Hệ thống thông tin kế toán – chu trình mua hàng** | **9** |  |  |  |
| Lý thuyết | 8.1. Khái quát chung về chu trình mua hàng  8.2. Quy trình thông tin kế toán trong chu trình mua hàng  8.3. Các nguy cơ đối với thông tin của chu trình mua hàng và các biện pháp kiểm soát | 1 | Đọc học liệu số 1, chương 8 (mục 8.1-8.3) | Theo thời khóa biểu; trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập trong học liệu số 1 (chương 8) | 2 | Nắm vững kiến thức chương 8 | Theo TKB; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng | 6 | Đọc học liệu, chỉ ra vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 9: Hệ thống thông tin kế toán – chu trình nhân sự và tiền lương** | **9** |  |  |  |
| Lý thuyết | 9.1. Khái quát chung về chu trình nhân sự và tiền lương  9.2. Quy trình thông tin kế toán trong chu trình nhân sự và tiền lương  9.3. Các nguy cơ đối với thông tin của chu trình nhân sự - tiền lương và các biện pháp kiểm soát | 1 | Đọc học liệu số 1, chương 9 (mục 9.1- 9.3) | Theo thời khóa biểu; trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập trong học liệu số 1 (chương 9) | 2 | Nắm vững kiến thức chương 9 | Theo TKB; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng | 6 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 10: Hệ thống thông tin kế toán – chu trình sản xuất** | **14** |  |  |  |
| Lý thuyết | 10.1. Khái quát chung về chu trình sản xuất và tiền lương  10.2. Quy trình thông tin kế toán trong chu trình sản xuất  10.3. Các nguy cơ đối với thông tin của chu trình sản xuất và các biện pháp kiểm soát | 1 | Đọc học liệu số 1, chương 10 (mục 10.1-10.3). | Theo TKB; trên lớp |  |
| Bài tập | - Bài tập trong học liệu số 1 (chương 10). | 2 | Nắm vững kiến thức chương 10 | Theo TKB; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng | 11 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện, ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Nguyễn Hữu Ánh(2021), Giáo trình Hệthống thông tin kế toán, NXB Đại học Kinh tếquốc dân.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Bùi Văn Dương, Võ Văn Nhị, Đặng Văn Sáng, Nguyễn Ngọc Hiến (2009), *Hướng dẫn thực hành lập sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và báo cáo thuế GTGT trên Excel,*  NXB Tài chính.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn** |
| 1 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 2 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 3 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 4 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 5 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 6 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 7 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 8 | 1 | 1 |  |  |  | 9 |
| 9 |  |  | 2 |  |  | 4 |
| 10 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 11 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 12 |  |  | 2 |  |  | 4 |
| 13 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 14 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 15 |  |  | 2 |  |  | 9 |
| **Tổng cộng** | **15** | **1** | **14** |  |  | **70** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

11.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng bài | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch7, Ch8 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thực hành, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Kiểm tra tự luận (01 bài) | 30% | - Chấm điểm bài kiểm tra với các tiêu chí: (i) Nội dung đầy đủ; (ii) Kết quả chính xác; (iii) Trình bày sạch đẹp. | Ch1 đến Ch6 | 8 |
| 2 |
| Ch1 đến Ch6 | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Tự luận | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1 -Ch6 | 10 |

**11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi**

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấu trúc đề thi** | **Thời gian làm bài** |
| - Đề thi gồm 3 câu:  + Câu 1 (3 điểm): Cấp độ nhớ và hiểu  + Câu 2 (3 điểm): Cấp độ áp dụng và phân tích  + Câu 3 (4 điểm): Cấp độ áp dụng và phân tích  Đề thi đánh giá được nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc các tín chỉ của học phần  - Cấp độ nhận thức: 30% nhớ và hiểu ; 70% áp dụng và phân tích | 60 phút |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Kỹ năng quản lý và làm việc nhóm

Mã học phần: KT2.1.159.2

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 02

- Loại học phần: Tự chọn

- Yêu cầu đầu vào: Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 15 giờ

+ Bài tập trên lớp: 14 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 01 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 70 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa kinh tế VÀ QTKD

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | TS. Vũ Thị Hằng Nga | 0984.368.612 | [vunga0304@gmail.com](mailto:vunga0304@gmail.com) |
| 2 | TS. Trần Thế Tuân | 0916.655.268 | [Tuantt83@utt.edu.vn](mailto:Tuantt83@utt.edu.vn) |
| 3 | ThS. Trần Hương Giang | 0825.138.500 | [huonggiangtq90@gmail.com](mailto:huonggiangtq90@gmail.com) |
| 4 | ThS. Hoàng Anh Đào | 0979.477.846 | Hoanganhdaok47ftu@gmail.com |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:*Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về kỹ năng làm việc nhóm, quản lý nhóm.

-  *Mục tiêu cụ thể:*

Mt1: Khái quát các kiến thức cơ bản về kỹ năng quản lý và làm việc nhóm.

Mt 2: Thực hiện được các hoạt động của nhóm như: thành lập nhóm, điều hành hoạt động nhóm, tổ chức triển khai và thúc đẩy sự phát triển các thành viên. Đánh giá được kết quả làm việc nhóm. Vận dụng thành thạo từng nội dung theo các yêu cầu đặt ra đối với làm việc nhóm và quản lý nhóm.

Mt 3: Có thái độ, động cơ học tập đúng đắn; nhận thức và thực hiện nghiêm túc các chuẩn mực nghề nghiệp và trách nhiệm của công dân trong hoạt động kinh doanh.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.159.2 | Kỹ năng quản lý và làm việc nhóm | CĐR 1 | CĐR 2 | CĐR 3 | CĐR 4 | CĐR 5 | CĐR 6 |
|  |  |  |  |  |  |
| CĐR 7 | CĐR 8 | CĐR 9 | CĐR 10 | CĐR 11 | CĐR 12 |
|  |  | 2 |  |  | 2 |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu**  **của HP** | **Chuẩn đầu ra của học phần** | **CĐR**  **của CTĐT** |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Khái quát được những kiến thức cơ bản về kỹ năng quản lý và làm việc nhóm. | CĐR 9 |
| Ch2: Tóm tắt được các hoạt động của nhóm như: thành lập nhóm, điều hành hoạt động và tổ chức triển khai các hoạt động trong nhóm, thúc đẩy sự phát triển của các thành viên trong nhóm. | CĐR 9 |
| Ch3: Diễn giải được các kỹ năng giao tiếp trong nhóm và các kỹ năng trong quản lý nhóm. | CĐR 9 |
| **Kỹ năng** | | |
| ***Kĩ năng cứng*** | | |
| Mt2 | Ch4: Tổ chức được các buổi họp nhóm, giải quyết được các xung đột trong nhóm. Đánh giá được kết quả hoạt động của nhóm. | CĐR 9 |
| ***Kĩ năng mềm*** | | |
| Mt2 | Ch5: Có kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề trong kinh doanh. | CĐR 12 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt3 | Ch6: Có thái độ, động cơ học tập đúng đắn; nhận thức và thực hiện nghiêm túc các chuẩn mực nghề nghiệp và trách nhiệm của công dân trong hoạt động kinh doanh | CĐR 12 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | **Kĩ năng** | | **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Nội dung** | ***Cứng*** | ***Mềm*** |
| **Ch1** | **Ch2** | **Ch3** | **Ch4** | **Ch5** | **Ch6** |  |
| **Chương 1: Nhập môn kỹ năng quản lý và làm việc nhóm** | 1.1. Khái niệm, phân loại và các giai đoạn hình thành và phát triển nhóm | 1 |  |  |  |  | 1 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 1.2. Các nguyên tắc quản lý và làm việc nhóm | 1 |  |  |  |  | 2 |
| 1.3. Đối tượng, nhiệm vụ và nội dung nghiên cứu môn học | 1 |  |  |  |  | 2 |
| **Chương 2. Hoạt động nhóm** | 2.1. Thành lập nhóm |  | 2 |  |  |  |  | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 2.2. Điều hành hoạt động nhóm |  | 2 |  |  |  |  |
| 2.3. Tổ chức triển khai các hoạt động trong nhóm |  | 2 |  |  |  |  |
| 2.4. Thức đẩy sự phát triển của các thành viên |  | 2 |  |  |  | 2 |
| 2.5. Đánh giá kế quả làm việc nhóm |  |  |  | 2 |  | 2 |
| **Chương 3: Kỹ năng giao tiếp và phối hợp trong làm việc nhóm** | 3.1. Kỹ năng giao tiếp trong nhóm |  |  | 2 |  |  | 2 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 3.2. Tổ chức họp nhóm |  |  | 1 | 2 |  | 2 |
| 3.3. Phối hợp trong nhóm và một số khuynh hướng cần khắc phục trong phối hợp làm việc nhóm |  |  | 2 | 2 |  | 2 |
| **Chương 4: Các kỹ năng trong quản lý nhóm** | 4.1 Kỹ năng giải quyết các xung đột trong nhóm |  |  | 1 | 2 | 2 | 1 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu... |
| 4.2 Các kỹ năng tổ chức thảo luận nhóm |  |  | 2 | 2 | 2 | 2 |
| 4.3 Kỹ năng phân công công việc của nhóm |  |  | 2 |  | 2 | 2 |
| 4.4 Kỹ năng điều hành nhóm và làm việc hiệu quả |  |  | 2 | 2 | 2 | 2 |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần nghiên cứu các vấn đề cơ bản về kỹ năng quản lý và làm việc nhóm, từ hoạt động thành lập, quản lý và đánh giá các hoạt động của nhóm đến các kỹ năng giao tiếp, phối hợp trong làm việc nhóm và các kỹ năng trong quản lý nhóm.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu**  **đối với**  **sinh viên** | **Thời gian, địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Chương 1: Nhập môn kỹ năng quản lý và làm việc nhóm** | **15** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Khái niệm, phân loại và các giai đoạn hình thành và phát triển nhóm  1.2. Các nguyên tắc quản lý và làm việc nhóm  1.3. Đối tượng, nhiệm vụ và nội dung nghiên cứu môn học | 2 | Học liệu số 1: chương 1(các mục 1.1-1.3); | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Thảo luận | Thảo luận chương 1 | 2 | Nắm vững lý thuyết để thực hiện thảo luận chương | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thảo luận theo yêu cầu của GV. | 11 | Nghiên cứu học liệu số 1; 2 và đưa ra các vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 2. Hoạt động nhóm** | **35** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Thành lập nhóm  2.2. Điều hành hoạt động nhóm  2.3. Tổ chức triển khai các hoạt động trong nhóm  2.4. Thức đẩy sự phát triển của các thành viên  2.5. Đánh giá kế quả làm việc nhóm | 6 | - Đọc học liệu số 1: Chương 2(các mục 2.1-2.5), | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập, Kiểm tra | Bài tập chương 2  Kiểm tra | 5 | Nắm vững lý thuyết để giải quyết các bài tập của chương | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để thực hành | 24 | Nghiên cứu học liệu số 1;2 và đưa ra các vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |  |
|  | **Chương 3: Kỹ năng giao tiếp và phối hợp trong làm việc nhóm** | **20** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1.Kỹ năng giao tiếp trong nhóm  3.2.Tổ chức họp nhóm  3.3.Phối hợp trong nhóm và một số khuynh hướng cần khắc phục trong phối hợp làm việc nhóm | 3 | - Đọc học liệu số 1: Chương 3 (Mục 3.1-3.3) | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập chương 3 | 3 | Nắm vững lý thuyết; giải các bài tập | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng. | 14 | Nghiên cứu học liệu số 1 và đưa ra vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 4: Các kỹ năng trong quản lý nhóm** | **30** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1 Kỹ năng giải quyết các xung đột trong nhóm  4.2 Các kỹ năng tổ chức thảo luận nhóm  4.3 Kỹ năng phân công công việc của nhóm  4.4 Kỹ năng điều hành nhóm và làm việc hiệu quả | 4 | - Đọc học liệu số 1: Chương 5 (Mục 1-3)  - Chuẩn bị các vấn đề theo yêu cầu của GV | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập chương 4  Thảo luận | 5 | Nắm vững lý thuyết; giải các bài tập | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng. | 21 | Nghiên cứu học liệu số 1và đưa ra vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Quyền Đình Hà (2021), *Giáo trình Kỹ năng quản lý và làm việc nhóm*, NXB Học viện nông nghiệp, Hà Nội;

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Tạ QuangTuấn (2019), *Giáo trình Kỹ năng làm việc nhóm*, NXB lao động, Hà Nội.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn** |
| 1 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 2 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 3 |  |  | 2 |  |  | 4 |
| 4 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 5 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 6 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 7 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 8 | 1 | 1 |  |  |  | 5 |
| 9 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 10 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 11 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 12 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 13 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 14 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 15 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| **Tổng cộng** | **15** | **01** | **14** |  |  | **70** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch6 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Bài kiểm tra thường xuyên  (01 bài trắc nghiệm) | 30% | Tiêu chí đánh giá: theo thang điểm, đáp án của giảng viên | Ch1đến Ch 6 | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Trắc nghiệm | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1đến Ch 6 | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ** | **Cấp độ nhận thức** | | **Tổng** | **Điểm** | **Thời gian thi** |
| **Nhớ/ Hiểu (40%)** | **Vận dụng/ Phân tích (60%)** |
| Tín chỉ 1 | 8 | 12 | 20 | 5 | 60phút |
| Tín chỉ 2 | 8 | 12 | 20 | 5 |
| Tổng số câu | **16** | **24** | **40** | **10** |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Thực tập 1

Mã học phần: KT2.1.119.4

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 4

- Loại học phần: Bắt buộc

- Yêu cầu đầu vào: Kế toán tài chính 3; Kế toán hành chính sự nghiệp

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

+ Thực tập: 200 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 0 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | ThS. Đỗ Thị Mỹ Huyền | 0975.295.459 | [dothimyhuyen@gmail.com](mailto:dothimyhuyen@gmail.com) |
| 2 | TS. Trần Thị Diên | 0987.578.358 | tranthidien1979@yahoo.com |
| 3 | ThS. Phạm Thanh Trà | 0967654082 | [phamtra88@gmail.com](mailto:phamtra88@gmail.com) |
| 4 | ThS. Đinh Thị Lan | 0987.423.415 | [landtl17a.hua@gmail.com](mailto:landtl17a.hua@gmail.com) |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:*Sau khi học xong học phầnngười học có kiến thức lý thuyết cơ *- Mục tiêu chung:* Mục tiêu của học phần này nhằm phát triển khả năng của người học trong việc vận dụng các kiến thức chuyên ngành đã học để thực hiện được được quy trình cơ bản của công việc kế toán thực tế tại cơ sở thực tập.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt 1: Khái quát được các những thông tin cơ bản và quy trình hạch toán kế toán tại đơn vị thực tập.

Mt 2: Có khả năng thu thập được các thông tin số liệu để phục vụ viết báo cáo thực tập theo yêu cầu.

Mt 3: Vận dụng được kiến thức đã học để thực hành, thực tế hạch toán kế toán tại đơn vị thực tập.

Mt 4: Rèn luyện kỹ năng làm việc trong các nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác kế toán tại đơn vị thực tập.

Mt 5: Thể hiện động cơ học tập đúng đắn, có ý thức trách nhiệm, khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.119.4 | Thực tập 1 | **CĐR 1** | **CĐR 2** | **CĐR 3** | **CĐR 4** | **CĐR 5** | **CĐR 6** |
|  |  |  |  |  | **2** |
| **CĐR 7** | **CĐR 8** | **CĐR 9** | **CĐR 10** | **CĐR 11** | **CĐR 12** |
|  |  | **2** |  |  | **3** |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của học phần** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Khái quát được những thông tin chung về đơn vị thực tập. | CĐR 6 |
| Ch2: Mô tả được quy trình hạch toán kế toán tại đơn vị thực tập | CĐR 6 |
| Mt2 | Ch3: Thu thập được các thông tin, số liệu kế toán tại đơn vị thực tập phục vụ cho việc viết báo cáo. | CĐR 6 |
| Ch4: Diễn giải được nội dung, kết cấu báo cáo chuyên đề thực tập. | CĐR 6 |
| **Kỹ năng** | | |
| Kỹ năng cứng | | |
| Mt3 | Ch5: Vận dụng tốt những kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ vào việc thực hiện và đánh giá các vấn đề liên quan đến công việc thực tập, thực tế tại đơn vị. | CĐR 9 |
| Ch6: Thực hiện viết được một báo cáo khoa học về chuyên môn sau khi kết thúc đợt thực tập. | CĐR 9 |
| Kỹ năng mềm | | |
| Mt4 | Ch7: Rèn luyện kỹ năng làm việc trong các nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác kế toán trong doanh nghiệp (đơn vị HCSN); khả năng tiếp cận và khai thác các nguồn thông tin, thu thập, điều tra, tổng hợp số liệu. | CĐR 9 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt5 | Ch8: Thể hiện động cơ học tập đúng đắn, phương pháp làm việc khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp; ý thức trách nhiệm, khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp. | CĐR 9, CĐR 12 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | | **Kỹ năng** | | | **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cứng** | | **Mềm** |
| **Chương** | **Nội dung** | **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch 3** | **Ch 4** | **Ch 5** | **Ch 6** | **Ch**  **7** | **Ch 8** |
| **Tín chỉ 1**  **Khảo sát về đơn vị thực tập** | 1.1. Những thông tin chung về dơn vị thực tập | 2 |  |  |  |  |  |  | 3 | Hướng dẫn thực tập |
| 1.2. Quá trình hình thành và phát triển của đơn vị thực tập | 2 |  |  |  |  |  |  | 3 |
| 1.3. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị thực tập | 2 |  |  |  |  |  |  | 3 |
| 1.4. Cơ cấu bộ máy kế toán của đơn vị thực tập | 2 |  |  |  |  |  |  | 3 |
| 1.5. Nội dung công tác kế toán tại đơn vị thực tập |  | 2 |  |  |  |  |  | 3 |
| 1.6. Viết báo cáo sơ lược sau 1 tuần thực tập |  |  |  | 2 |  |  | 3 |  |
| **Tín chỉ 2+3**  **Thực tập về chuyên môn, nghiệp vụ** | 2.1. Cơ sở lý thuyết của chuyên đề thực tập |  |  | 2 |  | 3 |  |  |  | Hướng dẫn thực tập |
| 2.2. Đánh giá thực trạng vấn đề nghiên cứu |  |  | 2 |  | 3 |  |  |  |
| 2.3. Đề xuất giải pháp từ vấn đề nghiên cứu |  |  | 2 |  | 3 |  |  |  |
| **Tín chỉ 4**  **Báo cáo thực tập tổng hợp** | 3.1. Báo cáo thực tập chuyên môn |  |  |  | 2 |  | 3 |  | 3 | Hướng dẫn thực tập |
| 3.2. Hồ sơ thực tập | 2 |  |  |  |  |  | 3 | 3 |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần giúp người học củng cố những kiến thức lí luận đã được học; vận dụng kiến thức lý thuyết đã học vào thực tế công tác kế toán tại cơ sở đồng thời giúp người học rèn luyện kĩ năng chuyên môn, nghiệp vụ mang tính chất tổng hợp để có khả năng thực hiện tốt các công việc trong thực tế nghề nghiệp ngành kế toán.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu đối với người học** | **Thời gian, địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Nội dung 1: Khảo sát về đơn vị thực tập** | **50** |  |  |  |
| Thực tập | 1.1. Những thông tin chung về đơn vị thực tập  1.2. Quá trình hình thành và phát triển của đơn vị thực tập  1.3. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị thực tập  1.4. Cơ cấu bộ máy kế toán của đơn vị thực tập  1.5. Nội dung công tác kế toán tại đơn vị thực tập  1.6. Viết báo cáo sơ lược sau 1 tuần thực tập | 50 | - Người học ghi chép đầy đủ các nội dung có liên quan, phục vụ cho việc viết báo cáo thu hoạch cá nhân và báo cáo khoa học | Theo kế hoạch thực tập;  Tại các cơ sở thực tập |  |
|  | **Tín chỉ 2 + 3** |  |  |  |  |
|  | **Thực tập về chuyên môn, nghiệp vụ** | **100** | ***Sinh viên có thể đăng ký thực tập tại bất kỳ một tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị nào có tổ chức công tác kế toán.*** | | |
|  | Người học lựa chọn một trong các chuyên đề thực tập sau:  - Kế toán vốn bằng tiền  - Kế toán các khoản phải thu  - Kế toán hàng tồn kho  - Kế toán tài sản cố định  - Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương  - Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm  - Kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh.  - Kế toán thu, chi và quyết toán hoạt động sự nghiệp (hoặc dự án, ngân sách, tài chính, SXKD, vốn đầu tư ...)  Nội dung thực hiện chuyên đề:  2.1. Cơ sở lý thuyết của chuyên đề nghiên cứu.  2.2. Đánh giá thực trạng vấn đề nghiên cứu  2.3. Đề xuất giải pháp từ vấn đề nghiên cứu | 100 | - Người học thực hành phần hành kế toán theo chuyên đề lựa chọn tại đơn vị thực tập, dưới sự hướng dẫn của người hướng dẫn thực tập.  - Người học thu thập, ghi chép các thông tin và số liệu thực tế phục vụ cho báo cáo thực tập. | Theo kế hoạch thực tập;  Tại các cơ sở thực tập |  |
|  | **Tín chỉ 4** |  |  |  |  |
|  | **Nội dung 4: Báo cáo thực tập tổng hợp** | **50** |  |  |  |
| Thực tập | 3.1. Báo cáo thực tập chuyên môn  3.1.1. Về hình thức  3.1.2. Kết cấu báo cáo  - Bìa chính  - Bìa phụ  - Mục lục  - Danh mục bảng  - Danh mục đồ thị, biểu đồ  - Danh mục các từ viết tắt  - Nội dung: gồm 03 phần  + PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ  1. Mục đích, ý nghĩa của thực tập  2. Tình hình chung của đơn vị thực tập  + PHẦN II. NỘI DUNG CHUYÊN ĐỀ  + PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT Ý KIẾN  - Danh mục tài liệu tham khảo  - Phụ lục  3.2. Hồ sơ thực tập  - Nhật ký thực tập (ghi chép hàng ngày).  - Phiếu nhận xét quá trình thực tập của cơ quan, đơn vị nơi người học thực tập.  - Phiếu đánh giá quá trình thực tập.  - Báo cáo kết quả thực tập (khoảng 40 trang A4). | 50 | - Người học có thể chọn 1 trong các nội dung phần hành kế toán để viết báo cáo thực tập.  - Sử dụng số liệu thu thập được tại cơ sở thực tập để viết báo cáo.  - Thực hiện theo hướng dẫn của GVHD thực tập.  - Thực hiện theo yêu cầu, kế hoạch của Khoa và Nhà trường. | Theo kế hoạch thực tập;  Tại các cơ sở thực tập, Ở nhà, thư viện |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] PGS.TS. Trương Thị Thủy, PGS.TS. Ngô Thị Thu Hồng (2019) *Giáo trình Kế toán tài chính*, NXB Tài chính;

[2] Phạm Văn Liên, Ngô Thanh Hoàng (2019), Giáo trình Kế toán hành chính sự nghiệp, NXB Tài Chính, Hà Nội.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[3] Bộ Tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp* (quyển 1 và quyển 2), NXB Lao động xã hội;

[4] Bộ Tài chính (2017), *Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp*, NXB Tài chính.

[5] Bộ Tài chính (2016), *Hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa*, NXB Tài chính;

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Người hướng dẫn (giờ)** | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lí thuyết** | **Kiểm tra** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận** |
| 1 |  |  |  | 40 |  |
| 2 |  |  |  | 40 |  |
| 3 |  |  |  | 40 |  |
| 4 |  |  |  | 40 |  |
| 5 |  |  |  | 40 |  |
| **Tổng** |  |  |  | **200** |  |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

11.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Điểm thực tập của sinh viên được tính theo công thức (ĐTT )

**ĐTT = 40% x ĐQTTT + 60 % x ĐBCTT**

Điểm quá trình thực tập của sinh viên được tính theo thang điểm 10 là điểm của người hướng dẫn ở cơ sở thực tập, hoặc GVHD thực tập (ĐQTTT);

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Điểm tối đa** |
| Ý thức chấp hành nội quy, kỷ luật tại đơn vị thực tập | 2,0 |
| Tinh thần trách nhiệm, thái độ đối với công việc | 2,0 |
| Khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn đã học vào thực tiễn | 2,0 |
| Kết quả hoàn thành thực tập theo đề cương chi tiết | 4,0 |
| **Tổng** | **10** |

Điểm báo cáo kết quả thực tập giáo trình được tính thang điểm 10 và do 02 giáo viên của khoa được phân công chấm điểm (ĐBCTT). Thang điểm áp dụng cho đánh giá báo cáo thực tập được quy định như sau:

| **Tiêu chí đánh giá** | | **Điểm tối đa** |
| --- | --- | --- |
| Hình thức | Trình bày đúng định dạng, không có lỗi đánh máy, lỗi chính tả | 1,0 |
| Nội dung | Bố cục báo cáo thực tập đầy đủ theo mẫu | 2,0 |
| Nội dung từng phần cụ thể đáp ứng theo đúng yêu cầu của báo cáo thực tập (báo cáo chuyên đề). | 3,0 |
| Có dẫn chứng về số liệu, sơ đồ, hình ảnh minh họa và đảm bảo tính chính xác | 4,0 |
| **Tổng** | | **10** |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Thực tập 2

Mã học phần: KT2.1.038.4

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 4

- Loại học phần: Bắt buộc

- Yêu cầu đầu vào: Thực tập 1

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

+ Thực tập: 200 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 0 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | TS. Trần Thị Diên | 0987.578.358 | tranthidien1979@yahoo.com |
| 2 | ThS. Đinh Thị Lan | 0987.423.415 | [landtl17a.hua@gmail.com](mailto:landtl17a.hua@gmail.com) |
| 3 | ThS. Đỗ Thị Mỹ Huyền | 0975.295.459 | [dothimyhuyen@gmail.com](mailto:dothimyhuyen@gmail.com) |
| 4 | ThS. Nguyễn Thị Kim Ngân | 0988798307 | [ngankim30788@gmail.com](mailto:ngankim30788@gmail.com) |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:* Mục tiêu của học phần này nhằm phát triển khả năng của người học trong việc vận dụng các kiến thức chuyên ngành đã học để thực hiện được được quy trình cơ bản của công việc kế toán thực tế tại cơ sở thực tập.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt 1: Khái quát được các những thông tin cơ bản và quy trình hạch toán kế toán tại đơn vị thực tập.

Mt 2: Có khả năng thu thập được các thông tin số liệu để phục vụ viết báo cáo thực tập theo yêu cầu.

Mt 3: Vận dụng được kiến thức đã học để thực hành, thực tế hạch toán kế toán tại đơn vị thực tập.

Mt 4: Rèn luyện kỹ năng làm việc trong các nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác kế toán tại đơn vị thực tập.

Mt 5: Thể hiện động cơ học tập đúng đắn, có ý thức trách nhiệm, khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.038.4 | Thực tập 2 | **CĐR 1** | **CĐR 2** | **CĐR 3** | **CĐR 4** | **CĐR 5** | **CĐR 6** |
|  |  |  |  |  |  |
| **CĐR 7** | **CĐR 8** | **CĐR 9** | **CĐR 10** | **CĐR 11** | **CĐR 12** |
| **3** |  | **3** |  |  | **3** |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của học phần** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Khái quát được những thông tin chung về đơn vị thực tập. | CĐR 7 |
| Ch2: Mô tả được quy trình hạch toán kế toán tại đơn vị thực tập | CĐR 7 |
| Mt2 | Ch3: Thu thập được các thông tin, số liệu kế toán tại đơn vị thực tập phục vụ cho việc viết báo cáo. | CĐR 7 |
| Ch4: Diễn giải được nội dung, kết cấu báo cáo chuyên đề thực tập. | CĐR 7 |
| **Kỹ năng** | | |
| Kỹ năng cứng | | |
| Mt3 | Ch5: Vận dụng tốt những kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ vào việc thực hiện và đánh giá các vấn đề liên quan đến công việc thực tập, thực tế tại đơn vị. | CĐR 9 |
| Ch6: Thực hiện viết được một báo cáo khoa học về chuyên môn sau khi kết thúc đợt thực tập. | CĐR 9 |
| Kỹ năng mềm | | |
| Mt4 | Ch7: Rèn luyện kỹ năng làm việc trong các nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác kế toán trong doanh nghiệp (đơn vị HCSN); khả năng tiếp cận và khai thác các nguồn thông tin, thu thập, điều tra, tổng hợp số liệu. | CĐR 9 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt5 | Ch8: Thể hiện động cơ học tập đúng đắn, phương pháp làm việc khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp; ý thức trách nhiệm, khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp. | CĐR 12 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | | **Kỹ năng** | | | **Mức độ tự chủ và TN** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cứng** | | **Mềm** |
| **Chương** | **Nội dung** | **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch 3** | **Ch 4** | **Ch 5** | **Ch 6** | **Ch**  **7** | **Ch**  **8** |
| **Tín chỉ 1**  **Khảo sát về đơn vị thực tập** | 1.1. Những thông tin chung về dơn vị thực tập | 2 |  |  |  |  |  |  | 3 | Hướng dẫn thực tập |
| 1.2. Quá trình hình thành và phát triển của đơn vị thực tập | 2 |  |  |  |  |  |  | 3 |
| 1.3. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị thực tập | 2 |  |  |  |  |  |  | 3 |
| 1.4. Cơ cấu bộ máy kế toán của đơn vị thực tập | 2 |  |  |  |  |  |  | 3 |
| 1.5. Nội dung công tác kế toán tại đơn vị thực tập |  | 2 |  |  |  |  |  | 3 |
| 1.6. Viết báo cáo sơ lược sau 1 tuần thực tập |  |  |  | 2 |  |  | 3 | 3 |
| **Tín chỉ 2+3**  **Thực tập về chuyên môn, nghiệp vụ** | 2.1. Cơ sở lý thuyết của chuyên đề thực tập |  |  | 2 |  | 3 |  |  |  | Hướng dẫn thực tập |
| 2.2. Đánh giá thực trạng vấn đề nghiên cứu |  |  | 2 |  | 3 |  |  |  |
| 2.3. Đề xuất giải pháp từ vấn đề nghiên cứu |  |  | 2 |  | 3 |  |  |  |
| **Tín chỉ 4**  **Báo cáo thực tập tổng hợp** | 3.1. Báo cáo thực tập chuyên môn |  |  |  | 2 |  | 3 |  |  | Hướng dẫn thực tập |
| 3.2. Hồ sơ thực tập | 2 |  |  |  |  |  | 3 |  |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần giúp người học củng cố những kiến thức lí luận đã được học; vận dụng kiến thức lý thuyết đã học vào thực tế công tác kế toán tại cơ sở đồng thời giúp người học rèn luyện kĩ năng chuyên môn, nghiệp vụ mang tính chất tổng hợp để có khả năng thực hiện tốt các công việc trong thực tế nghề nghiệp ngành kế toán.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số tiết** | **Yêu cầu đối với người học** | **Thời gian, địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Nội dung 1: Khảo sát về đơn vị thực tập** | **50** |  |  |  |
| Thực tập | 1.1. Những thông tin chung về đơn vị thực tập  1.2. Quá trình hình thành và phát triển của đơn vị thực tập  1.3. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị thực tập  1.4. Cơ cấu bộ máy kế toán của đơn vị thực tập  1.5. Nội dung công tác kế toán tại đơn vị thực tập  1.6. Viết báo cáo sơ lược sau 1 tuần thực tập. | 50 | - Người học ghi chép đầy đủ các nội dung có liên quan, phục vụ cho việc viết báo cáo thực tập. | Theo kế hoạch thực tập;  Tại các cơ sở thực tập |  |
|  | **Tín chỉ 2 + 3** |  |  |  |  |
|  | **Thực tập về chuyên môn, nghiệp vụ** | **100** | ***Sinh viên có thể thực tập tại bất kỳ một tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị nào có tổ chức công tác kế toán.*** | | |
|  | Người học lựa chọn một trong các chuyên đề thực tập sau:  Chuyên đề 1: Kế toán nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ.  Chuyên đề 2: Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.  Chuyên đề 3: Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.  Chuyên đề 4: Kế toán tiêu thụ sản phẩm và xác định kết quả kinh doanh.  Chuyên đề 5: Kế toán thu, chi và quyết toán kinh phí hoạt động tại đơn vị.  Nội dung thực hiện chuyên đề:  2.1. Cơ sở lý thuyết của chuyên đề nghiên cứu.  2.2. Đánh giá thực trạng vấn đề nghiên cứu  2.3. Đề xuất giải pháp từ vấn đề nghiên cứu | 100 | - Người học thực hành phần hành kế toán theo chuyên đề lựa chọn tại đơn vị thực tập, dưới sự hướng dẫn của người hướng dẫn thực tập.  - Người học thu thập, ghi chép các thông tin và số liệu thực tế phục vụ cho báo cáo thực tập. | Theo kế hoạch thực tập;  Tại các cơ sở thực tập |  |
|  | **Tín chỉ 4** |  |  |  |  |
|  | **Nội dung 4. Báo cáo thực tập tổng hợp** | **50** |  |  |  |
| Thực tập | 3.1. Báo cáo thực tập chuyên môn  3.1.2. Về hình thức:  + Báo cáo **“**Thực tập tốt nghiệp ” được in trên một mặt khổ giấy A4, đóng bìa mềm;  + Trang bìa (có logo của trường Đại học Tân Trào; giấy bìa màu, đóng bìa plastic ở ngoài);  + Trang phụ bìa (hình thức giống trang bìa, in trên khổ giấy A4);  + Lời cam đoan;  + Lời cảm ơn;  + Mục lục  + Danh mục chữ viết tắt trong báo cáo;  + Danh mục bảng, sơ đồ;  3.1.2. Về nội dung:  + Lời mở đầu (Tính cấp thiết của chuyên đề; mục đích nghiên cứu; phạm vi nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu và kết cấu Báo cáo thực tập tốt nghiệp);  + Các chương của báo cáo theo nội dung từng chuyên đề.  + Kết luận  + Kiến nghị (Nếu có);  + Phụ lục (Nếu có);  + Danh mục tài liệu tham khảo;  3.1.3.Về thời hạn và yêu cầu nộp Báo cáo tốt nghiệp: (theo kế hoạch thực tập).  3.2. Hồ sơ thực tập  - Nhật ký thực tập (ghi chép hàng ngày)  - Phiếu nhận xét quá trình thực tập của cơ quan, đơn vị nơi người học thực tập  - Phiếu đánh giá quá trình thực tập.  - Báo cáo kết quả thực tập (khoảng 80 trang A4). | 50 | - Người học có thể chọn 1 trong các nội dung chuyên đề đã thực hành tại tín chỉ 2,3 để viết báo chuyên đề chuyên môn)  - Bám sát đề cương chi tiết của chuyên đề do Khoa xây dựng để thực hiện viết chuyên đề thực tập  - Sử dụng số liệu thu thập được tại cơ sở thực tập để viết báo cáo.  - Thực hiện theo hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn thực tập.  - Thực hiện theo yêu cầu, kế hoạch của Khoa, nhà trường. | Theo kế hoạch thực tập;  Tại các cơ sở thực tập, Ở nhà, thư viện |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] PGS.TS. Trương Thị Thủy, PGS.TS. Ngô Thị Thu Hồng (2019) *Giáo trình Kế toán tài chính*, NXB Tài chính;

[2] Phạm Văn Liên, Ngô Thanh Hoàng (2019), Giáo trình Kế toán hành chính sự nghiệp, NXB Tài Chính, Hà Nội.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[3] Bộ Tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp* (quyển 1 và quyển 2), NXB Lao động xã hội;

[4] Bộ Tài chính (2017), *Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp*, NXB Tài chính.

[5] Bộ Tài chính (2016), *Hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa*, NXB Tài chính.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Người hướng dẫn (giờ)** | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lí thuyết** | **Kiểm tra** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận** |
| 1 |  |  |  | 40 |  |
| 2 |  |  |  | 40 |  |
| 3 |  |  |  | 40 |  |
| 4 |  |  |  | 40 |  |
| 5 |  |  |  | 40 |  |
| **Tổng** |  |  |  | **200** |  |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

11.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Điểm thực tập của sinh viên được tính theo công thức (ĐTT )

**ĐTT = 40% x ĐQTTT + 60 % x ĐBCTT**

Điểm quá trình thực tập của sinh viên được tính theo thang điểm 10 là điểm của người hướng dẫn ở cơ sở thực tập, hoặc GVHD thực tập (ĐQTTT);

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Điểm tối đa** |
| Ý thức chấp hành nội quy, kỷ luật tại đơn vị thực tập | 2,0 |
| Tinh thần trách nhiệm, thái độ đối với công việc | 2,0 |
| Khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn đã học vào thực tiễn | 2,0 |
| Kết quả hoàn thành thực tập theo đề cương chi tiết | 4,0 |
| **Tổng** | **10** |

Điểm báo cáo kết quả thực tập giáo trình được tính thang điểm 10 và do 02 giáo viên của khoa được phân công chấm điểm (ĐBCTT).

Thang điểm áp dụng cho đánh giá báo cáo thực tập được quy định như sau:

| **Tiêu chí đánh giá** | | **Điểm tối đa** |
| --- | --- | --- |
| Hình thức | Trình bày đúng định dạng, không có lỗi đánh máy, lỗi chính tả | 1,0 |
| Nội dung | Bố cục báo cáo thực tập đầy đủ theo mẫu | 2,0 |
| Nội dung từng phần cụ thể đáp ứng theo đúng yêu cầu của báo cáo thực tập (báo cáo chuyên đề). | 3,0 |
| Có dẫn chứng về số liệu, sơ đồ, hình ảnh minh họa và đảm bảo tính chính xác | 4,0 |
| **Tổng** | | **10** |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Kế toán ngân hàng thương mại

Mã học phần: KT2.1.041.2

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 02

- Loại học phần: Tự chọn (Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp)

- Yêu cầu đầu vào: Nguyên lý kế toán

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

+ Học lý thuyết trên lớp: 15 giờ

+ Bài tập trên lớp: 14 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 1 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 70 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | TS. Phạm Duy Hưng | 0965.522.368 | [pdhung@tqu.edu.vn](mailto:pdhung@tqu.edu.vn) |
| 2 | ThS. Phạm Thanh Trà | 0967.654.082 | [phamtra88@gmail.com](mailto:Phamtra88@gmail.com) |
| 3 | TS. Nguyễn Thị Kim Ngân | 0988.798.307 | [ngankim30788@gmail.com](mailto:ngankim30788@gmail.com) |
| 4 | ThS. Đỗ Thị Mỹ Huyền | 0975.295.459 | [dothimyhuyen@gmail.com](mailto:dothimyhuyen@gmail.com) |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:* Phát triển khả năng của người học trong việc vận dụng các nguyên lý kế toán để hạch toán các nghiệp vụ cơ bản tại ngân hàng thương mại. Đồng thời, vận dụng các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành để phản ánh các nghiệp vụ phát sinh trong hoạt động kinh doanh của một Ngân hàng thương mại.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt 1: Khái quát được những vấn đề cơ bản về kế toán Ngân hàng thương mại cũng như các nghiệp vụ kế toán ngân hàng cơ bản.

Mt 2: Giải thích được nguyên tắc, phương pháp, quy trình hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu

Mt 3: Áp dụng các nguyên tắc để hạch toán kế toán các nghiệp vụ chủ yếu.

Mt 4: Rèn luyện kỹ năng tư duy logic, phân tích, lập luận; tra cứu và khai thác tài liệu liên quan; kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình.

Mt 5: Có động cơ học tập đúng đắn, có ý thức trách nhiệm, khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.041.2 | Kế toán ngân hàng thương mại | **CĐR 1** | **CĐR 2** | **CĐR 3** | **CĐR 4** | **CĐR 5** | **CĐR 6** |
|  |  | 2 |  |  | 2 |
| **CĐR 7** | **CĐR 8** | **CĐR 9** | **CĐR 10** | **CĐR 11** | **CĐR 12** |
|  |  |  |  |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của học phần** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Khái quát được những vấn đề cơ bản về kế toán Ngân hàng thương mại cũng như các nghiệp vụ kế toán ngân hàng cơ bản | CĐR 3 |
| Ch2: Phân biệt giữa Kế toán Ngân hàng thương mại và kế toán doanh nghiệp trên các mặt chủ yếu sau: về đối tượng, đặc điểm, tài khoản, chứng từ sử dụng | CĐR 3 |
| Mt2 | Ch3: Giải thích được nguyên tắc, phương pháp, quy trình hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu | CĐR 3 |
| Ch4: Xác định được kết quả hoạt động kinh doanh trong ngân hàng thương mại. | CĐR 3 |
| **Kỹ năng** | | |
| ***Kỹ năng cứng*** | | |
| Mt3 | Ch5: Thực hiện được quy trình hạch toán kế toán các nghiệp vụ chủ yếu tại ngân hàng thương mại theo đúng nguyên tắc và phương pháp kế toán hiện hành | CĐR 6 |
| Ch6: Vận dụng được các kiến thức để xác định được các chứng từ, sổ kế toán liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đối với các phần hành kế toán trong ngân hàng thương mại đúng nguyên tắc và phương pháp kế toán hiện hành | CĐR 6 |
| ***Kỹ năng mềm*** | | |
| Mt4 | Ch7: Có kỹ năng tư duy, phân tích và kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; làm việc độc lập và làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu. | CĐR 6 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt5 | Ch8: Nhận thức được vai trò của học phần trong hệ thống các học phần phục vụ chung cho chuyên ngành để xác định đúng ý thức học tập. Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng phục vụ cho công việc liên quan đến lĩnh vực ngân hàng. | CĐR 6 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | | **Kỹ năng** | | | **Mức độ tự chủ và TN** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cứng** | | **Mềm** |
| **Chương** | **Nội dung** | **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch 3** | **Ch 4** | **Ch 5** | **Ch 6** | **Ch 7** | **Ch 8** |
| **Chương 1:**  **Tổng quan về kế toán ngân hàng thương mại** | 1.1. Một số vấn đề cơ bản về kế toán ngân hàng thương mại | 1 |  |  |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình, đàm thoại, tổ chức học tập theo nhóm, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu |
| 1.2. Chứng từ kế toán ngân hàng |  | 2 |  |  |  |  |  |  |
| 1.3. Tài khoản và hệ thống tài khoản kế toán ngân hàng thương mại |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |
| 1.4. Tổ chức bộ máy kế toán ngân hàng thương mại |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |
| 1.5. Các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán áp dụng trong kế toán ngân hàng thương mại | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Chương 2:**  **Kế toán vốn huy động của ngân hàng thương mại** | 2.1. Khái quát về nghiệp vụ huy động vốn của ngân hàng thương mại |  |  | 1 |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu |
| 2.2. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả lãi trong kế toán vốn huy động của ngân hàng thương mại |  |  | 1 |  |  |  |  | 2 |
| 2.3. Chứng từ và tài khoản kế toán |  |  |  |  | 2 |  |  | 2 |
| 2.4. Kế toán vốn huy động của ngân hàng thương mại |  |  | 2 |  | 2 |  |  |  |
|  | 3.1.Khái quát về nghiệp vụ cấp tín dụng và kế toán nghiệp vụ cấp tín dụng của ngân hàng thương mại |  |  | 2 |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu |
| **Chương 3: Kế toán nghiệp vụ cấp tín dụng của ngân hàng thương mại** | 3.2.Nguyên tắc hạch toán lãi trong nghiệp vụ cấp tín dụng của ngân hàng thương mại |  |  | 3 |  |  |  |  | 3 |
| 3.3. Chứng từ và tài khoản kế toán |  |  | 2 |  | 2 |  |  |  |
| 3.4. Kế toán nghiệp vụ cấp tín dụng của ngân hàng thương mại |  |  | 2 |  | 2 |  |  |  |
| 3.5. Kế toán trích lập, sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng và xử lý tài sản đảm bảo |  |  | 2 |  | 2 |  |  |  |
| 3.2. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm |  |  | 2 |  | 2 |  |  |  |
| **Chương 4: Kế toán vốn chủ sở hữu, tài sản cố định, công cụ dụng cụ và vật liệu của ngân hàng thương mại** | 4.1. Kế toán vốn chủ sở hữu của ngân hàng thương mại |  |  | 2 |  | 2 |  |  |  | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu |
| 4.2. Kế toán tài sản cố định, công cụ dụng cụ và vật liệu của ngân hàng thương mại |  |  | 2 |  | 2 |  |  |  |
| **Chương 5:**  **Kế toán nghiệp vụ ngân quỹ và thanh toán qua ngân hàng** | 5.1. Kế toán nghiệp vụ ngân quỹ |  |  | 2 |  |  |  | 2 |  | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu |
| 5.2. Kế toán nghiệp vụ thanh toán của ngân hàng thương mại |  |  | 2 |  |  | 2 |  |  |
| 5.3. Kế toán thanh toán liên ngân hàng |  |  | 2 |  |  | 2 |  |  |
| **Chương 6:**  **Kế toán thu nhập – chi phí và xác định kết quả kinh doanh** | 6.1. Khái quát các khoản thu nhập, chi phí của ngân hàng thương mại |  |  |  | 1 | 2 |  |  |  | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu |
| 6.2. Kế toán thu nhập chi phí và xác định kết quả kinh doanh của ngân hàng thương mại |  |  |  | 2 |  |  |  | 2 |
| 6.3. Kế toán chi phí thuế của ngân hàng thương mại |  |  |  | 2 |  |  |  | 2 |
| 6.4.Kế toán xác định kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận của ngân hàng thương mại |  |  |  | 2 |  |  | 2 |  |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Kế toán Ngân hàng thương mại cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về tổ chức công tác kế toán trong ngân hàng thương mại, kế toán các nghiệp vụ chủ yếu trong ngân hàng thương mại như: Kế toán huy động vốn, kế toán cấp tín dụng, kế toán vốn chủ sở hữu, tài sản cố định, công cụ dụng cụ và vật liệu, kế toán nghiệp vụ ngân quỹ và thanh toán qua ngân hàng, kế toán thu nhập – chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu đối với sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Chương 1:**  **Tổng quan về kế toán ngân hàng thương mại** | **15** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Một số vấn đề cơ bản về kế toán ngân hàng thương mại  1.2. Chứng từ kế toán ngân hàng  1.3. Tài khoản và hệ thống tài khoản kế toán ngân hàng thương mại  1.4. Tổ chức bộ máy kế toán ngân hàng thương mại  1.5. Các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán áp dụng trong kế toán ngân hàng thương mại | 3 | Đọc học liệu số 1, chương 1 (mục 1.1-1.5) | Theo thời khóa biểu; trên lớp |  |
| Bài tập | - Bài tập trong học liệu số 2 (chương 1)  - Giải đáp các câu hỏi ôn tập chương 1 | 2 | Nắm vững kiến thức chương 1 để làm được bài tập | Theo thời khóa biểu; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng  **-** Câu hỏi ôn tập trong học liệu số 2 (chương 1) | 10 | Đọc học liệu, chỉ ra vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 2:**  **Kế toán vốn huy động của ngân hàng thương mại** | **18** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Khái quát về nghiệp vụ huy động vốn của ngân hàng thương mại  2.2. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả lãi trong kế toán vốn huy động của ngân hàng thương mại  2.3. Chứng từ và tài khoản kế toán  2.4. Kế toán vốn huy động của ngân hàng thương mại | 3 | Đọc học liệu số 1, chương 2 (mục 2.1-2.4) | Theo thời khóa biểu; trên lớp |  |
| Bài tập | - Bài tập trong học liệu số 2 (chương 2)  - Giải đáp các câu hỏi ôn tập chương 2 | 3 | Nắm vững kiến thức chương 2 | Theo thời khóa biểu; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Người học đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng làm các câu hỏi, bài tập.  - GV giao bài tập, chấm kết quả bài tập của người học. | 12 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp; Làm đầy đủ các bài tập GV giao về nhà theo yêu cầu | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 3:**  **Kế toán nghiệp vụ cấp tín dụng của ngân hàng thương mại** |  |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1.Khái quát về nghiệp vụ cấp tín dụng và kế toán nghiệp vụ cấp tín dụng của ngân hàng thương mại  3.2.Nguyên tắc hạch toán lãi trong nghiệp vụ cấp tín dụng của ngân hàng thương mại  3.3. Chứng từ và tài khoản kế toán  3.4. Kế toán nghiệp vụ cấp tín dụng của ngân hàng thương mại  3.5. Kế toán trích lập, sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng và xử lý tài sản đảm bảo | 2 | Đọc học liệu số 1, chương 3 (mục 3.1-3.5) | Theo thời khóa biểu; trên lớp |  |
| Bài tập, kiểm tra | - Bài tập trong học liệu số 2 (chương 3)  - Giải đáp các câu hỏi ôn tập chương 3  - Kiểm tra 1 tiết | 2 | Nắm vững kiến thức chương 3 | Theo thời khóa biểu; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Người học đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng làm các câu hỏi, bài tập.  - GV giao bài tập, chấm kết quả bài tập của người học. | 10 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp; Làm đầy đủ các bài tập GV giao về nhà theo yêu cầu | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |  |
|  | **Chương 4: Kế toán vốn chủ sở hữu, tài sản cố định, công cụ dụng cụ và vật liệu của ngân hàng thương mại** | **12** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1. Kế toán vốn chủ sở hữu của ngân hàng thương mại  4.2. Kế toán tài sản cố định, công cụ dụng cụ và vật liệu của ngân hàng thương mại | 2 | Đọc học liệu số 1, chương 4 (mục 4.1-4.2) | Theo TKB; trên lớp |  |
| Bài tập | - Bài tập trong học liệu số 2 (chương 4)  - Giải đáp các câu hỏi ôn tập chương 4 | 2 | Nắm vững kiến thức chương 4 | Theo TKB; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Người học đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng làm các câu hỏi, bài tập.  - GV giao bài tập, chấm kết quả bài tập của người học. | 8 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp; Làm đầy đủ các bài tập GV giao về nhà theo yêu cầu | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 5:**  **Kế toán nghiệp vụ ngân quỹ và thanh toán qua ngân hàng** | **15** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1. Kế toán nghiệp vụ ngân quỹ  5.2. Kế toán nghiệp vụ thanh toán của ngân hàng thương mại  5.3. Kế toán thanh toán liên ngân hàng | 2 | Đọc học liệu số 1, chương 5 (mục 5.1-5.3) | Theo TKB; trên lớp |  |
| Bài tập | - Bài tập trong học liệu số 2 (chương 5)  - Giải đáp các câu hỏi ôn tập chương 5 | 3 | Nắm vững kiến thức chương 5 | Theo TKB; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Người học đọc phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được kiến thức sau bài giảng làm các câu hỏi, bài tập.  - GV giao bài tập, chấm kết quả bài tập của người học. | 10 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp; Làm các bài tập GV giao về nhà theo yêu cầu | Thư viện, ở nhà |  |
|  | **Chương 6:**  **Kế toán thu nhập – chi phí và xác định kết quả kinh doanh** | **23** |  |  |  |
| Lý thuyết | 6.1. Khái quát các khoản thu nhập, chi phí của ngân hàng thương mại  6.2. Kế toán thu nhập, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của ngân hàng thương mại  6.3. Kế toán chi phí thuế của ngân hàng thương mại  6.4.Kế toán xác định kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận của ngân hàng thương mại | 3 | Đọc học liệu số 1, chương 6 (mục 6.1-6.4) | Theo thời khóa biểu; trên lớp |  |
| Bài tập | - Bài tập trong học liệu số 2 (chương 6)  - Giải đáp các câu hỏi ôn tập chương 6 | 3 | Nắm vững kiến thức chương 6 | Theo TKB; trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Vận dụng được kiến thức sau bài giảng làm bài tập  **-** Câu hỏi ôn tập trong học liệu số 2 (chương 6) | 17 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp | Thư viện, ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Nguyễn Văn Lộc, Hà Minh Sơn (2019), *Giáo trình Kế toán ngân hàng thương mại*, NXB Tài chính, Hà Nội.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Hà Minh Sơn (2008), *Bài tập kế toán ngân hàng thương mại,* NXB Tài chính, Hà Nội.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn** |
| 1 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 2 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 3 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 4 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 5 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 6 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 7 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 8 | 1 | 1 |  |  |  | 6 |
| 9 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 10 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 11 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 12 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 13 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 14 | 1 |  | 1 |  |  | 8 |
| 15 |  |  | 2 |  |  | 8 |
| **Tổng cộng** | **15** | **1** | **14** |  |  | **70** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

11.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng bài | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch7, Ch8 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thực hành, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Kiểm tra tự luận (01 bài) | 30% | - Chấm điểm bài kiểm tra với các tiêu chí: (i) Nội dung đầy đủ; (ii) Kết quả chính xác; (iii) Trình bày sạch đẹp. | Ch1 đến Ch8 | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Thi tự luận | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1 đến Ch8 | 10 |

**11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi**

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấu trúc đề thi** | **Thời gian làm bài** |
| - Đề thi gồm 3 câu:  + Câu 1 (3 điểm): Cấp độ nhớ và hiểu  + Câu 2 (3 điểm): Cấp độ áp dụng và phân tích  + Câu 3 (4 điểm): Cấp độ áp dụng và phân tích  Mỗi đề thi đều có nội dung câu hỏi tương ứng tín chỉ 1,2.  - Cấp độ nhận thức: 30% nhớ và hiểu ; 70% áp dụng và phân tích | 60 phút |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO**  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

# Tên học phần: Kế toán ngân sách nhà nước và nghiệp vụ kho bạc

Mã học phần: KT2.1.153.2

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 02

- Loại học phần: Tự chọn

- Điều kiện tiên quyết: KT2.1.005.3

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 15 giờ

+ Bài tập trên lớp: 14 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 1 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 70 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | ThS. Trần Nguyễn Thu Trang | 0912447769 | trang.tnt.cdtq@gmail.com |
| 2 | ThS. Nguyễn Thị Kim Ngân | 0988.798.307 | ntkngan@tqu.edu.vn |
| 3 | ThS. Phạm Thanh Trà | 0967654082 | [phamtra88@gmail.com](mailto:phamtra88@gmail.com) |
| 4 | Th.S Đỗ Thị Mỹ Huyền | 0975.295.459 | [dothimyhuyen@gmail.com](mailto:dothimyhuyen@gmail.com) |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

- *Mục tiêu chung*: Sau khi hoàn thành học phần, người học được cung cấp những kiến thức cơbản về vai trò, nhiệm vụ cũng như nội dung công tác kế toán NSNN và nghiệp vụ KBNN. Từ đó giúp người học hiểu và có khả năng thực hiện được công việc kế toán NSNN và nghiệp vụ KBNN tại các cơ quan KBNN và cơ quan Tài chính.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt 1: Xác định được những vấn đề cơ bản trong tổ chức công tác kế toán NSNN và nghiệp vụ KBNN. Khái quát được những kiến thức liên quan đến các phần hành kế toán NSNN và nghiệp vụ KBNN.

Mt 2: Vận dụng được các kiến thức để thực hiện được công việc kế toán NSNN và nghiệp vụ KBNN tại các cơ quan KBNN và cơ quan Tài chính. Rèn luyện kỹ năng tư duy logic, phân tích, lập luận; tra cứu và khai thác tài liệu liên quan; kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình.

Mt 3: Luôn lắng nghe, có thể tranh luận và giải thích, từ đó bày tỏ quan điểm cá nhân về các nội dung của môn học, trên cơ sở đó, kết nối và điều chỉnh để phát triển quan điểm bản thân trong học tập và công việc sau khi tốt nghiệp.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.153.2 | Kế toán ngân sách nhà nước và nghiệp vụ kho bạc | **CĐR 1** | **CĐR 2** | **CĐR 3** | **CĐR 4** | **CĐR 5** | **CĐR 6** |
|  |  | **2** |  |  | **2** |
| **CĐR 7** | **CĐR 8** | **CĐR 9** | **CĐR 10** | **CĐR 11** | **CĐR 12** |
|  |  |  |  |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của học phần** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Khái quát được khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ của kế toán NSNN và nghiệp vụ KBNN. Xác định được nội dung của việc tổ chức công tác kế toán NSNN và nghiệp vụ KBNN. | CĐR 3 |
| Ch2: Giải thích được nguyên tắc, nội dung và phương pháp kế toán NSNN và nghiệp vụ KBNN. Diễn giải được nguyên tắc, kết cấu, nội dung và phương pháp tiến hành lập một số loại báo cáo kế toán NSNN và nghiệp vụ KBNN. | CĐR 3 |
| **Kỹ năng** | | |
| Kỹ năng cứng | | |
| Mt2 | Ch3: Vận dụng được các nguyên tắc và phương pháp kế toán để định khoản, lập các chứng từ, ghi sổ sách kế toán có liên đến các phần hành kế toán. Thực hiện được lập các báo cáo kế toán NSNN và nghiệp vụ KBNN. | CĐR 6 |
| Kỹ năng mềm | | |
| Mt2 | Ch4: Có kỹ năng tư duy, phân tích và kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; làm việc độc lập và làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu. | CĐR 6 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt3 | Ch5: Luôn lắng nghe, có thể tranh luận và giải thích, từ đó bày tỏ quan điểm cá nhân về các nội dung của môn học, trên cơ sở đó, kết nối và điều chỉnh để phát triển quan điểm bản thân trong học tập và công việc sau khi tốt nghiệp. | CĐR 6 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo.***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | **Kỹ năng** | | **Mức độ TC và TN** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cứng** | **Mềm** |
| **Chương** | **Nội dung** | **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch 3** | **Ch 4** | **Ch 5** |
| **Chương 1: Những vấn đề chung về kế toán NSNN và nghiệp vụ KBNN** | 1.1.Đối tượng, nhiệm vụ của kế toán NSNN và nghiệp vụ KBNN | 1 |  |  |  | 2 | Thuyết trình; Đàm thoại |
| 1.2.Tổ chức công tác kế toán NSNN và nghiệp vụ KBNN |  | 1 |  |  | 2 |
| 1.3.Tổ chức bộ máy kế toán và kiểm tra công tác kế toán |  | 1 |  |  | 2 |
| **Chương 2: Kế toán vốn bằng tiền và thanh toán không dùng tiền mặt** | 2.1.Yêu cầu kế toán vốn bằng tiền | 1 |  |  |  | 2 | Thuyết trình; Giải quyết vấn đề |
| 2.2. Kế toán tiền mặt |  | 2 | 2 | 2 | 2 |
| 2.3.Kế toán tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam |  | 2 | 2 | 2 | 2 |
| 2.4.Kế toán thanh toán không dùng tiền mặt |  | 2 | 2 | 2 | 2 |
| **Chương 3: Kế toán ngân sách nhà nước** | 3.1.Kế toán thu NSNN |  | 2 | 2 | 2 | 2 | Thuyết trình; Giải quyết vấn đề |
| 3.2.Kế toán dự toán chi NSNN |  | 2 | 2 | 2 | 2 |
| 3.3.Kế toán chi NSNN |  | 2 | 2 | 2 | 2 |
| 3.4.Kế toán ghi thu, ghi chi NSNN |  | 2 | 2 | 2 | 2 |
| 3.5.Kế toán cân đối thu chi NSNN |  | 2 | 2 | 2 | 2 |
| **Chương 4: Kế toán vay nợ, nhận viện trợ của nhà nước qua KBNN** | 4.1.Những vấn đề chung về kế toán vay nợ, nhận viện trợ | 1 |  |  |  | 2 | Thuyết trình; Giải quyết vấn đề |
| 4.2.Kế toán vay nợ trong nước |  | 2 | 2 | 2 | 2 |
| 4.3.Kế toán vay nợ nước ngoài |  | 2 | 2 | 2 | 2 |
| 4.4.Kế toán nhận viện trợ nước ngoài |  | 2 | 2 | 2 | 2 |
| **Chương 5: Kế toán tiền gửi và các quỹ tài chính tại KBNN** | 5.1.Những vấn đề chung về kế toán tiền gửi và các quỹ tài chính tại KBNN | 1 |  |  |  | 2 | Thuyết trình; Giải quyết vấn đề |
| 5.2.Kế toán tiền gửi đơn vị tại KBNN |  |  | 2 | 2 | 2 |
| 5.3. Kế toán tiền gửi các quỹ tài chính tại KBNN |  |  | 2 | 2 | 2 |
| **Chương 6: Báo cáo tài chính** | 6.1.Báo cáo tài chính |  |  | 2 | 2 | 2 | Thuyết trình; Đàm thoại |
| 6.2. Báo cáo nhanh và báo cáo cân đối ngân sách |  |  | 2 | 2 | 2 |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Kế toán NSNN và nghiệp vụ KBNN là môn khoa học cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về kế toán quỹ NSNN và kế toán nghiệp vụ KBNN bao gồm: Kế toán vốn bằng tiền và thanh toán không dùng tiền mặt; Kế toán thu NSNN; Kế toán dự toán chi NSNN; Kế toán chi NSNN, Kế toán ghi thu, ghi chi và Cân đối thu chi NSNN; Kế toán vay nợ, viện trợ của nhà nước qua KBNN; Kế toán tiền gửi và các quỹ tài chính tại KBNN. Đồng thời, trang bị cho người học những kiến thức về báo cáo tài chính.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu**  **đối với**  **sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Chương 1: Những vấn đề chung về kế toán NSNN và nghiệp vụ KBNN** | **14** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1.Đối tượng, nhiệm vụ của kế toán NSNN và nghiệp vụ KBNN  1.2.Tổ chức công tác kế toán NSNN và nghiệp vụ KBNN  1.3.Tổ chức bộ máy kế toán và kiểm tra công tác kế toán | 2 | - Đọc học liệu số 1: chương 1(các mục 1.1-1.3);  - Chuẩn bị các vấn đề theo nội dung của tuần 1. | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập | - Câu hỏi ôn tập chương 1. | 1 | Nắm vững lý thuyết để làm bài tập | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 11 | Đọc học liệu, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 2: Kế toán vốn bằng tiền và thanh toán không dùng tiền mặt** | **18** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1.Yêu cầu kế toán vốn bằng tiền  2.2.Kế toán tiền mặt  2.3.Kế toán tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam  2.4.Kế toán thanh toán không dùng tiền mặt | 3 | - Đọc học liệu số 1: chương 2 (các mục 2.1-2.4);  - Chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của GV | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập | - Bài tập chương 2. | 3 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 12 | Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 3: Kế toán ngân sách nhà nước** | **18** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1.Kế toán thu NSNN  3.2.Kế toán dự toán chi NSNN  3.3.Kế toán chi NSNN  3.4.Kế toán ghi thu, ghi chi NSNN  3.5.Kế toán cân đối thu chi NSNN | 3 | - Đọc học liệu số 1: Chương 3 (các mục 3.1-3.5)  - Chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của GV | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập | - Bài tập chương 3.  - Kiểm tra giữa kỳ 1 tiết | 3 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập | 12 | Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |  |
|  | **Chương 4: Kế toán vay nợ, nhận viện trợ của nhà nước qua KBNN** | **15** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1.Những vấn đề chung về kế toán vay nợ, nhận viện trợ  4.2.Kế toán vay nợ trong nước  4.3.Kế toán vay nợ nước ngoài  4.4.Kế toán nhận viện trợ nước ngoài | 2 | - Đọc học liệu số 1: Chương 4 (các mục 4.1-4.4)  - Chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của GV | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập | - Bài tập chương 4. | 2 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 11 | Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 5: Kế toán tiền gửi và các quỹ tài chính tại KBNN** | **18** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1.Những vấn đề chung về kế toán tiền gửi và các quỹ tài chính tại KBNN  5.2.Kế toán tiền gửi đơn vị tại KBNN  5.3.Kế toán tiền gửi các quỹ tài chính tại KBNN | 3 | - Đọc học liệu số 1: Chương 5 (các mục 5.1-5.3)  - Chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của GV | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập | - Bài tập chương 5. | 3 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 12 | Vận dụng lý thuyết để bài tập, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 6: Báo cáo tài chính** | **16** |  |  |  |
| Lý thuyết | 6.1.Báo cáo tài chính  6.2.Báo cáo nhanh và báo cáo cân đối ngân sách | 2 | - Đọc học liệu số 1: Chương 6 (các mục 6.1-6.2)  - Chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của GV | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập | - Bài tập chương 6 | 2 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập | 12 | Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Giáo trình bắt buộc**

[1] Phạm Văn Liên và Phạm Văn Đăng (2012), *Giáo trình kế toán NSNN và nghiệp vụ KBNN*, NXB Tài chính.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Ngô Thanh Hằng và Đào Thị Bích Hạnh (2012), *Câu hỏi, bài tập và thực hành môn kế toán ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ kho bạc nhà nước*, NXB Tài chính.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế thực tập, tiểu luận** |
| 1 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 2 | 1 |  | 1 |  |  | 3 |
| 3 | 2 |  |  |  |  | 3 |
| 4 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 5 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 6 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 7 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 8 | 1 | 1 |  |  |  | 5 |
| 9 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 10 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 11 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 12 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 13 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 14 | 1 |  |  |  |  | 5 |
| 15 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| **Tổng cộng** | **15** | **1** | **14** |  |  | **70** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia xây dựng bài | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch5 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Tự luận | 30% | (i) Nội dung đầy đủ; (ii) Kiến thức chính xác; (iii) Trình bày khoa học. Theo đáp án, thang điểm của giảng viên. | Từ Ch1 đến Ch5 | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Tự luận | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Từ Ch1 đến Ch5 | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi***

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấu trúc đề thi** | **Thời gian làm bài** |
| Đề thi gồm 2 câu:  Câu 1 (3 điểm): cấp độ nhớ và hiểu  Câu 2 (7 điểm):cấp độ áp dụng và phân tích  Cấp độ nhận thức: 30% nhớ và hiểu ; 70% áp dụng và phân tích. | 60 phút |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Kế toán quốc tế

Mã học phần: KT2.1.042.2

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 02

- Loại học phần: Học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp

- Yêu cầu đầu vào (Điều kiện tiên quyết): Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

+ Học lý thuyết trên lớp: 15 giờ

+ Bài tập trên lớp: 14 giờ

+ Kiểm tra trên lớp : 01 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 70 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | ThS. Trần Nguyễn Thu Trang | 0912447769 | [trang.tnt.cdtq@gmail.com](file:///D:\Cherry\2022=2023\Điều%20chỉnh%20CTĐT\ĐCCT\Kế%20toán%202022\Kế%20toán%20(21.8)\trang.tnt.cdtq@gmail.com) |
| 2 | TS. Đỗ Hải Yến | 0987423415 | landtl17a.hua@gmail.com |
| 3 | TS. Trần Thị Diên | 0987578358 | tranthidien1979@gmail.com |
| 4 | ThS. Nguyễn Quốc Huy | 0983722236 | [thucchithucanh@gmail.com](mailto:thucchithucanh@gmail.com) |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:* Sau khi học xong học phần này, người học sẽ có những kiến thức cơ bảnvềchuẩn mực quốc tế trong kế toán, thực hiện được các phần hành kế toán và báo cáo tài chính trong sự tương quan với chuẩn mực kế toán Việt Nam.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt 1: Khái quát được tổng quan về hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế.

Mt 2: Vận dụng kiến thức để thực hiện các phần hành kế toán trong doanh nghiệp trên cơ sở các chuẩn mực quốc tế về kế toán.

Mt 3: Có động cơ học tập đúng đắn, có ý thức trách nhiệm, khả năng tự tích lũy kiến thức để hình thành kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình học tập và hành nghề kế toán trong thời kỳ hội nhập.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.042.2 | Kế toán quốc tế | CĐR 1 | CĐR 2 | CĐR 3 | CĐR 4 | CĐR 5 | CĐR 6 |
|  |  | **2** |  |  |  |
| CĐR 7 | CĐR 8 | CĐR 9 | CĐR 10 | CĐR 11 | CĐR 12 |
|  |  |  |  |  | 2 |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của HP** | **CĐR của CTĐT** |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Hiểu được tổng quanchuẩn mực quốc tế về kế toán và hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế. | CĐR 3 |
| Mt2 | Ch2: Khái quát được những nội dung kiến thức về các phần hành kế toán cơ bản. |
| Ch3: Diễn giải các nội dung về các báo cáo tài chính doanh nghiệp trong hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế. |
| **Kỹ năng** | | |
| ***Kỹ năng cứng*** | | |
| Mt2 | Ch4: Vận dụng linh hoạt và đúng quy định các chuẩn mực kế toán quốc tế và so sánh được sự giống và khác nhau về một số chuẩn mực kế toán quốc tế và chuẩn mực kế toán Việt Nam. | CĐR 3 |
| ***Kỹ năng mềm*** |
| Ch5: Sử dụng các kỹ năng mềm trong phân tích các chuẩn mực kế toán quốc tế vào nâng cao hiệu quả công tác chuyên môn. |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt3 | Ch6: Ch8: Có thái độ, tinh thần tự học tự nghiên cứu, phương pháp học tập khoa học; hình thành kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình học tập và hành nghề kế toán trong thời kỳ hội nhập. | CĐR 12 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | **Kĩ năng** | | **Mức độ TC và TN** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Kiến thức** | **Cứng** | **Mềm** |
| **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch 3** | **Ch 4** | **Ch 5** | **Ch 6** |
| **Chương 1**  **Chuẩn mực quốc tế về kế toán** | 1.1. Loại hình kế toán và  những khái niệm nguyên tắc quốc tế về kế toán | 2 |  |  | 2 |  | 2 | Thuyết trình |
| 1.2.Hệ thốngIASs | 1 |  |  | 2 |  | 2 |
| **Chương 2**  **Kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và tài sản cố định trong doanh nghiệp** | 2.1. Kế toán nguyên vật liệu; công cụ, dụng cụ |  | 2 |  | 2 |  | 2 | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm, mô phỏng, NC tình huống |
| 2.2. Kế toán tài sản cố định |  | 2 |  | 2 |  | 2 |
| **Chương 3**  **Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương** | 3.1.Đặc điểm lao động tiền lương, yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán |  | 1 |  |  | 2 | 2 | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm, mô phỏng, giải quyết vấn đề, NC tình huống |
| 3.2. Tổ chức kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương |  | 2 |  | 2 |  | 3 |
| **Chương 4**  **Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm** | 4.1. Nhiệm vụ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm |  | 1 |  |  | 2 | 3 | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm, mô phỏng, giải quyết vấn đề, NC tình huống |
| 4.2. Phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm |  | 2 |  | 2 |  | 2 |
| 4.3. Phương pháp kế toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm |  | 2 |  | 2 |  | 2 |
| 4.4. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố |  | 2 |  | 2 |  | 2 |
| **Chương 5**  **Kế toán bán hàng, xác định kết quả và phân phối kết quả kinh doanh** | 5.1. Nhiệm vụ kế toán |  | 1 |  |  | 2 | 3 | Thuyết trình |
| 5.2. Kế toán thành phẩm hàng hóa |  | 2 |  | 2 |  | 2 | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm, mô phỏng, giải quyết vấn đề, NC tình huống |
| 5.3. Kế toán nghiệp vụ bán hàng |  | 2 |  | 2 |  | 2 |
| 5.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác |  | 2 |  | 2 |  | 2 |
| 5.5. Kế toán chi phí tài chính và chi phí khác |  | 2 |  | 2 |  | 2 |
| 5.6. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí QLDN |  | 2 |  | 2 |  | 2 |
| 5.7. Kế toán xác định và phân phối kết quả kinh doanh |  | 2 |  | 2 |  | 2 |
| **Chương 6**  **Báo cáo tài chính** | 6.1. Ý nghĩa và yêu cầu của báo cáo tài chính |  |  | 1 |  |  | 3 | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm, mô phỏng, giải quyết vấn đề, NC tình huống |
| 6.2. Hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp |  |  | 2 | 2 |  | 3 |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần tập trung nghiên cứu những nội dung khái quát các chuẩn mực quốc tế về kế toán quốc tế; cung cấp kiến thức liên quan đến các phần hành kế toán cơ bản và báo cáo tài chính trong sự tương quan với hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu**  **đối với**  **sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Chương 1**  **Chuẩn mực quốc tế về kế toán** | **9** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Loại hình kế toán và  những khái niệm nguyên tắc quốc tế về kế toán  1.2. Hệ thống IASs | 2 | - Đọc học liệu số 1 – Chương 1.  - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 1 | 1 | Nắm vững kiến thức lý thuyết chương 1 để giải quyết các câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng.  - Đọc thêm chương 2 học liệu [1].  - Vận dụng lý thuyết trả lời câu hỏi và bài tập. | 6 | Đọc tài liệu, tự nghiên cứu phục vụ làm bài tập sau khi nghe giảng, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 2**  **Kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và tài sản cố định trong doanh nghiệp** | **21** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Kế toán nguyên vật liệu; công cụ, dụng cụ  2.2. Kế toán tài sản cố định | 4 | - Đọc học liệu số 1 – Chương 3 và chương 4;  - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 2 | 3 | - Nắm vững kiến thức lý thuyết chương 2 để giải quyết các câu hỏi và bài tập.  - Làm bài kiểm tra. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng.  - Vận dụng lý thuyết trả lời câu hỏi và bài tập. | 14 | Đọc tài liệu, tự nghiên cứu phục vụ làm bài tập sau khi nghe giảng, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 3**  **Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương** | **20** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1.Đặc điểm lao động tiền lương, yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán3.2. Tổ chức kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương | 2 | - Đọc học liệu số 1 – Chương 5  - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập, kiểm tra | 1. Câu hỏi và bài tập chương 3  2. Kiểm tra giữa học phần | 3 | - Nắm vững kiến thức lý thuyết chương 3 để giải quyết các câu hỏi và bài tập.  - Làm bài kiểm tra. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng.  - Đọc thêm chương 6 học liệu [1].  - Vận dụng lý thuyết trả lời câu hỏi và bài tập.  - Ôn tập tín chỉ 1 để kiểm tra.. | 15 | Đọc tài liệu, tự nghiên cứu phục vụ làm bài tập sau khi nghe giảng, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
| **Tín chỉ 2** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 4**  **Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm** | **15** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1. Nhiệm vụ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm  4.2. Phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm  4.3. Phương pháp kế toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm  4.4. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố | 3 | - Đọc học liệu số 1 – Chương 7  - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 4 | 2 | - Nắm vững kiến thức lý thuyết chương 4 để giải quyết các câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng.  - Vận dụng lý thuyết trả lời câu hỏi và bài tập. | 10 | Đọc tài liệu, tự nghiên cứu phục vụ làm bài tập sau khi nghe giảng, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 5**  **Kế toán bán hàng, xác định kết quả và phân phối kết quả kinh doanh** | **21** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1. Nhiệm vụ kế toán  5.2. Kế toán thành phẩm hàng hóa  5.3. Kế toán nghiệp vụ bán hàng  5.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác  5.5. Kế toán chi phí tài chính và chi phí khác  5.6. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí QLDN  5.7. Kế toán xác định và phân phối kết quả kinh doanh | 3 | - Đọc học liệu số 1 – Chương 8  - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 5 | 4 | - Nắm vững kiến thức lý thuyết chương 5 để giải quyết các câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng.  - Vận dụng lý thuyết trả lời câu hỏi và bài tập. | 14 | Đọc tài liệu, tự nghiên cứu phục vụ làm bài tập sau khi nghe giảng, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 6**  **Báo cáo tài chính** | 14 |  |  |  |
| Lý thuyết | 6.1. Ý nghĩa và yêu cầu của báo cáo tài chính  6.2. Hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp | 1 | - Đọc học liệu số 1 – Chương 9  - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 6 | 2 | - Nắm vững kiến thức lý thuyết chương 6 để giải quyết các câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng.  - Vận dụng lý thuyết trả lời câu hỏi và bài tập. | 11 | Đọc tài liệu, tự nghiên cứu phục vụ làm bài tập sau khi nghe giảng, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Nguyễn Đình Đỗ và Nguyễn Vũ Việt (2014), *Giáo trình Nguyên tắc, chuẩn mực quốc tế về kế toán và kế toán tài chính doanh nghiệp,* Nxb Tài chính.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Ngô Thế Chi và Trương Thị Thủy (2010), *Giáo trình Chuẩn mựcKế toán quốc tế - nghiên cứu tổng hợp và tình huống,* Nxb Tài chính.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận** |
| 1 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 2 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 3 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 4 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 5 |  |  | 2 |  |  | 4 |
| 6 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 7 |  |  | 2 |  |  | 4 |
| 8 | 1 | 1 |  |  |  | 9 |
| 9 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 10 |  |  | 2 |  |  | 4 |
| 11 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 12 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 13 |  |  | 2 |  |  | 4 |
| 14 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 15 |  |  | 2 |  |  | 9 |
| **Tổng cộng** | **15** | **01** | **14** |  |  | **70** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của người học**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập (trọng số 10%)** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch6 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 buổi trừ 1%* | Ch6 | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thực hành, điểm tiểu luận (trọng số 30%)** | | | | | |
| 2 | Kiểm tra thường xuyên tự luận  (01 bài) | 30% | (i) Nội dung đầy đủ; (ii) Kiến thức chính xác; (iii) Trình bày khoa học. Theo đáp án, thang điểm của giảng viên. | Ch1 đến Ch6 | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần (trọng số 60%)** | | | | | |
| 3 | Thi tự luận | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1 đến Ch6 | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi***

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấu trúc đề thi** | **Thời gian làm bài** |
| - Đề thi gồm 02 câu:  + Câu 1(4.0 điểm):Cấp độ nhớ và hiểu  + Câu 2 (6.0 điểm): Cấp độ áp dụng và phân tích  Đề thi đánh giá được nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc các tín chỉ của học phần  - Cấp độ nhận thức: 40% nhớ và hiểu; 60% áp dụng và phân tích. | 60 phút |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | | | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO**  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

# Tên học phần: Kế toán ngân sách và tài chính xã

# Mã học phần: KT2.1.043.2

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 02

- Loại học phần: Tự chọn

- Điều kiện tiên quyết: KT2.1.005.3

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 15 giờ

+ Bài tập trên lớp: 14 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 1 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 70 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | ThS. Đỗ Thị Mỹ Huyền | 0975.295.459 | [dothimyhuyen@gmail.com](mailto:dothimyhuyen@gmail.com) |
| 2 | TS. Trần Thị Diên | 0987578358 | [tranthidien1979@gmail.com](mailto:tranthidien1979@gmail.com) |
| 3 | ThS. Phạm Thanh Trà | 0967654082 | [phamtra88@gmail.com](mailto:Phamtra88@gmail.com) |
| 4 | ThS. Nguyễn Thị Kim Ngân | 0988798307 | ntkngan@tqu.edu.vn |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung*: Người học có những kiến thức chuyên môn và kĩ năng nghiệp vụ chuyên ngành trong công tác kế toán tại đơn vị xã, phường, thị trấn.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt1: Có kiến thức về tổ chức công tác kế toán – tại chính trong đơn vị hành chính xã; nắm được các quy định hạch toán; nội dung, kết cấu tài khoản sử dụng; phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế trong đơn vị hành chính cấp xã.

Mt2: Hạch toán được các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến hoạt động kinh tế - tài chính của đơn vị hành chính cấp xã. Thực hiện đúng quy trình thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế - tài chính của đơn vị xã, phường, thị trấn.

Mt3: Luôn lắng nghe, có thể tranh luận và giải thích, từ đó bày tỏ quan điểm cá nhân về các nội dung của môn học, trên cơ sở đó, kết nối và điều chỉnh để phát triển quan điểm bản thân trong học tập và công việc sau khi tốt nghiệp.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.043.2 | Kế toán ngân sách và tài chính xã | **CĐR 1** | **CĐR 2** | **CĐR 3** | **CĐR 4** | **CĐR 5** | **CĐR 6** |
|  |  | **2** |  |  | **2** |
| **CĐR 7** | **CĐR 8** | **CĐR 9** | **CĐR 10** | **CĐR 11** | **CĐR 12** |
|  |  |  |  |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của học phần** | **CĐR của CTĐT** |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Khái quát được được nhiệm vụ và tổ chức công tác kế toán ngân sách xã; quy định hạch toán các khoản tiền, vật tư và tài sản cố định, các khoản thanh toán và nguồn vốn quỹ của xã. | CĐR 3 |
| Ch2: Vận dụng được quy định trong công tác kế toán thu, chi và kết dư ngân sách xã, lập báo cáo kế toán và quyết toán ngân sách xã. | CĐR 3 |
| **Kỹ năng** | | |
| Mt2 | ***Kĩ năng cứng*** |  |
| Ch3:Xác định chứng từ, tính giá, định khoản và ghi sổ kế toán toán vốn bằng tiền, vật tư và tài sản cố định; các khoản thanh toán và nguồn vốn quỹ của xã. Tập hợp các khoản thu - chi và kết dư ngân sách xã; lập được các chỉ tiêu tài chính chủ yếu trên báo cáo báo cáo kế toán và quyết toán ngân sách xã. | CĐR 6 |
| ***Kĩ năng mềm*** |  |
| Ch4: Làm việc độc lập, chủ động giải quyết vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn kế toán tại đơn vị kế toán xã, phường, thị trấn. | CĐR 6 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt3 | Ch5: Luôn lắng nghe, có thể tranh luận và giải thích, từ đó bày tỏ quan điểm cá nhân về các nội dung của môn học, trên cơ sở đó, kết nối và điều chỉnh để phát triển quan điểm bản thân trong học tập và công việc sau khi tốt nghiệp. | CĐR 6 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo.***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | **Kĩ năng** | | **Mức độ TC và TN** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Nội dung** | **Cứng** | **Mềm** |
| **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch 3** | **Ch 4** | **Ch 5** |
| Chương 1. Tổng quan về kế toán ngân sách xã | 1.1. Khái niệm, đặc điểm, yêu cầu của kế toán ngân sách và tài chính xã | 1 |  |  |  | 2 | Diễn giảng  Đàm thoại |
| 1.2. Nhiệm vụ và nội dung của kế toán ngân sách và tài chính xã | 1 |  |  |  | 2 |
| 1.3. Tổ chức kế toán ngân sách và tài chính xã | 1 |  |  |  | 2 |
| Chương 2: Kế toán tiền, vật tư và tài sản cố định | 2.1. Những nghiệp vụ kinh tế cơ bản có liên quan đến kế toán tiền, vật tư và tài sản cố định trong đơn vị kế toán xã |  | 1 |  |  | 2 | Diễn giảng  Giải quyết vấn đề |
| 2.2. Phương pháp kế toán tiền mặt, tiền gửi |  |  | 2 | 2 | 2 |
| 2.3. Phương phá kế toán vật tư |  |  | 2 | 2 | 2 |
| 2.4. Phương pháp kế toán tài sản cố định |  |  | 2 | 2 | 2 |
| 2.5. Phương pháp kế toán đầu tư xây dựng cơ bản |  |  | 2 | 2 | 2 |
| Chương 3. Kế toán thanh toán | 3.1. Những nội dung cơ bản về kế toán thanh toán |  | 1 |  |  | 2 | Diễn giảng  Giải quyết vấn đề |
| 3.2. Phương pháp kế toán các khoản phải thu |  |  | 2 | 2 | 2 |
| 3.3. Phương pháp kế toán các khoản phải trả |  |  | 2 |  | 2 |
| 3.4. Phương pháp kế toán thanh toán nội bộ |  |  |  | 2 | 2 |
| Chương 4. Kế toán thu, chi ngân sách xã và xác định kết dư ngân sách xã | 4.1. Những nội dung cơ bản về kế toán thu chi và xác định kết dư ngân sách xã |  | 1 |  |  | 2 | Diễn giảng  Giải quyết vấn đề |
| 4.2. Phương pháp kế toán thu ngân sách xã |  |  |  | 2 | 2 |
| 4.3. Phương pháp kế toán chi ngân sách xã |  |  | 2 |  | 2 |
| 4.3. Phương pháp xác định kết dư ngân sách xã |  |  |  | 2 | 2 |
| Chương 5. Kế toán hoạt động tài hcinsh xã | 5.1. Những nội dung cơ bản về kế toán hoạt động tài chính xã |  | 1 |  |  | 2 | Diễn giảng  Giải quyết vấn đề |
| 5.2. Kế toán hoạt động tài chính xã |  |  | 2 | 2 | 2 |
| 5.2. Phương pháp kế toán xác định chênh lệch thu chi hoạt động tài chính xã |  |  | 2 | 2 | 2 |
| Chương 6  Báo cáo kế toán | 6.1. Bảng cân đối tài khoản |  | 1 |  | 2 | 2 | Diễn giảng  Đàm thoại  Giải quyết vấn đề |
| 6.2. Báo cáo tổng hợp thu ngân sách xã theo nội dung kinh tế |  | 1 |  | 2 | 2 |
| 6.3. Báo cáo tổng hợp chi ngân sách xã theo nội dung kinh tế |  | 1 |  | 2 | 2 |
| 6.4. Báo cáo quyết toán thu ngân sách xã theo mục lục NSNN |  | 1 |  | 2 | 2 |
| 6.5. Báo cáo quyết toán chi ngân sách xã theo mục lục NSNN |  | 1 |  | 2 | 2 |
| 6.6. Báo cáo tổng hợp quyết toán thu ngan sách xã theo nội dung kinh tế |  | 1 |  | 2 | 2 |
| 6.7. Báo cáo tổng hợp quyết toán chi ngan sách xã theo nội dung kinh tế |  | 1 |  | 2 | 2 |
| 6.8. Thuyết minh báo cáo tài chính |  | 1 |  | 2 | 2 |
| 6.9. Báo cáo quyết toán chi đầu tư xây dựng cơ bản |  | 1 |  | 2 | 2 |
| 6.10. Báo cáo kết quả hoạt động tài chính của xã |  | 1 |  | 2 | 2 |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần nghiên cứu các nội dung cơ bản về công tác kế toán ngân sách và tài chính xã, hướng dẫn phương pháp hạch toán một số phần hành kế toán ngân sách và tài chính xã: Kế toán các khoản tiền, vật tư, tài sản cố định; Kế toán thanh toán và nguồn vốn quỹ của xã; Kế toán thu, chi và kết dư ngân sách xã; Hướng dẫn quy trình vào các sổ kế toán có liên quan và lập báo cáo kế toán và quyết toán ngân sách xã.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu đối với sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Chương 1. Tổng quan về kế toán ngân sách xã** | **14** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Khái niệm, đặc điểm, yêu cầu của kế toán ngân sách và tài chính xã  1.2. Nhiệm vụ và nội dung của kế toán ngân sách và tài chính xã  1.3. Tổ chức kế toán ngân sách và tài chính xã | 2 | - Đọc học liệu số 1, chương 1  - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết; | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập | - Giải đáp các câu hỏi chương 1 | 1 | Trả lời các câu hỏi, bài tập chương 1; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Câu hỏi chương 1.  - Đọc trước các nội dung lý thuyết chương 2. | 11 | - Hoàn thành các câu hỏi của chương. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 2: Kế toán tiền, vật tư và tài sản cố định** | **18** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Những nghiệp vụ kinh tế cơ bản có liên quan đến kế toán tiền, vật tư và tài sản cố định trong đơn vị kế toán xã  2.2. Phương pháp kế toán tiền mặt, tiền gửi  2.3. Phương phá kế toán vật tư  2.4. Phương pháp kế toán tài sản cố định  2.5. Phương pháp kế toán đầu tư xây dựng cơ bản | 3 | - Đọc học liệu số 1, chương 2  - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết; | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập | Giải đáp các câu hỏi và bài tập chương 2 | 3 | Trả lời các câu hỏi, bài tập chương 2; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Câu hỏi chương 2.  - Đọc trước các nội dung lý thuyết chương 3. | 12 | - Hoàn thành các câu hỏi chương 2.  - Nắm vững kiến thức lý thuyết cơ bản của chương 3; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 3. Kế toán thanh toán** | **18** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1. Những nội dung cơ bản về kế toán thanh toán  3.2. Phương pháp kế toán các khoản phải thu  3.3. Phương pháp kế toán các khoản phải trả  3.4. Phương pháp kế toán thanh toán nội bộ | 3 | - Đọc học liệu số 1, chương 3  - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết; | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập, kiểm tra | - Giải đáp các câu hỏi và làm bài tập chương 3.  **- Kiểm tra giữa kỳ 1 tiết** | 3 | Trả lời các câu hỏi, làm bài tập chương 3; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Câu hỏi, bài tập chương 3.  - Đọc trước các nội dung lý thuyết chương 4. | 12 | - Hoàn thành các câu hỏi, bài tập chương 3.  - Nắm vững kiến thức lý thuyết cơ bản của chương 3; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |  |
|  | **Chương 4. Kế toán thu, chi ngân sách xã và xác định kết dư ngân sách xã** | **15** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1. Những nội dung cơ bản về kế toán thu chi và xác định kết dư ngân sách xã  4.2. Phương pháp kế toán thu ngân sách xã  4.3. Phương pháp kế toán chi ngân sách xã  4.3. Phương pháp xác định kết dư ngân sách xã | 2 | - Đọc học liệu số 1, chương 4  - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết; | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập | - Giải đáp các câu hỏi và làm bài tập chương 4 | 2 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 4; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Câu hỏi, bài tập chương 4.  - Đọc trước các nội dung lý thuyết chương 5. | 11 | - Hoàn thành các câu hỏi, bài tập chương 4. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 5. Kế toán hoạt động tài chính xã** | **18** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1. Những nội dung cơ bản về kế toán hoạt động tài chính xã  5.2. Kế toán hoạt động tài chính xã  5.2. Phương pháp kế toán xác định chênh lệch thu chi hoạt động tài chính xã | 3 | - Đọc học liệu số 1, chương 5  - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết; | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập | Giải đáp các câu hỏi và làm bài tập chương 5. | 3 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 5; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Câu hỏi, bài tập chương 5.  - Đọc trước các nội dung lý thuyết chương 6. | 12 | - Hoàn thành các câu hỏi, bài tập chương 5. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 6: Báo cáo kế toán** | **16** |  |  |  |
| Lý thuyết | 6.1. Bảng cân đối tài khoản  6.2. Báo cáo tổng hợp thu ngân sách xã theo nội dung kinh tế  6.3. Báo cáo tổng hợp chi ngân sách xã theo nội dung kinh tế  6.4. Báo cáo quyết toán thu ngân sách xã theo mục lục NSNN  6.5. Báo cáo quyết toán chi ngân sách xã theo mục lục NSNN  6.6. Báo cáo tổng hợp quyết toán thu ngan sách xã theo nội dung kinh tế  6.7. Báo cáo tổng hợp quyết toán chi ngan sách xã theo nội dung kinh tế  6.8. Thuyết minh báo cáo tài chính  6.9. Báo cáo quyết toán chi đầu tư xây dựng cơ bản  6.10. Báo cáo kết quả hoạt động tài chính của xã | 2 | - Đọc học liệu số 1, chương 6  - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết; | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Bài tập | Giải đáp các câu hỏi và làm bài tập chương 6. | 2 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 6; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Theo thời khóa biểu; Lớp học |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Câu hỏi, bài tập chương 6. | 12 | Hoàn thành các câu hỏi, bài tập chương 6. | Thư viện,  Ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Giáo trình bắt buộc**

[1]  Đặng Văn Du, Ngô Thanh Hoàng (2015), *Giáo trình Kế toán ngân sách và tài chính xã,* Nxb Tài Chính, Hà Nội

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Bộ Tài chính (2019), *Hướng dẫn Chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã*, Ban hành theo Thông tư 70/2019/TT – BTC, NXB Hồng Đức.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế thực tập, tiểu luận** |
| 1 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 2 | 1 |  | 1 |  |  | 3 |
| 3 | 2 |  |  |  |  | 3 |
| 4 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 5 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 6 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 7 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 8 | 1 | 1 |  |  |  | 5 |
| 9 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 10 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 11 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 12 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 13 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 14 | 1 |  |  |  |  | 5 |
| 15 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| **Tổng cộng** | **15** | **1** | **14** |  |  | **70** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia xây dựng bài | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch5 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Tự luận | 30% | (i) Nội dung đầy đủ; (ii) Kiến thức chính xác; (iii) Trình bày khoa học. Theo đáp án, thang điểm của giảng viên. | Từ Ch1 đến Ch5 | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Tự luận | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Từ Ch1 đến Ch5 | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi***

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấu trúc đề thi** | **Thời gian làm bài** |
| Đề thi gồm 2 câu:  Câu 1 (3 điểm): cấp độ nhớ và hiểu  Câu 2 (7 điểm):cấp độ áp dụng và phân tích  Cấp độ nhận thức: 30% nhớ và hiểu ; 70% áp dụng và phân tích. | 60 phút |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | | | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO**  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

# Tên học phần: Kiểm toán báo cáo tài chính

Mã học phần: KT2.1.028.2

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 02

- Loại học phần: Tự chọn

- Yêu cầu đầu vào: Lý thuyết kiểm toán

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 15 giờ

+ Bài tập trên lớp: 14 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 1 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 70 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | TS.Phạm Duy Hưng | 096 5522368 | [pdhung@tqu.edu.vn](mailto:pdhung@tqu.edu.vn) |
| 2 | ThS. Nguyễn Thị Kim Ngân | 0988.798.307 | ngankim30788@gmail.com |
| 3 | ThS. Phạm Thanh Trà | 0967654082 | Phamtra88@gmail.com |
| 4 | TS. Trần Thị Diên | 0987578358 | tranthidien1979@gmail.com |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung*: Người học có những kiến thức và kĩ năng kiểm toán báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thực hiện kiểm toán các phần hành kế toán theo đúng trình tự và phương pháp.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt1: Người học xác định đượcmục tiêu và căn cứ kiểm toán; khảo sát hệ thống kiểm soát nội bộ; thực hiện các thử nghiệm cơ bản trong kiểm toán các phần hành kế toán.

Mt2: Thực hiện được các thủ tục phân tích và xét đoán, kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ thuộc các chu kỳ kiểm toán.

Mt3: Tôn trọng các nguyên tắc, chuẩn mực và chế độ tài chính – kế toán; Chấp hành quy trình, thủ tục, phương pháp kiểm toán báo cáo tài chính.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.028.2 | Kiểm toán báo cáo tài chính | **CĐR 1** | **CĐR 2** | **CĐR 3** | **CĐR 4** | **CĐR 5** | **CĐR 6** |
|  |  |  | **2** |  |  |
| **CĐR 7** | **CĐR 8** | **CĐR 9** | **CĐR 10** | **CĐR 11** | **CĐR 12** |
| **3** |  |  |  | **2** |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của học phần** | **CĐR của CTĐT** |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Khái quát được các nội dung về kiểm toán báo cáo tài chính; mục tiêu, căn cứ kiểm toán, các chức năng cơ bản của hệ thống kiểm soát nội bộ trong chu kỳ mua hàng và thanh toán. | CĐR 4 |
| Ch2: Áp dụng được quy trình và phương pháp trong kiểm toán chu kỳ bán hàng và thu tiền; chu kỳ hàng tồn kho và chi phí. | CĐR 4 |
| **Kỹ năng** | | |
| Mt2 | ***Kĩ năng cứng*** |  |
| Ch3: Đánh giá được ảnh hưởng của các sai phạm đến các khoản mục có liên quan trong báo cáo tài chính khi kiểm toán chu kỳ mua hàng và thành toán. | CĐR 7 |
| Ch4: Sửa chữa các sai phạm của kế toán trong kiểm toán chu kỳ bán hàng và thu tiền; chu kỳ hàng tồn kho và chi phí. | CĐR 7 |
| ***Kĩ năng mềm*** |  |
| Ch5: Làm việc độc lập, chủ động giải quyết vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn kế toán, kiểm toán. | CĐR 7 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt3 | Ch6: Chấp hành các nguyên tắc, chuẩn mực và chế độ tài chính – kế toán; Thực hiện đúng quy trình, thủ tục, phương pháp kiểm toán báo cáo tài chính. Rèn luyện đạo đức và hình thành phẩm chất của người làm kế toán, kiểm toán; Tránh các sai phạm xảy ra trong công tác kế toán. | CĐR 11 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo.***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | **Kĩ năng** | | | **Mức độ TC và TN** | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Nội dung** | **Cứng** | | **Mềm** |
| **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch 3** | **Ch 4** | **Ch 5** | **Ch 6** |
| Chương 1. Khái quát về kiểm toán báo cáo tài chính | 1.1. Khái niệm, mục tiêu kiểm toán báo cáo tài chính. | 2 |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình; Giảng giải; Đàm thoại; Thảo luận nhóm. |
| 1.2. Nội dung và nguyên tắc cơ bản kiểm toán báo cáo tài chính. | 2 |  |  |  |  | 2 |
| 1.3. Quy trình và phương pháp kiểm toán báo cáo tài chính. | 2 |  |  |  |  | 2 |
| 1.4. Chuẩn mực và hồ sơ kiểm toán báo cáo tài chính. | 2 |  |  |  |  | 2 |
| Chương 2. Kiểm toán chu kỳ mua hàng và thanh toán | 2.1. Đặc điểm, những thông tin tài chính có liên quan | 2 |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình; Giảng giải; Đàm thoại; Nêu vấn đề; Xử lý tình huống; Bài tập. |
| 2.2. Mục tiêu và căn cứ kiểm toán | 2 |  | 3 |  | 2 |  |
| 2.3. Các chức năng cơ bản và quá trình kiểm soát nội bộ | 2 |  | 3 |  | 2 |  |
| 2.4. Lập kế hoạch kiểm toán | 2 |  | 3 |  | 2 |  |
| 2.5. Thực hiện các thử nghiệm chi tiết | 2 |  | 3 |  | 2 |  |
| 2.6. Tổng hợp kết quả kiểm toán | 2 |  | 3 |  | 2 |  |
| Chương 3. Kiểm toán chu kỳ bán hàng và thu tiền | 3.1. Đặc điểm, những thông tin tài chính có liên quan |  | 2 |  |  |  | 2 | Thuyết trình; Giảng giải; Đàm thoại; Nêu vấn đề; Xử lý tình huống; Bài tập. |
| 3.2. Mục tiêu và căn cứ kiểm toán |  | 2 |  | 3 | 2 |  |
| 3.3. Các chức năng cơ bản và quá trình kiểm soát nội bộ |  | 2 |  | 3 | 2 |  |
| 3.4. Lập kế hoạch kiểm toán |  | 2 |  | 3 | 2 |  |
| 3.5. Thực hiện các thử nghiệm chi tiết |  | 2 |  | 3 | 2 |  |
| 3.6. Tổng hợp kết quả kiểm toán |  | 2 |  | 3 | 2 |  |
| Chương 4. Kiểm toán chu kỳ hàng tồn kho và chi phí | 4.1. Đặc điểm, những thông tin tài chính có liên quan |  | 2 |  |  |  | 2 | Thuyết trình; Giảng giải; Đàm thoại; Nêu vấn đề; Xử lý tình huống; Bài tập. |
| 4.2. Mục tiêu và căn cứ kiểm toán |  | 2 |  | 3 | 2 |  |
| 4.3. Các chức năng cơ bản và quá trình kiểm soát nội bộ |  | 2 |  | 3 | 2 |  |
| 4.4. Lập kế hoạch kiểm toán |  | 2 |  | 3 | 2 |  |
| 4.5. Thực hiện các thử nghiệm chi tiết |  | 2 |  | 3 | 2 |  |
| 4.6. Tổng hợp kết quả kiểm toán |  | 2 |  | 3 | 2 |  |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần nghiên cứu các nội dung về kiểm toán Báo cáo tài chính, kiểm toán các chu kỳ và các khoản mục chủ yếu trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp như: Chu kỳ bán hàng và thu tiền; Chu kỳ mua hàng và thanh toán; Chu kỳ hàng tồn kho và chi phí.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức**  **dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu đối với sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |
|  | **Chương 1**  **KHÁI QUÁT VỀ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH** | **23** |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Khái niệm, mục tiêu kiểm toán báo cáo tài chính.  1.2. Nội dung và nguyên tắc cơ bản kiểm toán báo cáo tài chính.  1.3. Quy trình và phương pháp kiểm toán báo cáo tài chính.  1.4. Chuẩn mực và hồ sơ kiểm toán báo cáo tài chính. | 4 | - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết;  - Đọc học liệu số 1, chương 1. | Theo thời khóa biểu; Trên lớp |
| Bài tập | - Giải đáp các câu hỏi và làm bài tập chương 1.  - Chuẩn bị nội dung thảo luận. | 3 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 1; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Theo thời khóa biểu; Trên lớp |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Câu hỏi, bài tập chương 1.  - Đọc trước các nội dung lý thuyết chương 2. | 16 | - Hoàn thành các câu hỏi, bài tập chương.  - Nghiên cứu kiến thức lý thuyết cơ bản của chương 2; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |
|  | **Chương 2**  **KIỂM TOÁN CHU KÌ MUA HÀNG VÀ THANH TOÁN** | **27** |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Đặc điểm, những thông tin tài chính có liên quan  2.2. Mục tiêu và căn cứ kiểm toán  2.3. Các chức năng cơ bản và quá trình kiểm soát nội bộ  2.4. Lập kế hoạch kiểm toán  2.5. Thực hiện các thử nghiệm chi tiết  2.6. Tổng hợp kết quả kiểm toán | 4 | - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết;  - Đọc học liệu số 1, chương 2. | Theo thời khóa biểu; Trên lớp |
| Bài tập | - Giải đáp các câu hỏi và làm bài tập chương 2.  - Chuẩn bị nội dung thảo luận. | 3 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 2; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Theo thời khóa biểu; Trên lớp |
| Kiểm tra | **Bài kiểm tra** | 1 | Vận dụng kiến thức đã học làm bài kiểm tra | Theo thời khóa biểu; Trên lớp |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Câu hỏi, bài tập chương 2.  - Đọc trước các nội dung lý thuyết chương 3.  - Chuẩn bị các nội dung thảo luận. | 19 | - Hoàn thành các câu hỏi, bài tập chương.  - Nghiên cứu kiến thức lý thuyết cơ bản của chương 3; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |
|  | **Chương 3**  **KIỂM TOÁN CHU KÌ BÁN HÀNG VÀ THU TIỀN** | **23** |  |  |
| Lý thuyết | 3.1. Đặc điểm, những thông tin tài chính có liên quan  3.2. Mục tiêu và căn cứ kiểm toán  3.3. Các chức năng cơ bản và quá trình kiểm soát nội bộ  3.4. Lập kế hoạch kiểm toán  3.5. Thực hiện các thử nghiệm chi tiết  3.6. Tổng hợp kết quả kiểm toán | 4 | Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết;  Đọc học liệu số 1, chương 3 | Theo thời khóa biểu; Trên lớp |
| Bài tập | - Giải đáp các câu hỏi và làm bài tập chương 3.  - Chuẩn bị nội dung thảo luận. | 3 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 3; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Theo thời khóa biểu; Trên lớp |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Câu hỏi, bài tập chương 3.  - Đọc trước các nội dung lý thuyết chương 4.  - Chuẩn bị các nội dung thảo luận | 16 | - Hoàn thành các câu hỏi, bài tập chương.  - Nghiên cứu kiến thức lý thuyết cơ bản của chương 4; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |
|  | **Chương 4**  **KIỂM TOÁN CHU KÌ HÀNG TỒN KHO VÀ CHI PHÍ** | **27** |  |  |
| Lý thuyết | 4.1. Đặc điểm, những thông tin tài chính có liên quan  4.2. Mục tiêu và căn cứ kiểm toán  4.3. Các chức năng cơ bản và quá trình kiểm soát nội bộ  4.4. Lập kế hoạch kiểm toán  4.5. Thực hiện các thử nghiệm chi tiết  4.6. Tổng hợp kết quả kiểm toán. | 4 | - Nghe giảng, nắm bắt những nội dung lý thuyết;  - Đọc học liệu 1, chương 4 (Tr 121 – 154). | Theo thời khóa biểu; Trên lớp |
| Bài tập | - Giải đáp các câu hỏi và làm bài tập chương 4.  - Chuẩn bị nội dung thảo luận. | 3 | Làm các câu hỏi, bài tập chương 4; nêu các vấn đề cần giải đáp. | Theo thời khóa biểu; Trên lớp |
| Tự học, tự nghiên cứu | Câu hỏi, bài tập chương 4. | 19 | - Hoàn thành các bài tập chương. Nêu các vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Nguyễn Trọng Cơ, Thịnh Văn Vinh (2021). *Giáo trình kiểm toán báo cáo tài chính căn bản*. NXB Tài chính, Hà Nội.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Lưu Đức Tuyên, Đậu Ngọc Châu (2010). *Giáo trình kiểm toán báo cáo tài chính*. NXB Tài chính, Hà Nội.

[3] Bộ Tài chính (2014). *Chế độ kế toán doanh nghiệp*. Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn** |
| 1 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 2 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 3 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 4 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 5 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 6 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 7 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 8 | 1 | 1 |  |  |  | 9 |
| 9 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 10 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 11 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 12 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 13 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 14 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 15 | 1 |  | 1 |  |  | 9 |
| **Tổng cộng** | **15** | **1** | **14** |  |  | **70** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch5 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%** | | | | | |
| 2 | Bài kiểm tra | 30% | - Hình thức: Tự luận  - Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc tín chỉ 1, tín chỉ 2.  - Đánh giá: Theo thang điểm, đáp án của giảng viên. | Ch1 đến Ch6 | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Thi tự luận | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1 đến Ch6 | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi***

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấu trúc đề thi** | **Thời gian làm bài** |
| Đề thi gồm 2 câu:  + Câu 1 (4 điểm): Tín chỉ 1; Tín chỉ 2: Cấp độ nhận thức: 40% nhớ và hiểu.  + Câu 2 (6 điểm): Tín chỉ 1; Tín chỉ 2; Cấp độ nhận thức: 40% áp dụng và phân tích; 20% cấp độ đánh giá và sáng tạo. | 60 phút |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO**  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Quản trị tài chính doanh nghiệp

Mã học phần: KT2.1.044.2

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 02

- Loại học phần: Học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp

-Yêu cầu đầu vào (Điều kiện tiên quyết): Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:

+ Học lý thuyết trên lớp: 15 giờ

+ Bài tập trên lớp: 14 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 01 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 70 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | ThS. Đào Thị Hồng | 0353160095 | [daohong.027@gmail.com](mailto:daohong.027@gmail.com) |
| 2 | ThS. Bùi Mạnh Dũng | 0974505606 | [dungtctq@gmail.com](mailto:dungtctq@gmail.com) |
| 3 | ThS. Vũ Lê Hoàng Tùng | 0912529925 | [vulehoangtung@gmail.com](mailto:vulehoangtung@gmail.com) |
| 4 | ThS. Trần Hương Giang | 0912346783 | [huonggiangtq90@gmail.com](file:///E:\tra\Đề%20cương%20chỉnh%20sửa%20lần%202\copy\huonggiangtq90@gmail.com) |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:* Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp và quản trị tài chính doanh nghiệp.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt1: Khái quát được các kiến thức cơ bản về tài sản cố định, khấu hao tài sản cố định, vốn, nguồn vốn và quản lý nguồn vốn cũng như các phương thức quản lý tài sản, vốn, nguồn vốn, tín dụng thương mại, các quyết định đầu tư và các công cụ phân tích đầu tư tài chính.

Mt2: Vận dụng kiến thức để tính toán được các chỉ tiêu liên quan tài sản, nguồn vốn; phân tích vòng quay vốn lưu động và các chi phí đầu tư cũng như phân tích TCDN.

Mt 3: Có tinh thần tự học, tự nghiên cứu tích cực về các hoạt động quản trị tài chính doanh nghiệp để vận dụng vào giải quyết các vấn đề trong công việc chuyên môn.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.044.2 | Quản trị tài chính doanh nghiệp | CĐR 1 | CĐR 2 | CĐR 3 | CĐR 4 | CĐR 5 | CĐR 6 |
|  |  |  |  | 2 |  |
| CĐR 7 | CĐR 8 | CĐR 9 | CĐR 10 | CĐR 11 | CĐR 12 |
| 2 |  |  |  |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của HP** | **CĐR của CTĐT** |
| **Kiến thức** | | |
| Mt1 | Ch1: Hiểu được tài sản cố định, khấu hao tài sản cố định và phân biệt tài sản, vốn | CĐR 5 |
| Ch2: Khái quát được các phương thức quản lý tài sản, vốn, nguồn vốn, tín dụng thương mại. |
| Ch3: Phân tích được các loại quyết định đầu tư thông qua các công cụ phân tích đầu tư. |
| **Kỹ năng** | | |
| Mt2 | ***Kỹ năng cứng*** | |
| Ch4: Tính toán được các chỉ tiêu liên quan tài sản, nguồn vốn của doanh nghiệp. | CĐR 7 |
| Ch5: Vận dụng được các kiến thức vào quản lý tài sản, nguồn vốn của doanh nghiệp và phân tích được chi phí đầu tư. |
| ***Kỹ năng mềm*** | |
| Ch6: Sử dụng linh hoạt các kỹ năng mềm để luận giải các vấn đề thực tiễn trong quản trị tài chính doanh nghiệp. | CĐR 7 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| Mt3 | Ch7: Có tinh thần học tập, tự nghiên cứu tích cực, phương pháp học tập khoa học để giải quyết các vấn đề có liên quan quản trị tài chính doanh nghiệp. | CĐR 7 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | **Kĩ năng** | | | **Mức độ TC và TN** | **Phương pháp**  **dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Nội dung** | **Cứng** | | **Mềm** |
| **Ch1** | **Ch2** | **Ch 3** | **Ch4** | **Ch 5** | **Ch 6** | **Ch 7** |
| **Chương 1**  **Quản lý tài sản cố định** | 1.1. Cơ cấu tài sản cố định | 1 |  |  |  |  |  |  | Thuyết trình, phát vấn, |
| 1.2. Khấu hao tài sản cố định và các khía cạnh kinh tế của quản lý khấu hao | 1 |  |  |  | 2 |  | 2 | Tổ chức học theo nhóm, giải quyết vấn đề, NC tình huống |
| 1.3. Tác động tài chính của khấu hao đối với doanh nghiệp | 2 |  |  |  |  |  | 2 |
| 1.4. Quản lý tài sản cố định về mặt hiện vật | 2 |  |  |  | 2 |  | 2 |
| **Chương 2**  **Quản lý tài sản lưu động và vốn lưu động** | 2.1. Khả năng chuyển đổi của tài sản |  | 1 |  |  |  |  |  | Thuyết trình, Giải quyết vấn đề, nghiên cứu, mô phỏng |
| 2.2. Cơ cấu và phân loại tài sản lưu động |  | 1 |  |  |  |  |  |
| 2.3. Quản lý hàng hóa vật tư tồn kho |  | 2 |  |  | 2 |  | 2 |
| 2.4. Phân tích vòng quay của vốn lưu động |  | 2 |  | 2 |  |  | 2 |
| **Chương 3**  **Quản lý vốn bằng tiền** | 3.1. Hàng tồn kho và tiền |  | 1 |  |  |  |  |  | Thuyết trình |
| 3.2. Mô hình MILLER - ORR |  | 2 |  | 2 | 2 |  |  | Mô hình hoá, Giải quyết vấn đề, NC tình huống, mô phỏng |
| 3.3. Tăng lượng tiền bằng cách đi vay |  | 2 |  | 2 |  |  |  |
| 3.4. Quản lý tiền trong các công ty lớn |  | 2 |  | 2 |  |  | 2 |
| 3.5. Quản lý việc thu tiền |  | 2 |  | 2 |  |  | 2 |
| **Chương 4**  **Quản lý tín dụng thương mại** | 4.1. Các hình thức bán hàng |  | 1 |  |  |  |  |  | Thuyết trình, Phát vấn, giải quyết vấn đề, NC tình huống |
| 4.2. Các công cụ tín dụng thương mại |  | 1 |  | 2 |  |  |  |
| 4.3. Phân tích tín dụng |  | 2 |  | 2 | 2 |  |  |
| 4.4. Chính sách thu nợ |  | 2 |  |  |  | 2 | 2 |
| **Chương 5**  **Quản lý nguồn vốn của doanh nghiệp** | 5.1. Tổng quan về nguồn vốn của doanh nghiệp |  | 1 |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình |
| 5.2. Các nguồn vốn của doanh nghiệp và phương thức khai thác |  | 2 |  |  | 2 |  |  | Mô phỏng, Tổ chức học theo nhóm, giải quyết vấn đề, NC tình huống |
| **Chương 6**  **Các quyết định và phân tích về chi phí đầu tư** | 6.1. Các quyết định đầu tư |  |  | 1 |  | 1 |  |  | Thuyết trình, NC tình huống, Mô phỏng, Tổ chức học theo nhóm, giải quyết vấn đề |
| 6.2. Quá trình duyệt dự án đầu tư |  |  | 1 |  | 2 |  |  |
| 6.3. Các công cụ phân tích dự án đầu tư |  |  | 2 |  | 2 |  |  |
| 6.4. Các phân tích sử dụng luồng tiền chiết khấu |  |  | 2 |  | 2 |  |  |
| 6.5. Các công cụ khác dùng để phân tích các kế hoạch đầu tư |  |  | 2 |  | 2 |  |  |
| 6.6. Vai trò của kế toán trong phân tích đầu tư |  |  | 1 |  |  | 2 | 2 |
| 6.7. Kiểm toán dự án đầu tư đã hoàn thành |  |  | 2 |  | 2 |  |  |
| 6.8. Đánh giá sự thực hiện của dự án: vấn đề hành vi |  |  | 2 |  | 2 |  | 2 |
| **Chương 7**  **Phân tích tài chính trong quản lý doanh nghiệp** | 7.1. Khái niệm, vai trò, mục tiêu của phân tích tài chính doanh nghiệp |  |  | 1 |  |  |  |  | Thuyết trình |
| 7.2. Cơ sở dữ liệu phục vụ phân tích tài chính doanh nghiệp |  |  | 2 |  |  |  | 2 | Mô phỏng, Tổ chức học theo nhóm, giải quyết vấn đề, NC tình huống |
| 7.3. Phương pháp phân tích |  |  |  | 2 | 2 |  | 2 |
| 7.4. Nội dung phân tích tài chính doanh nghiệp |  |  |  | 2 | 2 |  | 2 |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp, bao gồm: quản lý tài sản cố định; quản lý tài sản lưu động và vốn lưu động; quản lý vốn bằng tiền; quản lý tín dụng thương mại; quản lý nguồn vốn của doanh nghiệp; các quyết định và phân tích về chi phí đầu tư; phân tích tài chính trong quản lý doanh nghiệp.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu đối với sinh viên** | **Thời gian, địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ 1** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 1: Quản lý tài sản cố định** | **9** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1. Cơ cấu tài sản cố định  1.2. Khấu hao tài sản cố định và các khía cạnh kinh tế của quản lý khấu hao  1.3. Tác động tài chính của khấu hao đối với doanh nghiệp  1.4. Quản lý tài sản cố định về mặt hiện vật | 2 | - Học liệu số 1, chương 1;  - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và Bài tập chương 1 | 1 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 6 | - Nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo.  - Làm bài tập, chỉ ra vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 2: Quản lý tài sản lưu động và vốn lưu động** | **12** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Khả năng chuyển đổi của tài sản  2.2. Cơ cấu và phân loại tài sản lưu động  2.3. Quản lý hàng hóa vật tư tồn kho  2.4. Phân tích vòng quay của vốn lưu động | 2 | - Học liệu số 1, chương 2  - Tham khảo học liệu số 2 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và Bài tập chương 2 | 2 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 8 | - Nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo,  - Làm bài tập, chỉ ra vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 3: Quản lý vốn bằng tiền** | **12** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1. Hàng tồn kho và tiền  3.2. Mô hình MILLER - ORR  3.3. Tăng lượng tiền bằng cách đi vay.  3.4. Quản lý tiền trong các công ty lớn  3.5. Quản lý việc thu tiền | 2 | - Học liệu số 1, chương 3  - Tham khảo học liệu số 2 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 3 | 2 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 8 | - Nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo  - Làm bài tập, chỉ ra vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 4: Quản lý tín dụng thương mại** | **17** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1. Các hình thức bán hàng  4.2. Các công cụ tín dụng thương mại  4.3. Phân tích tín dụng  4.4. Chính sách thu nợ | 2 | - Học liệu số 1, chương 4;  - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập, kiểm tra | 1. Câu hỏi và bài tập chương 4  2. Kiểm tra giữa học phần | 2 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi, bài tập và kiểm tra. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập.  - Ôn tập nội dung tín chỉ 1. | 13 | - Nghiên cứu giáo trình, TLTK  - Làm bài tập, nêu vấn đề cần giải đáp.  - Nắm vững kiến thức, kỹ năng của TC1 để làm bài kiểm tra. | Thư viện,  Ở nhà |  |
| **Tín chỉ 2** | |  |  |  |  |
|  | **Chương 5: Quản lý nguồn vốn của doanh nghiệp** | **12** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1. Tổng quan về nguồn vốn của doanh nghiệp  5.2. Các nguồn vốn của doanh nghiệp và phương thức khai thác | 2 | - Học liệu số 1, chương 5;  - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 5 | 2 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 8 | - Nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo  - Làm bài tập, chỉ ra vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 6: Các quyết định và phân tích về chi phí đầu tư** | **18** |  |  |  |
| Lý thuyết | 6.1. Các quyết định đầu tư  6.2. Quá trình duyệt dự án đầu tư  6.3. Các công cụ phân tích dự án đầu tư  6.4. Các phân tích sử dụng luồng tiền chiết khấu  6.5. Các công cụ khác dùng để phân tích các kế hoạch đầu tư  6.6. Vai trò của kế toán trong phân tích đầu tư  6.7. Kiểm toán dự án đầu tư đã hoàn thành  6.8. Đánh giá sự thực hiện của dự án: vấn đề hành vi | 3 | - Học liệu số 1, chương 6;  - Tham khảo học liệu số 2. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 6 | 3 | Nắm vững lý thuyết để trả lời câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 12 | - Nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo  - Làm bài tập, chỉ ra vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 7: Phân tích tài chính trong quản lý doanh nghiệp** | **20** |  |  |  |
| Lý thuyết | 7.1. Khái niệm, vai trò, mục tiêu của phân tích tài chính doanh nghiệp  7.2. Cơ sở dữ liệu phục vụ phân tích tài chín doanh nghiệp  7.3. Phương pháp phân tích  7.4. Nội dung phân tích tài chính doanh nghiệp | 2 | - Học liệu số 1, chương 7;  - Tham khảo học liệu số 2 | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Bài tập | Câu hỏi và bài tập chương 7 | 3 | - Nắm vững kiến thức lý thuyết chương 8 để trả lời câu hỏi và bài tập. | - Theo TKB  - Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | - Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng;  - Vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 15 | - Đọc tài liệu, tự nghiên cứu và làm bài tập sau khi nghe giảng, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | Thư viện,  Ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Vũ Duy Hào (2009), *Quản trị tài chính doanh nghiệp,* NXB Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.

***9.2. Tài liệu tham khảo***

[2] Nguyễn Đình Kiệm (2012), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp*, NXB Tài chính, Hà Nội.

[3] Bùi Văn Vần, (2009), *Hệ thống câu hỏi và bài tập Tài chính doanh nghiệp*, NXB Tài chính, Hà Nội.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận** |
| 1 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 2 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 3 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 4 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 5 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 6 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 7 | 1 | 1 |  |  |  | 4 |
| 8 | 1 |  | 1 |  |  | 9 |
| 9 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 10 | 2 |  |  |  |  | 4 |
| 11 |  |  | 2 |  |  | 4 |
| 12 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 13 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 14 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 15 |  |  | 2 |  |  | 9 |
| **Tổng** | **15** | **01** | **14** |  |  | **70** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***11.1. Thang điểm đánh giá***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

***11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập (trọng số 10%)** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch7 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 buổi trừ 1%* | Ch7 | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thực hành, điểm tiểu luận (trọng số 30%)** | | | | | |
| 2 | Kiểm tra thường xuyên tự luận  (01 bài) | 30% | (i) Nội dung đầy đủ; (ii) Kiến thức chính xác; (iii) Trình bày khoa học. Theo đáp án, thang điểm của giảng viên. | Ch1 đến Ch7 | 10 |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần (trọng số 60%)** | | | | | |
| 3 | Thi tự luận | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1 đến Ch7 | 10 |

***11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi***

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấu trúc đề thi** | **Thời gian làm bài** |
| - Đề thi gồm 02 câu:  + Câu 1(4.0 điểm):Cấp độ nhớ và hiểu  + Câu 2 (6.0 điểm): Cấp độ áp dụng và phân tích  Đề thi đánh giá được nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc các tín chỉ của học phần  - Cấp độ nhận thức: 40% nhớ và hiểu; 60% áp dụng và phân tích. | 60 phút |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO  **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Kế toán thuế

Mã học phần: KT2.1.019.2

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 02

- Loại học phần: Tự chọn

- Yêu cầu đầu vào: Thuế Nhà nước

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

+ Học lý thuyết trên lớp: 15 giờ

+ Bài tập trên lớp: 14 giờ

+ Kiểm tra trên lớp: 1 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 70 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
| 1 | ThS. Đỗ Thị Mỹ Huyền | 0975295459 | [dothimyhuyen@gmail.com](mailto:dothimyhuyen@gmail.com) |
| 2 | ThS. Đinh Thị Lan | 0987.423.415 | [landtl17a.hua@gmail.com](mailto:landtl17a.hua@gmail.com) |
| 3 | TS. Vương Thị Bạch Tuyết | 0979.141.352 | [tuyetvtb@utt.edu.vn](mailto:tuyetvtb@utt.edu.vn) |
| 4 | TS. Nguyễn Thị Kim Ngân | 0988.798.307 | ngankim30788@gmail.com |

**3. Mục tiêu của học phần (Kí hiệu Mt)**

*- Mục tiêu chung:* Sau khi học xong học phần người học đạt được những kiến thức cơ bản về luật thuế, kế toán thuế trong doanh nghiệp từ đó có khả năng tổ chức thực hiện được các vấn đề về kế toán thuế trong doanh nghiệp.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Mt 1: Giải thích được các kiến thức cơ bản về phương pháp hạch toán các sắc thuế trong doanh nghiệp.

Mt 2: Khái quát được nội dung, nguyên tắc, phương pháp lập hệ thống các báo cáo kế toán thuế.

Mt 3: Thực hiện được công tác hạch toán kế toán thuế trong doanh nghiệp.

Mt 4: Rèn luyện kỹ năng tư duy logic, phân tích, lập luận; tra cứu và khai thác tài liệu liên quan; kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình.

Mt 5: Thể hiện động cơ học tập đúng đắn, có ý thức trách nhiệm, khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình học tập và hành nghề kế toán.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo mức độ sau:

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | |
| KT2.1.019.2 | Kế toán thuế | **CĐR 1** | **CĐR 2** | **CĐR 3** | **CĐR 4** | **CĐR 5** | **CĐR 6** |
|  |  |  | **3** |  | **2** |
| **CĐR 7** | **CĐR 8** | **CĐR 9** | **CĐR 10** | **CĐR 11** | **CĐR 12** |
|  |  |  |  |  | **2** |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (Kí hiệu Ch)**

| **Mục tiêu của HP** | **CĐR của HP** | **Nội dung CĐR của học phần** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Kiến thức** | | | |
| Mt1 | Ch1 | Khái quát được những vấn đề cơ bản liên quan đến các sắc thuế trong doanh nghiệp. | CĐR 4 |
| Ch2 | Giải thích được nội dung, phương pháp hạch toán các sắc thuế liên quan đến doanh nghiệp theo đúng quy định. | CĐR 4 |
| Mt2 | Ch3 | Vận dụng được nội dung, nguyên tắc, phương pháp để hạch toán được các nghiệp vụ và lập hệ thống các báo cáo kế toán thuế. | CĐR 4 |
| **Kỹ năng** | | | |
| Kỹ năng cứng | | | |
| Mt3 | Ch4 | Kiểm tra được việc thực hiện hạch toán các nghiệp vụ kinh kế toán thuế và lập được các báo cáo thuế và kê khai, quyết toán theo đúng quy định Luật quản lý thuế. | CĐR 6 |
| Kỹ năng mềm | | | |
| Mt4 | Ch5 | Rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề. | CĐR 6 |
| Ch6 | Kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu. | CĐR 6 |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | | |
| Mt5 | Ch7 | Thể hiện động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và chuyên môn kế toán thuế. | CĐR12 |
| Ch8 | Chấp hành nghiêm luật và chế độ kế toán thuế, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình học tập và hành nghề kế toán. | CĐR 12 |

**6. Ma trận kiến thức học phần với chuẩn đầu ra học phần**

***0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo***

| **Nội dung học phần** | | **Kiến thức** | | | **Kỹ năng** | | | **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | **Phương pháp dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cứng** | **Mềm** | |
| **Chương** | **Nội dung** | **Ch 1** | **Ch 2** | **Ch 3** | **Ch**  **4** | **Ch 5** | **Ch 6** | **Ch 7** | **Ch 8** |
| **Chương 1: Tổng quan về kế toán thuế trong doanh nghiệp** | 1.1.Khái niệm, bản chất, vai trò của thuế | 2 |  |  |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, làm mẫu |
| 1.2. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán thuế trong doanh nghiệp | 2 |  |  |  |  |  |  | 3 |
| 1.3. Kế toán thuế trong doanh nghiệp | 2 |  |  |  |  |  | 2 | 2 |
| **Chương 2:**  **Kế toán thuế giá trị gia tăng** | 2.1. Khái niệm, đặc điểm và quy định chung về thuế GTGT |  | 2 |  |  |  |  | 2 |  | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, làm mẫu |
| 2.2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán thuế GTGT |  |  | 2 |  |  | 3 |  |  |
| 2.3. Khai thuế và quyết toán thuế GTGT |  |  | 2 | 2 |  |  |  |  |
| **Chương 3:**  **Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp** | 3.1. Khái niệm, đặc điểm và quy định chung về thuế thu nhập doanh nghiệp |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, làm mẫu |
| 3.2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành |  | 2 |  |  |  | 2 |  | 3 |
| 3.3. Nguyên tắc và phương pháp kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |
| 3.4. Khai thuế và quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp |  |  | 2 | 2 |  |  |  |  |
| **Chương 4: Kế toán thuế thu nhập cá nhân** | 4.1. Khái niệm, đặc điểm và quy định chung về thuế thu nhập cá nhân |  | 2 |  |  |  |  |  | 3 | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, làm mẫu |
| 4.2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán thuế thu nhập cá nhân |  |  | 2 |  |  | 2 |  | 3 |
| 4.3. Khai khấu trừ thuế và quyết toán thuế thu nhập cá nhân |  |  | 2 | 2 |  |  |  |  |
| **Chương 5: Kế toán các loại thuế, phí, lệ phí khác** | 5.1. Kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt |  | 2 |  |  | 2 |  |  |  | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, làm mẫu |
| 5.2. Kế toán thuế xuất khẩu, nhập khẩu |  | 2 |  |  | 2 |  |  |  |
| 5.3. Kế toán các loại thuế, phí và lệ phí khác |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |
| 5.4. Kế toán thuế nhà thầu |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |

**7. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần tập trung nghiên cứu kiến thức cơ bản về kế toán các loại sắc thuế hiện hành: kế toán thuế giá trị gia tăng; kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp; kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt; kế toán thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; kế toán các loại thuế, phí và lệ phí khác; kế toán thuế thu nhập cá nhân; Kế toán thuế nhà thầu.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

| **Hình thức tổ chức dạy học** | **Nội dung chính** | **Số giờ** | **Yêu cầu**  **đối với**  **sinh viên** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín chỉ 1** |  |  |  |  |
|  | **Chương 1: Tổng quan về kế toán thuế trong doanh nghiệp** | **7** |  |  |  |
| Lý thuyết | 1.1.Khái niệm, bản chất, vai trò của thuế  1.2. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán thuế trong doanh nghiệp  1.3. Kế toán thuế trong doanh nghiệp | 2 | Đọc học liệu số 1: chương 1 (mục 1.1 đến mục 1.3) | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 5 | Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp | Thư viện,  Ở nhà |  |
|  | **Chương 2:**  **Kế toán thuế giá trị gia tăng** | **21** |  |  |  |
| Lý thuyết | 2.1. Khái niệm, đặc điểm và quy định chung về thuế GTGT  2.2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán thuế GTGT  2.3. Khai thuế và quyết toán thuế GTGT | 3 | Đọc học liệu số 1 | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập của Chương 2 | 3 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng các giải bài tập | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập. | 15 | Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 3:**  **Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp** | **21** |  |  |  |
| Lý thuyết | 3.1. Khái niệm, đặc điểm và quy định chung về thuế thu nhập doanh nghiệp  3.2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  3.3. Nguyên tắc và phương pháp kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại  3.4. Khai thuế và quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp | 3 | Đọc học liệu số 1: Chương 3 (3.1 và 3.4) | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập của Chương 3 | 3 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập | 15 | Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp | Thư viện,  ở nhà |  |
| Kiểm tra | **Kiểm tra giữa kì** | **1** | Làm bài kiểm tra | Lớp học |  |
|  | **Tín chỉ 2** |  |  |  |  |
|  | **Chương 4: Kế toán thuế thu nhập cá nhân** | **28** |  |  |  |
| Lý thuyết | 4.1. Khái niệm, đặc điểm và quy định chung về thuế thu nhập cá nhân  4.2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán thuế thu nhập cá nhân  4.3. Khai khấu trừ thuế và quyết toán thuế thu nhập cá nhân | 4 | Đọc học liệu số 1: Chương 4 (các mục 4.1 và 4.3) | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Bài tập | Bài tập của Chương 4 | 4 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập | 20 | Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp | Thư viện,  ở nhà |  |
|  | **Chương 5: Kế toán các loại thuế, phí, lệ phí khác** | **22** |  |  |  |
| Lý thuyết | 5.1. Kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt  5.2. Kế toán thuế xuất khẩu, nhập khẩu  5.3. Kế toán các loại thuế, phí và lệ phí khác  5.4. Kế toán thuế nhà thầu | 3 | Đọc học liệu số 1: chương 5 (các mục 5.1 đến 5.4) | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Bài tập | - Bài tập của Chương 5  - Kiểm tra 1 tiết | 4 | Nắm vững lý thuyết để vận dụng giải bài tập | Theo thời khoá biểu;  Trên lớp |  |
| Tự học, tự nghiên cứu | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng; vận dụng được các kiến thức sau bài giảng để giải các bài tập | 15 | Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp | Thư viện,  ở nhà |  |

**9. Tài liệu học tập**

**9.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] PGS.TS Đoàn Vân Anh (2016), *Giáo trình kế toán thuế trong doanh nghiệp,* NXB Thống kê.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[2] TS. Phạm Đức Cường – TS. Trần Mạnh Dũng (2016), *Thuế và Kế toán thuế Việt Nam*, NXB Tài chính.

**10. Kế hoạch giảng dạy cụ thể**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Giảng viên lên lớp (giờ)** | | | | | **Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)** |
| **Lý thuyết** | **Kiểm tra** | **Bài tập** | **Thực hành, thảo luận** | **Thực tế, thực tập, tiểu luận** |
| 1 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 2 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 3 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 4 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 5 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 6 | 1 |  | 1 |  |  | 5 |
| 7 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 8 | 1 | 1 |  |  |  | 4 |
| 9 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 10 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 11 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 12 | 1 |  | 1 |  |  | 4 |
| 13 | 2 |  |  |  |  | 5 |
| 14 |  |  | 2 |  |  | 5 |
| 15 |  |  | 2 |  |  | 4 |
| **Tổng cộng** | **15** | **1** | **14** |  |  | **70** |

**11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

11.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

11.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR**  **của HP** | **Điểm**  **tối đa** |
| **Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10%** | | | | | |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng bài | 10% | Thái độ tham dự (2%)  *Trong đó:*  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | Ch8 | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *Nếu vắng 01 tiết trừ 1%*  *Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm* | 8 |
| **Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số 30%** (Học phần 02 tín chỉ 1 điểm) | | | | | |
| 1 | Bài tập | 30% | Nội dung và chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu (8 %) | Ch1 đến Ch8 | 10 |
| Bài làm trình bày logic, khoa học (2%) |  |
| 2 | Bài kiểm tra trắc nghiệm | Theo đáp án, thang điểm của giảng viên | Ch1 đến Ch8 |  |
| **Điểm thành phần 3: Thi kết thúc học phần trọng số 60%** | | | | | |
| 3 | Thi trắc nghiệm | 60% | Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần | Ch1 đến Ch8 | 10 |

**11.3. Cấu trúc đề thi, thời gian thi**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tín chỉ** | **Cấp độ nhận thức** | | **Tổng** | **Điểm** | **Thời gian thi** |
| **Biết, hiểu (40%)** | **Vận dụng, phân tích (60%)** |
| Tín chỉ 1 | 8 | 12 | 20 | 5.0 | 60 phút |
| Tín chỉ 2 | 8 | 12 | 20 | 5.0 |
| **Tổng số câu** | **16** | **24** | **40** | **10** |

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **KHOA KINH TẾ VÀ QTKD**  **TRƯỞNG KHOA**  **Đỗ Hải Yến** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Minh Anh Tuấn** |